NGUYỆT SAN

tình thương

DO SINH VIÊN Y KHOA CHỦ TRƯƠNG

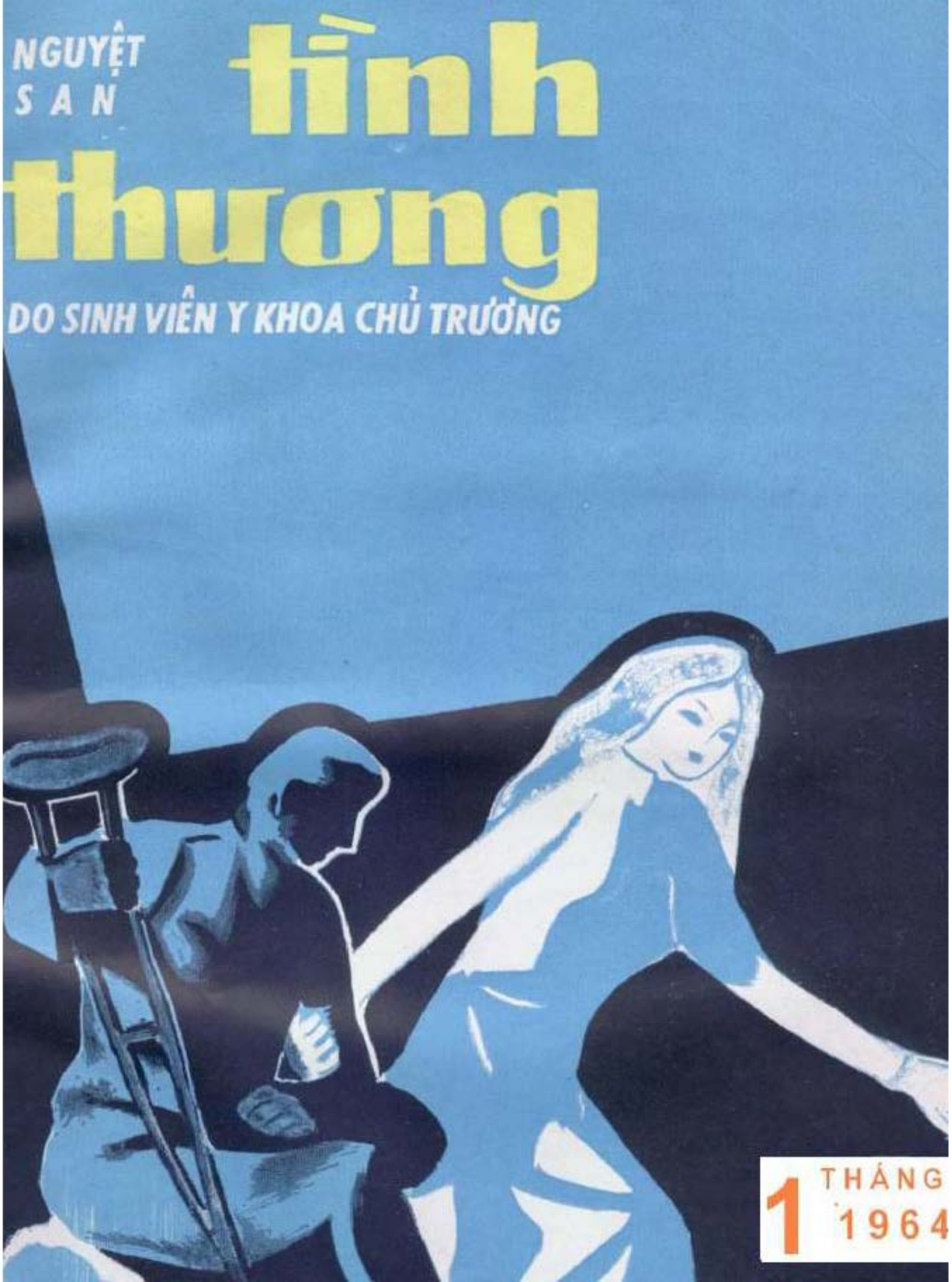

1 THÁNG 1964

NGUYỆT SAN

tình thương

ĐO SINH VIÊN Y KHOA CHỦ TRƯƠNG

TÒA SOẠN : 28 TRẦN-QUÝ-CÁP SAIGON

Chủ-Nhiệm PHẠM-ĐÌNH-VY Chủ Bút NGUYỄN-VĨNH-ĐỨC
Tổng-thư-ký TRẦN-XUÂN-DŨNG
Thư-ký : NGHIÊM-SỸ-TUẤN Quản-lý : PHẠM-NHƯ-BẠCH

BAN BIÊN TẬP : TRẦN ĐÔNG A — HOÀNG THIỆN-CĂN — TÔN-THẤT-CHIỀU — LÊ QUANG DŨNG — NGHIÊM ĐẠO ĐẠI — VŨ THIỆN ĐẠM — NGUYỄN LONG HỢP — DƯƠNG HỒNG HUY — TRẦN MỘNG LÂM — PHẠM VĂN LƯƠNG — TRẦN XUÂN NINH — HỒ TẤN PHƯỚC — LÊ SỸ QUANG — NGÔ THẾ QUÍ — HÀ NGỌC THUẦN — TRƯƠNG THÌN — TÔ VĂN THÌNH — ĐỖ HỮU TƯỚC — ĐỖ THỊ VĂN — NGÔ THẾ VINH — ĐẶNG VŨ VƯƠNG

TRONG SỐ NÀY

Dựng	TÌNH-THƯƠNG	2
Lá thư chủ-nhiệm	PHẠM-ĐÌNH-VY	4
Tình-thương	B. S. ANH-TUẤN	4
Ý-thức tinh-thần Đại-học	ĐẶNG-VŨ-VƯƠNG HÀ-NGỌC-THUẦN NGHIÊM-SỸ-TUẤN	5
Tuyên-ngôn LEYSIN		8
Y-tế và chính-trị	G.S. TRẦN-NGỌC-NINH	9
Ngọn lửa thanh-niên	B.S. PHẠM-HỮU-CHƯƠNG	11
Chiều bệnh-viện	TÔ-TAM-KIỆT	12
Sinh-viên với sắc thuế 5/7	HỒ-TRUNG-VIỆT	14
Chân thành	NGUYỄN-HÙNG	16
Khuôn-mặt	HẢI-TRANG	17
Cánh-chim	NINH-HUY	20
Cái tai	TRẦN-HÀ-NAM	21
Những lá thư gửi từ bệnh-viện	ĐÌNH VY	22
Chuyện nàng Cư-Lệ	N. N. Q.	23
Về thăm Nam-Giao mây bay	H.	23
Thức giấc	THUỲ-DƯƠNG	25
Bãi khóa	ĐỖ-NGHÊ	26
Suốt đời	HÀ-LI-HẢI	27
Bàn tay nắm lấy bàn tay	LÊ-SỸ-QUANG NGÔ-THẾ-QUÝ	29
Thơ 28 sao	YỀN-THỬ TRẦN-XUÂN-DŨNG	30
Lịch-sử Y-học	KENNETH WALKER	31
Sinh-hoạt Y-khoa	DƯƠNG-HỒNG-HUY	33
Tình hoa	YÊN-THẢO	37
Nẻo vào tình yêu	PHẠM	41
Việc mình việc người	TRẦN-LY-NHÂN	45
NUÔI SẸO : 15 năm ấy, kỷ-niệm về Triều-Sơn	TRẦN-NGỌC	46
Băn khoăn	TRANG-CHÂU	50
Dưới mắt Thượng-đế : tờ di-chúc	HANS KILLIAN	52
Tuổi thơ	QUYÊN	56
Sinh-viên và Đại-học	TRẦN-LY-NHÂN	61

1

THÁNG 1-1964

DỰNG

Người bệnh thiếp đi trong giấc ngủ nhân-tạo; cánh cửa phòng giải-phẫu khép chặt : « Xin mời ông ra ngoài đợi ». Bao nhiêu lo-lắng ngưng đọng lại; đây là giờ phút của « những người áo trắng » đã được người bệnh tin-cẩn giao phó tính mệnh trong tay. Một giờ trôi qua... rồi hai giờ, ba giờ... Bên trong cánh cửa gỗ sơn trắng những chuyện gì đã xảy ra trong thời-gian ấy?

Hoạt động của người y-sĩ, với những bí mật bao trong một không-khí mơ-hồ, vẫn là một trong những điều đáng nói đến nhất, bởi người ta vẫn chú-ý và tò-mò theo dõi. Người ta đã lấy cuộc đời y-sĩ — mà quãng đời sinh-viên ngắn-ngủi là chặng khởi đầu – để dựng nên những cuốn tiểu-thuyết vĩ-đại : Arrowsmith của Sinclair Lewis; Bác-sĩ Zhivago của Pasternak và hầu hết những tác-phẩm của Cronin. Cho nên nếu có những người sinh-viên trình-bày nếp sống cùng cảm-nghĩ của họ, thổ-lộ những suy-tư, mong-ước của họ, thì đấy chẳng qua chỉ là một việc thông-thường đã có và tất-nhiên phải có.

Thế mà đã từ lâu, người sinh-viên im hơi lặng tiếng, vùi đầu vào sách vở, thả mình vào những thú vui sẵn có trong giờ nhàn-rỗi. Hơn một vị giáo-sư ngoại-quốc tới giảng-dậy ở trường Đại-học của chúng ta đã từng nhận-xét là những sinh viên đại-học ở đây không làm gì khác hơn là kéo dài những năm trung-học của họ.

Thật ra, trong thâm-tâm, người sinh-viên vẫn ý-thức được nhiệm-vụ của mình. Tuy nhiên họ không thể, không dám và cũng không muốn làm tròn nhiệm-vụ ấy : trong một thời-gian khá lâu, những người của chế-độ cũ đã hướng tư-tưởng của sinh-viên theo một chiều cố-định. Nhà cầm-quyền hồi đó không muốn thấy bất-cứ một ai đặt lại vấn-đề, trên mọi bình diện, ở mọi quan-điểm. Người sinh-viên đã phải sống trong nghi-kỵ và sợ-hãi; mà đã nghi-kỵ thì làm gì còn thảo-luận, đã sợ hãi thì làm gì còn ý-kiến! Không có đến cả sự phát-huy tài-năng nữa, bởi một khi tài-năng vừa hé lộ, họ đã bị lôi cuốn để phục-vụ cho một chế-độ mà họ không muốn hợp-tác.

Cuộc Cách-mạng vừa qua đã chấm dứt thời-kỳ đen tối đó. Người sinh-viên đứng lên, trút bỏ mọi kìm-hãm : và thêm một lần nữa trong lịch sử, họ đã ý-thức và thi-hành trọn vẹn nhiệm-vụ của họ.

Trong niềm vui chung của mọi người, với những lo-âu mới, những mối quan-tâm mới, của một thời-đại lịch-sử mới, hôm nay, người sinh-viên lên tiếng.

Trong phạm-vi của trường Y-khoa, ở cương-vị người sinh-viên Y-khoa, chúng tôi đã tìm thấy những nguyên - động - lực thúc-đẩy sự khai-sinh một tờ báo sinh-viên.

Lý-do thứ nhất chính là cái truyền-thống văn-nghệ của những người thầy thuốc. Từ một Claude Bernard bước hẳn sang địa - hạt triết - lý với « Introduction à l'Etude de la Médecine expérimentale » cho đến một André Soubiran dày công mô tả « Les Hommes en Blanc ; » từ một Hải-thượng Lãn-ông với « Thượng kinh ký sự » cho đến một Bác-sĩ Anh-Tuấn với « Một vài cảm nghĩ của người Thầy thuốc », cái truyền-thống ấy vẫn tồn tại trong thời-gian và không-gian : luôn luôn người y-sĩ, mặc dầu bị gò bó trong khuôn-khổ ngành chuyên-môn đã lựa chọn, vẫn nghĩ nhiều, cảm nhiều và cố gắng nói lên những cảm nghĩ đó.

Lý-do thứ hai là cái truyền - thống Y - khoa. Ở dưới mái trường này tình thầy trò và sự thông cảm giữa những người sinh-viên với nhau thật là dễ-dàng và trọn-vẹn. Họ chỉ có một lý-tưởng nhân-đạo. Họ chỉ có một đối tượng : đó là người bệnh. Cho nên luôn luôn họ được huấn-luyện theo cùng một khuôn-mẫu : và mỗi khi cùng thầy cùng bạn quây-quần học-tập bên giường người bệnh, thì từ năm thứ nhất cho đến năm thứ sáu, họ chỉ có thể là y-sĩ. Cái tinh-thần y-khoa sẵn có từ lâu, mẫu người sinh - viên y-khoa chỉ có một. Do niềm thông-cảm dễ-dàng ấy mà có đoàn-kết, có sự nhất-trí, có sự hợp-tác ..

Có thể nói đây là một thí-nghiệm, một cuộc thí-nghiệm những cố-gắng hợp-tác trong chân-thành và thiện-ý, bởi vì trải qua bao nhiêu biến-cố hoài-nghi và dè-dặt đã gấp nếp trong tâm hồn sinh-viên Việt-Nam. Lửa tranh đấu đã bùng lên ! Chúng ta không thể để nó tàn dần cùng với những phấn-khởi ban đầu, để rồi chỉ còn hiu-hắt với thời-gian. Ngọn lửa thiêng phải được mãi mãi duy-trì trong lòng người sinh-viên bằng ngọn gió của giao-cảm, của chân-thành hợp-tác.

Vậy thì, hôm nay, « Tình Thương » ra đời. Nó không phải là hậu-quả của Cách-mạng mà chính là kết quả, là một trong những thành - quả mà chắc chắn người ta từng trông đợi ở Cách-mạng. Nó là sự liên-tục của một truyền - thống, sự thể - hiện của một ý-thức hành-động. Nó là nụ cười đầu tiên của đứa hài nhi vừa đầy ba tháng, nằm trong lòng mẹ, biết rằng mẹ là mẹ của mình và mình là con của mẹ.

Ngọn lửa đầu tiên đã thành hình, nhỏ bé và lung linh. Ước nguyện thiết-tha của chúng tôi là lửa sẽ không tàn mà càng ngày càng lớn mạnh, vì tất cả mọi người sẽ đem lại sinh-lực cho nó.

TÌNH THƯƠNG

Lá thư Chủ Nhiệm

Bạn mến ;

Giờ phút này, « Tình-thương » đã nằm trọn trong lòng tay ấm-áp của Bạn — Đối với chúng tôi, quả thật là niềm hân-hoan vô-tận. Một tháng trước đây, khi « Tình-thương » đang còn ở trong vòng dự-định, không một ai trong bọn chúng tôi lại có thể tin rằng « Tình-thương » sẽ được đến tay Bạn như ngày hôm nay ; bởi lẽ chúng tôi đã khởi hành với « Tình-thương » trong khi không có một phương-tiện nào cả, ngoại trừ thiện-chí và cố-gắng — Hơn thế nữa, chúng tôi lại là những kẻ không có lấy chút kinh-nghiệm về nghề làm báo, thành thử với bấy nhiêu căn-bệnh của những người sinh ra nó, « Tình-thương » sẽ không trọn vẹn về hình thức cũng như nội-dung như mong-muốn.

Điều đó chúng tôi đã nhiều lần đề-cập trước khi cùng nhau làm nên « Tình-thương ». Chúng tôi đã không nỡ lòng vì nghĩ rằng các Bạn sẽ không quá nghiêm-khắc đối với những con người thiện chí, chỉ muốn đem đến cho các Bạn một món ăn tinh-thần tuy mộc-mạc, đơn-sơ nhưng hồn-thuần.

Chúng tôi không mong gì hơn là các Bạn sẽ nhìn « Tình-thương » với ánh mắt của một người mẹ đang âu-yếm nhìn đứa con đầu lòng trong những bước đi đầu tiên của đời nó. Sự dìu dắt và chỉ bảo của Bạn sẽ làm cho « Tình-thương » lớn mạnh dần. Chính thế Bạn đã tô điểm cho đứa con tinh-thần của Sinh-viên chúng mình.

Với những cảm-nghĩ chân thành đó, thay mặt ban biên tập « Tình-thương », tôi xin đa-tạ các Bạn về cảm tình đặc biệt của Bạn dành cho « Tình-thương » và những liệt quí-vị đã tận tình giúp đỡ « Tình-thương » về vật-chất cũng như tinh thần.

Để bù đáp lại, chúng tôi nguyện sẽ cố gắng không ngừng, và « Tình-thương » sẽ sống mãi với các Bạn.

PHẠM-ĐÌNH-VY

TÌNH THƯƠNG

Bác-sỹ ANH-TUẤN

Hôm qua mấy em sinh-viên Y-Khoa đến khoe với tôi vừa được phép ra một tờ báo hàng tháng, và có nhờ tôi « thỉnh thoảng viết cho một bài ». Trông các em, tôi không khỏi cảm động..., và chúng tôi nói chuyện trong một thời gian tuy ngắn ngủi nhưng rất vui. Thật ra, các bạn bé nhỏ của tôi nói ít và tôi nói rất nhiều, và các bạn chỉ tủm tỉm cười nghe tôi. Làm sao mà không nói nhiều khi mà tôi được nói chuyện với các bạn sinh-viên, khi mà trong óc tôi vẫn luyến tiếc cái thời kỳ đẹp nhất của đời mình, thời kỳ mình hết bé nhỏ mà vẫn chưa trưởng thành, thời kỳ mà mộng mị vẫn còn nhiều nhưng đời đã bắt đầu bắt tâm hồn ta phải suy nghĩ mưu toan cuộc sống, thời kỳ đầy hăng hái và cũng đầy mềm yếu, thời kỳ mà mỗi ngày đã có bao nhiêu nét mặt, ý nghĩ và đôi khi đêm buồn và lạnh lại thêm vài giọt nước mắt nhớ nhung... Sinh-viên ! Hai chữ dễ thương và truyền cảm. Hai chữ học sinh nghe nó ngoan ngoãn hiền lành bao nhiêu thì hai chữ sinh-viên nghe nó phóng túng, hóm hỉnh bấy nhiêu. Và khi mà đã thành tài, đã trở nên những người đạo mạo và có địa vị, đã có vợ đẹp con khôn và một căn nhà xinh xắn..., thôi thế là hết hỏm hỉnh, hết phây phây, hết mơ mộng và nhiều khi hết cả chí khí nam nhi... Vì những lẽ đó nên khi nói đến sinh-viên lòng tôi không khỏi xao xuyến cảm động... và được ngồi nói chuyện với các bạn đồng nghiệp tương lai của tôi hôm nay, tôi tưởng mình đang là một sinh-viên, một sinh-viên đã đếm đủ 50 cái xuân xanh nhưng cứ muốn làm « ra đều ta » còn trẻ mãi...

* * *

Tôi có hỏi các bạn tên tờ báo của các bạn là gì thì các bạn trả lời tôi : «Tìm được mấy tên, đắn đo mãi, sau hết lấy chữ « tình-thương»...

Chọn chữ « tình-thương » mà đặt tên cho một tờ báo, quả thật là lạ lùng chưa hề

(Xem tiếp trang 56)

Ý THỨC TINH THẦN ĐẠI HỌC

TRƯỜNG Đại-học đầu-tiên còn thấy nói đến trong lịch-sử văn-minh nhân-loại là trường Đại-học Salerne, một trường Y-khoa, thiết-lập ở Âu-châu vào khoảng giữa thế-kỷ XII. Bấy giờ đế-quốc La-mã đã sụp đổ, nền văn-minh La-mã đi vào chỗ suy-tàn. Salerne là một thành-phố nhỏ ở bờ biển Ý-đại-lợi, gần thành Napoli, nhưng là nơi duy-nhất còn giữ được nề-nếp văn-minh cổ Hi-lạp. Nhờ vị-trí địa-dư đặc-biệt, Salerne qui-tụ nhiều sắc dân : người Ả-rập từ Tây-ban-nha tới, người Do-thái từ phương Đông qua, và cố nhiên người La-mã vẫn còn ở đó.

Trong trường Đại-học đầu-tiên này, người ta thu-nhận sinh-viên đủ các quốc-tịch, không phân-biệt nam nữ. Các giáo-sư cũng thuộc bốn nguồn-gốc khác nhau : La-mã, Do-thái, Hi-lạp và Ả-rập. Danh-từ « université » có lẽ do đó được đặt ra. Kế tiếp có một phong-trào đại-học từ Montpellier ở Pháp, qua Oxford ở Anh, lên tới Uppsala ở Thụy-điển, tạo thành những trung-tâm văn-hóa Âu-châu xưa nhất còn tồn-tại đến bây giờ.

Nhưng không phải mãi đến thế-kỷ XII, ý-niệm Đại-học mới thành hình. Ở Trung-hoa, sáu trăm năm trước công-nguyên, trong sách Lễ-ký, Khổng-tử đã viết chương Đại-học, bày tỏ chủ-đích sự học của con người. Chủ-đích ấy gồm ba cương-lĩnh : làm sáng đức sáng, canh tân con người, tiến tới chí-thiện (Đại-học chi đạo, tại minh minh đức, tại tân dân, tại chỉ ư chí thiện). Để thật-hiện đạo Đại-học ấy, người đi học phải thi-hành tám việc : cách vật, trí tri, thành ý, chính tâm, tu thân, tề gia, trị quốc, và bình thiên-hạ, trong đó lấy tu thân làm gốc.

Dần dần với sự suy sụp của chế-độ phong-kiến, người ta đặt ra thi cử để tuyển lựa nhân-tài. Vì nhu cầu « kỹ-thuật », các lớp được chia ra làm tiểu-tập, đại-tập. Tiểu-tập học từ-ngữ, ứng-đối ; đại-tập học thơ, phú, văn sách... Việc huấn-luyện người đại-học trở nên phù-phiếm, chỉ vụ từ-chương, xa dần tôn-chỉ của đạo Đại-học lúc sơ-thủy.

Trong khi đó, ở Tây-phương, với những bước tiến dài của khoa-học, nhiều ngành học mới xuất-hiện. Kiến-thức nhân-loại ngày một nhiều, mẫu người đa-hiệu kiểu Aristote hay Bacon, hiếm lần lần. Giáo-dục, vì lẽ ấy, được chia ra ba cấp, hay đúng hơn, ba giai-đoạn liên-tiếp. Theo quan-niệm này thì, sau những năm tiểu và trung-học để có một vốn căn-bản về kiến-thức tổng-quát, đại-học là chặng cuối cùng, ở đó người đi học đã lớn thâu-thập một hành-lý kiến-thức chuyên-môn đủ để mai sau gánh vác một nhiệm-vụ trong xã-hội. Vai trò chuyên-môn ngày một quan-trọng, lấn át các tính-chất nhân-bản và phổ-quát của Đại-học xưa. Con người đi tới chỗ chia học-vấn và kiến-thức ra nhiều « buồng » (compartimentage) trong khi cứ tưởng rằng mình đang tự chuyên-môn-hóa.

Sự cắt vụn kiến-thức đã làm cho Đại-học giảm giá-trị và bớt hiệu-lực, dù rằng đối-tượng và mục-đích của các đại-học, tuy sinh-hoạt dưới nhiều bảng-hiệu khác nhau với nhiều kỹ-thuật khác nhau, bao giờ cũng là một : Chân-lý để Phụng-sự.

Nho-gia ở Trung-hoa cổ thực ra là những người chuyên về thật-tế nhiều hơn về lý-tưởng. Đại-học, sau khi đã minh định chủ-đích, khởi đầu bằng sự thấu suốt tới chỗ uyên-thâm của sự vật, nhiên hậu hiểu biết tận cùng về các lẽ trời, đất và người. Nhà nho là

người học giỏi, trên thông thiên-văn, dưới đạt địa-lý, giữa hiểu nhân-sự, đợi đem tài-trí ra giúp đời, ích quốc lợi dân, chứ không vụ lấy sự vui thú trong tư-tưởng. Học-thuyết của nho-gia chủ ở nhân-sự, nên người tài tuấn mà không ra giúp đời, kẻ sĩ cho là vô nghĩa.

Tây-phương xưa cũng thế, chủ-trương một hiểu-biết toàn-diện. Những nhà hiền triết cổ Tây phương toàn là những nhà bác học đa-hiệu. Aristote là một thí dụ điển hình ; tác phẩm của ông, có thể coi như một bộ bách khoa, gồm hàng trăm cuốn, viết về đủ loại : luân lý, khoa học, thẩm mỹ, triết học... Thành ra, Đại học, với mục đính tìm kiếm để phụng sự, đã là nơi qui tụ biết bao tư tưởng, khuynh hướng, học thuyết và cống hiến cho nhân loại bao nhiêu phát minh. Bacon, một triết gia đa-hiệu khác, đã cho rằng không công việc nào phụng sự nhân loại một cách huy hoàng hơn là phát minh khoa học và phát triển mỹ thuật, làm cho đời sống tươi đẹp hơn. Hơn hai nghìn năm sau ông già nước Lỗ, cái tính cách thuần nhất đối tượng của Đại học vẫn bất dịch. Ngày nay, người ta còn thấy nó rõ ràng nơi hai hàng chữ : Cách vật, Minh đức và Scientia et Virtus trên huy hiệu của đại học đường Hương cảng.

Như thế, Đại học đã mặc nhiên đảm nhận vai trò lãnh đạo, hướng dẫn con người. «Dân có thể thị khiến dân làm, dân không thể thì làm dân hiểu» vẫn là việc làm muôn đời của Đại học ở mọi nơi. Vai trò ấy được thể hiện bằng sự bảo vệ con người và những giá trị nhân bản vĩnh cửu, qua các thời đại và các biến cố lịch sử, bằng sự phát huy và quảng bá tư tưởng học thuật trong quần chúng.

Những chiến đấu chống đàn áp, bảo vệ giá trị con người gần đây nhất của Đại học đã diễn ra ở Hung, Angola, Việt nam tự do. Kết quả tinh thần của những chiến đấu ấy đã được thể hiện bằng một bản Tuyên ngôn do người đại học của 32 quốc gia trên thế giới, họp lại soạn thảo và biểu quyết ở Leysin, Thụy sĩ. Tuyên ngôn này đề cập tỉ mỉ đến vai trò của người đại học trong xã hội với ý niệm một Đại-học tự-do, một xã-hội tự-do và một Hòa-bình thế-giới.

Song song với nhiệm vụ bảo vệ vừa nói, nhiệm vụ «làm dân hiểu» của Đại học rất là quan trọng. Công cuộc duy tân Nhật bản là thành quả rực rỡ của sự ý thức được nhiệm vụ này trong con người đại học Phù tang trong thế kỷ trước. Người đại học phải như Chú Lái Khờ giầu có xưa kia, lòng say yêu dấu, không những đã phân phát hết cả vàng lụa, mà còn rút đến tận những kim cương sáng như sao đọng, ấp ủ bên ngực, đem cho lũ người hồng-phấn. Những phát minh lớn lao của những người đại học trong lịch sử văn minh chính là những viên kim cương tinh tuyền nhất họ hiến cho nhân loại.

Từ sự thuần nhất đối tượng và mục đích đến vai trò «sử do và sử tri», Đại học đã tự tạo cho mình một tinh thần đặc biệt. Tinh thần ấy gồm hai đặc tính : nhân bản và phổ quát (universalisme).

Đặc tính thứ nhất hiện rõ ngay khi Đại học tự đặt mục đích cho mình. Phụng sự con người, Đại học phải là một nền học vấn nhân bản, lấy con người làm gốc, và phải phát triển theo nhân tính. Khi xưa, các giá trị tinh thần được tôn trọng nhiều, tính cách nhân bản của Đại học hầu như là tất nhiên Có lẽ vì thế mà người ta dùng danh từ humanités để chỉ việc học và nghiên cứu các cổ-ngữ La Hi cùng các nền văn minh cổ.

Đặc tính nhân-bản ngăn cản Đại học làm những thí nghiệm phi nhân dưới danh-nghĩa khoa học. Người ta không thể nại sự tiến triển của Bào thai học để tạo nên những hài nhi trong ống nghiệm (bébé-éprouvette). Bảo rằng hài nhi ấy không có giá trị con người vì không thành hình một cách tự nhiên trong lòng mẹ, chỉ là ngụy biện, bởi lẽ mầm sống của hài nhi ấy gốc ở con người. Tấn thảm kịch của hơn 7000 trẻ em bất thành nhân dạng ở Đức, ở Anh do thuốc an thần Thalidomide gây ra, và hậu quả của nó, vụ án Liège, chính là vì sự không ý-thức nổi tinh-thần Đại-học của những người chế thuốc và những bị cáo. Cũng một lẽ đó, những cuộc thí-nghiệm nguyên-tử, những cuộc phóng hỏa-tiễn vu-vơ lên không-gian dưới chiêu bài khoa-học, lãng phí nhân-lực và tài-lực, đều là những VÔ ý-thức về tinh-thần nhân-bản của Đại-học.

Đặc-tính thứ hai, tính phổ quát, của Đại-học cũng có ngay từ khi Đại-học đầu tiên được thành lập trên thế giới. Khác với đặc tính nhân bản, đặc tính phổ quát không có vẻ đơn thuần trong thời gian và không gian, Sự phức tạp của các giống người, của các sắc thái văn hóa, chính trị... làm cho tính phổ quát của Đại học nhiều khi như phi lý, đi ngược lại ý niệm quốc gia dân tộc. Hay lẫn lộn với các ý niệm khái-quát, quốc-tế...

Khi hai hay nhiều quốc gia gặp nhau để bàn cãi về một vấn đề gì, thì hội nghị ấy có tính cách quốc tế. Ý-niệm quốc-gia trong trường hợp này vẫn rõ rệt và nhuốm mầu sắc chính trị. Trong một tầm rộng lớn hơn, một tổ chức thế giới, tổ chức Y tế Thế giới (OMS) chẳng hạn, không hàm ý niệm biên cương và có quyền-hạn định rõ ở khắp các quốc gia. Quốc-tế đối lập với quốc-gia trên bình-diện chính-trị, pháp lý ; thế-giới đối-lập với quốc-gia về phương-diện lãnh-thổ địa-dư.

Tính phổ quát khác hẳn các ý niệm quốc tế và thế giới. Nó là hằng tính của chân lý ở khắp nơi trên địa cầu và trong vũ trụ. Nó không bao hàm ý nghĩa biên cương, nhưng trong lãnh vực một nước, nó gần với tinh-thần dân-tộc hay dân-tộc-tính.

Phổ-quát cũng không phải là tổng-quát. Một cách tổng quát, bao trùm tất cả, người ta có thể nói, tỉ dụ : tôn giáo nào cũng dạy làm lành, tránh dữ ; thế là xét về hiệu quả. Một cách phổ-quát, người ta phải nói : tôn giáo nào cũng nhằm cứu rỗi hay giải thoát con người ; đấy là xét về khởi điểm, tất-yếu. Sự hiện diện đồng thời của nhiều tôn giáo trong một xã hội có thể có được là nhờ tính phổ quát này, nguyên tắc căn bản của tự do tín ngưỡng và khoan dung tôn giáo.

Từ bản chất phổ-quát của tinh thần Đại học, người ta có thể suy diễn ra nhiều hệ luận :

a) Về phương-diện sinh-hoạt, việc giảng huấn ở Đại học không đặt vấn đề quốc tịch hay quốc gia. Một người Pháp, Đức hay Hoa kỳ không thể giữ một chức vụ nào trong guồng máy hành chánh, nhưng có thể giảng dạy ở Đại học Việt-nam. Một Đại học không nhất thiết phải dùng tiếng mẹ đẻ làm chuyển ngữ trong tất cả mỗi ngành. Trong ngành Y khoa ở Việt nam chẳng hạn, điểm quan trọng không phải là có thể giảng Cơ thể học hay Bệnh lý học bằng tiếng Việt, nhưng là gây dựng một nền Y học của Việt nam, không phải thuốc Tây mà cũng chẳng phải thuốc Bắc. Ở đây, mọi vấn đề giới hạn quốc tịch hay quốc gia chỉ có nghĩa là bài ngoại. Hiểu như vậy, tính phổ quát của Đại học không hề trái với dân tộc tính ; hơn nữa chính nhờ đó mà nền văn hóa dân tộc có thể xây dựng được.

b) Về phương diện học vấn, Đại học chấp nhận mọi tư-tưởng, mọi học-thuyết, mọi kiến-thức ngoại lai : phản xạ có điều kiện của Pavlov, thuốc chủng ngừa lao của Calmette và Guérin, thuyết tương đối của Einstein... Cũng thế, khi Khổng-tử bàn về người quân tử, thì không phải ông chỉ nói đến quân-tử Tàu (honni soit qui en rit) ; ý niệm quân tử ấy đã phảng phất nơi người hiền của Socrate rồi.

c) Về phương diện tinh thần, Đại học nghiên cứu một cách vô tư. Ở trung học, người ta dạy địa lý các cường quốc, nhưng ở Đại học thì những Russier, Gourou, Dufeil nghiên cứu địa lý Việt-nam với cùng tinh thần đã có khi nghiên cứu địa lý nước Pháp. Một du khách kinh tởm khi thấy những người già cả ở Phi châu bị con cháu ăn thịt, trong khi một người Đại học coi đó chỉ là một vấn đề về lão chứng học (gérontologie) mà thôi.

Nhưng một tinh-thần phát huy được những cái hay ra một cách rực rỡ, là nhờ sự ý-thức được tinh thần của những người mang tinh thần ấy. Riêng về người đại-học — người phát huy tinh-thần Đại-học — phải ý-thức tinh-thần Đại-học bằng cách tạo cho mình tính tích cực, lòng hòa-đồng và tinh-thần tiền phong.

Giản-dị nhất trong sự ý thức này là tích cực học. « Học nhi thời tập » và « Bất như học dã » là những câu khắc cốt ghi tâm của người đại học. Tuy giản dị, nhưng trong việc học theo nghĩa thuần túy, người đại học phải tránh ba tật : máy-móc, thờ-ơ và tự mãn. Tất cả ba tật này đều trái với mục đích của Đại học, là Học để Phụng sự. Máy-móc thì kém hiệu lực, thờ-ơ thì không hăng hái, tự mãn chẳng thể tiến xa. Một Malraux tham gia cách mạng Tây ban nha, một Sartre lên tiếng chống đối chính phủ trong chiến cuộc Algérie, là những thí dụ của người đại học không thờ ơ, tự mãn, cũng không bất mãn phá hoại, mà luôn luôn tỏ rõ lập trường.

Người đại-học hòa-đồng với mọi người, nhưng không bè-đảng với ai, phù hợp với một bên là tinh thần nhân-bản và mục đích phụng sự, một bên là tính độc lập, tự do của Đại học.

Tiền phong là nét cuối cùng, nhưng là nét khởi sắc nhất, trong bức họa tinh thần của Đại học, làm cho Đại học thêm xứng đáng hơn. « Buồn trước cái buồn của thiên hạ, vui sau cái vui của thiên hạ » đã chẳng là câu gây cảm-hứng cho những cuộc chiến đấu chống đàn áp của Đại học đấy ư ?

Thành-lập từ hơn 800 năm, Đại-học nhờ có một tinh-thần độc-đáo đã gây được một truyền-thống vững bền. Người đại-học có thể theo Lincoln mà tóm-tắt tinh-thần Đại-học trong sáu chữ : BỞI NGƯỜI, VÌ NGƯỜI, CHO NGƯỜI. Bởi người nên có phổ-quát, vì người nên có nhân-bản, cho người nên có hiệu-lực. Thiếu một trong ba yếu-tố, một nền Đại-học, dù hay đến đâu, về bất-cứ phương-diện nào, cũng không thể là một Đại-học thực sự đúng nghĩa.

ĐẶNG VŨ VƯƠNG
HÀ NGỌC THUẦN
NGHIÊM SỸ TUẤN

tuyên ngôn
LEYSIN

L.T.S. Vào hạ-tuần tháng 8 năm 1963, trong khi ở Việt-Nam tự-do, sinh-viên nổi dậy chống đàn-áp tự-do tín-ngưỡng của một chế-độ độc-tài, thì ở trời Âu, các tổ-chức sinh-viên của 35 quốc-gia trên thế-giới, họp tại Leysin, Thụy-sĩ, cùng nhau thảo-luận về đề-tài « phong-trào sinh-viên quốc-tế trong quá-khứ, hiện-tại về tương-lai ».

Trong những diễn-văn của các sinh-viên từ Phi, Á, Âu, Nam Mỹ, và trong những cuộc thảo-luận của mọi người tham-dự hội thảo, những chủ-đích và sự phát-triển của Tổ-chức Hội-nghị Sinh-viên Quốc-tế từ khi thành-lập vào năm 1950 đã được đề-cập tới. Một dự-định đã được đề-nghị qua sự phân-tích kỹ-lưỡng những vấn-đề hiện nay và sự khả-hữu của một hợp-tác giữa sinh-viên trên toàn thế-giới trong tương-lai.

Kết-quả, toàn thể Hội-thảo đã đồng-thanh chấp-thuận bản Tuyên-ngôn Leysin, ghi lại sự tán-đồng ý-kiến của những người tham-dự về những điểm sau đây :

1.— Mục-đích của Phong-trào Sinh-viên Thế-giới.
2.— Cuộc chiến-đấu chống áp-bức
3.— Quyền-hạn và trách-nhiệm của các Tổng-hội Sinh-viên Quốc-gia.
4.— Nhiệm-vụ và cơ-cấu tổ-chức của Hội-nghị Sinh-viên Q.T.

Để xiển-dương Tinh-thần Đại-học và để các bạn sinh-viên nhận-định rõ hơn về quyền-hạn và bổn-phận mình trong giai-đoạn hiện-tại, chúng tôi dịch nguyên-văn dưới đây bản Tuyên-ngôn Leysin.

Họp tại Hội-thảo Sinh-viên Quốc-tế thứ 14 ở Leysin, Thụy-sĩ, từ 28-8 đến 2-9 năm 1963, chúng tôi, những tổ-chức Sinh viên ký tên dưới đây, long-trọng cam kết đem hết năng-lực và tinh-thần phụng-sự công-cuộc khẩn-cấp là thực-hiện những nguyện-vọng của nhân-loại đề ra trong Bản Tuyên-ngôn Quốc-tế Nhân quyền.

— Chúng tôi tin-tưởng rằng sự nhìn nhận phẩm giá cố-hữu và những quyền đồng đều bất khả xâm-phạm của mọi phần tử trong gia đình nhân-loại là nền-tảng của tự-do, công-lý và hòa-bình trên thế-giới.

— Chúng tôi tin-tưởng rằng tất cả các quốc-gia, dù lớn dù nhỏ, đều có quyền bằng nhau trong việc hướng-dẫn định-mạng con người.

— Chúng tôi tin-tưởng rằng tất cả các quốc-gia đều có trách-nhiệm như nhau để thăng-tiến những tiến-bộ xã-hội và những tiêu-chuẩn sinh-hoạt tốt đẹp hơn, để cùng nhau làm việc cho những nguyện-vọng cao nhất của quần chúng là : một thế-giới trong đó con người sẽ hưởng tự-do ngôn-luận, tự-do tín-ngưỡng, trút bỏ được mọi sợ-hãi, thiếu thốn.

— Chúng tôi tin-tưởng vào một nền pháp-trị che-chở con người, chống lại bất-công, và bảo-đảm — một cách bòa bình, qua sự thi-hành vô-tư của công-lý — việc cáo chung của chế-độ chuyên-chế, và việc khai sáng một cộng-đồng thế-giới, trong đó, mặc dầu còn nhiều khác-biệt về chủng-tộc, về ý-thức hệ, về tôn giáo, con người vẫn có thể đoàn-kết trong hòa-bình, trong trong tình huynh đệ và tinh-thần dân-chủ.

(Xem tiếp trang 35)

G. S. TRẦN-NGỌC-NINH

Y TẾ và CHÍNH TRỊ

Trong thời-kỳ đang thành-lập Chính-phủ lâm thời, một chính-trị gia, — dĩ nhiên là một chính-trị gia Việt-nam, và hơn nữa lại là một bác-sĩ, đã tuyên-bố trên tất cả các báo là Hội-đồng Quân-nhân Cách-mạng đã mời ông làm Tổng-trưởng Bộ Y-tế, nhưng vì ông làm chính-trị nên ông đã từ chối không nhận giữ Bộ Y-tế.

Khi đó, có nhiều người nói : Thực đáng thương và đáng buồn thay cho Y-tế.

Chúng tôi cúi đầu mà than rằng : Thực đáng thương và đáng buồn thay cho Chính-trị Việt-nam.

∴

Trước thế chiến thứ hai, ở Hoa-kỳ, Tổng Thống F. D. Roosevelt đã cho nghiên-cứu phương-sách để toàn dân được đảm-bảo một nền y-tế tân-tiến, và năm 1944, giữa khói lửa của chiến tranh, lại nhắc lại cái « *quyền của mỗi người công-dân được săn sóc chu-đáo khi bệnh tật, và được có những điều-kiện để thực-hiện và vui hưởng sự lành mạnh.* »

Đấy là ý kiến của người chiến thắng nước Đức của Hitler và đã đem lại cho nhân-loại những niềm tin tưởng mới, trong một thời đen tối nhất của lịch-sử cận-đại.

Cũng đang trận chiến tranh thế giới ấy Chính-phủ Liên hiệp của nước Anh, dưới quyền lãnh đạo của Thủ-Tướng Churchill, người anh hùng đã cứu nước Anh khỏi sự xâm lăng của Quân-đội Đức-Quốc-Xã, đã lập một hội-đồng để nghiên-cứu kế-hoạch tổ chức nền *An ninh xã hội* cho Anh quốc. Và khi Chính phủ Atlee lên thay thế Churchill năm 1945, nhà lãnh-tụ đảng Lao động là ông Bevan đã nhận chức Tổng trưởng *Bộ Y-tế* để thực hiện nền An-ninh xã-hội tiến bộ mà tất cả Âu Châu gọi là « *một cuộc cách mệnh yên lặng* », « *một biểu-tượng của nước Anh mới* ».

Tất cả những người ấy, Churchill, Beveridge (người cầm đầu Hội-đồng Nghiên-cứu nói trên) và Aneurin Bevan, không những đều là những chính-trị-gia lỗi-lạc, được sự biết ơn của toàn thể nhân-dân nước Anh, mà còn là những bó đuốc soi sáng cho cả nhân loại. Sau cuộc cải cách vĩ-đại này, nhiều nước ở Âu Châu, (Pháp, Hòa-Lan, v.v...) Á-Châu (Ấn-độ, Nhật-bản) và Úc Châu (Tân Tây-Lan, Úc Đại Lợi), đã phỏng theo mà lập thành những cơ cấu An ninh Xã hội hợp với tình trạng của mỗi nước. Và bản Tuyên ngôn Nhân quyền của Liên Hiệp Quốc chấp thuận năm 1948, trong điều 25, cũng định rõ cái quyền của mỗi người được đảm bảo về sức khỏe trong mọi trường hợp, theo tinh thần của một Quốc-gia có An-ninh Xã-hội.

Gần chúng ta hơn, năm 1961, Tổng-thống Kennedy đã đưa ra trước Quốc-hội Hoa-Kỳ một dự luật về Y tế đã làm sôi nổi dư-luận của cả thế-giới. Trong bài diễn-văn đọc ở Quốc-Hội về dịp này, Tổng-thống Kennedy

nói : « *Sự lành mạnh của nhân-dân là một điểm trọng yếu, một cái chìa khóa để mở cửa tương-lai, để tiến tới đời sống kinh tế mạnh mẽ, để tạo tinh thần và sự hiệu quả trong công việc của các công dân, để đem lại được sự thành công trong sự thực hiện những mục tiêu của chúng ta, và để tỏ cho các nước khác thấy rõ những lợi điểm của một xã hội tự do... Đây là một vấn đề lợi ích quốc gia* ».

Chúng ta chưa có ai quên Tổng-Thống Kennedy, nhà chính-trị đã thức tỉnh nước Mỹ trước những chân trời mới, vị lãnh đạo đã cương quyết tranh đấu cho tự do và bình đẳng trong nước và giữa các nước, người đã chết mà thành ra bất diệt vì những ý-tưởng đã thành ra hy vọng của một phần lớn nhân loại.

Đây là những chính-trị-gia lo cho dân, phục vụ dân, hiểu những nguyện vọng của dân và những nhu cầu của nước. Sự lành mạnh của toàn dân là một điều kiện thiết yếu trong hạnh phúc riêng của mỗi cá nhân và trong sự thịnh-vượng chung của quốc-gia. sự sống còn của dân tộc. Người làm chính-trị không thể không biết điều ấy.

●

Ở nước ta, từ trước tới nay, công việc Y-tế vẫn bị coi rẻ. Từ cái « Bộ Vệ-sinh » của chính phủ mệnh danh là độc lập đầu tiên năm 1945 cho đến cái Bộ **Ỳ-Tệ** trong những ngày tàn của chính phủ Ngô-đình, nhân dân chỉ nghe thấy những chuyện tồi bại, những việc thối nát, và một sự vô hiệu quả kinh niên khả dĩ làm nản lòng cả giống chuột bọ từ Long-Thành tới Thủ-đô. Ngồi trên ghế Bộ-trưởng : Bác sĩ có, Luật gia có, Giáo sư Y-khoa có, chỉ không có người thiện chí và thiện ý. Giấy tờ, sổ sách thì chất lên thành núi, bụi bậm bám vào đã kết thành đá, nhưng không thấy lấy một quốc sách. Thế mà trong nước thì ở đâu cũng là đau khổ, tật bệnh, tối tăm và mê muội.

Trong nước cũng có người làm chính trị và có nhiều người tư nhận là lãnh tụ chính trị. Đảng sống, đảng chết, đảng thoi thóp cũng có lối vài chục. Một vài đảng, dầu có thất bại, cũng đã làm tròn một nhiệm-vụ lịch sử, chúng ta không dám nói tới. Nhưng trong khoảng gần hai chục năm nay, người Việt-nam mang tiếng là đã trực-tiếp cai-trị người Việt-nam, ở trong miền này cũng như ở bên kia bức màn tre, thử hỏi : đời sống trung bình của người dân nước ta, chỉ có 25 năm trong thời kỳ tiền chiến, bây giờ có dài hơn được một phút nào không ? Những bệnh phong thổ toàn xứ, — sốt rét, kiết ly, thiếu máu, bèri bèri, — những bệnh đã từ thời Lý-thường-Kiệt, Trần-hưng-Đạo, giúp ta giết hại những quân xâm lăng ở phương Bắc tràn tới, bây giờ có lui được chút nào trong dân chúng Việt-nam và các dân tộc thiểu số trong nước hay không ? Số giường ở các bệnh viện có tăng lên một cách tương xứng với sự tăng dân số hay không ? Những tai nạn lao động có được đề phòng, săn sóc và đền bù chu đáo không ?

Hoặc giả, những vấn-đề này mà tôi kể ra một cách bừa bãi, hỗn độn, không phải là Chính-trị ? Chính-trị phải chăng chỉ là ngoại giao, quốc phòng, kinh-tế và tài chánh ? phải chăng là ở những Bộ có quỹ đen ? phải chăng là ở những công-việc xử-dụng uy-quyền ? Còn thằng dân có ngu, có đau, có chết thì mặc xác thằng dân ?

Nhiều lúc chúng tôi tự hỏi : Chúng ta chống Cộng, nhưng chống Cộng để làm gì nếu chúng ta không thể xây dựng được một đời sống mới, một xã-hội mới, một nền văn minh mới, một con người mới, lành mạnh và xứng đáng ? Đặt Y-tế và Giáo-dục nằm giữa lòng Chính-trị, tạo An-ninh và hạnh-phúc cho mỗi người và mỗi gia đình : đấy là trọng tâm của một nền chính-trị « của dân, do dân và vì dân ». Chống Cộng với điều kiện ấy thì sự chống Cộng sẽ là một công việc của toàn dân, một công việc có nghĩa lý và có hy vọng thành công. Bằng không thì cũng như Cố Tổng Thống Kennedy gọi một cách mỉa mai là « *chống Cộng một cách trống rỗng* »

G.S. TRẦN-NGỌC-NINH

Kính tặng hương hồn Trương-tử-Anh một thanh niên chiến sĩ quốc gia.

ngọn lửa THANH NIÊN

B. S. PHẠM-HỮU-CHƯƠNG

23 tháng 12 năm 1923

Cuộc bãi khóa học-sinh trường Bưởi bùng nổ.

Thời ấy, sau khi cao-trào Cần-vương, Đông-kinh Nghĩa-Thục, sau khi các cuộc khởi-nghĩa Bãi-Sậy, Yên-Thế, Thái-Nguyên bị tan rã thì dân-chúng Việt-Nam như sống trong vòng nô-lệ, tinh-thần quật-cường của Dân-Tộc hầu tưởng chìm lắng.

Chính-Quyền Thực-Dân và bọn tay sai đã lầm.

Những phần-tử yêu nước không nản trí vẫn ngấm ngầm hoạt-động từ Nam qua Trung ra Bắc. Những buổi vắng, trong các gian nhà gianh, người ta vẫn truyền khẩu sự-nghiệp những bậc nghĩa-sĩ đã vì nước quên mình hoặc bị giam nơi lao-thất, hoặc lưu-vong nơi hải-ngoại. Trong những buổi giảng Hán văn một vị khoa bảng thường đem một vài giai-thoại thuật cho học-sinh Trường Bưởi nghe. Mầm giống yêu nước reo rắc đúng chỗ. Những học-sinh non trẻ, song đầy hăng hái, đã hấp-thụ được tinh-thần yêu nước.

Vì thế đương thời, sự đàn áp gắt gao, mà chỉ vì ông Hiệu-Trưởng Lomberger tàn bạo mà toàn thể học-sinh Trường Bưởi đã bãi-khóa. Công việc thiếu tổ-chức, bọn trò nhỏ đã thất bại.

Những hành-động ấy đã có tiếng vang và hơn nữa một số học-sinh bị đuổi, tiếp tục tinh-thần đấu tranh mở màn cho các cuộc tranh đấu sau này. Chúng ta nhớ đến tên Vũ-Đình-Dy, Bùi-Ngọc-Ái những chiến sỹ đã từng lăn lóc vào Nam hoạt-động.

1925 Phong-Trào đề tang Phan Tây-Hồ tiên-sinh

Từ Nam qua Trung đến Bắc, Phong-Trào rầm rộ khiến Thực-Dân hoang mang lo sợ. Mật-Thám Pháp cứ đe dọa, cha mẹ mất ăn mất ngủ nhưng học-sinh và thanh-niên không chút chùn bước. Tại các cơ-quan mật-thám của Pháp danh sách những thanh-niên tình-nghi càng ngày càng dài thêm. Chính-quyền Thực-Dân mù quáng yên trí áp đảo được dễ dàng Phong-Trào Thanh-Niên,

Họ đã nhầm.

Mầm mống Cách-Mạng đã reo-rắc, ngấm ngầm đâm chồi mọc rễ, ăn sâu vào mọi từng lớp nhân-dân Việt. Nghiên-cứu lịch-sử đấu-tranh của Dân-tộc, chúng ta thấy tinh-thần toàn-dân không lúc nào ngừng, song phải nhớ là những năm 1925, 1926 đã gây được cao-trào cách-mạng với sự tổ-chức mỗi ngày thêm hoàn bị.

1926 Đòi thả nhà Trí-sỹ Phan-Bội-Châu.

Sào-Nam Tiên-Sinh bị bắt đưa về Hà-Nội đem ra Tòa Đại-Hình xét xử. Trong toàn quốc nổi lên Phong-Trào đấu tranh đòi thả nhà Cách-Mạng lão-thành. Học-sinh, sinh-viên, thanh-niên lao-động chen vai thích cánh. Còn ai nhớ đến chăng tên tuổi hai sinh-viên y-khoa : Vũ-Hiền, Phùng. Bọn mật-thám Pháp biết rõ lắm : sinh-viên Trường Thuốc là bọn cứng đầu khó trị song vì e dè nên sự đàn-áp không quá mức.

1926-1928 thời gian chìm lắng.

Thực-Dân đàn áp, thanh-niên sợ chăng ?

Không phải. Ngọn lửa Cách-Mạng âm ỷ, thanh-niên rút vào các tổ-chức bí-mật. Đây là thời gian thành lập các đảng Chính-Trị : Tân-Việt, Việt-Nam Quốc-Dân-Đảng. Những Nguyễn-Thái-Học, Hồ-văn-Mịch Phó-Đức-Chính, Nguyễn-Thế-Nghiệp... toàn là sản phẩm của thế-hệ 1925-1926 thế-hệ Thanh-niên nung đúc trong tâm can hoài bão đội đá vá trời.

1930 Việt-Nam Quốc-Dân-Đảng

Lớp Thanh-niên đã kết hợn được với từng lớp Nông-Nhân, công-nhân, thành-lập Mặt-Trận Dân-Tộc Ảnh-hưởng của học sinh, sinh-viên rất rõ rệt.

1935. Tổng-Hội Sinh-Viên : Tiếng gọi Thanh-Niên

Đầu 1935, Hội Sinh-viên Trường Y-Khoa Đại-Học được thành lập. Cuối năm 1935, Tổng-Hội Sinh-Viên ra đời tại Hà-Nội. Những người đã dự buổi ra mắt của Tổng-Hội tại rạp Chớp Bóng Olympia chắc còn nhớ những phút hồi hộp, nhất là làn sóng phấn khởi tràn ngập tâm hồn khán giả khi bản nhạc nổi lên :

(Xem tiếp trang 12)

ngọn lửa thanh niên

(Tiếp theo trang 11)

« Thanh-Niên ơi ! Đứng lên đáp lời sông núi »

Bạn Chủ-Tịch đầu tiên của Tổng-Hội chắc trẻ lại được chục tuổi khi hồi tưởng tới những phút giờ huy hoàng ấy !

1963 Học-sinh, Sinh-Viên đấu-tranh chống độc-tài

Trải bao năm tháng, nhiều người lầm tưởng Thanh-Niên nước Việt đã bị không khí trụy-lạc, sự đầu-độc của chế-độ làm lu-mờ chí-khí quật cường.

Những người độc-tài đã nhầm.

Dư-luận đã nhầm. Nhân-sĩ, chính-khách lại nhầm nữa.

Thanh-Niên 1963 nhẽ nào không noi gương được các bạn của thế-hệ 1925, 1935, 1945... Ý-trí quật-cường của Dân-Tộc đã là động-cơ nung-nấu tinh-thần đấu-tranh của Thanh-Niên. Người ta nói Thanh-Niên khả úy để tự bào chữa sự hèn nhát của mình. Khỏi tủi hổ sao được khi những vị là sư phụ đã mang danh trí-thức cam làm tay sai cho một gia-đình, một chế-độ trà đạp lên mọi quyền thiêng liêng của con người. Không đau lòng làm sao được khi trông thấy một nhóm người phạm đến quyền lợi tối cao của Dân-Tộc mà cứ làm ngơ, miễn mình được vinh thân phì gia.

Những người từng đã hoạt động lúc thiếu thời cảm thấy mình bất lực trước thời cuộc, tự thẹn bất tài không xoay chuyển lại được thời cơ. Một số đông đã chán nản không còn biết đặt hy-vọng vào ai.

Cuộc đấu-tranh của học-sinh, sinh-viên bùng nổ.

Bao người đã như trẻ lại, nhớ tới giờ phút say sưa thời Kháng-Pháp.

«Thanh-Niên đã đứng lên đáp lời Sông-Núi"

Ngọn lửa thiêng-liêng ấy phải được nuôi dưỡng.

Những Thanh-Niên 1963 như các bạn ở Thế-Hệ 1925 1926, sẽ là những chiến-sỹ Tiền-Phong trong công-cuộc Thống-Nhất Việt-Nam trong Hòa-Bình Dân-Chủ, xây-dựng một Quốc-Gia đảm bảo cho người công-dân mọi Tự-Do căn-bản, để có thể phát huy được tất cả các khả năng của con Người.

Nguyệt-San Tình-Thương " sẽ là mối giây liên lạc của Học-Sinh, Sinh-Viên, sẽ là cơ-quan để nuôi dưỡng Tinh-Thần đấu-tranh của Thế-Hệ « 1963 »

Mong lắm thay,

Hoan hỉ thay.

B.S. PHẠM-HỮU-CHƯƠNG

Tôi nghĩ đến đứa con đầu lòng của vợ chồng Trâm, đứa bé có đôi mắt to như mắt mẹ nó... Tôi còn nhớ và quên làm sao được đôi mắt đen và to của bé Thu đã đại hẳn và bộ mặt rầu-rĩ khổ đau của Trâm. Tôi nhớ, tôi chỉ đứng im bất lực, nhìn Trâm ôm bé Thu, khóc như điên dại... Tôi chỉ biết đứng im và bất lực.

Nguyễn vĩnh Đức

CHIỀU BỆNH-VIỆN

Anh có thể nghĩ đến ngôi thánh đường thanh-thoát,
Từ gác chuông vọng từng tiếng ngân nga
Đục như bầu trời mây vần
Chầm-chậm như bước chân vừa đi qua...

Trong trang-nghiêm, lời nguyện cầu tha-thiết
Lắng dần khổ đau anh chưa từng biết.
Nhưng anh vẫn ngồi im
Yên-lặng như tượng đá

Anh có thể nghĩ đến công-viên thành-phố,
Ngước nhìn trời không một đợt mây hồng,
Cạnh ghế đá, lũ trẻ chạy tung tăng...
Và chim hót như những lời trìu mến,
Và chim hót như tiếng cười lưu-luyến.
Nhưng anh vẫn ngồi im
Yên-lặng như tượng đá.

Bãi cỏ xanh rờn trong sân bệnh-viện,
Lũ cây trứng cá bóng rợp nở hoa,
Không một bóng người : im lặng hiền hòa ;
Tì tay bên cửa sổ,
Anh nghĩ gì ?

— Nghĩ đến đứa bé anh vừa ký giấy đưa vào nhà xác.

Nghĩ đến cơn ho rũ rượi, con sốt li-bì :
Một thiên thần có đôi vòng môi tím
(Mà đứa bé chưa đến tuổi biết đi !)
Những giờ phút như buổi chiều hôm nay
Sẽ còn mãi không bao giờ phai-nhạt
Trong thâm-tâm anh,



Trong ký-ức anh.
— Bởi anh nghĩ gì ?
Ồ ! Mà có nghĩa gì ánh nắng vàng trên bãi cỏ xanh !
Ồ ! Mà có nghĩa gì tiếng chim hoàng oanh,
Con chim hoàng oanh trong sân bệnh viện
Cất tiếng ca lôi anh vào mơ tưởng !

Anh cứ tưởng tiếng chim hoàng-oanh nầy là lời ca thứ nhất
Thoát từ cổ họng lần đầu tiên biết hát
Như tiếng nấc khổ đau rạo-rực...
Nắm chặt đôi bàn tay bất lực,
Anh biết rằng khoảng đời hôm nay đã diễn ra từ bao ngàn năm trước

Nhưng đối với anh, nó đến rất bất-thần — như lần thứ nhất
Khi anh không mong, không đợi.
Nó đến mà anh chưa biết nó tới,
Nó đến với anh qua đôi mắt nhắm-nghiền
Nó đến với anh qua bộ mặt dịu-hiền
Nhưng đang ngủ giấc ngủ dài bất tận !
Anh chỉ việc ký tờ giấy
Cõi đời này thiếu một người.
Cõi đời này có bao nhiêu nước mắt
Có bao nhiêu khổ đau
Có bao nhiêu tiếng nguyện cầu.
Cõi đời này có một cỗ xe tang màu trắng...
Anh chỉ việc ký tờ giấy
Mà run cả năm ngón tay...

Người y-công lại gọi anh « ra khám bệnh ngoài »
Lần này đứa bé cần phải mổ ngay...
...Anh hơi mệt ? Vì anh vừa « aide » mổ !
Nhưng anh không tì tay bên cửa sổ
Không nhìn bãi cỏ xanh rờm sân bệnh-viện
Và lũ cây trứng cá bóng rợp nở hoa.
Nhưng ánh chiều đã lặng-lẽ đi qua
Đèn thành-phố đã bắt đầu bật sáng,..
Anh biết chắc đứa bé này sẽ còn cười và sẽ chạy chơi một khi
Anh lại ký giấy trả nó về gia-đình.
Lần này, khi ký tờ giấy, năm ngón tay anh sẽ lại run run
Người y-công lại gọi anh « ra khám bệnh ngoài »
Anh nghĩ đến ngôi thánh-đường thanh thoát !
Cỏ công-viên có một lũ hoa tươi !
Hành lang bệnh-viện hun-hút, không một tiếng người...

7863

TÔ-TAM-KIỆT
(Chân-Thật)

SINH VIÊN VỚI sắc thuế 5/7

của
HỒ-TRUNG-VIỆT

Từ mấy năm nay, Sinh-viên Việt-Nam đã phải « ngậm bồ hòn làm ngọt » trước sắc thuế 5/7 đánh vào những sách vở, báo-chí và dụng-cụ học đường. Sắc thuế nói trên được đưa ra trong một tình-trạng mà nhà cầm quyền hồi đó tuyên bố là khẩn-cấp và trong một mục tiêu là tăng lợi-tức quốc-gia bằng cách đánh thuế nặng vào những món hàng được gọi là « xa xỉ phẩm ».

Thế nhưng những người đưa ra sắc thuế đó không lượng được trước hoặc không quan-tâm đến những hậu quả tai-hại của nó ; những hậu-quả có một ảnh-hưởng ngu dân và phương hại đến sự mở-mang kiến thức của Sinh-viên, trí thức. Thật vậy, nếu thuế 5/7 có tính cách xây dựng, tiết kiệm cho công quỹ, ngoại tệ ; có tính cách khuyến khích sự khuếch trương công, kỹ-nghệ trong nước bằng cách hạn chế hàng nhập cảng ; thì trái lại nó đã đi ngược chiều hướng với công cuộc mở mang kiến thức quần chúng, phát triển giáo dục quốc gia.

— Trước hết sắc thuế đó sai lầm trên căn bản hình thức trong việc thi hành. Không hiểu những nhà tạo nên sắc thuế đó đã nghĩ thế nào khi họ tổng quát hóa một cách tai hại danh từ « xa xỉ phẩm » và đem gán ghép danh từ đó cho sách vở, báo chí và những dụng cụ ngoại hóa dùng trong việc học hành. Thật không ai có thể giải thích nổi tính cách « xa xỉ » của những loại hàng nói trên một khi mà nền kỹ nghệ quốc nội chưa chế biến ra được, kỹ thuật ấn loát trong nước chưa thực hiện nổi ; hơn nữa sự hữu ích, cần thiết của những loại hàng đó có tính cách cấp bách và không thể thay thế được.

— Sắc thuế đó lại còn sai lầm hơn nữa về đối-tượng của nó khi nó nhắm thẳng vào Sinh-viên. Thật thế, những người phải chịu sắc thuế đó phần lớn là Sinh-viên ; điều đó không một ai có thể chối cãi, khi biết rằng nền đại học nước nhà chưa tiến được tới chỗ chuyển ngữ hoàn toàn. Hơn nữa, nền văn hóa, khoa học, kỹ thuật nước nhà — cũng như mọi nước khác — phải học hỏi nhiều những tiến bộ mới mẻ của văn minh bốn phương. Bắt Sinh-viên Việt-Nam phải chịu một sắc thuế nặng nề và vô lý như thuế 5/7 thật là một tội ác, một sự mỉa mai, phỉ báng thực tế. Những ai quan tâm đến Sinh viên Việt Nam, đều phải khách quan mà công nhận rằng : đời sống của lớp người son trẻ đó rất chật vật, nếu không muốn nói là hết sức thiếu thốn về vật chất. Thử hỏi những con người nghèo tiền bạc, ăn cơm bình dân, ngủ ghế bố lính, nhưng giàu ý chí tự học, ham hiểu biết ấy làm sao đóng góp nổi sắc thuế quá cao kia ? và những hậu quả nào đã đến với họ ? Phải chăng là cả một sự đau đớn : không có phương tiện để tìm tòi, nghiên cứu, thiếu những bó đuốc dẫn đường để soi sáng lần hồi lĩnh vực tối tăm của những cái chưa biết, chưa hiểu. Những buổi mát

trời, nhàn rỗi, từng loạt sinh viên ghé vào hiệu sách, mắt thèm thuồng dán chặt vào kệ cao ; tay mân mê những pho sách quí mà họ thầm mong là chỗ chứa đựng những tinh hoa của muôn đời, những kiến thức, phát minh mới mẻ về kỹ thuật, khoa học của văn minh bốn phương. Thế nhưng chỉ giở trang đầu thôi, mắt người Sinh-viên hoa lên vì giá sách quá cao — gần gấp đôi giá cũ — ; tay anh ta run run đặt sách vào chỗ cũ ; lòng luyến tiếc như mất đi một cái gì mà không biết đến bao giờ mới tạo được. Thế rồi bọn họ lại kéo nhau ra, trong lòng thất vọng, trong trí thắc mắc, trong óc tối tăm, cái tối tăm của những người không tìm được chân lý.

Những cảnh đáng thương đó vẫn có từ mấy năm nay ; trong khi đó ngân sách quốc gia liệu có tăng lên được phần nào nhờ sắc thuế 5/7 nói trên không? Chúng ta có thể quả quyết một cách không sai lầm rằng nếu có tăng, sự tăng gia đó không mấy đáng kể so với những hậu quả tai hại do sắc thuế đó gây ra cho nền văn minh dân tộc. Mặt khác, người ta có thể lý luận rằng việc thiết lập sắc thuế đó đã làm cho mãi-lực của sinh viên giảm thiểu đi, do đó phần thu tương ứng của ngân sách quốc gia cũng phải giảm theo ; đó là điều tất nhiên không tránh được. Nếu quả thật như thế, thì sắc thuế 5/7 đánh vào sách vở, báo chí và dụng cụ học đường đã không bảo vệ được hàng nội hóa — vì không hề có những hàng tương xứng — lại còn gây khó khăn, cho sự học hỏi, khảo cứu của Sinh viên, trí thức Việt Nam. Thực trạng đau buồn đó đã kéo dài quá lâu ; một hồi còi báo nguy cho sự xuống dốc của nền văn minh Việt Nam, cho sự câu thúc kiến-thức của Sinh-viên, trí-thức Việt-Nam cần phải được thổi vang lên ngay từ bây giờ. Sinh viên chúng ta phải khẩn thiết yêu cầu những người có trách-nhiệm trực tiếp hay gián tiếp trong việc ban bố và thi hành sắc thuế nói trên phải cấp tốc xét lại sắc thuế đó cùng những hậu quả của nó. Đối với Sinh-viên chúng ta, sắc thuế nói trên là một đòn đánh mạnh vào óc não của những người ưa học hỏi, ham hiểu biết ; là một bức tường ngăn tầm mắt Sinh-viên, trí thức, không để họ nhìn thấy ánh sáng văn minh bốn phương ; là một hăm dọa cho tương lai của nền văn minh dân tộc. Bãi bỏ khoản sắc thuế đó đi, hay hợp lý hóa nó trên căn bản hiểu biết và thực tế là đáp đúng với nguyện vọng chính đáng và cấp bách của Sinh-viên Việt Nam.

Thế nhưng thực hiện những điều ấy chỉ là một việc cấp thời và tiêu cực trong chương trình mở mang dân trí, cải tiến văn minh. Việc làm tích cực và trường kỳ phải tiến xa hơn nhiều. Sinh viên chúng ta mong mỏi những người có trách nhiệm hãy biểu lộ một sự khuyến khích đầu tư, cổ võ kinh doanh trong lĩnh vực phát triển kỹ thuật ấn loát, phát hành những sách báo quốc tế ; chế tạo những dụng cụ về khoa học, kỹ thuật tại học đường. Việt Nam cần phải tiến đến những thỏa hiệp đa phương với các quốc gia tự do về việc ấn loát, phát hành những tác phẩm giá trị của nền văn minh hiện đại. Cần phải thiết lập tại Việt Nam một trung tâm ấn loát tối tân và có tính cách quốc tế, để có thể ấn hành tại Việt Nam — với sự thỏa thuận của ngoại quốc — mọi tài liệu giá trị về giáo dục, khoa học, văn nghệ v.v... Giải quyết được như vậy là đã tích cực giúp đỡ phương tiện cho sự học hỏi, nghiên cứu của Sinh viên Việt Nam, nâng cao dân trí ; mà còn bảo vệ hữu hiệu kỹ nghệ ấn loát nước nhà.

Tóm lại, vì quyền lợi của Sinh-viên, vì tương lai nền văn minh của tổ quốc, chúng ta đòi hỏi những người có trách nhiệm trong phạm vi giáo dục và kinh tế hãy bãi bỏ hay xét lại sắc thuế 5/7 về sách báo và dụng cụ học đường nhập-cảng vào Việt Nam và chúng ta mong đợi những thực hiện tích cực trong lĩnh vực trao đổi văn hóa và văn minh quốc tế. Một điều làm chúng ta tràn trề hy-vọng : sự bãi bỏ thuế 5/7 áp dụng vào việc chuyển ngân cho du học sinh và Sinh viên Việt Nam tại hải ngoại. Những người con yêu của tổ quốc, những triển vọng ngày mai của dân tộc dù cách xa nước nhà đến nghìn dặm, cũng đã được chính quyền cách mạng lưu ý giúp đỡ ; thế nên chúng ta, những rường cột của tương lai xứ sở, những người đã chịu nhiều đau khổ, thiệt thòi trong những năm qua và là những người đã góp sức trực tiếp vào cuộc cách mạng dân tộc ; chúng ta hãy tin tưởng rằng những nguyện vọng chính đáng ấy của chúng ta sẽ được thỏa-mãn trong những điều kiện hợp lý. Rồi đây, gió mát của văn minh, ánh sáng của khoa học và hương hoa của nghệ thuật bốn phương sẽ tràn đầy trên đất nước chúng ta.

HỒ-TRUNG-VIỆT



chân thành

nguyễnhùng

● *Em đừng hỏi tôi :*
tại sao tôi biết tên Em, lần đầu tiên Em gặp tôi ;
Em cũng đừng bao giờ hỏi :
tại sao tôi lại nói yêu Em ngay lần đầu tiên chúng mình gặp gỡ ;
Bởi vì tôi hằng tưởng : đã yêu Em từ vạn thuở,
Tôi vẫn thầm tự nhủ :
sẽ yêu Em mãi mãi,
với tình yêu si dại
của đứa con trai lần đầu tiên yêu một người con gái.

● *Tôi đã yêu từ thuở Em còn tóc xoã bờ vai :*
Nhiều lần tôi lặng lẽ theo Em đến tận trường con gái ;
(cuối đường nguyễnbỉnhkhiêm, gần thảocămviên thành phố)
những buổi sáng tinh sương, những trưa hè nắng đổ,
có muôn vạt áo dài mầu lam, mầu trắng ;
Tôi vẫn qua nhà Em những trưa hè loáng nắng,
hay những đêm mưa, giữa ánh đèn đô thị.
Tôi thường gặp Em trong những mùa thi :
những lần Em vào vấn đáp ;
(đôi mắt bồ câu hay ngước nhìn ngơ ngác !)
Tôi đã cùng Em nhiều lần đứng đợi
giờ mở cửa của thư-viện thành phố,
giữa những buổi trưa hè — trên bờ đại-lộ.
Tôi say sưa viết tên Em bên cạnh tên tôi
trên muôn ngàn trang sách học ;
Tôi âu yếm gọi tên Em trong mơ
giữa những đêm dài đơn độc.
Tôi âu yếm hôn Em những lần chúng mình gặp gỡ — dù chỉ là tay tôi ! — và thầm gửi vào gió thoảng muôn lời, muôn ý yêu Em.
Tôi muốn dệt những vần thơ — để cho mình Em đọc —

● *Tôi muốn hát lên rất nhỏ — đủ để mình Em nghe —*
Tôi ước mơ :
chiều nao hoa vàng rơi lối ngõ,
Em sẽ đến bên tôi trong những làn mưa nhỏ,
Em sẽ đến bên tôi với những bước chân rất nhẹ,
Chúng mình gọi tên nhau rất khẽ,
và sẽ ngàn năm chúng mình thủ thỉ...

● *Đường lêquýđôn vẫn nối liền trường Em — trường anh,*
Đường lêquýđôn mãi nối liền hai « lâu-đài y-học »
Hai đứa mình không bao giờ còn cô-độc..,

nguyễnhùng 61
(mười bài thơ cho thủy)



KHUÔN MẶT

HẢI TRANG

HAI đứa ngồi châu mỏ nhìn nhau. Sau một cuộc đốp chát tưng bừng, không đứa nào chịu lên tiếng trước. Hắn chán nản mệt mỏi muốn bỏ về. Kệ xác nó, muốn ra sao thì ra, hắn nghĩ bụng. Nhưng tưởng đến những đêm dài thao thức cô đơn, những ngày chủ nhật ngồi giết rệp trong rạp xi nê bình dân, hắn đành nán lại. Vậy xin lỗi quách đi cho rảnh nợ. Hừ, đúng là của nợ. Hắn muốn tự kiểm điểm xem đứa nào có lỗi. Nhưng đầu ốc trống rỗng, hoang vắng tê liệt.

Đứa con gái ngồi trước mặt hắn tên Yến, bé loắt choắt như con mèo. Mặt nó vênh lên, cố làm cao, nhưng cặp mắt nó cho hắn biết chỉ một lời xin lỗi dù gượng gạo, giả dối nó sẽ sẵn sàng ngã vào lòng hắn, khóc như mưa như gió.

Và mọi sự lại bắt đầu. Luẩn quẩn. Nhàm.

* * *

Hắn lạc vào trận đồ của đứa con gái từ một năm nay. Hôm đó hắn đến thăm thằng anh của nó. Thằng khỉ đi vắng. Để giết thời giờ, hắn kiên nhẫn ngồi tán chuyện nhảm với nó, coi như một đứa con nít.

Bất chợt nó nói :

— Em thấy anh lúc nào cũng buồn.

— Đúng, buồn ngủ. Hắn ngáp.

Im lặng. Một lát đứa con gái lại hỏi :

— Phải anh buồn vì cô Chi không.

Hắn giật mình. Chi là người yêu của hắn, lúc hắn còn học Trung học. Nàng vừa đi lấy chồng hôm qua.

— Bậy nào, em còn nhỏ biết quái gì mà nói. Vớ vẩn.

— Em mà bé bỏng. Đứa con gái vênh mặt cãi. Anh tưởng chỉ có các anh mới là người lớn phỏng ? Em ấy à, em yêu từ năm mười ba tuổi lận.

Hắn mở to mắt nhìn cô bé :

— Yêu con cúp bế hay con mèo ?

— Con trai.

Trông đứa con gái trong dáng điệu tự kiêu của con ếch muốn làm con bò, hắn giả lả :

— À, à, yêu con trai, đâu đã là người lớn. Người lớn khi cáu phải biết móc ông bà ông vải thiên hạ ra chửi cho bằng thích. Em không thấy mẹ à. Thế em đã chửi ai chưa ?

— Có, em chửi con Sen.

— Ừ, thế em là người lớn rồi, hắn nhạo. Nhưng này cô ơi, cô yêu đứa nào vậy ?

Đứa con gái bẽn lẽn nhìn hắn, quay đi. Đôi mắt có đuôi. Đôi má hồng lên, trông hay hay.

— Nào nói đi cô Yến mặt đỏ. Yên trí, anh không mách anh Huân đâu.

Đứa con gái vẫn im lặng, đôi chân nhỏ nhắn di di dưới đất, tay mân mê mép bàn.

— Có phải « Ông » Hào-mỏ không ? Hắn nghĩ đến thằng nhỏ mặc quần cụt, còn thò lò mũi xanh, mồm ngoai đến mang tai, nhà bên cạnh.

Đứa con gái nhìn sững hắn hồi lâu rồi òa lên khóc, chạy vụt vào trong, để mặc hắn đứng thượn mặt giữa nhà. Bất ngờ. Vô lý, Nhưng đó là sự thật.

Hắn lừng khừng bước vào. Cả nhà đi vắng. Đứa con gái nằm úp sấp trên gối, chiếc giường lò xo rung lên theo mỗi tiếng nấc.

Trong một giây hắn bỗng thấy thương hại, ngần ngại ngồi xuống mép giường. Yến nguầy người vào trong giận dữ. Hắn đưa tay vuốt nhẹ tóc nó : — Nín đi Yến, người lớn ai lại khóc bao giờ. Nó càng khóc to hơn. Hắn vội xoay nhẹ nó lại :

— Thôi cho anh xin lỗi Yến. Đừng khóc nữa anh buồn. Khuôn mặt đứa con gái rạng rỡ hắn. Nhìn đôi mắt nó, hắn cầm lòng không đậu, cúi xuống hôn lên mi.

Đứa con gái bá chặt lấy cổ hắn, dụi đầu vào ngực hắn, nói trong hơi thở nghẹn ngào :

— Anh ác lắm.

Hắn ngửa nhẹ cổ nó ra sau. Cái cằm mát như nhung của nó quặp chặt vào gáy hắn làm hắn rạo rực. Sau một hồi cút bắt nó mới chịu ngửa mặt ra, cặp mắt nóng bỏng. Hắn đặt vào đôi môi xinh xắn, đỏ thắm một nụ hôn nồng nàn. Nó không trẻ con như hắn tưởng.

— Yến ơi, ra mở cửa cho anh. Tiếng Huân.

Hai đứa buông vội nhau ra. Đứa con gái chùi vội những giọt nước mắt còn lại.

— Yến, mày làm gì mà lâu quá vậy. Ngủ hả. Tiếng Huân lụng bụng, lèo nhèo.

— Con gái lớn rồi mà chỉ ăn với ngủ. Rõ chán. Đứa nào lấy phải con này, chỉ hầu nó cũng bỏ cha nó rồi.

Đứa con gái đưa mắt tinh quái nhìn hắn. Hắn tát yêu nó một cái rồi lừng thừng ra mở cửa. Mặc cảm tội lỗi.

— À thằng Huy, tiếng Huân, mày điếc hả ?

— Không, ù tai vì tiếng quát của mày. Vả lại mày có gọi ông đâu mà ông thưa.

Một hôm, hai đứa dắt nhau đi « Catinater ». Đứa con gái tung tăng như con chim sẻ. Gặp hiệu nào cũng xà vào, hỏi han huyên thuyên. Hắn trả lời nhát gừng, lừng khừng như ngái ngủ. Đứa con gái ngước mắt nhìn hắn thắc mắc :

— Anh lúc nào cũng buồn, lạ thật. Nó bá cổ hắn xuống nói thầm giữa những cặp mắt soi bói của người xung quanh :

— Hay anh không yêu em nữa.

— Bậy nào, hắn vuốt nhẹ tay nó, không yêu em thì yêu ai bây giờ. Yêu bà kia chăng. Hắn chỉ một bà đầm già, mặt nhăn nheo, chân to như cái vại.

Đứa con gái cười khúc khích. Một lát :

— Nhưng anh phải hứa với em không bao giờ buồn nữa.

— Ừ.

— Không được ừ, trả lời cho tử tế.

— Bẩm cô vâng ạ. Đứa con gái kiễng chân, ấn một ngón tay vào trán hắn :

— Ghét mặt.

Đã từ lâu, hắn mang nặng bên mình niềm thắc mắc khắc khoải cho số phận con người trên mảnh đất nhỏ bé này.

Viễn tượng của dân tộc làm hắn âu lo. Hắn nghĩ đến những thằng con trai hôm nay, bạn hắn, hân hạnh được thiên hạ khoác cho lớp sơn tinh hoa của dân tộc. Một bọn dí mũi vào sách, cụp tai xuống trước những rên siết, thắc mắc của đồng bào. Học để giúp đời, giúp nhân dân đỡ đói khổ, giúp gia đình. Có thật không ? Trước đây hắn cũng tin như vậy. Nhưng bây giờ, tai nghe những câu nói ích kỷ đến lợm giọng, mắt thấy những thái độ thờ ơ đến lạnh lùng trước những khổ đau của người khác.

Thế mà ra đời sẽ lãnh đạo thiên hạ, hắn chua chát nghĩ. Chúng biết quái gì về nguyện vọng của dân mà thỏa mãn.

— Nói toạc móng heo ra là chúng nó nói phét cho sướng miệng. Một trong những thằng bạn hắn đã phát biểu như vậy, sau khi cùng hắn đi dự một cuộc hội thảo. Có lẽ không sai lắm,

Nắm mảnh bằng trong tay, chúng tự cho mình vào một giai cấp khác bất chấp nguồn gốc của chúng, tách rời khỏi các đám người nheo nhóc bần thỉu đã phong chúng là tinh hoa của họ.

Rồi lợi dụng cái học của chúng, lợi dụng sự ngu dốt dĩ nhiên của quần chúng sau những thời tao loạn, làm vật thí nghiệm cho đủ hạng thực dân, chúng tự cho mình là cha, là ông nội thiên hạ. Bóc lột bằng thích. Đó là điều dĩ nhiên ư, hợp với nhân đạo mà chúng đã học ư !

Hắn đã chứng kiến thời « nhân vị », cũng như thời Pháp thuộc những bộ mặt béo ngậy, vuốt ra mỡ, đầu to, học cao thấy rộng, biết đường chui cửa sau, chạy chọt này nọ, biết đường trốn tránh nhiệm vụ.

Hắn đã thấy những thằng bạn dậy công dân cho người ta, lạy van lo lót tránh quân dịch, nhiệm vụ sơ đẳng của người dân.

Ô hay !

Hắn nghĩ đến những thằng bạn đang và đã du học ở ngoại quốc, trở về. Con gái đi lấy chồng ngoại quốc không phải là ít. Mấy thằng con trai chỉ mong mong ngóng ngóng kéo dài chuỗi ngày dầy hoa mộng (sic) nơi xứ người. Không phải để học, mà để khỏi thấy cái khốn khó của kẻ khác làm chúng mặc cảm sống mất vui, khỏi phải làm nhiệm vụ.

Đứa nào trở về thì đặt cả triệu thứ điều kiện để làm việc, chúng quên mất xuất xứ, nhiệm vụ của chúng khi may mắn được ra đi giữa lúc mọi người quằn quại sống.

Tinh thần thì chủ bại, quá tôn thờ ngoại quốc mất rồi. Chúng sợ cái to lớn của người ta, thậm chí đến thần phục. Bọn cóc vái giời ngồi dưới đáy giếng này dầu sao cũng còn ích lợi hơn bọn trên một ít.

Hắn nghĩ đến những người đô thành hôm nay, chen chân chui rúc vào vũ trường như đi lãnh gạo. Từ mấy ông oắt con mặt dầy mụn, những nhà đạo-đức-mồm bị hơi người thổi bay mất lớp sơn vốn loang lổ, đến mấy anh già sợ bị đời trưng vào hàng bán đồ cổ, cố tỏ ra sành sỏi đợt sóng mới. Hừ !

Hắn nghĩ đến đứa con gái tên Chi. Hai đứa yêu nhau tưởng trái đất có nổ tung cũng không chia cách. Đứa con gái xanh mặt rồi rít van xin mỗi lần



hắn giận, hiền như con cừu non, cũng biết đi lấy chồng giàu sang, địa vị. Hắn còn biết tin ai nữa. Hắn chua chát cho tình đời. Mày, mày cũng chỉ như vậy thôi em ạ, hắn nhìn đứa con gái tên Yến.

Hắn buồn, hắn cảm thấy bất lực. Hắn cũng là người đi học, hắn sắp hèn như họ, mọi người. Bước đi bên đứa con gái giữa lòng phố đông đặc mà tâm hồn hắn hoang vu như bãi sa mạc.

●

Đứa con gái âm thầm đau khổ. Nó mệt mỏi, rã rợi, muốn phát điên lên trước tình yêu hắn dành cho nó,

Nó bắt đầu hưởng thụ. Mái tóc dài mượt như tơ Hà-đông được chải bù lên như tổ quạ. Cặp môi phơn phớt hồng tự nhiên được tô son đỏ choét.

Hắn bắt gặp nó đi chơi với hai ba thằng mặt nặn ra sữa tại những nơi hắn đã đưa nó tới. Mặc kệ. Chưa khi nào hắn nói yêu nó bằng giọng đứng đắn. Yến có quyền du hí cũng như hắn có quyền cho trí óc du lịch lung tung. Đời con gái chỉ đẹp lúc này. Rồi hắn gặp nó đưa bạn trai về nhà nói nói, cười cười, anh anh, em em, vui ra phết.

Lòng tự ái của hắn bị thương tổn. Hắn bị hắt nhào rồi chăng. Có thể hắn không yêu nó, đã đoán trước phút này nhưng mặc cảm bị đá đít vẫn làm hắn ngộp thở. Những cuộc nói chuyện tay đôi biến thành những cuộc cãi vã to tiếng, trái với bản tính nhẫn nại

(Xem tiếp trang 39)

THƠ

Cánh chim

Ta nói tiếng chim đau-thương
ánh trời vàng úa mùa trụy-lạc
cánh gầy luống cũ tả-tơi
ta nâng tiếng ca bình-minh
trong như suối chảy đêm tình.

Ta chôn sầu miên-man kỳ-dị
ngày chết xa khơi
tuần ấy ta đi trời lá rụng
nguồn sóng buồn điên
ta nhìn vòm đời xanh ngát
ta nở lấp-lánh muôn sao tinh-ngời.

Khi em u-mê còn ngủ
tôi ở xa mở cổng về
đã cùng đi trên đường gò lưng gió thổi
đưa tin lành vi-vu sớm mai.

Ta đoái nhìn cánh chim lạc lừng-lờ
quạnh-hiu trên rêu đá cũ
hình-tượng ngổn-ngang
ngày đêm lịm dần thương nhớ
đời tiền-sử.

Ta ngậm-ngùi
nhìn buổi chiều đời
kinh-thành sáng bụi phù-hoa
chân người chập-chững.

NINH-HUY.



NGANG DẠ

Cái Tai

Ai cũng thừa biết tai nằm ở trên mặt, mỗi bên một cái. Nói động đến cái tai thì thật lắm chuyện. Sự lắm chuyện đó không phải lỗi ở cái tai, mà lỗi do người mang nó.

Có lắm thứ tai.

Người có tai to và kèm thêm một cái mặt lớn, cứ theo sách tướng thì trong đời ắt thế nào cũng được ít lắm một phen công danh hiển đạt, và cũng có thể năm bảy phen nếu chủ nhân bộ tai đó có khiếu trong việc khom lưng uốn cật.

Ngược lại, người tai nhỏ như vỏ hến, chắc chắn suốt đời không làm nên cơm cháo gì, ít có dịp được đi ô tô và ít khi được người ta thưa bẩm, nhưng được cái đỡ phải đăng báo cải chính những tin đồn «thất-thiệt» về sự liêm khiết của mình lúc tại chức. Còn những đồ mặt dơi tai chuột, nhăn-nhăn nhở-nhở, bao giờ cũng bị người đời nhìn với con mắt khinh bỉ vô cùng.

Tai cũng có một tâm hồn và một lý trí. Bá Nha và Tử-Kỳ là hai người bạn thiết, chỉ vì cái tai Tử-Kỳ biết thưởng thức những ngón đàn hay của Bá-Nha. Khi Tử-Kỳ chết, Bá-Nha đập đàn đi vì biết trên đời không còn ai có nổi cái tai tri âm của Tử-Kỳ nữa. Đó là cái tai giỏi nhạc. Còn cái tai nào ỳ ra trước những điều hay lẽ phải, trước những âm-thanh thánh-thót, được gọi là tai trâu. — «Đàn gẩy tai trâu» là thế.

Trái lại, khi không muốn điều dở lọt vào tai thì người ta «bịt lỗ tai, gài...». Hoặc nếu điều đó đã chót lọt vào tai rồi thì chỉ có cách đem tai ra mà rửa như Hứa Do đã làm khi nghe vua Nghiêu muốn truyền ngôi cho mình. Tai lại còn biết thẹn và biết cả tức-giận nữa. Thí-dụ như trường-hợp một anh chồng bắt gặp chị vợ đang nằm cạnh nhân-tình giữa buổi trưa nóng bức (dù chỉ nằm cạnh thôi), thì phản-ứng đầu-tiên của anh là đỏ mặt tía tai.

Lại nữa, khi một cậu trai tơ bị gái nạ-dòng

trều ghẹo, ắt hẳn tai cậu sẽ dần dần ửng đỏ một cách ngây-thơ.

Tựu chung, tai tía và tai đỏ chỉ là phản-ứng của con người trước một biến-cố tình-cảm. Nhưng đỏ hay tím, cái đó tùy theo cường độ của biến-cố và tùy theo mức xúc-cảm của từng người. Những lúc cụt-hứng (trường-hợp của mấy vị dân-biểu mới đỗ trong kỳ thi nịnh-bợ Pháp nhiệm III). Sự buồn-bực thường lộ nơi tai. Ý nghĩa của câu « tiu-nghỉu như chó cụp tai » chắc chỉ có thể. Chưa được lĩnh-lương ông nghị đồng nào, chưa được « gật » một cái nào, thế mà nhiều ông cũng lo một cách hão-huyền người ta hỏi tội mình đến bở cả hơi tai.

Vì sinh ra cùng ngày cùng giờ với người, nên tai cũng có một lá số Tử-vi như người. Nghĩa là tai cũng bị đời hành-hạ luôn.

Đẻ con gái ra, bà mẹ nào cũng tìm cách xâu lỗ tai cho đứa trẻ. Nhiều khi chỗ đó bị lở-loét lâu ngày. Đã thế, lớn lên, cô gái lại hành-hạ cái tai bằng cách không cho nó ăn nà vẫn bắt nó phải mang những đồ trang-sức phiền-toái kệch cỡm mà cô ưa-thích.

Tuy bị ngược-đãi như vậy, tai không hề oán-trách. Nó vẫn luôn-luôn giúp đỡ cô gái phương-tiện để thông-cảm với người-yêu, để nghe người yêu thủ-thỉ những đêm trăng sáng. Và chính các cậu trai cũng hằng ao-ước thủ-thỉ bên tai các cô gái như vậy, lẽ dĩ-nhiên là với điều-kiện các nàng không bị thối-tai. Không thối-tai vẫn chưa đủ, còn điều-kiện thứ hai là nàng không nặng tai, bởi lẽ có những câu nói của đôi-lứa không thể gào to lên được.

— Các bạn đã đọc và rung cảm với **TÌNH-THƯƠNG** số 1.
— Các bạn hãy đọc và các bạn sẽ rung cảm với :

TÌNH THƯƠNG số 2

và là số XUÂN GIÁP THÌN

sẽ ra mắt ngày **2-2-1964**

— TRANH BÌA IN OFFSET, RẤT ĐẶC SẮC
— *Bài vở của Hà Li Hải, Yến Thư, Hải Trang, Triều Sơn, Nguyễn Hùng, Trang Châu, Trúc Lan, Nàng Lai, Thụy Dương, Tô Tam Kiệt, Trần Hà Nam, Đình Vy v.v...*



Trở lại vấn-đề trên, chính ra các cô gái không nên hành-hạ cái tai như thế. Vì nó ảnh-hưởng đến sắc-đẹp và đến « đời-tư » của các cô rất nhiều.

Nếu một người mặt hoa da-phấn, mắt phượng mày ngài mà chỉ có một cái tai thôi, thì nhắm mắt không cần nhìn các bạn cũng thấy sắc-đẹp của nàng đã giảm đi quá nửa.

Thành thử, sự đối-xứng của đôi tai rất cần cho các cô gái thời nay. Ngày xưa, sau khi cưới vợ, vào ngày nhị-hỉ, chàng rể sẽ bê đến nhà ông nhạc một con lợn quay thật đỏ, thật béo để tỏ lòng tôn-kính và biết ơn cha mẹ vợ.

Nhưng, nếu biết mình không phải là người thứ nhất, chàng rể sẽ cắt một chiếc tai lợn — một chiếc thôi — rồi mới đem lợn đến nhà ông nhạc. Tất nhiên, lần này không phải để tỏ lòng tôn-kính nữa, mà cốt để sỉ-nhục gia-phong nhà vợ, hay nôm na hơn, để chửi thẳng vào bộ-mặt đáng-đấm của ông-bà-nhạc.

Ngày nay tục-lệ đó không còn. Kể cũng may cho các ông bố ở thời-đại này và kể cũng rủi cho những người lái xe ba-bánh. Vì, giá mà tục lệ đó còn thì đường phố Saigon ngày nào chẳng nhan-nhản những chiếc xe ba-bánh do những chú rể « tháp-tùng », chở những con lợn quay bị cắt một tai tới nhà những ông bố đã đẻ ra các cô gái có cái tai ham nghe nhạc dâm-dật trong các khiêu-vũ dạ-hội.

TRẦN-HÀ-NAM

NHỮNG LÁ THƯ GỬI TỪ BỆNH-VIỆN

Hảo-Thanh

BỆNH VIỆN BÌNH DÂN, NHỮNG NGÀY THÁNG 8/63

Đã nhiều lần, anh có ý định làm cái công việc lượm lặt những mảnh đời vụn vặt của Anh để sắp xếp thành tập như T. P. đã làm trong « Đời Phi-Công ». Thú thật với Thanh, Anh sống rất nhiều cho tình cảm. Anh không thích mấn mê những câu chuyện có đề tài, mà lại thích hình dung sự vật qua những câu văn nhẹ nhàng êm đềm của T. P. trong những cánh thư gởi từ hải ngoại, hay những đoạn hồi ký của Pearl Buck trong « Đất Lành » và « Ngọn đồi Vĩnh-biệt ». Anh chắc Thanh có cùng một sở thích như Anh, nên đêm nay, Anh dành trọn cho sự vùng dậy của dĩ vãng, của thời trai trẻ của Anh.

Đã 23 mùa xuân đi qua trong cuộc đời. Anh vẫn còn trẻ quá so với thiên hạ, nhưng ý tưởng của Anh đã già đi lắm rồi. Anh nghĩ một phần là do những năm học thuốc đã đem Anh lại gần kề những đau thương của loài người, vì thế luôn luôn trong trí óc Anh đầy dẫy những hình ảnh của chết chóc của sự sống không ngày mai.

Nhiều lúc, quẫn trí, Anh đâm ra hoài nghi mọi sự việc, oán trách loài người, chiến tranh. Có lẽ những lúc đó, Thanh là nguồn hứng khởi của Anh, giúp Anh đốt thành than những năm học dài đằng đẵng của nghề Y-sĩ.

Hôm nay, còn hai năm nữa Anh sẽ ra trường. Anh thấy Anh đủ lớn để truyền cho Thanh một vài cảm nghĩ về cuộc đời.

Nó không đơn giản như người ta thường tưởng là cứ mỗi đêm trời cắt trăng ra từng mảnh để làm sao. Con người, nhất là tuổi trẻ chúng mình thấy cái gì cũng huy hoàng và đẹp cả, nhưng quá thâu hẹp, ban ngày chỉ thấy đất liền và tối đến thấy sao trời mọc... Hồi nhỏ, lúc đang ngồi học ở lớp, chúng mình mong sao cho chóng về nhà để ăn cơm, chóng tối để đi ngủ, chóng đến Tết để được lì-xì... Bây giờ con người chúng mình thay đổi hẳn, phải không Thanh ? Nhiều sự việc đã bắt chúng mình phải nghiêm ngẫm. Những đêm thức trắng cả đêm, những chiều đầy cả nắng quái và những ngày vui qua mau. Nhiều lúc Anh cảm thấy chỉ riêng một mình Anh mới cảm nhận những sự thay đổi lớn như vậy, nhưng lớp trẻ chung quanh Anh đều khắc khoải như Anh cả.

Thanh ! Anh muốn nuôi một lý tưởng để cho cuộc đời có ý-nghĩa, nhưng tìm mãi vẫn chưa thấy đâu. Những ngày hôm nay, Anh đã giúp ích được một phần nào cho nhân quần xã hội. Anh đã biết khám bệnh và cho toa thuốc hằng ba tiếng đồng hồ mỗi buổi sáng tại bệnh viện này, và nhiều hơn nữa trong những ngày Anh phải « garde ». Nhưng Anh cho thế vẫn chưa phải là lý-tưởng. Nó có cao-siêu lắm không ? Thanh nhỉ ! Anh mong sẽ tìm thấy nó với vẻ rực-rỡ, huy hoàng như màu nắng rơi trên bãi bể Nha-Trang, quê hương của Thanh.

Nhiều lúc, nhất là những ngày của tháng này nhìn ra phố-phường, thấy cảnh điêu tàn và lính tráng. Anh tự nhiên linh cảm một cái gì sẽ mất hẳn nơi lòng người. Người ta sẽ thôi nói đến hai chữ « TỰ DO » vì đào đâu cho thấy. Anh chán ngán, và có lẽ rồi đây cửa trường Đại-Học vẫn còn đóng lâu nữa, Anh thèm khát được thấy những bãi cỏ xanh rờn của trường Anh.

Đấy là những ý-nghĩ ngổn ngang đêm nay lại dâng tràn về trong tâm của Anh. Anh muốn dùng những ý-nghĩ không đầu, không đuôi này để mở tung những tâm-tình của Anh, chúng cũng lộn xộn như vậy. Thanh ngủ ngon nhé.

Một đêm nực, tháng 8 - 63

ĐÌNH - VY

THEO DẤU LƯU TIỀN

CHUYỆN NÀNG CƯ-LỆ

Văn-Hủ quê ở Tây-Hồ, Hà-thành. Lúc mới sinh, có người xem tướng đoán sau này sẽ hiển đạt nghề cứu nhân độ thế. Lúc lớn lên thì nhà đã sa-sút, Văn-Hủ phải làm nghề gõ đầu trẻ để độ nhật và quyết chí theo học nghề coi mạch theo Tây y lý.

Vào những tháng gần ngày khảo-thí, Văn Hủ thường thắp đèn học kinh sách mãi đến canh ba mới đi ngủ. Muỗi nhiều, Hủ phải thắp nhang trừ muỗi để ở dưới chân.

Một hôm, đêm đã về khuya, đang mải mê đèn sách, bỗng có tiếng gõ cửa nhẹ. Ngỡ có bạn tới mượn sách, Hủ bèn ra mở cửa. Chàng ngạc nhiên há hốc miệng. Đứng ngoài cửa là một giai-nhân tuyệt sắc. Nàng cất tiếng cười ngặt nghẽo vì dáng ngây ngất như mất thần của Hủ, rồi nói, giọng lanh lảnh : « Em là Cư-Lệ đây mà. Trộm tưởng tới chàng từ lâu, hôm nay đi ăn giỗ với mẹ ở bên ngoại, em về trước và đánh bạo ghé lại thăm chàng đấy thôi. Yêu quái gì đâu mà trông anh có vẻ thảng thốt như vậy ?» Nói vậy rồi lại phá lên cười. Hủ bèn lật đật cầm tay giắt giai nhân vào nhà. Hai người nói chuyện ra chiều tương đắc. Hủ trong bụng khấp khởi mừng thầm vì có được người đẹp để tri kỷ. Nàng có dáng mảnh mai, làn da mịn nhưng xanh mướt.

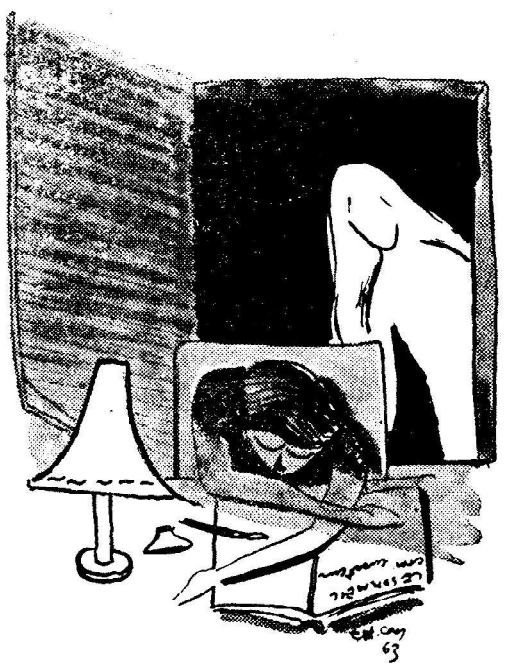

Nói chuyện một lúc, bỗng nàng sa sầm nét mặt, mắt dưng dưng. Hỏi duyên cớ nàng đáp : « Tiếp người ta mà lại đốt thứ nhang gì khó chịu quá. » Nói rồi định đứng dậy bỏ đi, Hủ vội vàng cầm tay nàng khẩn khoản mời ở lại, nhưng nàng vẫn không nghe Sau mời đi dạo phố, nàng ưng thuận. Ngồi trên xe « ếch-bà », Hủ có cảm tưởng nàng nhẹ lắm. Thỉnh thoảng hỏi chuyện, nhưng không thấy trả lời, Hủ tưởng vì xe chạy mau nên tiếng chàng bạt gió.

Qua một trường khiêu-vũ, Hủ dừng xe dẫn nàng vào nhảy. Ôm nàng trong tay, Hủ thấy nhẹ như không. Đang say sưa nhảy Hủ thấy như tay nàng chạm vào mình. Nhân thế, Hủ tính bài bẩy, luồn tay vào lớp la-nhu, giở trò suồng sã. Nàng tinh ý, mỉm cười, xô Hủ ra và cấu Hủ một cái thật mạnh vào đùi. Hủ suýt soa, đưa tay xuống xoa vào chỗ đau...

o°o

... Văn-Hủ dập tay xuống đùi và tỉnh giấc, bàng hoàng không biết mình mê hay tỉnh. Mồ hôi ra nhễ nhại cả người. Đưa tay lên nhìn, thấy xác một con muỗi dính vào lòng bàn tay, vết máu còn tươi. Nhìn xuống gầm bàn thì thấy vòng nhang trừ muỗi đã tàn và tắt ngấm từ bao giờ. Bèn gỡ xác muỗi ở bàn tay để vào trang sách, Hủ ngạc nhiên khi nhìn thấy đoạn sách học dở là đoạn « Etude biologique du Culex » (1). Hủ lẩm bẩm đọc thầm trong miệng « Culex, Cư-Lệ, Culex... ».

Hôm sau Hủ có ý học thật khuya và không đốt nhang trừ muỗi. Nhưng biệt tăm ! không thấy nàng Cư-Lệ đến nữa ! ! !

N.N.Q

(1) Culex là một giống muỗi.



về thăm nam-giao mây bay

của H.

BÀI 1

Chiều tang thương
Huế buồn muốn khóc
Có bà mẹ già, em thơ xanh tóc
lứa tuổi con trai, mấy o con gái trăng tròn
đã gục xuống cho Niềm Tin Đạo Hạnh
Tôi ở Saigon trong nỉ trời chớm lạnh
« Quê hương mình » ngoài nớ đau thương
Chiều hôm nay lần thứ nhất tôi buồn
Người với Niệm Tin còn đau còn tủi.
Chúng đã dựng nhà lao, khám tối
Nhưng không cướp được Niềm-Tin
Chúng ta đứng lên có chị hiền, em dại
Những bạn Sinh Viên lớp tuổi học-trò
em đứng bên anh, mình đợi mình chờ
một ngày đẹp niềm tin rồi sẽ thắng...

BÀI 2

Niềm Tin đã thắng...

BÀI 3

Chiều hôm qua trời trong mây trắng
được thư em « về thăm Huế đi anh »
Đẹp như thơ và dịu như trăng
anh hứa sẽ về qua thành phố.

anh sẽ về

dù gió dù mưa
dù nghìn trùng thời gian trắc trở
lối vào chùa « đêm nay » trăng đổ
quỳ bên nhau cầu nguyện cho đời

anh sẽ về

Đếm lá hoa rơi
khói hương trầm tỏa nhẹ
« lạy Phật thân con dù nhỏ bé
nguyện giữ niềm tin Đạc-hạnh Sáng ngời »

anh sẽ về

Thăm Nam-Giao mây trôi
sân chùa xưa nến thắp sáng ngời
anh sẽ cầu kinh sám hối
cho em, cho anh, cho cả vạn muôn người

anh sẽ về

thăm Nam-Giao trăng lên
chúng mình sẽ quỳ dưới đài sen
em sẽ thắp muôn ngàn ánh nến
cúng đường người
Đức từ phụ Như Lai

anh sẽ về

thăm Nam-Giao mây bay
trời có mưa
nhưng không buồn như thuở trước

anh sẽ về

thăm Nam-Giao mây bay

10-63

THỨC GIẤC

THỤY-DƯƠNG

Người y tá đưa Vân tới cửa phòng Trọng rồi trở ra ngay. Nàng cố ngăn hồi hộp, mở cửa. Trọng nằm thẳng, đầu nghiêng về phía trong, mái tóc rối được thay bằng làn băng trắng.

Những tình cảm trỗi dậy thật nhanh làm Vân mất tự chủ. Nàng đụng mạnh vào chiếc ghế. Trọng quay lại. Khuôn mặt trắng bệch, bệnh hoạn. Vân nắm lấy bàn tay thò ra ngoài chăn. Những tiếng khóc bị dằn mạnh trong lồng ngực.

— Anh Trọng !

Vẻ mặt Trọng dửng dưng đến lạnh lùng. Đôi mắt buồn bã làm Vân xúc cảm mạnh. Những giọt nước mắt trào ra thật nhanh. Vân có cảm tưởng người nằm trước mặt thuộc về nàng từ lâu rồi. Những cảm tưởng chất dần thành giấc mộng. Tình yêu làm nàng tự tin nhiều. Vân quên rằng mình đang vào thăm một người bị nạn.

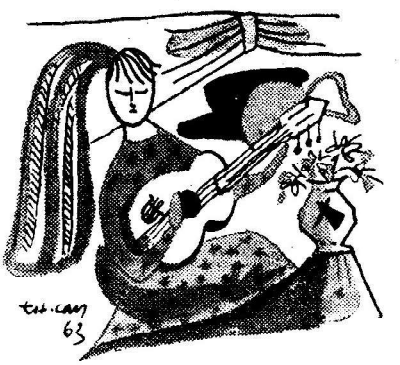

— Có có gặp Yến không ?

Trọng chợt hỏi. Giấc mộng của Vân sụp đổ thật mau. Những cảm xúc ban đầu đột ngột tan biến. Một cảm giác xa lạ len nhẹ tới khuấy động nàng. Vân thấy tức :

— Chưa anh ạ !

— Yến không vào thăm tôi.

— Có lẽ nó chưa biết tin.

Trọng thở dài. Vẻ buồn của chàng làm Vân đau nhói trong ngực. Giọng Trọng thờ thẫn :

— Nếu Yến biết...

— Biết gì ? thưa anh.

Vân hỏi mặc dầu hiểu Trọng định nói gì. Nàng nghĩ đến bữa tiệc ở nhà Thanh. Nàng giới thiệu các bạn với Trọng. Ra về, Thanh nó nghịch ngợm bảo riêng nàng :

— Tao xem anh Trọng mày có vẻ « phứt » con Yến rồi !

Vân buồn ngay từ lúc ấy, tuy nàng vẫn hi vọng Trọng không phải thứ người mà Yến dễ dàng « chài » được. Chính nàng, Vân cũng hiểu là mình khó chinh phục Trọng được. Nhưng nàng vẫn hi vọng. Và sự hi vọng ấy nó khiến Trọng trở nên một vị thần trước mắt nàng.

— Yến không biết đâu...

Câu nói bâng khuâng của Trọng làm nàng trở về thực tại. Nàng muốn trả lời nhưng cổ nàng bị uất nghẹn. Từ đấy, những uất giận bùng lên rất mau. Tự nhiên, Vân thấy ghét Yến. Ghét không tả. Nó là cái thá gì mà nhiều anh đàn ông chết vì nó thế. Kể cả Trọng, Trọng mới gặp nó hai lần thôi ! Vân nhìn Trọng chăm chăm. Vẻ mặt chàng vẫn vậy. Buồn như hồi mới gặp nàng. Vân ái ngại :

— Hay để em qua báo tin cho nó biết. Nó sẽ vào thăm anh mà. Yến không tệ đâu.

Nàng bênh vực Yến trong khi thâm tâm nàng muốn hạ nó sát ván. Nhưng mà... vẻ mặt Trọng thảm thương quá. Câu nói vừa rồi có lẽ an ủi được chàng chăng. Vân khổ sở với luồng tư tưởng phức tạp.

— Nếu Yến không đến... ?..?

Trọng hỏi. Vân thấy tức như có ai sỉ vả nàng. Trọng chẳng coi mình ra cái gì cả.

BÃI KHÓA

buổi học ngừng thở
những bàn tay xác chết vươn cao
có tiếng xì xào
rồi hò reo vang dậy :
bãi khóa !
bãi khóa !
tiếng hét
tiếng la
xôn xao
náo nhiệt
hận thù vùng lên
tự do hay chết
buổi học ngừng thở
rồi im như tờ...

8-63
ĐỖ-NGHÊ

Không hiểu sao nàng thấy cần phải làm Trọng tin tưởng :

— Em sẽ có cách làm nó đến, anh tin em đi.

Cổ họng nàng gần chết nghẹt trong những câu giải thích. Nàng nói mà chẳng hiểu mình đang nói gì. Trọng nằm im nghe. Những lời nói của Vân làm chàng nhóm lên một niềm hi vọng. Mắt chàng bật lên một tia sáng. Vẻ mặt chàng rạng rỡ làm Vân thương hại.

— Cô giúp tôi nhé ! Cô Vân. Tôi... cám ơn cô lắm.

Tiếng Trọng run rẩn, cảm động, chới với trong không khí như tiếng vẹ sầu khắc khoải. Vân khép cửa thật nhẹ trong khi nàng muốn đóng rất mạnh.

Mùi thuốc nhà thương làm Vân lợm giọng. Tất cả những hi vọng chết một cách chua chát trong lòng nàng. Nàng thấy Trọng xa nàng dần. Vân bắt đầu thấy cái viễn ảnh tối xám ấy.

— « Mày công nhận tao «Suya» hơn mày chớ ? » Giọng Yến thật xỏ lá. Vân đã chứng kiến nó hỏi như vậy với một con bạn vừa bị nó cướp mất người yêu. Yến chỉ muốn tỏ ra trội hơn thôi. Nó không ác ý cho lắm. Bằng cớ là chưa một thằng đàn ông nào động được đến tay nó. Và cái sự chơi trội ấy, tất cả những đứa bạn đều phải công nhận, kể cả nàng.

Nhưng không hiểu sao Vân tự nhiên tin rằng Trọng không thể ngả về nó. Nàng đã thích thú khi thấy nó và Trọng tán gẫu ở rạp xi nê hôm trước. Sự thích thú thật là đốn mạt. Vân đã hối hận ngay từ tối hôm đó, lúc từ giã Trọng về. Nàng bắt đầu ấm ức : Và cái mặc cảm mất Trọng nó cũng đến. Nó kéo dài đến bây giờ mới được trả lời. Vân giận mình đã hành động dại dột. Nàng không thể nào hơn Yến được. Cơn mưa ào xuống lúc nào Vân vẫn không biết.

Hay mình cóc thèm tới nhà nó nữa. Thế là xong, Yến sẽ không tới thăm Trọng. Trọng vẫn chỉ có mình nàng. Vân cười khẽ. Nhưng tiếng cười tắt ngay sau đó. Vân thấy cổ họng đắng như vừa uống thuốc Bắc. Ánh mắt cầu khẩn của Trọng hiện ra rõ hơn bao giờ. Nàng chịu thua, chịu thua tất cả. Những giọt mưa cứa vào mặt Vân buốt rát. Nàng thản nhiên chịu đựng. Như cái « sứ mệnh » nàng hứa với Trọng.

Nhưng chắc gì Yến nó chịu đến. Trong óc nàng lóe lên một tia hi vọng. Đòi mất Trọng lại hiện ra lần nữa, rõ rệt hơn, đau thương hơn. Không thể được ! Nó phải tới ! Anh Trọng ! em sẽ làm cho nó tới ! ...

Vân vào nhà Yến mà cảm như vào địa ngục. Yến đang tập hát theo chiếc đĩa nhạc quay tròn trên máy hát. Nó ngừng hát, reo to lên :

— Trời ơi ! mày. Đi đâu mà ướt như chuột thế ?

Còn đi đâu nữa ? Vân muốn nói thẳng cho Yến biết, nói toạc ra rồi đi về, nhưng ánh mắt của Trọng làm nàng ngừng lại.

Yến lăng xăng cởi áo, lau mặt cho Vân. Nó liến xáo nói trong khi Vân lặng im với những cảm giác dồn dập. Vân nhìn mặt nó mà thấy ghét. Yến ngừng lại khi thấy vẻ mặt khác thường của bạn. Nó hạ thấp giọng thầm thì như sợ ai nghe thấy :

— Mày thất tình hả ?

Giọng nó xỏ lá quá. Vân muốn cấu nát cái khuôn mặt tươi như cà-tô-mát của nó. Sự giận dữ bùng lên làm nàng uất người không nói lại được, Yến cười phá lên :

— Đứa nào nó làm mày đau ? Bảo tao, tao trả thù cho.

Nó vẫn nói với mấy con bạn bằng cái giọng đó. Bây giờ, nàng không ngờ nó nói cả với nàng. Vân nắm chặt lấy thành chiếc ghế con để trấn áp những xúc động vừa nhóm lên. Nàng cố lấy vẻ nghiêm trang bảo Yến :

— Anh Trọng bị xe đụng hôm qua, mày biết tin chưa ?

Yến gật gù cái đầu :

— À, ra thế ! Vì anh Trọng mày bị thương. Ông ấy chưa chết chứ ?

Giọng nó thản nhiên quá. Nó hỏi như có lệ vậy thôi. Nàng trả lời mà có cảm tưởng mình đang nói về ai chứ không phải về Trọng.

— Chưa, nhưng có lẽ phải nằm ở nhà thương khá lâu.

Yến tụt khỏi cái thành ghế trước mặt Vân. Nó nhún nhẩy vặn máy hát, quay lại bảo nàng :

— Tao mới mua được bộ dĩa mới, mày muốn nghe bản gì ? Lessons in love nhé ?

Ánh mắt nó đầy tinh nghịch nhưng Vân không thấy. Sự hững hờ của Yến làm nàng ngỡ ngàng. Nó chẳng coi Trọng ra cái thá gì cả. Những biến đổi chuyển động mạnh. Tự nhiên, Vân thấy thương xót Trọng. Nàng

SUỐT ĐỜI

tôi lừa dối tôi
học hành chăm chỉ
mười lăm năm trời
xây toàn mộng mị

tôi lừa dối tôi
bằng này chức nọ
rồi khi ra đời
không còn khổ sở

tôi lừa dối tôi
còn nhiều liên lạc
bao người thân khác
sống đời yên vui

tôi lừa dối tôi
đến ngày trang phục
yêu nhà yêu nước
yên tâm giết người

tôi lừa dối tôi
thay hình đổi dạng
dưới ánh mặt trời
trạnh giành chỗ đứng.

hà li hải 1963

thấy buồn như Trọng đang buồn. Vân thở dài, nàng muốn bắt buộc nó phải nghe về Trọng.

— Dẹp đi ! tao không muốn nghe.

Yến bực bội ném chồng đĩa vào tủ. Nó vùng vằng như bất cứ khi nào ai làm trái ý nó :

— Mày coi anh Trọng mày hơn tao thì tới nhà thương mà ngủ.

Có thế chứ ! Ít ra nó phải nói về Trọng. Vân tin tưởng với sự thành công ban đầu.

— Anh ấy nhờ tao nhắn mày...

— Nhắn gì ?

Yến gác chân lên ghế, vừa dũa móng tay vừa hỏi. Vân ngập ngừng không hiểu có nên nói ra không. Cuối cùng, nàng nuốt nước bọt :

— Mày nên vào thăm anh ấy.

Yến cười như phá :

— Nhắn tôi vào để tôi làm mai cô Vân cho ông ấy hả ? Coi bộ anh chị thương nhau quá.

Vân vừa thẹn, vừa giận. Nàng đẩy Yến ngồi xuống chiếc ghế trước mặt.

— Mày cầm cái lối đùa nhả của mày lại không tao về.

Yến với tay cầm chiếc áo dài, ném cho nàng :

— Mày không thích thì về đi, ai cấm.

Vân lặng người đi. Nàng muốn bỏ ra về ngay. Trọng sẽ không trách nàng được. Yến nó không chịu thì thôi. Chàng sẽ mãi mãi là của nàng. Anh Trọng ơi ! thế này thì thôi nhé ! Ánh mắt Trọng hiện ra trả lời nàng. Không thể được ! Mày làm hơn thế nữa. Vân tiếc đã hứa quá nhiều với Trọng. Nàng dằn lòng, cố cho giọng mình được tự nhiên :

— Mày nên nghĩ lại, Yến ạ. Anh ấy không quen ai ngoài hai đứa mình. Chẳng lẽ mình tao vào thăm mãi...

— Thế là nhất rồi, Anh mi chị...

Dù là nó biết rồi ! Cái giọng châu ngọc của nó. Vân cảm thấy mình đang làm trò hề trước mặt nó.

— Mày nên vào thăm anh ấy. Trọng nhắc tới mày nhiều. Anh ấy bảo...

— Bảo gì ?

Vân định nói toạc cho nó biết là Trọng yêu nó. Nhưng không hiểu sao nàng nói chệch đi :

— Bảo tao rủ mày vào chơi cho vui.

Sự giả tạo của nàng không bao giờ hơn được Yến. Nó ngồi thẳng, cúi đầu xuống, nói như đọc kinh :

— Tiếc quá ! tao tội nghiệp ông ấy quá. Nhưng mà... chiều nay tao mắc bận.

— Bận gì ?

— Chiều nay tao đi Đà Lạt.

— Hả ?

— Tao đi Đà Lạt.

Giọng Yến chắc nịch. Vân không hiểu mình thua hay thắng trận. Hiện tại, có lẽ nàng đang làm theo ý Trọng :

— Mày nên vào thăm anh ấy.

— Mày thăm hộ tao vậy. Bảo tao mắc bận.

— Bận cái gì ?

Vân cáu kỉnh. Yến cười phá lên :

— Bận... quần áo đi Đà Lạt với kép.

Vân giận uất người. Cái cảm tưởng Trọng và nàng đều là trò chơi của con nhỏ này làm nàng muốn dập vỡ mặt nó ra. Tự nhiên, nàng thấy tủi nhục. Nàng thấy thương nàng. Vân cố gắng lần chót :

— Tao lạy mày. Vào thăm anh ấy rồi hãy đi.

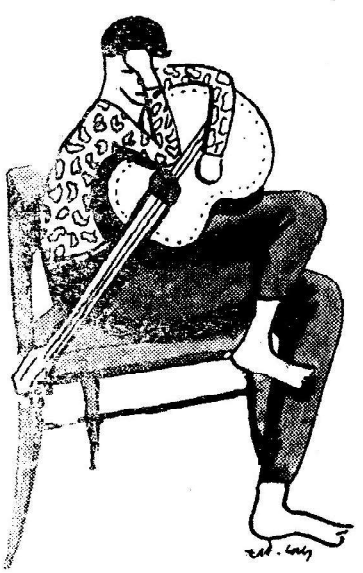

Vẻ mặt cầu khẩn, bàn tay nắm chặt lấy vai Yến làm nó tức cười :

— Ô hay ! con nhỏ này, mày làm gì thế ? Buông tao ra. Thằng Trọng nó bị thương thì mặc xác nó chứ, mắc mớ gì đến tao. Nó là bồ mày..

Vân hoàn toàn mất tự chủ. Nàng muốn phát điên vì đau xót, thất vọng, lẫn thù hận. Cổ họng nàng muốn bật tung ra :

— Đồ ngu ! Trọng yêu mày, con khốn nạn !

Nàng bỏ chạy ra cửa để Yến khỏi thấy nàng khóc. Trí óc nàng quay cuồng quanh Trọng, quanh nàng những con người đang chạy theo ảo ảnh.

Yến nói với theo :

— Vân ! Bận áo vào đã chứ, ăn bận thế mà ra đường hả ?

●

Vân lang thang trên đường phố mà chẳng biết phải làm gì. Cổ họng nàng đắng như vừa nuốt hàng chục quả bồ hòn. Vân thấy mình đang nằm trong giấc ngủ, ngày bỏ gia đình ra đi.

Bốn ngày rồi nàng chưa vào thăm Trọng, Nàng không dám vào thì đúng hơn. Từ bữa bị Yến từ chối, nàng đã bắt đầu sợ. Bây giờ, cái sợ hãi nó biến thành hình. Nó dày vò tim nàng óc nàng, và cả thể xác nàng. Vân sợ nhìn thấy mặt Trọng nhìn thấy sự thất vọng của chàng. Nhìn thấy vẻ mặt đau thương của chàng,

Vân không giận Yến. Nó quá quen đùa trên sự đau khổ của kẻ khác rồi. Với lại, có phải tự ý nó muốn đâu ? Tại nàng ! tại nàng tất cả. Vân hối hận đã giới thiệu Trọng với nó. Hối hận hành-động quái gở của nàng lần họp mặt thứ nhì. Bây giờ ! sự thể nó xảy ra nhanh quá. Nó làm nàng lạc lõng như ngày đầu tiên rời gia đình.

— Lên anh chở về !

Chiếc xe hơi xa lạ đậu kè sát nàng. Chiếc xe đẹp thật ! nước sơn bóng lẫy của nó, như cái thằng đàn ông vẻ mặt điếm đàng ngồi trên. Vân thấy nóng hai bên thái dương :

— Về đâu ? Nàng hỏi, giọng thản nhiên, không bận gợn.

Thằng đàn ông cười toét miệng ra :

— Cứ lên rồi về đâu cũng được.

(Xem tiếp trang 40)

BÀN TAY
nắm lấy
BÀN TAY

Cùng các bạn độc giả bốn phương.

Hôm nay nguyệt san Tình-Thương lần đầu tiên ra mắt các bạn và sẽ tiếp tục đến tay các bạn hàng tháng. Chúng tôi được hân hạnh đứng nơi đây bắc một nhịp cầu để chúng ta có thể thông cảm với nhau, để đón nhận tất cả các ý kiến, những lời phê bình xây dựng mà các bạn có nhã ý tặng cho nguyệt san Tình Thương.

Chúng tôi nghĩ rằng chúng ta, những người trẻ, học sinh, Sinh viên sẽ hiểu nhau thật dễ dàng, thân nhau thật mau chóng.

Nhưng sự thông cảm chỉ có thể trọn vẹn khi có đối thoại, khi có hợp tác, khi có « những bàn tay nắm những bàn tay».

Bởi vậy chúng tôi mở ra mục này, « Bàn Tay Ta Nắm Bàn Tay », để chờ đón những rung cảm của các bạn thể hiện trên những vần thơ, những tùy bút, những sáng tác. Chúng tôi cũng rất hân hoan chào mừng những thiên khảo luận.

Chúng tôi mong, và chúng tôi tin chắc rằng các bạn, chúng tôi, tất cả sẽ cùng góp sức, để nguyệt san Tình Thương càng ngày càng phát triển.

Thân ái

LÊ-SỸ-QUANG — NGÔ-THẾ-QUÝ

THƠ 28 SAO

i

đầu thai tỉnh giấc

cháo lú húp sôi, nhập thế ngay
tiền thân cười khóc lẫn đời quay
hồn mơ tinh đầu, vành xe trật :
bó gối, nghiêng đầu, khoanh hai tay.

ii

ngụp lặn từ đây

đầu ối vỡ toang, vào bể dâu.
nỗi trơ lặng lẽ chớm lên màu.
chín trăng lẻ ngủ không mơ bướm ;
cắt rốn, rồi ta bị buộc đâu ?
từ dũ
xii/mcmlxiii
yển thử

GIAI NHÂN TỰ CỔ

Chàng Thiêu-thân trắng vượt đêm đen
Vóc Lửa hồng say cất tiếng khen
Phút ái-ân xong, mình bốc cháy
Khỏa-thân nàng vẫn múa trên đèn.

tháng 11-1963
TRẦN - XUÂN - DŨNG

GIẢI PHẪU TỬ THI

Dao lướt tìm nguyên cớ khắp thây
Trong tim hằn thẫm bóng ai đây !
Hơi cay độc-dược như hờn bóc
Vàng đá ! — đâu người xưa — có hay ?

18 - 10 - 1963
TRẦN - XUÂN - DŨNG

TÁC GIẢ và TÁC PHẨM

KENNETH WALKER là một trong những thủ-thuật-gia lỗi-lạc nhất của Anh-Quốc. Tốt-nghiệp đại-học Cambridge và bệnh-viện St. Bartholomew ở Luân-đôn, hội-viên Học-viện Giải-phẫu Hoàng-gia, ông nổi tiếng, ngoài y-học thuần-túy, về những tác-phẩm y-học và triết-học của ông.

Ông đã xuất-bản : Lịch-sử Y-học và Lịch-sử của Máu. Ngoài ra, ông còn cộng-tác thường-xuyên với nhiều tạp-chí y-học và khoa-học lớn nhất hiện thời.

* * *

Trong cuốn Lịch-sử Y-học mà chúng tôi hân-hạnh trình-bày bản dịch dưới đây với quí-vị độc-giả, Kenneth Walker đã tóm tắt trong 20 chương, tất cả quá trình tiến hóa của Y-học trong hơn 3.000 năm, bắt đầu từ những văn-minh tối-cổ cho đến nền văn-minh hiện-đại, từ Hippocrate, Galien đến Pasteur, Fleming, cả một truyền-thống lấy phụng-sự làm động cơ, lấy lý-trí làm hướng-đạo, luôn luôn cố gắng cho đời thêm tươi đẹp, đáng sống.

Tác-giả đã phác-họa hình-ảnh người Y-sĩ qua các thời-đại : từ thầy phù-thủy đội-gạc hươu, qua thầy tư-tế, đến người Y-sĩ khoa-học ngày nay, đội

KENNETH WALKER

LỊCH SỬ Y-HỌC

bản quốc văn của HÀ HỢP NGHIÊM

mũ trắng, mặc áo choàng trắng, và dĩ-nhiên hay đeo kính trắng ! Phù-hợp với hình-ảnh ấy, người y-sĩ được thân-chủ kính-trọng và biết ơn, được xã-hội bảo-đảm một mức sinh-hoạt khá. Nhưng vinh lắm, lụy nhiều : xưa kia khoét mắt, chặt tay, nay thì ba tòa kiện-cáo, người y-sĩ đã trải nhiều phen cay-đắng. Ngoài ra, tác-giả còn trình bầy khái quát về việc huấn-luyện y-sĩ, từ khi tập-sự đến lúc hành nghề, họ học hành ra sao và với tinh-thần nào. Đấy là về phương-diện nhân-bản.

Về mặt chuyên-môn, tác-giả chủ ý kể lại cho những người không chuyên môn đà tiến triển của các khoa-học y-khoa : manh nha từ thế kỷ XVII cơ-thể học, sinh-lý học, tế-bào học... Cơ-thể-học chẳng hạn lại bắt đầu nhờ những họa-sĩ nổi danh, trong đó có Léonardo da Vinci, Michelangelo và Rembrandt. Sau đó, rất nhiều ngành mới xuất-hiện : cơ-thể bệnh-lý với Morgagni, vi-trùng học với Pasteur, phân-tâm học với Freud. Đến nỗi người ta phải nhận rằng ngày nay bảy năm học y-khoa ở trường đại-học hãy còn là quá ngắn !

Những biến-đổi về quan-niệm căn-bản của y-học là quan-niệm về bệnh-tật cũng được tác-giả trình-bầy cẩn-thận. Khởi đầu là quan-niệm siêu-hình : bệnh do âm dương bất hòa, bệnh do thần-linh quở phạt. Rồi đến Hippocrate, với quan-niệm triết-lý vững chãi hơn, đã dùng lý-trí và quan-sát thiết-lập nền y-học kinh-nghiệm. Cuối cùng là bộ ba Laënnec, Bernard, Pasteur đặt nền tảng khoa-học cho nghề thuốc. Bởi là một hiện-tượng xã-hội, nên, hơn ở đâu hết, y-khoa đã theo đúng tam-trạng luật của A. Comte. Thời Trung-cổ người ta còn tin rằng con người là một linh vật không thể mắc cùng bệnh với các loài động vật khác. Khoa ký-sinh-trùng học ra đời đã lật đổ quan-niệm đó. Bệnh dịch hạch chẳng hạn, theo quan-niệm ngày nay, là một bệnh của loài gặm-nhấm, mà con người chỉ tình-cờ mắc phải.

Trong những chương cuối cùng, tác-giả đã đặt ra những vấn-đề khó-khăn của y-học : mối nguy-hại của những thầy « lang-băm », vấn-đề khảo-cứu và phát-kiến khoa-học, v.v...

***

Lịch-sử y-học bắt đầu cùng với lịch-sử loài người và là một phần của lịch-sử đời sống trên mặt địa-cầu. Người ta chờ đợi ở tác-phẩm một quan-điểm tiến-hóa, và quả thật Kenneth Walker đã chứng-tỏ được sự tiến-bộ của loài người. Ở giữa cái vô-cùng lớn và cái vô-cùng nhỏ, bước tiến ấy cũng không là bao nhiêu ; nhưng nhìn chung những đau-khổ của nhân-loại, ta thấy y-khoa đã tiến-bộ hữu-hiệu trong công-cuộc chống lại bệnh-tật. Nơi đây người ta có thể vững lòng tin-tưởng ở lý-trí con người, ở tiến-bộ khoa-học, ở một tương-lai sáng lạn của nhân-loại chống lại hoài-nghi và hư-vô chủ-nghĩa :

Tuy thế, ngay ở mấy dòng đầu của chương nhất, tác-giả đã thốt lên những lời kinh-ngạc, thấy sự sống của loài người vẫn tồn-tại sau bao phiêu-lưu mạo-hiểm, bất-chấp định-luật đào-thải tự-nhiên của Darwin. Đời sống rút cục vẫn là một mầu-nhiệm.

Đấy là điểm hứng-khởi của tác-phẩm. Con tàu tự bến Luân-đôn, xuôi dòng sông Thames, đã tới cửa bể, Du-khách bàng-hoàng

nhìn chân trời mở rộng : một cuộc phiêu-lưu mới bắt đầu. Chúng tôi ước-ao rằng, qua bản dịch dù nhiều sơ-sót và sai lầm, mỗi độc-giả viết thêm được cho cuốn sách « chương thứ 21. »

∴

Y-HỌC THỜI TIỀN-SỬ

ĐỜI sống là một cuộc phiêu-lưu nguy-hiểm, vì nó bắt ta phải thích-ứng liên-tục với một môi-trường luôn-luôn thay-đổi. Nhìn những khó-khăn cơ-thể ta phải chống-trả, ta không khỏi ngạc-nhiên thấy chẳng những đời sống đã trường-tồn trên trái đất mà còn tiến-hóa dưới nhiều hình-thức khác nhau. Nào là thay đổi bất-ngờ của những điều kiện thiên-nhiên như từ nóng sang lạnh, từ ẩm-ướt qua khô ráo, từ trời quang mây tạnh tới bão táp phong ba ; nào là phải luôn-luôn tìm kiếm thực phẩm, nào là những cuộc tấn-công của các sinh-vật khác cạnh-tranh với ta ; và còn biết bao nhiêu khổ nhọc khác. Tóm lại, từ triệu năm qua, con người đã gặp cả ngàn lẻ một sự rắc rối bất ngờ.

Ngay từ lúc xuất-hiện lần đầu trong đầm nước bùn lầy con người đã phải chịu bệnh tật, ghẻ lở. Một trong những thiên-ân quí-giá nhất của con người là tự chữa lấy mình được, tự làm khỏi các bệnh tật được, là có cái tài mà ta gọi là *năng-lực trị-liệu của tạo-vật* (*vis medicatrix naturae*). Loài vật cũng có một linh-tính thúc đẩy chúng đi tìm những dược-liệu khả dĩ giúp cho cái năng lực trị-liệu kia : chó ốm nhai cỏ gà, cú mèo tắm bụi để trừ rận ; động-vật liếm các vết thương trên mình.

Y-nghệ của con người phát-sinh từ cái linh-tính sơ thủy ấy của loài-vật. Thế nên lịch-sử Y-học bắt đầu cùng một lúc với lịch-sử các bệnh-tật, mà bệnh tật lại có từ khi đời sống bắt đầu nẩy nở trên mặt địa cầu.

Một mẫu tối-cổ của bệnh-tật còn giữ được trong bảo-tàng viện Cơ-thể bệnh-lý, có lẽ là dấu vết một chứng-bệnh phát ra cách đây hàng triệu năm : mẩu đuôi một con khủng-long tìm thấy ở tiểu-bang Wyoming, Hoa-kỳ. Chú khủng-long này bị ung-thư xương ; và nhờ mẩu xương đó ta có thể viết lại quãng đời đau thương của con thằn-lằn khổng lồ kia, đau đớn vì cái đuôi mỗi ngày một thêm cứng nhắc. Con vật đáng-thương chắc phải khó nhọc lắm mới di chuyển đi kiếm mồi được, đến nỗi hao mòn dần mà thác

Chuyện vật đã xong, giờ đến chuyện người. Cái mẩu cổ nhất về bệnh của con người đào thấy ở Java năm 1891, là xương đùi của một « ông tổ » chúng ta, người pithecanthropus erectus. Đầu trên cái xương có một mụn bự : lại ung-thư xương ! Người pithecanthropus tiêu-diệt cách đây hàng triệu năm, và ta không biết chắc người ấy xuất-hiện vào lúc nào. Thế nên thời-đại của chiếc xương đùi trên kia cũng không xác-định được, trừ phi... nói rằng : thời ấy xa xưa lắm lắm... lắm.

Chứng tích về bệnh-tật con người phần lớn đều ở các xương, vì lẽ giản dị rằng di-tích của tổ-tiên con người chỉ có thể là những khúc xương. Những xác ướp Ai-Cập còn giữ được nhiều dấu vết đặc-thù của chứng cốt-tiết-viêm, cặn thống-phong trong các khớp xương sống, và ngay cả một ruột-thừa-viêm đã dính-kết xung-quanh. Người cổ Ai-Cập hay mắc nhất hai chứng nướu-viêm độc và phong-thấp kinh-niên. Hai chứng này thường đi đôi với nhau ; có thể răng mục là nguyên nhân của phong-thấp chăng ? Lại nữa, nướu-viêm độc và răng mục thường do thiếu ăn sinh ra ; như thế, dân Ai-Cập có thể đã từng thiếu sinh-tố C.

HÀ-HỢP-NGHIÊM

(Còn nữa)

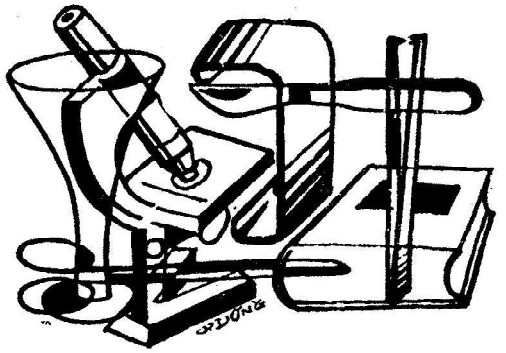

SINH HOẠT Y KHOA

BẢN TƯỜNG-TRÌNH CỦA BAN XÃ-HỘI TRƯỜNG Y-KHOA TRONG CÔNG-TÁC ỦY-LẠO BINH-SĨ CÁCH-MẠNG VÀ CÁC HỌC-SINH NẠN NHÂN TRONG CUỘC TRANH-ĐẤU CHO TỰ-DO TÍN-NGƯỠNG VỪA QUA.

Số tiền quyên được

— Quý vị Giáo-sư và Bác-sĩ. . . 15.600đ.00
— Nhân-viên Hành-chánh trường Y-khoa 6.515. —
— Nữ Hộ-sinh Quốc-gia. . . . . 720. —
— Sinh-viên Y-khoa và thân nhân Sinh-viên 21.106. —
— Thân nhân của 1 Sinh-viên Y-khoa : 48 hộp sữa và 100 quả cam

Số tiền này đã được phân-phối như sau :

— Ủy-lạo các chiến-sĩ Cách mạng (phòng V. T.T.M.) . . . . . 15.000đ.—
— Ủy-lạo Dân-Vệ bị thương ở Bệnh-viện Chợ Rẫy. . . . . 10.000đ. —
(48 hộp sữa và 100 quả cam)
— Ủy-lạo các em Học-sinh đã bị bắt bớ và tra-tấn trong cuộc tranh-đấu cho tự-do tín-ngưỡng vừa qua :
— Trường Chu-văn-An . . . . . 3.000đ.
— Trường Văn-Lang . . . . . 3.000.—
— Trường Mỹ-thuật Gia-định . . . 3.000.—
— Trường Gia-Long . . . . . 1.000.—
— Trường Trưng-Vương. . . . . 1.000.—
— Trường Nguyễn-Trãi . . . . . 1.000.—
— Trường Võ-Trường-Toản . . . 1.000.—
— Giúp quỹ Xã-hội của Tổng-hội Sinh-viên sẽ được thành lập. . . . . 5.941.—

43.941đ.00

Ban Xã-hội trường Y-Khoa Đại-Học Saigòn xin chân thành cảm-tạ quý-vị hảo tâm đã giúp chúng tôi hoàn thành công-tác trên đây.

Ban Xã-Hội Trường Y-Khoa Đại-Học,
VÕ-VĂN-KỶ (6è)

Tiếp thông cáo vận-động của ban Đại diện Sinh-viên Y-khoa Lâm-thời do anh Phạm văn-Lương làm chủ tịch, Các năm Y-khoa từ thứ nhất đến thứ 5 đã lần lượt bầu ban đại diện của lớp mình, trừ năm thứ sáu (không bầu được).

Mỗi ban đại diện gồm có 3 sinh-viên. Các ban đại-diện của trường đã họp tại giảng đường M4 chiều ngày 18-12-1963 hồi 18 giờ để bầu « BAN ĐẠI DIỆN SINH VIÊN » Cho toàn trường, và sau đây là danh-sách :

BAN CHẤP HÀNH :

— Chủ-tịch : Đường-Thiện-Đồng (IVè)
— Phó chủ-tịch (Nội-vụ) Đặng-ngọc-Cương (V)
— Phó chủ tịch (ngoại giao) Phạm-ngọc-Giao (IV)
— Thư ký : Ngô-thế-Vinh (III)
Nghiệm-đạo-Đại (III)

CÁC ỦY-VIÊN

— Ủy-viên Báo chí : Trương Thìn (II)
— Ủy-viên Thể-thao : Trần-văn-Thường (IV)
— Ủy-viên Xã-hội : Lê-quang-Dũng (III)
— Ủy-viên Văn-nghệ : Trần-thanh-Hà (II)
— Ủy-viên Ronéo Nội qui : Dương-hữu-Thành (V)

— Ủy-viên Du-lịch : Bùi-vĩnh-Thanh (I)
— Ủy-viên Tài-chánh : Lưu-cẩm-Châu (V)
— Ủy-viên Phụ-tá Ngoại-giao : Phạm-văn-Hanh (II)
Nông-thế-Anh (I)
Tô-văn-Thình (I)

— Ban đại-diện lâm-thời đã bàn giao công việc cho ban đại-diện chính-thức ngay chiều hôm 18-12-63.

THỂ THAO

✱ *GIẢI BÓNG BÀN NGUYỄN-HỮU*

Đêm 28-XI-63, hai đoàn vợt gỗ Trung tâm Phú-thọ và Y khoa đại-học gặp nhau tranh giải thân hữu do giáo sư Nguyễn-Hữu tặng. Cuộc đấu được đặt dưới sự chủ tọa của ông Nguyễn danh Sành tổng thư ký, đại diện ông Khoa trưởng Y-khoa và dưới sự hiện diện của một số khán giả rất ghiền môn thể thao này.

Mỗi đoàn đưa ra bốn đấu thủ gặp nhau trong 9 trận đơn. Chung cuộc, Y khoa thắng dễ dàng với tỷ số 5-2 đoạt giải thưởng Nguyễn Hữu. Ông Tổng Thư-Ký đại diện ông Khoa trưởng trao cúp cho thủ quân đoàn nhà giữa tiếng hoan hô nồng nhiệt của toàn thể khán giả.

✱ *TRANH-VÔ ĐỊCH BÓNG BÀN ĐẠI HỌC XÁ MÙA 1963-64*

Giải vô địch đại học xá mùa 1963-64 được tổ chức vào dịp tết Nguyên-Đán. Anh Quang, đại diện ban tổ chức, có nhã ý mời quý anh Y Khoa tham-dự. Vậy tin các bạn rõ để lo thường xuyên tập dượt.

✱ *TRẬN GIAO HỮU BÓNG BÀN Y KHOA— DƯỢC KHOA*

Y khoa dự tính tổ chức một cuộc gặp gỡ Y — Dược để thắt chặt tình thân-hữu vẫn sẵn có giữa hai phân khoa của đại gia-đình Y Dược,

Ngày giờ sẽ loan báo sau.

D.H.HUY.

SINH VIÊN Y-KHOA GÓP PHẦN VÀO CUỘC BIỂU TÌNH TRƯỚC TÒA ĐẠI SỨ PHÁP

Hồi 8 giờ sáng ngày 20-12-63, học sinh và sinh-viên đã biểu-tình trước tòa đại sứ Pháp để tỏ lập-trường chống Trung-lập của Thanh-niên, Sinh-viên và học-sinh Việt Nam. Thành phần tham dự thuộc đủ các trường. Sinh viên y khoa góp phần đông đảo, đặc biệt là các bạn năm thứ nhất và năm thứ 2. Các bạn ở các lớp khác vì không đi học ở trường buổi sáng mà tản mác thực tập ở các bệnh viện nên chỉ có một số ít biết tin tham-dự kịp.

Một bản in ronéo xác-nhận lập-trường chống trung-lập hóa miền Nam của sinh-viên học sinh đã được phổ biến. Trong đó, sinh-viên, học sinh đả kích thái độ mập-mờ của nhà cầm quyền Pháp trong việc thừa-nhận chính phủ lâm thời Việt-Nam ; đả-kích tướng De Gaulle, người chủ-trương trung-lập-hóa miền Nam Việt-Nam qua những lời « giả nhân giả nghĩa » : « giúp cho dân Việt-Nam tự định đoạt số phận mình ». Trong bản tuyên ngôn đó, sinh-viên, học sinh lớn tiếng nói thẳng với De Gaulle rằng : « Hãy từ bỏ mọi mưu mô bẩn thỉu ấy đi ! Đừng lợi dụng cơ hội để làm nhơ tình hữu nghị Pháp Việt đã phải nhiều thời gian mới tạo lại được giữa hai dân-tộc bạn ».

Sau cùng, trong phần kết của bản ronéo, sinh-viên, học sinh tuyên bố « cương-quyết chống đối bằng mọi cách mọi mưu mô trung lập hóa miền nam Việt-Nam dưới bất cứ hình thức nào, vì Trung-lập là lưỡi dao găm đâm sau lưng anh em Quân đội Cộng-hòa đang chịu đựng biết bao hy-sinh, gian-khổ trong nghĩa vụ diệt Cộng, vì Trung-lập là phản bội dân-tộc Việt-Nam ».

Bản tuyên ngôn cũng không quên kêu gọi mọi tầng lớp đồng bào cùng sinh-viên học sinh « sát cánh tranh-đấu cho ý định Trung lập không thể bắt rễ được ở mảnh đất cuối cùng này của Dân Tộc ».

tuyên ngôn LEYSIN

(Tiếp theo trang 8)

— Chúng tôi tin-tưởng nơi Hiến-chương của Liên-Hiệp-Quốc. Chúng tôi cũng tin-tưởng rằng Liên-Hiệp-Quốc là cơ cấu duy-nhất hiện nay có thể một ngày kia thiết-lập một nền pháp-trị trên toàn thế-giới.

— Chúng tôi tin-tưởng rằng mỗi dân-tộc, trong những điều-kiện hoàn-toàn tự-do, có quyền chọn một hệ thống xã hội và chính-trị dân-chủ tương-ứng với nhu-cầu và nguyện-vọng của mình.

— Chúng tôi tin-tưởng rằng cá-nhân chỉ có thể chịu những giới hạn về quyền-lợi và tự do theo luật-định, và như thế, chỉ là để bảo-đảm sự tôn-trọng những quyền-lợi và tự-do của đồng-loại và công-ích xã-hội.

— Chúng tôi nhấn mạnh vào tính-cách khẩn-cấp của sự khuyến khích một cộng-tác rộng lớn hơn giữa những sinh-viên trên thế-giới. Chúng tôi nhìn-nhận rằng một cộng tác được khuếch trương như thế là điều-kiện tiên-quyết cho sự gánh vác hữu-hiệu hơn của Sinh viên trong việc kiện-toàn trật-tự của một thế-giới đoàn-kết và hòa-bình, nguyện vọng chung của mọi dân tộc trên trái đất.

— Chúng tôi thỉnh-cầu các Tổng hội Sinh-viên Quốc-gia hãy mở rộng sự cộng-tác của họ giữa nhiều nước, giữa hai nước và ở địa phương, không kể đến những quan-hệ quốc tế. Chúng tôi khẩn thiết xin Hội-Nghị Sinh viên Quốc tế lần thứ 11 (11th ISC) và Phối trí Thư ký đoàn (COSEC) hãy nhiệt-liệt khuyến khích những sáng-kiến này với tất cả hiệu lực có thể có được. Chúng tôi nhìn nhận bất-cứ một khuếch-trương nào trong sự hợp tác giữa Sinh-viên như một bước tiến tới việc kiện-toàn sự thống nhất Sinh-viên thế giới

— Hơn thế nữa, chúng tôi nhấn mạnh đến tầm quan-trọng của sự thấu hiểu rõ-ràng và sự xét lại thường xuyên những đối-tượng tích-cực của hợp-tác Sinh-viên Quốc-tế, cũng như những nỗ-lực của sinh-viên trên toàn thế-giới chống lại đàn-áp dưới mọi hình-thức.

— Chúng tôi, những người tham-dự ký tên dưới đây, xác-nhận nhiệt-tâm của chúng tôi đối với lý-tưởng hợp-tác Sinh-viên Quốc-tế và với sự tranh đấu của Sinh-viên song-song với dân-tộc họ; chống lại mọi hình-thức đàn-áp, cho dù là thực-dân hay tân thực-dân, chính-thể toàn-nhất hay chủ-nghĩa đế-quốc, kỳ-thị chủng-tộc, độc-tài hay bất-công xã-hội.

Sự hợp-tác Sinh-viên Quốc-tế, để có thể phản-ảnh trung-thực được những mục-đích của Sinh-viên thế-giới, phải đặt nền-tảng trên một triết-lý xuất-phát tự *vai-trò căn-bản của người Sinh-viên trong xã-hội.*

tuyên ngôn LEYSIN

Chúng tôi, những người tham-dự Hội-thảo Sinh-viên Quốc-tế lần thứ 14 ký tên dưới đây đã tìm-tòi để định rõ những mục-đích của hợp-tác Sinh-viên Quốc-tế trong phạm-vi của tổ-chức Hội-Nghị Sinh-viên Quốc-tế. Phù-hợp với những lời nguyện-hứa với hi-vọng của chúng tôi và tinh-thần của Bản Tuyên Ngôn Quốc-tế nhân quyền, chúng tôi cần phải bắt đầu bằng một ý-niệm về vai-trò đó.

I. MỤC-ĐÍCH CỦA PHONG-TRÀO SINH-VIÊN QUỐC-TẾ

Người Sinh-viên của thế-giới ngày nay không phải chỉ là một nơi tiếp-nhận thụ-động những phương-pháp giáo-dục, biệt-lập khỏi những vấn-đề xã-hội và đại-học của họ. Do bản-chất, họ là những thanh-niên trí-thức đi tìm chân-lý. Với tư-cách một thanh-niên họ có những lợi-khí sắc bén nhất để giải-quyết những vấn-đề quốc-gia và quốc-tế của họ. Với tư-cách một người trí-thức họ phải phát-huy mọi khả-năng để phân-tích và thấu hiểu những vấn-đề đó. Với tư-cách người đi tìm chân-lý, họ luôn-luôn bị thử-thách để kịp thời thấy những góc cạnh chính xác hơn của thực-tại và những quan-niệm về công-lý, vốn đã là một phần của chân-lý. Công-cuộc kiếm-tìm ấy đưa họ đến sự tự-do trao-đổi tư-tưởng, phương-tiện duy nhất để làm nẩy ra những quan-niệm tinh-nhã hơn về chân-lý. Công-cuộc ấy cũng đưa họ tới phần trách-nhiệm họ phải lãnh trong mỗi thế-hệ, để áp-dụng hữu-hiệu thành-quả của những nỗ-lực lớn-lao hầu minh-định lý-tưởng của chân-lý và công-lý.

A. Từ những nhận-định này nẩy ra ý-niệm của một nền *đại-học tự-do*, một nơi tập-trung những trao-đổi cởi-mở của ý-tưởng, một phương-tiện để nghiên-cứu cho có hệ-thống những vấn-đề của xã-hội mà đại-học là một thành phần và là một trung-tâm trong đó xã-hội có thể tự kiểm-thảo thường-xuyên qua sự thẩm-sát những phần việc qui-định làm nền-tảng cho mỗi cơ-cấu đại-học. Bởi vậy Đại-học phải được tự-trị đối với những quyền-lực định can-thiệp vào để nắm lấy những quyền-hành của Đại-học.

Đại-học phải đảm-nhận ba nhiệm-vụ: văn-hóa, kinh-tế và xã-hội. Đại-học phải bảo-đảm sự tiến-triển văn-hóa của mỗi sinh-viên, cho họ phương tiện để có thể đứng vững trong nền kinh-tế quốc gia, và sắp sẵn cho họ những trách-nhiệm để họ sẽ gánh-vác trong xã-hội. Tại nhiều nước trên thế-giới, chính sự khuếch-trương và dân-chủ hóa nền giáo-dục là vấn-đề khẩn cấp nhất mà người sinh-viên phải đương đầu. Sinh-viên từ mọi giai-cấp xã-hội, từ mọi

(Xem tiếp trang 57)

TÌNH HOA

Yêu ngần ngơ rồi đau xót xa
Số anh là khổ, phận anh là
Suốt đời nuốt lệ vào trong ngực
Đem ái tình dâng kẻ phụ ta

xuân diệu

THANH khóa xe và bước vội vào phòng. Ánh nắng gay gắt của buổi trưa miền nhiệt đới làm Thanh choáng váng, nắng đến nứt nẻ cả đất đai, nắng khô cây cỏ, nắng cháy da bỏng thịt, nắng như thiêu như đốt cả vạn vật. Ánh nắng ghê hồn xuyên qua mái nhà, qua trần nhà và hun nóng cả bầu không khí trong căn phòng gác làm Thanh ngột ngạt. Mồ hôi đọng lấm tấm trên trán rồi chảy thành vệt xuống mắt cay xè, Thanh rút khăn mùi xoa lau mặt và với tay vặn công tắc cho quạt máy chạy, đoạn chàng cởi áo ngoài ngả mình trên chiếc giường sắt, lim dim cặp mắt để đón nhận lấy một cảm giác mát mẻ và dễ chịu từ tấm nệm trải drap trắng truyền qua thân thể.

Nhưng Thanh bình thản như vậy không được lâu. Bao giờ cũng thế, mỗi khi có việc gì sắp phải làm, dù quan trọng hay không quan trọng, Thanh hay băn khoăn nghĩ ngợi, tính đến các trường hợp có thể xảy ra để rồi lạc hướng hẳn trong cái thế giới hỗn độn vừa đặt ra đó. Thật là vô ích, thật là mất thì giờ và cũng thật là khôi hài, nhưng Thanh không sao bỏ được. Hôm nay là phiên gác đầu tiên trong đời sinh viên y khoa của Thanh, trong thâm tâm, chàng mong có rất nhiều bệnh nhân đột nhiên trở nặng để có dịp đem sự hiểu biết của mình ra xử dụng, nhưng Thanh chợt thấy ngượng vì ý nghĩ ích kỷ của mình, có lẽ từ xưa đến nay mình chỉ toàn phá hại mà chưa giúp ích cho ai được một điều gì, Thanh nghĩ vậy. Đột nhiên bao nhiêu hình ảnh cũ hiện ra, những hình ảnh mà Thanh cho là tội lỗi, những xác người vô thừa nhận bị chàng cắt xén thọc ngoáy, làm dủ tình dủ tội những thúc xương trắng của bao kẻ vô danh ; những con vật ngắc ngoải vì bị ngâm trong formol cất lên tiếng kêu ai oán, tiếng kêu cuối cùng tắc nghẹn như tiếc nấc, những cái vặn mình tuyệt vọng, những tia nhìn nhau hòa nước mắt... Thanh rùng mình, một ngày nào đó chàng sẽ chết sẽ vĩnh viễn từ giã cõi đời để bình thản nằm yên trong khoảng trống rỗng của một chiếc áo quan. Ngày đó sẽ đến, Thanh không sợ, không trốn tránh, nhưng chàng hy vọng sẽ được từ giã cõi đời với một chút luyến tiếc nhớ thương chứ không phải đem sang bên kia thế giới — nếu quả thật có thế giới vô hình — một nỗi oán hờn.

Lúc này đây, hơn bao giờ hết, Thanh muốn xóa bỏ mọi mặc cảm tội lỗi bằng cách cố gắng làm một cái gì, gọi là có, để đền bù lại trong muôn một những sự hưởng thụ của chàng từ trước đến giờ.

Nhưng sao mãi mà chưa thấy ai gọi cả ? Buổi trưa nóng nực và yên tĩnh quá làm mắt Thanh díu lại, chàng ngáp thật to và vươn vai cho tỉnh ngủ, mắt mở lớn nhìn lên trần. Mầu vôi trắng đã ngả vàng, vài chỗ lốm đốm hoen vì bị giột ; hai con thạch thùng đuổi cắn nhau kêu lên tăng tắc ; chiếc quạt trần quay nhè nhẹ, phát ra một tiếng động khàn khàn và mệt mỏi. Thanh vùng ngồi dậy làm lớp lò so rít lên ken két, chàng lững thững đến bên cửa sổ và lơ đãng đưa mắt nhìn ra ngoài. Ánh nắng vẫn còn gay gắt, cây cỏ ủ rũ như mê man vì thứ ánh nắng quái ác đó. Trời trong và xanh biếc, không một gợn mây trông như cao và rộng hẳn lên. Một chiếc lá rơi, lẻ loi và lạc lõng như chàng cứng đầy, cách biệt với tất cả mọi người.

Tiếng trẻ con tập đọc ê a từ trường tiểu học gần đấy vọng sang êm và buồn đem Thanh trở về những chuỗi ngày thơ ấu hồn nhiên đón hậu với một nỗi luyến tiếc vô bờ. Những ngày vô tư, những ngày ngây thơ, những ngày còn tung tăng níu tay mẹ dạo chơi bên bờ hồ Gươm có Tháp Rùa soi bóng và có hàng dương liễu xõa tóc đợi chờ... Những ngày còn tung tăng đuổi bướm, hái hoa ở miền thôn dã có lũy tre xanh, có đồng ruộng mênh mông vàng lên một màu lúa chín, có hương sen thoang thoảng không gian. Dĩ vãng qua đi, nhưng nào phải qua đi là hết hẳn. Dĩ vãng còn đó, thoáng hiện, thoáng đi, mơ hồ như những bóng ma, có khi bị che lấp vì hiện tại nhưng có lúc đột nhiên dâng lên như một ngọn thủy triều, tràn ngập cả nguồn tư tưởng của Thanh làm chàng ngây ngất.

Một cơn gió thoảng qua, đem theo một làn hương thơm thoang thoảng dịu dàng như mùi hoa bưởi. Thanh nhìn về phía đầu hành lang : cây bưởi đã trổ qua, những đóa hoa nhỏ màu trắng mịn nổi bật lên giữa đám lá xanh trông đẹp như một bức tranh. Đột nhiên, Thanh nhớ đến một bài ca dao đầy hương vị quê hương và cũng đầy nhớ nhung luyến tiếc :

Trèo lên cây bưởi hái hoa
Bước xuống vườn cà, hái nụ tầm xuân
Nụ tầm xuân nở ra xanh biếc
Em lấy chồng, anh tiếc lắm thay ..

Trong một thoáng, ý định đến thăm Uyên chợt hiện ra, mãnh liệt như một cơn gió lốc. Uyên là người yêu của Thanh. Đã gần một tháng nay, mợ Thanh bệnh nặng, chàng bận chạy đi chạy lại

lo lắng thuốc men nên không sao đến thăm Uyên được, và lại đến với người yêu trong lúc mẹ đang bệnh hoạn không phải là điều mà Thanh muốn làm. Giờ đây, mợ chàng đã khỏi, không còn lý do gì ngăn cản Thanh đến với Uyên nữa Mình sẽ đến với Uyên, nàng sẽ tươi cười đón mình tận cửa, sẽ âu yếm nắm tay mình mà hỏi, giọng nũng nịu pha lẫn giận hờn :

— Sao lâu lắm anh không đến thăm Uyên ?

— Mợ ốm nên anh bận.

Nàng sẽ tròn mắt hỏi mình như vậy và gọi « Mợ » hiền và ngoan như tiếng gọi của một người con rồi nàng sẽ trách:

— Anh ác vừa vừa chứ. Anh làm em lo và nhớ anh ghê... lắm. Mình sẽ ân cần vuốt làn tóc mai mềm mại cửa nàng, sẽ soi bóng mình trong đáy mắt sâu thăm thẳm của nàng, sẽ êu yếm đặt lên làn môi thơm ngọt của nàng một nụ hôn nồng cháy Uyên, anh nhớ em, anh yêu em, em biết không ?

Tiếng chuông điện thoại chợt reo vang. Thanh giật mình quay lại cầm lấy ống nghe. Tiếng người y tá vang lên, gấp rút :

— Thưa ông, có người bệnh sắp chết ở trại I, Mời ông xuống ngay cho.

— Được, được. Để tôi xuống ngay.

Thanh gác máy, khoác lên mình chiếc áo choàng trắng. Cầm ống nghe, rồi tất tả chạy đến trại I, vừa đi vừa gài khuy áo. Người y tá đón chàng ở cửa trại và dẫn đến chỗ bệnh nhân. Thanh đưa tay lật tấm chăn ; bệnh nhân mặt mày nhợt nhạt, mắt trợn trừng chỉ còn lòng trắng, miệng lắp bắp nói mê, chân tay mình mẩy mồ hôi vã ra như tắm : hơi thở dồn dập ngắn và khắc khoải. Thanh cởi cúc áo của bệnh nhân để nghe tim và phổi : Hơi thở khò khè nhưng tim đập đều và rõ, tuy rất nhanh.

Không đến nỗi, Thanh thầm nghĩ. Chàng ghi vắn tắt những nhận xet vào hồ sơ bệnh lý rồi cho thuốc.

Người y tá chích thuốc cho bệnh nhân và đem đến một bình dưỡng khí. Thanh ngồi xuống bên giường một tay cầm vòi dưỡng khí để vào mũi bệnh nhân, một tay bắt mạch. Ít lâu sau, thuốc ngấm, mạch đập chậm dần và hơi thở nhẹ nhàng hơn, người bệnh nghẹo đầu sang bên và thiếp đi trong giấc ngủ mệt mỏi.

Nhìn kết quả của việc mình làm Thanh mỉm cười sung sướng, Không có gì cả, nhưng đây là lần đầu tiên Thanh thấy mình giúp ích được người khác trong cơn hoạn nạn. Bao nhiêu nỗi băn khoăn thắc mắc bao nhiêu mặc cảm tội lỗi của chàng theo gió tan vào không gian... Thanh lững thững trở về phòng gác, vừa đi vừa huýt sáo khe khẽ một bản nhạc vui.

Đã có người đến gác tiếp, Thanh thay quần áo lấy xe ra về. Đường phố đã lên đèn từ lâu ; xe cộ tuy vẫn tấp nập, nhưng cơn nóng nực ban chiều không còn nữa. Gió đêm nhè nhẹ mơn man da thịt Thanh đem lại một cảm giác dễ chịu như sự vuốt ve của một bàn tay dịu dàng âu yếm. Thanh thở mạnh, thu vào lồng ngực làn không khí trong lành và đượm mùi hơi nước ấy. Chàng cho xe chạy về phía nhà Uyên. Phòng khách còn ánh sáng, một màu sáng xanh dìu dịu. Thanh dựng xe và mở cổng tự tiện bước vào. Một tháng trời xa cách, cảnh nhà Uyên trông lạ hẳn đi : bức tường màu xám trước kia đã được quét lại bằng lớp vôi màu hồng nhạt, các cánh cửa sơn xanh lá cây đang hãnh diện khoe sắc dưới ánh đèn ; cây huỳnh liên trước cửa đã biến đâu mất, thay vào là chiếc vại lớn trồng một cây mai cành lá xum xuê, điểm lốm đốm vài đóa hoa vàng...

Con chó từ góc nhà sồ ra sủa lên một tiếng lớn làm Thanh giật bắn mình, nhưng con vật đã kịp nhận được người quen, nó chồm lên liếm tay Thanh và kêu lên khe khẽ.

Đang định bước vào nhà, Thanh đột nhiên dừng lại : tấm chắn gió dựng ở cửa khiến Thanh không nhận được mặt những người bên trong, nhưng qua khoảng trống độ hai mươi phân giữa mặt đất và khung vải, chàng thấy hai chiếc giầy đang « âu yếm » chụm đầu. Một chiếc giầy tây đen, chắc là của một người đàn ông và một chiếc giầy cao gót mũi nhọn đóng bằng lưới màu hồng trên đó có gắn một giầy hạt cườm mà thoáng trông Thanh nhận ra ngay là chiếc giầy của Uyên vẫn thường đi.

Thanh còn đang lưỡng lự chưa biết nên xử trí ra sao thì từ trong phòng, tiếng thanh niên — Thanh đoán thế vì giọng nói gọn và vui— vọng ra:

— Mình đi thôi.

Tiếng Uyên nũng nịu:

— Anh muốn Uyên ăn mặc thế này ra đường cho họ cười chết hay sao ?

— Thì Uyên trang điểm đi vậy. Nhưng cứ thế này cũng khối cậu chết mệt rồi.

— Gớm, chỉ khéo nịnh.

Và Uyên cười, tiếng cười trong như tiếng vỡ của thủy tinh, tiếng cười xoáy vào hồn Thanh như những mũi kim làm Thanh đau đớn.

Chàng lặng người quay trở ra, nụ cười cay đắng pha lẫn một chút khinh bỉ thoáng hiện trên đôi môi tái đi vì xúc-động. Con chó, từ lúc vào vẫn quấn bên chân Thanh, đuôi ve vẩy, bây giờ lại theo chàng ra tận cửa. Sự quyến luyến ấy làm Thanh bùi ngùi cảm động. Mới một tháng qua mà tất cả đều thay đổi, chỉ còn con vật kia vẫn nhớ đến chàng. Thanh thở dài ngao ngán, không hiểu mình buồn cho chính mình hay buồn cho lòng dạ của con người. Yêu nhau đó rồi quên nhau đó. Tất cả qua đi như một giấc hoàng-lương. Nhưng Uyên ạ, anh vẫn yêu em, em biết không ?

13 - 12 - 63

YÊN - THẢO

GIỚI THIỆU

Sau đây là danh sách các Bác-sĩ « Mát Tay » nhất Việt - Nam :

B.S Trần VỆ-SINH

B.S Bùi ĐIỀU-ĐỘ

B.S Nghiêm BÌNH-THẢN

B.S Nguyễn VUI-VẺ.

KHUÔN MẶT

(Tiếp theo trang 19)

thường ngày của hắn. Và mỗi lần thấy mình lố bịch, hắn lại xin lỗi nó. Nó bắt hắn hứa không suy tư lầm cầm nữa và nó sẽ thôi lăng nhăng. Nhưng đâu vẫn hoàn đấy. Và mọi sự lại tiếp tục. Buồn chán.

Anh yêu.

Đã lâu lắm, anh không đến em, em biết anh giận em và lần này giận thật rồi. Mấy hôm nay trời trở lạnh, cái lạnh hắt hiu của mùa thu miền Bắc làm em cô đơn quá.

Nếu anh hiểu em hơn có lẽ anh sẽ thương em và không nỡ để em buồn thế này. Em khóc cho mà xem.

Anh khinh em vì bây giờ em bệ rạc, ham chơi như hàng triệu cô gái đô thành nham nhở này. Tội nghiệp em, anh ạ.

Em yêu anh từ lâu lắm rồi. Có lẽ từ thuở chúng mình tản cư trên con đường năm nhăm ra Thanh-Hóa. Thuở ấy anh vẫn cõng em, anh nhỉ. Có lẽ anh quên mất rồi. Nhưng em thì em nhớ mãi. Lớn lên, vào đây, em bắt đầu thấy mình khang khác, mến anh với mối tình khác hơn tình anh em thuở ấy. Nhưng anh vẫn thờ ơ, coi em như con nít. Anh mơ những cô Lan, cô Bích rồi cô Chi.

Chắc anh ngạc nhiên vì em biết chuyện anh và cô Chi, chuyện chỉ hai ba người biết. Em yêu anh nên âm thầm theo rồi anh. Vả lại có sự gì dấu được người con gái khi nó muốn biết, anh nhỉ.

Biết cô Chi phụ anh, em vừa mừng vừa thương anh vô hạn. Anh đừng cho em là ích kỷ, tội nghiệp. Thế mà cho đến nay em vẫn chưa lấp được khoảng trống do cô Chi để lại. Em thấy tủi thân. Đứa con gái đến sau bao giờ cũng thua thiệt. Nhiều lúc em lần thần mong cô ta chết quách đi. Anh đừng giận em độc ác, anh nhé. Tội nghiệp em. Đàn bà ai chẳng ghen.

Anh trước đây đầu có buồn, vui vẻ yêu đời. Em thương anh, thắc mắc, thao thức vì cái không khí trống vắng, hoang vu quanh anh. Em liều lĩnh bước vào và giờ đây lạc lối, một mình giữa sa mạc. Tình cảm của anh làm em chóng mặt, nó xoay em vào cơn gió lốc. Những lúc gần anh nhất, lại là lúc xa anh hơn bao giờ cả.

Em biết đối với anh, em chẳng là cái gì cả. Nhưng em vẫn yêu anh, yêu cái cô đơn làm em điên đảo, yêu dáng người đàn ông dễ ghét của anh.

Chắc anh lạ vì sao hồi này em thay đổi. Bỏ mái tóc thề anh vẫn khen là đẹp, trang điểm lòe loẹt, cái mà anh rất ghét. Anh tưởng em hư, nhưng bây giờ và mãi mãi em vẫn chỉ là đứa nhỏ lẽo đẽo theo anh, yêu anh bằng mối tình thần phục tuyệt đối.

Em đi chơi, thay đổi diện mạo là chỉ mong anh ghen, họa may anh mới nghĩ đến em một tí. Tội nghiệp em, anh ơi. Anh dư biết người như em chơi thế nào được với bọn anh Toàn-chuột-kẹp, bọn anh Hùng-bậu. Bọn người lấy du hí thường xuyên làm lẽ sống, đầu óc rỗng tuếch, bần tiện, hèn hạ. Thế mà em liều lĩnh đi với họ, chỉ vì anh, tất cả cho anh. Thật là mâu thuẫn anh nhỉ. Chưa khi nào anh chịu tìm hiểu tình yêu của em đối với anh đến mực nào. Em, em muốn cùng anh ra khỏi sa mạc ưu tư, muốn khám phá dùm anh tình yêu ấy. Thất bại.

Em nhớ đến câu nói của anh :

« Muốn hạnh phúc, đừng đòi hỏi người con trai phải làm gì cho mình, mà nên tự hỏi mình sẽ đem lại những gì cho người con trai ».

Giờ đây, anh hiểu vì đâu em yêu anh, vì đâu em lố lăng làm anh hờn giận. Vậy thì, anh hãy đến với em, em buồn quá, cô đơn quá và nhớ anh quá. Em chết mất. Thương em, anh nhé.

Em yêu anh, yêu anh và yêu anh...

YẾN
HẢI-TRANG
(Mưa bay 63)

THỨC GIẤC

(Tiếp theo trang 29)

Mặt nó đều càng quá ! Vân nghĩ tới Yến. Phải chi có nó ở đây. Nó sẽ coi nàng với gã này. Vân cười đồng lõa :

— Đi về âm phủ, được không ?

Nó mở to mắt nhìn nàng. Cơn giận tự nhiên bốc lên ngùn ngụt. Vân đập mạnh vào cửa xe :

— Nhìn gì ? Cút đi, đồ lạc chợ.

Nó nháy một bên mắt, nhổ một bãi nước bọt rồi phóng xe đi. Vân thấy tủi thân hơn bao giờ hết. Hình ảnh gia đình xấu xé ngày mẹ chết. Người anh lớn bỏ đi. Bà dì ghẻ cay nghiệt. Ông bố già nua, bệnh hoạn. Vân quay cuồng trong hình ảnh ấy. Nó nghiêng ngửa, đỏ, xanh, chợt hiện, sáng lòa ra. Vân thấy một cái chuồng lợn. Trọng nằm trong ấy, nhầy nhụa, kêu quạng. Tiếng cười của Yến. Chân nàng như thụt dần trong một vũng bùn lầy. Hàng trăm người ào chung quanh nàng Người ta hét, người ta la. Óc Vân bị hành hạ tới tột độ.

Rồi Vân thấy nàng đi trong bóng đêm. Không có gì cả ! Hết rồi chăng ? Hay mình đang ở địa ngục ? Vân hoảng sợ ! Trọng đâu ? Trọng ở một mình trong nhà thương không ai tới thăm sao ? Yến nó đi Đàlạt rồi ! Nó không tới. Trọng đang khắc khoải. Còn nàng ? Tại sao mình lại ở đây. Tại sao mày lại ở đây ? Vân ! tại sao. Trời ơi ! đôi mắt. Anh Trọng ơi ? Anh Trọng...

— Vân ! Tỉnh đi ! Hét gì vậy ?

Vân ngơ ngác nhìn. Trọng ! Đúng chàng Trọng đang cầm tay nàng. Đôi mắt nhìn nàng, hiền từ, âu yếm.

— Em đang ở đâu đây ? Chúng mình đang ở đâu đây ? Anh Trọng,

— Nhà anh, Vân ạ.

Vân thều thào, giọng nàng như muốn nghẹt lại vì ngột thở.

— Em còn sống không ? Anh Trọng.

— Em mê sảng quá, Vân ạ. Anh còn đây, em cũng vậy. Vân mở to mắt nhìn chàng. Bàn tay chàng ấm áp trên làn da nàng. Trọng mỉm cười :

— Anh vừa ra khỏi nhà thương hôm qua thì gặp Vân. Vân làm gì mà té xỉu ở giữa đường vậy ?

Vân nghĩ đến Yến. Nàng tưởng tượng ra sự đau khổ của Trọng mấy hôm nàng không vào, Yến không vào. Vân rên rỉ :

— Anh Trọng, tha lỗi cho em.

— Vân nằm nghỉ đi. Em có lỗi gì ?

— Yến nó đi Đà Lạt. Nó không tới anh. Em thật tệ !

— Anh biết.

Vân mở to mắt kinh ngạc :

— Sao ?

— Yến có tới vào buổi trưa hôm em về. Yến bảo cô ấy phải đi Đà Lạt buổi chiều, nhưng nể em cô ấy tới...

— Yến nó tới ?...

Vân thều thào. Nàng không ngờ ! Nó hành động gì kỳ quặc vậy. Hay nó yêu Trọng. Đúng ! Vẻ mặt chàng ! Vẻ mặt tự tin kia của chàng. Đúng rồi ! Những đau xót cũ lại cào cấu tim nàng.

Giọng Trọng đều đều như ru nàng :

— Cô ấy còn bảo một điều, Vân ạ ! Cô ấy kể lại lúc em tới nhà cô ấy rồi bảo...

Trọng bỏ lửng câu nói, Vân ngước mắt nhìn chàng. Ánh mắt Trọng thật dịu. Như ngày Vân mới gặp chàng. Dịu và buồn :

— Vân yêu anh !

Vân nín thở. Nàng không biết phải làm gì lúc ấy nữa. Trọng đặt tay lên vai nàng ; môi chàng chạm vào mặt nàng, mát rợi. Trọng âu yếm :

— Bây giờ em nằm nghỉ đi Vân nhé. Anh chờ ngày em khỏi hẳn.

Vân nằm im với những cảm giác dễ chịu mơn man da thịt. Mặt nàng nóng bừng, đê mê. Vân nhắm mắt lại. Hình ảnh Yến hiện ra tươi mát, tinh nghịch như mọi khi nhưng nàng thấy nó đáng yêu hơn bao giờ hết.

THỤY-DƯƠNG

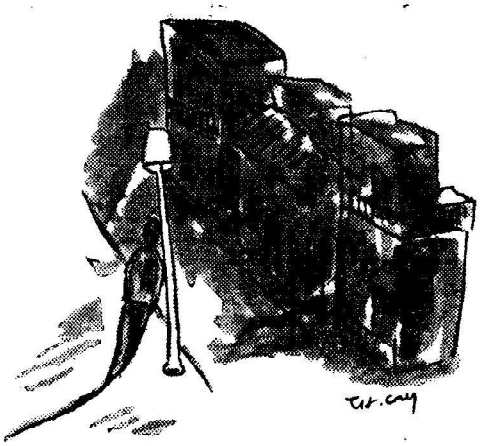

nẻo vào tình yêu

CỦA PHẠM

TRONG phòng khách, Tường đi lại vùng vằng, với giọng bực tức :

— Phượng ! Phượng nhất-định tiếp-tục đi dự « bal » ?

— Chứ sao ! Bây giờ còn đang yêu nhau mà anh còn ngăn cấm tự-do của em, về sau này thì anh còn...

— Anh chỉ ngăn cản em vì anh không muốn nhìn em âu yếm trong tay người khác Em thử tưởng tượng xem, còn gì khổ cho bằng trong dịp lễ sinh-nhật chị Phan, anh ngồi uống nước một mình, còn em say mê trong vũ-điệu với người con trai xa lạ.

— Anh lại ghen rồi !

— Chính vậy ! Nhưng cũng bởi quá yêu em.

Phượng chải vội mớ tóc :

— Em thấy anh vô-lý quá. Mỗi người có một sở thích riêng, cũng như anh thích xem đá banh, em có cản đâu ?

— Nhưng xem đá banh đâu có hại gì cho tình yêu ? Thôi, em hãy chọn hoặc là anh, hoặc là đi dự « bal ».

Phượng buông một câu gọn :

— Em sẽ đi dự « bal ».

— Anh cám ơn Phượng rất nhiều về lòng thành thật. Phượng dám nói thẳng điều mình ước muốn để sau này khỏi hối-hận.

Nói xong, Tường ra thẳng. Bên ngoài, phố đã lên đèn. Mắt anh mờ đi. Anh chỉ nghe thấy tiếng động cơ và tiếng còi inh ỏi.

***

Xe hơi từ Hà-nội đi xuống chùa Láng rồi mất chục bạc đò dọc nữa thì đến làng Yên-Hạ. Nơi ghi rất nhiều kỷ-niệm thời thơ-ấu của Tường. Học lớp nhất trường làng, Tường còn nhiệm vụ dẫn em Phượng con bác Tư bên hàng xóm đi học lớp nhì. Điều khổ sở nhất của Tường là mỗi lần qua cổng trường, bọn học trò nhìn rồi chế riễu : « Trông kìa ! hai vợ chồng chúng mày ơi ! » hay là :

« Con gái chơi với con trai
« Về sau cái vú bằng hai quả dừa.

Có lần Tường tức quá định chạy tới bọn trẻ đánh đấm thì Phượng lại cản : « Đừng ! kệ họ anh Tường ạ ! »

Năm ấy theo lệ thường vào lễ Giáng-sinh làng Yên-Hạ mở cuộc rước kiệu quanh làng. Đi trong đám rước, Phượng mặc chiếc áo dài trắng mới nhất, quần chúc bàu, đầu đội khăn trắng thêu xanh. Đôi mắt đen láy của Phượng hồn nhiên nhìn lên tượng Đức Mẹ, tay lần tràng hạt, miệng đọc kinh với giọng vô cùng thành kính. Khi đi qua mặt Tường Phượng liếc nhanh một cái và nở một nụ cười hãnh diện. Đám rước đi qua, Tường thấy bâng khuâng tiếc nhớ. Hình ảnh Phượng nổi bật giữa đám đông, giọng đọc kinh đều đều, buồn buồn, tượng Đức Mẹ lung linh giữa hàng chục cây nến. Tất cả gây cho Tường một niềm xao xuyến khó tả.

Buổi chiều, lúc tan rước, Tường đón Phượng ở đầu cầu làng Yên-Hạ. Tường mở đầu câu chuyện :

— Lúc nãy đọc kinh Phượng cầu nguyện gì ?

— À, Phượng cầu cho anh học giỏi !

Tường cười lớn :

— Chỉ khéo bịa chuyện ! Phượng đọc kinh kinh mừng.

— Đã biết vậy sao còn hỏi.

Với một giọng nghi ngờ Tường nói :

— Không biết chúa Giê-Su có thật không hở Phượng ? Phượng đáp, nét mặt quả quyết :

— Sao không thật, chúa ở mọi nơi, chúa lời lòng lành vô cùng.

Tường phì cười :

— Phượng nói gì, Tường không hiểu.

Vừa lúc đó có một con trâu từ đàng xa lồng tới. Phượng sợ dúm người, trượt chân té xuống sông rồi chìm nghỉm. Tường không nghĩ ngợi nhảy ùm theo nắm được vạt áo của Phượng, đẩy vào bờ. Khi cả hai đã leo lên cầu, Phượng vẫn còn tái xanh nhưng cố nhoẻn miệng cười tỏ ý cám ơn. Ra vẻ nghiêm-trọng Tường hất hàm nói :

— Phượng có làm sao không ?

— Không, chỉ bị sặc một chút thôi.

— Phượng thấy không ? nếu chậm tay thì sóng sẽ đưa Phượng ra giữa dòng sông rồi còn gì.

Chợt nghĩ tới quần áo, Tường lo ngại :

— Thôi ! thế là xong bộ quần áo mới của Phượng rồi.

Làm thế nào bây giờ ?

— Tường khỏi lo, để Phượng vắt đi rồi chờ cho khô chắc không ai biết.

Nói rồi, mỗi người chạy vào 1 bụi cây vắt nước. Lúc trở ra Tường thấy môi Phượng xám ngoét, hai hàm răng run lập cập. Tường hỏi :

— Phượng có lạnh không ? ngồi vào chỗ kín gió này cho đỡ. Hay là Phượng về đi và lấy quần áo thay cho khỏi bị ốm.

— Nhưng Phượng sợ.

— Sợ gì ?

— Sợ mẹ biết là ngồi với anh ở đây.

— Ồ việc gì ! Phượng cứ nói dối là đi lễ về, trượt chân ngã xuống sông, may gặp Tường đi qua mới thoát.

Phượng về. Tường chờ cho quần áo khô mới dám len lén vào ngõ. Vì định dấu câu chuyện này, Tường không nói cho ai biết. Nhưng sáng hôm sau, Bác Tư tươi cười đi sang nhà Tường nói với mẹ:

— Thật phúc đức cho nhà tôi quá, chứ nếu hôm qua không gặp thằng Tường thì con Phượng nằm trong bụng cá rồi còn gì.

Bác Tư kể lại rành rẽ câu chuyện. Tường nghe mà phải nín cười và thầm phục tài nói dối của Phượng.

Lúc Bác Tư ra về, Tường còn nghe thấy mẹ nói:

— Vậy sau này tôi cho nó làm rể bác đấy.

Bác Tư cười ròn rồi khuất sau ngõ.

●

Năm mười tám tuổi, vừa đỗ tú-tài phần một, mẹ gửi Tường cho gia-đình Bác Tư ở Hà-nội săn sóc cho tiện việc học. Chính Bác Tư cũng mời chàng tới ở nhân tiện dậy Phượng học thi Trung học. Bây giờ Phượng lớn hẳn. Cô gái mười sáu tuổi với vẻ đẹp của buổi trăng tròn không còn là Phượng của làng Yên-Hạ năm xưa.

Hàng ngày dậy Phượng, Tường thấy cô bé thật thông-minh, nhưng cũng lười vô cùng Bài vở ra, Phượng thường quên luôn. Nếu chàng không nhắc tới Phượng cũng lờ đi. Có hỏi, Phượng tinh nghịch trả lời :

— Nhiều lần em biết anh quên nhưng cũng không nhắc.

Bác Tư thường nói với chàng :

— Em nó lười lắm. Nếu không thuộc bài anh cứ bắt quỳ, hay đánh thật đau cho chừa.

Có lần tức quá chàng phải gắt lên :

— Phượng ạ, anh chẳng muốn phạt làm gì. Nhưng nếu Phượng không chịu học thì anh không bằng lòng. Phượng hãy tự hỏi nếu bây giờ không học thì còn chờ tới bao giờ nữa. Và rồi cuối năm Phượng làm thế nào để đỗ được.

Phượng chỉ yên lặng. Một lát, hai dòng nước mắt từ từ lăn trên gò má ửng hồng.



Tường luống cuống quá. Anh không biết nói làm sao để ngăn được tiếng nức nở, Chàng nghĩ nếu Bác Tư biết được. chàng sẽ phải trả lời thế nào.

Phút nặng nề cứ trôi qua. Tường nghe thấy hơi thở dồn dập lẫn tiếng nấc của Phượng, tiếng nấc mà chàng thừa biết rằng không vì sự oan uổng mà chính vì xúc cảm. Tường hối hận. Anh muốn hôn lên dòng nước mắt kia. Anh muốn làm bất cứ điều gì để vui lòng Phượng. Chờ cho Phượng bớt nức nở Tường mới nói :

— Thôi Phượng ạ, anh xin lỗi và hứa lần sau sẽ không nặng lời như thế. Hôm nay Phượng nghỉ sớm. Phượng hãy lau nước mắt đi.

Phượng nói :

— Nhưng anh có lỗi gì đâu. Chính em mới làm cho anh phiền lòng

— Vậy xí xóa nhé. Với nụ mỉm cười ranh mãnh Tường nói tiếp : À mà Phượng có biết bài thơ « biếng học » của một thi-sĩ thời tiền-chiến không nhỉ. Để anh đọc cho nghe đoạn đầu :

« Hôm nọ em biếng học
« Khiến cho anh bất bình
« khẽ gõ chiếc thước
« vào bàn tay xinh xinh

Phượng cười :

— Anh chỉ khéo lảng.

Buổi tối hôm ấy Tường bỏ học, ngồi ngoài hiên rất lâu ngắm trăng mười sáu. Anh tự nhiên thấy lo sợ, lo sợ vì tuổi đẹp như trăng rằm của anh bắt đầu mất. Biết đâu rồi tình yêu của chàng đối với Phượng lại không là ánh trăng đang nhạt kia. Tuy nhiên bây giờ anh thấy yêu Phượng vô hạn. Tuổi trẻ có một lần, một lần mới nhất Tường yêu không bờ bến. Anh nằm mơ thấy Phượng luôn. Trong những giấc mơ ngắn ngủi anh thường cùng Phượng đi trên con đường dài vắng vẻ, bên dưới là thung lũng đầy rắn rết. Ở trường anh hay vơ vẩn. Các bạn vẫn thường nói : « Mày mỉm cười một mình thế kia chó nó cũng biết ! »

— Ánh đèn điện bật sáng. Phượng nổi bật lên trong khung cửa :

— Đêm khuya rồi sao anh chưa đi nghỉ ?

— Anh muốn ngắm trăng. Tiện đây mời Phượng ngồi chơi một lát.

Trong câu chuyện, Tường mang những bài thơ có ý nghĩa mong manh cố giảng cho Phượng để được thấy mắt nàng long lanh, để được nghe nàng thỏ thẻ :

— Hay anh nhỉ !

Đã có lần anh nắm lấy tay Phượng say đắm gọi :

— Phượng !

— Gì cơ anh ?

Tường định ngỏ tình nhưng yêu quá, anh lại sợ, vờ chỉ ánh đèn đàng xa :

— Em có thấy ngọn đèn kia không... đang làm chói mắt anh.

Rồi ngoảnh lại nhìn Phượng anh tiếp :

— Nhưng chưa sáng bằng đôi mắt em.

Phượng tươi cười :

— Khuya quá rồi, anh đi ngủ đi.

***

Saigon — Noel 19... Trước nhà thờ Đức Bà, lời giảng của vị Giám-Mục vang lên từ chiếc máy vi âm. Tuy là người ngoại-đạo Tường cũng đứng nghe. Anh nói với Phượng

— Anh yêu em và yêu luôn cả tôn giáo của em.

Phượng không trả lời chỉ sung sướng nắm chặt lấy tay anh. Tiếng chuông thánh-đường ngân nga từng hồi. Tường thấy quanh mình một bầu không khí trang nghiêm. Hình như Chúa ở đâu đây đang chứng kiến anh và Phượng đi vào tình yêu trong niềm thương bao la và khoan dung của Chúa. Tiếng hát dâng thánh lễ nửa đêm cao vút như tiếng sáo chiều quê hương của anh. Tiếng hát như muốn gạn lọc vẩn đục của cõi tục. Anh thấy chảy trong tim niềm tin chan hòa vào cuộc đời. Bất giác anh nói với Phượng :

— Nếu Chúa hiện ra và cho em ba điều ước thì em ước những gì ? Không ngần ngại Phượng trả lời :

(Xem tiếp trang 56)

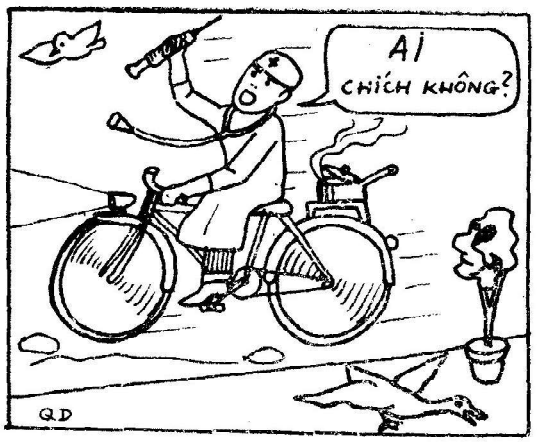

VIỆC MÌNH

● **Giải Nobel 1963** :

1) Về vật lý học, được trao tặng 3 người :

— Một nửa dành cho Eugene P. Wigner, giáo sư Vật-lý viện đại học Princeton. Gốc Hung, quốc-tịch Mỹ. Rời Đức sang Mỹ từ 1930.

— Phần còn lại chia cho 2 người :

✶ Giáo sư J. Hans D. Jensen, 58 tuổi, đại học Heidelberg, Tây-Đức.

✶ Bà Maria Geoppert Mayer, 57 tuổi, đại học California. Bà là người đàn bà thứ 2, sau Marie Curie, được giải Nobel về Vật lý học.

2) Về Hóa-học :

— Karl Ziegler, 65 tuổi, giám đốc viện Max Planck ở Mulheim Tây Đức

— Giulio Natta, 60 tuổi, viện Bách-khoa Milan, Ý.

Hai người đã tìm ra những phương-pháp thực tiễn để kết hợp các phân tử nhỏ, đơn giản với nhau thành từng « chuỗi » hay « hệ thống » tạo nên những chất « plastics » và các sợi hóa học rất thông dụng hiện nay.

Điều đáng để ý là Giulio Natta bị bệnh Parkinson (chú thích cho các bạn không phải Sinh viên y-khoa : bệnh Parkinson là một bệnh thần kinh. Người mắc bệnh bị run tay,

cử động khó khăn, chậm chạp, chân tay cứng ngắc, mặt trơ như phỗng đá, không để lộ tình cảm)

3) Về Y-khoa :

— Bác-sĩ Allan Lloyd Hodgkin (người Anh, đại học Cambridge, Luân đôn)

— Bác sĩ Andrew Fielding Huxley (University College, Luân Đôn),

— Sir John Carew Eccles (giáo sư đại học Canberra, Úc)

Cả 3 người được giải Nobel y-học vì y-công trình nghiên cứu về tế bào thần kinh.

● **Giải-phẫu** :

Một trường hợp nối tay đã được đặc biệt chú ý trong hội nghị hàng năm thứ 49 ở San Francisco của các giải-phẫu-gia Mỹ. Đó là trường hợp một thanh niên 27 tuổi, được đem đến bệnh viện 40 phút sau khi bàn tay bị máy cắt lìa ra khỏi cánh tay. Các bác sĩ đã phải cắt vợi 2 xương cánh tay đi để có thể nối lại các mô mềm (tissu mou). Các mạch máu được nối lại không phải bằng cách khâu mà bằng một xảo-thuật rất mới. Sau khi giải-phẫu, cả bàn tay bị sưng to. Các bác-sĩ đã rạch những đường dọc và đắp lên trên những bông tẩm nước muối nồng độ lớn để bớt sưng. Đây cũng là một điều đáng chú ý. Kết quả : 7 tháng sau, nạn nhân đã có thể cầm bút viết, chơi bóng bàn và xử dụng được cả búa. (Muốn biết rõ chi hết, tìm đọc « Medical world News »)

VIỆC NGƯỜI

● **Vệ-sinh**

Các giáo sư y khoa đại học Dusseldörf đã bí mật mở một cuộc điều tra trong một năm rưỡi về các khăn mặt dùng trong 136 quán rượu và hiệu ăn. Kết quả cho biết rằng trong số 70 cái khăn cũ có :

7 cái nhiều vi trùng đến nỗi đếm không xuể

63 cái trung bình chứa 16.527 vi trùng mỗi phân vuông.

Một nửa là trùng Staphylocoque (1 loại trùng rất độc, sinh ung nhọt và rất khó diệt)

Một phần ba là các vi trùng đau ruột già, kiết ly, thương hàn và typhus.

Nước người văn minh mà thế, còn ở xứ mình nếu kiểm soát những khăn lau tẩm nước hoa ở các « đại-tửu-lầu Saigon Chợ lớn » không hiểu ra sao. Nhưng hỏi khẽ có bạn nào sau khi dùng khăn về phải chích Pénicilline, Streptomycine chưa ?

● **Xã-hội** ;

Sau một cuộc điều tra mới đây ở Harvard và Radcliffe bác-sĩ Graham B. Blaine Jr, chuyên về tâm phân học đã cho biết rằng ít nhất là một nửa số Sinh viên có những cuộc « giao du thân mật » trước khi cưới. Trong khoảng từ 1938 đến 1953, tỷ số các nữ Sinh-viên không còn là con gái tăng từ 35% đến 50% (Nên biết 10% toàn thể phụ nữ Mỹ có thai trước khi về nhà chồng).

Ở nước ta, kể từ ngày có cái mà người ta gọi là phong trào « nu-ven va-ghe » (nouvelle vague) không hiểu các con số về vấn đề trên tăng giảm ra sao ? Và từ ngày tiệm nhảy mở cửa lại, « bal » biếc mở lung tung, các con số đó có chịu ảnh hưởng gì không ? Có thể là đầu đề cho một cái « the » đấy ! (thèse)

● **Trường học** :

Chẳng cứ ở nước nhà mới có nạn thiếu trường. Thủ đô ánh sáng Ba-lê văn minh gấp mấy mình cũng đang bối rối về vấn đề trường sở cho Sinh-viên.

110.000 Sinh viên chen chúc nhau ở đại-học Sorbonne đến nỗi báo Newsweek ngày 11-11-63 đã ví các hành lang của đại học trông giống như những chuyến xe điện ngầm giờ đi làm.

Vậy nếu Sinh viên mình có chật chội một tý thì cứ chịu khó chờ nhé.

● **Tin bỏ ngoài tai** :

Có tờ báo Mỹ loan rằng theo những nguồn tin « thông minh » (số là kẻ hèn này dốt tiếng Mỹ nên dịch bừa chữ « intelligence Sources ») thì Ngô-đình-Nhu chỉ mới hút thuốc phiện từ 18 tháng trước khi chết thôi.

TRẦN-LY-NHÂN

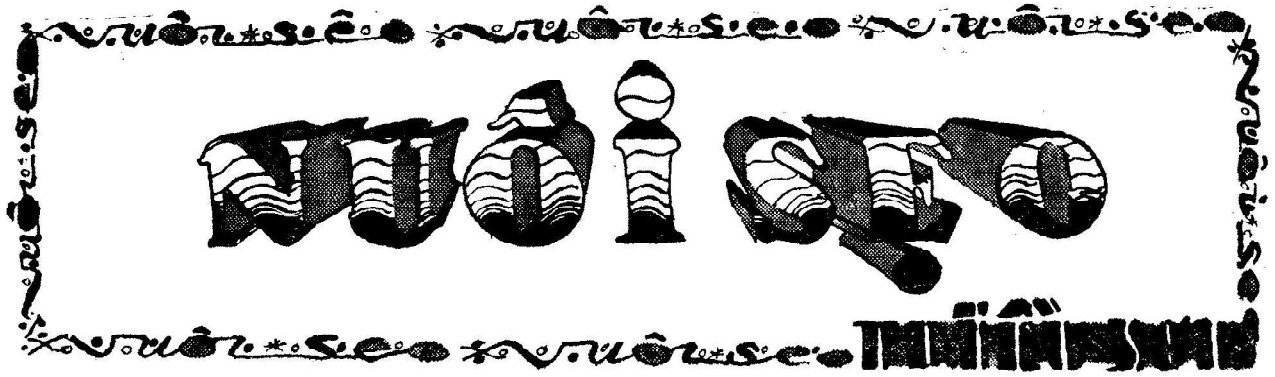

L.T.S. : **Nuôi sẹo** *là một tác phẩm mà nhiều nhà văn Việt-Nam tìm đọc từ hơn mười năm nay. Cuốn truyện đã không thể xuất bản được ở miền Bắc, Cộng Sản. Nó cũng không thể ra đời được ở miền Nam dưới chế độ cũ, độc tài. Tác giả là TRIỀU-SƠN, một sinh viên đã rời mái trường để đi làm cách mạng, đã làm đủ nghề, đã đặt chân tới nhiều nơi trên thế giới. Và TRIỀU-SƠN đã chết ở Ba Lê khi* **Nuôi sẹo** *sửa được gần xong tập đầu mà chúng tôi hân hạnh giới thiệu ở đây*

Nhưng vài dòng ngắn ngủi này không thể đủ để các bạn, nhất là các bạn trẻ, biết rõ TRIỀU-SƠN và **Nuôi Sẹo**. *Bởi vậy chúng tôi xin nhường chỗ cho TRẦN-NGỌC, một người bạn thiết của TRIỀU-SƠN viết « kỷ niệm về TRIỀU-SƠN ». TRẦN-NGỌC đã gặp lại TRIỀU-SƠN ở Ba Lê sau 15 năm xa cách và đã làm quen với* **Nuôi Sẹo** *ở đó. TRIỀU-SƠN đã sống những ngày sau cùng của chàng với TRẦN-NGỌC.*

Cuộc tao ngộ đó đã là cái nhân cho sự ra mắt của **Nuôi Sẹo** *ở đây.*

Và chúng tôi xin ghi đậm một nét chân thành cám ơn TRẦN-NGỌC, người đã cho chúng tôi cái hân hạnh đón chào **Nuôi Sẹo.**

MƯỜI LĂM NĂM ẤY

KỶ NIỆM VỀ TRIỀU-SƠN

của TRẦN-NGỌC

Tôi không biết làm thế nào để nhìn thấy trong một người trẻ tuổi cái mầm của tàinăng.

Tôi bắt đầu quen Triều-Sơn khi vào lớp Toán Chuyênkhoa, năm 1939. Tôi còn nhớ Triều-Sơn nói với tôi, khi hai người vào ngồi cùng một ghế :

— Có anh em cũ thì học cả Toán cho vui, nhưng tôi học Triết cũng thích.

« Anh em cũ » là hai anh bạn khác, cùng học với Triều-Sơn những năm về trước ở trường Bưởi ; nhưng ngay từ buổi đầu ấy, tôi cũng đã là « anh em cũ » của Triều-Sơn.

Năm ấy Triều-Sơn mười tám tuổi, người to lớn, má đầy, mặt trắng nổi lốmđốm những mụn nhỏ của thiếu niên, tóc thưa và chải lật về đằng sau, mình đóng một cái áo the đen. Cả lớp chỉ có hai chúng tôi mặc ta, nhưng có lẽ đấy là hai điểm độcnhất giống nhau,

Triều-Sơn thích đọc Triết hơn Toán, và tôi thích học Toán hơn Triết. Thực ra thì Triều Sơn đã tiến sâu vào Triếthọc từ khá lâu rồi ; khi mới học năm thứ ba Trunghọc phổthông.

anh đã đọc hết Kant, Fichte và Hegel ; ảnhhưởng của Triếthọc Đức sau này còn sâu xa hơn nữa vào anh, qua Marx, qua Husserl, nhưng Triều-Sơn không phải là người của một dòng tưtưởng, và anh đã học cả Triếtlý cậnđại của Âuchâu lẫn triếtlý cổ Phật-Lão của Ádông. Hơn nữa, Triều-Sơn ngay từ lúc ấy đã có một cái côngphu suy-nghĩ sau này sẽ đưa tưtưởng của anh vượt lên trên những lýthuyết vụnvặt của các môn phái. Tuy vậy mà trong lớp, không có dấuhiệu gì tỏ ra rằng Triều-Sơn đã hiểu biết nhiều như thế ; số điểm của anh chỉ vào hạng trungbình, kể cả về triếthọc : có lẽ cái mầm vẫn còn thu hình trong hạt, hoặcgiả những ýnghĩ đã có chút đặcsắc của Triều-Sơn không hợp với cách học trọng hưvăn trong các trường chăng ?

Sau khi đậu Trung học, mỗi người chúng tôi theo một ngả đường. Triều-Sơn, người không thích Toán, lại vào lớp Toánhọc đại cương. Nhưng Triều-Sơn không học Toán vì Toán ; suốt ngày, tôi gặp anh ở thưviện, đọc về triếtlý của toánhọc ; những sách của Whitehead, của Bertrand Russell, của Hamilton được giữ bụi thờigian và ăn sâu vào óc của người sinhviên trẻ tuổi. Hồi ấy anh chỉ nói chuyện về «vô cùng», về «số giả», về cách luậnlý trong toánhọc, về cănbản của sự hiểubiết... Kếtquả là cuối năm, sau khi thi hỏng, Triều-Sơn bỏ học nhưng hài lòng vì đã lấp được một lỗ hổng trong tưtưởng.

Trong ít lâu, tôi không gặp Triều-Sơn nữa. Thờikỳ này mới chính là thờikỳ nảynở của tàinăng. Cái gì đã làm cho cái mầm nảy lá, đục đất và vươn lên trời xanh ? Sau này, khi Triều-Sơn viết *Con đường văngnghệ mới*, anh sẽ nhấn mạnh về điểm phải gần dânchúng ; văngnghệsĩ nào xa dânchúng sẽ cằncỗi, hoặc truylạc tinhthần ; đi vào quần-chúng, sống với đạichúng, hòa nhịp sống của mình vào đời sống chung, phải là phươngchâm của văn nghệsĩ tiềnphong. Đấy là một lời khuyên sống : quầnchúng đã rènluyện tàinăng của Triều-Sơn, đã nuôi tinh-thần của Triều-Sơn, đã nungđúc tưtưởng của Triều-Sơn. Anh lăn mình vào cáchmạng, làm thợ ở mỏ than Hòngay, làm hànhchính ở Hảidương, dạy học ở Phúthọ, làm phu ở dưới tàu, lưulạc qua Quảngđông để chung-đụng với người dân Trunghoa mới, ở Hồngkông, Tiềnlan, đi Phi châu làm thợ nguội, rồi về Pháp, sống với anh em lính thợ ở Mạcxây, Bocđô và Balê.

Và tôi gặp lại Triều-Sơn ở Balê.

Thực ra thì giữa quãng, tôi còn gặp Triều-Sơn vài ba lần khác, — thờigian vộivàng của một cuộc lên bộ, — nhưng cũng không có gì đáng kể. Một bữa thì anh mới ở ngoài Khu vào, và nói chuyện về những thắcmắc tinhthần mà duyvật lịchsử không giảiquyết nổi ; một bữa khác, anh bànluận về quanniệm của Trangtử về tựdo ; một bữa nữa, phêbình văngnghệ, và nói chuyện về sự truylạc của người trithức bị khoacử đưa đến một con đường danhlợi dễdàng xacách hẳn với đời sống của người dân cầnlao. Rồi Triều-Sơn vào Sàigòn làm báo, giữa ngòi bút trong những truyện ngắn, trong những bài thơ tựdo (dưới tên là Ninh Huy), hay thơ tràolộng (dưới tên Thang-Thang), hoặc tranhluận về Nghệ thuật, về Triếtlý hay về những vấnđề xã hội. Trong khoảng này, anh viết bản kịch thơ *Giặc Cờ đen* kể sự thứctỉnh của một tâmhồn thấmnhuần Phậthọc trước sự đaukhổ hiệntại của cả dântộc. *Giặc Cờ đen* có một cấutạo rất cổđiển ; Triều-Sơn đã khéo phùhợp cách dệt những bikịch Hylạp vào xãhội của Việtnam và dùng lời thơ cổphong, khi âm-u, khi thâmtrầm, khi dồndập, để tả tâmtình của các nhânvật. Tuy thế sau này, Triều-Sơn có nói rằng về phươngdiện thơ thì *Giặc Cờ đen* chỉ được có vài câu là anh vừa ý ; về phương diện kịch thì sự thànhcông chắcchắn hơn, nếu anh có thìgiờ để thựchiện sự ra mắt của vở kịch trên sânkhấu.

Nhưng lúc ấy Triều-Sơn còn ôm trong người cái mộng lớn về *Nuôi Sẹo*.

Nuôi sẹo là gì ? — Tôi gặp lại Triều-Sơn trong một căn phòng nhỏ hẹp, méo-mó, chật sách, than và giấy ở phố Bièvre, quận năm Balê, và cũng làm quen với Nuôi Sẹo ở đó.

Nuôi Sẹo là nhânvật chính của một tiểu thuyết dài về xãhội Việtnam trong buổi cuối cùng của thời thuộc Pháp. Lêm mõ làng, chuyên nghề đòi nợ thuê và chôn người, Nuôi Sẹo là một con sâu bọ trong cái xãhội có tônti trậttự của một làng Bắc-Việt. Triều-Sơn đã muốn nhờ con mắt của Nuôi Sẹo để tả cái xãhội phongkiến ấy, rồi lại nhờ con người của Nuôi Sẹo để mở hé một cái quan niệm về cuộc đời.

Đây không phải là một chuyện dễ. Một bức họa đồsộ đòi hỏi côngphu và thìgiờ rất nhiều : Triều-Sơn để vào đó năm, sáu năm của anh, lúc nào cũng cặp chặt tập bản thảo trong người, từ Khu ra Hànội, và trong tất cả những chặng đường luânlạc của anh ; xúc than nuôi lò cả ngày, buổi chiều tối lại chút bộ áo xanh của người phu tàu ra để chữa một hai câu văn ; hoặc là nằm ở Yiêm-Yiêm thư trang, sửa lại vài đoạn chưa được vừa ý. Lúc nào trong đầu óc anh cũng có Nuôi Sẹo ; Nuôi Sẹo chưa ra đời mà làng văn Việtnam đã biết cả hìnhdáng của gã, các nhà xuấtbản đã tranh nhau đỡ đầu cho gã, đã có nhà văn Pháp hẹn với tácgiả để dịch truyện gã sang tiếng Pháp, đã có họasĩ đi tìm tàiliệu để vẽ lại vài cảnh trong cuộc đời gã. Triều-Sơn cứ đắndo, sửachữa xóabỏ, thêmthắt, và để vào đấy tất cả cái sức khỏe của anh, cho đến ngày không cầm được bút nữa.

Nhưng bức họa xãhội không phải là cái khổtâm chính của Triều-Sơn. Cái khổtâm của Triều-Sơn là Nuôi-Sẹo, là con người Nuôi Sẹo, là tâmlý Nuôi Sẹo.

Một bữa tôi nói chuyện với Triều-Sơn về sự cấutạo nhânvật trong tiểuthuyết. — NGỌC :« Cái liênlạc giữa tácgiả và nhânvật như thế nào ? » — TRIỀU-SƠN : « Người mới viết truyện hay lấy tâmlý của chính mình ra mà truyền cho nhânvật ; nhưng một nhânvật còn cuống rốn thì sống trong truyện thế nào được ? » — NGỌC : « Anh có tin rằng Nuôi Sẹo sống không ? » — TRIỀU-SƠN : « Đối với tôi, Nuôi Sẹo sống chứ ; mình tạo ra nó, tưởng rằng muốn bắt nó thế nào nó cũng phải chịu ; mới đầu thì thế thực, nhưng rồi có lúc nó cưỡng lại mình, mà mình phải nhịn nó. »

Thỉnhthoảng tôi đi uống nước với Triều-Sơn. Ở khu Saint-Germain-des-Prés, — khu văncnghệ của Balê, — có một cái quán càfê, cửa sơn màu đỏ hung, nhỏnhắn và ấmáp, lúc nào cũng đông khách ; khi nào vào đấy thì Triều-Sơn ngồi hằng giờ không đứng dậy, với một chén suc-cu-la bốn mươi lăm quan. Tại sao Triều-Sơn thích cái quán ấy, tôi không biết. Ở Balê, anh có giaothiệp với các văncsĩ Pháp, — Vercors, Marcel Aymé, Jean-Paul Sartre ; có lẽ vì sự gặpgỡ của anh với những nhà văn ấy thường dùng cái khung cảnh của quán này. Cũng có lẽ rằng Triều-Sơn hay tới họp ở hội Triếthọc cũng ở khu ấy, — đã có lần anh tới diễngiảng ở hội, — và khi ra về quen rẽ vào quán đó. Ngồi đấy với Triều-Sơn, tôi đã được nghe anh nói cho nghe về những vấn đề trong *Nuôi Sẹo*.

Về giátrị các nhânvật trong truyện. TRIỀU-SƠN : « Những nhânvật phụ đặt những vấnđề rất kênhcàng. Ở một đầu này, nhânvật phụ chỉ là những cái bóng không hồn : đó là trường-hợp những tiểuthuyết tâmlý, thídụ tiểuthuyết của Paul Bourget. Ở một đầu kia, trái lại, nhânvật phụ rất sống và chelấp cả đời sống của nhânvật chính : trườnghợp những truyện họadồ xãhội (roman-fresque sociale). Ở giữa hai kỹthuật ấy là Dickens : Dickens tả nhânvật phụ với những nét quá đáng, thành những hoạthọa cựckỳ linhđộng,

nhưng giữ nguyên tínhnết của nhânvật phụ từ đầu đến cuối truyện, trong khi nhânvật chính vẫn sống và tínhtình nảynở ra được. Trong cái thếgiới của làng Ngò, sự nảynở của Nuôi Sẹo cũng chạm phải sự sống của những nhânvật phụ ; nhưng trừ một vài nhânvật chỉ được pháchọa thôi, còn những nhânvật phụ khác cũng biếnđổi tínhnết trong khi sống. Trong đời sống thường, đấy là một điều không thể tránh được ; tại sao trong truyện lại bắt họ ngừngđọng? »

Về cách tả tâmtính nhânvật. TRIỀU-SƠN : « Nuôi Sẹo đái trên đường xe lửa. Đấy là một thói quen của gã. Nhưng ngay một cử chỉ tưởng là hoàntoàn thói quen, cũng có những lýdo thầmkín. Hôm ấy trời mưa, Nuôi Sẹo không có việc gì làm để kiếmchác ít tiền, đi ra ga để đón tàu. Nuôi Sẹo nghĩ đến thằng hủi Tấn, không những đã được cái lò gạch hoang, lại còn tranh việc đòi nợ thuê của gã. Cái tấmtức của gã trước sự bấtcông của các đàn anh trong làng, cùng họ với thằng hủi, biểulộ ra trong cái cửchỉ đái trên đường xe lửa, — con đường đưa đến trungtâm sinhhoạt của làng. Nuôi Sẹo ra ga, giữa đường nhìn thấy mấy cái xe tay ướt-át, lạch, rồi thấy mấy người ăn mày nằm ngủ trong cái điếm trống, mưa gió lùa vào. Ngoài sân ga, một người khách đợi tàu đang ngồi ăn bún cạnh một chõng hàng. Nuôi Sẹo đói, đứng nhìn bát bún, nhìn người khách ném cái xương thừa cho con chó. Bị bà hàng đuổi, mà tàu lại chậm chưa đến, Nuôi Sẹo lủi thủi đi về ; bụng đói, môi lạnh cứng, lên giọng mần tuồng không được, gã lại đái lần thứ hai trên đường sắt. Lần đái này cũng như ý muốn mần tuồng, là một cách thổlộ cái uấtức tốităm trong người. Một cái cử chỉ thường cũng có thể có nghĩalý, mà sự nảynở của tâmtính có thể ở trong những cửchỉ ấy hơn là trong ýnghĩ. Nuôi Sẹo đái trên đường sắt còn là một triết lý bậpbẹ ; cái tôi hiệntại của Nuôi Sẹo tự phátlộ ra trước cái cảnh vôlý và mâu-thuẫn của cuộc đời. Nhưng mà tất cả những cái ấy chỉ âmthầm, cho đến cuối truyện. Nuôi Sẹo là một con người hènhạ trong bậc thang xã hội, đơngiản trong tâmtính và không có ý tưởng gì bao giờ ; nhưng chuyện Nuôi Sẹo sẽ cho mọi người thấy rằng, ngay cả ở một con người thấpkém như thế, cũng có một nhânsinhquan. Khi Nuôi Sẹo cảm mờmờ thấy cái nhânsinhquan ấy là lúc gã chết, – bị chém vì tìnhnghi dính vào một phongtrào cáchmạng.

Triều-Sơn có rất nhiều thắcmắc về kỹ thuật viết văn, mà anh gọi là nghề văn. Anh hay nhắc đến những vănsĩ trong nước, không chịu để ý học nghề. Người dân cày, muốn cho lúa tốt, cũng phải biết xem cái lưỡi cày, biết buộc con bò, biết cách đẩy cái cày cho luống sâu và thẳng, biết lúc thuậntiện để làm việc vânvân.., Đấylà cái phần người ta gọi là nghề. Có thiêntài cũng cần phải biết nghề, nữa là không có tài gì cả, Triều-Sơn nói. Anh đắndo về sự nên chia chương hay không chia chương ; anh học những cách để tạo nên cái thờigian của tiểuthuyết ; anh suynghĩ trong cách gọi một nhânvật ở ngôi thứ ba ; anh khổcông tìm một chữ cho thực đúng hằng mấy ngày không quên : « Phải đặt hết tâmhồn mình vào mỗi chữ, dùng một chữ cũng như chơi một canh bạc ».

Tôi biết Triều-Sơn đã xét lại tất cả văn phạm Việtnam và có những ý rất đặcsắc về vănphạm. Anh không lùi khi thấy những điểm cần phải bổkhuyết cho nghề được tinh vi. Khi dùng đến một chữ không chắcchắn về chính tả, Triều-Sơn lại xem lại các tự điển, và tuy đã cẩnthận, nhưng vẫn lo là bỏ sót nhiều chữ viết sai. Thích triếthọc như anh, mà phải nhịn không giở đến một cuốn triếtlý trong hằng tháng, để khỏi tiêmnhiễm cách viết trừu-tượng của các triếtgia ; tráilại anh đọc và phântích, bút chì trong tay, những

tiểuthuyết anh coi là đã mở đường cho *Nuôi Sẹo* : *Pickwick phiêulưu ký* của Dickens, *Đông Kýsôt* của Cervantès, *Những linhhồn chết* của Gogol, vânvân. .

Lỗ Tấn có lẽ là một trong những tácgiả có nhiều ảnhhưởng nhất trong vănchương của Triều-Sơn. Anh phục cách hànhvăn của Lỗ Tấn. TRIỀU SƠN : « Phải làm sao đi tới sự tiếtkiệm chữ như Lỗ Tấn. Jules Renard bủnxỉn lời quá, nếu không có tài thì đi đến chỗ tiêu nghệ thuật mất. Lỗ Tấn nhohọc thâm, thành ra khi viết lời văn côđặc lại, không có một chữ thừa, không có một chữ hỏng. »

Vì cớ ấy mà Triều Sơn sửa đi chữa lại *Nuôi Sẹo* năm sáu lần, vẫn chưa chịu cho in. Tập đầu, lúc mới viết xong, dài 900 trang, đúc lại còn có 400 trang, Triều Sơn vẫn chưa cho là đủ. « Còn dài quá, 300 trang thôi », anh nói. Các bạn thì sợ là rút quá sẽ thành khô. Nhưng Triều Sơn chỉ hứa lần này chữa nữa là « lần cuốicùng », rồi sẽ đưa cho tất cả các bạn xem lại và phê-bình, — và rồi chữa theo những lời phêbình ấy nữa thôi, trước khi in. Anh nói : « Xong đây, tôi sẽ ghi những kinhnghiệm học nghề của tôi lại, thành một quyển *Tôi tập viết văn* ». Nhưng *Nuôi Sẹo* cũng chưa xong hẳn, côngviệc còn dở dang thì bệnh nặng phát ra và anh phải bỏ dở mãimãi.

Triều-Sơn còn để lại một tập truyện dài bằng thơ lục bát, vài truyện ngắn, mấy bài thơ, một cuốn triếthọc nhậpmôn viết nửa chừng, và bản thảo của những thưtừ bàn luận về triếthọc và xãhộihọc với mấy giáosư ở Collège de France và Sorbonne (Jean Wahl, Gürwitch). *Nuôi Sẹo* đã sửa gần xong tập đầu, tập thứ hai còn là một đống bản thảo hỗnđộn. Còn tất cả những hẹnhò khác, anh mang đi, chôn sâu ở dưới một mảnh đất của Balê...

TRẦN-NGỌC

Thơ

BĂN-KHOĂN

Hai người đàn bà yêu tôi :
Một cô nữ sinh
Và một người thiếu phụ

Hai mươi bốn tuổi đầu
Với cô nữ sinh
Tôi không còn trẻ nữa
Với người thiếu phụ
Tôi là gã trai tơ

Tôi có đôi tay người anh
Nâng yêu cầm người em gái
Nhưng cũng có đôi mắt thẹn thùng
Liếc nhìn người thiếu phụ

Bước chân vào đời
Suy-tư và đơn-độc
Tôi yêu cô nữ sinh
Vì sợ những chiều buồn
Không có người em để nhớ

Mồ côi mẹ sớm
Không có chị thay thế tình thương
Tôi yêu người thiếu phụ
Để có lúc si-tình
Mà cũng có giờ trìu mến.

Mỗi người đàn bà
Chỉ nắm được nửa đời tôi
Và họ yêu tôi
Với ít nhiều tuyệt-vọng

Không một người thứ ba
Có khoẻ mắt ngây thơ
Mà nụ cười quyến rũ
Tôi yêu hai người đàn bà
Trong hạnh phúc vô biên
Chợt thấy mình tội lỗi.

TRANG-CHÂU

Nham nhở



HÀ TIỆN

Chồng (mới đi làm về, mồ hôi nhễ-nhại, vừa thở vừa nói) : Hôm nay anh tiết-kiệm được 3 đồng — Anh không đi xe buýt mà chạy theo xe về đến tận nhà.

Vợ (kêu lên) : Trời ơi ! Sao anh không chạy theo sau xe tắc-xi có phải đỡ tốn được hai chục không ?

Chồng : ! !

(VTĐ)

o°o

THẾ LÀ PHẢI RỒI !

Có một anh béo ú đến phòng mạch một bác sĩ xin chữa cho gầy bớt. Bác-sĩ chích cho một ống thuốc. Về nhà, đêm nằm mơ thấy lạc vào một hoang đảo — Đang ngơ ngác thì thấy một cô gái tuyệt đẹp — Lại tán tỉnh, cô gái bỏ chạy. Anh đuổi theo, mệt phờ mà vẫn không bắt được. Sáng hôm sau, cân lại, thấy sụt mất 10kg. Sướng quá, bèn nói chuyện lại với một người bạn cũng mập thù lù.

Anh này bèn tới nhà thương tìm bác-sĩ. Cũng được chích một ống thuốc. Về nhà, đêm cũng nằm mơ thấy lạc vào một hoang-đảo nhưng trước mặt lù lù hiện ra một cô gái mặt xanh nanh vàng, đầu tóc rối bù, nhe răng đuổi. Sợ quá, chạy bán sống bán chết.

Sáng hôm sau, dậy vẫn còn vừa sợ vừa tức tuy cân thấy mất 10kg — Bèn đến trách bác-sĩ : « Ông cho bạn tôi thuốc thì thấy người đẹp, còn tôi lại bị quỷ đuổi gần chết. Thế là làm sao ? »

Bác-sĩ hỏi : « Bạn anh đến phòng mạch tư còn anh đến bệnh-viện tìm tôi phải không ? » Anh kia gật — Bác-sĩ cười lớn : « Thế là phải rồi, anh còn phàn nàn gì ? »

(Theo báo Ngoại - Quốc)

o°o

BỘ PHẬN NÀO ?

M. Cordier là giáo-sư cơ-thể-học danh tiếng ở Ba-Lê. Kỳ thi nào ông cũng hay hỏi sác Sinh-viên Y Khoa một câu hóc búa mà ai không trả lời được là trượt. Câu đó như sau :

« Quel est l'organe qui se rétracte et ce dilate cent fois sans se fatiguer ? »

(Bộ phận nào teo lại và nở ra trăm lần mà không mệt) ?

Đố các bạn đó là cái gì ?

Xin đón coi lời giải đáp trong « Tình thương » số Tết.

Đám cưới một sinh-viên Y-khoa →
dưới mắt Quang-Dũng.

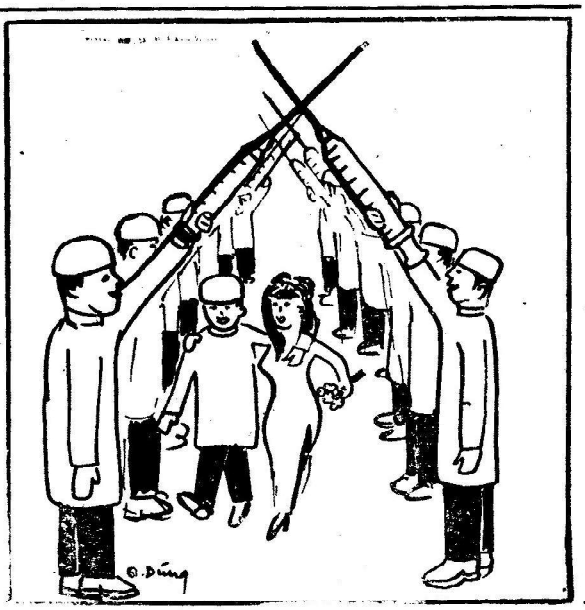

Giới thiệu Sách mới

Tòa-Soạn TÌNH-THƯƠNG vừa nhận được :

MÂY-BÃO

Tiểu-thuyết của NGÔ-THẾ-VINH. Do nhà Xuất-bản SÔNG-MÃ gửi tặng.

Trân-trọng giới thiệu cùng độc-giả. Tưởng cũng nên nói thêm anh NGÔ-THẾ-VINH là Sinh Viên Y-khoa và cũng là biên-tập-viên thường-xuyên của nguyệt-san TÌNH-THƯƠNG.

DƯỚI MẮT THƯỢNG-ĐẾ

● HANS KILLIAN

(HINTER UNS STEHT NUR DER HERRGOTT)

● Bản dịch của NGUYỄN-VĨNH-ĐỨC
NGHIÊM-SỸ-TUẤN

LỜI NÓI ĐẦU : Tôi có thói quen — chắc là một thói xấu — khi bắt đầu đọc quyển truyện nào là y rằng đọc CÂU CUỐI trước. Thường thường, những câu cuối mọi cuốn truyện là những cảm-giác, tâm trạng của nhân vật hay của tác giả xuyên qua một giảng-điệu, một lời nói hoặc một câu tả cảnh tầm-thường...Một câu tuy tầm thường cũng đủ làm vỡ con đê chặn kỷ-niệm thấm-thía ồ-ạt như thác-lũ. Nếu đem tách riêng chúng ra ngoài, những câu đó có khi quá tầm-thường, có khi thật trơ trẽn, và có khi lại quá cục-mịch. Chúng chỉ gây xúc-cảm khi được lồng vào truyện... Ta còn nhớ mãi mãi khi gấp cuốn truyện lại.

Truyện ngắn chúng tôi khởi đầu trích-dịch dưới đây là truyện ngắn cuối cùng — có thể là CÂU CUỐI —của tập truyện-ngắn « HINTER UNS STEHT NUR DER HERRGOTT» tạm dịch là « Dưới mắt Thượng-Đế » ký ức của một thủ-thuật-gia danh-tiếng người Đức HANS KILLIAN. Có lẽ tôi đã chót theo thói quen trên. Nhưng, thật ra khi đọc truyện-ngắn này tôi đã xúc-cảm nhiều nhất. Bỗng nhiên tôi thấy đã bước vào ngưỡng-cửa vườn văn-nghệ y khoa đem theo một suy-tưởng : CON NGƯỜI trước SỰ CHẾT.

NGUYỄN-VĨNH-ĐỨC



Con người thời-đại mới, tự-nhiên theo bản-năng, tìm cách để xua đầy—tôi có thể nói : có khi gần như để quên lãng — ý-nghĩ sự chết. Thuở xưa, người bệnh chết tại nhà, giữa những người thân ; thời nay, người bệnh thường trút hơi thở cuối cùng trong cô đơn lạnh ngắt bệnh-viện. Nghĩa-địa, xưa kia bao quanh thánh-đường, ở giữa thành phố, nay đã rời xa về ngoại-ô, có khi còn xa nữa, xa khuất mắt kẻ sống. Tuy-nhiên, sự chết đối với mỗi người trong chúng ta, vẫn còn là điều chắc-chắn độc nhất. « Thưa Thượng-đế, xin người dậy chúng con nghĩ rằng một ngày kia chúng con sẽ chết, để chúng con suy-tưởng nhiều hơn », lời Thánh-ca còn đó—nhưng ngày nay ai là người đọc Thánh-ca ? Và ai là người thật sự sẵn sàng đương đầu với sự chết ? Vì vậy, tôi muốn kết thúc quyển ký-ức này bằng câu chuyện một thiếu phụ trẻ, mà cuộc đời đã kết liễu một cách thảm-khốc, nhưng cái chết nàng trọn-vẹn nhận lấy, đã cho tôi một niềm an-ủi mầu-nhiệm.

Tôi có cảm-tình ngay với thiếu-phụ. Dáng người mảnh dẻ, mái tóc vàng, bà ta có một khuôn mặt thanh-tú dễ thương, và trong ánh mắt xanh hình như có vẻ gì vừa hiền lành vừa dí-dỏm. Thật khó mà thấy một người đàn bà như thế. Tuy nhiên khi quan-sát chăm-chú hơn, tôi thoáng thấy trong dáng bộ thiếu phụ một nét mệt-mỏi, như chịu đựng và như lo-lắng.

Bà ta là vợ một đồng-nghiệp bị động-viên và đã tự ý đến nhờ tôi khám bệnh. Bắt đầu hỏi bệnh, tôi được biết bà ta có hai đứa con một trai lên năm và một gái lên ba, hiện giờ đang ở miền quê với dì chúng, và thiếu-phụ đang đợi đứa thứ ba sắp ra đời. Thật vậy, chỉ nhìn cũng biết bà ta mang bầu.

— Thưa bà, bao giờ bà ở cữ ?

— Thưa, còn năm tháng nữa.

Hơi sững-sờ, tôi nói :

— Nếu vậy bà nên đến một bác-sĩ chuyên về sản-khoa hơn là đến tôi.

Bà ta lắc đầu và vẻ mặt bỗng nhiên trang trọng lo-lắng :

— Dạ, không phải thế đâu ạ. Tôi đến để nhờ giáo-sư xem bệnh, vì ít lâu nay tôi thấy đau bên vú trái. Lẽ dĩ-nhiên tôi biết, khi có thai, như vậy không lạ gì. Khi tôi có mang hai cháu lớn, tôi thường thấy hai bên vú căng lên và thỉnh-thoảng nhức lắm. Nhưng lần này thì khác hẳn : hai vú tôi căng phồng lên và dẫn, hơn nữa da dẻ lại óng ánh xanh... và sáng hôm qua tôi thấy dưới nách một cái hạch nhỏ. Và... tôi thường nghe nhà tôi nói nhiều điều về...

Cố làm ra vẻ tự-nhiên, tôi mời bà ta cởi áo và nằm lên đề tôi khám bệnh. Thiếu-phụ chỉ cho tôi bên nách trái, tôi thấy một hạch bạch-huyết rất cứng, chắc-chắn đã bị hư-biến. Ngay bên cạnh, tôi thấy một hạch khác, rồi một hạch khác — có lẽ đến cả chục cái.

Vẫn thản-nhiên tôi khám tiếp vú bên trái. Cái vú phồng hẳn lên, rất căng, và khi nắn, có rất nhiều bướu lớn. Càng lúc càng kinh ngạc, tôi khám sang vú bên phải, hầu có thể chắc-chắn mà so sánh. Tôi suýt giật mình khi thấy ở đây cũng lại có những cục dắn khác. Có một chỗ làn da nhăn lại, như co vào trong. Nách bên phải cũng có nhiều hạch lớn, và gần những huyết-quản chạy xuống cánh tay cũng có hai cục lớn hơn. Không còn nghi-ngờ gì nữa, bà ta đã bị ung-thư cả hai vú ; và chắc-chắn ung-thư đã phát-triển rất nhanh. Hiện giờ, bệnh-nhân chưa thể đoán được tôi đã cố gắng thế nào để khắc-phục niềm kinh-hoàng đang xâm-chiếm tôi. Cách đây chưa đầy bốn tháng, tôi đã khám cho một thiếu-phụ Ba-Lan, cũng có chửa và cũng bị ung-thư. Lúc đó chúng tôi đã tự hỏi có nên mổ hay không. Sau cùng, tôi vẫn cứ mổ, không phải vì tôi tin chắc là phải mổ, mà vì trên bình-diện nhân-bản tôi không thể mặc-nhiên phó-thác bệnh-nhân cho số-mệnh. Vậy mà trường-hợp người đàn-bà xấu-số ấy lại rắc-rối thêm : bà ta oán ghét chiếc bào thai đã làm mình bị ung-thư. Nỗi oán ghét này, bà ta đã trút lên tất cả mọi người và lên chính mình nữa. Bà ta oán giận bác-sĩ, oán giận y-tá, oán giận cả thân mình. Sau hai lần mổ thật nguy-hiểm, bệnh-nhân ủ-rũ hàng tuần, quay mặt đi khi chúng tôi đến hỏi han ; cuối cùng chết, bất hòa với cả Thượng-Đế và với mọi người.

Tôi cố gắng lắm mới có thể xua-đuổi kỷ-niệm ghê-gớm ấy. Dù thế nào chăng nữa, bổn-phận tôi là tận-tâm với người sống, chứ không phải với người chết. Tôi phải làm gì bây giờ ? Cắt hạch ra để khám-nghiệm ư ? Nhưng, hỡi ơi trong trường hợp này, khám-nghiệm thật hiển-nhiên là thừa ; không còn nghi-ngờ gì nữa, ung-thư này phải giải-phẫu ngay không chần-chừ.

Trong khi người thiếu-phụ mặc lại áo, tôi tìm, một cách tuyệt-vọng, một lời nào hay nhất để nói sự thật với bà ta. Vì, với bà ta, tôi đã quyết định không giấu diếm gì. Tôi tin

và bây giờ tôi vẫn còn tin hơn bao giờ hết, rằng một lời nói dối «nhân đạo» vẫn là một lời nói dối, mà hậu quả chỉ có tai-hại. Một đằng bệnh-nhân, giam chặt trong ảo-tưởng, mất hết liên-lạc với thực tế ; đằng khác, xét cho cùng, lời nói dối đánh đổ niềm tin rất cần thiết của con bệnh đối với người thầy thuốc.

Tôi nói bằng một giọng an-ủi :

— Thưa bà, chắc bà biết bệnh này cũng nặng. Không dấu gì bà, bệnh này phải mổ. Nhưng trước khi quyết định, thế nào tôi cũng phải bàn với ông nhà. Chúng tôi sẽ mời ông ở tiền tuyến về ngay...

Tôi ngạc-nhiên thấy bà ta oà lên khóc và nức-nở :

— Tôi cũng chẳng biết bây giờ nhà tôi ở đâu nữa ! Mấy tháng nay tôi không được tin-tức gì cả.

Tôi hiểu ngay, trước sự khủng-hoảng tinh thần này, tôi bắt buộc phải nói sự thật tàn-nhẫn :

— Thưa bà, bây giờ chắc chắn tính mạng bà đang lâm nguy. Những sự biến-đổi nơi vú chắc có liên lạc với cái thai của bà : tác dụng của vài chất kích-thích-tố đã làm những tế bào trong vú bà hư biến, nghĩa là bị ung thư. Vì thế cần phải mổ, tuy không phải để hủy cái thai, nhưng ít ra cũng cần làm cho nó đừng tiến-triển nữa. Chúng ta phải hết sức làm thế nào hãm lại, và nếu có thể, đừng để những hạch này to thêm nữa. Thật vậy, tất cả những cố gắng của chúng ta sẽ vô hiệu, khi mà trong cơ thể bà, vẫn còn rất nhiều kích-thích-tố tăng-trưởng, rất cần cho đứa bé nhưng rất hại cho bà. Bà thấy không, chúng ta không có quyền lựa chọn.

Bà ta cầu khẩn nhìn tôi :

— Không, không bao giờ ! Thưa giáo-sư, đứa bé không thuộc một mình tôi, mà còn của chồng tôi nữa. Không dời nào tôi chịu bỏ nó. Tôi muốn trao nó lại cho chồng tôi. Nó là TỜ DI-CHÚC của tôi, tôi biết lắm, tôi không thể sống được. Chính vì thế mà tôi xin giáo sư cho tôi được sống đến khi đứa bé ra đời. Vì nó mà tôi đến đây, chứ không phải vì tôi.

Tôi hết sức phản đối, và cho thiếu phụ biết rằng bỏ đứa bé đi là cơ hội độc-nhất để cứu sống bà. Nhưng thiếu-phụ vẫn không lay chuyển. Đến nỗi cuối cùng, bối-rối trước tấm lòng can-đảm ấy, tôi đành khuất-phục :

— Nếu bà đã quyết-định như vậy, tôi xin chiều ý bà. Bà hãy về thu-xếp việc nhà và sửa-soạn càng mau càng tốt, bà sẽ phải nằm bệnh-viện lâu lắm đấy. Xong, bà trở lại đây ngay, chúng ta không thể phí thì-giờ được nữa.

Ba ngày sau, tôi báo cho thiếu-phụ biết tôi sẽ bắt đầu cắt bỏ một bên vú. Trong vòng hai hay ba tuần-lễ, sau khi bà ta lấy lại sức khỏe, tôi sẽ có thể mổ nốt bên kia.

— Tuy thế, tôi nói tiếp, vẫn còn một mối nguy. Là cơ-thể đàn-bà có thai thường thường không thể chịu nổi một cuộc giải-phẫu quan trọng như vậy. Dù cẩn-thận đến đâu, tôi vẫn ngại là giải-phẫu như thế đứa bé sẽ sinh ra thiếu tháng. Tôi ngại vậy thôi, tuy không đáng lo lắm, nhưng vẫn phải nghĩ tới.

Tôi kinh-ngạc thấy bà ta vẫn hoàn-toàn bình-tĩnh :

— Trường hợp ấy chắc là ý Trời, ta không thể cưỡng lại được.

Cuộc giải-phẫu thứ nhất diễn ra bình thường. Bệnh nhân không một chút hãi-động khi mũi *Evipan* đầu tiên đâm vào mạch máu. Tôi bắt đầu rạch quanh vú bên trái, tiết-kiệm từng tí da rất cần cho sau này. Xong, tôi lấy cả bắp thịt ở ngực cùng những cục bướu dính trên đó ra. Những người phụ-tá kẹp vội các mạch máu không để mất một giây nào. Tiếp đó, tôi cắt chỗ cơ-ngực-lớn dính vào xương đòn gánh, bỏ hẳn cơ-ngực-nhỏ, cắt chỗ bắp-thịt cánh tay dính vào xương, và đẩy cả cái vú ra ngoài. Giai đoạn đầu như vậy đã xong.

Sau khi bảo ngừng cho è-te tôi tự tay

dùng điện đốt các đầu mạch máu bị cắt. Tôi chỉ phải khâu và cột lại có một tĩnh mạch lớn.

Rồi tôi bắt đầu giai-đoạn thứ hai, là nạo toàn-diện các hạch ở nách và dưới xương đòn gánh. Công-việc thật khó-nhọc, vì vùng-phải-nạo đầy hạch nhỏ. Chỉ còn làm sạch các bắp thịt phía sau nách, chỗ thường có nhiều hạch, là việc nạo kết-thúc. Sau khi để một « ống nòng » cao-su, tôi khâu lại đường cắt đi từ vú bên trái đến cánh tay. Tất cả mất 45 phút. Tuy bệnh-nhân mất ít máu, tôi vẫn cho truyền-máu trong giai-đoạn giải-phẫu cuối cùng.

Những ngày sau đó, bệnh-nhân tỏ ra bình tĩnh một cách đáng khen. Nhưng một buổi sáng, khi vừa rút cái « ống nòng » ra, tôi thấy bệnh-nhân co rút người lại. Bỗng thiếu-phụ hỏi tôi :

— Thưa giáo-sư, tôi còn sống được bao lâu nữa ?

Tôi hiểu liền ý-nghĩa câu hỏi ấy. Bệnh-nhân muốn biết mình có đủ sức chịu-đựng đến khi sinh-hạ đứa bé không. Không muốn an-ủi bằng một câu khôi-hài tầm-thường, tôi chỉ trả-lời :

— Câu hỏi đó, bà không cần phải đặt ra làm chi.

Ngày hôm sau, tình-trạng bệnh-nhân bắt đầu nặng thêm. Càng ngày càng gầy đi, làn da mặt mịn-màng khô như giấy, đôi mắt mở lớn thêm. Tôi dặn cô y-tá-trưởng lén dành cho bệnh-nhân tất cả quà bánh có kiếm được mặc dù khẩu-phần bị hạn-chế trong thời kỳ chiến-tranh. Người nữ-tu già săn-sóc bệnh-nhân nhún vai và nói :

— Thưa, không ích gì đâu. Bà ấy không thiết gì ăn. Tôi phải dỗ mãi mới ăn được một tí.

Đôi khi, tôi đem lại cho thiếu-phụ vài miếng súc-cù-là, trong lòng cố quên cái ý-tưởng khốc-liệt rằng đồ ngọt giầu nhiệt-lượng không những nuôi sống người mẹ và đứa con lại còn nuôi-dưỡng cả ung-thư nữa.

Vả lại, vú bên phải không ngừng phồng lên. Tôi muốn mổ ngay, nhưng sức-khoẻ bệnh-nhân buộc tôi phải từ bỏ ý-định đó. Tuy vậy, tinh thần bà ta vẫn vững ít ra trong ý-hướng là đã không mất hi-vọng sẽ cho con ra chào đời. Càng ngày bệnh-nhân càng không thể tập-trung tư-tưởng vào một vấn-đề nào khác trong khi nói chuyện. Thế-giới chung-quanh chỉ tồn-tại nếu hòa-điệu với di-sản tình yêu mà thiếu-phụ dành cho người chồng.

Lẽ dĩ-nhiên, tôi dấu không cho thiếu-phụ biết là di-sản ấy có thể không bao giờ đến tay người thu-nhận. Không cho bà ta hay, tôi đã đi hỏi Nha Quân-Y, và còn giữ trong ô kéo một bức-thư riêng báo tôi biết đơn-vị của người chồng thiếu-phụ được coi như «mất tích trên chiến-tuyến miền Đông».

Điều lạ là cuộc giải-phẫu thứ hai đã diễn ra, cũng tốt đẹp như lần đầu tiên. Nhưng không may, mặc dầu chúng tôi đã cố-gắng, tình-trạng lại trở nên nguy-ngập. Hơn nữa, tôi bắt đầu sợ bào-thai có thể chết trong bụng mẹ. Bệnh nhân vừa được chở về phòng, tôi đã theo ngay đến, để nghe tiếng tim bào-thai đập. Tim đập hơi yếu nhưng thật rõ ràng. Tám ngày sau, bệnh-nhân hân-hoan báo cho tôi biết đứa bé đã máy ; như thay đổi hẳn, bà ta thì-thầm :

— Thằng bé nó đạp !

Khi cái thai được tám tháng, tôi đề-nghị cho bà ta sanh ngay, nhưng thiếu-phụ cương-quyết chối-từ.

— Tôi đã khoẻ rồi, phải không, thưa giáo-sư ? Vậy giáo-sư cho phép tôi về.

Cô em gái – một thiếu-phụ đầy-đà, tràn trề nhựa sống — đến đón bà chị. Khi nghe thấy cô ta cằn-nhằn trách chị sao không chịu ăn, tôi kéo cô ra nói nhỏ :

— Bệnh tình chị cô nặng lắm đấy. Vừa bị mổ hai lần, lại sắp sinh nở. Tôi mong cô nương nhẹ bà ấy.

Trong khi tôi đưa ra xe hồng-thập-tự,

thiếu phụ hướng về phía tôi, đôi môi tái nhợt mấp máy câu hỏi, câu hỏi tôi vẫn e ngại :

— Còn bao lâu nữa ?

Tôi chỉ có thể lắc đầu. Dù bất cứ với giá nào, tôi cũng không muốn dối bà ta. Tôi nói với một giọng vui vẻ gượng gạo :

— Thế nào cũng cho tôi biết tin sinh cháu nhé.

Ngong-ngóng đợi một tấm thiệp in, tôi đã ngạc nhiên khi nhận được một lá thư dài.

Kính thưa giáo-sư.

« Vì đã gắng sức giúp tôi, giáo-sư sẽ là người độc nhất đọc thư tôi viết báo tin mừng này. Tôi hãy còn yếu và phải giữ-gìn chút sức tàn còn lại. Cách đây tám ngày tôi đã sinh một cháu trai. Cháu nhỏ tí-tẹo, nặng 2kí640, nhưng cháu sống, và bác-sĩ nói nhất định cháu sẽ sống.

« Tôi không biết nói gì để tạ ơn, tạ ơn Trời và tạ ơn giáo-sư.

« Mấy tuần lễ vừa qua thật khó nhọc, và đã có lúc, tôi nghĩ rằng không thể cầm-cự đến phút cuối cùng. Bây giờ, giáo-sư ạ, tôi biết là phút cuối đã tới. Dù bác-sĩ ở đây tốt bụng cho là tôi nói dông dài, dù em gái tôi luôn luôn giả vờ giận tôi, thì vẻ mặt lo lắng của người này, đôi mắt đỏ hoe của người kia đã nói trái lại những lời nhân đạo kia.

« Dù sao, tôi biết tôi không thể sống được lâu nữa. Đôi khi tôi đã sợ chết — thật ra, tôi không can đảm hơn một người đàn-bà nào khác, nhưng tôi tự an-ủi ngay : sự hiện hữu của đứa bé chứng tỏ cho tôi tình-yêu vô cùng của Thượng-Đế. Có lẽ giáo-sư hoài-nghi trước những « mặc-khải cá-nhân » của tôi, nhưng mong giáo-sư hãy tin rằng « mặc-khải » đó sẽ giúp tôi khi tôi về thế-giới bên kia.

Tôi đã từng yêu cuộc đời — yêu hoa, yêu nắng, yêu nhạc ; tôi đã cố gắng làm một người mẹ hiền, và trong mười năm, không một bóng mây nào làm vẩn tình yêu vợ chồng bền chặt của chúng tôi. Tôi ra đi, biết rằng tôi sẽ thấy ở thế giới bên kia tất cả đẹp hơn, trinh trắng hơn trên trái đất này. Và bây giờ xin vĩnh biệt giáo-sư.

T.B. Nếu chồng tôi về, xin giáo-sư trao lại cho chàng bức thư này ».

Mười-lăm ngày sau, tôi nhận được thiệp báo-tang. Còn điều mong-ước cuối cùng của thiếu-phụ, tôi không sao thực-hiện được : người chồng không trở về.

20-12-63

NGUYỄN-VĨNH-ĐỨC

NGHIỆM-SỸ-TUẤN

DƯỚI MẮT THƯỢNG ĐẾ—DƯỚI MẮT THƯỢNG ĐẾ

tuổi thơ

« Le paradis sur la Terre, ce serait les enfants toujours jeunes et les enfants toujours petits. »

V. Hugo

Trẻ thơ ! thế hệ ướp hương say,
Yêu quá ! tôi yêu tuổi mộng này !
Đẹp ánh mắt trong, hồn tuyết trắng,
Xinh làn môi thắm, má đào hây,
Ôi đàn chim nhỏ tung tăng hát !
Ôi những tiên đồng lả lướt bay !
Thôi nhé ! Thời gian ! ngừng lại ngắm
Trẻ thơ vẫn trẻ, vẫn thơ ngây.

Bệnh-viện Nhi-Đồng — 1963

QUYÊN

PARIS AT NIGHT

Trois allumettes une à une allumées dans la nuit
La première pour voir ton visage tout entier
La seconde pour voir tes yeux
La troisième pour voir ta bouche
Et l'obscurité toute entière pour me rappeler tout cela
En te serrant dans mes bras

J. PRÉVERT
(PAROLES)

ĐÊM BA - LÊ

Đốt lần lượt ba que diêm trong đêm tối
Que diêm thứ nhất để thấy trọn-vẹn mặt em
Que diêm thứ nhì để nhìn mắt em
Que diêm thứ ba để ngắm đôi môi em
Và bóng tối hoàn toàn để nhớ lại tất cả
Khi ôm em lòng vòng tay.

V - Đ Ứ C

nẻo vào tình yêu

(Tiếp theo trang 44)

— Điều một: Tất cả mọi người đều no ấm. Điều hai: Xin cho những người thương yêu nhau được gần nhau.

— Còn điều thứ ba, Tường hỏi.

— Điều thứ ba em xin « lại quả » cho Chúa vì em thấy không còn ước mong gì hơn thế nữa.

Anh ngạc nhiên vì không ngờ Phượng lại có lý tưởng đẹp đẽ như thế. Anh muốn hôn lên môi Phượng và trong niềm thương yêu cuồng nhiệt ấy, hình ảnh Chúa-Giáng-Sinh năm nào lại hiện về trong trí nhớ của anh, hình ảnh tuy nghèo nàn đơn sơ nhưng trung thực. Anh nói trong làn tóc rối của Phượng :

— Anh chỉ biết tạ ơn Thượng đế đã cho anh quen Phượng.

***

— Nhưng bây giờ thật là hết rồi. Những kỷ-niệm tươi mát thể hiện tình yêu ban đầu chỉ còn là bóng mờ của dĩ-vãng. Phượng lao mình vào ánh đèn mầu. Con thiêu thân ấy quay cuồng trong cơn bão thời-đại mà không tìm được lối thoát.

Sau nhiều lần khuyên can, bầu trời chiều nay như muốn xụp đổ và trước mắt anh là một tan vỡ, một đổ nát không thể hàn gắn được.

Dù sao anh vẫn không quên được Phượng, người con gái đã mang cho anh nhiều kỷ-niệm đẹp. Trong thâm-tâm hai chiều gió xoắn lấy linh-hồn anh. Anh vẫn còn yêu Phượng. Anh tự nghĩ : nếu Phượng trở về ? Anh sẽ tha thứ hết và anh sẽ nói :

— Phượng ơi ! tình anh đối với em là tình chân thật thì sao chẳng có lúc còn gặp nhau.

PHẠM

tình thương

(tiếp theo trang 4)

thấy. Nhưng cái lạ lùng này đẹp lắm, trong trắng lắm và cảm động lắm. Trong những năm các bạn đang tiếp xúc với bệnh nhân ở nhà thương, tình-thương đã bắt đầu nảy nở trong lòng các bạn. Đấy là dấu hiệu tốt đẹp nhất cho một Bác-sỹ tương lai : Vì một Bác-sỹ không có tình thương thì làm sao có thể là một bác-sỹ xứng đáng với cái danh từ ấy được. Một sinh-viên Y-học, một bác-sỹ không có tình thương như cái cây không hoa, như cái suối không nước, như ngọn đồi thiếu cỏ mượt xanh tươi...

Tình-thương là nguồn thông cảm giữa bạn với bệnh nhân, là ngón tay dịu dàng đặt trên vai những người đau ốm, là khóe mắt hiền từ, là giọng nói an ủi thiết tha, là ước ao mong mỏi cho người mình trông nom săn sóc chóng khỏi...

Là gì nữa, là gì nữa các bạn nghĩ thêm với tôi rồi chúng ta sẽ ghi vào trong những số báo sắp ra đời của các bạn.

Những số báo «tình thương» sẽ là nguồn thông cảm giữa các bạn và thế giới đau thương... Nó là nụ cười trong nước mắt, nó là đóa hoa nở trong vườn đau khổ, nó là cơn gió giữa trưa hè và nó là cả tấm lòng các bạn, ngày hôm nay và mãi mãi...

Bác-sỹ ANH-TUẤN

- *Bạn đã nâng-niu « đứa bé đầu lòng » của chúng tôi trên tay.*
- *Bạn sẽ đón Xuân, bên tách trà nghi-ngút, trong gia-đình yên-vui, tay lại nâng-niu :*

NGUYỆT SAN TÌNH THƯƠNG

DO SINH VIÊN Y KHOA CHỦ TRƯƠNG

SỐ 2 *và là số XUÂN GIÁP-THÌN*

sẽ ra mắt **ngày 2-2-1964**

✶ MỘT CỐ-GẮNG VƯỢT-BỰC.

✶ MỘT NỘI-DUNG PHONG-PHÚ, MỚI LẠ VÀ HẤP-DẪN

✶ MỘT NHỊP CẦU THÔNG CẢM GIỮA SINH VIÊN CÁC PHÂN KHOA TOÀN QUỐC.

(Tiếp theo trang 36)

tư-thế, chủng-tộc, chính-trị, tôn-giáo, quốc-gia và kinh-tế đều bình đẳng tham-dự vào Đại-học trên căn-bản những thích-ứng cá-nhân về việc học. Đó phải là một Đại-học xây-dựng trên nền giáo-dục dân-chủ, để bảo-đảm sự gia-nhập tùy theo khả-năng cho tất cả mọi thành-phần xã-hội.

Đó phải là một Đại-học được xã-hội ủng-hộ đầy-đủ về kinh-tế, cần-thiết để điều-hành cái nhiệm-vụ sống động của nó trong xã-hội ấy, và trong đó những nhu-cầu ích-lợi căn-bản của Sinh-viên được tiếp-nhận một cách thỏa-đáng. Tiếng nói của Sinh-viên, con người nhiều liên-hệ đến nhất và ý-thức được nhiều nhất những vấn-đề của diễn-tiến giáo-dục, phải được lắng nghe ngay khi chính-sách liên-hệ tới diễn-tiến ấy được thành-lập.

B. Từ những ý-niệm trên nẩy ra ý-niệm *xã-hội tự-do*, bởi lẽ chỉ trong một xã-hội như thế, sự tìm kiếm chân-lý và công-lý — nhiệm-vụ của Đại-học tự-do — mới có thể theo đuổi một cách hữu-hiệu. Một xã-hội tự-do hoàn-toàn độc-lập với mọi hình-thức thống-trị và kiểm-soát ngoại-lai; và dân chúng được tự-do tổ-chức đời sống quốc-gia theo đường lối thích-hợp với nhu-cầu và nguyện-vọng của họ. Trong xã-hội ấy, mọi sinh-hoạt chính-trị, kinh-tế, xã-hội đều được tổ-chức theo đường-lối dân-chủ, và như thế mỗi thế-hệ mới đều có thể áp-dụng những quan-niệm riêng của mình cho cả dân-tộc.

Nền dân-chủ chính-trị chỉ có thể hoàn-thành khi quyền lực chính-trị chịu sự kiểm-soát tối-hậu của toàn-dân, vì chỉ như vậy mới có bảo-đảm rằng quyền-hành đã được thực-thi theo quyền-lợi của tất cả chứ không phải của một phần nhỏ trong xã-hội; và khi đã có đầy-đủ tự-do ngôn-luận, tự-do phát-biểu chính-kiến, với điều-kiện là những tự-do đó không đương-nhiên nguy-hại đến sự toàn-vẹn và an-ninh của xã-hội. Chính những điều này — chứ không phải những đòi hỏi tổ-chức hình-thức — là tiêu-chuẩn theo đó trình-độ dân-chủ của một hệ-thống chính-trị, đa-đảng, lưỡng-đảng hay đơn đảng, phải được xét-xử.

Sự công-bằng về kinh-tế chỉ có thể hoàn-thành qua sự bình-đẳng của những thích-nghi kinh-tế và sự phân-phối vô-tư những sản-phẩm kinh-tế. Những chính-sách thuế-khóa, định giá hay điều-chỉnh tiền-tệ, an-ninh xã-hội và công-ích từ-thiện, kế-hoạch kinh-tế, cải-cách điền-địa, và những hình-thức tư-hữu các xí-nghiệp, tất cả đều thuộc về sự thực-hiện những mục-đích ấy. Mỗi quốc-gia, được lịch-sử cùng tin-tưởng và đặc-tính riêng hướng-dẫn, sẽ chấp-nhận một phối-hợp nhiều chính-sách riêng-biệt thích-hợp với nhu-cầu chung. Đối với những xã-hội chậm-tiến vì kinh-tế thiếu mở mang,

kế-hoạch trung-ương về phân-phối và xử-dụng tài nguyên có thể là con đường duy nhất để phát-triển nhanh-chóng, điều cốt-yếu để có một công bằng về kinh-tế.

Công bằng xã-hội chỉ có thể hoàn tất khi có sự nhìn nhận trọn-vẹn những phẩm-giá cố-hữu và những quyền bình-đẳng bất-khả xâm-phạm của mọi phần-tử trong gia-đình nhân-loại, như đã được đề ra trong bản Tuyên-Ngôn Quốc-tế Nhân-Quyền của Liên Hiệp Quốc. Công-lý xã-hội được biểu-hiện trong bình đẳng về cơ-hội và của sự đối xử trước pháp luật cho tất cả mọi người, không phân-biệt chủng-tộc, nam nữ, hoàn-cảnh kinh-tế, nguồn gốc quốc gia hay xã hội, khuynh hướng chính trị hay tôn giáo; trong tự-do trọn-vẹn về tư-tưởng, hiệp hội, phát biểu; trong sự giải thoát khỏi sợ hãi và thiếu-thốn.

C. Từ những nhận-định này nẩy ra *quan-niệm trật-tự quốc-tế*, ngõ hầu vạch ra những đường-lối cho sự kiện-toàn tự-do quốc-gia và công-lý xã-hội; mang đến những tiên-quyết cho một hòa-bình thực sự và bền-vững, một trật-tự bảo-đảm hòa-bình thế-giới tiên-quyết cho tiến-bộ quốc-gia và hạnh-phúc nhân-loại. Hòa-bình không-phải chỉ có nghĩa là không có những xung-đột võ-trang; hòa-bình có nghĩa là diệt-trừ tất cả những hình-thức đàn-áp và thống-trị ngoại-lai, có nghĩa là phát-triển song-phương hay đa-phương sự hợp-tác quốc-tế trên căn-bản bình-đẳng, tôn-trọng độc-lập quốc-gia và nhân-quyền cá-nhân.

Hòa-bình chỉ có thể đặt nền-tảng trên sự thỏa-thuận của tất cả các quốc-gia về việc đình chỉ các thí-nghiệm nguyên-tử, kể cả những thí-nghiệm sâu dưới đất, và qua sự hoàn-thành việc tài-giảm binh-bị toàn-thể thế-giới, dành lại những nguyên-liệu dồi-dào, hiện nay lãng-phí vào công-cuộc võ-trang, cho những vấn-đề cần thiết về phát-triển kinh-tế, xã hội hay giáo dục. Ở quan-điểm này, sự hòa-dịu của tình-hình quốc tế nhờ việc đồng lòng ngưng các thí-nghiệm nguyên tử, trừ những thí-nghiệm sâu dưới đất, của một số lớn quốc-gia trên thế-giới, được coi như một đóng góp đáng kể cho hòa-bình thế-giới. Nhưng đấy chỉ là bước đầu; nhiều bước tiến xa hơn cần được thúc đẩy ngay để giữ vững và mở rộng đà tiến triển này.

Hòa bình chỉ có thể được đảm-bảo nhờ sự lớn mạnh của Liên Hiệp Quốc, trong đó các quốc gia, dù lớn dù nhỏ, đều có đồng quyền đề nghị trong việc xác định vận mệnh của nhân loại. Liên Hiệp Quốc phải là một trung gian làm trọng tài và giải quyết những tranh chấp quốc tế lớn, và phải trở nên căn bản của trật tự thế giới tương lai. Hòa bình chỉ có thể cứu vãn bằng cách xây dựng một nền pháp luật quốc tế vô tư, che chở cho mọi người và mọi quốc gia chống lại bất công và xâm lăng, để vạch ra những con đường hòa-bình cho sự thực thi vô tư của luật pháp để thúc đẩy sự cáo chung của nạn chuyên chế và để khai sáng một thế giới thống nhất trong tình huynh đệ, dân chủ, mặc dầu những dị biệt về ý thức hệ, chủng tộc, tôn giáo.

(còn tiếp)

SINH VIÊN VÀ ĐẠI HỌC

● CUỘC HỘI-THẢO CỦA SINH VIÊN

Trong tuần lễ từ 15 đến 22-12, liên tiếp 7 ngày liền, hội Thanh niên Thiện chí, hợp tác với Liên đoàn Sinh-viên Công-Giáo và Đoàn Sinh-viên Phật tử, tổ chức ở Rạp Thống Nhất, 7 cuộc hội thảo về những vấn đề sau đây :

15-12 : Đại học và sự tiến hóa của Dân tộc

16-12 : Thử tìm một phương thức tổ chức Sinh viên.

17-12 : Sinh-viên và vấn đề động viên.

18-12 : Sự tương quan giữa thế hệ già và trẻ

19-12 : Sinh-viên và hệ thống giáo dục đại học

20-12 : Sinh-viên và cách mạng xã hội

21-12 : Lập trường và nguyện-vọng sinh viên.

Các cuộc thảo luận đều đặt dưới quyền chủ tọa của ông Tổng-Trưởng Quốc-Gia Giáo-dục hoặc các ông Khoa Trưởng. Số người tham dự khá đông đảo. Khoảng 600-700 mỗi buổi thảo luận. Đa số là Sinh viên, học sinh. Ngoài ra còn có các vị giáo sư lưu tâm đến sinh hoạt sinh-viên, các tu-sĩ.

Buổi họp cuối cùng, 21-12, có tính cách đúc kết các ý kiến, tóm tắt trong tiêu đề :

« Lập trường và nguyện vọng Sinh viên ». Phần thảo luận khá sôi nổi. Được chú ý nhiều nhất là vấn đề chuyển ngữ ở đại học, vấn đề đóng cửa các trường Pháp ở V.N, vấn đề chuyên môn hóa đại học và vấn đề làm sao để những ý kiến được chính phủ cứu xét và giải quyết. Ngoài ra, có một bạn lên nêu vấn đề lập một trung-tâm sinh-hoạt Sinh-viên, nhưng lúc đó Ông Tổng-Trưởng Quốc-Gia Giáo-dục và Ông Tổng-Trưởng Thanh-niên đã ra về nên anh bạn nói rất lấy làm tiếc và hẹn sẽ trình bày lại ý kiến đó đầy đủ hơn trong một dịp khác.

Được biết rằng ban tổ chức sẽ cho phát hành một tập tài liệu ghi lại đầy đủ chi tiết những sinh hoạt trong suốt tuần lễ thảo luận.

Một vài nhận xét về buổi thảo luận cuối cùng :

Một số các bạn đã không đủ bình tĩnh khi thấy có người lên phát biểu ý kiến trái ngược với ý kiến của mình. (nhất là về vấn đề chuyển ngữ, một vấn đề thật gai góc và cần phải rất khách quan nhận định lợi hại). Chủ-tọa-đoàn có vẻ như không để ý đến các lộn xộn nhỏ đó. Chúng tôi nghĩ rằng muốn cho hội thảo có ý nghĩa phải « biết » nghe và tìm hiểu chứ không thể nóng nẩy gạt bỏ những phát biểu trái ý mình. Mong rằng trong những nghị luận hội sau này, cử tọa sẽ bình tĩnh hơn.

Có bạn đã lên phát biểu một cách sốc nổi về những vấn đề mình ít am hiểu. Chúng tôi muốn nói đến một bạn, khi đề cập đến vấn đề « chuyên môn hóa » đại học, đã đòi các Sinh viên y khoa phải chuyên ngay về ngoài da, về mắt, về tai mũi họng, v...v.... ngay từ năm thứ nhất. Làm giáo sư NGÔ-GIA-HY lại phải lên phát biểu và giải thích ! Riêng chúng tôi, chúng tôi nghĩ rằng Sinh viên cần phải **chuyên** về một môn học nào đó nhưng chỉ nên chuyên **sau khi** đã có những khái niệm tổng quát về toàn thể ngành học của mình. Và chuyên môn có nghĩa là một sự tiếp tục nghiên cứu, học hỏi và áp dụng **cả đời**. Còn như định một thời hạn 1, 2, 3, hay 5, 6 năm chỉ học có một môn rồi bảo là chuyên môn, chúng tôi e rằng chưa đủ và có tính cách « tùy ý » (arbitraire) chăng ?

Sau cùng, chủ - tọa - đoàn đã đưa ra một số các **ý kiến** và cho đó là các **quyết nghị**. Chúng tôi nghĩ rằng chủ tịch đoàn đã đi hơi xa. Dù có muốn cho những ý kiến đó là quyết nghị thì chỉ có thể là quyết nghị của hội nghị chứ không thể là quyết nghị của toàn thể Sinh viên.

Theo thiển ý, chủ tịch đoàn chỉ nên ghi lại tất cả các ý kiến, với những nhận xét hoặc kết luận, thí dụ ý kiến này của đa số hội nghị, ý kiến kia đa số phản đối v...v...

Ngoài những khuyết điểm nhỏ nhặt trên, phải khách quan mà nói rằng thiện chí của ban tổ chức đã được đền bù : tuần lễ hội thảo đã khá thành công. Chúng tôi mong sẽ có những cuộc hội thảo tương tự về nhiều vấn đề khác nữa, vì hội thảo là một sinh hoạt dân chủ và cần thiết cho tiến bộ.

● MỘT BỨC THƯ

Trong tuần lễ hội thảo, có một bức thư mà theo thiển ý rất nên chú ý, đã được gửi tới cho ban tổ chức. Người viết ký tên Nguyễn-văn-Ba và đại diện cho một nhóm phụ huynh trong đô thành. Lá thư dài một trang rưỡi đánh máy. Lối hành văn hơi cổ. Ý tứ xem ra rất thành thật, xây dựng. Chúng tôi xin trích ở đây những đoạn đáng chú ý :

Kính gửi Tổng hội Sinh viên (tác giả đã lầm Ban tổ chức Tuần lễ hội thảo với Tổng hội Sinh viên)

« ... Xét vì Sinh viên lên tới đại học đã bao năm công phu đèn sách, với chí nhẫn kiên của người hiếu học... thì không nên quên hồi thuở ban đầu nơi trường tiểu-học, là chỗ mở khiếu khai thông trí tuệ... »

«...Mấy anh chị em đang hội hiệp cùng nhau để bảo-tồn quyền-lợi cho mình cũng nên nhớ tới đoàn hậu-tấn, đương bập bẹ trên quyển vần a, á...

« ,,. Như vậy thì sự học-vấn từ dưới thấp đến trên cao đều có liên-quan như một chớ không phải chúng tôi xen vào phá rối cho lạc-đề... » Muốn cho được kiện toàn với sự giúp đỡ của quý anh chị em sinh viên, không chi khác hơn là nhờ anh chị em đứng ra xin với bộ Quốc gia Giáo dục, thừa việc cải tiến chương trình giáo dục, nên cho toàn thể cấp tiểu học, từ lớp Đồng Ấu, ngoài Việt ngữ căn bản, nên cho học sinh bắt đầu học thêm Sinh ngữ, như thuở xưa, lúc chúng ta còn bé, để cho đủ khả năng bước vào trung và đại học, và ra ngoài giao dịch với ngoại bang khi xuất ngoại...

« ... Cho phép học đường được giữ kỷ luật nghiêm minh bằng oai bổng, như thuở xưa để kềm chế trẻ con nên người giáo dục, không nên lấy nể, vì nhơn vị với trẻ nhỏ, mà dung-dưỡng, thành ra mất nết, sẽ gây mầm tội-lỗi cho quốc-gia khó trị.... Bởi nhà trường là lò un đúc nhơn tài, nếu lêu lổng khinh thường thì sẽ có nạn cow-boy suy đồi quốc thể. »

« Chánh quyền cùng các phụ huynh đều phải góp tay nhau để đào tạo trẻ con cho nên người đức hạnh, và triệt để tiêu tiêu trừ du đãng », thì nước nhà mới là thạnh trị. »

« Bởi lý lẽ trên đây, tuy là thô sơ, đơn giản nhưng là những yếu tố quan hệ cho nền giáo dục quốc gia, mà mấy anh chị em Sinh viên đương thảo-luận. Nên chúng tôi cũng ước mong các anh chị em không quên bổn phận của mình để bảo vệ đàn em hậu tấn mà cho xen vào một đề mục trong chương trình xã hội hôm nay. »

Nguyễn Văn Ba

Trích đăng những lời lẽ trên đây, không có nghĩa hoàn toàn đồng ý với tác giả. Chúng tôi chỉ muốn nói rằng vấn đề ngoại ngữ và vấn đề kỷ luật học đường thật là quan trọng. Người có tâm huyết không thể bỏ qua. Chúng ta sẽ đề cập tới kỹ càng trong những số báo sắp đến.

TRẦN-LY-NHÂN

hộp thư Tình Thương

Tòa Soạn đã nhận được các bài sau đây :

Tái Sinh, Ai bảo thi-nhân không là Bác-Sĩ (PG. Châu). Anh muốn có, cửa nhà thương (V.D. Hoành). Sau cơn binh lửa (Vĩnh Lộc). Đèn khuya, Tiễn em, Em đến thăm anh. Những người ra đi, (Thượng Tri). Những chàng trai đôi mươi, Em đừng hẹn (Quyền) Cô đơn (Hoang Dung). Đặng Sinh (Như sinh). Màu hồng (Y-Ly). Qua Truông (D.H. Thành). Cảm nghĩ của một sinh viên (Lương-Ninh-Bình). Tình yêu và sự thật (Bồ Giang và Hà li Hải). Mách thuốc (của C.S Mờ). Không ngờ (Đạo Đại). Tình thương (Ngàn Khơi). Tình đẹp lúc ban đầu (Nhạc Thế Quý). Sóng nhạc tình thương (Nhạc Đ.N. Khánh). Thư của Phạm-đình-Chí gửi P.V.L. Xác định một thái độ (Vô-Kỵ).

● Sẽ đăng :

Tình người S.V (của L.H.H Anh Vũ). Niềm Quê-Hương (Nàng Lai). Buồn một phương (Trang Châu). Mấy bức thư (Trúc-Lan). Thơ Hà-li-Hải. Thơ Đỗ Nghê.

● Bạn Hồng Hoàng (S.V.V.K)

Mong gặp lại bạn thảo luận thêm.

tình thương

NGUYÊT-SAN DO SINH-VIÊN Y-KHOA CHỦ-TRƯƠNG



2

xuân giáp thìn 1964

NGUYỆT SAN

tình thương

DO SINH VIÊN Y KHOA CHỦ TRƯƠNG

TÒA SOẠN : 28 TRẦN-QUÝ-CÁP SAIGON

Chủ-Nhiệm PHẠM-ĐÌNH-VY Chủ Bút NGUYỄN-VĨNH-ĐỨC

Tổng-thư-ký TRẦN-XUÂN-DŨNG

Thư-ký: NGHIÊM-SỸ-TUẤN Quản-lý : PHẠM-NHƯ-BÁCH

BAN BIÊN TẬP : TRẦN ĐÔNG A — HOÀNG THIỆN-CĂN — TÔN-THẤT-CHIỀU — LÊ QUANG DŨNG — NGHIÊM ĐẠO ĐẠI — VŨ THIỆN ĐẠM — NGUYỄN LONG HỢP — DƯƠNG HỒNG HUY — TRẦN MỘNG LÂM — PHẠM VĂN LƯƠNG — TRẦN XUÂN NINH — HỒ TẤN PHƯỚC — LÊ SỸ QUANG — NGÔ THẾ QUÍ — HÀ NGỌC THUẦN — TRƯƠNG THÌN — TÔ VĂN THÌNH — ĐỖ HỮU TƯỚC — ĐỖ THỊ VĂN — NGÔ THẾ-VINH — ĐẶNG VŨ VƯƠNG

TRONG SỐ NÀY

Ý Xuân	TÌNH THƯƠNG	III
Tháng Giêng ăn Tết	HÀ-NGỌC-THUẦN	V
Tết ở trong lòng người	B. S. ANH-TUẤN	VIII
★ QUAN ĐIỂM VÀ KHẢO-LUẬN		
Quan-niệm về Y Khoa nhân-bản	ĐẶNG-VŨ-VƯƠNG	1
Quan-niệm về Giáo dục	G. S. NGÔ-GIA-HY	5
Tuyên ngôn LEYSIN		7
Sinh-viên và vấn đề Động-viên	PHẠM-VĂN-LƯƠNG	12
Sinh-viên và Tổng-hội	NGÔ-THẾ-VINH	17
Sinh-viên và khiêu-vũ	DƯƠNG-HỒNG-HUY	20
Y-học không-gian	HỒ-TRUNG-VIỆT	22
★ ★ SÁNG TÁC		
• KỊCH		
Ngọn nước Nguyên-Thủy	NGUYỄN-VĨNH-ĐỨC	25
• TRUYỆN NGẮN		
Những người đi tìm mùa Xuân	SĨ-TUẤN	32
Chiều nay	VŨ-NGỌC	43
Sự sống	TRƯƠNG-THÌN	44
Bóng đêm	NGÔ-THẾ-VINH	47
Niềm vui hiện hữu	YÊN-BẰNG	51
Mùa Xuân	TRÚC LAN	55

2

THÁNG 2 - 1964

• THƠ

HẰNG HÀ SA • TRANG CHÂU • NÀNG LAI
HÀ LI HẢI • ĐỖ NGHÊ • ĐẶNG VŨ VƯƠNG •
YẾN THỬ • TRẦN XUÂN DŨNG • QUYỀN •

• • • CÁC MỤC THƯỜNG XUYÊN

Nhất Thiên	TRẦN LY NHÂN	61
Những lá thư gửi từ bệnh viện	ĐÌNH VY	65
Bàn tay nắm lấy bàn tay	SĨ THẾ	66
Năm Rồng nói chuyện Tí	TRẦN LY NHÂN	69
Hồ sơ Bệnh Lý	TRẦN MỘNG LÂM	72
Tranh vui	KHẢ ÁI	72
Một Năm Học Tập	NGHIÊM SỸ TUẤN	84
Ca dao Vệ sinh	B. S. NGUYỄN ĐÌNH CÁT	94
Sinh hoạt Y_Khoa	DƯƠNG HỒNG HUY	95

• • • • TÁC PHẨM TRƯỜNG THIÊN

Nuôi Sẹo	TRIỀU SƠN	4
Dưới mắt Thượng Đế	HANS KILLIAN	78
Lịch-Sử Y-Học	KENNETH WALKER	84

BAN CHỦ TRƯƠNG và BIÊN TẬP

nguyệt san tình thương

KÍNH CHÚC

quý vị độc giả một năm mới
hạnh phúc, tiến bộ và thành công

Ý XUÂN

Xuân lại về.

« Khởi-thủy... Đấng tối-cao tạo ra vũ-trụ. Từ những nguyên-tố, Người đã tạo ra mặt trời sáng chói, mặt trăng hiền dịu, những vì sao lấp lánh, những đồi núi chập-chùng, những cánh-rừng có hoa có lá. Qua những cảnh-vật hùng-vĩ, Người đã tạo ra mùa Xuân... và sau hết Người đã tạo ra con người.

Tất cả những nguyên-tố dắn-chắc, lầm-lì đều đã dốc hết vào sự cấu-tạo người đàn ông. Và từ những đường cong của đài hoa ngát, nét óng-ả chải-chuốt của cành lá, vẻ êm-dịu của hoàng-hôn, sức cứng của ngọc-trai, niềm trìu-mến của chim thư-cưu, khiếu ríu-rít của hoàng-oanh hoàng-yến, từ tất cả người đã tạo ra đàn bà »

Từ Ý Xuân, Người đã tạo ra con người. Từ con người, Người đã tạo ra Tình Thương.

Con người thái-sơ trên trái đất này đã mở mắt chào đời trong gió xuân mát lạnh, hoa đào phơi phới, cành xanh chớm lộc đâm chồi...

Rồi, trong không gian nào, qua thời gian nào cũng vậy, nhịp sống vẫn tuần-tự chuyển-động, chuyển mạnh trong lòng vạn vật để nói lên ý thầm tiềm-tàng trong ba tiếng : Xuân muôn thuở.

Mời các bạn hãy bước nhẹ... Mời các bạn hãy vào. Cửa vườn xuân đã mở, cửa vườn chúng tôi đã mở.

Chúng tôi đã DỰNG, chúng tôi đã lên tiếng. Vườn chúng tôi sơ sài lắm : dăm ba bàn tay nhiệt-thành nâng-niu cảm-nghĩ, vài ánh mắt phủ đầy suy-tư, một vài ý-thức tinh-thần, chỗ đứng, tiếng nói và trách-nhiệm của mình. Thế mà chúng tôi cứ tưởng mảnh vườn bé nhỏ thuần-hậu có đủ mãnh-lực lôi cuốn đến cả loài đá sỏi nhẵn thín trong làn suối trong vắt. Mời bạn cứ bước vào ; trong khung-cảnh bàng-bạc xuân tươi này, các bạn sẽ cởi mở hơn, sẽ rộng rãi hơn.



Với một đối-tượng phức-tạp như một tiểu vũ-trụ : CON NGƯỜI, người sinh-viên y-khoa chỉ ước-vọng tìm về con người, tìm về giá-trị, quyền sống và thắc-mắc của con người bình-thường hay bệnh-hoạn. Nếu chúng tôi mạnh dạn khai-phá tâm tư người sinh-viên hôm nay, mảnh vườn cỏ mọc nhiều mà hoa cũng mọc nhiều, và nếu chúng tôi đưa các bạn qua từng giẫy giường sơn trắng trong bệnh-viện, nơi cơ-thể học viện, đem cả những cảm nghĩ chân thành đượm sắc thái y-khoa : sức khoẻ,

sự chết, bệnh tật, chí-hướng từ-từ hiện dần qua kinh nghiệm con người với con người, chúng tôi chỉ tha-thiết hướng về một nền *y-khoa nhân bản*. « Tôi không hỏi màu da anh, không hỏi tôn-giáo anh, tôi chỉ hỏi anh đã đau-đớn khổ-não thế nào mà thôi » (Pasteur).

Vậy xuân lại về... Tết lại đến... Những ngày vui này là cơ-hội để ôn-cố tri-tân. Như đúng hẹn, các cụ đồ nho khăn xếp chữ nhân, tóc trắng như bông, râu dài đạo-mạo lại ngồi khom lưng giữa hàng câu đối đỏ giăng la liệt trên tường, dưới đất. Còn gì vui mừng và cảm-động khi đi tìm một món quà tết để tặng người thân yêu, kẻ bộ hành dừng chân nhìn nét bút lông lại tung-hoành trên giấy điều. Rất nên thơ, rất bình-thản. Rồi một già một trẻ ngồi bên nhau. Già, bàn tay run run, bút lông xuất-thần trọn vẹn bài thơ «Hoàng-Hạc lâu» : bao nét mực đa-tình, nho-nhã, cứng cáp mà mềm-mại ; trẻ, chỉ nhìn mà không nói, đôi mắt thoáng-hiện hình-ảnh sơ-khởi ngày xưa... ngày xưa. Rồi kẻ đi tìm mùa xuân cuộn tròn tờ giấy điều, trịnh-trọng như người bốc mộ để từng mảnh xương trong chiếc tiểu sành. Món quà Tết vẻn-vẹn chỉ một bài thơ « Hoàng Hạc lâu ». Rồi người nhận quà cảm-động khẽ mở bài thơ, câu thơ thoảng nét buồn cổ-điển, thâm-thúy, thầm-kín và tao nhã. Như đúng hẹn, những chiếc bánh chưng xanh góc gọn, vuông-vắn có dây lạt đỏ gói-ghém cái xa xưa nguồn gốc. Như đúng hẹn, con người lại trở về cõi rễ, trở về hơi thở bào-thai dân-tộc, trở về con nước hiền-lành trên non nguyên-thủy.

Người sinh-viên y-khoa chỉ mong ước, khi đi tìm con Người, trở về nguồn-gốc trong tâm hồn, trong mục-đích và trong hành-động. Chính vì thế, thế-hệ hiện-đại chúng ta cần phải làm sống lại *lý-tưởng Nhân Bản truyền-thống* của dân-tộc và phát triển thêm bằng cách tìm mượn *sinh-khí mới* trong mọi chiều-hướng tư-tưởng, miễn không phủ nhận giá trị thiêng-liêng của con người và nguồn gốc.

Nhưng trong niềm vui dễ tưởng đến lo-âu, lo làm sao TÌNH THƯƠNG đều đều đến tay các bạn. Và nỗi lo âu dễ đổi thành bài học.

Ngay đầu năm, chúng tôi đã phải cố gắng nhiều với một nhận-thức là việc càng khó càng dễ say-mê, với một nhận-định nghiêm khắc với chính mình để cho khỏi bị xét-xử nghiêm-khắc hơn .Trong sự chuyển mình, đổi hướng lớn-lao của dân-tộc, chúng tôi ước-mong là một tiếng chim đồng-hòa hợp-tấu với bao tiếng chim gọi Bình-minh về..

Với ý nghĩ tâm thành như vậy, và để đón Ý Xuân muôn thuở, chúng tôi cảm động gửi tới các bạn những lời tự nguyện và CHÚC-MỪNG của những người đi TÌM CON NGƯỜI, HƯỚNG VỀ NGUỒN-GỐC, và BƯỚC LÊN hăng-hái.

TÌNH THƯƠNG

THÁNG GIÊNG ĂN TẾT
ý nghĩa hiện-sinh của một tục-lệ

NHỮNG cơn mưa tầm-tã đều đặn như người công-chức mỗi ngày đi về hai buổi thưa-thớt dần ; thế rồi cùng với những đêm trời bỗng nhiên trở lạnh, mùa đông Sài gòn ngắn-ngủi qua đi không còn một chút dư vang hay dấu vết. Dưa đỏ bầy bán trong chợ ngoài đường vỏ xanh, cùi trắng, hạt nhưng-nhức đen, báo hiệu mùa xuân đã đến, một mùa xuân hồng cắn vào mát rượi. Nhưng, ngẩng mặt lên trời mây xuân không chim én, nhìn ra ngoài ngõ thềm xuân không xác pháo đỏ tươi, trong tay cành lộc xuân trầy về không đọng một giọt mưa phùn long-lanh thấm ướt : ở miền Nam mưa nắng hai mùa, mỗi lần năm hết tết đến, khó mà cảm thấy cái đầm-ấm của hương xuân. Tết đến khởi đầu cho mùa khô, mùa nóng, mùa cháy, mùa thiếu nước, mùa những bệnh dịch... Và giữa buổi trưa nắng chói chang, đóng khung trong bộ lễ-phục, uống rượu mùi, hút thuốc lá, cắn hạt dưa, xã giao mấy lời chúc tụng khuôn sáo, cái phi-lý của tục-lệ hiện ra bất chợt.

Đã chớm nụ từ lâu trong xã-hội Việt-nam một khuynh-hướng trốn chạy : bỏ lại Saigon cái nóng-nực, người ta đi Đà-lạt hay Vũng-tầu nghỉ mát. Chạy trốn nghi-lễ. Chạy trốn tục-lệ. Đối với họ ngày Tết chỉ có nghĩa như một ngày nghỉ, một vụ nghỉ dài hạn cho phép những cuộc đi chơi xa. Nhưng đối với những người vốn dĩ quanh năm ngày tháng ở Cao-nguyên hay Bờ-biển, ngày Tết vẫn còn đầy đủ uy-quyền của tục-lệ, bắt-buộc họ phải ép mình theo truyền-thống, bởi họ không thể trốn chạy nơi đâu được nếu không phải là trở lại xứ Saigon bụi-bặm. Hơn nữa cái lối ngày xuân đi nghỉ mát thoạt đầu có thể thỏa-mãn được thị-hiếu ưa sự độc-đáo rút cục cũng lan tràn trong xã-hội như mọi bệnh truyền-nhiễm : cho đến bây giờ, đó cũng chỉ là một cách ăn Tết. Nếu ngày xưa đến tháng củ mật quan quân xếp ấn tín, xếp việc công, hành-trình rong-ruổi về nơi quê cha đất tổ, thì ngày nay cũng đầu tháng chạp người ta lo lấy chỗ máy bay, dành phòng khách sạn. Con người tưởng là trốn khỏi xã hội lại trở về trong lòng xã-hội.



Ngày Tết, như vậy, còn trọn-vẹn hình-thức của một tục-lệ. Có lẽ người ta cũng không cần biết ngày Tết tự nó có một ý-nghĩa gì, nhưng tất cả những người Việt-nam còn giữ nguyên-vẹn tâm-hồn Việt-Nam, ai ai cũng hân-hoan đón chờ ngày Tết, chen-chúc nhau đi chợ Tết, nô-nức sắm Tết, sung sướng mà ăn Tết...

Và thực sự, Tết là ngày mà mọi người đều *phải* sung-sướng. Cho nên trẻ con không được khóc : « Ngày Tết mà khóc thì rông cả năm đấy con ạ ! », kèm theo câu nói là một đồng tiền mừng tuổi mới tinh dúi vào bàn tay ngây thơ xinh-xắn. Ngày Tết người ta kiêng không nói tục, không nói khỉ,

không nói nỡm, vốn là phát-biểu trung thành của những bất-mãn hợp-lý nhất trong đời sống thường ngày. Xa hơn nữa, người ta còn tìm những lời lẽ văn-hoa cầu kỳ nhất :

« Lặng lặng mà nghe nó chúc nhau... »

Từ bỏ cái thế-giới của thực tại, người ta đưa nhau vào thế-giới của mộng-tưởng, của hoài-mong. Chúc ông năm nay thăng quan tiến chức. Chúc bà làm ăn buôn bán phát tài, bằng năm bằng mười năm ngoái. Chúc cậu năm nay đại-đăng-khoa rồi tiểu-đăng-khoa...

Ngày Xuân là ngày của Hạnh-phúc.

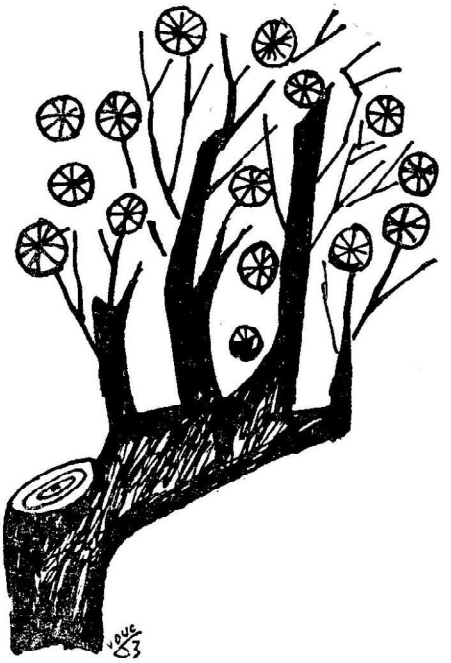

Nói đến Hạnh-phúc, con người không thể quên tôn-giáo và tín-ngưỡng mà yếu-tính là mang lại cho con người sự giải-thoát hay cứu-rỗi. Giáo-lý nhà Phật coi đời người là bể trầm-luân đầy đau-khổ và toàn là hư-ảo. Hạnh-phúc thực-sự chỉ có nơi Niết-bàn, nơi miền Cực-lạc. Giáo-lý Ky-tô cũng khuyên người ta ăn ở sao cho phải đạo, để đến ngày phán xét cuối cùng — đến Giờ Thứ Hai mươi lăm — sẽ được đời đời ở bên cạnh Chúa, trong nước của Chúa, nơi Thiên Đường. Nhưng Tôn-giáo là một lãnh-vực vừa cao siêu, vừa thâm-trầm, xin nhường lại cho những bậc tu-hành và những người mộ-đạo. Nhưng nếu đời người là sửa-soạn cho Chân Hạnh-phúc thì trong cuộc sửa-soạn ấy người ta cũng được phép hy-vọng một thứ Hạnh-phúc trần-gian, nhỏ bé và ngắn-ngủi đối với cái vô-cùng của không-gian và thời-gian, nhưng chính-đáng đối với kiếp người tục-lụy.

Những bậc khai-sáng Hiệp-chúng-quốc ở Mỹ-châu đã coi sự tìm-kiếm một cuộc đời hạnh-phúc như là một quyền chính đáng và phải được bảo-vệ như những quyền căn bản khác của con người. Hai thế-kỷ sau Washington, người Mỹ đã xây dựng một cuộc sống đầy đủ tiện-nghi ở Tân Thế-giới : xe hơi, điện thoại, vô tuyến-truyền-hình... Tiện-nghi tưởng như đã là đồng nghĩa với Hạnh-phúc. Tuy thế nơi đây lại là nơi có nhiều con bệnh tinh-thần nhất, và người có ta thể ý-niệm rõ-ràng được hiện tượng đó khi tưởng tượng hoàn-cảnh một anh tư-chức nghèo suốt đời làm việc để lo trả góp những món vật dụng xa-hoa đã mua chịu khi mới bước chân vào xã-hội.

Ở một cực-đoan khác, người ta quan-niệm một cuộc chinh-đoạt hạnh-phúc như một sự chiếm hữu những Tiện-nghi bằng một cuộc đấu-tranh giai-cấp, không chút nề-hà trước bao đau-khổ, bao chia lìa, chết chóc. Hơn một nửa thế-kỷ cuộc tranh-đấu khốc-liệt đã diễn ra khắp nơi trên thế-giới. Người nông-dân dành được một mảnh đất cho riêng mình và tưởng như hạnh-phúc nằm trong lòng mảnh đất ấy. Nhưng bóng-dáng hạnh-phúc nào đâu thấy ? Vẫn còn đói-kém, bệnh-tật. Túng-quẫn, đau-khổ, bất công vẫn còn đấy, ở những nơi mệnh danh là «thiên-đường cộng sản», kèm theo là sự hủy-diệt tự-do của con người cùng những giá-trị căn-bản của nhân-loại.

Và rốt cuộc người ta vẫn mơ một cuộc chinh-phục không-gian, xây-dựng một thế giới mới, cũng như ngày xưa người ta đã tin-tưởng ở Tân-Thế-giới mà Kha-luân-bố đã tìm được : những người đặt hạnh phúc như một đối-tượng và đem thân đi tìm hạnh-phúc đều thất-bại.

Người y-sĩ suốt năm sống với máu mủ, đau đớn và bệnh-tật, mồng năm ngày tết muốn đóng cửa phòng mạch để vui xuân, nhưng bệnh-tật nào có chừa ngày tết. Trong các y-viện công, những người bệnh nằm điều-trị dài hạn cũng xin phép bác-sĩ về quê ăn tết, ra riêng ngày rộng tháng dài lại tiếp-tục chữa chạy. Ngày Tết kém hẳn phần thú-vị đối với người y-sĩ thường-trực cũng như những người bệnh trầm-trọng không thể rời bỏ bệnh-viện.

Nói một cách tương-đối hạnh-phúc không đòi

hỏi sự hủy diệt mọi đau khổ. Một đôi khi đau khổ còn làm tăng giá trị của hạnh-phúc, như một người tha hương mới thấy rõ lòng quyến-luyến với quê cũ. Nhưng thực ra có hai thứ đau khổ, mà bệnh-tật là hình-thức nhập-thể. Có những bệnh đưa về sự sống, có những bệnh đưa tới cái chết phũ-phàng. Thần-thoại kể lại ông thần y-học là Esculape đã bị trời sai sét đánh chết,chỉ vì quá rành nghề cứu người làm cho cõi âm-ty vắng bóng hồn ma. Câu chuyện tất-nhiên là vô-lý, nhưng người ta có thể thấy được cái mơ-hồ khi nói rằng người y-sĩ chống lại với Thần Chết. Ở bên bờ của sự sống, kẻ bên vực thẩm của cái chết, có lẽ nhiệm-vụ của người y-sĩ chỉ là giúp-đỡ khi sự sợ-hãi của người bệnh tới cực-điểm.

Nếu đau-khổ thực-sự là đau-khổ đưa đến cái chết thì hạnh-phúc thực-sự phải là một hạnh-phúc trường-cửu, bởi không ai sung-sướng để đau-khổ thấm-thía hơn. Nhưng dù tấn tuồng có đẹp đẽ đến đâu chăng nữa thì kết-cục vẫn là bi-đát. Bóng dáng của thần chết luôn luôn ám-ảnh con người không lúc nào nguôi ; đấy có lẽ là bước đầu của suy-tưởng đưa về tín-ngưỡng.

Từ những suy-niệm trên người ta thấy hạnh-phúc trần-gian không thể có thời-gian tính... Chỉ còn lại không-gian như một tính-cách của hạnh-phúc.

Thật vậy người ta phải cố gắng để gia-nhập. Người ta không thể *có* hạnh-phúc trong một thời-gian lâu-dài hay chóng-vánh. Người ta chỉ có thể *sống* hạnh-phúc, sống *trong* hạnh-phúc. Hạnh-phúc thấm vào lòng mỗi người, cho nên chỉ những người sung sướng mới cảm thấy hạnh-phúc — nói như vậy không có gì là quá đáng ! Hạnh-phúc ở khắp nơi chung quanh chúng ta, cho nên những kẻ đi tìm hạnh-phúc ở trước mặt không ngờ rằng hạnh-phúc sẵn có ở sau lưng. Những kẻ tâm bất định ngơ-ngác tìm hạnh-phúc ở khắp nơi không biết rằng hạnh-phúc đương ngự trị ngay trong lòng mình. Những kẻ tâm bất tại, tìm hạnh phúc nơi một tiện nghi, một sở-hữu hay một thú vui, sau cùng cũng nhận ra đấy chỉ là ảo-ảnh. Còn những kẻ thấy hạnh phúc duy ở trong lòng mình chỉ là những tự-mãn, quên hết bao đau-khổ đầy rẫy ở xung quanh. Hạnh-phúc là một sự hòa-đồng, là sự gia-nhập cái sung-sướng của mình vào một toàn khối hạnh-phúc đã sẵn có và luôn luôn có.

Dân-tộc Việt-nam từ bốn nghìn năm nay hàng năm đề ra một dịp để chân thành sống với hạnh phúc, sống trong hạnh-phúc, tạm quên thực-trạng đau-khổ của mình. Cùng với vũ-trụ, cùng với tạo-hóa, cùng với tất cả mọi người đang sống, cùng với những linh-hồn đã sống và sẽ sống, và cùng với chính mình nữa, tất cả là một hòa-điệu hạnh-phúc.

Ngày Tết đối với tâm-hồn Việt-nam vẫn còn đầy-đủ ý-nghĩa qua bao thời-đại. Một ý-nghĩa hiện-sinh sẵn có từ nhiều thế kỷ trước khi triết-học Tây-phương du-nhập :

Tháng giêng ăn tết ở nhà...

Lời ca-dao tự ngàn xưa vẫn còn đó. Chân-thành mà mộc-mạc.

Thịt mỡ dưa hành câu đối đỏ
Nếu cao pháo nổ bánh chưng xanh.

Đấy là tất cả cách thức ăn tết của người xưa. Trong cái tết rực rỡ đầy mầu sắc và âm-thanh ấy, đã tỏ rõ cái lo lắng của những người nông-dân miền bắc, nơi đất chật người nhiều, không những lo ăn lại còn phải lo mặc. Nhưng đồng thời người ta cũng thấy lòng yêu văn hóa, lòng trọng chữ nghĩa — tượng-trưng cho thánh-hiền. Người nông dân quanh năm đầu tắt mặt tối lo việc đồng áng bắt đầu tám tuổi đi chăn trâu, không thể đọc, không thể hiểu và tất nhiên không thể thưởng-thức được cái tài-tình ý-vị của nhà nho chơi chữ. Nhưng họ vẫn dán câu đối lên cột bên cạnh bức tranh con lợn tết treo trên vách và họ chỉ biết ngắm : câu đối trước hết là câu đối đỏ. Xã-hội Việt-nam cổ là một xã hội hương-thôn, trong một làng, người giầu cũng như người nghèo, đủ ăn, đủ mặc, có đôi chút chữ nghĩa : đấy là hạnh-phúc. Nhất là gia-đình xum họp, ngoài đường ngoài ngõ mọi người gặp nhau cười chào hớn hở, trong lúc mùa xuân đương đến, vạn vật đang vui mừng, hạnh phúc tưởng như không còn xa xôi nữa.

Xuân năm nay, đất nước vẫn còn đang mùa đau thương. Dân-tộc còn bàng-hoàng sau chín năm trường sống trong ác-mộng. Gia dĩ sau gần một thế kỷ trực-tiếp cộng-sinh với nền văn-minh tây-phương, cổ-tục như bị lung-lay bật gốc trước cơn bão-tố, dần dần mất hết ý nghĩa trước khi biến đi hẳn.

Nhìn đến hiện tại, nhìn về tương lai, tất cả vẫn còn là một mầu xám, thoáng một vài ánh sáng nhạt.. Hơn lúc nào hết, tìm về mầu xanh của bánh chưng, mầu đỏ của câu đối là chuyện cần-thiết trong lúc này.

HÀ-NGỌC-THUẦN

TẾT ở trong lòng người

★ Bác sỹ **ANH TUẤN**

TẾT sắp đến rồi ! Quả tim con người sắp lại có những tiếng đập vui sướng, nhẹ nhàng, hồi hộp, cảm động. Sắp lại có một vài giờ suy tính xem năm sắp qua mình làm được những gì, có những kỷ-niệm gì và năm sắp tới mình dự định làm gì. Sắp lại đến lúc mình ngắm nét mặt mình trong gương kỹ lưỡng hơn mọi ngày và để nghĩ rằng : « Ta vẫn còn trẻ, khoẻ mạnh nhưng thật ra ta già hơn trước nhiều ». Rồi ta ăn mặc gọn ghẽ hơn mọi hôm, rồi ta cười nói vui hơn mọi hôm, rồi ta đi chơi, ngắm người, ngắm phố, rồi ta đi xem hát, ciné, rút bất, đánh tam cúc, rồi ta ăn bánh chưng với dưa hành, uống chén trà nóng, hớp một tí rượu ngọt, tí tách vài hột dưa... và rồi Tết hết... ta lại đi làm việc như mọi ngày, như mọi ngày như mọi người và để rồi Tết sang năm ta lại làm những việc đó.

Nhưng có những người không được hưởng Tết :

Những anh lính tay cầm súng, lửng thửng một mình ở một đồn hẻo lánh xa xôi nhưng óc đang nghĩ đến cái bàn thờ bé nhỏ, đến những dứa con chắc Tết đến nó nhớn hơn trước và người vợ đang bồng con nhỏ mong mỏi chồng về.

Những bệnh-nhân trên giường bệnh, mắt mờ vì sốt nhưng vẫn thấy khoảng trời xanh trên cửa sổ và ít lá rung rinh. « Lúc ta khỏi bệnh thì hết Tết mất rồi. Nhưng không sao, miễn là ta chóng khỏi. » Khỏi bệnh là vui rồi và không có cái Tết nào vui bằng những ngày đầu của người mới khỏi bệnh.

Những bác tài-xế Taxi...

Năm ngoái có một bác nói với tôi « Tết gì, phải sống đã ! Những ngày Tết kiếm ăn dễ hơn cả ». Để bù vào những ngày làm ăn khó khăn chật vật... Tiếng máy hôm đó sao nghe nó kêu « ngon » quá «ròn» tan... Trông người bác hình như có một sinh lực mới, chân tay thoăn thoắt nhẹ nhàng... Và khi xe đỗ xuống, tôi dúi vào tay bác tiền xe... Thế là xe lại vun vút đi... nhanh quá, đẹp quá, Tết tuy bác không có ở nhà, nhưng nhất định đang ở trong lòng bác.

Và còn những nhà đủ cả mọi thứ của Tết mà chả Tết tí nào. Nến vẫn sáng, khói hương vẫn bay, cỗ bàn không thiếu nhưng thiếu tiếng nói, tiếng cười và chỉ có những bóng người, buồn bã vì thiếu một người... một đang bị giam giữ. Thật cũng tội nghiệp và đáng thương...

Cái gì khổ mà chả đáng thương và khi những người giam giữ được ra, dù là hết Tết, nhưng lúc đó mới thật là Tết. Tuy không có nến, có hương, có bàn thờ, có mứt, bánh nhưng lại có những nụ cười, có những tiếng nói : căn nhà lại vui trở lại... Tâm hồn lại thoải mái... Và đấy mới thật là Tết :

Tết ở trong lòng người.

QUAN NIỆM VỀ MỘT NỀN

y-học nhân-bản

ĐẶNG - VŨ - VƯỢNG

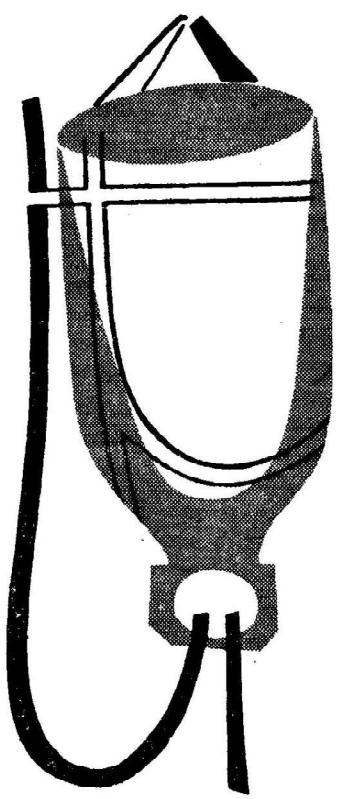

MỘT bệnh-nhân được chở đến nhà thương trong tình-trạng mê-man bất-tỉnh. Từ phòng nhận bệnh, cô y-tá thông-báo cho phòng trực. Người sinh - viên, nửa đêm trở dậy, khoác áo vội-vã ra thăm. Bệnh-nhân tức-khắc được đưa ngay vào phòng cấp-cứu, đặt trên giường nệm trắng tinh, tay chân chằng-chịt những ống dây ny-lông và kim chích. Nào là ống tiếp « nước biển », ống thông bàng-quang; nào là máy đo áp-huyết, máy điện-tâm động-ký... Rồi một mặt nạ dưỡng-khí chụp lên mặt bệnh nhân, và người sinh-viên, xắn thêm tay áo choàng cho gọn, bắt đầu nhịp-nhàng ấn mạnh trên ngực người bệnh, nơi chỗ trái tim, làm phép tuần hoàn nhân-tạo. Tất cả nhân-viên bệnh-viện như xôn xao, như rối loạn : người ta đang giành-giật với tử thần. Nhưng trong cái xôn-xao, rối loạn đó, vẫn toát ra một sự cân nhắc tính-toán ở từng cử-chỉ nhỏ nhặt, bởi ai nấy đều biết rằng chỉ một vụng-về sơ xuất cỏn-con cũng có thể đảo-lộn cái tình-trạng bấp bênh ấy và có thể làm chết người đang được thành tâm cố gắng cứu chữa.

Trong lúc để bạn thay mình làm tuần-hoàn nhân tạo, người sinh-viên bỗng cảm thấy buồn, nhìn người bệnh trong hoàn cảnh thập tử nhất sinh, sự bất-lực của y-học đã nhiều phần rõ-rệt. Được chứng-kiến nhiều cảnh tương-tự, người sinh-viên không khỏi

không suy nghĩ và tự hỏi : đau-đớn, chết chóc như thế có nghĩa gì ? mê-man, bất-động như thế kia, có thể bảo là sẽ sống hay sắp chết ? Đến lúc bệnh-nhân thở hơi cuối cùng, lặng-lẽ tháo kim, rút ống, người sinh-viên tự giận mình vô-cớ : sao ta lại có thể phí công, phí thuốc để kéo thêm, trong vài giây phút, hơi sống—thực sự hay ảo-tưởng ? — của một người chỉ còn bám vào cõi sống bằng hy-vọng của chính ta, mỏng-manh, thoi-thóp cũng như hơi thở của người ấy? Tình trạng bệnh-hoạn dai-dẳng thật là vô-vị, phi-lý biết chừng nào. Anh chợt nghĩ đến trường hợp một người bị cắt hết phần nửa thân dưới (hémicorporectomie), một thanh niên bán thân bất toại từ nhỏ, nay vẫn sống, một bức tượng bán thân bằng xương bằng thịt, tuổi hai mươi. Sự sống của người đó — sự sống khoa học đã cho người đó — có xứng đáng là sự sống của một con người chăng ? Cắt nửa một con người, tiến bộ này của khoa giải-phẫu làm người sinh-viên thắc-mắc, dẫn anh tới chỗ tự đặt câu hỏi rằng : phải chăng vì kiêu-ngạo, thách-đố thiên-nhiên, mà con người tự nới rộng quyền đối với đồng-loại của mình ngang bằng quyền đối với loài người của Thượng-đế ? Anh loay-hoay mãi, suy nghĩ, cố tìm hướng thật của y-khoa.

Đối-tượng của y-khoa, anh thấy không thể là những bệnh của con người, mà phải chính là **con người**.

Thuần-túy khoa-học mà nói, con người là một động-vật thượng-đẳng, có cơ-thể kiện-toàn hơn hết các loài động-vật, và có những phương-tiện độc-đáo, làm thành đặc-thù riêng của loài người, như hai chân đứng thẳng, ngón tay đối nhau, tiếng nói, tiếng cười... Tất cả những đặc-lợi đó, con người nhờ tiến-hóa mà có, tiến-hóa về cả hai mặt, cá-thể và chủng-loại. Tiến hóa như thế là lẽ tự-nhiên, vì con người là một phần trong vạn-vật, trong vũ-trụ.

Song-song và mật-thiết với tiến-hóa vật-chất, con người tiến-hóa về tri-thức (connaissances), thủ-đắc nhiều khả-năng mới, tạo cho mình ưu-thế cao nhất trong mọi loài. Từ bộ óc thô-sơ bé tí-teo chỉ có tính-cách bản-năng, óc người nẩy-nở thành hai bán-cầu não lớn-lao với những khúc-cuộn cực kỳ phức-tạp. Cũng thế, con người chuyển lần từ những giai-đoạn sơ-khai cổ-lỗ, qua những giai-đoạn người thợ đồ đá, người thợ đồ kim-khí, tới giai-đoạn người có lý-trí hiện nay. Nhưng có phải vì vật-chất và tri-thức tiến-hóa đồng-thời nơi con người, mà « ở quan-điểm thực-nghiệm, con người là đối-tượng huyền-bí và gây nhiều ngạc-nhiên nhất của khoa-học. Và thật ra khoa-học vẫn chưa tìm được cho con người một chỗ nào trong những trình bày về vũ-trụ của mình. » (1)

Tại sao khoa-học lại tỏ vẻ bi-quan trong sự tìm hiểu con người đến thế, khi mà chính khoa-học đã tìm ra mối tương-quan giữa hai tiến-hóa, vật-chất và tri-thức của con người ?

Thật ra, tiến-hóa tri-thức, dù cao tới đâu, cũng vẫn liên-hệ mật-thiết, dến như lệ-thuộc, với tiến-hóa vật-chất. Tri-thức và vật-chất lẫn vào nhau, nhập làm một ; người ta không thể nào tưởng-tượng — chứ đừng nói đến quan-niệm — nổi một nhà thông-thái là không có óc ; lại nữa tất cả những trẻ sơ-sinh không óc (anencéphale) đều không sống được.

Nhưng không phải vì thế mà người ta có quyền coi những trẻ em ấy như những quái-vật không giá-trị, cũng như không thể khinh chê những dân-tộc còn ăn lông ở lỗ, ngôn-ngữ chỉ gồm thâu trong một số thanh-âm nghèo-nàn. Người ta chỉ có thể nói đấy là những trường-hợp thiếu tiến-hóa, tiến-hóa cá-thể trong trường-hợp trên, tiến-hóa nhân-chủng trong trường-hợp dưới. Thái-độ này phát-sinh từ một cái gì bất-biến qua mọi sự tiến-hóa vật-chất và tri-thức. Đó là cái phần tinh-thần Trời phú cho con người, làm thành cái nền (fond) trên đó xây-dựng tất cả giá-trị con người. Cái nền tinh-thần đó bao giờ cũng có tư-cách độc-lập, có năng-lực tự-do, giúp con người tiến đến chỗ chí-thiện, chí-mĩ. Con người do đó trở thành trung-tâm của tự-do quyết-định (décision), tự-do định-hướng (orientation) và ý muốn lựa-chọn (volonté de choix).

Trở lại phạm-vi y-học, những tiến-bộ của y-học cũng nằm trong lịch-trình tiến-hóa vật-chất và tri-thức của loài người. Với đối-tượng con người, y-học tự đặt cho mình một mục-đích lớn là chữa khỏi hết mọi bệnh-tật, để con người sống vui, sống khỏe, sống lâu. Y-học đã tìm-tòi, nghiên-cứu, phát-minh ra

---

(1) D'un point de vue positiviste, l'homme est le plus mystérieux et le plus déconcertant des objets rencontrés par la science. Et en fait, la science ne lui a pas encore trouvé une place dans ses représentations de l'univers. (P. Teilhard de Chardin)

nhiều thứ thần-dược, bầy ra nhiều phương-pháp trị-liệu tuyệt-vời, làm đảo-lộn những lý-thuyết xưa ; gây kinh-ngạc, thán-phục và tin-tưởng nơi người bệnh. Người ta hãnh-diện nói : bệnh quỉ ắt có thuốc tiên. Và giới y-học cũng lấy đó để tự khích-lệ.

Nếu chỉ có thế, mục-đích của y-học có thể nói ngày nay đã đạt một phần lớn. Một phần lớn, mà chưa phải là tất cả, không phải vì hiện nay y-học chưa thể chữa được hết mọi chứng hiểm-nghèo — tỉ như về phong-thấp-học (rhumatologie), huyết-học (hématologie), ung-thư-học (cancérologie) — không sớm thì muộn, y-học sẽ lần-lần tìm cách thanh-toán mọi bệnh-tật trên hoàn-cầu. Một phần lớn, mà chưa phải là tất cả — dù cho đến ngày ta chữa được hết mọi chứng nan-y — nếu y-học chỉ nhắm chữa bệnh mà lãng quên cái «nền» của con người, nhìn dưới góc cạnh y-khoa. Ấy là sự đau-khổ, sự sợ-hãi và sự chết.

Tự ngàn xưa, ba ý-niệm đó đã ám-ảnh con người. Gác sự chết qua một bên, vì nó là một huyền-nhiệm như sự sinh, y-học, vốn khiêm-tốn, không có tham-vọng siêu-hình phải lấy sự đau khổ, sự sợ-hãi làm điều quan-tâm căn-bản.

Thực-tế, sự đau-khổ thể-chất (misère physiologique) — một hình-thức của đau-khổ người y-sĩ thường gặp hàng ngày — chi-phối con người rất mạnh, đến nỗi người đau-khổ quên hẳn mình là một cá-nhân đặc-biệt, mà chỉ thấy mình là hiện-thân của sự đau-khổ. « Người đau-khổ ở ngay trong sự đau-khổ, lúc nào cũng nhìn thấy mình đau-khổ, và ngay cả tia mắt nhìn ấy cũng đau-khổ luôn. Đau-khổ là cả đời họ » (2). Đau-khổ sinh sợ-hãi, sợ-hãi ràng-buộc con người, làm hư-nát cái nền giá-trị tự-nhiên, và do đấy cản-trở bước tiến-hóa của nhân-loại.

Vai trò người y-sĩ, từ những nhận-thức về con người và sự tiến-hóa của nó, anh sinh-viên bỗng thấy trở nên vô cùng phức-tạp và tinh-tế.

Người y-sĩ phải tìm cách chữa khỏi bệnh, điều này hiển-nhiên. Đến phòng mạch, người bệnh nào chẳng đòi hỏi y-sĩ làm sao cho mình hết bệnh. Sau khi khám bệnh kỹ-lưỡng, người y-sĩ sẽ tùy theo năng-lực mình và khả-năng của y-khoa, viết cho bệnh-nhân một toa thuốc, rồi dặn cách trị-liệu, cách phục-dược và mọi sự kiêng-cữ cần-thiết, đáp ứng với ước muốn của thân-chủ. Nhưng vai trò trị-liệu của y-sĩ không phải chỉ giới-hạn trong một số động-tác nghề-nghiệp: nghe tim, gõ bụng, châm chích, mổ xẻ và... biên toa Một người y-tá già kinh-nghiệm trong nghề cũng có thể làm bấy nhiêu việc, có khi còn làm một cách hay hơn, thạo hơn.

Đến đây, những khó-khăn mới hiện ra. Người y-sĩ, khi hành nghề, phải hiểu rằng mình đang đứng trước, không phải một cơ-quan riêng-rẽ nào đó đang đau, mà trước **con người trong toàn-thể của nó**, con người này có bệnh (pathologique) hay tự cho là có bệnh, tức là « có tri-giác trực-tiếp và cụ-thể của sự đau-đớn, sự yếu-đuối, của đời sống bị cản-trở » (3). Bệnh ung-thư dạ-dày chẳng-hạn, nơi một người bệnh, có những dấu hiệu, những biểu-lộ khác với bệnh ung-thư dạ-dày tả trong sách bệnh-lý, khác với bệnh ung-thư dạ dày nơi một người bệnh khác. Bệnh ấy được diễn-tả cho y-sĩ biết qua tính tình, qua tâm-trạng của bệnh-nhân, tâm-trạng đã bị chi-phối ít nhiều vì đau-đớn, vì sợ hãi. Thế nên, thêm vào những cử-chỉ và hành-động có tính-cách thuần-túy trị-liệu, người y-sĩ đồng-thời phải tìm cách giúp bệnh-nhân tìm lại thể-hiện của họ, là một cá-nhân với tất cả giá-trị nhân-bản, giúp bệnh-nhân bình-tĩnh hiểu rằng bệnh tật chỉ là một chốc lát (un moment) trong đời người, và như thế bắt-buộc sẽ bị vượt qua. Đấy là đối với người bệnh nhìn như một con người.

Còn đối với người bệnh nhìn trong toàn thể, người y-học, đứng trước bệnh-nhân, không được tách phần thân thể hay cơ-quan có bệnh rời ra với mục-đích trị-liệu, coi nó như độc-lập, không để ý đến ảnh-hưởng của bệnh trên toàn cơ-thể. Do đấy, y-học ngày nay cố-gắng tiến đến giai-đoạn bảo-tồn tu-sửa, ngoài tác-dụng trị-liệu thường ngày, nhất là trong ngành giải-phẫu. Vì giá-trị con người chỉ được giữ đến tột mực trong sự vẹn toàn của con người.

Thế nên, mặc dầu y-học tiến-bộ rất nhiều, người y-học vẫn lấy câu « ít khi chữa khỏi, đôi khi làm nhẹ bớt, còn luôn-luôn an-ủi » (guérir rarement, soulager quelquefois, consoler toujours) làm lời minh trong suốt các thế-hệ y-khoa. Lời ấy không phải để

---

(2) Le misérable est dans sa misère ; le regard perpétuel qu'il jette sur sa misère lui-même est un regard misérable. La misère est toute sa vie. (Péguy)

(3) Pathologique implique « pathos », sentiment direct et concret de souffrance et d'impuissance, sentiment de vie contrariée. (Canguilhem).

làm tươi sáng đôi chút cõi lòng u-ám của người y-học những khi bó tay trước bệnh hiểm-nghèo hay khuất-phục trước tử-thần. Lời minh ấy cho người y-học thấy rằng vai trò của mình vượt khỏi phạm-vi của một kỹ-thuật gia, tuy lúc nào cũng có quyền và phải tin tưởng rằng, nhờ sự tiến-hóa của loài người, một ngày kia các chứng nan-y đều có thể khắc-phục được. Lời minh ấy giúp y-sĩ ý-thức rõ-ràng hơn vai trò của mình. Là xoa dịu đau-đớn, phá bỏ sợ-hãi, và nhất là, giữa sự tiến-hóa song-song của vật-chất và tri-thức, giúp con người giữ vững giá-trị để đi đến những ngôi-vị ngày một cao hơn.

Vai trò ấy trước hết giả-thiết nơi người y-học một lòng trắc ẩn hoạt-động (pitié agissante); trắc-ẩn, vì con người đau khổ, sợ-hãi đã tự ngàn xưa; hoạt động, vì phải luôn-luôn đáp ứng với tiến-hóa của loài người, của vũ-trụ, để giúp con người vươn tới.

Vai trò ấy khiến người y-học đặt mối liên-lạc giữa mình và người bệnh trên nền tảng tin-tưởng, cảm thông, với tất cả lòng can đảm và tất cả hi-vọng của đôi bên, trong mục-đích chống lại mọi sự-kiện làm mất ý-nghĩa và giá-trị đời sống con người, trong đó đau-đớn, sợ-hãi là hai yếu-tố chính.

Vai trò ấy khiến người y-học làm cho bệnh-nhân đi tới, góp phần tích-cực trong việc trị-liệu, chứ không còn coi ông thầy thuốc như một thầy pháp có thù-lao, phải dùng quyền-phép xua đuổi được hết mọi bệnh tật chỉ bằng tài học của mình.

Ý-thức được rõ vai trò nhân bản của người y-học — người ta đã chẳng gọi y-khoa là nghề cứu nhân độ thế đó ư ? — *anh sinh-viên thấy mình phải ngay từ bây giờ trau-dồi về ba phương-diện :*

— Thứ nhất, anh phải luôn-luôn học hỏi, để tạo cho mình một căn-bản vững-chắc về bệnh-lý và kỹ-thuật trị bệnh. Anh nhớ đến Trousseau, người chỉ đòi hỏi ở các sinh-viên y-khoa của ông « kiến-thức. Vì kiến-thức không phải của Trời cho, mà có được ít hay nhiều là nhờ sự làm việc » (4). Anh cũng nhớ đến bài học mở đầu ở năm thứ nhất — khi anh còn bỡ-ngỡ trước những phức-tạp của xương trán, xương bướm — trong đó giáo-sư cơ-thể-học nêu lên khẩu hiệu của Hội-nghị Giáo-dục Y-khoa Quốc-tế năm 1958 ở Chicago : « Y-sĩ, kẻ đi học suốt đời; y-học, ngành học nghiên-cứu suốt đời » (Le médecin, éternel étudiant; la médecine, étude de toute une vie).

— Thứ hai, anh phải ý-thức được tinh-thần nhân-bản (humanisme) của y-học, bằng cách tìm hiểu con người qua các văn nghệ phẩm và các nền văn-hóa của nhân-loại. Vì « nhân-bản là có thể hiểu được tất cả mọi sự trong lãnh-vực con người trong quá-khứ cũng như trong hiện-tại; là cảm thấy trong thiên tính loài người có một nền không thay-đổi qua các thế-kỷ; là có thể cùng người rung động, yêu thương và đau khổ ». (5)

— Thứ ba, lòng trắc-ẩn hoạt-động đòi-hỏi anh sự tận-tâm (sollicitude), hòa trong một nhiệt-tâm hướng-thượng, phát-sinh từ lòng tin nơi một ngôi-vị cao hơn của con người mà ta có quyền chờ-đợi ở sự tiến-hóa của nhân-loại (6).

Anh thấy có thể y-học mới thoát khỏi cái bế-tắc của một nền học-phiệt khô-khan, mù quáng tin-tưởng vào khoa học và kỹ-thuật, muốn thâu tóm cá-nhân trong những công thức khô-khan, rồi dần đi tới chỗ hủy diệt tất cả giá-trị căn-bản của con người. Y-khoa không thể là một kỹ-thuật thuần-túy. Y-khoa phải là một nghệ-thuật, một nghệ-thuật phục-vụ con người với tất cả ý-nghĩa nhân-bản sâu xa của nó. Bấy giờ, anh mới nhận thấy sự thâm-trầm ẩn dưới hình-thức đơn-sơ đến tầm-thường trong lời nói của giáo-sư Mondor : « Người ta sẽ không nói về tôi rằng tôi là một nhà kỹ-thuật, nhưng là một *người* y-sĩ giải-phẫu ». (7)

ĐẶNG-VŨ-VƯƠNG

---

(4) *Il nous est donc permis d'exiger de vous le savoir, parce que le savoir s-acquiert et que le travail vous le donnera à tous dans les proportions plus ou moins grandes; mais nous n'exigeons que le savoir, le reste est don du Ciel.* (Trousseau).

(5) *Etre humaniste, c'est être apte à comprendre tout ce qui est du domaine de l'homme; c'est sentir qu'il y a dans la nature humaine un fond qui au cours des siècles n'a pas changé; c'est avoir la possibilité de vibrer, d'aimer, de souffrir.* (Pasteur - Vallery Radot).

(6) *Cette sollicitude de l'homme pour son prochain individuel ne devrait - elle pas s'équilibrer d'une passion plus haute, naissant de la foi en cette autre personnalité supérieure qui est attendue de la réussite terrestre de notre évolution.* (P. Teilhard de Chardin).

(7) *On ne dira pas de moi que j'ai été un technicien, mais un chirurgien humain* (Mondor).

G. S. NGÔ GIA HY

quan điểm về giáo dục

XÉT cho cùng, qua các hướng-pháp của mọi nền giáo-dục nhân loại, để tìm cho ra ĐÍCH đến của giáo-dục thì câu trả lời dài vắn khác nhau tới nghịch nhau đều không thể qua câu giản-dị này: « để BIẾT và SỐNG ».

Nhưng biết thì vô bờ, sống thì có hạn. Chỉ tìm biết suông có thể là tìm cái chết nhục-nhã; chỉ cần sống thật không cần biết xa, biết sâu là sống vất-vưởng phiêu-lưu. Đó là điều cần nhấn mạnh để nhớ, thật nhớ, cho cá-nhân và tập-thể. Kẻ chỉ-đạo hướng-pháp giáo-dục một dân-tộc mà không nắm giữ được địa-bàn chòng-chành của điều đó thì mức tai hại không thể nào lường được.

Vì bản-chất của SỐNG là thắng vinh hay bại nhục, vì ý nghĩa của sống là không những sống cho mình, với mình, mà còn sống cho người, với người.

Vì mải chạy theo cái biết vô bờ, từ-chương, lảm-nhảm tới vô ích tức là tự hủy-hoại cuộc đời để chờ một « kẻ mạnh » biết sống đến hủy cuộc sống của mình nếu mình chưa kịp tự hủy.

Cái biết của Khổng-giáo phải chăng đã quá ảnh-hưởng vào óc củng-cố khuôn thước nên thường chỉ nhớ câu ngớ-ngẩn: «...chỉ ư chí thiện» mà quên rằng chỉ đoạn « Đại học chi đạo tại minh minh đức, tại tân dân... » là đúng, và quên phứt giòng nước « nhật nhật tân, hựu nhật tân » chảy mãi không hạn định ngày nào « chí thiện » để mà « chỉ ư ».

Giòng sông « tân dân » cũng phải như vậy, nhưng người ta đã ngừng trệ tù hãm trong một nền học từ chương; để bị một nền học tiến-bộ hơn của Tây-phương đào-thải, bảo-hộ mà mất nước.

Rồi nền học Pháp cũng « phong phú » dần tới một độ hướng « bả rả », đầy đủ căn bản sáo mép bằng tân từ chương để cấu tạo một thứ nô-lệ mới chuyên ngửa tay bên lề cuộc tiến của nhân-loại.

Trong những « tân từ chương » người ta bắt nhau lải nhải phải kể tới môn « Toán » coi là then chốt của khoa học. Mà thật ra nó là then chốt của khoa học, nhưng than ôi, khi áp-dụng cái biết

ấy vào cuộc sống ở đây thì nó chỉ đủ làm khổ con em mình vì nó còn thua phép toán giản-dị « lách cách » của chú ba Tầu trên quầy hàng ; khi mà mỗi năm, hàng vạn con em chúng ta phải phá ngang ra để sống, thì họ chỉ là những kẻ bơ vơ với hai bàn tay trắng yếu, không năng-lực sản-xuất, vô nghệ với một dúm mênh mang « bùa phép rất khoa học » của « Cao Biền dậy non ». Hoặc ở môn khác thì mênh mang với một « bồ » triết lý xuông để vật vờ trong cuộc sống vô-định giữa một xã-hội đầy bất công.

Một thiểu-số trót lọt, đến đầu đến đũa thì... chúng ta phải trả một giá quá đắt, và lấy lại chẳng được bao nhiêu.

Trong khi ấy bao triệu dân ta đang quằn quại sống... chết, đang chờ cái biết cứu rỗi... Họ chờ : một viên thuốc, một bát cơm, một manh áo, một cây bút, một mái xi-măng, một hòn gạch, một máy thâu-thanh. một bình-thủy, một đồng-hồ báo thức, một tờ giấy báo, một cuốn vở, một chiếc xe gắn máy... do người « học biết » xếp việc cho chính tay họ làm ra cho họ, cho mọi người.

« Đại Học chi đạo, tại minh minh đức, tại tân dân » là tiếng kêu thất thanh của hàng triệu dân đang tìm người cầm quyền không được phép đui, điếc, và ru ngủ bằng những an ủi « dần dần » của con rùa nô lệ không phù hợp với hoàn cảnh khổ cực, và cấp bách của riêng nước mình.

Muốn thế, nền giáo-dục khẩn-thiết để kịp người và vượt người tùy từng lãnh-vực của một quan-niệm về bản sắc văn minh, không thể lầm hủ mà chỉ nhận-định rằng : « Giáo-dục chỉ là giậy dỗ con em trong những nhà trường bằng sách vở ; và riêng Đại Học là lò đào tạo một mớ người chuyên môn, tự cao, tự mãn « tròn trĩnh » để ngồi yên mà được ưu hưởng, và đè đầu đè cổ lên thiên hạ trong mọi giai đoạn và trên mọi lãnh vực, lập pháp cũng như hành pháp, và để một sáng mai biến thành chính-trị-gia, cách-mạng-gia.

Phải thấy khẩn thiết hơn nữa là cần nghĩ tới cả việc « giáo giác » toàn dân vào con đường « tân dân » « ĐỔI ĐỜI » nghĩa là nhà trường phải mang một quan niệm mới và rộng : đồng quê là nhà trường, xưởng thợ là nhà trường, hè phố là nhà trường, tờ báo là nhà trường, mâm cơm là nhà trường, áo mặc là nhà trường...

Nghĩa là nếu cần một sức huy động toàn diện thì cũng phải quan niệm song hành một nền «giáo giác» toàn diện cho tất cả con em chúng ta, bất luận họ ở tầng lớp nào, ở đô thị cũng như ở thôn quê, để họ được hưởng đồng đều lúc tới tuổi trưởng thành, những cái « biết » cần thiết trước khi bước vào cuộc sống. — Đó là điều tối thiểu mà công bằng xã hội triệt để đòi hỏi.

tuyên ngôn LEYSIN

(tiếp theo và hết)

II.— CUỘC CHIẾN-ĐẤU CHỐNG ĐÀN ÁP.

Chống lại những quan-niệm kể trên về đại-học tự-do, xã-hội tự-do và trật tự thế giới trong hòa bình, có rất nhiều hình thức đàn áp. Tận diệt những đàn áp này phải là mục đích đầu tiên của sự hợp tác sinh-viên quốc gia hay quốc-tế: đế-quốc, thực-dân, tân-thực-dân, chính thể toàn nhất, kỳ thị chủng-tộc, độc tài và bất công xã-hội. Cuộc chiến đấu chống những hình thức đàn áp này không thể bị lợi dụng cho bất cứ mục đích chính trị hay một ý thức hệ nào. Hơn nữa, ta phải bắt đầu bằng phán đoán khách quan và cương quyết xem rằng những gì đã gây hay không gây ra đàn áp. Chỉ khi đã thấu hiểu rằng đàn áp có thể khởi phát từ bất cứ lãnh vực nào, rằng nó không phải chỉ đặc biệt về chính trị, kinh tế, xã hội hay ý thức hệ, thì cuộc chiến đấu giải phóng những dân-tộc bị đàn áp của chúng ta mới được hướng dẫn một cách sáng suốt, chân thành và mạnh mẽ.

Bởi vậy, với tư cách Sinh-viên, chúng tôi tự nguyện chiến đấu chống lại

A— *Đế-quốc chủ-nghĩa*: đó là hành động của một nước xâm lấn lãnh thổ một nước khác, hay thống trị nước ấy, nói riêng về phương diện kinh tế, nhưng cũng cả về phương diện chính-trị hay qnân sự nữa. Đế quốc chủ nghĩa là một hiện tượng lâu đời, có thể mang nhiều hình thái, và được nhiều cường quốc Đông Tây thực hành, và không thể được coi là cực điểm của một hệ thống kinh tế đặc biệt, hay là biểu hiện tự nhiên của một ý-thức-hệ đặc-biệt. Sự xâm lấn của Cộng-Hòa Nhân-dân Trung-Hoa vào Ấn-độ là một minh chứng rõ ràng của đế-quốc chủ-nghĩa, cũng như sự xâm lấn của Pháp ở Bizerta; sự can thiệp chính trị và quân sự của Sô-viết ở Hung-gia-lợi năm 1959 và vụ Cuba năm 1961.

B. — *Thực-dân chủ-nghĩa*: đó là sự tiêu-diệt bởi một nước toàn thể chủ-quyền kinh-tế, chính trị và văn-hóa một nước khác, không đếm xỉa gì đến quyền tự-quyết cố-hữu của nước này. Thực-dân chủ-nghĩa là một vi-phạm nhân quyền trắng-trợn, và làm ngăn trở sự phát triển đầy đủ về kinh-tế, xã-hội và văn-hóa của nước bị thực-dân. Thực-dân chủ-nghĩa hệ thống hóa tàn phá nhân cách con người và hằng tính của quốc gia bị thực dân, cung cấp cho tân thực dân chủ-nghĩa một nền móng để nẩy nở và xây dựng. Đơn cử một thí dụ: thực-dân chủ-nghĩa trong hình thức thô bạo nhất đang được nhà cầm quyền Bồ-đào-nha thi hành ở Angola. Cuộc chiến đấu võ trang vì tự-do của sinh-viên và dân-tộc Angola để lại một di-sản đẫm máu cho cái thực-tại là tiếng nói của dân-chủ và độc-lập quốc-gia không thể im lặng được. Nam Rhodesia là một thí-dụ nóng bỏng khác của một hình thức thực-dân chủ-nghĩa tương tự.

C.— *Tân thực-dân chủ-nghĩa*: đó là sự thống trị, trước về kinh tế, nhưng cũng có thể văn-hóa, chính trị hay quân sự, thi hành phần lớn nhưng không phải chỉ bởi những cường quốc thực-dân cũ đối với những lãnh-thổ có hình thức độc-lập mà không có thực chất độc-lập. Tân-

thực-dân chủ-nghĩa là một sự đàn áp tinh vi, làm tiêu-hao chủ-quyền quốc-gia, tự-do hành-động và kiểm soát tài nguyên kinh-tế của chính quốc-gia đó. Nó trá hình ra một hợp-tác kinh-tế, văn-hóa hay chính-trị, đôi bên đều được hưởng lợi, căn cứ trên sự thỏa thuận tự-do, trên sự tương kính và bình đẳng của đôi bên. Cuộc bang-giao giữa Pháp và nhiều thuộc địa cũ ở Tây-Phi hiện nay là một thí-dụ của tân-thực-dân chủ nghĩa.

D.— *Toàn-nhất chính-thể* : Sự cưỡng-bách hệ thống hóa tất cả những khía cạnh của đời sống dân-tộc vào một chủ-thuyết hay một tín điều. Nếu nhà nước cưỡng bách phổ-biến trong khắp xã-hội một chủ-thuyết ngược lại ý muốn toàn dân đã mất quyền tự-do phát-biểu ý-kiến, xã-hội ấy là một một chính-thể toàn-nhất. Chính-thể toàn-nhất không nhất-thiết chỉ hiện-hữu ở những quốc-gia đơn-đảng, thi-hành một triết-lý chính-trị riêng biệt, nếu hệ-thống và triết-lý đó dân-chúng có thể chấp-nhận được. Cũng giống như đế-quốc chủ-nghĩa, chính-thể toàn-nhất có nhiều hình-thức — thí dụ, nó có thể có tính cách kỳ-thị chủng-tộc như ở Đức trong kỷ nguyên phát-xít của Hitler, hay ở Nam-Phi ngày nay ; hay có tính cách một ý-thức-hệ như ở Tây-ban-nha, và ở Đông-Đức.

E.— *Kỳ-thị chủng-tộc* : Đó là sự vi-phạm quyền được đối-xử bằng nhau và có nhiều cơ-hội bằng nhau của mọi người căn cứ trên tài-năng của họ. Đặt nền móng trên sự ngu-dốt và thù-ghét, kỳ-thị chủng-tộc tìm cách phá-hủy phẩm-giá và làm hư-hỏng nhân-cách con người. Thành-kiến chủng-tộc phải được hiểu khác với phân-biệt chủng-tộc ; trong khi thành-kiến chủng-tộc chỉ biểu-hiện một lòng hẹp-hòi mù-quáng, thì kỳ-thị chủng-tộc là một hệ-thống khai-thác chính-trị, kinh-tế và xã-hội. Kỳ-thị chủng-tộc hiện-hữu ở bất-cứ xã-hội nào, dầu kinh tế ở đó đã phát-triển thế nào chăng nữa. Thí dụ như ở Hoa-Kỳ, tất cả những biện-pháp chống kỳ-thị chủng-tộc chưa đủ để tiêu diệt nó. Ở Nam-Phi, một quốc-gia cuồng-nhiệt của thuyết kỳ-thị chủng-tộc và toàn-nhất chính-thể đương đàn-áp đa-số dân-chúng, nhất là quần-chúng da đen, với những biện-pháp càng ngày càng thêm tàn-bạo, mất hết nhân-tính, coi thường sự chống đối cương-nghị của sinh-viên và dân-chúng.

F.— *Chế-độ độc-tài* : đó là sự thống-trị dân-chúng về kinh-kế, chính-trị và quân-sự bởi một chế-độ không đại-diện cho dân-chúng — hành-động nhân-danh một cá-nhân, một giai-cấp hay một đảng-phái đại-diện cho một thành-phần ít ỏi trong dân-chúng — chế-độ ấy cố-gắng duy-trì quyền-hành của mình bằng cái giá của sinh-mạng và tự-do con người. Cộng-hòa Dominica với Trujillo, Nam-Việt-nam với Diệm, Iraq với Kassem, A-căn-đình với Peron, Paraguay với Stroessner, Haïti với Duvalier, và Nicaragua với Somozas, tất cả đều là những trường-hợp độc-tài rõ-ràng. Ở Ba-tư và Ma-rốc, người ta thấy một hình-thức thống-trị khác : nền quân-chủ đã mang hình thức độc-tài chống lại nguyện-vọng của dân-chúng, và để những kẻ trục-lợi ngoại-bang khai-thác sự phong-phú của những cộng-đồng ấy.

G.— *Bất-công xã-hội* : một thành-phần dân-chúng hưởng không xứng-đáng và không bình-đẳng những lợi ích kinh-tế, giáo-dục xã-hội hay văn-hóa. Nạn mù chữ, đói-kém, nghèo-khổ, bệnh-tật rải-rác khắp nơi làm hại những thành-phần dân-chúng đáng kể trong phần lớn các quốc-gia trên thế-giới, chứng-tỏ tầm quan-trọng và tính-cách khẩn-cấp của vấn-đề này. Nguyên-nhân một phần do nền kinh-tế thiếu mở-mang tại những quốc-gia ấy, một phần do sự khai-thác một thành-phần xã-hội bởi một thành-phần khác.

Sự hiện-hữu của những hình-thức đàn-áp kể trên là một đe dọa liên-tục đối với đại-học tự-do, xã-hội tự-do và hòa-bình thế-giới, làm nguy-hại đến quyền của người sinh-viên trong khi tìm-tòi để minh-định tính-cách những trách-nhiệm của họ trong công-cuộc chiến-đấu cho công-lý. Nói riêng, sự kiểm-soát của thực-dân, hay đế-quốc chủ-nghĩa tạo thành một nguy-hiểm *cố-hữu* cho hòa-bình. Cuộc chiến-đấu thực-sự của một dân-tộc bị đàn áp để giải-phóng quốc-gia họ, bằng sức mạnh của khí-giới, nếu quả là cần-thiết, như hiện đương xảy ra ở Angola và Guinea thuộc Bồ đào-Nha, sẽ tích-cực góp phần vào hòa-bình thế-giới.

III.— QUYỀN-HẠN VÀ TRÁCH-NHIỆM CỦA TỔNG-HỘI SINH-VIÊN QUỐC-GIA

Tổng-hội Sinh-viên Quốc-gia là kết-quả tự-nhiên của nhu cầu tổ-chức của Sinh-viên để tranh-thủ quyền-hạn và nhận lãnh trách nhiệm, với tư-cách là sinh-viên và là phần-tử của xã-hội.

Trong khi minh-định quyền-hạn và trách-nhiệm của Tổng-hội Quốc-gia, chúng tôi xác-nhận một lần nữa lòng tin-tưởng của chúng tôi rằng những mục-tiêu đề ra trong bản Tuyên-ngôn này chỉ có thể hoàn-thành nhờ những tổ-chức Sinh-viên tích-cực, tiến-bộ và dân-chủ, đặt căn-bản trên ý-nguyện cùng cần-lao của chính người Sinh-viên, và đại-diện thực-sự những mối quan-tâm của Sinh-viên.

Mỗi Tổng-Hội Sinh-Viên Quốc-gia có trách-nhiệm thúc-đẩy hội-viên của họ tham-gia nhiệm-vụ tiến-bộ xã-hội : trừ tiệt sự đói-kém, nghèo-túng, bệnh-tật và nạn mù chữ, bất cứ nguyên-nhân của những chậm tiến này hiện-hữu ở đâu. Mỗi Tổng-hội Quốc-gia có trách-nhiệm hoạt-động để thiết-lập một nền hòa-bình trường-cửu trong một cộng-đồng thế-giới gồm những quốc-gia dân-chủ hoạt động cho sự cáo chung của mọi hình thức đau khổ và mọi hình thức đàn áp.

Mỗi Tổng-hội Sinh-viên Quốc-gia có trách-nhiệm thăng-tiến tự-do và bảo-trợ kinh-tế của đại-học, để giữ vững một đối thoại hằng cửu với những ngành khác của cộng-đồng đại-học, để hoạt động cho công ích của sinh-viên, cho tự-do báo-chí sinh-viên, và bảo đảm rằng giáo-dục mở rộng cho tất cả mọi người căn cứ trên khả năng của họ.

Mỗi Tổng-hội Sinh-viên Quốc-gia có trách nhiệm quan tâm đến sinh-hoạt chính-trị và kinh tế của nước nhà và cố gắng để bảo đảm rằng hệ thống chính trị và kinh-tế, trong đó Tổng-hội sinh-hoạt được xây-dựng trên những ý-nguyện tự-do bày tỏ của dân chúng. Mỗi Tổng-hội Sinh-viên Quốc-gia có quyền tự tổ chức không có sự can thiệp ngoại lai và có quyền xuất-bản mọi ý-kiến riêng không sợ bị một ai bắt bớ.

Mỗi Tổng-hội Sinh-viên Quốc-gia có trách-nhiệm luôn luôn thức tỉnh để kịp thời chống lại sự thủ tiêu tự-do ngôn-luận, tự-do báo-chí, tự-do đi lại, của chính-quyền hay những nhà cầm-quyền khác.

Mỗi Tổng-hội Sinh-viên Quốc-gia có trách-nhiệm suy xét, tỉ như những nghị-hội hay những buổi họp mặt, tổ-chức một cách dân-chủ và cởi-mở, qua những người thừa hành và nhân-viên quản-trị để tìm ra những nguyện vọng và cảm hứng thật sự, đặc biệt khởi phát từ cộng-đồng sinh-viên do Tổng-hội ấy đại-diện, ngõ hầu không một lực-lượng bên ngoài nào có thể đặt ý-thức-hệ riêng hay chính-sách riêng của họ lên Tổng-hội, vi-phạm những quan-niệm đã được giữ vững một cách tự-do của các hội-viên.

Mỗi Tổng-hội Sinh-viên Quốc-gia có quyền giữ vững độc-lập hoàn-toàn đối với những đoàn thể không phải sinh-viên, dù là chính-phủ, một lực-lượng ngoại-bang, một đảng-phái chính-trị hay một tổ-chức thanh-niên ; cũng như mỗi Tổng-hội quốc-gia có quyền hợp-tác chặt-chẽ với tất cả hay một lực-lượng nào đó, khi sự hợp-tác ấy phản-ảnh và thăng-tiến ý-nguyện được xác-định một cách tự do của hội-viên Tổng-hội.

Chúng tôi tin-tưởng rằng, trong sự hợp-tác giữa các Tổng-hội Quốc-gia, căn-bản tuyệt-đối là sự tán-đồng những nguyên-tắc phổ-quát. Mỗi Tổng-hội Quốc-gia nếu có trách-nhiệm tích-cực thăng-tiến những nguyên-tắc ấy.

Mỗi Tổng-hội Quốc-gia đã chấp nhận và thăng-tiến những nguyên-tắc ấy, được hưởng sự liên-kết và hợp-tác của những Tổng-hội Quốc-gia bạn, và được họ tôn-trọng chủ quyền của Tổng-hội mình.

Mỗi Tổng-hội Quốc-gia có trách-nhiệm thăng tiến những nguyên tắc ấy một cách hữu hiệu ở trong cũng như ở ngoài nước, mặc dù những hoạt-động ấy có thể nguy-hại đến tình trạng tài-chính hay bất-cứ gì khác do chính-phủ gây ra.

Một Tổng-hội Quốc-gia không có quyền liên-kết và cộng-tác với các Tổng-hội bạn với lý-do giản-dị rằng mình là một tổ-chức sinh-viên toàn-quốc. Tư cách đại diện của một Tổng-hội Sinh-viên Quốc-gia phải được xét đoán ở sự tán-đồng và thăng-tiến những nguyên-tắc phổ

quát để ra ở trên. Tư cách ấy là một yếu-tố quan-trọng phải xét đến, vì họ có quyền ứng-cử để chia xẻ quyền hạn và trách nhiệm của hợp-tác sinh-viên quốc-tế.

Trách nhiệm của mỗi Tổng-hội Sinh-viên Quốc-gia đã tán đồng những nguyên tắc phổ-quát này là làm việc tiến tới một thống-nhất cuối cùng cho phong trào sinh-viên thế-giới.

IV.— VAI TRÒ VÀ CƠ-CẤU TỔ-CHỨC CỦA HỘI NGHỊ SINH VIÊN QUỐC TẾ VÀ NHỮNG CHI-CUỘC PHỤ-THUỘC.

Sự tự-nguyện phục-vụ những nguyên-tắc dân-chủ của sinh-viên và của xã-hội là động-lực thúc-đẩy Tổng-hội Sinh-viên Quốc-gia hoạt-động trong nước và hợp-tác với nước ngoài. Trong phạm-vi tổ-chức một cộng-tác đa-phương có ý-nghĩa, đặt nền-tảng trên những nguyên-tắc phổ-quát đã được chấp-nhận, những tổ-chức sinh-viên, đại-diện cho toàn-thể sinh-viên bằng một cuộc bầu-cử tự-do, sẽ cử những đại-biểu toàn-quyền để bàn-cãi một cách cởi mở những vấn-đề thông-thường hay những quan-hệ, hoàn-toàn tránh được kiểm-soát ngoại lai ; và sẽ đem áp-dụng những nguyên-tắc ấy trên toàn-thể thế-giới. Được như thế, tính-cách hữu-hiệu của hợp-tác sinh-viên quốc-tế chỉ phụ-thuộc trương-độ của những nguyên-tắc do chính hoạt-động của hợp-tác đưa ra.

Kiểm-điểm lại phiên họp của Hội nghị Sinh-viên Quốc-tế, chúng tôi ghi nhận rằng những Căn bản Hợp tác và những quyết nghị đặc thù đề ra, luôn luôn phản ảnh một quan điểm không đảng phái. Những căn bản và quyết nghị ấy càng ngày càng phản ảnh được nhiều thêm sự tham gia hăng hái của sinh viên vào những vấn đề của xã hội — mà chính họ là một phần. Chúng tôi xác nhận một lần nữa sự tán đồng tầm quan trọng của những nguyên tắc ấy trong tương lai. Đồng thời, phải ghi nhận rằng nhiều cơ cấu tổ chức của Hội nghị Sinh viên quốc tế đã được bắt nguồn trong một thời kỳ mà những quan hệ rộng lớn này chưa được sinh viên khắp nơi trên thế giới cảm thấy rõ ràng. Phái đoàn các Tổng-hội Sinh viên quốc gia chỉ còn phải kiểm điểm lại sự thích ứng giữa những mục tiêu, những cơ cấu của tổ chức và những cơ quan trung gian của Hội nghị Sinh viên quốc tế có thể hoàn thành những mục tiêu đó.

Chúng tôi tin tưởng rằng những nguyên tắc và những mục tiêu được các Tổng hội Sinh viên Quốc gia tham dự Hội nghị Sinh viên Quốc tế xác nhận giúp cho Hội nghị dễ tổ chức các cuộc hợp tác hơn. Nhưng chúng tôi cũng nhận định rằng thống nhất sinh viên quốc tế phải được tìm kiếm ở ngoài phạm vi tổ chức của những cơ quan quốc tế hiện hữu. Hội nghị Sinh viên Quốc tế chỉ có thể cùng lắm là đảm nhiệm được công việc duy nhất của họ trong giới sinh viên. Hội nghị hết lòng hiến mình và những cơ quan phụ thuộc cho công cuộc tuyên truyền và hoàn thành một số nguyên tắc thường được chấp nhận do những nhu cầu đặc thù, những nguyện vọng của sinh viên và của nhiều dân tộc ở mỗi lục địa.

Chúng tôi ý-thức lòng ước-ao tràn-trề nơi các Tổng-hội Quốc-gia muốn nhờ hợp-tác sinh-viên quốc-tế để thăng-tiến sự hợp-quần toàn-thể, ngõ hầu đối-phó với những vấn-đề khẩn-cấp đương đặt ra cho sinh-viên và những cộng-đồng có thành-phần là sinh-viên.. Hợp-quần ấy có thể đem đến một viện-trợ thực-tiễn cho công-cuộc phát-triển quốc-gia hay cho Tổng-hội Quốc-gia của họ, trong cuộc chiến-đấu xây-dựng một xã-hội và củng-cố độc-lập, chính-trị, kinh-tế. Trong kỳ hội-thảo, một số đề-nghị đã được đưa ra cho những hợp-tác sinh-viên quốc-tế sau này. Đó là :

1.— Những cuộc hội-kiến song-phương hay đa-phương giữa sinh-viên sống trong các quốc-gia khác nhau về hệ thống xã-hội và chính trị.

2.— Những dự-định liên-hợp của nhiều Tổng-hội Sinh-viên Quốc-gia hiện đương là hội-viên những tổ-chức quốc-tế.

3.— Những cuộc tiếp-xúc địa-phương tích-cực khuyến khích sự thống-nhất sinh-viên trên nền-tảng địa-phương để nghiên-cứu những vấn-đề của địa-phương ấy (Á-châu, Phi-châu và Nam-Mỹ-châu).

4.— Những Hội-thảo Quốc-tế để thảo-luận về các dị-biệt căn-bản trong giới sinh-viên hiện đương bị chia rẽ.

Chúng tôi cũng nhận thấy rằng, một khi những Tổng-hội Quốc-gia đã tích-cực ủng-hộ và khuyến-khích sự thực-hiện những mục-tiêu đó, một Hội-Nghị Bàn Tròn có thể sẽ triệu-tập được nhờ một Hội-đồng Dự-bị Quốc-tế phản-ảnh những khuynh-hướng khác-nhau và sự phân-bố địa dư trong giới sinh-viên.

Hội-thảo cũng bài-cãi về cơ-cấu và tổ-chức phụ-thuộc của Hội-nghị Sinh-viên Quốc-tế. Mọi người đã thỏa-thuận rằng những chi-cuộc của Hội-nghị sẽ có đủ quyền-hạn để hành-động trong mọi trường-hợp mà đường lối vẫn theo đúng nguyên tắc, quyết-nghị và tinh-thần của Hội-nghị. Những chi-cuộc có thể thực-sự thăng-tiến những nguyên-tắc của Hội-nghị, áp-dụng những nguyên tắc ấy theo một đường lối không đảng-phái vào các trường-hợp phát-triển lớn trên thế-giới, và bảo-trợ cho mọi hoạt-động có cùng những nguyên-tắc trên. Các chi-cuộc có thể khuyến khích giúp đỡ những phần-tử của giới sinh-viên hoạt-động cho những nguyên-tắc ấy mà không cần biết đến những quan-hệ của họ với các tổ-chức quốc-tế loại-biệt.

Một trong những đặc-điểm của tổ-chức Hội-nghị Sinh-viên Quốc-tế vẫn là khả-năng thích-ứng với những đòi-hỏi mới cho hoạt-động sinh-viên thế-giới. Chúng tôi luôn-luôn tin rằng tổ-chức ấy sẽ tiếp-tục biến-đổi với thời-gian, và sẽ mang đến một phương-tiện hữu-hiệu hơn cho việc cố-gắng áp-dụng một cách vô-tư các nguyên-tắc phổ-quát để giải-quyết những vấn-đề khó-khăn của sinh-viên và của các quốc-gia trên thế-giới.

USI Ái-nhĩ-lan UNEA Angola NUSEWNI Anh, Wales, Bắc Ái-nhĩ-lan OH Áo NCUSI Ấn-độ CIS Ba-tư CUB Bolivia NUIS Do-thái DSF Đan-mạc VDS Đức NUGS Ghana NFCUS Gia-nã-đại USNSA Hoa-kỳ NSR Hòa-lan UFHS Hung HKFS Hương-cảng NUIS Iraq PKPPTM Mã-lai NSS Na-uy NUSAS Nam-Phi NUSRS Nam Rhodesia NUNS Nigeria SYL Phần-lan UNEF Pháp KUSU Sudan TMTF Thổ SFS Thụy-điển VSS Thụy-sĩ SUS Tô-cách-lan UGET Tunisis NUAUS Úc UNURI Ý

hà-ngọc-thuần dịch

(Student Mirror, số 283 ngày 16-10-1963 và số 284 ngày 1-11-1963)

---

tình thương
VÀ
tuyên ngôn Leysin

Khi tiếng súng cách-mạng đã im, trường Đại-học được giải-tỏa, anh em Sinh-viên hân-hoan gặp nhau tay bắt mặt mừng dưới mái trường thân yêu. Hai số Student Mirror đã tới tay chúng tôi vào lúc đó, cùng với hai phụ bản đăng trọn Tuyên ngôn Leysin. Thực là cảm động khi thấy trong lúc Sinh viên Việt-nam chiến đấu chống sự xâm phạm tự-do và nhân quyền, sinh-viên quốc tế đã hợp mặt và ủng hộ sinh viên Việt-nam rõ rệt. Trong hứng khởi đó, chúng tôi đã mạo muội dịch Tuyên ngôn này sang Việt-văn, công việc đáng lẽ phải nhường cho các bạn văn khoa hay luật khoa. Thế nên bản dịch còn nhiều sơ sót và lúng túng. Tuy nhiên sự vội vã ấy không phải là vô lý. Ngay trong vòng tháng 11 năm 1963, anh em y-khoa đã sửa soạn một nguyệt san ; lúc ấy thì ban Chỉ đạo, rồi Đại diện Sinh-viên Lâm thời, vì quá nhiều công việc và vì tính cách lâm thời, chưa nghĩ đến việc có một cơ quan ngôn luận chính thức.

Vì vậy trước hết chúng tôi đăng tải bản dịch tuyên ngôn này làm tài liệu. Thứ hai là sau Cách-mạng, sự hình thành một Tổng hội Sinh viên Quốc gia, và sự gia nhập hàng ngũ Sinh-viên Quốc tế lại được đặt ra. Phần thứ 4 bản Tuyên ngôn đã định rõ nhiều mục tiêu có thể tạm làm căn bản để thảo-luận. Sau cùng, bản tuyên ngôn, trong nguyên bản Anh-văn, có lẽ là một áng văn chương có giá trị. Đặc biệt là báo Etudiant đã đề ra một số đặc biệt dành cho Tuyên ngôn ấy với nhiều hình ảnh của cuộc hội thảo ở Leysin. Chúng tôi rất tiếc không đủ phương tiện thực hiện điều đó.

Tổng hội Sinh viên Quốc gia sẽ được được thành lập và sẽ định thái độ : hoặc chấp thuận — một phần hay toàn thể — hoặc phản đối bản Tuyên ngôn. Sau đó Tổng hội sẽ quyết định gia nhập Hột nghị sinh viên quốc tế hay không. Chúng tôi trong phạm vi báo chí, chỉ có mục đích phổ biến Tuyên ngôn Leysin.

SINH VIÊN
VÀ VẤN ĐỀ
ĐỘNG-VIÊN

Trong khuôn-khổ Tuần-lễ Sinh-viên Nghị-luận-hội tổ-chức vào hạ tuần tháng 12 năm 1963, tại rạp Thống-Nhất, Saigon, anh Phạm-văn-Lương, sinh-viên y-khoa, đã thuyết-trình về đề-tài « Sinh-viên và vấn-đề động-viên ».

Một bên là nhu-cầu quốc-gia đòi-hỏi một tận-dụng những nhân-lực; sinh-viên, những người thanh-niên trí-thức, là một thành-phần quan-trọng của nguồn nhân-lực ấy. Một bên là Đại-học, nơi gìn-giữ và phát-huy những giá-trị của truyền-thống dân-tộc, đòi-hỏi một sự liên-tục để truyền-thụ những giá-trị ấy cho những thế-hệ của mai sau, và như vậy không thể bị gián-đoạn trong công-cuộc hoàn-thành sứ-mệnh của mình, ngay cả khi trong nước đang có nạn chiến-tranh. Vấn-đề như vậy xem ra nan-giải.

Thật ra đây không phải là một tranh-chấp giữa quốc-gia và đại-học; đại-học ở đây có nghĩa như một thành-phần của xã-hội, được nhiều quyền ưu-tiên, được hưởng nhiều biệt-đãi. Vấn-đề ở đây là cái mâu-thuẫn giữa cái trường-cửu và cái khoảnh-khắc, cái trường-cửu của cả một dân-tộc với tất cả quá-khứ, hiện-tại và tương-lai đối-lập với cái khoảnh-khắc phải chiến-đấu, một mất một còn của chúng ta hiện nay. Chúng ta phải sống trong mâu-thuẫn đó bởi thời gian tính vốn là yếu-tính của con người: thoát khỏi vòng luân-hồi là đức Phật, siêu thời-gian là Thượng-Đế.

Từ bỏ những ý-niệm siêu-hình ấy, người sinh-viên trong mấy năm qua đã đặt tình-yêu Tổ Quốc lên trên hết, đã hăng-hái gia-nhập quân-ngũ, tự động hay là thụ động, đã can-đảm — và nhiều khi anh-dũng — chiến-đấu nơi trận mạc bên cạnh những người trai trước kia đã từng làm thợ trong xưởng máy hay cầy bừa nơi đồng rộng. Họ, tất cả những người học trò, thợ thuyền, nông phu ấy, chỉ làm tròn phận-sự làm trai trong thời chinh-chiến, không nề hà, do dự, không đòi hỏi, phân-bì một chút quyền lợi hơn thua. Đây là một điều cần phải được nhấn mạnh.

Trong không-khí hăng say của những ngày hậu Cách-mạng, với cái ý-thức chính-trị đã quá sáng tỏ nơi mỗi người sinh-viên tham-dự Nghị-luận hội, thuyết-trình-viên, anh Phạm-văn-Lương, coi hiện-trạng đó như là quá hiển-nhiên mà không cần nhắc tới, hay nói cho đúng hơn, không cần nhấn mạnh tới: lòng yêu nước của thanh-niên Việt-Nam không một ai có thể nghi-ngờ được. Trái lại anh chỉ xét một vài khía-cạnh của vấn-đề động-viên, lần lượt trên bình-diện quốc-gia, ở quan điểm một người đại-học, và sau cùng với lập-trường của một người sinh-viên.

Trên bình-diện quốc-gia, thuyết-trình-viên xét lại và nhấn mạnh đến sự cần-thiết phải nghiên-cứu một kế-hoạch gọi nhập-ngũ thanh-niên Việt-Nam, để cho sự xử-dụng nhân-lực được hợp-lý và hữu-hiệu. Ở quan-điểm một người đại-học, anh đã khảo-sát vấn-đề từ nơi khởi-điểm. Anh đòi-hỏi một sự « danh chính » để cho « ngôn thuận », và anh đề-nghị với những người có trách-nhiệm xác-định lại danh-từ: động-viên hay là quân-dịch? Từ hai danh-từ khác nhau suy-diễn ra hai chương-trình biệt lập, giải-quyết những khuyết-điểm hiện có.

Nhưng điều quan-trọng nhất là thuyết-trình-viên, giữ vững lập-trường của người sinh-viên, quả-quyết chống lại những bất-công xã-hội đương xảy ra trong việc thi-hành chính-sách « động-viên » hiện nay. Và anh mạnh dạn đưa ra những phương-sách chống lại những bất công ấy, bởi vai-trò căn bản của người sinh-viên trong xã-hội vốn là tranh đấu cho một xã-hội bình-đẳng, trong đó mọi đặc-ân được phân-phát đồng đều cho mọi người tùy theo công lao của họ. Ở đây chắc-chắn không phải là sự ganh tị của một thiểu-số đương có mặc-cảm bị thiệt-thòi (1). Trái lại, đây là một xây-dựng, đòi hỏi hủy bỏ những đặc-ân vô-lý như là một điều-kiện tiên-quyết.

Bản thuyết-trình đọc xong đã được Nghị-luận-hội vỗ tay tán-thưởng và sau đó thảo-luận từng điểm một. Chúng tôi đăng nguyên-văn bản thuyết-trình sau đây như một tài-liệu với niềm hãnh-diện khiêm-tốn về sự góp phần của Y-khoa trong một hợp-tác sinh-viên liên-khoa ở Saigon, manh-nha của một hợp-tác sinh-viên toàn-quốc và xa hơn nữa một hợp-tác sinh-viên quốc-tế mà chúng tôi hằng mong đợi.

Ý-kiến riêng-tư của tác-giả bài thuyết-trình vẫn được tôn-trọng; chúng tôi chỉ xin lạm bàn một vài chi-tiết có thể gây ra những ngộ-nhận tai-hại.

---

(1) Complexe de frustration

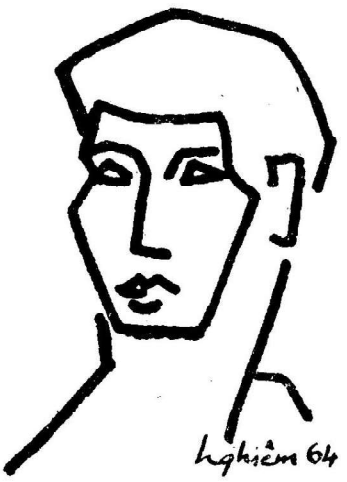

Thưa Quý Vị,

Thưa Các Bạn,

Thuở nhỏ mỗi lần làm bài xong khi đem nạp để thầy chấm bao giờ tôi cũng bối-rối lo âu, bởi vì không biết bài mình làm có đúng không ? nếu sai thầy có phạt không ? nếu phạt sẽ như thế nào ? như thường lệ hay nặng hơn ?

Bây giờ, đứng ở đây trước mặt quí vị, những người tuổi tác và kiến-thức hơn tôi, tôi có một tâm-trạng tương-tự nghĩa là bối-rối và lo âu. Nhưng cũng may là hồi tưởng lại những lần làm bài sai tôi nhớ rằng thầy tôi có phạt nhưng không bao giờ ghét, có la nhưng không bao giờ bỏ, hy-vọng rằng quí vị đối với tôi cũng vậy.

Thưa quý vị, tôi chỉ là một sinh-viên, những gì tôi sắp nói ra đây, dù đã được tham-khảo ý-kiến của một số anh em, cũng không thể nào được xem là lời nói đại-diện. Vì vậy tôi chỉ mong mỏi những lời tôi sắp trình bày vừa đủ để khơi dậy trong lòng mỗi quý vị một số ý-kiến bài bác hay tán đồng và từ đó chúng tôi sẽ chọn được một thái-độ dung hợp.

Trước hết tôi xin minh định hai chữ động-viên dùng trong đề tài : sinh-viên và vấn-đề động-viên, không được hiểu theo đúng nghĩa của nó, thực ra phải nói : sinh-viên và vấn-đề gọi thanh-niên nhập-ngũ, nhưng như vậy có vẻ dài dòng quá, vả lại thông thường ta vẫn hiểu động-viên là gọi thanh-niên nhập-ngũ.

Việc gọi thanh-niên ngập ngũ trước đây như thế nào ?

Chúng tôi quan-niệm vấn-đề ra sao ?

Chúng tôi đề-nghị với chính quyền điều gì ?

Đó là ba điểm chính trong buổi nói chuyện hôm nay của chúng tôi.

***

Trong phần kiểm-điểm tình-trạng gọi thanh-niên nhập-ngũ trước đây, tôi xin chia ra làm hai phần :

— Kiểm điểm lý-thuyết qua các văn kiện.

— Kiểm điểm thực-tế qua những sự kiện mắt thấy tai nghe.

Về phần thứ nhất có rất nhiều dụ, sắc-lệnh, nghị-định liên-quan đến vấn-đề. Để khỏi mất thì giờ tôi xin kể theo thứ tự thời-gian những văn-kiện chính.

1.— Dụ số 12 ngày 15-7-1951 về việc động-viên tất cả tài-nguyên quốc-gia.

2.— Dụ số 29/QP ngày 29-6-1953 ấn-định chế-độ quân-dịch.

3.— Sắc-lệnh số 63/QP ngày 6-8-1954 đình chỉ các biện-pháp động-viên và trưng-tập.

4.— Nghị-định số 183/QP ngày 2-5-1957 ấn-định việc gọi liên-tiếp để thi-hành quân-dịch các công-dân nam giới thuộc hạng túc-trực phục-vụ thứ nhất, ở lớp 20 và 21 tuổi kể từ ngày 1-8-1957 (Điều I).

5.— Nghị-định số 388/QP ngày 7-10-1959 ấn-định nhiệm-kỳ quân-dịch. Nhiệm-kỳ quân-dịch đã được ấn-định tạm-thời là 18 tháng, riêng đối với các thanh-niên quân-dịch được gọi để theo học một lớp sĩ-quan và hạ-sĩ-quan trừ-bị nhiệm-kỳ quân-dịch là 24 tháng như đã quy-định trong dụ số 30 ngày 29-6-1953.

6.— Sắc-lệnh số 177/QP ngày 22-7-1961 ấn-định việc gọi những thanh-niên từ 20 đến 33 tuổi có bằng tú-tài phần một trở lên theo học khóa đào-tạo sĩ-quan trừ-bị (điều 1), các công-chức được hưởng lương sai biệt (điều 5).

7.— Nghị-định số 1219/QP ngày 11-12-1961 sửa đổi nghị-định số 183/QP sẽ được gọi liên-tiếp để thi-hành quân-dịch các công-dân nam giới thuộc hạng túc-trực thứ I từ 20 đến 30 tuổi.

8.— Sắc-lệnh số 42/QP ngày 15-3-1962 sửa đổi một sắc-lệnh trước về việc ấn-định thành-phần ủy-ban liên-bộ phụ-trách cứu-xét và quyết-định các việc miễn và hoãn-dịch.

Thưa Quý-Vị,

Trên đây là một số văn-kiện mà tôi có, ngoài ra còn rất nhiều văn-kiện khác mà tôi không được may-mắn có trong tay. Tất nhiên là chúng ta không có thời giờ để phê-bình nội-dung từng văn-kiện một, nhưng một cái nhìn tổng-quát cho ta thấy hai đặc điểm sau đây :

— Chế-độ ngô-đình-diệm đã tiếp-tục công việc gọi nhập ngũ khởi đầu từ dưới thời bảo-đại. Tuy các văn-kiện sau này có đổi ít nhiều các văn-kiện trước, nhưng dù sao cũng là một sự tiếp-tục vá-víu trong khi đáng lẽ ra phải nghiên-cứu toàn-bộ vấn-đề một cách hợp-tình hợp-lý hơn.

— Vấn-đề gọi các thanh-niên nhập-ngũ đã không được đặt nặng đúng theo tầm quan-trọng của nó, bằng chứng là có rất nhiều văn-kiện về một vấn-đề, trong đó những văn-kiện sau thêm bớt sửa đổi

các văn-kiện trước đôi khi mâu-thuẫn nữa. Điều này chứng tỏ vấn-đề đã không được nghiên-cứu kỹ-lưỡng ngay từ đầu.

Nhưng dù sao những khuyết điểm vừa nêu ra cũng chỉ là những khuyết điểm trên giấy tờ. Những khuyết điểm này có thể bù đắp được nếu trên thực-tế vấn-đề được áp-dụng một cách công-bằng và thẳng-thắn. Song le trong thực-tế khuyết điểm lại còn nhiều hơn và trầm-trọng hơn.

Không cần nói chắc quý vị cũng thừa hiểu :

— Chỉ những kẻ nào kém thế-lực hay ít tiền-tài mới phải gọi nhập-ngũ.

— Một số khác sau khi đã học ở trường Thủ-Đức ra cũng lại dựa vào thế-lực hoặc tiền-tài để hoặc được gởi về những chỗ an thân hoặc sớm được giải-ngũ.

— Những thanh-niên được mệnh danh là « con ông cháu cha » không những không phải nhập-ngũ lại còn được xuất dương du-học.

— Vì những bất công trên đây cho nên thanh-niên đã coi việc nhập ngũ như là một hình phạt, người ta đã nói « bị » nhập-ngũ thay vì hãnh-diện như các thanh-niên khác trên thế-giới. Và một khi đã ấm-ức với việc « bị » gọi nhập-ngũ thì tất nhiên là tinh-thần chiến đấu không thể nào cao cho được. (1)

— Những người du học thành tài không muốn về nước vì không muốn mình làm những *quân cờ thí* cho những người quyền-thế thụ-hưởng.

— Một số công-chức phải nhập-ngũ làm xáo-trộn hàng ngũ hành-chánh, khiến cho công việc đôi khi phải ngưng trệ.

— Vấn đề lương sai-biệt khiến phải tốn thêm nhân-viên giấy tờ. Trên đây là những khuyết-điểm có tính-cách chung, ngoài ra còn những khuyết-điểm có tính-cách cá-biệt như muốn loại một công-chức có tài nhưng không biết nịnh bợ hay đút lót chỉ cần gọi nhập-ngũ là xong. Hoặc, *muốn hất cẳng* một sinh-viên được học-bổng để cho con em mình *nhào vô* chỉ cần gọi nhập-ngũ là yên, vân vân...

Còn một điều nữa là người ta không hiểu việc gọi các thanh niên nhập ngũ là *quân-dịch* hay *động-viên* (theo đúng nghĩa của nó) vì trên giấy tờ thì nói quân-dịch nghĩa là thời-gian tại-ngũ nhất-định nhưng trên thực-tế thì lại là động-viên vì thời-gian không hạn-định.

Chúng tôi thiết nghĩ trong tương-lai nếu muốn tránh tình-trạng bất-mãn trong giới thanh niên nhất là sinh-viên, nếu muốn những người được gọi nhập-ngũ không những thích-thú mà còn hãnh-diện, chính quyền nên nghiên-cứu lại toàn-bộ vấn-đề cho phù-hợp với hoàn-cảnh chính-trị sau ngày Cách-mạng 1-11-1963 — chúng tôi nhấn mạnh là Cách-mạng chứ không phải đảo-chánh. Không nên tiếp nối công-việc gọi nhập-ngũ dưới thời ngô-đình-diệm mà mục-đích theo một vài dư-luận, là để kềm kẹp thanh-niên chứ không phải để thanh-niên phụng-sự Quốc-gia. Trên lãnh-vực này cũng như trên những lãnh-vực khác chính-quyền cách-mạng nên dứt khoát hẳn với chế-độ cũ.

Trước hết chúng tôi quan-niệm rằng chính-quyền nên xác-nhận lại một cách minh-bạch việc gọi nhập-ngũ những hạng thanh-niên là quân-dịch hay động-(theo đúng nghĩa của nó).

Nếu là Quân-Dịch chúng tôi hiểu rằng tất cả mọi người không phân-biệt giai-cấp không phân-biệt học-vấn không phân-biệt nghề-nghiệp (tất-nhiên là không kể những người tu hành) đến một tuổi nào đó, thí-dụ 20 tuổi, đều phải được gọi nhập ngũ để thi hành quân-vụ trong một thời-gian nhất-định chúng tôi đề nghị là 18 tháng. Theo nguyên-tắc chung thường được áp-dụng hầu hết các nước trên thế-giới thì những người thi-hành quân-dịch lúc mới nhập ngũ đều như nhau cả nghĩa là mang cấp bậc binh nhì. Tuy nhiên để tránh sự thiếu thốn cán-bộ chúng tôi đề-nghị với một trình-độ học-vấn nào đó người thi-hành quân-dịch sẽ được theo học với tư cách binh-sĩ, hạ sĩ-quan (không phải là trừ bị). Nhưng dù với cấp-bậc nào thì sau thời-gian quân-dịch ấn-định cũng phải trả họ lại đời sống dân-sự: không nên viện bất cứ lý-do nào để lưu ngũ họ. Cũng nên lưu ý là không nên có quá nhiều trường-hợp hoãn-dịch, vì như vậy sẽ có người lợi-dụng và sẽ gây bất-mãn. Do đó ngoại trừ những trường-hợp đau yếu bất-khả-kháng không nên có một trường-hợp hoãn-dịch thứ hai nào nữa.

Trên phương-diện thực-tế, chính quyền cách mạng phải đánh đổ cái mặc cảm « thần thế » (mà chế độ cũ đã khắc sâu vào lòng dân) bằng cách cho chính

---

(1) Đây là một suy luận hoàn toàn theo lý thuyết, không phù hợp với sự thực. Trong thực tế, ở mỗi đơn vị chiến đấu, chỉ huy trưởng và sĩ quan tâm lý chiến luôn luôn có những biện pháp nâng cao tinh thần chiến đấu của các quân nhân thuộc đơn vị mình (LTS)

thân-nhân của mình thi-hành quân-dịch ngay đợt đầu. Chính quyền cũng phải làm thế nào để người thanh-niên thấy rằng thi-hành quân-dịch là một điều hãnh-diện còn trái lại một điều nhục-nhã. Thí-dụ như trong một buổi dạ hội khiêu-vũ người đàn bà đẹp nhất chỉ khiêu-vũ với những thanh-niên đã thi-hành quân-dịch, thí-dụ như muốn làm bất cứ việc gì du học, công-chức, giáo-sư dân biểu đều phải đòi hỏi điều-kiện tiên quyết là đã thi-hành quân-dịch v.v.

Ở đây chúng ta gặp hai điểm khó-khăn :

1.— Vấn-đề quân-dịch mới đặt ra bây giờ, do đó những người đã quá tuổi thi-hành quân-dịch thì sao ? chúng tôi đề-nghị nên để họ qua luôn vì nếu cố-tình kéo họ trở lại trong việc thi-hành quân-dịch chúng ta gặp phải quá nhiều rắc-rối như :

Không biết nên bắt đầu từ hạng tuổi nào, trẻ nhất hay già nhất ; xáo trộn hàng ngũ công-chức, vấn-đề lương sai biệt vân vân...

Để những người quá tuổi khỏi thi-hành quân-dịch có thể là một bất-công nhưng là một sự bất-công có tính-cách tổng-quát, nghĩa là không phải chỉ những người có quyền hay có tiền mới được miễn, mà tất-cả mọi người, giàu cũng như nghèo, sang cũng như hèn, thành-thị cũng như thôn-quê, ai nấy đều được miễn nếu quá tuổi, vậy thì sự bất-công cũng tương-đối thôi. Vả chăng sự bất công sẽ chấm dứt trong một tương-lai không xa khi những người này không còn nữa.

2.— Đối với những người du-học ?

Chúng tôi chia ra làm hai hạng : những người du-học trước ngày ban-hành quân-dịch và những người du-học sau ngày ban-hành chế-độ quân-dịch. Đối với những người trước chúng ta nên để cho họ tiếp-tục học, khi họ về nước nếu quá tuổi quân-dịch thì để qua luôn như trường-hợp những người quá tuổi quân-dịch khác. Trong trường-hợp họ về nước chưa đến tuổi quân-dịch thì dĩ-nhiên là để đến tuổi rồi gọi họ như những người khác.

Riêng đối với những người du-học sau ngày ban-hành chế-độ quân-dịch thiết tưởng nên để họ thi-hành quân-dịch trước khi du-học. Ở đây chúng tôi xin mở một dấu ngoặc để nói thêm rằng những người thi-hành quân-dịch bất cứ với cấp-bậc nào, không nên dồn họ vào thế chống đối bằng cách canh gác họ như tù và cho hưởng một số lương ít hơn lương một quân-nhân hiện-dịch đồng-cấp, như chế-độ ngô-đình-diệm đã làm một cách rất mất nhân-vị trước đây.

Nếu chính-quyền xác-nhận rằng việc nhập-ngũ các thanh-niên là ĐỘNG-VIÊN, chúng tôi quan-niệm là vì nhu-cầu quốc-gia cần-thiết nên mới có động-viên.

Có hai loại nhu-cầu : nhu-cầu tác-chiến và nhu-cầu chuyên-môn.

Nếu vì nhu-cầu tác-chiến mà phải động-viên thì trước hết nên gọi những người tình-nguyện có đủ điều-kiện, nếu số người này không đủ cung cấp cho nhu-cầu lúc bấy giờ mới động-viên những người khác. Bởi vì không lý gì mà trong lúc trường Đà-Lạt những người tình-nguyện có thừa phải mở kỳ thi trong khi đó ở Thủ-Đức phải động-viên những người hoặc đang trực-tiếp phụng-sự quốc-gia (công, tư-chức và chuyên-viên) hoặc đang chuẩn-bị để phụng-sự quốc-gia (sinh viên và học sinh).

Trong trường-hợp những người tình-nguyện không đủ thì phải động-viên như thế nào ? Nên động viên theo tinh-thần tôn-trọng quyền-lợi quốc-gia hiện-tại cũng như tương-lai. Nghĩa là trước hết nên động-viên những học-sinh đệ-nhị-cấp tiếp đến là những sinh-viên.

Ở đây cũng phải theo một thứ tự nào đó có lợi cho quốc-gia. Nếu có thể coi việc học là một cuộc đầu-tư thì những sinh-viên học lớp thấp nhất trong cùng một ngành học nên được động-viên trước vì những người này mới bỏ vốn ra rất ít và quốc-gia chưa sắp-sửa được hưởng lời. Trong những ngành học khác nhau, ngành nào ít cần-thiết cho quốc-gia trong lúc đó phải được động-viên trước. Tôi xin nhấn mạnh là *ít* cần-thiết trong lúc cần động-viên chứ thực ra ngành nào cũng bổ ích cho quốc-gia cả. Và dĩ-nhiên đây là *nói* về những người học đồng lớp mà khác ngành.

Sau sinh-viên tất-nhiên là đến phiên những công-chức. Nhưng ở đây lại có một vấn-đề tế-nhị đặt ra : tuy gọi công-chức là những người đang phụng-sự quốc-gia nhưng trong 9 năm qua chính-quyền cũ cần những người thân-tín hơn là những người làm việc có tài ; do đó có những công-chức được đem vào làm việc với mục-đích duy nhất là kiểm-soát sự trung-thành của bạn đồng-sự đối với chế độ (cũ). Những công-chức này ăn lương rồi không làm gì hết nếu không lợi - dụng tài - sản và thì giờ của quốc - gia để mưu-đồ tư-lợi. Có nên coi họ là những người công - chức như những công - chức khác đang phụng - sự quốc - gia không ? Và có nên động - viên họ sau những sinh-viên không ? Chúng tôi xin để chính quyền giải-quyết. Sở dĩ chúng tôi không dứt khoát trong điểm này là vì nếu chúng tôi nói nên gọi nhập-ngũ những người này trước những sinh-viên thì đúng, nhưng vô tình làm giảm giá-trị của các động viên. Mục-đích của tôi làm sao để có thể hiểu rằng tuy gọi là *động-viên nhưng vốn dĩ đã có phần tình-nguyện trong đó*. Bởi vì đã nói đến sự cần-thiết của các thanh-niên trong hàng ngũ chiến-đấu để bảo-vệ sự sống còn của dân-tộc. Vậy lý nào thanh-niên Việt-Nam lại không ý-thức được việc đó ? Tôi không tin như vậy : bằng chứng là năm 1945, khi cần phải tòng quân chống Pháp, biết bao nhiêu sinh-sinh đã tình-nguyện cầu quân kể cả những sinh-viên trên ngưỡng cửa ra trường. Chính mắt tôi đã trông thấy một sinh-viên khóc nức-nở vì không được nhập-ngũ bởi lý-do sức khỏe. Tôi nghĩ rằng trong những lúc tổ-quốc thực sự cần những thanh-niên trong hàng ngũ chiến-đấu mà phải ban hành biện-pháp động-viên không phải là vì nếu không ban hành biện-pháp đó thì không ai nhập ngũ chiến-đấu mà chính vì có

nhiều người tình-nguyện quá nên phải ban hành biện pháp động-viên để gọi theo một thứ tự nào đó cho quyền lợi quốc-gia không bị thiệt-thòi. Bởi vì nếu không vậy thì tất cả mọi người đều xung phong vào chiến đấu và không còn ai để lo việc khác. Chứ nếu quan-niệm động-viên là bắt buộc nhập ngũ thì tôi e rằng sự bắt-buộc này cũng như trăm ngàn sự bắt buộc khác là không có kết-quả. Vì rằng mục-đích của động-viên là để có người chiến-đấu, nếu thanh-niên không hoặc là họ trốn-tránh, hoặc là họ tắc-trách hoặc là họ đào ngũ, hoặc là họ cầu an, trong mọi trường- hợp đều không đạt được mục-đích, (2)

Nhu-cầu thứ hai là nhu-cầu chuyên-môn. Nếu chính quyền cần những chuyên-viên nào đó vào phụng sự quân-đội thì nên đồng-hóa họ mà không nên bắt họ theo học quân-sự như những người sẽ ra chiến đấu vì như vậy mất thì giờ, tiền bạc mà khả-năng tác-chiến của họ cũng không dùng. Chỉ cần cho họ học sơ về quân-kỷ quân-phong là đủ lắm rồi. Tại sao lại phải bắt một kỹ-sư học 9 tháng ở Thủ-Đức để rồi sau khi ra trường đổi họ về một đơn-vị chỉ dùng đến khả-năng chuyên-môn là khả-năng mà họ có trước khi vào Thủ-Đức ?

Còn vấn-đề này nữa : đã là chuyên-viên thì chuyên-viên về y học hay chuyên-viên về cầu cống, trong phạm-vi chuyên-môn của mình đều giống nhau, vậy không lý do gì một y sĩ thì đồng-hóa với cấp bậc trung-úy, trong khi một kỹ sư thì phải vào Thủ-Đức 9 tháng rồi ra với cấp bậc chuẩn-úy. Như vậy cũng được nhưng phải dùng khả-năng quân-sự của họ chứ không được dùng khả-năng chuyên-môn. Chắc có vị sẽ bảo rằng đã nói đến phụng sự tổ-quốc tại sao lại đưa ra vấn-đề cấp bậc ? Không, đây không phải là vấn-đề xôi thịt mà là *vấn-đề công bằng*. Theo chúng tôi mọi chuyên-viên đều giống nhau, mọi khả-năng chuyên-môn đều giống nhau (sau khi ở đại-học ra) nếu có một khả-năng chuyên-môn nào đó được khai-thác nhiều hơn khả-năng chuyên-môn khác thì sự khác-biệt chỉ nên có về phụ-cấp chuyên-môn, mà không nên có trong cách thức động-viên hay cấp bậc.

Tại sao phải có phụ-cấp chuyên-môn ? Không phải vì một sĩ-quan chuyên-môn giá-trị cao hơn một sĩ-quan tác chiến. Nhưng vì một sĩ-quan chuyên-môn cần phải có một phụ-cấp tài chánh để có thể trau dồi kiến thức chuyên-môn của mình. Và chăng không phải ngành tác-chiến không có phụ-cấp, ở hàng hạ sĩ-quan thì có phụ-cấp chuyên-môn (échelle) ở hàng sĩ-quan thì có phụ-cấp thâm niên (échelon) theo tôi phụ-cấp này là phụ-cấp chuyên-môn, vì phụ-cấp thâm-niên nghĩa là phụ-cấp cho những người lâu năm trong nghề vì kiến-thức của nghề mình tăng lên.

Thưa Quý Vị,

Thưa Các Bạn,

Quý vị vừa cùng với chúng tôi xét về vấn đề động-viên và quân-dịch. Bây giờ tôi xin trình-bày xem thử trong hiện-tình quốc-gia, chính-quyền nên ban-hành chính-sách quân-dịch hay động-viên.

Trước họa xâm-lăng Cộng-sản, Tổ-quốc quả thực đang lâm nguy. Nhưng lâm nguy không phải vì bị tràn ngập bởi đoàn quân xâm-lăng. Kẻ thù chúng ta tức là Cộng-sản không phải ở biên-giới ồ-ạt tràn vào. Chiến tranh giữa ta và Cộng-sản là một cuộc chiến-tranh không trận-tuyến, địch có thể ở đằng trước ta. nhưng cũng có thể ở đằng sau ta, ở bên phải ta. ở bên trái ta, đôi khi ở ngay trong lòng ta nữa. Do đó mà tính cách lâm nguy của quốc-gia không cần-thiết phải có nhiều người trong hàng ngũ quân đội. Chính-quyền Cách-mạng chắc cũng ý-thức được như vậy, bằng chứng là Trung-tướng Chủ-tịch Hội-đồng Quân-nhân Cách-mạng trong một cuộc phỏng-vấn đã trả lời rằng : « Tôi là một quân-nhân nhưng xin nói để ông biết chiến-tranh này sẽ không thắng bằng quân-sự mà chính là cần phải được lòng dân mới thắng được ».

Làm thế nào để được lòng dân ?

Làm thế nào để thắng Cộng-sản không bằng biện pháp quân-sự ?

Đó là những câu hỏi vượt ra ngoài phạm-vi buổi nói chuyện hôm nay. Tuy nhiên tôi có thể tin chắc rằng nếu chính quyền cần đến sinh-viên trong kế hoạch được lòng dân, sinh viên sẽ không ngần ngại tham gia thực hiện kế hoạch.

* * *

Thưa Quý Vị,

Quý vị vừa chấm xong một bài làm của tôi, xin Quý vị bày cho những chỗ phải thêm, điều phải bớt những lỗi lầm cần phải sửa chữa để cho bài làm thêm hoàn hảo.

Xin chân thành cám ơn quý vị trước.

PHẠM-VĂN-LƯƠNG

---

(2) *Ý thức sự cần thiết phải góp mặt trong hàng ngũ chiến-đấu là một tác-động của lý-trí. Lòng yêu nước mới là động cơ tình-cảm thúc đẩy thanh-niên gia-nhập quân-đội. Hơn thế nữa, cuộc chiến-đấu của chúng ta còn là bảo-vệ Chính-nghĩa : tranh thủ Tự-do, gìn-giữ những giá-trị căn-bản của con người. Vì vậy ý thức được sự cần-thiết chưa đủ, phải ý-thức được bổn phận đối với Tổ-quốc và Nhân loại. Một bổn-phận hay nghĩa-vụ tự nó lại có tính-cách bắt buộc (obligation obligatoire), và đó là nền-tảng đạo-đức của tính cách bắt-buộc (cưỡng chế) của luật động-viên. Quốc-gia không hề xâm-phạm đến tự-do cá nhân .(L.T.S.)*

- **CÓ SỰ RẠN VỠ TRONG VẤN ĐỀ ĐOÀN KẾT SINH VIÊN KHÔNG ?**
- **NHẬN XÉT VỀ NỘI DUNG ĐIỀU 6 CỦA ĐẠI HỘI ĐẠI DIỆN SINH VIÊN TẠI SÀI-GÒN**

sinh viên và TỔNG HỘI

• ngô-thế-vinh

CÓ một điều ai cũng nhận thấy là dưới chế độ cũ gần như có hẳn một kế hoạch để làm tê liệt tất cả mọi tổ chức sinh hoạt của thanh niên sinh viên bằng cách :

— Thiết lập những tổ chức bù nhìn để che mắt và trấn an dư luận.

— Giới hạn đến tối đa mọi điều kiện hoạt động thực sự.

— Thâm độc hơn hết là gây một không khí hoài nghi thường xuyên giữa các sinh viên với nhau.

Chính quyền cũ tự đặt mình trước hai khó khăn :

— Cố ghép lực lượng thanh niên sinh viên vào vị trí một thành phần nguy hiểm để gạt họ ra mọi sinh hoạt của thời cuộc.

— Bối rối vì ý thức được rằng kế hoạch trên chỉ là một giải pháp tạm thời và giới hạn chứ chưa phải là một phương thức giải quyết.

Biết thế nhưng họ gần như vẫn tự bằng lòng ngủ trên cả hai tai để rút cuộc phải chịu đựng một hậu quả tất nhiên và thảm khốc của chính sách đó.

Tất cả những sai lầm của một chính sách cộng thêm những nguyên nhân gần xa khác đã đưa tới cuộc đảo chánh 1-11 mà sự đóng góp của thành phần sinh viên không phải là ít.

Giờ đây, đứng trước những đổ vỡ của thành trì quá khứ, người sinh viên đã ý thức được bổn phận của mình. Họ hiểu rằng công việc bươi móc một dĩ vãng thối tha không lợi ích gì, mà hiện tại họ có trước mắt cả một tương lai trông tới : người Sinh-viên nhảy ra để chứng tỏ sự có mặt của mình với thiện chí đóng góp vào công cuộc xây dựng vận mệnh đất nước ; trong lúc đó người dân cũng hướng về các lực lượng Sinh Viên với đầy thiện cảm và trông đợi.

Người dân sẽ thất vọng biết bao khi ý nghĩa ngày 1-11 chỉ là để lật đổ một cá nhân ông Diệm và giữ nguyên lại chế độ cũ mà không có ông ta. Dĩ nhiên là không phải thế. Cái mà người dân chờ đợi sau ngày 1-11 là một cuộc cách mạng thực sự, thay đổi đến tận gốc rễ nền tảng của chín năm để nén thối tha. Muốn tiến tới cuộc cách mạng đó, sự có mặt của Sinh viên thực là cần thiết ; và muốn cho sự tham gia hữu hiệu, lực lượng Sinh Viên cần phải có tổ chức. Người ta tự hỏi Sinh Viên đang có những cố gắng nào để đi tới tổ chức đó ? Công việc tiến tới tổ chức đã đi tới đâu ? Và liệu có được sự đoàn kết của Sinh Viên trong lúc này hay không ?

Chúng ta sẽ xét tới vấn đề đoàn kết Sinh Viên qua một khía cạnh nhỏ mà đại hội Sinh Viên đang vấp phải và các báo chí đang cổ thổi phồng lên : đó là sự khác biệt ý kiến và nội dung điều 6 trong bản dự thảo Quy chế của Đ.H.Đ.D.S.V. Saigon, cái mà các báo cho là nguyên nhân gây sóng gió tại đại hội.

Điều 6 đó như thế nào ?

Trong bản Quy chế có ghi rõ về thể thức biểu quyết như sau :

« Mỗi phái đoàn đại diện được bỏ một phiếu ».

Điều lệ trên quan trọng ra sao khiến cho ba phân khoa được coi là lớn nhất đã tuyên bố rút chân ra khỏi Đại hội ?

Chúng ta biết rằng tổ chức Sinh Viên từ sau ngày 1-11 đến nay đã trải qua nhiều giai đoạn :

— Ban chỉ đạo Sinh Viên liên khoa.

— Đại hội đại diện Sinh Viên lâm thời.

— Và cuối cùng là Đại hội đại diện sinh viên Saigon : Đ.H.Đ.D.S.V. Saigon gồm có các phái đoàn đại diện chính thức của 15 đơn vị gồm các phân khoa đại học và các trường cao đẳng.

ĐHĐDSVSg chưa phải là một Tổng Hội Sinh Viên V.N. chính thức. Đại hội đã tự quy định cho mình những mục đích như sau :

1) Thắt chặt tình đoàn kết của khối sinh viên trong và ngoài nước.

2) Tìm phương thức thích hợp cho việc thành lập một tổ chức sinh viên thống nhất và xúc tiến việc thành lập tổ chức đó.

3) Thảo luận và giải quyết những vấn đề liên quan đến Sinh viên.

4) Bảo vệ danh dự và phục vụ quyền lợi sinh viên.

5) Góp phần xây dựng tự do dân chủ và công bằng xã hội.

Trên đây chỉ là những khởi điểm cho một chương trình quy mô và rộng lớn mà sinh viên tự nguyện sẽ thực hiện. Để tiến tới mục đích đó Đại hội đã gấp rút bầu một ban chấp hành cho đại hội thay thế cho ban Xử lý thường vụ.

Việc bầu cử ban chấp hành đã vấp phải một trở ngại nhỏ nhưng tự nó đã có vẻ gai góc, đó là nguyên tắc biểu quyết của các phái đoàn tham dự đại hội.

Số đại biểu có quyền bỏ phiếu được quy định theo một căn bản nào ? Có hai thái độ thật khác biệt:

a) Theo các phân khoa đông sinh viên thì : số đại biểu căn cứ trên tỷ lệ sinh viên của mỗi đơn vị phân khoa.

b) Thái độ của các trường cao đẳng và các phân khoa ít sinh viên : mỗi đơn vị có một đại biểu và chỉ được bỏ một phiếu.

Cả hai thái độ đều có những ưu khuyết điểm của nó :

— Thái độ thứ nhất hợp lý vì thể hiện được ý nguyện của đa số sinh viên phân khoa nhưng với thể thức đó một vài phân khoa đông có thể dùng số thăm của mình mà áp đảo tất cả các đơn vị khác ít sinh viên.

— Thái độ thứ hai là một giải pháp đơn giản và dễ dãi, tôn trọng tính cách đơn vị mỗi phân khoa nhưng không phản ảnh được ước vọng của đa số.

Không khí đại hội hôm đó cho chúng tôi thấy rằng bên nào cũng có dủ những lý lẽ chủ quan để giữ vững lập trường của mình và ngay khi biểu quyết điều 6 người ta đã phạm ngay vào căn bản về nguyên tắc biểu quyết chưa được qui định và hầu như mặc nhiên người ta đã chấp nhận trước đó là « mỗi phái đoàn đại diện được bỏ một phiếu ». Cái vòng lẩn quẩn đưa tới kết quả là : 11 phân khoa chấp nhận điều 6 và ba phân khoa kia rút lui để phản đối, đó là : luật khoa, văn khoa và khoa học.

Nhưng ngay sau đó luật khoa bằng lòng trở lại Đại hội, riêng hai phân khoa kia vẫn giữ vững lập trường với những lý lẽ sau đây :

— Văn khoa :

Phản đối điều 6 và yêu cầu trưng cầu sinh viên ý về vấn đề biểu quyết.

Xin tạm đình chỉ việc bầu Ban chấp hành.

— Khoa Học :

Phản đối điều 6 vì không đặt trên căn bản hợp lý và công bằng, không đáp đúng nguyện vọng và quyền lợi của đa số sinh viên.

Không tham dự Đại hội trước khi điều 6 được sửa chữa.

Nhưng có điều đáng mừng là khi rút lui để giữ vững lập trường, Văn khoa và Khoa học đã có một thái độ đầy tính cách thân hữu và hiểu biết, đó là : vẫn chấp nhận những đề nghị hợp lý của Đại hội và sẵn sàng hợp tác trong những công tác xét ra hữu ích cho Sinh viên và xứ sở.

Qua thái độ trên chúng ta nhận thấy : sự rạn vỡ thực sự của Đại hội thật không có. Sự rút lui của một phái đoàn đại diện này hay một phái đoàn đại diện khác không mang tính cách chia rẽ hay bất hợp tác mà chỉ là một trường hợp khuyến cáo đại hội mà thôi.

Đến đây chúng tôi cần mở một dấu ngoặc để nhận định về thái độ khai thác quá trớn của vài nhật báo về các sinh hoạt nội bộ của sinh viên bằng cách

cho chạy những tít lớn, đặt ra những nghi vấn có hại cho tin tưởng của sinh viên nói riêng và quần chúng nói chung. Thái độ trên có thể bắt nguồn từ mối quan tâm và lòng ưu ái thái quá của báo chí với sinh viên mà hậu quả nhiều khi trái ngược.

Thế còn thái độ của phái đoàn đại diện sinh viên Y khoa thì sao ?

Đứng trong vị trí chủ quan của phân khoa mình chúng tôi nhận thấy với một sĩ số sinh viên trung bình giữa những phân khoa quá đông (Luật khoa, Khoa học...) và các trường cao đẳng quá ít (Quốc gia nông lâm súc, Kỹ sư công nghệ...) dù với quyết định nào của Đại hội, trường Y khoa vẫn có một số phiếu khả dĩ đủ để nói lên tiếng nói của mình. Nhưng thoát lên trên tính cách riêng tư, phái đoàn Y khoa còn có bổn phận có một thái độ hợp lý để kiếm một lối thoát cho Đại hội. Vì nhận thấy những ưu khuyết điểm của cả hai ý kiến trên, Y khoa đã đưa ra một giải pháp khả dĩ dung hòa được các quan điểm gần như đối nghịch, đó là :

• Số đại biểu của mỗi phái đoàn vừa dựa trên căn bản đơn vị phân khoa vừa dựa trên tỷ lệ sinh viên của mỗi đơn vị tính như sau :

— Từ 1 đến 1000 đầu tiên : 3 đại biểu.

— Từ 1001 trở lên : cứ thêm một ngàn sinh viên là thêm một đại biểu.

Và kết quả sẽ là :

Số đại biểu thể hiện được nguyện vọng của đa số.

Căn bản đơn vị vẫn được tôn trọng•.

Khởi đầu đề nghị có vẻ được đa số chấp thuận nhưng sau đó vì kỹ thuật trình bày của một vài phân khoa đông nào đó khi bênh vực giải pháp này đã đem lại một kết quả ngược lại :

Đề nghị của Y khoa bị Đại hội từ chối.

Và điều 6 đã được biểu quyết chấp thuận, nghĩa là mỗi phái đoàn đại diện được bỏ một phiếu.

Hậu quả sau đó là 3 phân khoa rút lui ra khỏi Đại hội với tuyên ngôn của mình. Đại hội vẫn nhóm họp và bầu xong thành phần ban chấp hành với sự vắng mặt của mấy phân khoa kia.

Cũng cần phải ghi nhận lại rằng ngay sau đó, phái đoàn Luật khoa bằng lòng trở lại đại hội nhưng đáng tiếc là sau khi thất cử chức Chủ tịch đại hội, trường Luật khoa lại tự động rút lui và bất hợp tác nữa.

Khi điều 6 được biểu quyết lẽ ra phái đoàn Y khoa phải tuyên bố rút lui để giữ vững quan điểm mình nhưng vì tương lai của Đại hội, vì tình đoàn kết sinh viên, phái đoàn đã quyết định ở lại tham dự đại hội với ước vọng điều 6 được sửa đổi.

Có một điều ai cũng nhận thấy là phải có một giải pháp dung hòa càng sớm càng hay để lôi kéo những phân khoa kia trở lại Đại hội trong một không khí cởi mở và cảm thông cần thiết.

Tương lai sắp tới của Đại hội sẽ ra sao ? Cái đó không ai được biết. Nhưng theo lời anh Chủ tịch mà chúng tôi vừa tiếp xúc thì hiện đang có một cuộc vận động bán chính thức với các phân khoa còn lại trong Đại hội để họ chấp nhận giải pháp dung hòa của Y khoa và như thế đại hội sẽ có một lối thoát. Cho tới khi số báo này tới tay các bạn đọc, có thể Đại hội đã có một giải pháp êm đẹp và thỏa đáng đúng với sự trông mong của mọi người. Chúng tôi có quyền hy vọng như thế.

Để kết luận chúng tôi thấy cần phải nhận định rằng, thực sự không có sự rạn nứt trong khối đoàn kết Sinh viên. Không ai có thể phủ nhận thiện chí đang tiến tới của họ. Thiện chí đó cộng thêm vào cái chủ quan sẵn có của tuổi trẻ, Đại hội gặp phải một vài khó khăn là một chuyện tất nhiên. Chúng tôi nghĩ rằng phong trào Sinh viên đang lớn mạnh và đang tự lột xác nhiều lần để bắt kịp với những tiến triển dồn dập của thời cuộc và chắc chúng ta ai cũng nghĩ rằng thành phần Sinh viên hôm nay không có quyền mất nhiều thời khắc quý báu để sa lầy trên những nguyên tắc trong các phiên họp ; chúng ta phải gấp rút đi tới một tổ chức Sinh viên vững chãi; có thực lực, ý thức được trách-nhiệm của mình để thi hành những chương trình công tác qui mô có đầy giá trị thực tiễn. Đây là một cơ hội duy nhất để chúng ta có một tổ chức Sinh viên đúng với mong ước ; nếu vì một lý do nào chúng ta bỏ lỡ cơ hội đó thì quả thật là một sự thất vọng quá lớn cho sự chờ mong của bao người khác.

Để chấm dứt bài này, chúng tôi cầu chúc và chúng tôi có quyền hy vọng ở tương lai rất gần đây sự thành hình của một lực lượng Sinh viên đang lên và lớn mạnh.

NGÔ THẾ VINH

15 - 1 - 1964

trong tình trạng hiện tại
SINH VIÊN NÊN KHIÊU VŨ CHĂNG ?

Les bonnes gens se demandent à quoi nous servons, et après tout ils sont bien excusables de se le demander. Nous croyons leur apporter grâce à nos austérités, la preuve qu'on peut parfaitment se passer de bien des choses qu'ils jugent indispensables. Mais pour que l'exemple fût efficace, il faudrait encore, après tout, qu'ils fussent sûrs que ces choses nous étaient aussi indispensables qu'à eux-mêmes.

G. BERNANOS
(Dialogues des Carmélites)

L.T.S : Dưới đây là những lời chân-thành — tưởng như những lời thú tội hay sám hối, bắt người đọc phải suy nghĩ — của một sinh viên nói đến một khía cạnh của nếp sống sinh viên sau Cách mạng : khiêu vũ.

Cơn gió mạnh Cách mạng đã qua, bây giờ đến lúc người sinh viên phải định thần tìm lại hướng đi. Thái độ này là một ý thức, một nhận định, mỗi người chúng ta phải có để tạo thành một thức tỉnh cộng đồng (réveil communautaire), tinh hoa của Cách mạng.

Khiêu vũ nên hay chăng, là chuyện nhỏ. Cốt yếu là người sinh viên — trong một nhận định hoàn toàn tự do — tự tìm được một đường lối hành động, tự tổ chức được một nếp sống kỷ luật.

Trong khuôn-khổ nguyệt-san Tình Thương, bàn đến chuyện khiêu-vũ là một điều vạn bất-đắc-dĩ. Chúng tôi không hô-hào, không đả-đảo, mà chỉ mời độc-giả suy-nghĩ và nhận-định để rồi quyết-định.

SAU cuộc Cách-mạng 1-11-1963 một sự kiện không ai phủ-nhận được là khiêu-vũ được bành trướng mạnh. Người Việt-nam chúng ta, và nhất là giới sinh-viên trẻ trung rất ưa chuộng môn giải-trí này. Phải chăng lý-do là khiêu-vũ đã bị cấm trong hai năm liền ?

Tối thứ bảy nếu ai đi dạo một vòng Saigon sẽ thấy vô khối nhà tổ chức khiêu-vũ : nhà lớn có, nhà bé có ; ngay từ hang cùng ngõ hẻm cũng vang ra những điệu twist hoặc tiếng đàn du dương của những bản nhạc slow. Trong các cuộc khiêu-vũ phần đông là sinh-viên ; không những là sinh-viên tham dự mà sinh-viên còn tổ-chức nữa : bal Caravelle, bal Dược-sư-đoàn, bal Kiến-trúc...

Đứng trước tình-trạng đất nước hiện tại, trong thì bọn Việt-Cộng hoành hành, ngoài thì bọn ngoại xâm rục-rịch thôn-tính mảnh đất cuối cùng của chúng ta, người ta tự hỏi người Sinh-viên có nên ham thú vui, ham tham-gia tích-cực vào các cuộc khiêu-vũ chăng ?

✶

Chúng tôi không phải hạng cổ-hủ đến nỗi có thể nói rằng « nhảy đầm » không phải là một môn giải-trí lành-mạnh, rằng nó đã kích thích lòng dục, rằng đi « nhảy đầm » chỉ cốt để tìm những cảm-giác thích thú của sự đụng chạm xác thịt. Không, không bao giờ chúng tôi có quan niệm sai lầm như vậy.

Chúng tôi chỉ nhận thấy môn giải-trí này làm mất rất nhiều thì giờ. Bao nhiêu là thời giờ đã bị phung phí. Không phải chỉ mất một đêm thứ bảy mà còn mất một buổi sáng chủ nhật, và có khi cả ngày chủ nhật nếu hôm thứ bảy đã chơi thâu đêm suốt sáng. Nói như vậy còn là ít. Thật ra còn mất thì giờ nhiều gấp bội. Còn thì giờ mời các cô bạn đi

cùng ! Nếu là « tài ba » thì chỉ « búng tay » một cái là có « đào » ngay ; nhưng nếu không thì ôi thôi ! bao nhiêu là thì giờ đã mất, nhất là các cô sinh-viên lại có tính thích được nài-nỉ.

Đây là chương-trình hàng tuần của một sinh-viên trong hàng ngàn sinh-viên ham chuộng môn khiêu-vũ :

— Thứ Tư : bắt đầu chạy tứ phía xem đâu có dạ hội khiêu-vũ. Chọn được chỗ chơi, anh « vác » xe mời « Cô Bạn », nhỡ chỗ này từ chối còn kịp tìm chỗ khác.

— Thứ Sáu : mua carte.

— Thứ Bảy : chơi đến 2 giờ sáng.

— Chủ Nhật : ngủ.

— Thứ Hai : nghỉ (!)

— Thứ Ba : tìm đến « Cô Bạn » hay một sắc đẹp nghiêng nước nghiêng thành mới làm quen được trong đêm khiêu-vũ trước.

— Thứ Tư : lại bắt đầu chạy...



Mất thì giờ như vậy mà sinh-viên vẫn ưa chuộng ! Tối thứ Bảy là « đóng bộ » đi nhảy. Có một số thứ bảy không « nhót » là không chịu được. Vì vậy nếu không có chỗ nào mới tham dự họ cũng « đóng bộ » vào, rồi đi tìm xem chỗ nào có khiêu-vũ là họ dùng hết cách để vào cửa : hăm dọa có, hùng biện có... Giá những người ấy dùng lòng hăng hái, tài hùng biện của họ vào những việc ích quốc lợi dân thì thật tốt đẹp biết bao!

Thật vậy, ngoài việc học ra, người sinh-viên còn bao nhiêu việc phải làm : bao nhiêu là công-tác xã-hội chờ đợi người sinh-viên như là một dịp để chứng tỏ họ luôn-luôn đi sát quần-chúng, muốn tìm hiểu quần-chúng. Những công-việc ấy, để cho sự học hành không bị trễ nải chỉ có thể làm trong ngày Chủ nhật và ngày nghỉ. Một số đông sinh-viên đã không tham dự được những công-tác ấy vì còn phải nghỉ để lấy lại sức lực đã phung phí hôm qua. Có một sinh-viên nọ, nhiều lòng vị-tha, nhiều ý-kiến về hoạt-động xã-hội, đã không có dịp giúp ích chúng ta chỉ vì khiêu-vũ mà thôi.

Sinh-viên đã đóng góp không ít vào cuộc Cách-mạng vừa rồi. Người dân tin cậy nơi sinh-viên, chờ đợi nơi sinh-viên, thành phần học thức và ưu tú của đất nước. Ba tháng sau Cách-mạng, lòng tin cậy, lòng chờ đợi nguội lạnh dần : người ta bắt đầu chán ngán và nghi ngờ sinh-viên. Không những nghi ngờ ở công-tác xã-hội mà còn chính cả sự học-hành nữa. Một người dân đã phải thốt lên : — Chết chửa, mấy ông « Bác-sĩ » này tối thứ Bảy nào cũng đi nhảy cả thì không biết về sau có biết chữa bệnh không ?

Sau cuộc Cách-mạng trong lúc toàn dân quá vui mừng, chúng ta có thể tổ chức và tham-dự những buổi liên hoan có khiêu-vũ. Đấy là để đóng góp sự vui mừng vào hân hoan chung. Nhưng chúng tôi thiết tưởng liên hoan trong một tháng là vừa lắm rồi. Sau ba tháng mà vẫn liên hoan e có quá đáng chăng ? Nực cười đến bây giờ mà còn có nơi tổ-chức khiêu-vũ mừng Cách-mạng thành-công.

Viết bài này chúng tôi không khỏi bi quan. Bi quan ấy có quá đáng chăng ? Hay là vì sau Cách-mạng tiếp đến là lễ Giáng-sinh, Mừng Năm Mới nên khiêu-vũ đã mọc ra như nấm chăng ? Chúng tôi mong như vậy là sự thực, chứ không phải là ham mê của tuổi trẻ. Dầu sao sinh-viên chúng ta nên nhận-định rằng người dân đang mong đợi nhiều nơi chúng ta. Hãy đặt mình vào địa-vị của họ để cảm thông nỗi buồn của họ trước sự tham-gia tích-cực của sinh-viên vào khiêu-vũ. Đã đến lúc phải chấn-chỉnh lại để lòng tin cậy của người dân được tồn-tại.

DƯƠNG-HỒNG-HUY

VŨ TRỤ TUYẾN VỚI CON NGƯỜI

● HỒ TRUNG VIỆT

THOÁT vòng trần tục nhưng không về âm phủ, thật là cái mộng của nhiều người, trong số đó có những phi hành gia không gian với mộng ước bay vào vũ trụ. Thế nhưng việc « thoát trần » siêu đẳng này không dễ dàng, đơn giản như một giấc ngủ ngàn thu với hai mắt nhắm nghiền, hai tay buông xuôi, quả tim hết đập nhịp nhàng, trí óc thôi nghĩ viển vông, mà trái lại đòi hỏi ở con người nhiều phiền toái cho trí não, vận-dụng hết khả năng của óc thông minh, lòng can đảm, đôi mắt tinh tế, bàn tay khéo léo của con người trong mưu đồ chinh phục vũ trụ. Phóng một vệ tinh vào không gian đã là một việc khó, nhưng phóng một người vào không gian lại là một việc thập phần khó khăn hơn. Thật vậy, về phương diện kỹ thuật, những con tàu liên hành tinh có đủ khả năng đưa các phi hành gia vào vũ-trụ, vượt khỏi bầu khí quyển của địa cầu; bầu khí quyển mà những nhà tu, những người yếm thế cho là nhiễm đầy bụi hồng xấu xa, vướng màu tục lụy. Theo những chuyện thần thoại ngày xưa thì khi bay khỏi địa cầu, con người sẽ lạc vào tiên cảnh với thơ và mộng, với những nàng tiên đẹp, với những lâu đài xinh, với những ngày dài gấp mấy trăm lần ngày dương thế. Nhưng sự thật không được thơ mộng như thế; vì theo những dữ-kiện khoa-học ngày nay, khi thoát ra ngoài tầng khí quyển, con người đã mất đi một sự bảo vệ vững chắc cho sinh mạng của mình để đón lấy muôn ngàn nguy hiểm gây nên bởi những « hạt bụi » của cõi tiên : những bức xạ điện tử của không gian. Thật vậy, bầu khí quyển bao quanh địa cầu đã hấp thụ phần lớn những bức xạ đó đồng thời che chở cho con người dương thế chống lại những quang tuyến nguy hiểm, những quang tuyến mà các phi hành gia sẽ phải đương đầu trong những chuyến bay vào vũ trụ.

Nếu trần thế chất chứa đầy những dị biệt giữa con người thì tiên cảnh không gian cũng không có gì đồng nhất. Ngay những quang tuyến của không gian cũng có nhiều loại khác nhau :

— Những bức xạ của mặt trời gồm những quang tuyến X và những tử ngoại tuyến.

— Nhưng nguy hiểm hơn cả chính là những vũ trụ tuyến, những hung thần gác cửa cõi tiên, một hăm dọa lớn lao cho những ai dám bay vào tiên cảnh.

Đâu là bản chất, nguồn gốc, chỗ ở của những hung thần này trong không gian, và ảnh hưởng của chúng đối với nhân sinh như thế nào và làm sao bảo vệ con người chống lại chúng; đó là những điểm thắc mắc của những người mưu toan thoát tục, để bay vào không gian vô tận.

1) NGUỒN GỐC VÀ BẢN CHẤT CỦA VŨ - TRỤ - TUYẾN

Người ta không biết đích xác nguồn gốc của những tia này ; người ta che cái dốt của con người bằng cách bảo rằng « vũ-trụ-tuyến phát nguyên từ vũ-trụ ». Người ta cố gắng đưa ra nhiều giả-thuyết, đa số cho rằng vũ-trụ-tuyến thoát thai từ sự phát nổ và đổ vỡ trên những tân-tinh khổng-lồ của vũ-trụ. Mặt khác, một vài tia vũ-trụ yếu hơn, chuyển-dịch chậm hơn, hình như từ mặt trời mà ra.

— Những bức xạ ở ngoại tầng khí quyển được mệnh-danh là những bức xạ sơ cấp. Đó là những hạt nhỏ, đa số là những « nguyên tử bóc trần » — nghĩa là chỉ còn trơ trọi cái nhân sau khi bị bóc lột hết âm

điện tử — những nhân đó thuộc nhiều loại nguyên tử khác nhau :

— phần lớn là những proton (gồm 79°/o) cấu tạo bởi những nhân nguyên tử khinh khí hydrogène H+.

— kế đến là những tia α (gồm 20°/o) hợp bởi những nhân Hélium He++

— cuối cùng là những nhân trọng kim (calcium, sắt, nickel gồm 1°/o). Đó là những phân tử trọng sơ (primaires lourds).

Xem thế thì những hung thần Vũ-trụ-tuyến hầu hết là những tên « đực rựa » ; và cõi không gian là nơi dương thịnh âm suy. Thế nhưng những ai là đàn ông, đừng vội mừng vì những khám-phá « mới rợi » về không gian đã chứng minh ngược hẳn lại. Hai giáo sư Peter Meyer và Roger Hiderbrand thuộc phân khoa vật lý đại học đường Chicago và giáo-sư lão-thành James Desbond thuộc phân khoa vật lý cao năng của viện thí-nghiệm Argonne vừa phúc trình trên tạp chí Vật lý học số ra ngày 6 tháng giêng 1964 về kết quả những cuộc thí nghiệm tại Bắc Cực, thực hiện vào mùa hè năm ngoái. Người ta dùng những khinh-khí-cầu khổng lồ cao bằng tòa nhà 25 tầng và mang những dụng cụ trắc nghiệm lên cao tới 40 cây số tại miền Bắc Gia Nã Đại, trên pháo dài Churchil ở Manitoba. Trong bản phúc trình, các khoa học gia nói trên đã phát giác rằng những vũ-trụ-tuyến đều có điện tích âm và dương và khốn nỗi cứ 3 âm tử mới có một dương tử. Tỷ số 3/1 trên đây phủ nhận tình trạng dương thịnh âm suy của vũ trụ và xác nhận rõ rệt lý thuyết cho rằng các diện tử của vũ trụ-tuyến xuất phát từ những tân tinh cực lớn bị phá vỡ. Sự khám-phá trên còn làm vững chắc thêm giả thuyết cho rằng một số diện tử của vũ-trụ-tuyến đã thoát thai từ những đụng chạm của các proton với lớp khí quyển giữa các giải ngân hà. Theo các khoa học gia thì tác dụng hỗ tương đó sẽ tạo ra những dương điện tử và âm điện tử số lượng bằng nhau. Nếu đúng như thế thì giữa các hung thần vũ-trụ tuyến sẽ có sự bình đẳng nam nữ, số lão hung thần sẽ bằng số mụ chằng.

Ở ngoại tầng khí quyển địa cầu, những bức xạ sơ cấp (radiations primaires) cũng tựa như những hung thần thanh niên mới ra lò (cái lò vũ trụ) mới lớn lên, nghĩa là đầy sinh lực, nhiều quyền phép và dĩ nhiên là rất hiếu chiến. Thật vậy, những tên hung thần đó truyền đi theo đường thẳng với một tốc độ khủng khiếp, gần bằng tốc độ ánh sáng (300.000km giây) và dĩ nhiên vượt tất cả những kỷ-lục của những đôi hia phù phép của thần thoại xưa nay. Khi những bức xạ sơ cấp gặp bầu địa khí quyển, chúng va chạm vào những phân tử khí quyển. Sự va chạm nầy lửa của những tai nạn lưu thông này gây nên bởi những tên hung thần chạy mau trái phép — đã khiến cho những phân tử khí quyển khốn nạn bị vỡ tan ra và muôn ngàn mảnh vỡ bắn tóe ra thành từng chùm tia long lanh như những tia sáng của một vì sao. Năng lực của tên hung thần sơ cấp bị giảm đi nhiều sau lần đụng chạm như trên, nhưng phần năng lực giảm đi ấy không hề bị mất mát nhiều, mà được truyền lại cho những mảnh vỡ của phân tử khí quyển ngây thơ biến chúng thành những ác thần lỏi con, những bức xạ thứ cấp.

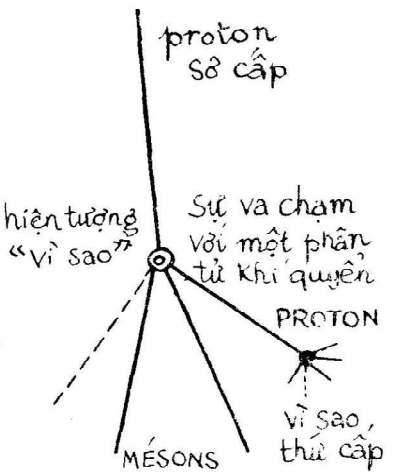

Bức xạ điện tử vũ trụ
Sơ cấp và thứ cấp

Sự truyền bá vội vàng năng lực của những bức xạ sơ cấp vào những mảnh vỡ không đồng đều và những phân tử khác loại của khí quyển khiến cho những bức xạ thứ cấp rất khác nhau. Thật thế, những ác thần lỏi con này thuộc nhiều dòng họ khác nhau và có sức mạnh, quyền phép không giống nhau

— Những tên thuộc dòng họ Proton, Neutron và Méson là những tên ác ôn nhất, chúng có thể xuyên thủng những vách chì dày đến 10 phân tây.

— Trái lại những tên thuộc gia đình Photon, Gamma và Neutron hiền lành hơn, yếu mềm hơn và do đó ít nguy hiểm hơn.

Tiếp tục truyền thống làm tàng và hiếu chiến của tên hung thần sơ cấp, bọn ác thần thứ cấp lại va chạm vào những phân tử khí quyển kế cận và cũng như lần trước, tai nạn lưu thông vì chạy nhanh và ầu này đã khiến cho những ác thần bức xạ thứ cấp giảm năng lực, và phần lớn năng lượng được phân tán, truyền-bá cho muôn ngàn mảnh vụn phân tử khác nhau và cứ như thế mãi...

Tóm lại năng lực sơ-khởi của vũ trụ tuyến dù

mạnh mẽ lớn lao nhưng vì phải chia xẻ, truyền-bá lại cho rất nhiều phân-tử khí-quyển, nên năng lực ấy tiêu hao dần dần. Tên hung thần sơ cấp dù nhiều sinh lực và quyền phép, nhưng sinh lực và quyền phép đó phải đem chia đồng đều cho vô số những tên ác thần lỏi con, do đó những tên này yếu hèn hơn, ít nguy hiểm hơn.

Xem như thế, trên mặt trần gian nầy năng lực của vũ-trụ-tuyến đã được giảm thiên đi rất nhiều. Kể cũng may cho thế nhân, chỉ đón nhận từ vũ trụ những tên hung thần lỏi con hạng bét mà sức lực yếu hèn, không làm nên cơm cháo gì, không có hại chi mấy cho đời sống thường ngày. Thế nhưng càng nuôi cao-vọng vượt không gian, càng lên cao bao nhiêu, con người càng gặp những bức-xạ mãnh liệt bấy nhiêu. Những ai bay vào vũ trụ mênh mông vô tận không bờ sẽ phải đi qua những hàng rào hung thần bức xạ : càng lên cao hơn, càng gặp những hung thần dũng mãnh hơn, ác-hiểm hơn ; bọn hung thần này xem thế mà có tôn-ti trật-tự lắm đấy. Trong tối thượng tầng khí-quyển (lớp khí ở cao nhất, từ cao độ 40 cây số trở lên) các phi hành gia sẽ gặp những hung thần dữ tợn nhất, hầu hết là những vũ trụ tuyến sơ cấp. Ở gần mặt đất hơn, nghĩa là giữa cao độ 40 và 20 cây số các hung thần lỏi con thứ cấp bắt đầu xuất hiện và càng xuống thấp càng đông đảo trong khoảng giang sơn của lũ tiểu yêu nầy, chỉ còn lạc loài một vài tên hung thần sơ cấp già nua, đã đổi hướng, đã hao mòn sinh lực quá nhiều sau bao nhiêu lần va chạm. Tuy nhiên phải nhận rằng càng xuống thấp số hung thần càng đông đảo vì những hung thần thứ cấp đã làm tăng lên nhiều lần những tên ác thần khác nữa, và mỗi tên trong chúng đều phát quang huy ; do đó sự phát quang huy toàn phần rất lớn. Tuy uy thế toàn thể lớn như vậy, những tên hung thần hạ giới nầy không mấy đáng kể vì mỗi tên chỉ có một sức xuyên thủng hết sức yếu. Ở cao độ dưới 20 mươi cây số, số hung thần bức xạ thứ cấp giảm đi nhiều và phần lớn bị bầu địa khí quyển hấp thụ.

Những sự hoành hành, va chạm của những tên hung thần của không trung, từ lâu, không một ai ở hạ giới hay biết , hay nếu có biết, cũng chỉ trong vòng những giả thuyết, ức đoán mà thôi. Nhưng đến nay, sự lộng hành của những yên-hùng vũ trụ này đã bị phát giác. Trong chuyến bay thí nghiệm của hai khinh khí cầu không lồ trên vùng Bắc cực, các khoa học gia đã chụp được ngót 1.500 thước phim ghi hình ảnh của 62.000 tác động biến chuyển của vũ-trụ-tuyến ; suốt thời gian 22 giờ đồng hồ bay trên cao, các khí cầu đã ghi được tổng cộng 188 vụ bắn phá va chạm của các mụ chằng âm điện tử và 64 vụ ẩu đả khiêu khích những lão hung thần dương điện tử nhắm vào những phần tử vô tội của bầu địa khí quyển.

Biết như thế để mà thỏa mãn tính tò mò cao độ của con người chứ thực ra thế nhân dâu có làm được gì hơn để can thiệp vào những hành động xâm lăng, khiêu khích đó của những phần tử hung xác dũng mãnh đến từ vũ trụ vô biên. Thậm chí có những tên hung thần vũ trụ tuyến sơ cấp không hiểu tinh quái cách nào mà có thể đến mặt địa cầu một cách êm thấm, không bị va chạm vào hàng rào an toàn của địa khí quyển. Người ta đã tính được rằng trên quả đất chúng ta, cứ mỗi phút, mỗi người phải nhận một viên đạn của bọn hung thần, một hạt vũ trụ. Viên đạn này may mà rất nhỏ, xuyên qua cơ thể con người một cách êm thấm rồi xuyên thẳng xuống đất sâu.

Cuộc oanh tạc thường xuyên này xảy ra ngay trên mặt đất, tuy không làm con người bị nguy hại về tánh mạng, nhưng ít ra cũng làm cho những khối óc thông minh bất mãn, làm cho những người ý thức được rằng mình là tấm bia đỡ đạn bị bắn đến 1440 lần mỗi ngày phải uất ức.

Thế nhưng cho mãi đến bây giờ, việc chống đỡ những vũ trụ tuyến sơ cấp cực kỳ dũng mãnh này vẫn còn là một điều không tưởng, vì muốn ngăn chặn những tên hung thần bất trị này con người phải trú ẩn thường xuyên dưới những thạch động dày đến mấy ngàn thước.

Eo ôi ! thà để cho vũ trụ tuyến nó bắn đi còn hơn phải sống khổ sở như hồi mới khai thiên lập địa dưới những tấm đá dày như thế, ngày không thấy mây trôi lơ lửng, không được đón gió mát của bốn phương, đêm không nhìn thấy trăng tỏ, sao giăng vằng vặc khắp trời. Ai nỡ để mộng đời chìm trong động đá phải không bạn ?

HỒ-TRUNG-VIỆT

Kỳ sau — Vòng đai bức xạ Van Allen
— Ảnh hưởng của vũ trụ tuyến trên con người

NGUYỄN-VĨNH-ĐỨC

NGỌN NƯỚC

NGUYÊN THỦY

KỊCH BA MÀN

L'animal peut se lancer à corps perdu dans une impasse ou vers un précipice. L'homme ne fera jamais un pas dans une direction qu'il sait être bouchée. Et voilà précisément le mal qui nous trouble.
Sous les forces de l'amour, ce sont les fragments du monde qui se recherchent pour que le Monde arrive.

P. TEILHARD DE CHARDIN

● người trong kịch

HOÀI-NHÂN
CHỦ-QUÁN
KHÁCH LẠ
LÃO TRƯỢNG
THUYỀN-TRƯỞNG
THIẾU NỮ
KHÁCH 40

MÀN KHỞI THẢO

● **thời gian**

Sắp sửa bước vào đêm trừ-tịch, mùa xuân sắp tới, lộc non đang xanh màu con gái, mà cành khô còn xương-xẩu...

● **không gian**

Quán vắng bên đường trước khi bước vào một thung-lũng nhỏ đưa về ngọn suối suốt tháng năm trong vắt.
Trong quán bày biện sơ sài

● *MÀN MỞ LÊN : Hoài-Nhân, người trẻ tuổi, đang nói với chủ quán bên quầy rượu ; ở một góc phòng, khách lạ ngồi im lìm và tĩnh yên như tượng đá.*

Hoài-Nhân — Thì người cứ rót đi, rót cho ta một chút thôi, một đốt rượu thôi... Một vài giọt chỉ bằng nửa chén hạt mít thôi...

Chủ-Quán — Ta đã bảo không là không, sao người cứ lải nhải mãi ? Nhà ngươi tiền không dính túi... lại năm cùng tháng tận...

Hoài-Nhân — Thì ta vừa trả người đoàng hoàng đấy chứ ! Bây giờ lỡ độ đường ta lại vừa hết...

Chủ-Quán — Ta đã bảo năm cùng tháng tận, ta không bán chịu. Người nghe rõ không ? Ta không bán chịu.

Tay giơ một xâu tiền rồi lắc mạnh

Nhà ngươi coi đây, từng xâu tiền vàng... Tiếng kêu thanh thanh ngân vang như tiếng khánh, thanh âm quyến rũ hơn cả đàn bà thỏ thẻ... Người thấy không ? Tiền quý lắm. Con người thích tiền cũng chỉ vì vậy. Cứ đưa tiền đây, tớ rót rượu cho.

Hoài-Nhân — Ta... Ta van người... Người cứ rót đi, chỉ một chút thôi... một đốt rượu thôi... Ta sẽ trả người, ta hứa như vậy.

Chủ-Quán — Tính ta cẩn thận, ta không tin lời hứa, dù cho nhà ngươi nói thật... Đưa tiền đây, tớ rót rượu cho.

Hoài-Nhân — Thì người cứ rót đi, ta sẽ trả mà !

Chủ Quán — Trả bằng gì ? Hay... nhà ngươi còn dấu tiền trong viền áo hả ? Dao đây... rạch đi, móc ra ta rót rượu cho...

Hoài-Nhân — Không có... Ta đã rạch rồi. Giờ chỉ còn... cái áo này.

Chủ-Quán — *(cười khanh khách).*

Cái áo này hả ? *(Quay sang người khách ngồi góc phòng)* Quan ơi ! Ra mà xem này ! ông khách quý của tôi đang định mua rượu bằng cái áo gấm Triều-châu này... gấm thiên thanh mìn mịn... lại có cả từng khía thêu... nhưng chỉ một nỗi quá cũ, quá cũ rồi !

Này, con ạ ! Ta lấy cái áo của con để làm gì ? Để làm của nợ à ? Để làm giẻ rách à ? Giẻ rách nhà ta còn lành hơn áo của con... Thôi đi quách cho khuất mắt ta... Bằng không, đưa tiền đây, tớ rót rượu cho. Rượu này, uống ấm cả lòng. Rượu này làm quên hết... Đưa tiền đây... Hà hà...

Chủ quán lại lắc xâu tiền kêu leng keng rồi quay đi... Hoài-Nhân, thẹn thùng, mím chặt môi như bật huyết. Chàng trở lại bàn ngồi, ôm đầu gục xuống bàn miệng lẩm bẩm...

Hoài Nhân.— Không... không thể được... ta không thể vì...

Im lặng... khách lạ vẫn ngồi im, trơ như tượng đá. Chủ quán lăng-xăng kê lại bàn ghế, ngẫm-nghía để lại lọ độc-bình cắm một cành đào... Người trẻ tuổi lại ngửng đầu lên, lấy vạt áo lau miệng, rồi xô ghế bước về phía chủ quán.

Hoài Nhân.— Ta van người... người hãy nghe ta... lúc này ta muốn nói cái áo đoạn này *(chàng vội-vã cởi áo ngoài, dáng-điệu hấp-tấp).* Đây, áo đoạn này thêu hai đường chỉ vàng... áo lụa...

Chủ Quán.— Thôi mà, cứ lải-nhải mãi. Ta đã bảo phải có tiền... Những đồng tiền vuông hay tròn... gõ vào gỗ phát từng tiếng chắc nịch, để vào túi nặng hẳn một bên. Còn chiếc áo này, hôi như tổ cú, đen như trời nổi giông, ghét-gúa bám từng mảng Mà ta lấy để làm gì ? Nhà ngươi nhỏ-nhắn thế kia, ta vóc lớn như vầy, làm sao mặc được ?

Ta bảo thật, không có tiền thì về nhà đi có được không... về nhà mà lấy tiền.

Hoài Nhân.— Nhưng ta không có nhà.

Chủ Quán — Thì đi ăn xin... đi mà giết người cướp của. Đưa tiền lại đây ta bán rượu cho. Đừng lôi thôi nữa... Cuối năm rồi. Suốt năm mà gặp những ông khách quý như nhà ngươi... thì chỉ có cách bán quách quán rượu này. Ăn nợ, uống chịu.... gớm chán ngấy cả người... Ông ơi ! Về đi cho rảnh nợ...

Chàng trai trẻ dịnh giơ tay phân-trần, nhưng nghĩ thế nào lại thôi... Lầm-lũi trở về bàn, ngồi phệt xuống đất, dựa lưng vào chân ghế, bơ phờ. Bỗng như nhớ ra điều gì, chàng lần tay vào áo lôi ra màu-mè một vật sáng lấp-lánh, nhưng lại cất vào ngay... rồi lại ngồi thừ, rồi lại lần tay vào áo lôi ra ... cất vào... Cuối cùng vẻ cương quyết, dừng giậy bước về phía chủ quán cất tiếng.

Hoài-Nhân — Nhà ngươi rót rượu cho ta. Rót đi. Rót đầy chén tống. Ta trả nhà ngươi bằng bạc

Chủ-Quán — Thôi mà, đừng ỡm-ờ nữa... Cuốn xéo đi khuất mắt ta ; không ta đuổi cổ bây giờ.

Người trẻ tuổi không nói gì, lôi trong áo ra một sợi dây cổ bằng bạc bóng nhẵn.

Chủ-Quán — À ! có thế chứ ! Bạc thật hay đồng đây ? Được ! Đưa ta xem.

Tay run run Hoài-Nhân có vẻ do-dự rồi vứt sợi dây bạc xuống quầy rượu. Lão chủ quán cầm đem lên miệng cắn.

Chủ-Quán — Phải đúng bạc đây... Nhà ngươi muốn mấy đốt rượu ?

Hoài-Nhân — Nhà ngươi cứ tính đi. Rót rượu cho đủ số bạc.

Chủ-Quán — Ta rót một chén tống đầy. Chịu không ?

Hoài-Nhân — Nhà ngươi nói thế mà nghe được à? Một chén tống... Hừ ! Nhà ngươi tưởng ta trẻ người non dạ lắm sao ? Ba chén tống rót tràn !

Chủ-Quán — Một chén tống đầy. Chịu không ?

Hoài-Nhân — Ta không nói nhiều lời vô ích. Ba chén tống rót tràn.

Chủ-Quán — (*lắc đầu*) Một chén tống, một chén tống rót tràn. Chịu không ?... Nếu không, cầm lấy... Rượu ta đâu phải nước lã. Cất từ tám chục năm nay. Nhà ta ba đời cất rượu. Ba đời chuyên lựa toàn hạt thóc vàng, vừa chết đời hạt mầm trắng, gặt ở sườn đồi, đất trơ rừng rậm. Lại chọn ngày tốt, giờ lành để cất. Công phu lắm ! Nào nhà ngươi chịu không ? Không chịu thì lấy lại đi.

Hoài-Nhân giật lại, để vội vào áo, đi nhanh về bàn. Nhưng được nửa đường bỗng ngừng lại, trở gót. Vứt sợi dây bạc xuống đất, nói lớn.

Hoài-Nhân — Rót đi ! Rót tràn chén tống rồi hâm nóng cho ta !

Lão chủ quán tiến nhanh cúi nhặt sợi dây bạc, thu thu vào áo. Trở lại quầy, rót rượu, lúi húi hâm. Hoài-Nhân, người trẻ tuổi, từ từ đi đến quầy...

Chủ-Quán — Ta đã bảo mà. Có tiền là có rượu. Tha hồ mà uống, uống cả vò ta cũng chịu.

Hoài-Nhân tay gõ nhanh lên bàn chờ đợi.

Chủ-Quán — Đây rượu sắp nóng rồi... Hâm vừa đủ nóng... mời ngài xơi !

Người trẻ tuổi cầm chén rượu, nống tực một hơi rồi đặt mạnh chén xuống quầy. Lấy vạt áo giơ ngang mặt lau mép. Rồi đi đi lại lại trong quán. Người khách lạ khẽ ngẩng đầu nhìn Hoài-Nhân : đôi mắt thật sáng, vẻ mặt luôn luôn điểm một nụ cười huyền bí, nụ cười mỉm, bắt người ngoài nhìn thấy phải suy nghĩ, tự-nhiên như cũng vui lây, bắt buộc phải cười mỉm, cũng nụ cười mỉm ấy càng cười càng thấy càng phải suy-tưởng, càng thấy lòng ray-rứt như một nỗi buồn nho nhỏ vừa len lén bước vào. Khách lạ lại cúi mặt, trở lại im-lìm ngồi trơ như tượng đá.

Hoài-nhân vẫn đi lại trong quán vẻ phân vân quá lắm. Cuối cùng người trẻ tuổi lại đến gần quầy rượu.

Hoài-Nhân — Chủ Quán ! Ta muốn nói với người một lời : sợi dây bạc ta vừa đưa... Ta mong người hãy giữ cẩn thận... đừng bán lại...

Chủ-Quán — Ồ ! Người đừng lo ! Bây giờ sợi dây bạc là của ta. Ta giữ cẩn-thận lắm.

Hoài-Nhân — Không, ta muốn nói... Người giở ra mà xem. Mặt trái đồng tiền bạc lồng vào sợi dây có khắc mấy chữ chỉ riêng ta được đọc. Sợi dây cổ này đối với ta như một lưu vật. Ta muốn người cứ giữ cẩn-thận để mai sau ta có thể... chuộc lại.

Chủ-Quán — À ! Người muốn chuộc lại.

Hoài-Nhân — Người hứa với ta nhé. Người hãy hứa với ta sẽ giữ cẩn-thận... Ta sẽ...

Chủ-Quán — Nhà ngươi thật lắm chuyện. Sợi dây giờ đây thuộc về ta. Đừng có lôi thôi. Ta muốn giữ hay bán tùy ý ta. Còn nhà ngươi muốn chuộc lại, bao giờ có tiền cứ đem đến đây, nếu ta còn giữ, ta cho chuộc lại. Còn nếu ta bán rồi, thì mặc nhà ngươi... Ta không quen hứa. Ta chưa bao giờ hứa với ai cả !

Hoài-Nhân — Ta sẽ cố kiếm tiền để chuộc lại... Có thể ngày mai.

Chủ-Quán — Có thể ngày mai sợi dây bạc không còn trong tay ta nữa. Có thể ngày mai ta đổi ý kiến, không cho nhà ngươi chuộc lại

Hoài-Nhân — Đầu lưỡi nhà ngươi hiểm-ác hơn rắn-độc ! Lòng dạ nhà ngươi nham-hiểm hơn lang-sói rừng !





Chủ-Quán — Nhà ngươi nên liệu lời... bình tĩnh hơn.

Hoài-Nhân — Nhà ngươi đã lợi dụng... đã bỉ ổi lợi dụng ta. Một sợi dây chuyền bạc nặng thế kia mà rót có độc một chén rượu !

Chủ-Quán – Ta đã hỏi nhà ngươi có chịu không cơ mà. Nhà ngươi toàn-quyền quyết-định. Ta đâu có ép !

Hoài-Nhân — Nhà ngươi phải rót thêm rượu cho ta uống !

Chủ-Quán (*nổi giận*) — Ăn nói dễ nghe nhỉ ! Tiền trao rượu rót ! Bây giờ còn giở trò trống gì đây ? Thôi, con ơi, say rồi liệu mà cuốn xéo đi không ta đuổi cổ đi đừng trách !

Hoài-Nhân — Nhà ngươi phải rót thêm rượu cho ta uống !

Chủ Quán – Đừng trèu vào tay ta, con ạ ! Ta truyền đời cho con biết: đến loài cường-khấu hung-hãn, đến bọn cướp rừng giết người không chùn tay, quán này cũng coi như tôm như tép ! Huống chi con còn hơi sữa !

Hoài-Nhân — Nhà ngươi phải rót thêm rượu cho ta uống.

Chủ-Quán — Nhà ngươi thật cây muốn lặng, gió chẳng muốn đừng. Cuốn xéo đi khuất mắt ta... không ta...

Chưa kịp nói tiếp, người khách lạ, đã đến quầy từ bao giờ, khẽ giơ tay một ngăn chủ quán, tay kia ném một túi bạc trên quầy.

Khách Lạ — Người hãy trả lại ông khách trẻ này sợi dây bạc. Đừng nên nhiều lời nữa. Vào xách cả vò rượu ra đây.

Chủ Quán — (*Giật mình, không ngờ một túi bạc đầy ắp, nặng chịch lại có thể vào tay mình một cách dễ dàng như vậy, vội móc túi lấy sợi dây để trên quầy rượu*).

Quý khách đã truyền, quán này đâu dám trái lời.

Khách Lạ — (*quay lại Hoài Nhân*).

Người hãy nể ta nhận lại sợi dây. Ta để người mượn tạm. Khi nào sẵn, người sẽ trả lại... và nếu người cho phép, xin mời người dùng tạm vài chén rượu...

Hoài-Nhân — Người là ai ?

Khách Lạ — Ta là con Người.

Hoài-Nhân — Ta cũng là người. Ta muốn hỏi người tên chi.

Khách Lạ — Ta tên gọi con Người.

Hoài-Nhân — Vậy ta phải xưng hô với người ra sao ?

Khách Lạ – Hãy gọi ta là Người như người vừa gọi ta.

Hoài Nhân — Tại sao người lại đặt ngón tay vào giữa vỏ cây và thân cây ? Tại sao người lại xen vào chuyện này. Việc này đâu phải là việc của người !

Khách Lạ – Vì thế ta tên gọi con Người. Xin người đừng e ngại. Giúp nhau là chuyện thường !

Hoài-Nhân — Ta không thể nhận được. Ta không muốn mang ơn.

Khách Lạ — Có chi là ơn huệ. Đây là lẽ thường, người cần tiền, ta sẵn có. Ta để không cũng thế. Người hãy cầm lại sợi dây bạc đi. Người sẽ hối tiếc về sau. Một lưu vật bao giờ cũng là lưu vật. Một kỷ-niệm đẹp bao giờ cũng quý hơn hiện-tại.

Hoài-Nhân — Người đã có lòng tốt, ta không dám chối từ. Ta chỉ muốn lấy lại sợi dây bạc. Vậy ta mượn người, ta sẽ trả người. Xin đa tạ. Cử chỉ hào hiệp của người làm ta lại càng thấy tủi hổ hơn... Ta đã tuột sâu, tuột sâu xuống vực thẳm.

Khách Lạ — Những người nhiệt-thành bao giờ cũng ở hai thái-cực. Lên rất cao mà xuống cũng rất thấp... Đây chỉ là một thử-thách. Thôi... chúng ta hãy cùng uống vài chén rượu...

Hoài-Nhân — Tại sao người lại đãi ta rượu ? giúp ta lấy lại lưu vật không đủ sao ?

Khách Lạ — Người tên chi ?

Hoài-Nhân — Ta là Hoài-Nhân. Nhưng tại sao người lại đãi ta rượu ?

Khách Lạ — Vì người thích uống.

Hoài-Nhân — Tại sao lúc nãy, người không đãi ta ngay ? ta đã chờ...

Khách Lạ — Vì ta muốn hiểu người hơn.

Hoài-Nhân — Người đã hiểu gì về ta ?

Khách Lạ — Ta muốn hiểu tại sao người đã đam mê, đã nhiệt-tình, đã khổ não suy tư. Ta thấy người đang thắc mắc lo âu, người đang đứng trên vực, người không muốn bước vào ngõ cụt... ta nói ngõ cụt vì người tự cho là ngõ cụt.

Hoài-Nhân — Tại sao người biết ta đang thắc mắc?

Khách Lạ — Con người luôn luôn thắc mắc.

Hoài-Nhân — Người có phải bậc hiền triết không?

Khách Lạ — Ta không phải hiền-triết. Ta chỉ là con người.

Hoài-Nhân — Nhưng tại sao đến bây giờ người mới đãi ta rượu ? Chắc không phải vì người muốn tìm hiểu tại sao ta thắc mắc, mà chắc vì người thương hại...

Khách Lạ — Người đừng nhầm thương-hại với thông cảm, người đừng nhầm thương-hại với giao cảm.

Hoài-Nhân — Chắc Người còn một lý-do nào khác?

Khách Lạ — Hoài-Nhân nói đúng. Có lẽ vì mùa xuân sắp tới, hay đúng hơn sắp đến giao-thừa.

Hoài-Nhân — Tại sao vậy ? Tại sao lại phải vì sắp đến giao-thừa ?

Khách Lạ — Vì thường thường, đêm trừ-tịch, chờ giao-thừa, con người tự-nhiên.... tự nhiên muốn làm một điều gì mới mẻ... con người muốn về chân-thật con người... không, nói đúng hơn, con người lại muốn vui, như bị thúc đẩy bởi một mãnh lực vô hình nào... Con người lại muốn vui.

Hoài-Nhân — Uống rượu buồn lắm chứ !

Khách Lạ — Uống rượu cũng vui lắm chứ !

Hoài-Nhân — Phải, vui nếu ta muốn quên hết. Vui, nếu ta cố không thèm nhớ lại bao tư-lự... bao khúc-mắc chưa cởi lỏng, bao con đường đã đặt bước tới... Vui nếu ta không phải lựa chọn...

Khách Lạ — Uống rượu chỉ vui khi có bầu có bạn. Rượu chỉ ngon khi tâm-sự chân-thành.

Hoài-Nhân — Người có phải bậc hiền-triết không ? Hay người phải là...

Khách Lạ — Ta đã nói ta chỉ là con người. Đừng thắc mắc nữa Hoài Nhân ạ... Hãy uống đi — nào, ta cùng sửa soạn nâng chén... Chủ quán người hãy hâm lại rượu đi. Chọn rượu nào quý nhất người có.

Chủ Quán *(hai tay xoa vào nhau, giọng trịnh-trọng)* — Vâng để quán này xin chọn và hâm lại hai quý khách dùng.

Hoài-Nhân — *(giọng cảm-động gần như chân thành)* Ta cảm-tạ người. Lần này là lần đầu ta nhận uống rượu cùng một người khách lạ. Hơn nữa, một người khách lạ đã giúp ta. Ta chắc sẽ nhớ mãi ơn này, buổi trừ tịch này.

Ta đã hoài-nghi tất cả. Ta đã chối bỏ tất cả. Vì ta đã phải chọn lựa, chọn lựa thử-thách gần như phải dấn thân vào...

Đời người thật ngắn ngủi, ta không biết có còn đủ thời gian để cố thử lại, để bắt đầu lại. Con người thường bắt đầu công việc vào buổi bình-minh, chắc ta sẽ bắt đầu lại từ số không... từ buổi bình-minh hồi sinh.

Khách Lạ — Bắt đầu công việc từ buổi bình-minh? Ồ ! Còn sớm chán. Hoài-Nhân còn trẻ, Hoài-Nhân còn cả quãng đường dài.

Chủ quán bưng bầu rượu đặt lên bàn. Khách lạ tự tay rót đầy hai chén rồi trao cho Hoài-nhân.

Nào. Hoài-Nhân, cùng ta nâng chén rượu đầu tiên. Buổi này là ngày cuối cùng của một năm tròn. Uống cạn nhé.

Hoài-Nhân — Xin đa tạ.

Hai người cạn chén. Khách lạ ngồi im như nhìn về phía xa, xa hơn cả tầm mắt con người, nhưng thật ra rất gần, rất gần. Hoài-nhân trong tay còn chén rượu cũng im lặng. Người trẻ tuổi khẽ lồng ngón tay vào mớ tóc, cúi mặt xuống...

Khách Lạ — Kìa Hoài-Nhân, người không nói gì nữa à ? Ta rót đầy chén thứ hai. Chúng ta còn đủ thời giờ để uống cạn bầu rượu này, trước khi Giao Thừa đến. Rượu ngon lắm. Chủ quán quả nói không sai. Chưa bao giờ ta được uống thứ rượu nào, vừa nâng, môi đã mềm hơn thảm cỏ xanh tóc tiên.

Hoài-Nhân — Rượu ngon như nhân sâm, suốt đời cỗi rễ trốn tránh con người, chạy từ núi này qua núi nọ, ẩn bên hốc đá già trong đất đỏ diệm-sơn, chui sâu dưới đất mềm phủ cỏ non bên bờ suối. Muốn tìm nó ta phải lặn lội đặt chân đến từng mảnh đất không tên... Bao kẻ đã bỏ mình. Có kẻ đã tìm được... Tìm được rồi, sâm lại chạy trốn. Rượu ngon chờ ta... Rượu không bao giờ gọi ta... Ta phải đi tìm nó. Trên cõi đời này, cái gì thanh-tao, cái gì trường-cửu cũng phải đi tìm.

Khách Lạ — Cái gì ta cũng phải đi tìm. Nhưng tìm thế nào ? Điều đó mới là cái khó. Chính vì thế, con người có thể tiến lên, hay lùi lại, hay đi ngang quanh-quẩn rút cuộc không bước một bước nào, có khi lại lùi thật xa, quên cả những bước vừa tiến lên.

Hoài Nhân — Quanh-quẩn bước ngang ! Quanh-quẩn ! Chính ta đang quanh-quẩn. Vì thế ta đã uống rượu. Mới đầu, rượu làm ta sảng-khoái, cái

sảng-khoái êm dịu có lẽ chỉ để dối mình bằng khoái cảm đòi môi, tè mê đầu lưỡi và cảm giác một ngọn gió rừng luồn vào cổ họng như cát bỏng sa mạc, như bụi cay lời-vũ... Có lẽ buổi ban đầu ta chỉ cảm có thế. Rồi dần dần, rượu thường, rượu tục lôi kéo mình đi xa hơn nữa : một chút ảo-ảnh, rất nhiều chán chường và giấc-ngủ nặng nề đầy mộng-mị hãi hùng, giấc-ngủ dằn vặt, giấc-ngủ làm sưng tấy vết thương ý-nghĩ lâu ngày tưởng đã lên da non...Thức-giấc, con người lại thấy mình cô-độc. Tại sao chỉ toàn là những câu hỏi ; toàn là độc thoại đay-nghiến ; không có đến một câu trả lời ; con người lại thấy mình đã mất mát hết cả, lại thấy mình chưa thật sự đi tìm.

Người đã tìm gì trong đời chưa ? Người đã đi tìm chưa ? Người đã thấy chưa ? Người đã toại-nguyện chưa ? Người hãy nhìn thẳng mắt ta mà trả lời.

Khách Lạ — (*Khẽ cười, giọng chậm rãi*).

Người hoài-nghi tất cả sao Hoài-Nhân ? Ta sẽ trả lời người mà không cần nhìn thẳng vào mắt. Ta nhìn bằng con tim. Nó là sự sống, nó là cảm-xúc. Thường thường con người chỉ nhìn bằng mắt nghĩa là bằng óc chứ không bằng con tim. Và khối óc nhiều khi là kẻ nội-thù của con tim.

Hoài Nhân — Ta hiểu. Nhưng Người chưa trả lời câu hỏi của ta.

Ánh mắt khách lạ chợt lóe lên, bí hiểm
Lại rót đầy hai chén rượu. Hoài-Nhân
chỉ cầm chặt chén rượu trong tay, mặt
nhìn thẳng khách lạ. Khách lạ nâng chén
nhấp từ từ, vẫn một giọng chậm rãi, vẫn
nụ cười khó tả, khách lạ cất tiếng.

Khách Lạ — Ta đã đi tìm. Con người từ thuở thái sơ, vừa thành hình, vừa tiếp nhận hơi thở ấm cúng của sự sống từ Đấng Chí Cao, đã bắt đầu đi tìm. Chúng ta chỉ là những con người bị ném giữa con đường, từ xưa đã vạch sẵn. Chúng ta lại tiếp tục đi tìm.

Hằng năm, cứ ngày ba mươi tháng tận năm cùng, ta lại cất bước đi tìm. Thói quen đã tiềm nhiễm, đã ăn sâu vào tâm-tưởng, hầu như đã trở thành bản tính. Ta đã, đang và sẽ đi... đi tìm một ngọn nước.

Hoài-Nhân — Người đi tìm một ngọn nước ?

Khách Lạ — Ta đi tìm một ngọn nước. Một ngọn nước trong vắt như thuở khởi thủy, nước ngủ giấc êm đềm để cây soi bóng, để chim đến rỉa lông, mài mỏ trên đá ghồ ghề và uống từng hụm nước ngọt lịm ; để con người đến soi gương hỏi nỗi buồn trong ánh mắt, ngắm niềm vui trên đôi môi và nhất là suy tưởng tìm một hướng đi, tìm một phương trình chỉ có một ẩn số.

Ngọn nước nhảy tung tăng, nước đập đều và mạnh như nhịp tim con người. Ngọn nước sâu, thật sâu, trong lòng có sỏi màu vàng, đá ngọc-bích nhẵn thín, kiên nhẫn... Đứng xa thấy hai bầu trời xanh, bầu trời trên cao mù-tít và bầu trời trên mặt nước lung linh.

Hoài-Nhân — Tại sao Người lại chọn ngày ba mươi tháng chạp, mới cất bước đi tìm ?

Khách Lạ — Con người đầu tiên trên trái đất đã sinh ra giữa mùa xuân, khi mặt trời mọc, khi ánh sáng bắt đầu hé rạng trên bầu trời vừa tạo thành. Trước khi ra đời con người đã sống đời sống bào thai trong ý nghĩa Đấng Tối Cao : buổi đó, con người đã sống giờ phút giao-thừa đầu tiên trong bóng tối kiên-nhẫn cấu-tạo, hợp-thai... Liền ngay khi hít bầu khí quyển, con người đầu tiên đã bắt đầu đi tìm. Cất bước đi tìm, ta chỉ làm một ý nghĩ, một hành động theo bản năng tự nhiên. Ta chỉ chót theo một nếp đẹp đã từ lâu kéo dài trong thời gian, đã từ lâu kết nhập vào tiềm thức. Ta nói chắc người không tin, ta đã đi tìm từ buổi giao-thừa thứ nhất, vì ta là con người, ta là ý thức con người, ta là huyền-nhiệm của con Người.

Hoài-Nhân — Thế ra Người phải già lắm. Thượng cổ phải trẻ hơn người. Người phải cổ thụ hơn bất cứ một cây cổ thụ nào trên trái đất này. Người phải già lắm.

Khách Lạ — Ta không già trên nét mặt. Vì ta luôn luôn trẻ lại khi con người yêu thương nhau. Nếu con người tàn sát nhau, giết nhau, giết nhau trong ý nghĩa, bắt nhau phải phục tùng vì một sở thích, vì một niềm tin, ta sẽ già mãi. Ta sẽ già mãi. Nhưng cũng may, trên trái đất còn tình thương, còn những con người đi tìm ánh mặt trời, còn những người đi tìm con người, nên ta còn trẻ trên nét mặt.

Hoài-Nhân — Vậy, Người không phải là con người trong một khoảng không gian hay thời-gian nào nhất-định. Người là Con Người, trong ý-định của Đấng Tối Cao... Người là con Người một huyền nhiệm của con người.

Khách Lạ — Có thể, có thể, nếu Hoài-Nhân nghĩ như vậy.

Hoài-Nhân — Tại sao người cũng đi tìm một ngọn suối như ta ? Hỏi như vậy, vì ta đã đi tìm một ngọn nước. Một ngọn nước trong vắt, êm đềm mà



sống động... Ngọn nước giữ trọn vẹn ý-nghĩa trở về... trở về.

Hỡi con người tên gọi con Người, hãy trả lời ta, tại sao người cũng đi tìm một ngọn nước ?

Khách Lạ — Hoài-Nhân ! Người đại-diện cho một mẫu người luôn luôn hỏi tại sao. Chính vì thế mà Hoài-Nhân đã nhiệt-tình, đã hăng-say. Chính vì thế mà Hoài-Nhân đã hoài-nghi tất cả. Hai chữ tại sao lắm khi chỉ được giải đáp bằng hai chữ bởi vì. Ta sẽ trả lời Hoài-Nhân vì đêm nay là đêm trừ-tịch, ta sẽ trả lời Hoài-Nhân vì ta đã mến người.

Để tạo ra người đàn ông, Đấng Tối Cao đã lấy những nguyên-tố lầm lì và dẫn-chắc. Nếu muốn khao-khát tìm giáng mềm-mại yêu kiều của ngọn nước con người chỉ muốn thực-hiện hoài bão cố hữu của mình : tìm một đối tượng... không... tìm một điều bổ túc... tìm một sự hợp nhất.

Hoài Nhân — Tìm một đối-tượng, tìm một điều bổ túc, một sự hợp-nhất.

Khách-Lạ — Còn nữa... Con người khi trưởng-thành trong ý-nghĩ — khi đã thâu tóm được kinh-nghiệm những người đi trước đã gặt hái trong khoảng thời-gian dài như giải ngân hà — muốn có một cái nhìn đứng từ trên cao, từ một ngọn núi, một cái nhìn bao quát... Nhưng đứng trước một toàn cảnh rộng lớn, con người đã sợ, đã sợ thì lại lo âu, đã lo âu lại muốn nêu lên một bài học : con người muốn trở về con người, muốn tìm một ngõ thoát... muốn trở về nguồn gốc, để có thể bấu víu được... như con tầu bỏ neo sau khi đã phiêu du.

Hoài-Nhân — Trở về nguồn gốc, trở về nguyên thủy.

Như người con lãng tử sau bao ngày xa mái ấm gia-đình. Nhìn từng viên gạch đường làng, nhìn từng vết tường loang lổ rêu đã trở màu nâu.. Tiếng cha già, tiếng mẹ hiền tóc bạc. Còn gì nữa ? Chỉ vừa nghĩ tới đã thấy bao hình-ảnh chảy như thác-lũ thoáng qua ý-nghĩ rồn rập.

Khách Lạ — Nhất là buổi trừ tịch con người thường hay hướng về những ngày đã qua. Ta chắc ý nghĩa ngọn nước thật đầy đủ và trọn vẹn.

Hoài-Nhân — Có bao giờ Người đã cảm thấy bức tường trước mặt cứ cao dần, cao dần? Từng viên gạch được đặt lên. Mỗi viên gạch tượng trưng cho một vấp ngã, mỗi viên gạch là một điều tính toán. Những viên gạch đỏ, vuông vắn cứ được đặt lên, dù mình muốn thực tình sửa đổi, chân thành phục thiện. Những viên gạch vẫn kề đều bên nhau, không cần vữa trát, không cần bay xoa, chúng vẫn cứng chặt, dựng sừng sững trước mặt mình.

Có bao giờ người đã cảm thấy bực bội, như bị tù hãm, như bị án ngữ? Đến lúc ấy, vào khoảng thời-gian đến bất thần nhưng hiện-hữu ấy, mình cảm thấy đã đi xa quá nhiều, đã say mê quá lắm. Muốn vượt qua bức tường ấy con người đã chọn nhiều phương cách. Có kẻ chỉ việc ngồi dưới bức tường than thân trách phận để muốn quên, quên hết. Có kẻ đã đi vòng, tìm con đường nhỏ trong cánh rừng già, tìm một con đường rộng hơn, thênh thang hơn ! Có kẻ quay gót trở lại để mặc sau lưng bức tường chỉ thể-hiện và có mặt trong ý nghĩ họ thôi.

Còn ta, ta đã đi vào con đường nhỏ trong cánh rừng già để trở về, để dung-hòa bao chiều-hướng tương-phản, lý-tưởng ngoại lai và lý-tưởng truyền-thống.

Khách Lạ — Trước khi đến quán rượu bên đường này ?

Hoài-Nhân — Ồ ! Đã lâu rồi, lâu lắm rồi, lâu đến nỗi ta cứ tưởng như chập chờn thuộc về tiền kiếp... chập chờn như giếng mắt sâu in đáy chén rượu đã vơi già nửa.

Khách Lạ — Ta còn nhớ đã đọc trong cuốn sách từ phương tây đưa lại một câu chuyện nhỏ nhưng bắt người nghe phải suy nghĩ nhiều. Một



cậu Hoàng tử nhỏ đến thăm một quán rượu. Cậu bé gặp một người ngồi câm-nín trước đống ly rượu đỏ. Mặt đượm vẻ chán chường, như bị đời quên bỏ.

— Người làm gì đấy ? Cậu Hoàng tử hỏi.

— Ta uống rượu.

— Tại sao người lại uống rượu ?

— Ta muốn quên hết.

— Người muốn quên hết. Nhưng muốn quên gì ?

— Ta muốn quên ta đã hổ-thẹn.

— Tại sao người lại hổ-thẹn ?

— Vì ta đã uống rượu!

Thấy không Hoài-Nhân, ta không phải triết nhân, nhưng ta muốn người thấy con người bao giờ cũng muốn tìm một cái cớ dù cho vô lý, để bám chặt, bám vào mảnh tầu vừa đắm, để quên, để tự cho mình một nơi ấm-trú nép mình, để có thể tự dối trá mong thư-thái, bình thản. Nhưng vẻ bình-thản thư-thái của mảnh đá băng vừa cứng đọng không ngờ dưới nước còn cuộn chảy...

Hoài-Nhân — Ta biết, ta biết lắm. Chính vì ta bất lực nhìn mình đang xuống dốc mà không có can-đảm, một chút can-đảm dừng lại, leo lên từng bậc.. Ta đã cố thử, cố gắng một lần chót khi bước vào khu rừng rậm-rạp, đặt chân lên đá sỏi gan gà kêu sột-soạt giải trên con đường nhỏ hầu như bị quên lãng. Cỏ đã mọc đầy lối, lá đã chất từng đống. Lá khô đã bắt đầu ẩm ướt như để nuôi dưỡng lũ cỏ cuồng-khấu mọc tự-do, mọc vô tổ-chức. Ta đã dò dẫm tìm dấu xưa sau bao ngày phiêu-bạt xứ người, sau bao ngày quên về xứ mẹ, mang theo một mớ hành trang xa lạ vay mượn. Sao cuộc đời không dễ như ta tưởng, khi chỉ cần vẽ một đường thẳng với ý-nghĩ con đường này sẽ đến vô-tận và chắc chắn vô tận sẽ ở cuối đường này và chắc chắn ngọn nước ta tìm sẽ ở cuối đường này. Ta đã tin-tưởng sẽ tìm được. Nhưng nhọc công lặn lội ta dã gặp một ngã tư đường. Lại phải chọn lựa, lại phải quyết-định. Nếu muốn giản-dị-hóa, ta chỉ việc nhắm mắt mặc bước chân lạc vào đường nào, ta sẽ đi đường ấy. Nếu tham-lam, ôm đồm ta sẽ đi lần lượt cả bốn hướng... Nhưng giữa lúc phân-vân...

Khách Lạ — Buổi đó chính ngọ. Mặt trời trên đỉnh đầu. Và Hoài Nhân đã nói : « Điều chắc chắn độc nhất ta có thể tin được là mặt trời ở trên đầu ta ».

Hoài Nhân — Sao người lại biết ?

Khách Lạ — (*mỉm cười bí hiểm*) Ta biết, Hoài Nhân không cần phải tìm lý lẽ. Người cứ cho là ta đã không nói điều thầm kín trong ý-nghĩ Hoài-Nhân.

Hoài Nhân — Người thật kỳ-dị. . Người là ai ?

Khách Lạ — Và Hoài Nhân đã lần lượt gặp bốn người.

Hoài Nhân — Không, bốn người ấy đã chờ ta, đã biết là ta sẽ tới. Bốn người từ bốn ngã đường đã đợi ta đến và lần lượt đã mời ta đi thăm ngọn suối. Họ tả bao cảnh-vật quyến-rũ, những lời lẽ tưởng như rót vào tai. Từ một lão trượng hồng-hào với cây gậy trúc cổ-kính, từ một thuyền trưởng phong sương dạn dĩ đã vượt biển năm châu, từ một thiếu nữ giáng liễu gầy gầy hứa hẹn rất nhiều đến một khách bốn mươi, vẻ già-dặn từng trải, đã đi nửa quãng đường đời. Ai ai cũng thành khẩn mời thăm ngọn suối của mình. Lần lượt họ đến, mời mọc không để ta suy nghĩ. Ta đã hứa đến thăm cả bốn con suối... Ta lại nói nhiều quá rồi nhỉ ! Ta không ngờ có thể nhớ được nhiều như vậy,

Khách Lạ — Chuyện chắc dài. Uống chén nữa, Hoài Nhân. Uống đi, ta rót đầy rồi... Không cần hâm lại rượu. Đôi mắt Hoài Nhân cũng đủ làm rượu ấm-áp. Đôi mắt sâu sâu, chân thành đủ chiếu sáng ý-nghĩ và linh-hồn.

Uống đi Hoài Nhân... Ngươi sẽ thấy muốn khép đôi mi nặng... đôi mi thật nặng, nặng hơn chì... Người sẽ thấy trở về khung cảnh ngã tư đường... Uống đi Hoài Nhân.

Hoài Nhân — *(Nâng chén rượu uống từ từ... rồi như một mãnh lực nào sai khiến, Hoài Nhân sẽ nhắm mắt, gục đầu trên bàn, miệng nói như mơ, trong khi màn từ từ hạ) :*

Thuở ấy.. . Ngày ấy, giữa ngã tư đường...

NGUYỄN-VĨNH-ĐỨC

những người đi tìm
MÙA XUÂN

• sĩ tuấn

Kể cho Mậu cùng anh
sau những ngày Vôm Láng tôi đã bày tỏ ý truyện này

S.T.

I

MẤY ngày nay một chuyện lạ làm xôn-xao khắp Kinh-đô. Ba hôm trước, có người khách thương tự phương tây lại, đem theo hàng quí nhiều không biết bao nhiêu mà kể. Này gấm trải rực-rỡ như muôn hoa bướm, này the buông mỏng mướt tợ hồ khói sương; đĩa bạc, chén vàng chói-lọi như bình-minh, châu ngọc trang sức lấp-lánh hơn sao trời. Nhà vua vời vào để Hoàng-hậu và bốn chục nàng Công-chúa lựa mua. Các quan to trong triều, các phú-hào ngoài nội, tranh nhau tìm đón. Trong lúc yến tiệc mời chào, khách cao-hứng tả lại những miền đã kinh quá. Vùng mộ vua ở Ai-cập có những kim-tự tháp đồ-sộ, vườn treo lộng-lẫy của bà Hoàng Sémiramis ở Ba-tỉ-luân, thành Bá-đa huyền-ảo thủ-phủ xứ Ngàn lẻ một đêm, đền Taj Mahal cẩm-thạch lung-linh dưới trăng Ấn-độ ; rồi Vạn-lý trường-thành ở Bắc Hoa, Phú-sĩ sơn bên Phù-tang, thực-khách sững nghe, ngồi mà quên gắp.

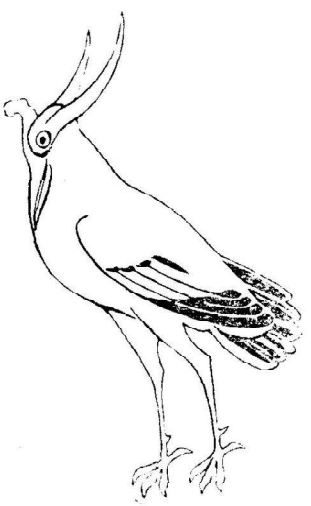

Nhưng tất cả bỗng buông đũa, ngừng ăn, lắng hết tinh-thần khi nghe đến Thung-lũng Trường Xuân, một quốc-gia nhỏ trên đường về Eden xưa. Tên gọi thế vì ở đấy mùa xuân là cả bốn mùa. Cây cối lúc nào cũng hớn-hở xanh tốt ; hoa thắm, bướm vàng, chim hót, suối reo, người dân nhởn-nhơ vui chơi. Em bé bụ như măng, thanh-niên hùng như núi, thiếu nữ kiều-diễm như quỳnh mùa thu, cụ già vững mạnh như tùng bách mùa đông. Thổ sản : rau tươi, quả ngọt, suốt năm sẵn có thì-trân; cầm thú : chim núi, muông đồng, trĩ lông phượng đỏ, chồn xạ lan thơm, bốn mùa mặc tình săn bắn. Và rượu, rượu, rất nhiều ; có thứ nồng ấm như da Thái-Chân, có thứ nhẹ say như mình Phi-Yến, uống vào sảng-khoái, tưởng chừng chắp cánh lên tiên, hơn hết mọi thứ mĩ-tửu trên đời.



Thắng-cảnh thì toàn quốc là một thắng-cảnh lớn, phía bắc núi ngọn lọt mây, phía nam ruộng đất mầu mỡ, đông tây rừng già, xanh um một màu tùng bách. Quí nhất là khu rừng nhỏ phía đông-bắc thung-lũng, trồng đầy kỳ-hoa dị-thảo, ngoài trăm dặm còn ngát hương. Du-khách đến thăm được phép hái hoa, bứt quả làm kỷ-niệm. Tùy theo ý muốn, hoa quả hái rồi biến thành vàng hay ngọc hay kim cương. Và như một lá bùa linh, châu ngọc ấy cho du-khách được ước một điều, miễn phải gìn-giữ nó hoài như một phần thân-thể. Bởi thế có tên là rừng Vạn Ý. Lại còn gọi là Tứ Vọng lâm.

Kể tới đây, khách móc trong túi áo ngực ra một trái cây nhỏ, mọng như đào tơ vừa độ. « Trái này xưa đã làm cho người đàn-ông đầu tiên phạm tội bất tuân đấy, quí ngài ạ ! » Mọi người đều thấy nước miếng ứa trên đầu lưỡi ; truyền tay nhau xem thì thấy là một thứ ngọc lạ chưa hề được ngắm, tỏa ra những ánh dị-kỳ như từ một con mắt ma quái, có sức thu hút quyến rũ đến mê say mọi con mắt người.

Hỏi đến điều khách ước, thì khách chỉ mỉm cười không nói, đôi mắt nheo lại thành đuôi.

Người ta nhao-nhao lên xin chỉ đường tới Thung-lũng Trường Xuân. Nhà vua đề nghị phong vạn-hộ-hầu, thưởng vàng muôn lạng, ngọc bạch-bích trăm đôi và ngàn cây gấm tía, nếu khách bằng lòng làm hướng đạo. Phủ phục trước bệ rồng, khách từ chối :

— Tâu Bệ-hạ, kẻ hạ thần đành cam tử-tội, chứ không thể chiều theo Thánh-ý. Đấy cũng như Thiên-Thai, như Nguồn Đào, làm gì có đường đi lối tới rõ-ràng như mọi nơi khác trên trần-thế. Bệ-hạ ví như quyết chí đi tìm, ắt là sẽ gặp.. Chứ nếu bắt hạ-thần dẫn lộ, thần chắc khó thoát tội khi quân, vì ai là người có diễm-phúc trở lại Thiên-Thai, tìm được Nguồn Đào lần nữa ?

Vốn thông hiểu chuyện xưa, vua cho lời ấy là phải, nên không bắt tội mà còn trọng-thưởng khách thương. Hàng-hóa bán xong, khách thu xếp hành-trang lên đường, để lại một hi-vọng náo-nức cho cả Kinh-đô.

oOo

Thế là mọi người Kinh-đô rủ nhau đi tìm Mùa Xuân.

Nhà vua đi trước nhất cùng hai quan văn võ đầu triều, Thừa-tướng và Nguyên-soái, với trăm viên kiện-tướng, nghìn lính ngự-lâm theo hộ-giá, quyết mang lại cho quốc-dân Mùa Xuân trường-cửu. Sau mười tháng mông trần, nhà vua trở về, đem theo một cành thiên-tuế, chín bông vạn-thọ, tất cả bằng vàng, hái được trong rừng Vạn Ý.

Ngày hồi-loan, người Kẻ Chợ treo đèn kết hoa, lập đàn bái vọng, tụ đông như kiến, tung hô vang trời. Đấng Chí-tôn mặt rồng hớn-hở, tức khắc giáng chỉ xá thuế chợ ba ngày, phóng-thích tù-nhân hơn một vạn. Hôm sau đại triều, chiếu-chỉ truyền xuống tuyên-cáo cho trăm họ biết kết-quả cuộc tuần-du phương tây và ý-định tân dân của Thiên-tử. Chiếu rằng :

« Trẫm thụ mệnh Trời, kế thừa đại-thống, nối chí Tiên-vương, kể đã ba-mươi năm có dư. Nghĩ mình người thường, trách dầy đức mỏng, Trẫm hằng lo-lắng, ngày biếng ăn, đêm quên ngủ, dậy sớm thức khuya, lúc nào cũng tâm-niệm cầu xin anh-linh Liệt Thánh Hoàng-khảo phò trì xã-tắc, giúp cho quốc thái, dân an.

« Bởi thế, Trẫm cùng với Thừa-tướng và Nguyên-soái quyết tìm đến nước Trường Xuân, tận mắt thấy cảnh thần-tiên an-lạc, đem cảnh ấy về cho trăm họ, để nước ta ngày thêm xứng-đáng là một nước có nhiều nghìn năm văn-hiến.

Canh-cánh nhớ câu « Dân vi quí » Trẫm chẳng quản khó-nhọc, đi thăm cùng hết xứ. Danh bất hư truyền, Trường Xuân quả thật không những thanh-bình mà còn phú-cường hơn nước ta gấp bội. Xem qua dân-tình, thấy trăm họ Trường Xuân kính mến quốc-vương như con đỏ đối với hai đấng từ-thân, Trẫm càng thêm thẹn mình ở ngôi cao mà mười phần ấy không sao được một.

« Trẫm đã vì trăm họ cùng Thừa-tướng khảo xét các kế-hoạch làm dân giầu, cùng Nguyên-soái nghiên-cứu mọi lược thao để nước mạnh. Nay Trẫm hồi loan, tuyên-cáo cho mọi người rõ ý tân dân của Trẫm. Thừa-tướng và Nguyên-soái sẽ đem các điều sở-đắc trong cuộc tuần-du với Trẫm ở Trường Xuân, họp cùng các quan sáu Bộ, mà soạn thảo mọi sách-lược quốc-gia, để trình Trẫm phê-chuẩn thi-hành.

« Để ghi việc này cho hậu-thế, Trẫm truyền Khâm-thiên-giám cải hiệu năm tới làm Vĩnh-trị nguyên-niên. Lại truyền bộ Công khởi xây đài Nhật-tân dựng cành thiên-tuế, cất gác Thiên-trường cắm hoa vạn-thọ, và toàn dân mở hội Thủy Lạc để Trẫm cùng chung vui ».

Chiếu-chỉ ban ra, Kinh-đô tức khắc trống reo, cờ mở ; hội hoa-đăng sẽ kéo liền trong bốn mươi đêm.

o°o

Tối hôm ấy, ở Tướng-phủ, Thừa-tướng chăm-chú đọc lại tờ biểu tấu ngày mai về những nhận xét của mình trong chuyến du-lịch Trường Xuân.

« Phụng mạng ghi chép các việc mắt thấy tai nghe ở Trường Xuân, hạ-thần bắt đầu bằng đến thăm Trường Xuân Tể-tướng. Thần đã cùng Tể-tướng đàm-đạo liền ba đêm ngày về đại-kế quốc-gia. Lại cùng Tể-tướng đi thăm khắp nơi trong xứ, dò xét dân-tình.

« Trong thư-viện Tướng-phủ, thần đã may-mắn được đọc nhiều tác-giả Đông Tây bàn cách trị quốc, bình thiên-hạ. Đáng kể có Công-tôn Ưởng ở Tần, tinh việc hình-pháp, một ngày đếm chém hơn bảy trăm tù-đồ trên bến sông; Quản Trọng ở Tề, rành việc thuế-khóa, năng làm nước mau phú cường ; Machiavel ở Ý, giỏi việc chính-trị, chuyên giảng bá thuật , Talleyrand ở Pháp, khéo việc ngoại-giao, trải thờ sáu triều, so với ông già Trường-Lạc bội phần tài giỏi.

« Phàm mọi quốc-kế ở Trường Xuân đều khởi hứng xuất nhập ở mấy nhà này. Tỉ như bắt dân làm việc thì dựa các phép tịch thổ, bản phú của họ Vệ ; để đầy công-khố thì khai mỏ đúc tiền, đục đất lấy muối, mở nhà buôn và nhà nữ-lưu theo kế Di-Ngô ; củng-cố vương-quyền, trị yên trăm họ, đã có Machiavel viết cuốn « Ông Hoàng » ; hòa dịu lân-bang, trung-lập thủ-lợi, đã có Talleyrand khuyến-nhọ múa lưỡi. Còn các tiểu-kế như sinh-đồ ba quan đời Lê Trịnh, tú-tài trăm ngàn ở Thiên-nam, tùy thời ứng-dụng, đều là những kế sinh lợi rất nhiều cho quốc-gia. Ngoài ra, hình-luật nghiêm-khắc viết bằng huyết lệ, lao-thất lạnh-lẽo dục trong đá núi, là những biện-pháp hữu hiệu cho một xã-hội thanh-bình trật-tự.

« Thế nên, nhận xét chung, thần thấy dân Trường Xuân nhàn-cư rất mực. Trà-đình, tửu-điếm, nhà nữ-lưu ở Kinh-đô lúc nào cũng như Nguyên-tiêu, Hàn-thực. Còn ở thôn quê, ít người cầy bừa mà rộng mênh ruộng đất, nộp thuế xong là vừa bát ăn bát để, đủ đến mùa sau. Phải chăng vì mùa xuân trường-cửu, tính dân phác-thực, nên ai cũng cho thế là tự-nhiên, bỏ ngoài tai lời họ Mặc, cho rằng vu-khoát thảo-huyền ? Hỏi xem thì Trường Xuân Tể-tướng cũng đồng ý với thần như vậy,

« Khi cáo-biệt, thần được Tể-tướng Trường Xuân hái tặng một trái cây bằng vàng có bảy ngón, lớn như trái bưởi; ở Trường Xuân người ta gọi là quả phật-thủ. Sau đây thần xin dâng trình ngự-lãm cùng với bản điều-trần của Lục Bộ về đại-kế tân dân ».

o°o

Trong khi đó, ở Soái-phủ, sau khi đã dâng vua xem một cành nguyệt-quế bằng vàng, một bản-đồ Trường Xuân đầy-đủ chi-tiết, có cả đường lối giao-thông, và một bản đề-nghị canh tân binh bị rất dài, Nguyên-soái họp các tướng lại bàn rằng :

— Muốn cho nước mạnh, không gì bằng luyện binh ; muốn cho nước rộng, không gì bằng dụng binh. Kìa như Bạch Khởi chém 45 vạn quân Triệu, máu chảy đỏ sông ; Gia-cát Võ-hầu thiêu sống trăm ngàn rợ Đằng-giáp, mở khét hang núi ; thật là những võ-công hiển-hách còn ghi nơi thanh-sử, làm rạng-rỡ giang-sơn. Chúng ta rồi phải lập nên huân-nghiệp, mới mong Mùa Xuân trường-cửu của ta được huy-hoàng, nước nhà ta được cường-thịnh, trên chẳng phụ Hoàng-ân, dưới vỗ yên lê-thứ.

« Tôi đây mông ân Thánh-thượng, tùy giá thăm xứ Trường Xuân, khảo về binh-bị, nhất-định bác-bỏ cái thuyết khờ-khạo của ngươi Khâu nước Lỗ, bảo

rằng túc binh không quan-trọng, quyết đưa võ-nghiệp đến chỗ vẻ-vang. Binh lính tuyển thêm, luyện tập cần thận, kỷ-luật cho nghiêm-minh, trận-đồ thực tinh-thục, gươm sắc, dáo dài, lo gì đánh đâu không được đấy? Cành nguyệt-quế tôi hái ở Trường Xuân chính là biểu-tượng cho những Xuân chiến-thắng sau này của dân-tộc ta.

« Rồi đây Kinh-đô xây thêm Yên-đài, các trấn dựng nhiều Lân-các, tên tuổi ta và các ông đều ghi vào trúc bạch, ngang với Khứ Bệnh, Vệ Thanh. Vậy các ông phải cùng ta gắng sức tận trung báo quốc ; các ông nghĩ thế nào ? »

Các tướng đều cho lời nói chí lý.

Dân-chúng kinh-kỳ rất nhiều người đi tìm xứ Mùa Xuân. Nhưng phần lớn quay về tay trắng, hoặc vì thối chí, hoặc vì thiếu tiền, đều phải giữa đường bỏ dở. Trong số những người đi tới, có một phú-thương, một thi-sĩ và một nàng nghệ-giả.

Nhà phú-thương, sau hơn nửa năm bôn-tẩu ở Trường Xuân, dẫn về một đoàn lạc-đà dài dặc, chở không biết bao nhiêu là hàng quí lạ. Này đây bộ ngọc kỳ ngũ hành tỏa ra năm sắc, này đây nệm lông chim hạc mỏ sắt ở hồ Stymphale ; nọ là ngà voi cong xứ Tây-bá-lợi, kia nữa da sư-tử Némée. Rồi nào trầm, nào xạ, nào lụa, nào the ; giò heo của nữ-quái Circé, gân chân hươu của Thái-âm-thần, vây ngư-nữ trên đảo Caprée.

Bè bạn, họ hàng xúm lại thăm hỏi, phú-thương vui vẻ kể chuyện xứ Mùa Xuân.

— Thương mại ở Trường Xuân phồn thịnh lắm. Thật đúng với lời thường nói : một trăm kẻ bán, một vạn người mua. Nhiều khi bác phải nối đuôi đứng đợi hàng giờ mới đến lượt mua gạo ăn hay vải mặc. Những đồ vưu-vật rất nhiều, nhưng chắc vì nhìn mãi đã quen, nên dân Trường Xuân thảy đều thờ-ơ không buồn hỏi đến. Trong nước có chừng mươi nhà buôn lớn, chi nhánh khắp nơi, buôn tận gốc, bán tận ngọn, vốn một lời mười, lời trăm. Những người buôn giỏi như Chi-di Tử-bì, giầu có địch quốc như Vương Khải, Thạch Sùng, đếm được trên đầu ngón tay.

« Công-nghệ cũng rất phát-đạt. Có năm nhà lớn, sản-xuất thượng vàng hạ cám, đủ các thứ hàng-hóa, vật-dụng. Cách tổ-chức thật là chu-đáo, theo phép của Taylor : có ban tư-tưởng hoạch-định kế-sách ; có ban quản-lý coi việc tiền lương; người làm thì đứng thành dẫy, mỗi người chuyên một việc, sản-xuất mau chóng dị-thường. Nước ta nếu Đức Kim-thượng muốn tân dân, ngành công-nghệ tưởng không gì bằng theo cách ấy ».

Rồi nhà phú-thương đưa ra khoe với họ hàng, bè bạn một số trái cây bằng vàng — chắc là táo — hái ở rừng Vạn Ý, trái nào cũng lớn đầy gang tay, tròn trịa và mát rợi.

Chàng thi-sĩ thì « tóc vồng trên đầu như túp lông con cò, con hạc, đi ở giữa đời mà cứ tưởng-vọng nghìn xưa ». Bấy lâu ca-tụng mãi tình Yêu trong vũ-trụ, vẻ Đẹp trong đất trời, cái hào-khí của tráng sĩ Ngô-môn, vóc dáng say của giai-nhân thôn Trữ, chàng thấy quen quá, thuộc quá, đến hóa tầm-thường. Bởi thế chàng hăm-hở đi tìm Mùa Xuân mới, làm nguồn thi-hứng cho những tác-phẩm sắp tới của chàng.

Chàng ở Trường Xuân một thời-gian khá dài, có lẽ đến hai hay ba năm. Qua những lá thư thưa-thớt chàng nhờ một vài khách thương may-mắn ghé qua Thung-lũng Mùa Xuân chuyển về cho bạn bè, người ta được biết chàng mới tìm ra một lối làm thơ kỳ-diệu. Trong thư chàng kể :

« Các bạn có nhớ quỷ-tài Lý Hạ làm thơ trên vách nhà xí không ? Trường-hợp tôi cũng thế, khác chăng là tôi không những làm thơ mà còn đặt ra cả một thể thơ, một bút-pháp thơ.

« Sáng hôm ấy, khí xuân mát rợi, thức dậy tuy trong mình hơi nặng, tôi cũng thơ-thẩn dạo chơi rừng Vạn Ý, chờ đợi nàng Thơ. Đang lúc mắt ngắm sóc rớn quả thông, tai lắng tiếng suối rì-rào, mũi ngát mùi thơm hoa tím, thần trí phiêu-phiêu, tôi bỗng thấy quặn đau bụng dưới, sôi sục như trong đó sắp nổ tung một bầu hỏa-diệm. Xong việc rồi, nhìn thấy tràn lan mặt đất một vùng lờ-mờ trăm sắc tôi lại nhớ đến các thứ trân cam trong buổi dạ-yến hồi hôm ở viện Hàn-Lâm. Chợt như ánh chớp loé soi đám ý-tưởng hỗn-độn trong đầu, một tứ mới vụt hiện. Rồi thi-tứ theo nhau ào-ào dồn-dập như cơm mưa rào theo ánh chớp mở đầu. Tôi thoát cảo rất nhanh, bài thơ dài hơn vạn lời. Sung-sướng quá, tôi cất tiếng ngâm vang cả rừng, làm sóc ngưng đùa, suối bặt reo, hoa tím thôi tỏa hương thơm. Hơi ngâm vừa dứt, tôi khám-phá ngay ra bí-quyết làm thơ hay. Là thơ phải đủ muôn hồng, nghìn tía, hòa-hợp nhau như màu xanh rau ghém, sắc đỏ hồng thị, ánh vàng kê-dan, bầy trong choé sứ Giang-tây trắng muốt. Thể thơ phải

phiếu-diêu tràn-lan, vứt bỏ hết mọi câu thúc của luật-lệ; nhạc thơ nhờ đó mới biến đổi đến tận cùng, lúc nhẹ như hoa bay, khi hùng như thác ngàn đổ.

« Chủ-trương và đường lối đã định, từ ấy thi-hứng dồi-dào, ý thơ uẩn-súc, đặt bút Trường-Cát phải kinh, ứng-khẩu Tử-Kiến chịu hàng, ngữ ngữ cụ nhân, chứ không còn cái cảnh quẹt bút thôi sao như Liễu-sinh ở Đồng-đình thuở nọ. Nhớ câu « Lôi động Nam-bang ; vũ qua Bắc-hải » của Trạng Quỳnh đối-đáp sứ Tàu, tôi đặt tên cho thi-pháp mới này là Lôi-vũ.

« Thi khả dĩ hội ý, bất khả ngôn truyền, tôi chép theo đây bài «Nàng Thơ tóc xõa vai gầy», thi-phẩm mới nhất của tôi, để các thi-hữu thẩm-xét lối thơ Lôi vũ cho được tường tế hơn. »

Mở xem, thấy chữ như cỏ may rối, ngang dọc đặc kín mười lăm trang hoa-tiên khổ rộng. Có câu thật dài, có câu thật ngắn, xen lẫn quấn-quít, lại có nhiều tiếng tán-thán và nhiều dấu ngắt câu điểm xuyết khắp bài, khi ngâm phải lấy hơi, vận khí. Ý tứ u-ảo, đọc kỹ năm bảy lượt mới thoáng tựa trăng hạ huyền sau lớp mây dầy. Hình ảnh thật tân kỳ, như tả sự buồn chán thì giọng văn ầu-thổ nôn-nao, kể nỗi nhớ mong thì lời thơ cuống cuồng sôi bỏng. Hơi văn bách khí tán hạ, phải chú ý, thưởng thức mới khỏi văng lọt ngoài thi-giới.

Bài thơ in ra, hôm sau Kinh-đô có thêm ngay ngót bốn vạn nhà thơ trẻ.

oOo

Cùng đi với thi-sĩ có nàng nghệ-giả. Họ vốn là đôi bạn tri âm từ lâu, thường tự ví với gái già Hà-mô gặp được Giang-châu Tư-mã. Lấy lẽ rằng ly-phụ còn biết lo việc nước, nàng nghệ-giả đi tìm xứ Trường Xuân đem về cho thanh sắc nước nhà những nét độc đáo, góp phần vào công cuộc tân dân.

Đến Kinh-đô Trường Xuân, nàng ghi tên ngay vào giáo-phường, ngày đêm học ca, luyện vũ. Giọng nàng xưa kia như khúc ngọn ngô-đồng, nay đổi hẳn sang khúc gốc, nồng-nàn hơn, tha-thiết hơn. Tiếng hát quyện vào nhau, ríu-rít như tiếng chim anh-vũ, chỗ này láy thêm vần, chỗ kia lược bớt chữ, khiến người nghe phải « chau mày » ngồi im cho hai lỗ tai được đầy lời, đầy nhạc.

Về vũ, nàng phối hợp các vũ-điệu cổ-truyền của dân-tộc với các điệu múa xứ Mùa Xuân, vốn là tổng hợp của nghệ vũ bốn phương, sáng-tác ra nhiều vũ khúc mới. Tỉ như vũ khúc Tạp Phiến thì nón trắng, quạt lông, lùi một bước, tiến ba bước, tượng-trưng cho sự nhảy vọt của nghệ thuật ; vũ khúc Kích Cổ Thôi Hoa thì trống quít đeo trước bụng, xiêm ý tỏa rộng rồi tung lên như hoa trà mãn khai.

Nàng cũng nối ý Đường Minh-hoàng chế vũ y bảy mầu cầu vồng, mà họa nhiều kiểu y thường, nào áo Bồng-đảo, nào xiêm Lưỡng-mộng, nào quần Triền cổ. Ngoài ra hương chi, lan phấn và các mĩ-cụ chốn buồng khuê, nhất nhất nàng đều để tâm nghiên-cứu.

Nàng về Kinh đô cùng với thi sĩ. Tặng vật ở rừng Vạn Ý của đôi bạn nghệ sĩ là một bó trăm hoa bằng đủ một trăm thứ ngọc, cành lá bằng vàng, ngụ ý đem về cho vườn văn nghệ nước nhà đủ hương sắc bốn phương.

II

Mười năm. Kinh-đô bây giờ hoàn-toàn đổi khác.

Ngay từ khi Thiên-tử xuống chiếu tân dân, liên tiếp nhau những kế-sách của Thừa-tướng, những võ công của Nguyên-soái, những công cuộc kinh doanh của phú-thương, những hoạt-động văn-nghệ của thi sĩ và nàng nghệ-giả, đã làm chốn đế-kinh hoan-lạc bất tận và phồn thịnh rỡ-ràng, khiến cho mọi người đều hoan-hỉ.

Nhà vua hoan-hỉ thấy nhiều cung điện nguy-nga được xây cất thêm, nhiều ngự-uyển tráng-lệ được trồng thêm, nhiều chim kỳ thú lạ được nuôi thêm ; thấy toàn dân ca-tụng thánh-quân, thấm-nhuần vũ-lộ; và nhất là thấy nhiều tượng đồng, tượng đá của ngài và của hoàng gia — trong đó có cả con chó nhỏ của công-chúa út — đủ kiểu, đủ cỡ, được dựng lên nhan-nhản khắp nơi.

Thừa-tướng hoan-hỉ thấy công-khố mỗi ngày thêm chật, công-thự mỗi ngày thêm rộng, khiến nhớ đến câu « chu môn tửu nhục » của Đỗ Công-bộ mà lòng thêm tự-đắc; thấy Quốc-tử-giám vắng tanh—nạn thất học còn đâu nữa; thấy lao-thất đầy người—bao nhiêu vô lại bắt hết; và nhất là thấy dân quê cứ thêm chăm-chỉ trong việc nông tang, mẫn-cán trong việc thuế má, mà hé môi nửa tiếng không hề.

Nguyên-soái hoan-hỉ thấy đông tan đoài tĩnh, lân-bang xứ xứ đến triều dâng cống; thấy ba quân dũng-mãnh tựa hổ lang, khí thế như ngói tan trúc chẻ; thấy oai-danh mình lừng-lẫy, thoáng nghe bọ ngựa hết dám giơ càng, ễnh-ương thôi không phồng

bụng; và nhất là thấy hình mình đeo hổ phù, ngồi da báo, chễm-chệ trên chỗ nhất ở Yên-đài

Phú-thương hoan-hỉ thấy kinh-doanh phát-đạt, sản-xuất từng chùm; thấy tiền bạc hanh-thông, buôn một lời trăm lãi vạn; thấy cửa nhà sạn-sát, ruộng nương thẳng cánh cò bay và nhất là khi nhấp chén trà Trảm-mã, gật-gù lẩm-nhẩm đọc đôi liễn sơn chữ vàng « Thư danh Đào Trí Phú — Kim thành một nại hà » treo hai bên tủ kính lớn trong bầy những trái cây vàng ở Tứ Vọng lâm và nhiều khối vàng khác đúc đủ kiểu hình kỷ-hà-học.

Thi-sĩ hoan-hỉ thấy thơ mình càng thêm uyên-áo thâm-trầm, mà cả đến dám phu dội nước, bọn lái buôn tôm cũng tụng đọc ngâm-nga; thấy thơ in của mình tràn ngập phố phường, làm giấy vọt tăng giá đắt; thấy người người ngưỡng mộ thơ mình, cả đến lọ tương cũng bọc thơ Lôi-vũ; và nhất là thấy tài mình đắc dụng, quân-vương chú ý, phong làm học-sĩ, cho cầm đầu hết mọi văn-trào, tự ý thi-thố tài-năng.

Nàng nghệ-giả hoan-hỉ hơn ai hết. Được vua tin yêu, vời vào cung lập giáo-phường và huấn-luyện đoàn Hồng-cần đệ-tử, nàng có thế-lực rất lớn, đến thi-sĩ là bạn tri-âm mà đôi lúc cũng phải gờm. Nhờ những hăng-hái ấy, không-khí nghệ-thuật cực-kỳ sôi nổi tưng-bừng. Thi-nhân đông hơn bách tính, Tao-đàn lập nhiều như nấm rạ sau mưa, đến nỗi thiếu cả tên đặt. Mỗi tuần lại có vài trăm danh-kỹ trúng tuyển vào giáo-phường. Người ta tính ra trong mười tấm triệu dân, có đến tám triệu gieo vần chọn chữ, tám triệu lựa giọng ca ngâm.

Thấy đông như vậy, Thừa-tướng — người lúc nào cũng nghĩ đến lợi tức quốc-gia — đã một phen dâng biểu xin đánh thuế và bán bằng nghệ-sĩ cho những ai muốn làm thơ, làm nhạc. Không may cho Thừa-tướng. Thiên-tử lại yêu thơ yêu nhạc hơn cả Dionysius và Néron cộng lại, nên biểu-văn bị bác và Thừa-tướng xuýt bay đầu.

Dân-chúng cũng hoan-hỉ khi thấy nàng nghệ-giả nhảy múa, lòng mừng nước vui ; thấy thi-sĩ ngâm thơ, lòng mừng nước có văn-hiến ; thấy hàng-hóa tràn ngập của phú-thương, lòng mừng nước có tài-nguyên; thấy gươm dáo sáng lòa của quân binh nguyên-soái, lòng mừng nước mạnh ; thấy vựa thóc thuế cao chót vót của Thừa-tướng, lòng mừng nước giầu ; và nhất là khi thấy Thiên-tử ngự giá tuần-du, lòng mừng nước có anh-quân. Khi ấy voi ngựa đầy đường, giáp binh chật đất, quan văn mũ đai đường bệ, quan võ giáp trụ hiên-ngang, cung-nga thể-nữ xiêm nghê lả lướt, xúm-xít quanh đấng Chí-tôn. Dân-chúng đứng kín hai bên đường, cứ trông bóng cờ nhật nguyệt long phụng mà tung hô vạn tuế.

Khắp nước thanh bình, bốn phương phẳng lặng. Thỉnh thoảng có dánh dẹp vài nhóm thổ-hào, thì Thiên-tử hội triều, Thừa-tướng dâng kế, Nguyên-soái cầm quân, phú-thương vận lương tích thảo, thi-sĩ cất bút thảo-hịch, nàng nghệ-giả ca bài Lương-châu, múa khúc Tái hạ, ba quân nức lòng. Và trăm họ càng thêm hoan hỉ, cố cho nước mình là một Thung lũng Trường Xuân thứ hai trên cõi đời.

Thế mà vẫn có người chưa thấy mình được Mùa Xuân.

Ấy là vợ một anh nông-phu, sống trong làng nhỏ phía đông Kinh-thành, cách non trăm dặm. Thấy nghiệp nông tang có phần vất-vả, việc phùng-xuyết nhạt tẻ thế nào, chị đã đôi phen ngỏ ý rời quê, lên sinh sống nơi Kẻ Chợ. Rồi chẳng biết nghe ai kể chuyện Trường Xuân, chị luôn thôi thúc chồng đi tìm rừng Vạn Ý, để có một chút vàng ngọc điểm-trang. Ước mong có thế mà chồng vẫn như không biết đến. Bèn mặt sa chữ nãi, miệng hến ngậm tăm, làm ra vang mình sốt mẩy, dóng cửa ôm gối thở dài.

Anh nông-phu sở-dĩ bỏ qua lời vợ bởi tính anh vốn giản-dị chất-phác. Đời cầy ruộng quanh năm bận rộn, hết chiêm đến mùa, qua ngô rồi đỗ, đâu còn thì giờ nghĩ tới phục sức điểm trang. Nhất là từ khi tân-pháp ban-hành, nha lệ lui tới luôn luôn, nỗi trống khua mõ, họp dân truyền lệnh quan trên, nào cày bừa cho chăm, trồng cấy cho khéo ; nào sớm ươm tơ, chiều dệt lụa ; nào chăm-chút trẻ thơ, nuôi béo gà lợn, đến nỗi nhiều khi anh phải bỏ cơm sáng, bãi cơm chiều, đi nghe hiểu dụ — anh lại càng phải ra sức cho chóng về Mùa Xuân trường-cửu.

Dáng người cục-mịch chắc chắn, tay mạnh như đôi trăn lớn, hai chân thẳng tắp vững trồng, anh được người làng yêu mến vì tính cần-cù cẩn-thận, ít nói hay làm. Anh lại có một giọng hát mê hồn, và người ta vẫn bảo anh là hậu-thân Trương Chi thuở trước, tuy diện mạo anh chẳng có nét chi đến tủi lược, hờn gương. Vợ anh nổi tiếng hoa khôi, treo cao giá ngọc, mà chịu gá duyên cầm sắt với anh, cũng vì

giọng hát đằm-ấm ấy rung động đến tận những sợi tơ lòng mảnh nhất.

Trước kia anh hát ca-dao, mỗi khi cất giọng, mọi người nín thở, tưởng nghe hồn nước thở-than, cỏ-sơ mộc-mạc; núi sông lên tiếng, vàng sắt giao chen. Những đêm xuân trăng sáng, anh hát khúc ân-tình, lời ca tan trong ánh trăng, thôn-nữ tim non thổn-thức. Rồi khi trời thu đỏ ráng, cò trắng lẻ bay, anh ca bài du-tử, không-khí trong-trẻo ngân vang, bồi-hồi mẹ già tựa cửa. Bây giờ anh ngâm những bản âu-ca của thi-sĩ, như bài Rủ nhau đi cấy, bài Ơn trên mưa móc, lời thơ dễ dãi, đậm màu thịnh-trị, nhờ giọng anh cũng được dân quê thưởng-thức khá nhiều.

Nghe vợ thôi-thúc mãi, dù hiền như cục đất cầy, anh cũng động tâm, huống hồ lần này vợ làm mặt giận. Một phần nể vợ, một phần muốn cho xong chuyện, ngày kia gặt hái thuế má tạm xong, anh khăn gói vắt vai đi tìm Thung-lũng Mùa Xuân. Tức thì vợ anh bách bệnh tiêu tan, mặt mày tươi rói, lúc nào cũng bấm tay giờ khắc và tính trước cân lượng những hoa, hột, xuyến, vòng.

Không biết anh có đi tới nơi không, mà chỉ tuần sau anh đã trở về. Nét mặt nhuốm chút ưu-tư, anh ừ-ào cho qua lời săn đón của vợ. Khăn gói mở ra, hai bộ quần áo nâu vẫn còn nguyên nếp. Lấp-ló bên dưới có một ánh vàng. Vợ anh mừng quýnh, lật vội ra xem, thấy chỉ là hai bông lúa lép. Chị giận, bỏ thẳng về nhà mẹ đẻ, mặc anh thui-thủi với con chó vện già.

Từ ấy, anh lầm-lì cầy cấy, có phần chăm-chỉ hơn xưa. Và anh thôi không hát nữa. Khiến cho mấy cô thôn-nữ mới lớn bâng-khuâng nhớ tiếc, mỗi khi chiều lên, trâu về ngõ xóm.

Năm ấy, trong nước mất mùa.

oOo

Ba năm sau Kinh-đô lại một phen xao-động.

Nhưng lần này không phải do một khách thương nào từ phương xa về tha-hồ kể lạ, mà là do một cuộc nổi loạn bất-ngờ. Nguyên-nhân chính thật không ai biết rõ. Người ta đang vui vì mùa mới được to, bù lại hai năm đại-hạn, lúa mạ bỏ héo, đất phải thay trồng cây ma lấy sợi, theo kế-hoạch «xả nông, cơ hóa» của Thừa-tướng. Nhờ thế xuân-sắc giữ được phần nào, người dân cố sống, khô miệng âu ca trong khi chờ giờ ăn tập-thể. Dân-số kinh-kỳ chợt tăng gấp bốn, gấp năm. Cây ma cũng không chịu nổi nắng, người



ta phải bỏ làng mà đi. Mùa cấy năm nay, trời bỗng mưa to, trong ba ngày liên-tiếp. Đến hạt khô vài từ năm trước cũng phải nứt vỏ ra mầm. Và bây giờ người ta đang sửa-soạn về đồng, vì lúa vàng đã rũ nặng khắp nơi.

Người ta cũng chẳng biết tên tuổi, mặt mũi kẻ thủ-xướng ra sao. Chỉ thấy đồn-đại rằng đấy là một thư-sinh đã từng du-lịch xứ Mùa Xuân, hình khô, vóc nhỏ, cả người nổi nhất có cái trán rộng và gờ, làm thêm sâu đôi mắt sơn-miêu vốn được che dưới hai hàng mày rậm.

Trước ngày đại-biến, Kinh-đô mở hội đã ba hôm, mừng nhà vua sinh Công-chúa thứ bốn-mươi-mốt. Đầy tháng vào đúng ngày đầu mùa gặt mới, vua cho là tường-triệu, ra lệnh mở hội thật to. Tạm quên lo nghĩ, người Kẻ Chợ đổ hết ra đường, phô-trương quần áo, chen nhau đi như nước chảy.

Biến-loạn khởi đầu bằng cuộc xô-xát trước cửa hàng của phú-thương. Trên bục gỗ cao để diễn

tuồng ngày hội, một thanh-niên tóc rối, râu xồm, nước da xanh mét, dậm chân, vung tay, nói những lời ngô-nghê khó hiểu. Lắng nghe thì thấy như : tôi là chủ, các ông là chủ, chúng ta là chủ... Lại thấy như: nó đánh ta, ta phải diệt nó... Dân-chúng nghe mà bỡ-ngỡ ngẩn-ngơ, nhưng vì hiếu-kỳ, tụ lại mỗi lúc một đông. Chàng trai râu xồm lại phát cho mỗi người một tờ giấy nhỏ, mặt trước vẽ người quì giơ đầu chịu chém, mặt sau đại-khái cũng vẫn những lời nói khi rồi. Dân-chúng xem hình, đọc chữ, lại càng thêm ngẩn-ngơ bỡ-ngỡ.

Bỗng vệ-binh ở đâu chạy tới, tuốt kiếm bắt im. Chàng trai không chịu; thế là biến-loạn nổ bùng, lan nhanh như vết dầu loang trên giấy bản. Lần-lượt, kho lương rồi kho vũ-khí, phủ Nguyên-soái, phủ Thừa-tướng, rồi đến Hoàng-cung, loạn quân xông vào chiếm giữ. Bị tấn-công bất chợt, binh lính trở tay không kịp, đều phải bỏ giáp qui hàng. Nguyên-soái lúc ấy đang dự cuộc chọi gà, Thừa-tướng đang hầu cờ Thiên-tử, nhà phú-thương đang đánh tổ-tôm, và cố-nhiên thi-sĩ đang ngâm thơ, nàng nghệ-giả đang múa hát.

Dân-chúng thừa cơ đốt phá, tràn vào cung điện, dinh thự như nước vỡ bờ. Trong đám gươm đao hỗn-loạn, Vua, Hoàng-hậu và Nguyên-soái bị băm nát như tương. Người ta sục-sạo tìm giết Thừa-tướng, reo hò đòi treo cổ phú-thương. Có kẻ nói Thừa-tướng đã trốn thoát ra nước ngoài; còn phú-thương thì biệt vô âm-tín. Bốn chục nàng Công-chúa tán lạc khắp nơi, Công-chúa áp út trong khi chạy, tay vẫn khư-khư ôm con chó nhỏ. Trong cung chén đũa ngổn-ngang, rượu thịt cháy khét; đầu sáp đổ thành vũng, gương vỡ lấp-lánh như sao sa, gấm vóc chất đống như cỏ ngựa.

Người ta kéo đổ hết các tượng vua chúa, đốt cháy Yên-đài, phá tan nhà hàng của phú-thương, và bắt giam thi-sĩ. Nàng nghệ-giả bơ-vơ thân gái, lại trở về xóm Ngũ-lăng. Cung thất khói lửa nghi-ngút ba tháng chưa tắt, thiêu-hủy không biết bao nhiêu vàng ngọc, bao nhiêu lụa là. Bới đống tro tàn, người ta tìm thấy dủ hết các bùa linh rừng Vạn Ý, cành thiên-tuế, hoa vạn-thọ, quả phật-thủ, lá nguyệt-quế, hoa trăm sắc, quả ngàn cân, đều đã thành than khê dụng là hóa ra tro bụi.

oOo



Mùa gặt đã xong.

Ở Kinh-đô cũng như trong các thôn xóm, sôi nổi lắng dịu, đời sống dần trở lại bình thường. Người Kẻ Chợ, quá quen với mọi trò vẫn cầu, lại tiếp-tục ồn-ào, tới lui đông nghẹt các nơi giải-trí. Người thôn quê thêm một lần phải lắng nghe những bài biện-thuyết tràng giang đại-hải, khó hiểu ngô-nghê chẳng kém những lời của chàng râu xồm ngày nọ; thêm một lần lại lặng lẽ tiếp nhận, thi hành các điều-lệ mới, lúc nào cũng sẵn-sàng như đất mẫu giữ hạt hàng năm mà không hề mỏi. Sớm sớm, dậy cùng gà, gáy, người dân quê vác cầy dẫn trâu ra ruộng, để chỉ trở về khi đỏ úa trời tây. Chiều chiều, các cụ già họp nhau ở đầu làng, bàn luận một vài tin mới, nghiệm lại một câu sấm cũ kỹ truyền lại không biết tự đời nào.

Và anh nông-phu lại hát. Anh lại hát ca-dao. Nhưng giọng anh bây giờ nhuốm một vẻ buồn, nhẹ nhàng chua xót ; tắt rồi cái giọng đằm-ấm hồn-nhiên. Trán anh chớm nhăn tuy khóe miệng vẫn dượm nụ cười tươi tuổi trẻ. Vợ anh, thôi mê tiếng hát, đã bỏ anh lên Kinh-đô tìm Mùa Xuân từ trước khi biến loạn. Anh chẳng biết nàng còn sống sót hay chăng và cũng không buồn tìm kiếm.

Nhân lúc anh ngừng hát, một người làng hỏi anh :

— Vậy chứ hồi ấy anh có tìm thấy Mùa Xuân không ?

Thì anh trả lời : « Có chứ ! »

Rồi yên lặng, mắt nhìn đồng mạ, xanh rì gần khắp, chỉ còn đôi giải nước phù sa loáng ánh mặt trời.

SĨ-TUẤN



XUÂN thức giấc

hằng hà sa

mùa xuân bước trên thềm
tình yêu ngủ trên vai em
ngổn-ngang huy-hoàng mầu nắng
ngửa-nghiêng khúc nhạc say mềm
sao em không thức giấc cho mùa xuân đậm nắng
em ngủ vùi một sáng sớm tung bay
hoa e-ấp rồi một sớm trao tay
sao em ngủ cho mùa đông tay trắng ?

mùa xuân đến trên thềm
mầu xanh vào mắt em
tình anh chẩy dài trên nếp áo
chiều xưa nguyện đón cánh tay mềm
sao em không trao diễm kiều cho mùa xuân
để buổi chiều cuối đông mơ mãi chuyện thiên thần
ôm cánh én lui về miền băng giá
còn rơi mưa còn rụng lá đầy sân
anh chờ đây, gọi én cho mùa xuân
kéo mây đi cho lưng trời đậm nắng
thổi gió về hồn sông nước hiến dâng
anh ngồi đây chờ mùa xuân thức giấc

CHIỀU NAY

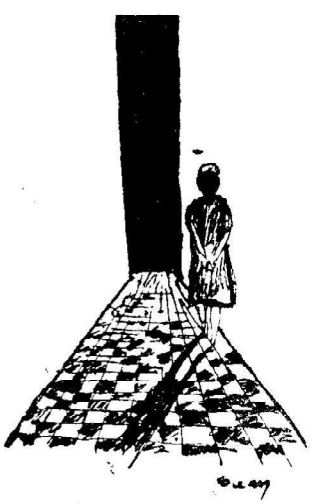

VŨ NGỌC

TÔI bước vào căn phòng mênh mông của cơ-thể học-viện. Mùi formol hăng hăng kích-thích khứu giác. Hàng tử-thi yên lặng trên các dãy bàn. Những mái tóc đen huyền hay bạc trắng như sương tuyết phất-phơ. Những cánh tay giang ra trên tấm ván, khẳng khiu đen đúa. Thân thể nâu thẫm khô đét, im lặng. Tôi nhìn họ, những tử thi bất động kia. Trí não tôi bình thản đến tê dại. Ở đây tôi không có một xúc động dù nhỏ nhặt bến đâu. Không có cả một sự ngạc nhiên lẫn sung sướng như lần đầu tiên tôi cùng bạn bước vào bệnh viện trong bộ áo trắng trinh bạch, như khi tôi nghe tim bệnh nhân đầu tiên : những tiếng vận chuyển của máu, của động mạch vẫn còn vang mãi bên tôi như một điệp khúc bất diệt ; tôi nhìn họ, những người mà có thể cách đây không lâu tôi gặp ngoài phố. Bây giờ khoảnh khắc đó đã qua đi. Nó đã không bao giờ trở lại. Không như những người khác yên lặng và rồi rữa nát trong nấm mồ, những người câm nín kia đã hy sinh cho khoa học và giờ đây tôi đang ở bên cạnh họ. Tuy nhiên, nào họ có biết ! Họ yên lặng bình thản quá. Có một cái gì đã qua đó, qua đó mãi mãi. Có một cái gì đã cướp mất ở họ một ý nghĩ, một cử chỉ. Có một cái gì đã chia cách tôi và họ. Phải rồi, đó là sự sống. Sự sống đã rời xa, vĩnh viễn, trong một khoảnh khắc sự sống đã từ bỏ cơ thể họ. Khoảnh khắc đó thật nhanh, thật hãi hùng Nó như một thứ lửa có trí tuệ đã được nhóm lên, bừng sáng bao năm tháng để rồi giờ đây tàn lụn, bỏ lại bên tôi những « đống tro tàn ». Tôi

tự hỏi sự sống đó có còn lảng vảng đâu đây chăng, có biết rằng trước đây những cơ thể kia đã vui tươi bên gia đình, bên thân nhân, đã đóng trọn vai tuồng trên một sân khấu bao la nhất : cuộc đời. Trước đây, họ có biết rằng hôm nay họ ở đây, trong căn phòng đầy mùi thuốc bên cạnh những người họ không quen thuộc. Những người hoàn toàn xa lạ, xa lạ trong không gian, trong thời gian, trong tình cảm, hôm nay đã tụ họp bên nhau. Ngoài cuộc đời họ chưa từng thấy mặt nhau, chưa từng nghe tiếng nói của nhau, chưa thông cảm nhau, giờ phút này, được xếp đặt ngay ngắn trong căn phòng và cho đến bây giờ họ cũng không thấy mặt nhau, không trao cho nhau một lời và cũng chẳng bao giờ họ lại có thể gửi đến cho nhau những suy tư, những phiền muộn của nhau. Biết đâu trong quá khứ hai con người kia đã ghen ghét nhau, đã cầu cho nhau, đã cầu cho những điều không may nhất ; biết đâu hai kẻ nọ đã yêu thương nhau đằm thắm, đã nguyện xin Thượng-đế cho người mình yêu những phút lành. Và còn nhiều khúc rẽ tâm tình đã ràng buộc họ. Thế mà... giờ đây họ lại nằm cùng nhau, im lặng, im lặng hoàn toàn.

Nơi đây một cụ già, chỗ kia một thanh niên tất cả đều giống nhau, hoàn toàn giống nhau, họ chỉ là phần phụ thuộc của linh hồn. Linh hồn trong trắng hay tội lỗi, linh hồn cô đơn hay đằm thắm, lúc này đã từ bỏ cơ thể, vĩnh viễn biến đi. Những người mà hôm nay nằm đây, trong quá khứ đã phải có thân nhân, những người đã sung sướng chào đón phút ra đời của họ. Nhưng những kẻ đó nay đâu ? Họ có biết đứa trẻ sơ sinh ngày nào, giờ phút này đang bất động trên bàn kia chăng ?

Có một cái gì tương đối, có một cái gì tạm bợ đang vương vấn nơi tôi. Thân xác khô đét, cằn cỗi kia có phải là hình ảnh của tôi, một ngày nào đó chăng ? Có phải đó là tương lai của tất cả mọi người dù sang hay hèn, dù giàu hoặc nghèo chăng ? Họ có thể đem theo họ danh vọng, vinh quang hay cả một tâm tình thầm kín không ?

Họ có thể khác biệt nhau, hơn kém nhau trong cuộc đời, nhưng hôm nay đây họ hoàn toàn giống nhau, trơ trọi, cô đơn, câm nín. Họ im lặng, thản nhiên nhìn cuộc đời qua mau với những ngày tiếp nối những ngày...

Tôi quay gót, nghiêng mình bên song cửa : ngoài kia chiều đang xuống, chậm và buồn.

SỰ SỐNG

TRƯƠNG-THÌN

ÔNG VÀO đây được một tháng. Bây giờ ngoài trời đã chiều. Ánh sáng già qua cửa sổ chiếu vào góc phòng. Bức tường sáng rực lên một lúc. Ông nằm chìm trong giường ; chiếc mền xạm kéo lên tận cổ. Nhìn những đường cong bên ngoài người ta đoán ông nằm co ro. Ông đang ngủ. Ông thở một cách khó khăn. Chiếc vai lắc lư bằng những cử động cố gắng lạ kỳ... Bây giờ ông đã tỉnh. Ông thun người rồi ho húc-hắc. Những hạt bụi vẫn trôi nổi trong chùm ánh sáng. Chúng xáo trộn đột ngột rồi lại tiếp tục đều đặn. Chiều tắt theo tiếng đu đưa ken két của đôi cánh cửa... Người ta còn thấy rõ hàng cây cao bên ngoài. Những con quạ bay vội-vã trên khóm lá. Chiều nào chúng cũng trở lại đây. Chúng kêu rộn lên. Có khi chỉ một con ; có khi cả hai ba con kêu một lần ; có khi chúng vừa bay vòng tròn vừa kêu. Người ta có cảm tưởng chúng to lắm. Chúng đang đậu trong đám lá cành trên cao. Những thân cây tối đen lại. Một đám mây đỏ rực, cháy khét theo tiếng ho húc hắc của ông; tiếng kêu en ét của dãy giường lò xo ; và sự câm nín tối tăm của những cái giá đựng đồ. Chai nước, vài viên thuốc, ồ mì khô khan. Tiếng gót giày của hắn. Hắn bước ra khỏi phòng buông thõng bước đi theo hành lang. Hai tay hắn thọc sâu vào hai túi áo « blouse » rồi vặn ngược lại. Chiếc áo trở nên méo mó và bị kéo xệch hẳn lên. Hắn giật nảy một câu : « Thì đằng nào ông cũng chết ! » Da mặt hắn chùn lại. Râu hắn lố nhố đến khó chịu và qua đó người ta thấy dãy đèn vàng hắt-hiu đằng xa. Hắn vẫn tiếp tục cho ông những thứ thuốc quý đối với bịnh viện nầy. Không thể nào cứu chữa ông được ! Nhưng hắn không chịu bó tay trước khi ông tắt thở. Và lần nào từ trong phòng ông đi ra hắn cũng kêu lên bằng dáng điệu đột ngột : «Thì đằng nào ông cũng chết ! » Người ta thấy trong tiếng nói và cử chỉ của hắn có một sự mâu thuẫn kỳ quái. Ông lại ho húc hắc. Ông tiếp-tục gieo trùng lao khắp phòng Những hạt bụi đã mất theo ánh sáng. Người ta có cảm tưởng chúng đang va chạm vào nhau ; chúng trượt xoáy khắp nơi... Bây giờ trong phòng đèn lên. Hai dãy giường chạy dài. Những chiếc cột mùng lỏng khỏng. Những bệnh nhân cử động bằng dáng điệu khác nhau : họ uống nước — ăn cháo

— ăn mì — nằm ngửa nhìn lên khoảng không, đặt hai chân lên đống mền đen... Ông lại ho húc hắc. Người đàn bà ngồi bên đưa quạt lên đuổi mấy con muỗi bằng những cử động loạn xạ. Người ta nghe hắn nói : «Thì đằng nào ông cũng chết ! »

Ông đã yếu lắm. Xương *xóc* nổi bật lên từng chiếc. Người ông đầy *vảy sủi*, chân tay ông *bám rít* lớp đất đen. Một mùi hôi khô khan bốc lên. Hắn nghe những tiếng róc rách trong lồng ngực ; những tiếng rung-rinh nặng nề vô trật tự của đôi bờ lưng. Kết quả chiếu điện cho biết ông đau bịnh phổi nặng lắm. Một lá bị ép lại chỉ còn dấu vết nhỏ ; lá phổi kia rạn vỡ như hơi thở phều phào, sự quờ quạo của những ngón tay gầy khô. Ông lại ho húc hắc. Người đàn bà vẫn ngồi đấy. Bả phe phẩy chiếc quạt trải ra một nửa. Đêm chạy sâu vào những cử động đều đặn. Ông đã sống qua bốn mươi lăm năm trời. Suốt đời, ông chẳng có gì đáng kiêu hãnh ngoài một lý do là ông đã sống được một đoạn đời dài như vậy. Ông làm ăn bằng những công việc xấu xa : đánh bạc lận, làm ma cô, thỉnh thoảng chạy một áp-phe cỡ nhỏ với nhiều mưu mô bất lương. Khi có tiền ông lại đánh bạc, ăn nhậu, đàn bà. Có những khi trở về xóm trọ ông đánh chưởi vợ con. Có những khi ông say sưa ngồi ngâm nga. Kha kha ! làm sao tao lại sống được đến bốn mươi lăm năm trời ! Ông vào đây vào những ngày yếu lắm. Ông không đòi hỏi ai một lời. Nhưng trong hơi thở phều phào, hắn đọc được một sự tranh đấu kỳ quái. Ông đang sống ! Bỗng hắn nghiêm nét mặt, sờ lên trán ông bằng một cử chỉ tôn trọng và thương yêu. Ông mở mắt lờ đờ nhìn hắn. Hắn quơ tay làm dấu cho ông đừng nói gì cả. Ông lại ho húc hắc, đoạn nằm ngửa người há miệng ra thở. Vành mũi ông cử động theo nhịp rung rinh của cái mền ? Hắn vội quay mặt thật nhanh. *Người ta nghe tiếng kêu của hắn* từ ngoài xa : « thì đằng nào ông cũng chết ! » Bỗng nhiên bịnh viện chuyển mình ảm đạm. Ở đây thật nghèo nàn, thiếu thốn. Ông sẽ phải chết ! Hắn có thể cứu sống ông được. Cho dù một thời gian rất ngắn. Hắn chửi thề. Trước mắt hắn một cuộc diễn hành : những nhà chính trị quên dân, những thảm cảnh nội chiến, những bọn trí thức rởm... Hắn đột ngột vùng vằng tự dày xéo. Hắn xoay vù ống nghe để quấn thật mạnh vào cổ. Đồ chó ! Người ta thấy hắn khóc... Còn nhiều bịnh nhân lành được đang cần thuốc. Hắn đã tiêu phí thật nhiều dược phẩm quý báu cho ông. Hắn dành dựt với sự chết. Người đàn bà vẫn ngồi trên chiếc ghế dựa. Đầu bả ngả về một bên. Bả ngủ. Nhưng đôi ba phút bả lại đưa tay phe phẩy chiếc quạt vào khoảng không. Hắn buông thõng bước đi theo hành lang. Ánh đèn dội vào đôi mắt kính khắc khổ. Người ta nghe từ trong những dãy phòng bệnh viện, khóm lá ngoài kia, bước chân của hắn, những tiếng kêu dội đi dội lại « Cuộc đời ! cuộc đời ! »

12-63

TRƯƠNG-THÌN

buồn một phương

trang-châu

Thế-giới của anh không có chân trời
Không có mùa xuân lấy đâu hoa bướm
Không bàn tay cho bàn tay hò hẹn
Áo tím qua cầu nên cũng hết mùa thu
Thế-giới của anh không có nụ cười
Không có người yêu lấy đâu tình-tự
Ghế đá không người cho công viên ủ-rũ
Thiếu mắt em buồn anh cũng bỏ làm thơ ..

Anh chỉ còn đêm trắng với đèn khuya
Một ít tâm-tư với nhiều thương nhớ
Với đại-lộ dài trong hồn bỏ ngỏ
Anh một mình nghe ngày tháng trôi mau
Đã từng đêm anh lặng-lẽ cúi đầu
Xin Thượng-Đế ban cho lòng thắm lại.
Cho anh được yêu bằng con tim mới
Cho màu xanh về với đáy mắt trong
Để thế-giới anh dậy má ai hồng,
Ai nũng-nịu cho hai vòng tay khép
Với bướm bâng-khuâng có hồn hoa đẹp
Với mắt em buồn anh lại sẽ làm thơ...

Nhưng người đi không đến nữa bao giờ
Không có mùa xuân lấy đâu khai hội
Một trăm lá thư không bằng lá thư không gởi
Một trăm nụ cười không phải nụ cười xưa
Anh chỉ còn chiều gió với đêm mưa
Một ít dư hương với ngày tháng mất
Thế-giới của anh sầu hơn địa ngục!

bóng đêm

ngô thế vinh



LẼ RA mình không nên tới thăm hắn, sự có mặt của mình không có ý nghĩa một thăm hỏi an-ủi, mà chỉ là một cơ-hội cho hắn ý-thức được sự tàn-phế bỏ đi của thân-thể hắn !

Trúc hình-dung lại một ánh mắt lạ pha chút hờn-oán của Đỗ lúc nhìn mình.

Sau khi khỏi bệnh, Đỗ tình-nguyện nhập ngũ. Trước hôm đi, Đỗ có tới nói với Trúc :

— Đừng có tưởng rằng tôi đã từ bỏ nề nếp suy nghĩ trước kia để ngoan-ngoãn trở về thứ luân-lý của các bà sơ. Tôi không nghĩ thế. Sự đứng dậy và ra đi chỉ có ý-nghĩa một tính toán khôn-ngoan. Thời-gian nằm bò ở nhà thương cho tôi thấy rằng mình phải trở dậy không thể nằm để chứng-kiến sự mọt ruỗng của thân-thể chính mình và chết dí ở đây được nữa.

Trúc nghĩ tới thời-gian nửa năm cho tới ngày Đỗ bình-phục hẳn, Đỗ đã ngoan-ngoãn kiêng giữ trong suốt thời-gian trị bệnh ngoài cả sự mong ước của người khác. Khỏi rồi, khóa động-viên cũng vừa đúng lứa tuổi của Đỗ ; bình thường Đỗ có thể trốn-tránh dễ-dãi không đi nhưng chính Đỗ đã trình-diện thật sớm. Khi nhẩy vào quân đội thì Đỗ tập hăng say và tự đặt cho mình một ước mơ làm tướng. Tốt-nghiệp trường sĩ-quan, đậu cao, lẽ ra hắn được quyền lựa chọn; hắn xin nhập ngay vào bộ binh và đi theo một cuộc hành-quân đầu tiên. Chưa kịp gặp một đụng độ, chiếc xe Jeep chở hắn về bộ chỉ huy đã đụng mìn và chuyến đó Đỗ bị cưa bàn tay phải. Trúc hiểu rằng với Đỗ, chuyện mơ làm tướng cũng chả có một ý nghĩa cao xa gì, nó không khác với dự-định vượt qua biên-giới hồi trước. Chẳng qua không biết làm gì hắn tự đặt cho mình một cái đích — dù thế nào — để có một phương-hướng đi tới. Trúc hiểu rằng Đỗ đã thản nhiên đến độ tàn-nhẫn với đời sống thân-thể chính mình bởi vì hắn tự biết còn quá thiết-tha với đời sống; sự thiết tha mà hắn gán cho một ý nghĩa ràng buộc và thiếu tự do : hắn đã phản-ứng lại bằng sự chối bỏ. Đỗ lên án cái thứ luân-lý bà sơ không phải chàng thù ghét nó, nhưng với Đỗ thứ luân lý đó đã bị biến thể với người đời để cuối cùng chỉ còn lại ý nghĩa một kiểu cách và trang sức.

Khi Trúc ra về Đỗ muốn làm một cử-chỉ để giữ lại song chàng vẫn làm bộ lãnh-đạm cho đến lúc bạn đi ra. Trúc về rồi Đỗ mới cảm thấy sự trống-rỗng là thế nào: sự có mặt của Đỗ vừa rồi như một tấm gương cho chàng

thấy được sự gẫy nát của thân-thể và sự ngã đổ của đời sống mình. Hình ảnh Trúc như một tiếng gọi réo-rắt của đời sống xao-động ngoài kia mà chàng muốn thiết-tha góp mặt. Bấy lâu Đỗ tự đặt cho mình một khoảng trống thu hẹp : đó là một thứ vỏ cứng cô-đơn, ở đó chàng có thể tự bằng lòng với cái thản - nhiên yên-tĩnh. Trúc tới gợi cho Đỗ một thứ ham muốn thúc-giục phá vỡ cái vỏ cứng cô đơn đó để thoát ra ; thoát ra để đối-diện với mọi xao động lôi cuốn của đời sống, lúc đó chỉ còn là ý-thức thất-vọng ê-chề với đầy mặc-cảm tàn-phế và bất-lực. Với ý nghĩ đó, tự-nhiên Đỗ thấy tâm-hồn mình yếu đi.

« Mình lại trở về cái thứ luân-lý bà sơ », ý-thức đó làm cho Đỗ càng thêm ngao-ngán. Lúc này Đỗ có một cảm-tưởng khao-khát về sự chờ đợi, thứ chờ đợi khắc-khoải bâng-quơ. Chờ đợi cái gì đây, chính Đỗ cũng không biết nữa. Chàng đang nghĩ tới một hoàn-cảnh gia-đình xuống dốc và ly tán, đến một ông chú nghiện hút sống trong vô vọng không chút tương-lai. Chàng lại phân-vân với ý-định tìm trở lại một liên-hệ gia-đình đã mong manh trong lãng quên... Buổi sáng Đỗ nhờ Tâm vào viết hộ chàng một lá thư. Viết về để làm gì lúc này chính Đỗ cũng không tự biết nữa.

Cánh cửa hé mở, Đỗ nhổm mình dậy vẻ mặt đầy trông mong khiến Tâm thương-hại : Tâm thấy Đỗ lúc nào cũng loay-hoay với những tư-tưởng ray rứt. Nàng thấy lòng dịu xuống trong thương-hại kiên - nhẫn và chịu đựng. Kết cuộc là một lá thư gạch xóa nát bấy vẫn chưa xong.

Mấy hôm nay Đỗ ốm và sốt liên-miên. Sự đau thương của quá-khứ, nỗi nhu-nhược tàn-phế của thân-thể hiện-tại có công-dụng kéo gần đời sống hai người. Bệnh tình Đỗ mấy hôm nay làm Tâm thêm lo âu. Hôm viết xong lá thư đầu tiên, Đỗ bảo Tâm xé đi và không gửi nữa. Đỗ nói giọng than phiền :

— Tìm lại làm gì một liên - hệ mà bấy lâu tôi chỉ muốn quên đi.

Tâm nhìn Đỗ bằng con mắt ngạc nhiên :

— Sao anh cứ tự đặt cho mình những ý nghĩ khó-khăn...

Đỗ lên giọng gay gắt :

— Không, bây giờ tôi muốn người ta hãy để cho tôi yên.

Tâm dịu giọng phân-trần :

— Thì trước sau, có được tin anh, chú Tính vẫn để cho anh yên chứ có sao đâu ?

Đỗ giọng vẫn bực-bội :

— Thì chú ấy làm gì được tôi, nhưng bắt gặp lại chú ấy là tôi bắt gặp lại cả một quá-khứ đã chìm sâu mà tôi muốn quên đi.

Rồi hôm đó, Đỗ kể cho Tâm nghe dĩ-vãng của đời chàng.

— Tôi sinh-trưởng trong một gia - đình giàu-có ở một tỉnh có tiếng phì-nhiêu vùng trung-châu Bắc Việt. Cả căn-cơ đồ-sộ bấy giờ đều do bà tôi gây dựng nên. Bà tôi xuất thân là một cô gái tay trắng mồ-côi. Cả đời bà tôi cặm-cụi hy-sinh thu va thu vén ngay cả khi cảnh nhà thịnh-vượng nhất. Ông nội tôi chết sớm, một mình bà tôi cai quản cả một dinh cơ. Bà tôi có được bốn người con, hai trai hai gái. Hai người con gái lấy chồng khá-giả lại được bà tôi chu-cấp nên dắt nhau đi làm ăn xa. Còn lại là thầy tôi và chú Tính, cả hai đều khác hẳn tính bà tôi, nghĩa là thi nhau tàn phá dinh cơ. Bà tôi thương con không muốn can ngăn nên chỉ khéo thu-xếp để cho thầy tôi và chú Tính cưới vợ sớm. Quả-nhiên về sau thầy tôi trở nên chí-thú với với vợ con, còn chú Tính chứng nào vẫn tật ấy : cờ bạc, nghiện hút, ăn chơi. Cho đến lúc tình thế rục-rịch, chú tôi xui bà đem bán một số lớn tài-sản mua đồi lấy vàng và vào Nam. Thầy tôi thì khuyên can và tính chuyện ở lại làm ăn... Không ngờ quyết định đó là nguyên-nhân ly tán của cả gia-đình tôi về sau.

Lúc Hà - Nội bắt đầu bị tiếp thu thì thầy tôi bị bắt. Tội duy-nhất của gia-đình tôi chỉ là giàu có. Tôi không làm sao quên được nỗi đau-đớn khi đứng nhìn thầy tôi bị xích tay và lôi xệch đi. Hôm sau qua một hàng rào dây kẽm gai thưa và cũ rỉ, tôi đứng bên ngoài chờ gặp thầy tôi; qua một đêm hành hạ thầy tôi thiều-não và gầy sọm hẳn đi. Vẫn với tay bị xích thầy nắm tay tôi qua lỗ hổng dây kẽm gai và nói :

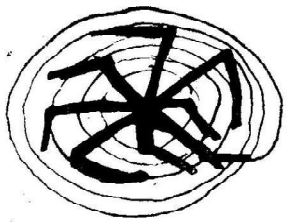

— Con nên dẫn mẹ và các em vào với chú Tinh vào trong đó. Đừng chần-chừ nữa, thầy biết không mong gì thoát thân, con nghe thầy đi kẻo hối không kịp.

Chỉ nói được có thế, người ta tới kéo xệch thầy tôi đi. Tôi đứng lặng người nhìn người ta dẫn cha tôi tới cõi chết... Tôi cắn đảm lắm mới rứt bỏ được và dẫn thằng em trai trốn đi. Mẹ tôi khổ quá, cứ nhất định chần-chừ đòi ở lại chăm-sóc thầy tôi. Tôi đành cắn răng đưa em tôi ra đi. Xong tôi lại quay trở về quyết vẫn mẹ tôi đi. Lúc mẹ tôi ưng thuận thì muộn quá rồi. Người ta bắt giữ mẹ tôi ngay dọc đường, tôi khóc như một đứa trẻ con, mẹ tôi cũng khóc rên la và van xin. Song, người ta vẫn tàn-nhẫn lôi kéo mẹ tôi đi. Tôi biết rằng nếu còn lưỡng-lự sẽ đến lúc người ta bắt đến cả tôi. Tôi quyết ra đi, về đến Hà-Nội, họ kiếm cớ bỏ tù tôi với một nguyên-nhân không đâu. Sau một tháng sống tù hãm với tối-tăm người ta đuổi tôi ra lang-thang như một con vật ốm đói. Song tôi cũng cố trốn đi. Ra đến Hải-Phòng, thật mỉa-mai và chua-xót, lúc trông thấy thằng Tây đen ở đàng xa, tôi có cảm tưởng hắn như một cứu-tinh và cho đến lúc đó tôi mới biết là đã thoát.

Vào đến trong Nam, tôi không ngờ gia-đình bà tôi và chú Tinh lại xuống đến thế. Bao nhiêu vàng của-cải do bà tôi mang vào đều đổ vào khói thuốc cho chú tôi. Cả nhà sống trong chật-vật và không vui. Ít lâu sau được tin thầy bị họ đem ra bắn chết, chôn cùng với mấy chục người khác. Mẹ tôi thì lạc-lõng thương tiếc và buồn phiền cũng chết mòn-mỏi. Sau đó tôi không còn nhận được tin tức gì nữa...

Tôi xin được đi làm, thằng em tôi đi học. Ông chú tôi thì vác về một người vợ mới lăng-loàn, mở một cửa hiệu buôn cát gạch xây cất, sống trong vất-vưởng không có ngày mai. Bà tôi thì đã quá già cả ngày chỉ quanh quẩn trên chiếc sàn gác gỗ chật hẹp, im-lặng và thở dài.

Ít lâu sau thằng em tôi lại bị lao. Trong một hoàn-cảnh tối-tăm như thế nó tự coi là cuộc đời tàn-phế, thuốc-thang tạm-bợ sống trên gác với bà tôi. Nó sống với thất-vọng và nỗi khổ-tâm dằn-vặt của bà thím đê tiện lăng-loàn. Đời sống cả nhà tôi lúc đó chỉ rau muống với dưa, rồi cá kho mặn quanh năm. Thế mà mỗi lần cầm bát cơm lên, nó đều phải chịu đựng thường xuyên những câu nói xỏ-xiên bóng gió. Bà tôi hiểu hết và rất buồn song biết mình quá già và bất-lực chỉ yên-lặng và ngậm-ngùi thương-tiếc một quá-khứ đã xa.

Rồi thằng em tôi chết, cái chết của nó làm tôi và nhất là bà tôi xúc-động đau-đớn. Cả ngày nó nằm yên đọc sách cũng không được yên thân. Nó viết thư lại cho bà tôi và cho tôi không một lời oán trách, giọng nó bình-thản đến chua-chát. Nó bảo đời sống nó đến đây coi như vô-dụng với xã-hội, nó sống nữa chỉ là một gánh nặng cho một gia-đình thiếu-thốn. Nó nói nó biết chết cũng chả giải quyết được gì nhưng nếu cứ sống trong tuyệt-vọng thế này thì cuộc đời càng bế-tắc và bi-thảm hơn ; thế rồi nó sai đứa cháu gái, buổi tối hôm đó tôi đi vắng, sang hiệu thuốc mua hai lọ digitaline về, nó uống hết mà không ai biết. Bà tôi kể lại là đêm đó nó ngáy to quá, bà tôi cất tiếng gọi thì nó vẫn im. Như có linh tính báo trước, bà tôi thắp ngọn đèn dầu lại soi vào giường nó, nó vẫn nhắm mắt nằm im quay mặt vào tường. Bà tôi lẩm-bẩm một mình :

— Gớm thằng bé ngủ say ngáy to quá.

Rồi bà tôi lại yên tâm lên giường ngủ. Sáng hôm sau rõ thật muộn nó vẫn chưa dậy; thường ngày có thói quen nó hay dậy sớm. Bà tôi sinh nghi, chạy tới lật ra... thì nó đã chết lạnh ngắt tự bao giờ.

Sau cái chết của đứa cháu nội bà tôi đau-đớn quá đến nỗi phải lên tiếng đay-nghiến bà vợ chú tôi :

— Thật mày giết nó !

Bà tôi và chính cả tôi đều nghĩ rằng chính người đàn-bà đã gây ra cái chết cho em tôi. Cả ngày bà tôi buồn rầu, ra vào lau bàn thờ và thắp hương cho nó. Thật là một tàn-tạ đến vô-phúc cho gia-đình tôi. Già rồi lại khổ tâm quá, bà tôi cũng chết đi. Thím vợ chú thì cho đó như là thoát một món nợ. Chú tôi hèn-hạ quá, không còn biết liêm-sỉ là gì lấy nốt đôi xuyến còn lại của bà tôi đem bán đi mua thuốc hút. Tôi không còn một lý-do gì để bám víu lấy tất cả những cặn-bã thối-tha của một gia-đình tan-nát còn lại; tôi ra đi, tâm-trạng buồn chán và cho đến hôm nay...

Đỗ giơ cánh tay phải bị cụt còn cuộn đầy băng trắng bảo :

— Cánh tay mà thầy tôi cầm lấy lúc bị lôi đi thì nay cũng bị mất, di-tích cuối cùng của một liên-hệ thân yêu...

Tâm run sợ trước cặp mắt long lên của Đỗ. Nàng đưa mắt nhìn trộm xuống cánh tay vừa bị cưa hôm qua; giọng Đỗ vẫn đều đều :

— Hoàn-cảnh đã tàn-nhẫn lấy đi của tôi một lẽ sống. Tôi đang suy ngẫm về lời nói của thằng em tôi trước kia. Chết không giải-quyết được gì mà sống lại càng bế-tắc bi-thảm hơn... Bởi thế đã có lúc tôi nghĩ đến cái chết, ý nghĩ đó lảng vảng trong óc tôi làm chính tôi phải kinh sợ nó. Từ ngày vào nằm đây, tôi tưởng mọi ý nghĩ tối đen sẽ quên đi, nhưng mấy hôm nay...

Đỗ ngưng như để cố nén lại không nói gì nữa. Chàng che tay lên miệng dấu mấy tiếng ho. Tâm mắt đỏ hoe lên và dưng dưng muốn khóc. Như một người mất trí, Tâm chạy lại víu lấy cổ Đỗ nói không nghĩ :

— Anh Đỗ, tôi yêu anh, cho đến lúc này tôi thấy là tôi yêu anh.

Tâm cảm thấy một sự cóng lạnh trên môi mình.

Đỗ đang nghĩ tới sự xúc-phạm tàn-nhẫn của một lòng thương hại. Đỗ tự cho mình là đọc được hết ý nghĩ kiêu-ngạo của người con gái; ý nghĩ đó vật-vờ qua trước mặt Đỗ cũng như bao nhiêu ý nghĩ khác, nhưng vừa lúc thành hình, Đỗ với tay nắm ngay lấy và khư-khư giữ lấy ý nghĩ đó là của mình.

Đỗ xoay người, nét mặt cau lại đau-đớn với hình-ảnh dàn-dụa nước mắt của Tâm phía bên. Tâm vẫn nói nhiều nữa, Đỗ không nghe. Nỗi giận hờn mà Đỗ biết là vô lý cứ lớn dần như một xúc-phạm bỗng-nhiên mạnh mẽ cọ sát đến cả đời sống mình. Đỗ hét lên :

— Cô để cho tôi yên, không cô...

Giọng Đỗ thấp xuống trách móc :

— Không, tôi biết cô đang kiêu-ngạo lắm, cô chỉ muốn kiêu-hãnh cúi xuống chỉ vì lòng thương-hại. Không...

Tiếng Đỗ hét to lên :

— Không, không thể được...

Đỗ lại vẳng nghe bên tai giọng Tâm tha-thiết như van xin; nhưng mặc-cảm về cuộc đời vô-dụng tàn-phế và dĩ-vãng làm chàng phẫn-uất. Tiếng Đỗ ruồng-rẫy như hét lên. Nghe tiếng xô-xát mấy bệnh-nhân gần bên chạy lại, đẩy cửa bước vào : trước cảnh-tượng Đỗ co người lên đau đớn, Tâm ngồi bên cạnh quay mặt ra, mắt đỏ ngầu khóc sướt-mướt.

Tất cả như ngưng lại trơ-trẽn. Tâm quay trở ra để cho Đỗ dịu dần xuống trong một trạng-thái bâng-khuâng vô lý. Không ai hiểu được mình và hiểu được cả những nguyên-nhân.

Tâm bước đi gượng-gạo thấy mình vô-lý như vừa sống qua một cơn mất trí.

N. T. V.

(trong Bóng đêm)

NIỀM VUI HIỆN HỮU



● yên bằng

CẦM KẾT QUẢ thử máu trên tay, Duy lặng đi vì kinh hãi. Không còn nghi ngờ gì nữa. Điều chàng ghê sợ nhất đã đến : ung-thư máu*. Từ mấy tháng nay, anh bỗng thấy sốt nhiều, mệt mỏi vô cớ rồi hạch nổi ở cổ, mụn đỏ đầy người và một cảm-giác nặng nặng ở sườn trái. Duy cố bám víu lấy hi-vọng. Cho đến bây giờ... Anh thẫn-thờ bước ra đường. Cuộc đời đếm trên đầu ngón tay — 6 tháng nữa.

Anh thấy hoàng-hôn đang xòe mình xõa cánh, thành-phố đã lên đèn, cuốn anh vào một thế-giới vàng-vọ đầy bệnh-hoạn. Anh thoáng rùng mình, rồi bỗng chốc anh tự-nhận không biết mình đang đi về đâu, khi mà gót chân anh vẫn trải đều trên đại-lộ. Anh không muốn quay về nhà nữa, vì thì giờ đối với anh bây giờ quí giá vô cùng, thực ra 180 ngày có là bao lâu đâu ! Duy khẽ lẩm-bẩm con số quái ác ấy như một vị chân tu đang tâm-niệm. Nhìn những lượn sóng của lá vàng lăn tròn theo từng cơn gió loạn, Duy thấy đời mình sẽ như chiếc lá khô kia, cựa mình không chủ-đích, rồi nằm yên bất động.

Duy nhìn sang bên kia đường, một lão già hủi phung lở-lói đang lần từng bước một, tay chân dò-dẫm, e-dè. Lão đi đến đâu thì mọi người vội-vàng lảng tránh, trả cho lão những cái nhìn kinh-dị. Duy thấy lão đã xa hẳn thế-giới loài người rồi, có lẽ vừa từ một hành-tinh xa lạ nào hiện xuống mang hình-hài dã-thú. Bất chợt anh nghĩ đến số-phận mình còn thua hẳn lão già xấu số ấy nữa, vì đời lão ít nhất cũng kéo dài thêm được vài năm, còn chàng...

Duy không dám nghĩ thêm nữa, anh móc túi lấy xấp giấy bạc dúi vào tay lão, ký-thác cho lão một sự sống còn tạm bợ. Anh đi lần ra bờ bể, bỏ lại sau lưng một thành-phố đang vươn mình trong bóng dáng kiêu-sa.

Bờ bể về đêm vắng-vẻ và êm-đềm quá ! nhất là những hôm có sương mù như hôm nay. Vầng trăng thượng tuần soi bóng xuống dòng nước bạc tạo nên một hình-ảnh mờ-ảo của chốn thiên-thai. Duy thấy mình là một nhân-vật trong mầu chuyện Liêu-Trai,

* *Bệnh ung-thư máu là bệnh bạch-huyết, bạch-huyết cầu tự-nhiên sinh-sôi nảy-nở vô tổ-chức và vô trật-tự*

đang lạc bước đến một miền tiên-cảnh. Anh cúi đầu đếm từng bước chân của mình trải dài trên bãi cát. Gió đêm hòa với hơi thở đại-dương lành-lạnh chạy lùa vào hồn Duy, anh kéo cao cổ áo, khẽ buông tiếng thở dài. Đàn vịt trời giang cánh giữa thinh-không, buông những tiếng kêu rời-rạc và buồn ray-rứt, loãng mãi vào hư-vô. Duy lại khẽ nhẩm tính cuộc đời mình, qua đêm nay thì anh chỉ còn lại 179 ngày ngắn ngủi; bài tính trừ luôn đeo đẳng anh hằng ngày, hằng đêm cho đến lúc anh trao trọn thân mình cho lòng đất. Anh nghĩ đến thân xác, đến đôi mắt tinh-anh sẽ không còn di-động trên quả địa-cầu, và linh-hồn sẽ mãi hkép chặt theo giấc ngủ cô-đơn. Rồi đây mọi người sẽ không còn ai biết đến anh, một diễn-viên đã hết vai trò trên sân-khấu, và họ vẫn tiếp tục vai trò của mình cho đến khi nào dưỡng-khí không còn vương trong hai buồng phổi. Anh thấy tâm-hồn mình đang trĩu nặng suy-tư, vì giữa cuộc sống này và cả trên bãi bề này chỉ có một mình anh trơ-trọi. Anh nhìn ra ngoài khơi; từng lượn sóng lăn-tăn chạy thẳng tắp vào bờ; anh thấy mình lại còn thua làn sống nhỏ bé kia ; vì nó có bờ có bến còn anh không biết đi về đâu cho tới đích của cuộc đời

Bỗng anh sững-sờ, trố mắt nhìn một bóng bánh nhỏ thó đang đi lần ra ngoài khơi. Trong tấm áo dài màu trắng mảnh-khảnh, mái tóc buông dài quyến-rũ. anh nhận thức được đó là một người con gái. Trước



mắt anh, đó là một Mylène - Demongeot bằng da bằng thịt. Vì giữa cảnh trời trăng mây nước nầy anh không làm sao diễn tả được vẻ đẹp tuyệt-vời của *vị thần Vệ-nữ*. Nhưng rồi sự hiện-diện của người con gái trên sóng nước làm cho lòng anh kinh-ngạc, hình-ảnh chết chóc bất chợt đập mạnh vào tìm-thức anh. Chốc lát nữa, thủy-triều sẽ tàn-nhẫn cuốn mất thân-thể nàng, uống mất hơi thở nàng. Người con gái càng ra xa hơn, đầu cúi gầm xuống chua xót. Duy ước chừng nàng đang bị dày vò bởi nỗi-niềm. Duy thấy người con gái nay đang can-đảm đi tìm cái chết, anh thấy giữa nàng và anh có một sự tương-quan mật-thiết về cuộc đời, dẫu rằng hai người hai cuộc sống.

Duy chợt nhìn xuống mặt nước, anh kinh-hãi vì thủy-triều đang lên nhanh, tràn lan trên bãi. Anh liếc mắt nhìn người con gái, làn nước sắp sửa cuốn lấy thân-thể nàng. Sự bình-thản của Duy chỉ có thế, và đã đến lúc anh phải làm một cái gì theo bản-năng tự-vệ sẵn có của con người

Anh cởi phăng chiếc áo, lột phắt đôi giầy, buông mình xuống dòng nước, bơi nhanh đến người con gái. Khi bàn tay của anh nắm được vạt áo của người con gái thì nàng cũng vừa ngất đi. Duy lẹ làng cặp nàng vào hông, bơi nhanh vào bờ. Việc làm này đối với anh không mấy khó khăn bởi vì từ trước đến nay anh vẫn xuất-sắc về môn bơi lội.

Duy bế xốc thân-thể người con gái đi lần lên bãi cát, anh mừng thầm khi thấy lồng ngực nàng vẫn lên xuống đều theo nhịp thở. Anh người đặt con gái nằm yên trên bãi, chạy vội vào một quán giải khát gần đấy mượn điện-thoại báo với nhà chức-trách. Duy sung-sướng quay trở lại bãi-bể, và việc làm cần kíp của anh là phải làm sao cho người con gái hồi tỉnh thì xe hồng-thập-tự cũng vừa trờ tới ; Duy vui-vẻ phụ giúp với nhân-viên cứu-thương mang người con gái lên xe. Với thân-thể ướt, Duy vẫy ta xi về nhà với nỗi-niềm sung-sướng của tâm-hồn.

oOo

NHỊ THẬP BÁT TÚ

TRỞ VỀ CÁT BỤI

Nằm xuống mình đau, đất có đau?
Vin cây lành dữ, tội ai đâu.
Đại-dương chìm thẳm hồn trong mắt,
Lòng nói tình yêu, tiếng nghẹn hầu.

YỀN THỬ

ĐÀN PHƯỢNG Ý HOÀNG

Nhạc tình Tư-mã vỡ xa xôi
Góa-phụ nhìn gương đổi dáng ngồi
Nếp áo vân-vê, mày thoáng nhíu
Lòng băng mặt sắt giữ hay thôi?

TRẦN-XUÂN-DŨNG

tình xuân

Chập-chờn êm lắng bước Xuân sang,
Thao-thức ân-tình mãi ngổn ngang.
Ôm siết hơi Xuân nghe rạo-rực
Say nồng mùi gió nhớ mênh-mang.
Thướt-tha đêm giáng, trời xao xuyến
Bỡ-ngỡ hương về, mộng chứa-chan.
Ngây-ngất trong lòng Xuân cởi-mở
Cho hồn diệu-vợi cõi xa-ngàn.

★ QUYÊN

Cô Hoa,

Được biết hôm nay cô sẽ rời khỏi bệnh-viện, tôi đánh bạo có vài lời cùng cô, mong cô đừng vì sự đường-đột này mà phiền trách một kẻ muốn nhìn thấy cô tìm lại niềm vui trong cuộc sống.

Vâng, tôi là người đã cứu cô thoát chết trên bãi bể, và sự cứu giúp như thế chỉ là bổn-phận của tôi : một kẻ sắp chết muốn thấy niềm vui của kẻ khác. Có bao giờ cô thấy một người sắp chết mà vẫn vui trong cuộc sống chưa ? Kẻ ấy chính là tôi, một người chỉ sống được 6 tháng nữa vì ung-thư máu mà vẫn ham sống. Huống chi cô, một thiếu-nữ đương thời xuân sắc, đầy tương-lai và mộng đẹp mà lại tìm cách tự hủy-diệt cuộc đời một cách oan uổng. Nếu cô nhìn thấy được nỗi vui mừng và sung-sướng của một người ấy khi nhìn thấy cô được vui sống thì xin cô hãy tìm quên chuyện lòng sầu muộn, và tự tạo cho mình một niềm vui để bấu víu vào cuộc sống.

Thân ái
DUY

Chiều nay đang thả bách-bộ trên đường phố để giết thì giờ, Duy bỗng chú ý đến cặp tình-nhân đang đi trước mặt mình. Anh nhìn người con gái, anh thấy mang-máng hình như mình đã gặp nàng ở đâu rồi. Nhưng rồi anh lại không nhớ mình gặp nàng ở đâu và trong trường-hợp nào. Anh đi sát vào hai người, lắng nghe hạnh-phúc của họ. Người con gái liếc mắt nhìn người yêu, mở lời :

— Anh à, nếu không nhờ ông ấy cứu cho thoát chết trên bãi bể thì ngày nay chúng mình đâu có còn gặp lại nhau hở anh ?

Duy suýt kêu to lên khi nhận được người con gái mà mình đã cứu cho dạo nọ. Anh phì cười khi thấy hạnh-phúc đang nở hoa trong đời nàng. Và anh cũng nhớ lại đại-khái câu châm-ngôn của một nhà hiền-triết Ấn-Độ :

— « Trước khi chết anh hãy trồng lấy một cái cây, dù cái cây không có quả đi nữa, thì ít nhất nó cũng giúp cho kẻ bộ-hành tránh nắng trong những lúc lỡ đường ».

Anh thấy lòng dâng lên niềm vui-sướng vì đã áp-dụng được lời khuyên của vĩ-nhân. Trong ánh nắng phơn-phớt của buổi chiều tà, anh khẽ huýt sáo miệng trong niềm vui hiện-hữu.

YÊN-BẰNG

LTS.— Yên Bằng, một sinh-viên Luật-khoa là tác-giả đầu-tiên gửi bài về hưởng-ứng mục « Bàn tay nắm lấy bàn tay » của chúng tôi.



niềm quê hương

— NÀNG-LAI —

Khi đứng dậy thân cao cùng cỏ mọc
Đôi chân dài đi bảy dặm bao la
Mặt trời đó chưa nguôi niềm hy vọng
Tôi da vàng như lúa héo đồng xa

Ôi anh chị, một ngày bao nhiêu bận
Tay đã cùn bấm đốt khói quê hương
Thân mẹ ốm xanh xao ngàn dấu đạn
Máu như thuyền bơi nhịp gió đau thương

Cùng một lượt bao nhiêu bè bạn cũ
Đêm đêm ngồi nhớ từng mặt anh em
Trên mượt đất xanh hồn ca dao Việt
Tay ta buồn cầm lấy số phận đen

Mỗi ngọn núi kiêu sa lời nhắn gửi
Vươn cổ cao cho thấy mặt trời vàng
Con sông ngoan trôi qua thành phố nhỏ
Vỗ chân cầu đôi tiếng gọi tương lai

Ôi bè bạn, ta ngoài hai mươi tuổi
Sau lưng đời hạnh phúc đã xa bay
Thầm cúi mặt mở cho ước vọng
Tôi bền lòng chờ gặp các anh em

Khi đã chết đêm ta về gõ cửa
Mẹ ta già giấc ngủ xót từng cơn
Bờ vai mẹ muộn năm đầy tủi cực
Ta gượng cười thầm gạt nước mắt tuôn

Ta giao lại tim ta ngày mới lớn
Bao nhiêu năm bấy nhiêu mộng êm đềm
Đoàn trai nhỏ bước lên đầu nhẹ cúi

Nhẹ gối hườn theo mộng đó, lãng quên
Từng ấy vụ lên đường chưa mỏi cánh
Đời mênh mang giấc ngủ lặng sông đời
Một triệu trái tim cho triệu lời thương mến
Ta nhóm lửa cao cho ấm xứ con người

tháng 8-63

MÙA XUÂN

TRÚC LAN

LỆ MỞ ví tay coi lại lần cuối cùng địa-chỉ của người bạn gái. 117/82/5 Mê - Linh. Con số rắc-rối gần bằng công thức hóa học. Nhưng Lệ đâu có sợ, tìm địa-chỉ tài-tình nằm trong tinh-thần tháo vát của Hướng-đạo sinh. Ngày xưa, tuy không phải là công-tác bắt buộc mà Lệ cũng cố gắng tìm ra nhiều địa-chỉ thật hắc búa để đố lũ bạn chim non.

« Cái thuở mười hai, mười một ấy
Đã chìm trong quá khứ xa mơ... »

Bây giờ Lệ đã xa Hướng-Đạo nhiều lắm rồi, gần mười năm chưa có dịp nào để trở lại. Tuy vậy, mỗi khi cần giải-quyết điều gì có liên-quan nhiều ít tới đời sống tập thể như đi trại hè, thăm viện dưỡng lão thì Lệ lại thấy rằng mình đã từng là nữ hướng-đạo sinh.

Lệ nghĩ tới Chi mà buồn cười. Theo kiểu lý-luận của anh chàng thì nếu có tìm ra các địa chỉ rắc rối đó là tại thuở nhỏ đã xuất-thân ở các hang cùng ngõ hẻm... Chi hài-hước một cách trắng trợn, đôi khi tàn-nhẫn, nhưng đúng, quá đúng. Cuộc đời dưới mắt Chi không quá xấu nhưng tầm-thường, không có thần-tượng, không có mộng mơ. Trước kia, khi mới yêu nhau, Lệ nghe như giữa hai người có một cái gì lạc lõng không đồng điệu nhưng bây giờ Lệ lại hãnh-diện vì lối nhìn cuộc đời của Chi. Có lẽ nên tin theo luật thừa-trừ : Lệ mơ-mộng thì phải gặp một anh chàng thực-tế cho vừa. Hai người mà cùng lạc trên trời hết thì chắc phải thua thiệt giữa thời buổi văn-minh vật-chất này. Hơn nữa, tâm-hồn thực tế càng làm cho nam tính của Chi nổi bật cũng như bản-chất mơ mộng của Lệ làm cho nàng thành một người con gái « rất con gái » — như Chi mới. Mà chắc là thực-tế như Chi mới đúng. Có cái gì lý-tưởng đâu ! Ba bốn năm đại-học đã xóa bỏ hình bóng của «người bạn lý-tưởng» trong Lệ rồi. Người bạn lý-tưởng là một người hay thế nào ? Hầu như Lệ quên không nhớ mình đã từng phác-họa người bạn ấy trong tuổi dại bằng tất cả tâm-huyết, tất cả ước-vọng, tất cả tin-tưởng, một người bạn chân-thành, yêu thương, cảm-thông, cùng chí-hướng, cùng đi trọn đường đời... Một người bạn như Saint Exupéry đã từng phác-họa :



« Đó là cùng nhìn về một hướng » Ôi bao nhiêu từ-ngữ của tuổi trẻ cũng không đủ để diễn-tả nhân-vật lý-tưởng ấy. Đâu có như bây giờ Lệ thấy các từ-ngữ lố-bịch một cách thảm-thương đến nỗi nàng cũng đâm ngượng khi phải dùng tới... Chân-thành ư ? Làm sao biết được ? Lấy gì làm chứng cớ ? Người ta có thể tử-tế với nhau, nhưng phân-tích ra (theo lối của Chi) thì cũng rất có thể vì nhiều nguyên-nhân vụ-lợi.

Rất có thể người ta đứng dậy một loạt để chào giáo-sư trong giảng-đường không phải vì kính-mến, cũng không phải vì thói quen tốt mà chỉ cốt để thầy đừng quá hắc búa trong kỳ thi. Yêu thương, còn phiền hơn. Có lẽ lòng ghen ghét dễ đọc hơn là yêu thương, nhưng lạy trời ít khi người ta dễ bộc-lộ sự ghen-ghét. Yêu thương ở khoảng không-gian này thể-hiện bằng cách nào ? Cho mượn bài vở, chỉ nhau vài mánh lới để thi hay là vỗ tay rầm rầm trong lớp mỗi khi có người đẹp bước vào ? Thực ra vỗ tay tự nó cũng không có gì đáng trách nhưng nếu ai có dự-kiến một cuộc vỗ tay sôi nổi thì sẽ cảm thấy ngay rằng nó không chứa đựng chút tinh nghịch dễ yêu nào của tuổi trẻ. Nó chỉ là một hiện-tượng tỏ rằng người ta quá xa lạ với nhau nên phá phách không chút ngượng-ngùng. Cảm-thông thì chắc là không thể có được. Người ta gặp nhau hằng ngày may lắm thì có thể cười với nhau, nói với nhau đôi ba câu, có khi còn không thèm nhìn nhau là khác. Người ta biết về tâm-hồn nhau quá ít nhưng lại biết hơn nhiều về các sự-kiện riêng tư. Những biến-cố còn con của bạn — nhất là những biến-cố tình-cảm sẽ được long-trọng và bí-mật rao khắp trường với mục-đích gì thì không thấy ai để ý tới... Chí-hướng có lẽ là một cái gì đáng được chiêm-ngưỡng nhưng mỗi người đều cất quá kỹ thành không mấy ai có may mắn được hiểu để đồi cùng chí-hướng. Gặp nhau hàng ngày trong giảng-đường, trong phòng thí-nghiệm, trong nhà thương, thì giờ không thiếu nhưng chí-hướng thì là chuyện phải nói một cách long-trọng, đâu phải bạ lúc nào nói lúc đó. Muốn nói đến chí-hướng chắc phải chờ ngày lành tháng tốt bày hương án giữa trời... Thời-đại này có lẽ không mấy thuận-tiện cho việc đó. Còn điều-kiện cuối cùng đi trọn đường đời thì lãng-mạn quá. Bao nhiêu bè bạn đã lìa xa rồi... Đường đời là con đường để đi một mình (may lắm thì cùng đi với người yêu, với điều-kiện người ấy đừng có «défiancer» bất tử.) Nói tóm lại, người bạn lý-tưởng là một người bạn của con nít.

Những hình ảnh lý-tưởng khác cũng cùng số phận. Hy-sinh hạnh-phúc cho người khác ư ? Có hy-sinh được không ? Hy-sinh cho ai và hy-sinh để đi tới đâu ?

Người ta nghèo, đau, vào nằm nhà thương. Cám cảnh thì cho một ít tiền, đủ tiền mua 10 chai Strepto chứ mấy, trong khi bịnh phổi cần chữa trong nhiều năm... Có khi biết bệnh quá nặng không chữa được thì 10 đồng để an ủi người bệnh và chính lương tâm của mình. Làm thế nào được ? Lỗi không tại ai cả.

Lâu lâu, nhân dịp Tết thì thăm cô-nhi-viện, dưỡng-lão-viện hay phát quà bánh cho con nít tàn tật, an-ủi trong chừng đôi ba tiếng đồng-hồ những khoảng đời không biết dài bao nhiêu năm, và không dám nghĩ đến những vấn-đề khác mặc-nhiên được đặt ra : tại sao con nít hay đau ốm, bị phỏng, bị đạn, tàn-tật ; tại sao bị bỏ ở cô-nhi-viện để trở nên ngơ-ngáo như Vũ trọng-Phụng đã tả, làm thế nào để những trẻ ấy được sống bình-thường khi chúng lớn lên ? Tại sao những người già cả không nơi nương tựa ? Tại sao, làm thế nào... và tại sao ?

Cho đến chính mình Lệ cũng khó mà tin. Lệ vẫn tin tâm-hồn mình đẹp, mình được may mắn đã sống đời sống hướng-đạo, đã được thiên-phú một cảm-quan để thưởng-thức chút ít nghệ-thuật. Nhưng có chắc thế không ? Tâm-hồn đẹp ở chỗ nào ? Có ai còn nghĩ đến cái đẹp tâm-hồn không ? Thật khó mà biết được người ta yêu mến Lệ vì tâm đẹp hay sắc đẹp, lẽ cố-nhiên Lệ biết mình đẹp đủ để các ông mơ ước. Còn thơ, nhạc, nghệ-thuật thì bây giờ còn đâu là niềm thao-thức nghệ-sĩ mà Lệ vẫn nói ? Còn đâu lời

hứa « chung-thủy đã xưa cũ » của Camus? Cả ngày bù đầu trong những trang ronéo đầy đặc, nghệ-thuật chỉ còn là một món trang sức đủ để Lệ thành đặc-sắc trong các cuộc họp mặt thân-hữu của giới sinh-viên. Lệ cũng đã chọn một người yêu không phải vì tiền bạc, danh-vọng tướng tá. Chi học giỏi, đẹp trai, con nhà giầu, nhưng không phải Lệ chọn vì thế. Nhưng vì cái gì thì Lệ không biết. Trước Chi, Lệ không yêu ai cả, vậy chắc đó là mối tình đầu tiên lý-tưởng. Tình yêu cũng chả có sóng gió gì, hai gia-đình đều bằng lòng, lễ đính hôn đã cử hành, Lệ chắc-chắn là không để ý tới thanh-niên nào khác còn Chi thì cũng không có lý do gì để phản-bội. Tương lai cũng giản-dị, Chi sẽ ra trường trước, Lệ sau hai năm, hai ông bà bác-sĩ hợp tác mở phòng mạch và con cái đề-huề như mọi người...

Hôm nay Lệ cùng đi với Chi tới Nha-Trang để thăm ông chú Lệ đau nặng. Lệ định sẽ ở với chú trong dịp Tết cho nhà cửa đỡ vắng. Chi thì cũng ở chơi vài hôm rồi còn phải về Đà-lạt với gia-đình. Nhân dịp này Lệ tìm thăm Tường-Vi được bổ dạy ở đây.

Tường-Vi là người bạn thân cuối cùng còn lại. Các bạn khác của thời trung-học xa lắc xa lơ đó đều đã lập gia đình và đã nới bớt liên lạc nhiều rồi. Có lẽ gặp nhau thì còn vui mừng nhưng mỗi người đều đã có những lo âu riêng, những toan-tính riêng và những thì giờ riêng. Lệ cũng không trách ai được vì chính Lệ, Lệ cũng không hề viết thư cho bạn bè như đã từng hứa hẹn thời nào. Có một mình Tường-Vi là thường thư từ nhất nhưng cũng ít có dịp gặp nhau, nhất là sau khi Vi ra khỏi Sư-phạm.

Lệ gõ cửa. Vẫn lối tiếp đón của cô học trò Vi ngày xưa, vui mà không ồn ào.

— Mình biết chắn chắn là cậu tới chứ không ai khác.

— Được thư hôm nào ?

— Hôm kia. Anh Chi đâu ?

— Anh bận việc. Vả lại mình đâu có nói Chi sẽ tới. Chi biết về Tường Vi khá dấy nhưng thì giờ này của chúng mình, có Chi mất tự nhiên.

— Lệ cứ ngồi đây, và coi như ở Sàigòn, mình tìm cho cậu cái gì để ăn và để uống.

— Yên chí.

Lệ nhìn quanh gian phòng. Vẫn không có gì đặc sắc. Tường xanh nhạt cũ kỹ như tấm màn mỏng cũng xanh và cũ kỹ treo ở cửa sổ nhìn xuống phía bãi biển. Trên tường bức ảnh Đức Thích Ca treo đối diện với bàn làm việc — Con bé lúc nào nó cũng chỉ treo ảnh đức Phật. Lệ nói lớn lên ý nghĩ của mình.

— Tại mình không có phương tiện lập một bàn thờ vả lại mình thích tới chùa hơn. Mỗi khi dự khóa lễ mình có niềm tin rằng cùng trong giờ phút ấy có nhiều người nghĩ như mình, thông-cảm với mình, mình không đơn độc trên đường đi.

— Mày thì lúc nào cũng nói chuyện đơn độc với bơ vơ. Cứ ở nhà cầu nguyện mà nghĩ hiện lúc ấy trên thế giới cũng có nhiều người cầu-nguyện như mình không được sao ? Có tao đây này.

— Thật Lệ nghĩ thế khi cầu-nguyện ? Có lẽ mình tệ hơn cậu. Mình phải thấy trước mắt biểu hiệu của cả một nhịp sống như thế mình mới yên lòng. « Tự-giác » nhưng mà phải tin rằng có nhiều người cùng « tự giác » như mình. Vả lại còn giác tha nữa. Mình cho rằng hễ cái gì có dính dấp đến tha-nhân là đều phải trở thành một phong trào. Nguyện lực của mình nhỏ bé quá, tự độ chưa nổi lấy gì mà độ tha, bởi vậy phải nhờ nguyện lực của nhiều người. Dù Đức Phật có nói mình là Phật sẽ thành thì cũng còn ... lâu quá.

— Có lẽ ý niệm xã-hội trong mình đã mất rồi. Mình không có ước vọng đó đâu. Mỗi người mang một nghiệp quả cậu ạ, mỗi người một cuộc đời riêng không ai có thể can-thiệp tới ai. Đức tin là một thói quen. Nếu xưa gia đình mình không tin Phật thì mình cũng không tin Phật và mình đã thành một người khác với một dễ-dàng khác, bè bạn khác, tư tưởng khác... Thế nào mình không biết nhưng chưa hẳn đã hay hơn, là dở hơn. Nhưng mình đã trót có một dĩ vãng. Bởi vậy, để gì bây giờ ai bảo mình thay đổi tư-tưởng ? Bởi vậy mình nghĩ mình cũng không dễ gì thay đổi ý-niệm tôn-giáo của người khác và nhất là cũng không cần thay-đổi. Như Chi, cố nhiên Chi không theo đạo khác, gia-đình Chi Phật giáo, nhưng Chi không mấy nhiệt thành. Mình thấy khó mà làm cho Chi trở nên nhiệt thành và nếu Chi có nhiệt thành thì cũng thế thôi, không có gì hơn.

— Ồ không ! Mình không định nói đến sự tuyên truyền và nhất là thay đổi tôn giáo. Mình nói giác tha nhưng nói Phật giáo độc tôn. Khi cậu tin là cậu nghĩ đúng, chắc cậu rất muốn mọi người nghĩ như cậu. Cậu chỉ không thể ép buộc người khác nghĩ như cậu thôi. Đừng quá mơ chứ ! Không nên thế.

« Không nên thế » là thành ngữ của lớp Đệ Nhất trung học. Cái gì

cũng « không nên », « không nên lười, không nên ăn vụng, » «không nên ngủ gục » (trong lớp tất nhiên) và « không nên chăm quá ». Cả hai cùng cười.

— Nhất định Lệ ở đây ăn cơm chứ. Mình đã dặn làm cơm cho hai người ăn.

— Vi thường ai nấu cho ăn ?

— Bà chủ nhà ở cạnh nấu cơm tháng 1.200 đồng.

— Đem sang đây ? Ăn riêng ?

— Ừ ! Thích ăn riêng.

— Bèn mời anh chàng tới cùng ăn ?

— Đôi khi cũng có khách nhưng ít lắm.

Vi đi sửa soạn áo ngắn cho Lệ và Lệ tiếp tục quan sát chỗ ở của bạn. Trên bàn làm việc có một bức họa nhỏ lồng trong khung kính. mới thoạt nhìn Lệ tưởng cô nào, hóa ra Vi. Chữ ký L.T.

Bức họa đẹp hơn người nhiều lắm. Tóc xõa buồn hợp với cặp mắt mơ-mộng. Tóc dài quả hợp với vẻ mặt của Vi hơn, anh chàng họa-sĩ nào tưởng-tượng mà đẹp tuyệt. Sao anh chàng không khuyên Tường-Vi để tóc dài có hơn không.

— Tranh đẹp hơn người hả Lệ ?

— Ừ ! Anh chàng họa-sĩ nào mà si tình cô nương đến thế ?

— Không không đâu, một người rất quen.

— Và rất, rất đa cảm ?

— Ừ ! Nhưng không yêu người mẫu. Bạn của mình mà. Quen Lệ đấy, đoán coi.

— Ai thế. Mình chẳng quen ai là họa-sĩ. Có Thanh, bạn của Chi, anh ấy ở ĐàLạt ?

— Không. Cho thêm một chi tiết: y-khoa.

— Học một trường thì có hy vọng mình biết mặt. Bạn mình chả ai là họa-sĩ. Nói thử coi có nhớ ra không nào ?

— Thái lớp cậu đấy.

— A ! Thế thì quen. Mình không ngờ Thái có hoa tay đến thế.

— Quen nhiều không ?

— Cùng một toán năm thứ nhất.

— Thế thôi ?

— Mình không biết diễn-tả liên-hệ giữa người này và người khác ra sao. Đại khái là thế. Còn quen Tường-Vi ?

— Hơn một năm. Ở đây, do bạn bè giới thiệu. Trong một cuộc bàn cãi về đủ mọi thứ chuyện văn chương xã-hội...

— Bức họa này vẽ từ bao giờ mà không thấy đề ngày.

— Mới đây, trong dịp chạy bãi khóa đó.

Lệ muốn hỏi thêm nhưng sợ mình quá tò mò. Có những riêng tư đôi khi không nên xục xạo tới dù rằng ở người bạn rất thân. Ai chứ Thái thì Lệ biết. Giữa anh chàng và Lệ có « một giai thoại » cũng hay hay. Hồi Lệ mới chân ướt chân ráo tới trường Y-khoa chưa biết chia toán thế nào thì Thái tới mời ghi tên chia cùng. Vì không quen ai trước, Lệ cũng không do dự gì cứ gật đầu bừa. Cái toán đầu tiên trong đời sinh viên của Lệ đó có hai cô gái nữa và Thái. Giữa Lệ và các người không có gì đáng nói. Hai chị bạn cùng toán của Lệ quen nhau từ trung học nên chỉ chơi với nhau, mặc dù họ rất tử-tế với Lệ. Người ta tử tế với nhau là một việc mà thân-mật với nhau lại là một việc khác. Lệ không trách gì họ được dù hơi buồn, Với những anh bạn khác ngoài Thái ra cũng không có gì đáng nói. Rất may các bạn cùng toán của Lệ đều là những người lịch thiệp không ai làm phiền Lệ bằng cử-chỉ hay lời nói bất nhã. Lệ hàng ngày gặp họ, nói với họ đôi ba câu về chuyện học hành nếu thuận tiện, không ai hiểu ai và cũng không ai muốn hiểu ai. Chỉ có Thái thì hơi đặc biệt. Không biết tại Thái đặc-biệt hay là tại liên hệ của Thái đối với Lệ đặc biệt. Có khi trong hàng ngàn người có một người cảm ta thì người đó thành ra đặc biệt. Có lẽ tại Thái hơn. Thái ốm tong ốm teo, cao lêu khêu mà lại mang kính cận, đặc biệt là phải. Trong năm học, Thái và Lệ thường bàn với nhau về bài vở nhiều nhất. Tại hai cái tên ghi cạnh nhau trong bữa chia toán nên dễ có nhiều dịp làm việc chung. Tình-cảm của Thái thì Lệ biết. Người con gái nào lại chẳng biết ngay tình-cảm của thiên-hạ đối với mình. Ít khi bị lầm-lẫn giữa tình yêu và tình bạn. Nhưng biết rõ thì không. Mỗi khi bàn với nhau về một bài vở gì không ngã ngũ Lệ bỏ qua tin rằng « mai mốt học tới sẽ hiểu chứ bây giờ biết hỏi ai » trong khi Thái nhất định tìm cho ra. Có nhiều hôm thấy Thái hốc hác lờ đờ khoe đã thức trắng đêm để tìm trong sách vở câu trả lời dứt khoát. Rồi những cử chỉ nhỏ-nhặt khác, những nét nhìn thân mật say đắm. Và chỉ thế thôi. Năm thứ nhất qua đi và lại chia toán khác, Thái không còn cùng toán với Lệ nữa. Hình như năm nay Thái ít nói hơn nhưng không chắc, có thể là tại ít có dịp để nghe Thái nói. Và cũng không còn chuyện gì để nói với nhau. Lâu lâu chạm trán nhau ở bảng thông cáo, Thái cười và hỏi : «học bài nhiều chưa ? » lần nào như lần nấy.

Lệ không biết rõ tình yêu của Thái bắt đầu lúc nào và chấm dứt lúc nào và nó tới cường độ nào. Bây giờ nghĩ lại — hai ba năm đã trôi qua — Lệ không biết có nên đặt tên cho thứ tình-cảm đó của Thái là tình

yêu hay không. Hay chỉ là một chút xúc-động nhất thời vì một nét kiều mị nào đó. Đẹp như Lệ thì thiếu gì người để ý, nhưng đâu có phải tất cả đều là tình yêu. Trường hợp Thái cũng thế. Vả lại Lệ cũng không dám tin chính mình. Có khi trực giác lừa gạt, nhất là nếu người ta không « khai báo » gì cả thì lại còn đáng ngờ hơn. Lệ cũng không biết gì về Thái và chắc Thái cũng không biết gì về Lệ. Nhưng dù sao giai-thoại ấy cũng hiện hữu, nó vậy đó, như thế đó nhưng mà không dám kết luận gì.

Lệ muốn kể cho Vi nghe nhưng lại ngại. Đã quá lâu rồi không gặp nhau, ở Vi có gì thay đổi không. Phá phách Vi cho vui nhưng Lệ vẫn biết Tường Vi có một người ở Pháp đã lâu lắm rồi. Nhưng ai hiểu được những thay đổi với thời-gian. Có biến-cố gì chăng ? Thái có là một biến cố chăng ? Bức họa rất linh động tràn đầy tình-cảm ấy biết đâu không là một biến-cố... Có lẽ chả nên kể cho Vi nghe, một chuyện không ăn thua gì mà lại thành ra rắc rối phá hoại...

Lệ vừa đi vừa suy nghĩ. Khi trở ra phòng khách thì thấy Vi đang pha trà, bên cạnh có bánh ngọt và một lọ đường. Tường Vi cười vu vơ định nói cái gì thì ngẩng lên nhìn thấy Lệ.

— Lệ thắc-mắc gì thế ? Cậu định tìm gì ?

— Không, không có gì cả. Và Lệ hấp-tấp hỏi theo :

— Hoàng lúc này sao ? Bao giờ định về ?

— Vẫn như thường và vẫn chưa định về.

— Câu chuyện đi đến đâu ? Để thế mãi à ?

— Vẫn thường thôi, có gì mà cậu kêu đề mãi ? Nhưng thật ý Hoàng muốn mình qua Pháp và cưới tại Pháp. Hoàng còn chưa thích về, đang nghiên cứu. Năm ngoái mình hụt một học bổng, bây giờ thì chưa có ý kiến dù bên Hoàng hai bác vẫn giục. Mình chỉ định xin học bổng chứ không muốn bỏ tiền nhà đền chánh-phủ. Nhưng rồi cũng phải quyết-định.

Thấy Lệ nhìn mãi khung họa, Tường Vi cười.

— Cậu thắc-mắc nhiều về anh chàng họa-sĩ này lắm phải không ? Cứ ở lại đây với mình đến tối mình sẽ kể cho nghe rất nhiều chuyện. Trái đất rất tròn.

Có tiếng gõ cửa và Tường Vi cầm vào một bức thư

— Thư của Thái này ngộ không.

Lệ cầm xem. Vẫn nét chữ rất quen thuộc ngày nào. Bây giờ xa quá...

o°o

Tường Vi nói đúng, quả đất rất tròn

Người đem cơm buổi trưa đó ban đầu Lệ không biết là ai nhưng sau chính bà ta đã nhận rằng hồi năm ngoái khi bà nằm nhà thương Chợ Rẫy Lệ đã từng cho thuốc. Lệ đã tặng thuốc tặng tiền nhiều lần nhưng chưa bao giờ nghĩ rằng sẽ có ngày gặp lại những bệnh-nhân đau khổ đó, nên chưa bao giờ tin rằng sẽ có người nhớ đến mình. Giúp đỡ chỉ là một thói quen, không cả ý-thức về nhân ái. Sự nhắc-nhở trong lúc không ngờ trước mặt Tường Vi là người bạn mà bao giờ Lệ cũng muốn tỏ ra xứng đáng làm Lệ cảm động. Mọi hành động đều tạo nghiệp, đều được bồi xóa trong dòng sinh hoạt. Cuộc sống và cử-chỉ quan trọng đấy chứ, sao Lệ đã coi nhẹ chúng và nhất là chính bà ta cũng nhận sự giúp đỡ của Thái « Những tâm-hồn lớn gặp nhau »... Bây giờ thì quá muộn rồi. Cảm-động nhất là tình yêu của Thái, Thái mới tới đây mấy tháng trước... Cuộc đời là những vòng luẩn-quẩn. Thái tới đây và có kể cho Vi nghe « lần cuối cùng để quên » chuyện Thái, nhân dịp này đã vẽ Vi với mái tóc giống y như mái tóc của Lệ... Làm sao Lệ biết được nếu Vi đừng kể Thái đi qua như rất nhiều người con trai khác trong đời. Lệ tưởng Thái cũng như họ không có gì đặc-sắc. Mà làm sao Lệ biết về Thái được ? Lỗi tại ai ? Tại Lệ hay tại Thái ? Thái nghĩ gì, sống ra sao, có năng khiếu gì có hoài bão gì có bao giờ Thái nói ra đâu ? Tình yêu dễ thấy nhất mà Lệ còn không đọc được rõ ràng. Thái có biết gì về Hoa không ? Người bạn gái cùng toàn cùng đã từng cho thuốc bệnh nhân như Lệ như Thái... Làm sao mà trong hai năm trời cùng toán Lệ lại không biết điều đó ? Thái có biết không ? Thái có biết gì về Lệ không, chính Lệ còn ngờ. Lỗi tại Lệ chăng ? Lệ sống không cởi mở ? Làm sao mà cởi mở trong cái không khí ngột-ngạt rời-rạc đó, trong cái « môi



trường bất đồng nhất » đó ? Lỗi tại những người có tâm-huyết nhất, có tài nhất cũng như xưa kia trong đoàn thì lỗi anh đoàn trưởng. Lệ dâu có dám tự kiêu mà nhận lời về mình giá mà lỗi tại Lệ hoàn-toàn thì Lệ lại yên chí. Miễn là có người trách-nhiệm, nhưng không ai trách-nhiệm cả. «Lỗi Lệ, lỗi Thái, lỗi Hoa», Tường Vi quá yêu mà nói thế đấy thôi. Giá cả ba người Lệ, Thái, Hoa lần ấy đừng giúp đỡ bà Ba lẻ-tẻ thì bà đã về Nha-Trang sớm hơn bao nhiêu. Nhưng làm thế nào. Không hiểu Thái và Hoa nghĩ sao, chớ Lệ khi giúp đỡ, Lệ thấy vui mà thẹn-thẹn. Vui vì mình sống bớt vô ích đi nhưng thẹn vì có cảm tưởng như mình khoe-khoang và có cảm-tưởng như mình trẻ con dưới mắt bạn-bè. Cái bầu không-khí mà Lệ sống đó bi-đát đến nỗi Lệ có mặc-cảm mình kỳ quái khi xúc-động trước cảnh khổ. Thành ra luôn luôn Lệ giấu-diếm cử-chỉ của mình — Lệ phá Vi mà nói « cầu nguyện mà nghĩ tới sự thông cảm của mọi người » đấy thôi. Bây giờ thật lòng Lệ chỉ thấy mỗi người là một hành tinh, chẳng ai có thể cảm thông với ai mà cũng chẳng cần phải cảm thông với ai. Niềm tin tôn-giáo chỉ còn là thói quen không còn sinh lực. Nỗi đơn côi quen thuộc đến thành ra dĩ-nhiên, mọi sự đều thoáng qua, không có gì quan trọng. Hòa mình vào với mọi người thành ra chuyện không thể được và buồn hơn nữa lại thành ra một chuyện thừa. Vì nói đó là «penser comme on fait», để Lệ nghĩ lại xem.

o°o

Chi đi Đàlạt thì Lệ lại buồn hơn. Thường tới thăm Vi những buổi chiều để ngồi ngắm mặt trời lặn vào nước bể. Những ý nghĩ lúc hoàng-hôn vẫn đượm tính-chất bi-quan...

Niềm tin về cuộc đời tốt đẹp đã đã tìm lại được, khái niệm tôn giáo có nhiều sinh lực hơn, khái niệm về hiệu quả (*ngày nào bác-sĩ Barlint hay nói*) tượng hình rõ rệt hơn trong óc nhưng tình-cảm sâu-đậm nhất ngự-trị cả mùa xuân này vẫn là một nỗi buồn xót-xa. Có một cái gì đã mất đi. Không chính là tình yêu của Thái. Chắc chắn không phải là tình yêu của Thái... Chắc chắn Lệ cũng nghĩ như Vi, chuyện Thái là một chuyện đẹp, không phải là một chuyện não-nùng (như Thái cũng nghĩ và phát biểu). Huống gì Lệ vô tình.

Nhưng mà tình yêu đặt vào Chi ? Có cái gì như rạn-nứt. Lệ yêu Chi chắc-chắn rồi, không thế nào phủ-nhận. Nhưng mà những bỡ-ngỡ thời mới yêu nhau Lệ tưởng rằng càng ngày càng ít thì bây giờ lại như càng ngày càng trầm-trọng hơn lên. Mới hôm qua đây dáng-điệu hùng-hồ của Chi đối với lũ con nít ngoại ô Nha Trang khi chúng mó vào xe hơi bóng loáng của hai người làm cho Lệ rùng mình. Chi không biết rằng chính Lệ đã từng là lũ trẻ nhà quê mê chiếc xe thành phố bóng loáng... Chuyện này xảy ra sau khi biết về Thái làm cho Lệ có *mặc-cảm*. Lệ lãng-mạn đến thế sao ? Tại Thái hay sao ? Trăm ngàn lần không phải.

— Tình yêu có khả năng hoán-cải tuyệt-diệu

Tại Lệ đã không chịu để ý đến những suy tư của hai người. Nếu Lệ đừng buông trôi như trước thì với tình yêu Lệ sẽ hiểu Chi hơn và Chi cũng sẽ hiểu Lệ hơn.

— Trước kia Lệ có nghĩ gì đâu mà bảo quan-điểm bất đồng miễn cậu vẫn yêu Chi là được. Tình yêu sẽ giải-quyết tất cả.

Lệ tin rằng Lệ vẫn yêu Chi. Lệ muốn tin tình yêu có khả năng nhưng tại sao con người không tự nhiên thích-ứng với nhau mà cứ phải dung hòa ? Tại sao không phải như người ta thường nói : đã hiểu nhau và yêu nhau từ muôn ngàn kiếp trước ?

— Cậu thật là đại làm biếng. Cậu nên nhớ bất cứ điều tốt đẹp nào cũng cần phải có ít nhiều cố gắng, ít nhiều khổ đau. Huống gì là những vấn đề của tâm hồn.

Mùa xuân đã đến đem theo niềm hy-vọng đổi mới của đất trời. Lệ cũng đang rất muốn tin rằng tình yêu cũng có năng lực hoán cải trong mùa xuân.

TRÚC-LAN

1964

tự thú

đặng-vũ-vương

Tôi thích nói
Tuy nói ra
Cảm thấy mình
Trong sa mạc.

Tôi thích viết
Tuy viết xong
Tự thấy mình
Kẻ vực thẳm

Tôi muốn yêu
Nhưng biết yêu
Lại thấy mình
Già quá tuổi

Tôi sợ chết
Nhưng vẫn e
Bên thượng đế
Mình quá trẻ

NHẤT THIÊN

ĐỒNG AN, người đất Bắc, mồ côi cả cha lẫn mẹ từ thuở nhỏ, ở với bà dì. Gặp buổi loạn lạc, chạy vào Nam lánh. Tự nghĩ, thời buổi nhiều nhương, cái học làm quan không đạt mà đi buôn chẳng phải nghề nhà, nên Đồng An chú tâm học thuốc. Thấm thoát, tuổi gần ba chục mà cũng sắp thành tài. Bà dì thúc giục lập gia đình, chàng chỉ cười không nói. Ép mãi, chàng trả lời : «Dì thương mà bảo, để lấy chút con cái nối dõi tông đường, sao cháu không biết. Vả lại « bất hiếu hữu tam, vô hậu vi đại», tự nhận là kẻ sĩ, sao cháu không biết. Nhưng xin dì hiểu cho rằng : « lấy vợ không ra hồn vợ thì con sao xứng gọi là con. Có con cái làm nhục cho ông cha thì thà không có con tội còn nhẹ hơn. Vì vậy xin dì thư thả ít ngày để rồi khi gặp được người, cháu sẽ trình dì ».

Đồng An cư xử kể cũng khác thường. Hay bông đùa cười cợt, tuồng như chẳng coi việc gì là quan trọng. Nói chuyện với đàn bà con gái cũng chẳng giữ gìn, cứ coi như người cùng phái. Ở nhà, tính ít giao du, chẳng biết ai là hàng cùng xóm. Tửu lầu trà thất, hý viện không thường đến thăm. Các bạn lấy làm lạ, hỏi. Chỉ trả lời không thích. Có người thấy chàng ăn mặc xuềnh xoàng, nửa đùa nửa thật : «Chắc tại không tiền !» Chỉ đáp : « Có lẽ ». Một vài người thân thiết tâm sự thì chàng bảo : « Chẳng phải tôi không biết thưởng thức miếng ngon, nhạc hay, gái đẹp. Chỉ hiềm ở tửu lầu, giữa bát canh thường khi thấy cứt chuột, trong đĩa xào hay có con ruồi, ăn không sao ngon được ! Chốn trà đình, hý viện thì ca kỹ uốn éo, cười đùa, nhưng cười là cười với đồng tiền ; ca công tấu nhạc mà bụng lo vợ ốm con sài ở nhà, cốt mong hết giờ lĩnh bạc, thành ra tiếng nhạc tôi không thấy hay, nét cười tôi không thấy thú, mà chỉ thêm trong lòng một mối thương hại. Nên tôi không đến». Bạn lắc đầu : « Gàn ! gàn ! ».

Mùa thu năm Mão, giặc cướp tứ tung, trường học đóng cửa. Đồng An về lánh nạn ở trại của người bạn trong Đồng Bà Lớn. Phong cảnh u nhã, nhà cửa lơ thơ. Chán chuyện học hành, ngán mùi thế sự, Đồng An quay sang nghiên cứu tử vi, lý số. Cũng hay lấy truyện họ

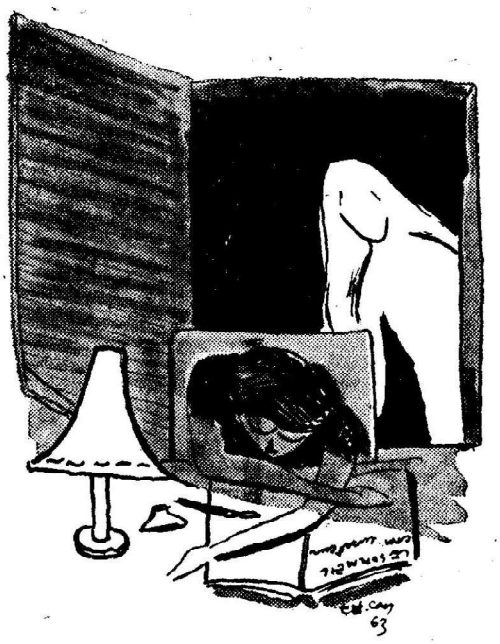

Bồ khiển muộn. Lúc hứng thì dạo mấy cung đàn, ngâm nga thơ phú, nhưng tuyệt không uống rượu. Bạn btết tính lạ, cho ở riêng một căn nhà góc vườn.

Một đêm rằm trăng sáng. Đồng An đem đàn ra sân dạo. Chợt thấy có tiếng chân bước ngoài đường, lại nghe tiếng con gái hơi sẵng giọng : « Ơ hay ! kệ người ta chứ ! » Nghi có chuyện khác thường. Đồng An bỏ đàn chạy ra. Thì thấy bóng một thằng bé độ 12-13 tuổi vụt chạy. Đứng lại là một cô gái, dáng dấp thanh tao. Ngập ngừng, nói : « Thằng em tôi... » Rồi hớm hỉnh nhìn chàng, tiếp : « Đêm trăng sáng, chị em tôi dạo chơi ngắm cảnh, tới đây nghe tiếng đàn, thằng bé nó bảo lại nhớ đến câu chuyện anh chàng nhạc sĩ nửa mùa và vợ người bật bông. Tôi mắng nó thì ông ra... » Đồng An đớ người. Nghĩ bụng : «Ghê thật ! người đẹp lại trêu mình !» Lại nghe nàng tiếp : « Thôi xin lỗi ông tôi về. » Rồi như nói tiếp mình : « Thằng bé chắc tới nhà rồi ! » Đồng An bắt chuyện : — « Thế ra cô ở gần đấy. Người cùng xóm với nhau mà tôi không biết, quả thật lỗi tôi đáng phạt ! Tôi theo nghề thuốc, mới về đây ở nhờ ít ngày. Nếu cô không chê là quá thô lậu sỗ sàng. Xin rời gót ngọc quả bộ vào chơi, để được lấy lễ lân bang đón tiếp — » Nàng ngần ngừ, song cũng thuận.

Vào nhà, đèn sáng, dung nhan lồ lộ, xinh đẹp bội phần. Không phải tuổi mới vừa đôi tám, nhưng khoảng chừng xấp xỉ hai tuần. Cặp mắt thoáng ánh đa tình nhưng cử chỉ ung dung, đứng đắn. Hỏi gia đình, đáp là con một. Tên Nhất Thiên — Cha mất sớm — Mẹ nuôi cho ăn học. Gần đây mẹ già mới mắc bệnh liệt nên phải nghỉ ở nhà. Người chú cho đứa con giai út làm con nuôi, ăn tự — Lại hỏi có biết cầm ca chăng. Đáp đàn tập nhưng không rành ; âm luật biết khá mà lúc hứng thì cũng hát được — Đồng An dạo đàn, hỏi : — « Giờ có hứng không ? » Nàng cười, cất giọng hát. Tiếng thật thanh tao, tha thiết — Đồng An chịu lắm. Đêm về khuya, nàng đứng dậy xin về. Đồng An đòi tiễn nàng chối vốn quen đi một mình. Hỏi bao giờ gặp lại, nàng đáp : « Chưa biết ». Dứt lời thoăn thoắt quay đi. Theo rồi, thấy mất trong một tòa biệt thự cổ cách nhà Sinh chừng nửa dặm.

Hôm sau, giờ Tuất nàng đến, mang theo một giỏ, cười bảo : « Mới làm được ít bánh, mang đến mời ông hàng xóm đây ! » Sinh ăn thấy ngon lắm. Hỏi đùa : « Bánh thì ngon tuyệt nhưng cơm có biết thổi không ? » Nàng giận : « Anh tưởng tôi là loại con gái chỉ biết làm mấy thứ bánh, vài loại kẹo để khoe giai chăng ? » Nói rồi đứng dậy. Sinh cuống cuồng xin lỗi. Nàng điềm mặt, nghiêm giọng : « Cũng chẳng thèm ở lại làm gì ! » Nhất định ra về. Đồng An trằn trọc suốt đêm không ngủ. Sáng chẳng muốn dậy. Cứ thế nằm bê bết cả ngày. Chờ mong nàng đến. Mới ba hôm mà mặt mũi hốc hác trông thấy. Tối hôm thứ tư, cuối giờ dậu có tiếng kẹt cửa. Ngoảnh ra thì đã thấy nàng lại. Tay sách giỏ đầy rau trái, thịt cá. Chẳng nói chẳng rằng, vào bếp Sinh mừng hết sức chạy theo. Nàng đóng cửa lại, bảo cấm vào. Nhìn qua khe thấy lửa bếp reo phừng phừng, còn nàng đang xào nấu. Giây lát bưng ra một mâm đầy món ăn thơm phức, gọi : « Lại ăn thử xem sao ! » Nàng má đỏ hồng hồng tóc mây phơ phất, xõa che

vầng trán lấm nấm mồ hôi. Trông tuyệt lại bát đũa sạch sẽ, thơm tho ; món ăn tinh khiết vừa miệng. Đồng An bàng hoàng, nửa tỉnh nửa mê, không tin rằng thực, chẳng dám ngờ hư. Lòng vui sướng khôn tả. Bệnh mười phần tiêu tán cả mười.

Tiệc tan, ngồi nói chuyện thấy người cực thông minh mà tính tình lại phóng dật. Đồng An yêu mà kính lắm. Định bụng sẽ về nói với dì xin hỏi nàng làm vợ. Chợt nàng kêu khó ở. Sinh dìu vào giường nghỉ tạm. Thấy tóc mây lòa xòa hơi rối mặt hơi xanh như xúc cảm mạnh, mắt nhắm nghiền mà hơi thở phập phồng. Đồng An cúi mình đặt nhẹ một cái hôn. Miệng nàng khẽ mỉm cười, yếu ớt. Cầm lòng chẳng đậu, Đồng An lần mở giải áo thì thấy thịt da mát rợi và nhẵn như củ mài, mùi hương thơm phưng phức. Tưởng sắp lên nơi đỉnh Giáp, non Thần. Lại chợt nghĩ chuyện Oanh-Oanh, Quân-Thụy, thân quá lúc đầu để mai sau khinh nhau. Vả kẻ sĩ đâu nên làm chuyện tiền dâm hậu thú, nên Đồng An khựng lại — Thì nàng mở mắt, cựa mình, hầm hầm chỗi dậy xốc lại xiêm y, chân vội vơ hài, bước ra. Sinh nghĩ nàng giận vì mình quá sỗ sàng, vừa toan kiếm lời xin lỗi nhưng gót sen đã thoăn thoắt đi xa. Đành ngồi ôm đầu suốt sáng, ngổn ngang trăm mối tơ vò.

Từ đấy chờ mãi không thấy nàng trở lại Đồng An võ vàng, sầu não. Kể đã gần một tháng. Lại tới hôm rằm, Sinh quyết đến ngôi nhà cổ tìm nàng, để phân giải khúc nhôi. — Tới nơi, cửa ngõ đóng kín, rào cây mọc rậm tuyệt trong nhà không có ánh đèn — Đánh liều trèo vào. — Sân gạch ẩm mốc, nhà chẳng có ai. Mé sau vườn hoa lá xum xuê tươi tốt. Giữa sân, một hòn non bộ cực đẹp. Im lặng hoàn toàn — Lắng nghe, thấy dường như phía cuối vườn có tiếng người khúc khích sau một lùm cây. Tìm chỗ núp nhìn ra lờ mờ: trên bãi cỏ mịn có hai người đang quấn quít, ái ân — Nhìn kỹ quả đúng nàng — Đồng An choáng váng ôm đầu. Khi uất bốc tận cổ Miệng khô ran. Cố lấy sức hét lên một tiếng « Bắt lấy đứa dâm tà ! » Thấy động bóng đàn ông vụt chạy — Còn nàng, vội quơ xiêm áo che thân. Sinh tiến lại định sỉ vả con người lẳng lơ cho hả, nhưng miệng không thốt nên lời. Vừa nhận ra chàng, nàng chỉ mặt mắng : « Anh ngu, tôi không thèm chấp, lại còn đến đây làm gì. » Tự nhận là kẻ sĩ mà không biết câu « Rắn đến nhà không đánh sinh quái » là một cái ngu. Thấy mặt mũi anh cũng sáng sủa, lại theo nghề thuốc, tưởng là người khá tôi đến trao thân mà anh không biết là hai cái ngu. Tôi bỏ về không thèm mắng là may cho anh lắm rồi... » Sinh vừa định phân trần nàng đã lớn tiếng tiếp « Đến đây, đã không tỉnh ngộ, lại còn ghen, ấy là cái ngu thứ ba cần phải trừng phạt. Đã thế, tôi phải cho anh biết» Dứt lời sấn sổ tiến lại. Đồng An líu lưỡi chưa kịp há miệng bỗng ánh trăng mờ đi, chẳng thấy nàng đâu, chỉ thấy trước mặt hùng hục một con heo nái, cực lớn, cực dữ, nhe nanh trắng ởn, rít lên xông tới. Đồng An hoảng sợ muốn quay đầu chạy mà chân tay bủn rủn rú lên một tiếng, ngã xuống. Bị cắn vào mặt, đau quá, ngất lịm.

* * *

Ba năm sau, ở đất Kẻ chợ, mọi người đồn ầm lên về một ông thầy tướng số dị kỳ. Kẻ thanh niên nào tình duyên trắc trở đến xem ông cũng cho một đạo linh phù về nhà ít lâu sẽ toại nguyện.

Có người họ Văn, thư sinh đất Hậu, lên trọ học ở kinh đô, bị người đẹp cho rơi, buồn muốn tự vận. Nghe tiếng, thử đến xem Vào nhà, thấy một người trạc chỉ độ 30 mà

buồn ký sinh

rồi nửa đêm gần sáng
tôi trở về ăn năn
thêm một lần tủi phận
cho khoảng đời thanh xuân

đường phố buồn rũ rượi
hai hàng cây thở dài
tôi cúi đầu chịu tội
với cuộc đời hôm nay

tôi thầm tự trách mình
đã bám vào thành phố
như những loài ký sinh
làm héo tàn cây cỏ

đã bao lần nguyền rủa
cuộc đời buồn làm đêm
phơi thân hình rận rụa
mà khóc cười như điên

sao vẫn còn ở lại
cho đêm đùa lên mình
những ưu phiền sợ hãi
những tủi hờn hiện sinh

Hà-lí-Hải
1961

mai sau

tôi sẽ về thăm quê em...
mùa xuân hồng nghiêng đôi cánh
cỏ cây mím miệng cười duyên
hoa nở trong lòng gió lạnh

tôi sẽ về thăm quê em
nhìn lối đi mòn đá sỏi
ngượng ngùng sóng đến làm quen
đồi cao nắng lành chói lọi !

tôi sẽ về thăm quê em
triu mến tình dân miền biển
tháng năm nghèo một con thuyền
sóng khơi suốt đời yêu mến !

tôi sẽ về thăm quê em
lưới này đợi nắng bên thềm
bé thơ hát đùa trước ngõ
mẹ già vá áo đêm đêm.

Đỗ-Nghê

---

râu dài tới ngực, đầu tóc lòa xòa. Mặt sẹo nhằng nhịt như bị thú cắn. Chỉ có đôi mắt là sáng. Đặt quẻ xong, định hỏi, thì thầy tướng khoát tay bảo im. Rồi cứ thế nhìn tròng trọc vào mặt Văn. Giây lâu lấy bút giấy ra viết, xong bỏ vào một cái túi vải vàng nhỏ, đưa cho Văn rồi xua tay đuổi ra chỉ nói: « Về nhà, giở ra khắc biết! »

Văn đành theo lời. Tới nhà giở túi ra thấy vẻn vẹn trên giấy mấy chữ:

« Ta chẳng lạ gì ngươi bị người đẹp bỏ. Đại phàm, trong việc tình ái, muốn khỏi thất bại, phải biết rằng: hết « văn nghệ », phải tiếp ngay « lao động ». Văn nghệ kéo dài xuống ắt cả đời bị đá. Lao động không văn nghệ trước thì má dễ ăn tát mà rồi cũng chẳng được. Đọc xong, phải đốt ngay. Lấy tàn hòa với nước mưa hứng giữa trời mà uống sẽ toại nguyện. »

Họ Văn chẳng hiểu ra sao, nhưng đang lúc buồn, cứ y lời dặn.

Ít lâu sau, quả nhiên bạn bè phải mất mỗi người hai trăm bạc mừng Văn lấy vợ.

TRẦN-LY-NHÂN

NHỮNG LÁ THƯ GỬI TỪ BỆNH - VIỆN

BỆNH VIỆN HỒNG BÀNG NHỮNG NGÀY THÁNG 1/64.

Hảo-Thanh

Sáng nay, trời trở lạnh. Một cái lạnh giao mùa đặc biệt của miền Nam. Thanh còn nhớ vào những tháng ngày này năm trước, giữa mùa hoa nở, Anh đã quen Thanh. Dạo đó, với cái lạnh êm-ả của ngày đầu xuân, Anh tưởng chừng như mình đang đi giữa lòng đại-lộ Elysées của kinh-thành bừng sáng Ba-lê, và rồi Anh huyên-thuyên kể cho Thanh nghe cảnh vật của những chiều đông tuyết phủ, bầu trời xuống thấp ; của những sớm thu muộn-màng về trên thảm cỏ ở lâu đài Versailles ; của những mùa Xuân về thay lá trong vườn Luxembourg và của.... như chính Anh đã trông thấy tận mắt. Ngày ấy, Anh vẫn còn mơ-mộng nhiều và đang sống trong những giây phút thiết-tha nhất của cuộc đời.

Anh thường đón Xuân với tất cả rạo rực của cõi lòng dù suốt năm tháng Anh sống cạnh thế giới của đau-thương. Thanh ! Anh vẫn còn nhớ mãi những gì đã len-lén đi vào người Anh trong mùa mai vàng năm trước. Anh đã giã-từ cuộc sống trai trẻ để trọn vẹn một niềm thương. Anh không ngờ hôm nay mình lại già-dặn như thế. Không thể một lần cánh én trở về mà con người Anh thay đổi, chính Thanh đã giúp Anh.

Đã bao mùa Xuân qua rồi, mà chiến tranh vẫn còn dai-dẳng trên quê-hương. Biết bao nhiêu người đã vội-vã vĩnh-biệt đất nước giữa mùa đô-hội, để chôn vùi thây mình nơi chiến địa sát khí, hay bên bờ ruộng của đồng bằng Cửu-Long, hoặc giữa chốn âm-u của miền Cao nguyên rừng rú. Anh không biết rồi đây, chừng nào con người mới thôi giết nhau, và chừng nào mùa thái-hòa mới tràn ngập thôn trang xa-xôi của quê-hương. Anh đã âm thầm cầu nguyện ngày đó ba năm về trước khi mùa chinh chiến sắp sửa thành hình, khi đứa con yêu của nhân loại Gagarine lao mình trên quĩ đạo, trong khoảng không gian vô tận.

Thanh có biết Anh đã nhờ chàng ta mang vứt hết ra ngoài bầu khí-quyển những mối rợ của chiến tranh, sự hận-thù, và sự nghèo đói, bệnh tật của loài người để cho trần-gian thấy mãi những buổi bình-minh rạng rỡ. Anh đã mòn mỏi chờ đợi. Và cứ mỗi lần Glenn hay Nicolaiev sắp sửa khởi hành, Anh cũng nhờ gió ngàn chuyển đến họ những mong-ước chân thành đó. Anh đã thất vọng vì sự ngông-cuồng của lòng dạ con người, họ đi thờ-phụng một chủ nghĩa, thay vì nghĩ đến sự hạnh phúc của những người đồng hành của họ, đang phập phồng lo sợ cho tương lai trên bất cứ mọi nẻo đường của mọi đô thị.

Thanh ! Anh chắc Thanh sẽ trách Anh nhiều về những ý nghĩ của lá thư này. Anh đã viết chúng trong cái hoang-vắng tứ bề của phòng trực của Bệnh viện. Anh đã thấy sự đau khổ chung quanh, chứ không phải cái vẻ hoan lạc phố phường, với những con gái đẩy đà, uốn lượn trong những chiều lộng gió. Chắc Thanh sẽ cảm thông nhiều với những cảm-nghĩ đang có ở trong tâm-trí của Anh, giờ này.

Mùa Xuân về rồi, đó Thanh. Nắng Xuân trong sáng lắm và hiền hòa làm sao !

Cả một mùa Xuân đang tràn vào phòng Anh. Từ cửa sổ này, Anh xin gởi đến Thanh và loài người những tiếng vọng lớn lao nhất mà con người có thể vang lên, là « NGÀY MAI, MỘT MÙA XUÂN THANH BÌNH ».

Thanh ! những ngày Xuân huy hoàng nhất của cuộc đời...

Anh,

ĐÌNH - VY

(Xuân Giáp Thìn 64)



bàn tay ta nắm bàn tay

SĨ-THẾ phụ trách

Trong số những thư từ của độc giả bốn phương gửi về tòa soạn có một bức thư của một nữ độc giả đề cập đến « thái độ » của người Sinh-viên Y-khoa trước người bệnh và thân quyến người bệnh. Nhận thấy bức thư có nhiều nhận xét làm chúng tôi suy-nghĩ rất nhiều, chúng tôi xin trích đăng dưới đây những đoạn chính trước khi trình bầy ý kiến của chúng tôi :

« Từ lâu tôi vẫn có một cảm tưởng tốt đẹp với nghề thuốc và với các anh Sinh-viên Y-khoa. Song gần đây vì có người nhà bị đau ruột thừa phải vào điều trị tại một bệnh viện trong đô thành, tôi có dịp được gặp hai anh Sinh viên khám bệnh và tôi mất nhiều cảm tưởng tốt lúc đầu.

Trong khi chúng tôi đang lo lắng cho sinh mạng của người thân thì hai anh Sinh viên khám bịnh xong cười với nhau, nói : « Bệnh hèn, cho sửa soạn khui » rồi quay lại vừa cười vừa nói với tôi « Không sao đâu, cô yên trí ». Tôi cảm thấy ghét cái cười không đúng lúc đó.

Được biết báo Tình Thương do các anh Sinh viên Y-khoa chủ trương, tôi thấy được một dịp tốt biên thơ hỏi các anh rằng các anh có phải là những người cười trên nỗi khổ sở của kẻ khác không ?...»

Nguyễn-thị-Minh-Hiếu
Nữ sinh Gia-Long

Chúng tôi rất thông-cảm với nỗi thắc mắc của cô. Thật vậy, khi đến bệnh viện ai cũng muốn người thân của mình được săn-sóc chu-đáo và mọi người sẽ chia xẻ cùng mình nỗi lo lắng trước bệnh tật hiểm nghèo, nhưng phần lớn đều cảm thấy không được mấy hài lòng trước thái độ trầm tĩnh, đến gần như bình thản của người thầy thuốc.

Thật ra thái-độ bình-thản không phải là không phải là không chia xẻ nỗi ưu-tư với người bệnh và gia-đình. Sự bình-tĩnh của người thầy thuốc là một đức tính cần phải có để có thể đương đầu với mọi nỗi khó khăn nghề nghiệp. Hơn nữa vì Tình Thương đối với bệnh nhân, người Y-sĩ không có quyền bộc lộ nỗi lo âu của chính mình để làm tăng thêm bối-rối của thân nhân người bệnh, và cũng vì Tình Thương mà người Sinh viên Y-khoa cần có nụ cười trong nhiều trường hợp : Nụ cười nở trên môi người thầy thuốc khi họ tin chắc rằng sự trị liệu sẽ giản dị, bệnh nhân dễ thoát cơn nguy hiểm, và nụ cười còn có mãnh lực truyền cảm làm dịu nỗi lo âu của người bệnh và thân nhân.

Phải chăng cô đã nhìn người Sinh viên trẻ tuổi qua hình ảnh một ông đốc-tơ, phương phi đạo mạo, lúc nào cũng đầy vẻ nghiêm trọng ? Chắc cô không lạ gì tính vui vẻ của thanh niên cũng như lời nói của chúng tôi chỉ đượm sắc-thái của tuổi trẻ.

Chúng tôi nghĩ rằng trường hợp cô nêu ra có lẽ là một trường hợp dễ giải quyết trong Y-khoa, và nụ cười của hai anh Sinh viên kia không ngoài mục-đích gây tin tưởng cho gia-đình bệnh-nhân và có lẽ một phần nào cười luôn sự lo lắng quá đáng nhưng không kém vẻ duyên dáng của người đẹp.

Dầu sao lối nhận xét của cô cũng hơi quá nghiêm khắc đối với chúng tôi và tôi mong rằng đọc xong bài trên đây cô sẽ thông-cảm với tâm-hồn người Sinh viên Y-khoa hơn. Chúng tôi hy vọng sẽ có dịp nói nhiều hơn về sự liên lạc hằng ngày giữa Sinh viên Y-khoa và bệnh nhân.



SỚ TÁO QUÂN

Khẩu đầu trước Thiên-nhan
Thần : Táo - Quân Việt - Nam
Của Y-Khoa đại học
Triệu tuế chúc Ngọc-Hoàng

xxx

Thần chịu ơn mưa móc
Hạ giới chức Táo-Quân
Năm nay làm tầu trần
Dâng Bệ-hạ tường lãm :
Năm Qui-Mão khiếp đảm
Lũ Diệm-Nhu ra tro
Đàn áp Phật-giáo-đồ
Máu tanh nồng xứ Huế
Sinh-viên Huế bảo vệ
Quyền tự-do con người
Chống độc tài tanh hôi
Lũ dã man đàn áp
Lưỡi lê đâm cán ngập
Vào ngực đám biểu tình
Lựu đạn nổ vang inh
Từng cây thịt ngã đổ
Máu thành suối trên lộ
Đám biểu tình hiên ngang
Tiếng phản đối lừng vang
Vẫn coi thường súng đạn
Lũ đầu trâu uất hận
Mang xe tăng ra đè
Máu thịt nát bè be
Quân dã man thế-kỷ
Chúng bảo : đám sinh viên bất trị
Còn đả đảo còn giam
Lũ mật vụ đi nhòm
Từng nhà để lục soát
Tìm sinh viên bí mật
Hoạt động chống độc tài
Bắt được chúng giam ngay
Đêm ngày mang tra tấn
Chúng bắt khai tường tận
Tổ chức nào giục xui
« Tôi tranh đấu con người
Cho tự-do, lý tưởng »
Anh sinh viên hét lên,
Chúng kẹp mạnh bằng kìm
Máu đào tuôn xối xả
Lũ dã man hành hạ
Anh sinh viên nghiến răng
Dù đau không nói năng
Cho đến khi ngã vật.
Lấy nước đổ lên mặt
Chúng gọi tỉnh, lại tra
Thân thể chỉ còn là
Đống thịt da đầy máu

xxx

Saigon nổ tiếng pháo
Sinh viên gọi họp nhau
Trường Y-Khoa đứng đầu
Chọn làm nơi tụ tập
Sinh viên đến tập nập
Thuộc đủ mọi phân khoa.
Giảng đường vang tiếng hô :
Bãi khóa, ta bãi khóa !
Ủng hộ sinh viên Huế !
Phản đối bọn độc tài !
Trường Luật lần thứ hai
Lại họp mặt đông đủ
Không ngán lũ mật vụ
Chẳng e họng súng đen
Vẫn ùn ùn đứng chen
Đả đả lũ đàn áp
Lũ độc tài gian ác
Ông Mẫu cạo trọc đầu,
Sinh viên nguyện đứng sau
Tranh đấu, phải tranh đấu
Đòi tự do, cơm áo
Đòi tín ngưỡng cân bằng
Ngày hôm sau định rằng
Đi biểu tình phản đối
Ngày chủ nhật được rồi
Khắp mọi người sẽ theo
Ai dè quất một hèo
Lũ chó săn dăng bẫy
Chúng vây cả một khu
Lùa gà dồn vào bu
Xách đi giam cả thảy

Chúng làm hết lối chạy
Chúng chặn đường Duy-Tân
Phan đình Phùng, Bà Trưng
Đường Pasteur bỏ ngỏ
Cốt thả mồi để nhử
Các sinh viên biết đâu
Nơi hẹn vẫn cắm đầu
Đi vào chắng nể sợ.
Thôi thôi mắc vào rọ
Cả thảy hai ngàn người
Chúng bắt giam lại rồi
Trại Quang Trung đông nghịt.
Bắt bắt, bắt bằng hết
Những sinh viên, học sinh
Sáng hôm ấy : Bùng Binh
Từ chợ Bến Thành đổ
Các thanh niên thiếu nữ
Biểu ngữ dăng ngang trời
Phản đối lũ độc tài
Bọn chó săn nổ súng
Một bóng trắng ngã gục
Quách-thị-Trang vỡ đầu
Chúng lùa bắt hàng sâu
Về Tổng Nha hỏi tội.
Vài ngày sau sôi nổi
Dịch bãi khóa tràn lan
Võ Trường Toản, Trưng Vương
Chu Văn An, Kỹ Thuật
Lũ công an lại bắt
Những họng súng đen sì
Súng trường cắm lưỡi lê
Đẩy lên xe về trại
Các học sinh nhỏ dại
Còn ý thức việc làm
Một cô bé mười lăm
Bị kéo lê xềnh xệch
Dẫy dụa, áo xốc xếch
Thằng chó săn tức mình
Đấm vào ngực nữ sinh
Cô bé mềm chết ngất
Một hai ba chúng vật
Lên trên xe cam nhông
Không một chút tình thương

x^x^x

Cách mạng chợt bùng nổ
Bọn độc tài bị đổ
Đứa thì chết nhăn răng
Đứa Chí-Hòa vào nằm
Tự do về ngập mắt
Sinh viên bàn việc gấp
Cái Tổng-hội Sinh viên
Loại « tiền chế » thuê tiền
Được tức thời phế bỏ
Trước khi bầu thiệt thọ
Bầu đại diện lâm thời
Ôi thôi lũ « thịt xôi »
Được một phen chen lấn
— « Tớ đã từng bị « tẩn »
Công an giam trong hầm »
— « Tớ năm ngày Quang Trung
Cơm khê, canh, cá hẩm »
Háo danh còn « cổ đẩm »
Sinh viên sáng suốt rồi
Cái ghế anh muốn ngồi
Dù Lâm Thời Đại Diện
Không thể bầu phiên phiến
với thành tích thành... teo
Loại vỗ ngực : lộn mèo
Khó mà nên danh lắm
Rồi Tổng-Hội bầu bán
Lựa đại diện các trường
Qua Đại hội... khoe trương
Vài chục mống tham biểu
Cả thảy mười ba phiếu
Đại diện mười ba trường
Thiếu Văn-Khoa, « phắc xiêng »
Không tham dự đại hội

x^x^x

Cách mạng : nhiều thay đổi
Sinh viên chê ông thầy
Ông này hồi trước đây
Ngô-Triều phục vụ kỹ
Bây giờ không có lý
Ông còn ngồi nghênh ngang
Xin mời ông « xuống thang »
Về kiếm ăn quanh quẩn
Có vài ngài « cổ đẩm »
Gân cổ muốn thanh minh
Chính phủ cũ, thanh liêm
Không hề ăn hối lộ
Không hề chỉ tay tổ
Những sinh viên đầu tranh
Không hề cậy quyền hành
« Giết » sinh viên thì cứ.

x^x^x

Tiếng súng vừa ngừng nổ
« Đăng xinh » đã nhảy đẩm
Ăn mừng việc thành công
Nhảy chi cha chi chết
Nhảy nhảy hoài cho mệt
Cho bõ những tháng ngày
Nhảy « Tuýt » cho mòn giầy
« Sì Lao » cho khít chặt
« Tăng gô » bước « Ngựa vật »
« Cha cha cha » dập dìu
« Bi bốp » giật « lộn vèo »
Nhảy nhảy nhảy nhảy nhảy
Rồi « Boum » mở đầy rẫy
Nay trường này có « Boum »
Mai trường kia tùm lum
Tiệm may lo may gấp
Tiệm giầy lo sản xuất
Hãng nước ngọt mừng rơn
Lò bánh ngọt làm dồn
Thôi đủ ngành hoạt động
Các cậu tha hồ lộng
Các cô mặc đẩm đìa
Cũn cỡn cái đẩm xòe
Ngắn nửa đùi kệch cỡm
Trông như mặc xà lỏn
Điệu « Tuýt » lắc lắc lư
Cái mông to... bỏ xừ
Ngoáy liên hồi, uốn ngực
Chàng trai « à te » ...hực
Cô gái ngửa lên trên
Hai trái núi toòng teng
Khua chuông kêu dậm dật

x^x^x

Biểu tình chống trung lập
Tiếng hò hét vang ồn
« A ba » chàng « Đờ-Gôn »
Tòa đại sứ lo sợ
Tưởng họ chực phá đổ
Phen này Phú Lăng Sa
Có cơ bị tuột dù
Nhưng rất may êm ả
Sinh viên về các ngả
Sau khi đã hô rền
« Hội Tây » lại một phen
Cũng sợ... long tóc gáy
« Hội Các Vua » vẫn vậy
Mỗi năm mở một lần
Tất nhiên có « nhảy đẩm »
Song song mục « đớp hít »
Năm nay... số chết tiệt
« Cạc » đã bán mất rồi
Sửa soạn đã xong xuôi
Thì bị ngay phá phách
Bọn phá nói cái toẹt :
Mở « Boum » để tuyên truyền
Chủ nghĩa trung lập... điên !
Thế là « Boum » thất bại

x^x^x

Từ nẫy thần lải nhải
Đã tâu đủ việc trần
Về Sinh viên Hạ Giới
Trình sớ này kính dâng.

Cẩn tấu
(Đ. Đ. K. sao lục)



NĂM RỒNG

NÓI CHUYỆN TÍ

Tí đây không phải là vị thứ nhất trong 12 địa-chi.

Tí nôm na chỉ cái vú. Vú thuộc giống gì, đực hay cái ? — Xin thưa, giống cái, bởi vì người ta thường gọi là cái vú chứ chưa thấy ai gọi nó là thằng vú cả.

Dù đàn ông hay đàn bà, mỗi người đều có 2 cái vú. Chỉ khác nhau ở chỗ to nhỏ thôi. Tại sao lại to nhỏ khác nhau như vậy ? Cứ theo như các cụ, vú to cốt để nuôi con. Bởi : đàn bà không vú lấy gì nuôi con. Nhưng theo quan-niệm tân-tiến ngày nay, trời cho bộ ngực đồ sộ là cốt làm đẹp người đàn bà. Đấy là đại cương. Chứ to chưa chắc hẳn đã đẹp Còn cần cái « phoóc » (forme) nữa, nào hình chóp nón, nào dạng quả lê, quả bưởi, nào bánh dầy. v.v... Có lẽ dạng quả lê đẹp hơn cả nên vú mới có một tên văn vẻ là trái tuyết lê. Nhưng anh bếp nhà quan trong « Tắt Đèn » của Ngô-tất-Tố lại chỉ nôm na đặt tên là « oản bụt ». Tại sao lại oản, tại sao lại bụt, xin chịu. Bạn nào cao kiến làm ơn mách giùm.

Bởi cái khối, cái hình quan-trọng như thế trong cái sự đẹp nên mới có kẻ làm giầu bằng cái nghề làm của giả để bán cho những cô không hài lòng về cái vốn trời cho của mình. Những của giả này xem ra chỉ thịnh-hành ở nơi đô-hội chỗ có nhiều người văn-minh học-thức ở. Còn phụ-nữ thôn quê, dốt nát, tuyệt-nhiên chẳng ai thèm ngó đến những của giả đó, vì lẽ, riêng vốn trời cho đã hùng-hậu lắm. Tại sao lại có cảnh oái - oăm đó ? Chưa thấy sách nào nói đến. Nhưng cứ theo như nhận - xét của kẻ ngu-phu này, sự học dường như thù sự phát-triển bộ ngực phải đẹp (không tin xin mời các bạn nhìn chung quanh xem). Bởi vậy, xứ người, các cô đào bộ ngực bảo hiểm hàng triệu đô-la mới nhũn nhặn khoe khoang mình đỗ... tiến sĩ hay cử nhân ; và xứ mình, những em «tốt nái» «co» hay, tính tình trầm buồn, ưa đọc tiểu thuyết, thích xem xi-nê và nhún nhẩy nhạc Twist mới đưa cái trình độ trung học tư thục ra quảng cáo, đăng báo tìm bạn.

Sở dĩ có những sự lộn xộn trên, chẳng qua tại ông trời ngu. Sao ông không phát cho các bà các cô mỗi người một đôi vú thật to có được không ? Nhưng đừng cho đôi vú đó mọc trên ngực, mà cho mọc ở trên lưng hay trên mông để họ ngày không ngồi được, đêm không nằm được. Chừng đó, những người thích vú lớn, chắc chỉ còn có nước đi cớ bót các bạn nhỉ.

Vì chuộng cái hình, cái khối như thế nên một số các bà mới nẩy ra ý kiến giữ gìn bằng cách không cho con bú. (Dĩ-nhiên sai lầm về phương diện khoa học vì cái gì không dùng ắt teo lại, nhưng đúng về phương diện luân lý của các bà). Và ngày xưa mới nẩy sinh ra cái nghề vú em. Vú em vốn là những người nhà quê chuyên tẩm bổ bằng cách ăn khoai trừ bửa hay khá hơn là những người chuyên ăn vã cơm gạo đỏ. Thế nhưng có đôi oản bụt loại tốt. Được các

quan (quan phủ quan huyện cũng có, quan tham quan phán cũng có) mượn về giả lương cao, cho ăn mặc sạch sẽ, cho tắm rửa sà phòng. Công việc chỉ chuyên sản xuất sữa nuôi cô hay cậu. Cũng có khi để nuôi cồ ông hay cồ bà vì già lão răng rụng, không nuốt được cao lương mỹ vị. Những cô hay cậu được tắm bổ như thế thường mũm-mĩm, phốp-pháp, và lớn lên thường khôn ngoan như những... ông nghị.

Tuy-nhiên chẳng phải quan-ông nào cũng thực-thà nghĩ rằng vú em là vú của em. Nhiều vị cho rằng vú em đôi khi còn là vú của... ông (quan ông) nữa. Vì thế thỉnh thoảng, nhất là những khi quan bà đi đánh bạc, giữa đêm khuya, chỗ vú em nằm, mới xảy ra những cuộc đối-thoại khá hấp-dẫn, đại-khái như :

— « Ai ? »

— Suỵt ! Tàao ! Tà... ao đây ! Cụ... đây ! Quan đây ! Nằm im.

Nhưng khoảng độ gần 2 chục năm nay, nghề vú em cao quý đó lụn bại dần và bây giờ mất hẳn. Ấy thế mà chẳng thấy các ông tai to mặt lớn lập kiến-nghị hay biểu-tình phản đối gì cả !

Số là đã có một lớp người mới, dễ dàng hơn cho quý ông, thay thế. Đó là các ranh-ca sồn sồn, hay mặc loại váy trông như cái quần đùi chỉ có một ống. Loại này ca không hay nhưng thường ngoáy mông, múa vú trong lúc hát. Các vị làm to, chức lớn, đặc-vụ, đặc-trách văn nghệ chỉ cần tặng quần, tặng áo trên màn ảnh, hoặc hứa cho xuất ngoại, là sẽ được toại-nguyện ngay. Thật ra thấy bụng các vị quyền-thế đó dầy mỡ chắc các nàng cũng ngán, nhưng nghĩ lại, gì quý bằng tiền ở thời buổi này. Vả, « nằm ngửa ăn sẵn » còn gì thú hơn.

Nghề vú em mất đi, tựu chung chỉ các cậu bé, cô bé bị thiệt. Các bà vẫn không cho con bú. Không có vú em, đã có vú cao-su thay thế. Người ta chỉ dùng sữa bò nuôi con, mà không cần biết rằng sữa bò để cho bò con chứ không phải cho người. Thành thử nhiều cô, cậu lọt lòng ra chẳng hề biết mùi vú thịt là gì, phải ngậm vú cao-su dai nhách và nuốt sữa hôi rình. Nhưng bộ tiêu hóa của các cô cậu nhiều khi không chịu, nên các bác-sĩ được một phen chiều-cồ. Bác-sĩ phải cho thay sữa, cho dùng thứ sữa bò nào được quảng cáo giống sữa người nhất (nhưng than ôi ! làm sao giống được !).

Chính vì sữa bò được dùng để nuôi người như vậy nên thời nay mới nẩy ra lắm loại cao-bồi (cow-boy) và cao-gơớc (cow-girl). Cũng vì sữa bò được dùng nhiều như thế, nên mỗi khi vì lý-do này hay khác, sữa không nhập-cảng được mọi người xôn-xao lên, chạy chọt kiếm sữa và đổ tiền vào túi mấy chú chợ đen chuyên-nghiệp.

Nghĩ lại, không cho trẻ sơ-sinh bú mẹ tuy có vài điều bất-tiện lặt-vặt như vừa nói trên, nhưng cũng có nhiều cái lợi. Trước hết bà mẹ có dư thời giờ để đánh bài hay làm các công-việc liên-đái, sau nữa là tỏ cho người ngoại quốc biết rằng dân mình cũng « bợm » lắm vì thạo ăn bơ uống sữa (nhà quê nào biết dùng những thứ đó) — tuy đôi khi sữa và bơ đó có tính cách thừa và cặn — (nói một cách bóng bẩy là đồ thặng dư).

Trở lại thời xưa, khi cái vú còn dùng để nuôi trẻ, vú lớn có một điều lợi. Số là khi đứa bé khóc, chỉ cần nhét đại đầu vú vào mồm, nó sẽ im tịt liền. Trong cái lỗi bịt miệng này, vú càng to càng lợi. Vì thế nên có câu : « Cả vú lấp miệng em ». Nhiều người cho như thế là bắt nạt đứa bé. Nhưng kể cũng oan cho cái vú. Bởi lẽ, dù có to đến đâu chăng nữa, đứa bé không chịu ngậm hay ngậm nhưng không chịu bú, cứ quyết chí khóc, thì cũng chẳng làm gì được nó — Xét kỹ, đó chỉ là một cách giải quyết sự « ăn vòi ».

Sự vòi vĩnh và lối giải quyết này chẳng phải chỉ xảy ra giữa cái vú và đứa bé — Đó còn là một chiến thuật của nhiều người lớn, trong những xứ có cái nghề đặc biệt là nghề chính trị gia sa-lông như ở nước mình. Đại khái khi không bầu xấu được tí gì trong chính quyền, các chính trị gia sa-lông đó bèn làm quen với một số người ngoại quốc, tuyên bố ái quần ái quốc ồm tỏi, vỗ ngực đối lập ầm ĩ. Cứ như vậy cho tới khi nào chính quyền điếc tai không chịu được, thò « Cái

Vú những quyền lợi» ra là các vị đó liền đợp lấy, mút chùn chụt và im miệng luôn. Câu « Cả Vú lấp miệng em » áp dụng vào trường hợp này mới đúng.

Vú quan trọng như thế nên các nhà động vật học chia động vật thành loài có vú và loài không có. Nhưng có những con vật không biết nên liệt vào loài nào, vì không biết chúng có vú hay không. Đó là trường hợp con Rồng. Nó có mà nhũn nhặn cất đi hay nó không có thật, điều đó không ai biết, Có mà đầu đi tức là không muốn ai tò mò bàn tới. Không có lại càng không muốn thiên hạ xì xầm. Mà con Rồng làm chủ năm nay. Vậy muốn yên thân trong năm mới, chỉ có cách chấm dứt câu chuyện « cái tí » cùng với chuyến ra đi của Con Mèo.

TRẦN-LY-NHÂN

NHẠM NHỞ

Người vợ hoàn toàn

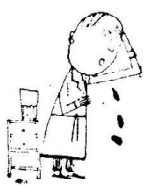

Có một chàng, nổi tiếng là « đẹp giai, học giỏi, con nhà giầu, biết võ tầu », thường bàn với chúng bạn về người vợ tương lai của chàng. Chàng nói : « Một người vợ hoàn toàn phải là một nhà kinh tế học trong bếp, một người quý phái nơi phòng khách và một người đa tình trong phòng ngủ »

Ít lâu sau, chàng ta gặp một cô gái rất đẹp, hai người cùng bị « tiếng sét ái tình » Họ lấy nhau ngay. Nửa năm sau ngày cưới, chàng lại gặp những bạn trai lúc trước. Họ tíu tít hỏi thăm về vợ chàng. Chàng ta buồn rầu đáp : « Nó có đủ các đặc điểm mà mình muốn, nhưng các đặc điểm ấy lại bị xáo trộn hết cả. Nó là một người quý phái trong nhà bếp, một kẻ rất đa tình nơi phòng khách và một nhà kinh tế học trong phòng ngủ ».

V.T.Đ.

Tranh không lời





HỒ SƠ BỆNH LÝ

Lý do vào bệnh viện : Bệnh-nhân L.V.N. cao 1m55, nặng 30 kg, vào bệnh-viện từ hôm 1-1-1964 vì chứng « xanh-xao vàng-vọt ».

Sơ-lược chứng-bệnh :

— Bệnh bắt đầu được một năm, ghi nhận bởi những sự thay đổi trong thái-độ của bệnh-nhân : Bệnh nhân trở nên chú ý đến cách ăn mặc, lười học và hay lẩm nhẩm một mình.

— Bệnh-nhân đặc-biệt hoạt-động mỗi khi cô bạn gái trong lớp lại gần.

— Bệnh-nhân hay cáu kỉnh với các bạn trai và đã có lần đánh vỡ mồm một người, gẫy răng hai người khác vì những người này « nhạm nhở » đối với cô bạn gái nói trên.

— Bệnh-nhân trở nên yếu người khi được tin người bạn gái đi nghỉ mát ở Nha Trang với một người khác phái và quỵ hẳn khi được giấy báo tin đính-hôn của cô này.

Tiền căn :

— Một lần bị chó cắn vì lảng vảng trước cửa nhà cô bạn, trong lần này bệnh nhân còn bị cảnh binh bắt về tội mặc quần cụt ở ngoài đường (vì quần dài bị chó cắn rách nát), đái đường (vì sợ và vì chờ quá lâu).

— Một lần cán chết mất hai con vịt (bệnh-nhân quá vội đuổi theo cô bạn gái đi xe-hơi). Vì không mang theo tiền nên bệnh-nhân đã phải rửa bát đền chủ vịt trong 4 giờ. Lúc về bệnh-nhân nằm liền 2 ngày vì quá mỏi-mệt.

Khám-xét bệnh-nhân :

Bệnh-nhân gầy như que củi, người ta sờ thấy một khối to như cái bát ở phía trái tim. Khối này gõ lên kêu « boong boong » và rất đau đớn.

Về mặt bệnh-nhân cực kỳ buồn bã, hốc hác, mất lời và rất ghét các nữ-y-tá. Tuy nhiên khi mê-sảng bệnh-nhân hay nắm tay các nữ-y-tá mà kêu một tên gì nghe mường-tượng như tên một loài hoa thường mọc ở Đà-Lạt.

Mình mẩy bệnh-nhân hôi hám, có lẽ vì giận đời nên không thèm tắm. Chân có nhiều nốt ghẻ đang đóng vảy.

Chụp hình :

Thấy một khối đen có hình trái tim xuyên qua bởi một mũi tên.

Kết luận : Bệnh nhân bị bệnh « See Teenh » và đang hốc hác vì các biến chứng của bệnh này.

Phương-pháp điều-trị :

Lấy một lít mồ hôi của nàng « sắc đặc » lại, một nửa cho bệnh nhân uống, một nửa bôi vào mũi. Nếu dùng liều mạnh nhất, trong một giờ đồng hồ sẽ khỏi hẳn và bệnh-nhân có thể về gia-đình ăn Tết.

TRẦN-MỘNG-LÂM

GIẢI ĐÁP CÂU ĐỐ KỲ TRƯỚC

— *Bộ phận nào teo lại và nở ra trăm lần mà không mệt ?*

— *Đó là con ngươi (pupille). Honni soit qui mal y pense !*



— *Năm mới để anh mừng tuổi em một mũi thuốc bổ nhé...*



— *Khi con ông thợ may làm đốc tơ.*



Các cô ơi ! Bắt đùm con mèo « Quý Mão » hộ tôi với ! Còn đâu là « đường kim mũi chỉ » nữa !

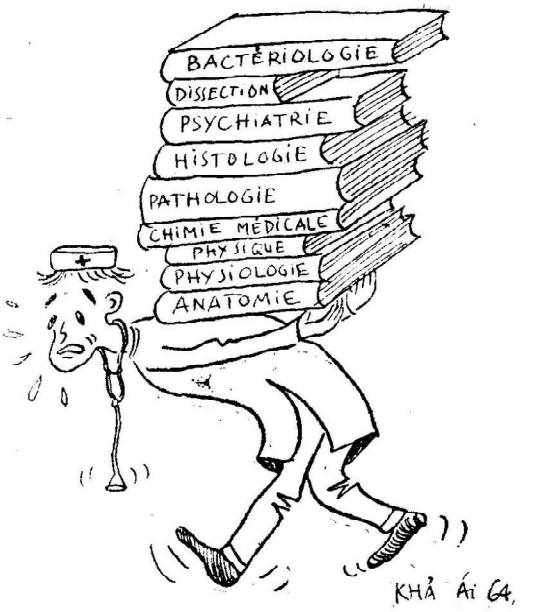

Trông anh em cũng thương tình,
Lấy anh sợ lụy đến mình, em thôi.

Tản-Đà



— Để tôi biểu diễn một « đường kim » hỏa-tiễn đón mừng năm mới !



Sông sâu còn có kẻ dò,
Lòng người nham nhở ai đo cho tường

NHAM NHỞ

Ranh ngôn !

Không bao giờ nên đánh người đàn bà bằng một bông hoa, mà nên đánh bằng một cái... ba toong.

Cam đoan không sai !

Thà giầu có mà béo tốt còn hơn là nghèo khổ mà ốm đau !!!

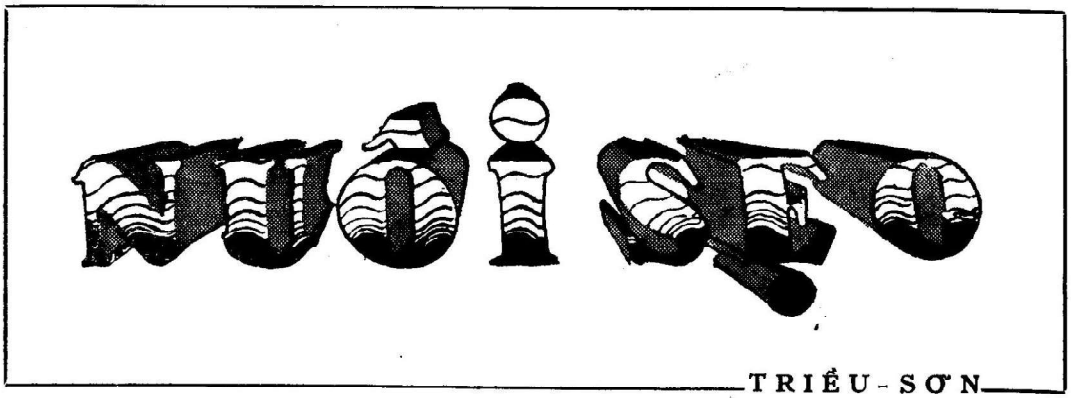

CHƯƠNG I

I

Làng Ngò tên tự là Ngọc-Dương, thuộc tổng An-Định, huyện An-Giang là làng sở tại của huyện. Tất cả làng có độ dăm ba trăm nóc nhà ở chạy dài theo đường xe lửa Hà-Nội Hải-Phòng. Dân làng phần nhiều làm ruộng mò cua, đánh cá, bắt ốc, đan rổ rá bán; một số làm thuê, ở mướn cho các nhà buôn ngoài phố An-Giang, phía bên kia đường sắt.

Làng Ngò không có một bờ rào tre xanh bao bọc chung quanh như những làng khác trong vùng quê này. Con sông Ngò chảy trong cánh đồng bằng-phẳng như ôm ghì lấy nó mà đẩy ép vào con đường sắt. Phía đường sắt, những mái nhà tranh ở chòi ra tới gần bờ đá; phía sông, hàng rào tre đã thưa lại bị dứt ra từng quãng dài nên người đi bên kia sông có thể trông thấy đình Ngò và những nhà gianh lụp-xụp trên bờ sông; chỉ phía đông giáp-giới với đồng Ngò là có một bờ rào tre khá dầy.

Con đường chính của làng là đường đê của sông Ngò, một đầu bám vào đường sắt, một đầu chạy thẳng ra cồng đông. Nó chia làng ra hai khu-vực rõ-rệt: một khu cao, — tất cả các nhà giầu trong làng đều ở trong khu này —, một khu thấp thoai-thoải xuống tận bờ sông, nhà ở khu này hầu hết là nhà gianh, đều bị ngập vào mùa nước lớn. Mỗi khu-vực chia ra làm nhiều xóm: khu trên có xóm bà Chánh Tạ, xóm cụ Tuần, xóm bà đồng Mi, xóm Miếu, xóm Giếng; khu dưới có xóm Đá, xóm đình, xóm chùa. Rất nhiều ngõ nhỏ ngoằn-ngoèo, ngoặt-ngoẹo nối liền các xóm này với đường cái làng.

Ngoài đình chùa và miếu làng ra, tất cả chỉ có độ chục nhà gạch; còn hầu hết là những nhà gianh. Xóm nào cũng có những ao tù. Tất cả làng chỉ có một cái giếng xây ở giữa làng nằm cạnh đường cái làng.

Người làng phần nhiều là người hai họ Nguyễn và Đoàn. Họ Nguyễn là họ lập ra làng lại là họ có nhiều người giầu-có thế-lực. Những nhà gạch trong làng phần nhiều thuộc người họ này. Trái lại, họ Đoàn mới đến nhập-tịch được hai ba đời là họ vừa ít người lại vừa lép-vế, vừa nghèo. Những gia-đình này xưa nay vẫn chui-rúc với nhau lúc-nhúc trong các căn nhà gianh ở những nơi ẩm-thấp nhất.

Phố An-Giang chỉ cách-biệt với làng Ngò bằng một con đường sắt. Dân phố, một số nhỏ là người làng, phần nhiều là người các nơi đến trú-ngụ, buôn-bán, mở-mang công-nghệ. Có người lập-nghiệp đã trên vài chục năm. Ở đây có những hiệu khách tạp-hóa, lại có chợ Huyện, một tháng sáu phiên, là cái chợ lớn nhất cả vùng này.

Đường chính phố là một khúc của đường

quan-lộ chạy dài theo đường sắt. Đến khoảng giữa phố, nó nở phình rộng — các hiệu khách lớn đều ở vào khoảng này — tách thêm ra hai ngành nhỏ, một ngành chạy về phía bắc, thẳng qua trước cổng huyện, tới bến đò làng Sen, một ngành theo hướng đình ra tới chợ Huyện. Ở một đầu phố là cái cầu sắt có đường xe lửa chạy trên, bắc qua con sông Ngò cắt ngang đầu phố. Ở đầu phố đằng kia là cái nhà ga xe lửa sừng-sững trước mấy nhà hàng cơm, hàng nước. Rồi đến dãy nhà vẹo xiêu, bần-thiu của những người cu-ly, trộm cắp, gái đĩ, những kẻ không nghề-nghiệp nhất-định. Cách xa độ nửa cây số là trường sơ-học của huyện-lỵ, ở bên đường cái quan, quay mặt ra đường sắt.

Vùng huyện An-Giang này là vùng sản-xuất gạo vào bậc nhất tỉnh Hải-dương. Một năm hai mùa lúa, các hiệu khách mua gạo của dân quanh vùng, đóng những va-gông lớn nhỏ, chở đi bán các nơi. Ở các làng quê lân-cận, chỗ nào người ta cũng nghe thấy tiếng cối xay ù-ù, tiếng cối giã thình-thịch. Dân quê làm gạo bán, còn lấy cám để nuôi lợn. Thường thường nhà nào cũng có một chuồng lợn hay một vài con lợn thả rông nên vùng huyện An-Giang này cũng sản-xuất rất nhiều lợn. Mấy làng ở cuối huyện trên bờ sông Thái-Bình lại có nghề đánh cá. Vào những ngày phiên chợ, người ta có thể thấy ở sân ga cạnh những con lợn bị trói tròn như khoanh giò, những thúng đầy nghẹt cá : cá chép, cá mè, cá chắm... toàn cá tươi còn rãy còn ngáp, nằm phơi mình vẩy tròn, như còn lạnh hơi nước đáy sông.

Phố An-Giang chính là trung-tâm thương-mại của vùng này. Người các làng đến đây để bán thóc, gạo, cá tôm, củi, vải... để mua những thứ cần dùng cho đời sống thường ngày như kim chỉ, dầu hỏa, muối, chén, bát đĩa, cầy cuốc, quần áo, giấy bút, mực... Đối với những người nhà quê ít ra tỉnh thì phố An-Giang lại là một thứ tỉnh nhỏ với những xe đạp, xe tay ếp-ếp, kính-coong, với những mái nhà ngói đứng khít-khịt, với hiệu khăn mũ, hiệu phở, hiệu xe đạp, với vài ba người mặc quần áo tây, với anh kẹo-kéo rao liên-thoắng, người mua lông gà, lông vịt, đồng nát, thủy tinh... với tất cả cái không-khí náo-nhiệt riêng của nó. Suốt ngày người ta ra vào tấp-nập những hiệu khách tạp-hóa. Những ngày phiên chợ, người đi chợ chuyện trò léo xéo, rì rầm từ lúc chưa nhìn rõ mặt người. Chợ họp ồn-ào, lộn-xộn, đông nghịt cho đến ba bốn giờ chiều mới vãn ; người ở chợ ra về, kẻ đội người gánh, điểm lốm-đốm cả những cánh đồng lúa chạy dài thẳng tắp tới các làng xa-xa. Vào những giờ tàu, ga An-Giang lại là nơi náo-nhiệt nhất vì những xe tay, những hành-khách, những người bắc-tê, hàng quà, ăn mày. Đường xe lửa chạy qua ga An-Giang là mạch máu chính của miền này, hàng đổ xuống hay mang đi các nơi không biết bao nhiêu là người, bao nhiêu là tấn hàng.

Phố An-Giang cũng là trung-tâm hành-chính của huyện nên người ta có thể thấy lẫn với những người quen thuộc làm ăn buôn-bán, những lính cơ, lính lệ, những lý-dịch lên hầu quan hay ở huyện ra về.

Đối với nhiều người nhà quê vùng này phố An-Giang cũng là một nơi chơi-bời phóng-đãng. Anh trai làng có chút tiền có thể vào hiệu phở ăn vài bát hoặc buổi chiều thuê nửa giờ xe đạp để tập đi. Những lý-lịch nhân dịp lên hầu quan có thể tạt vào một đám bạc để đỏ đen. Rừng mỡ nữa, họ có thể vào chơi đánh trống, đú-đởn rồi ngủ liền qua đêm ở nhà cô đầu.

Đối với sinh-hoạt ngoài phố thì đời sống trong làng có vẻ giản-dị và êm-ái hơn nhiều.

Người làm đồng đi từ sáng sớm, cho đến tối mịt mới về. Những người ra buôn bán, làm lụng ngoài phố, thường cũng chỉ tạt về làng vào lúc bữa cơm. Một số người ở nhà xay lúa giã gạo, mải-mê làm việc ít khi ra tới ngoài ngõ. Có những cô gái không bận việc đồng, xay lúa

giã gạo, thì tắm giặt, băm bèo, rửa ráy, giặt rũ ở bờ ao hoặc gánh nước ở giếng xây, ở bên sông đầu đình. Những ông già, bà già, không xốc vác được, ở nhà làm những việc nhẹ như chẻ lạt, cặp lại nong, nia, đan rổ, rá hoặc giữ đứa cháu nhỏ. Thành ra ngoài đường ngõ làng thỉnh-thoảng người ta mới thấy mặt một vài ông hương-lý, vài người ăn mày tay bị, tay gậy đi lang-thang từ cổng này sang cổng kia, còn thì toàn là những trẻ con đùa nghịch, chạy nhẩy lẫn với gà chó lợn thả rông lông-nhông. Làng phần nhiều ở trong cảnh yên-tĩnh, thầm-lặng chỉ thỉnh-thoảng mới xao-động bởi mấy tiếng trẻ kêu gọi nhau, cười nói, tiếng chó sủa trong ngõ, tiếng xay lúa ù-ù, tiếng chày giã gạo thình-thịch, tiếng xe lửa chạy rầm-rầm rung chuyển cả nền đất, bụi tre, tiếng người kẹo-kéo bán rao, tiếng ông bà già gọi đứa cháu mải chơi...

II

Người vùng này khi nói chuyện về những nhân-vật giầu có thế-lực nhất, thường kể trước hết đến cụ tuần Đan. Cụ lớn Nguyễn-văn-Đan làng Ngò là người theo Tây-học, trước ra làm quan giúp chính-phủ Bảo-hộ, lên mãi đến chức tuần-phủ, nay về hưu làm tiên chỉ làng. Cụ có cái ấp Tái, thuộc địa-phận làng Phù-Tái, đông giáp với làng Ngò và nhiều ruộng rải-rác khắp trong huyện An-Giang này.

Sau cụ tuần Đan là ông hàn Phiên, chủ cái ấp Thanh-long ở cách làng Ngò năm cây số. Có xấp-xỉ ngang số ruộng của ông Hàn là nhà thờ Bôi : ấp Bôi do các cha, các cụ bên Đạo trông nom và giao cho các con chiên cầy-cấy.

Nói về chuyện những nhân-vật nổi tiếng, người ta thường nhận thấy tất cả có bốn người đáng kể.

Thứ nhất là đốc Tít. Y là một tên tướng cướp lợi-hại, có nhiều bộ-hạ quấy-phá cả vùng huyện An-Giang này lại sang khu phía Nam tỉnh Bắc-Ninh.

Thứ hai là cụ lớn Tuần Đan. Mặc dầu đã về hưu, cụ vẫn còn tiếng là một vị « dân chi phụ mẫu ».

Ba là ông Nghị Ngật bên làng Sen, ngày xưa lý-trưởng bá-hộ, con người đã phá mất một phần ba cái gia-tài kếch-sù để mua chức chủ-nhiệm, kiêm chủ-bút, kiêm giám-đốc một tờ nhật-báo có tiếng là đứng-đắn ở xứ này, và chạy chân nghị-viên trong Viện Dân-biểu.

Thứ tư là Nuôi Sẹo.

Nuôi Sẹo không phải là người giầu sang, thế-lực. Gã không hề ra làm cha mẹ dân. Gã cũng chưa bao giờ xén gia-tài của tổ-phụ để mua chân chủ-bút, chủ-nhiệm, giám-đốc báo hay chân nghị-viên dân-biểu. Ở vùng này, người tứ xứ đồn là vùng có ăn-học, Nuôi Sẹo vẫn là thằng dốt đặc cán mai cán tầu, chẳng biết a, b, hay nhân chi sơ là gì cả. Ấy thế mà gã cũng nổi tiếng. Gã chỉ là thằng mõ làng Ngò.

Tuy nổi tiếng vào bậc thứ tư ở vùng này, Nuôi Sẹo lại bí mật vào bậc nhất. Số là : người làng phố, kể cả đến người hàng tổng, hàng huyện qua lại chơi bời, làm ăn ở làng Ngò, phố huyện, nhiều kẻ lục-lọi hỏi đến tên thật — tên tục, tên cúng cháo — hoặc giả cái lý-lịch của Nuôi Sẹo, thì tất cả mọi người, người già như ông tư-văn chỉ hàng huyện, người trí-thức như các ông thừa, ông lục, các ông giáo, thầm-nho như ông đồ Lung làng Ngò, đọc sách thánh-hiền vanh-vách, lẩu thông kinh-sử, thuộc lòng những Tam-Hoàng, Ngũ-Đế, Nghiêu Thuấn, Kiệt, Trụ cho đến nhà Minh, nhà Thanh... hết thảy đều chịu câm như hến.

Người ta đồn rằng khi Nuôi Sẹo mới đến đây xin chân mõ làng, gã không mang theo thẻ, giấy khai-sinh, căn-cước gì hết. Ông lý — hồi đó là ông lý Thinh — hỏi tên gã để biên vào sổ làng, gã trả lời vừa ngọng lại vừa lắp, ông lý

chẳng biết nên biên là «Nuôi Sẹo» hay «Nuôi Xẹo». Ông lý là người có chút nho-học, nhất định chủ-trương « danh có chính thì ngôn mới thuận » nên hai ba ngày sau, ông vẫn chưa biên tên thằng mõ mới. Nhưng cũng may là một buổi, khi ông đang băn-khoăn về vấn-đề danh-chính ngôn-thuận thì ông thấy bà lý, trong lúc sai thằng mõ mới làm giúp bà ít việc vặt, bà thưỡi mồm ra gọi « Nuôi Sẹo », gã biết chạy đến, ông lý liền dựa theo lời của mẹ đĩ mà biên là «Nuôi Sẹo». Thằng mõ làng chính-thức có tên là « Nuôi Sẹo » từ đấy.

Vấn-đề tên đã giải quyết xong, ông lý liền hỏi đến tuổi gã. Gã lắc đầu. Ông lý chăm-chú nhìn mặt gã để đoán tuổi thì ông lấy làm lạ là cho gã hai mươi, ba mươi, hay bốn mươi lăm, năm mươi tuổi cũng được. Ông lý nói với vợ : « Mẹ cắp. Nhìn thằng này mà đoán tuổi còn khó hơn là đoán tuổi cây đa Mâm - Xôi ». Tức quá, ông lý giẫm-chân, quát : « Đéo mẹ cái thằng này mày cầm tinh con gì ? » Nuôi Sẹo cúi mặt nhăn răng ra cười. Ông lý quát hỏi lần nữa. Gã trả lời không biết cầm tinh con lợn, con trâu hay con ngỗng. Ông lý phát cáu chửi cho gã một hồi, rồi nhìn gã, ông nhăn răng bật cười và chịu để trống cái khoản tuổi của Nuôi Sẹo.

Ông lý hỏi tiếp quê-quán gã, gã lắc đầu trả không biết. Ông sực nhớ hỏi gã để biên vào sổ làng và xem có thể nhờ đó mà tìm ra gốc-tích quê-quán gã chăng. Gã trả lời nghe đâu như họ « Nguyễn » đệm chữ « văn ». Vị chi trước sau là : Nguyễn-văn-Sẹo. Ông lý thất-vọng thở đánh phào : tưởng rằng họ Tôn-Thất hay họ quý-hóa hiểm-hoi gì, chứ cái họ « Nguyễn » đèo thêm chữ « văn », ở cái nước bốn ngàn năm văn-hiến này, chung-qui chẳng nói thêm gì cả. Ông lý hỏi đến cha mẹ gã, gã chỉ im lặng, lắc đầu. Gia-dĩ ở trên đất nước Đại-Nam mà nhận vào hàng ngũ con cháu Rồng Tiên, gã cũng không biết đường nhận !

Sau này, nhiều lần Nuôi Sẹo làm việc cho bà Bá Tĩnh, ông Bá nói với gã nửa đùa nửa thật : « Mày khôug có tên cúng cháo thì về sau chết đi, con cháu biết đằng nào mà cúng giỗ ? » Lúc ấy, Nuôi Sẹo mới nhận rõ là mình không có tên cúng cháo thật. Gã chẳng biết trả lời ông Bá thế nào. Gã tưởng tới cảnh sau này con cháu trai gái đều ngẩn-ngơ trước bàn thờ, không biết khấn cha, ộng ra sao, trong lúc gã ở Âm-Ty bị đói, rách, khổ-sở, kéo lê đây đó thân tàn ma dại, gã lại sờ-sợ. Nếu con cháu không biết đường khấn để kiếp sau lên làm người, vô phúc phải làm cái giống chó ăn cứt thì mới lại khổ. Nuôi Sẹo nghĩ vậy mà rùng mình. Ông Bá có lúc lại thêm : « Ông cho thì sau này tha-hồ mà húp cháo lá đa ». Nuôi Sẹo tưởng đến cảnh cướp cháo thí, trở nên buồn dười-dượi. Những lúc này, gã muốn có ngay cuốn gia-phả để đem cái tên cúng cháo của mình ra công-bố cho bà con trong làng, ngoài phố biết. Gã tin chắc là cuốn gia-phả ấy thế nào cũng có tên cúng cháo của gã. Và nhất-định cha mẹ gã phải giữ-gìn cuốn gia-phả ấy cẩn-thận lắm. Nhưng phiền có điều là Nuôi Sẹo chẳng biết cha mẹ gã là ai và hiện giờ sống chết thế nào. Vì vậy, việc tìm cuốn gia-phả mãi vẫn không xong. Và, câu chuyện tên cúng cháo cũng bị để đó, kéo dây-dưa ra mãi.

Gần đây có lần, ông Bá lại hỏi đùa gã : « Thế nào Nuôi Sẹo, mày đã tìm ra tên mày chưa ? » Nuôi Sẹo im lặng không trả lời. Rồi sờ lên cái Sẹo lớn ở trên mặt, gã nghĩ : « Lẩn-thẩn quá. Mình đã có cái Sẹo thì tất-nhiên tên mình là Nuôi Sẹo rồi còn gì ». Mà tính đi tính lại, không có cái tên cúng cháo kia lại càng tốt. Chẳng là không có nó thì về cái khoản chửi nhau với ai, Nuôi Sẹo cũng đỡ lo. Nghĩ đến điểm lợi hại này, gã đưa bàn tay lên sờ cái sẹo, đầu lắc-lư, nhe hai hàm răng bừa, cải mả, khấp-khểnh ra mà cười tủm, cái cười ngụ-ý « tội hài lòng về tôi lắm ».

(còn nữa)

DƯỚI MẮT THƯỢNG-ĐẾ

● HANS KILLIAN

(HINTER UNS STEHT NUR DER HERRGOTT)

● Bản dịch của NGUYỄN-VĨNH-ĐỨC
NGHIÊM-SỸ-TUẤN

PHÉP LẠ

Dưới mắt Thượng-Đế, chúng ta phải làm gì ? Hãy tha-thứ lỗi-lầm cho nhau, — Thượng-đế sẽ tha-thứ chúng ta. Hãy thương yêu nhau, — Thượng-đế sẽ thương yêu chúng ta. Còn gì tuyệt-vời hơn TÌNH YÊU trong tâm hồn chúng ta ?

PARACELSE

MỘT BỮA, tôi phải đi thăm-bệnh ở khu Giải-phẫu trực-nhi. Viên y-sĩ trưởng khu này, một người tài-ba, đã bất-mãn bỏ đi, vì bất-đồng ý-kiến với ban giám-đốc. Chưa tìm được người thay-thế ông giám-đốc bệnh-viện đã nhờ tôi tạm-thời trông coi khu ấy, thêm vào nhiệm-vụ vẫn có thường ngày.

Sáng hôm ấy, tôi chú-ý ngay đến một bệnh-nhân mới vào, một người đàn-bà quê-mùa, trạc bốn mươi tuổi, ở miền Rừng Đen. Gương mặt nghiêm-trang, gần như khắc-khổ dưới mái tóc sớm điểm-bạc chải hết ra đằng sau gáy, lộ vẻ tiều-tụy vì sương gió, vẻ khắc-khổ và tiều-tụy của những nông-phụ miền núi thường phải cày-cấy và canh-tác trong những điều-kiện cực-kỳ khó-nhọc. Qua lá thư người bạn đồng-nghiệp đã săn-sóc rồi gửi bệnh-nhân đến đây, tôi được biết bà ta bị bại hai chân và đã phải nằm liệt giường từ tám năm nay. Tôi còn được biết bệnh-nhân đã ngã khi bắt đầu bị liệt.

Tôi khám sơ qua và chẳng biết thêm được gì. Hai bắp chân có vẻ bình-thường nếu các bắp-thịt không bị teo lại vì bất-động quá lâu. Tình-trạng đôi chân thật đáng ngại hơn. Gan bàn chân vẹo vào phía trong, cổ chân duỗi thẳng — trong nghề chúng tôi gọi là « bàn chân ngựa vẹo vào » — thành ra bắp-thịt bắp-chân và gân-gót co ngắn lại rất nhiều. Bệnh-nhân không giơ chân lên được, vì các bắp-thịt thường thi-hành cử-động ấy đã suy yếu quá. Tóm lại, người có « bàn chân ngựa vẹo vào » không

thể đi được, cố-gắng lắm cũng chỉ nhích được một tí trên đầu ngón chân là cùng.

Hơi phân-vân, tôi khám lại kỹ-càng hơn. Tôi đã tốn công vô-ích : không một thương-tích nào ở trung-khu vận-động, không một hỗn-loạn cảm-giác nào ở da và cũng không phải tê-liệt thần-kinh. Hình rọi quang-tuyến cũng không thấy thương-tích nào ở xương sọ hay xương sống khả-dĩ đụng-chạm đến não-tủy.

Dưới khía-cạnh bệnh-nghiệm, liệt chân như thế thật kỳ và lạ, nếu không nói là vô-lý. Còn muốn giảng tại sao hai chân bị vẹo thật cũng dễ lắm. Khi nằm dài, hai bàn chân ta tự-nhiên duỗi-thẳng ra, các bắp-thịt co lại, trong khi các bắp-thịt trước ống chân căng dãn, hai bên co dãn tỉ-lệ nhau. (*Muốn nhận-định rõ, ta chỉ việc nằm dài xuống là thấy ngay*) Thêm vào đó, chăn nệm đè nặng trên người, giữ hai chân duỗi thẳng, nhất là khi nằm ngửa. Vậy mà bệnh-nhân nằm im, bất-động đã tám năm trường...

Nhưng, nguyên-nhân sự tê-liệt vẫn không sao giải-thích nổi. Chụp quang-tuyến từ đầu tới chân, không một vết gẫy nào ở sọ cũng như ở xương sống, ở chân cũng như ở vòng xương chậu. Tuy-nhiên, phải có một nguyên-cớ nào khiến người đàn-bà này phải chịu tàn-tật gần như hoàn-toàn trong suốt tám năm.

Trong y-khoa, người ta phân-biệt hai loại tê-liệt. Hầu hết những tê-liệt bắp-thịt đều do một chứng bệnh nặng nơi óc hay tủy-sống, hoặc do một khiếm-khuyết nơi hệ thần-kinh khi bị ngộ-độc hay bị thương. Nhưng ngoài ra, còn có những tê-liệt-giả do một nguyên-nhân chủ-quan : bị kích-động mạnh hay đau-đớn quá, bệnh-nhân chợt thấy không thể làm một vài cử-động nào đó, duỗi tay ra, co chân vào chẳng hạn. Guồng máy vận-động như bị hãm lại, nghĩa là khi sắp làm một cử-động, bệnh-nhân không thấy tác-dụng thần-kinh, khiến các bắp-thịt phải thi-hành cử-động ấy không thể hoạt-động được Những trường-hợp này, các y-sĩ trẻ, mới ra trường, thường cho là loạn thần-kinh hay bệnh-nhân cố-ý, coi người bệnh hoặc như một người điên hoặc như kẻ giả ốm. Theo ý tôi, phán-đoán như vậy hơi vội-vàng, ta cần phải tìm cho được những nguyên-nhân sâu-xa của hiện-tượng.

Hai ba bữa sau, với ý-định ấy tôi trở lại thăm người đàn-bà nhà quê « của tôi ». Vì khu giải-phẫu trực-nhi đầy người nên bệnh-nhân được nằm một mình một buồng nhỏ. Thật là một cơ-hội để tôi dò-xét bà ta. Thoạt tiên, tôi hỏi thăm về nông trại ruộng-nương, trâu bò. Cứ nhìn dáng-điệu dễ-dàng sung-túc khi thiếu-phụ kể nào nhà, đất, tôi cũng biết nhà rất khá-giả ; hai vợ chồng khai thác một trong những trang-trại đẹp nhất do hàng bao thế-hệ nông-dân kiên-hãnh cần-cù lập nên ở vùng Rừng Đen.

Dần-dà đề-cập đến chuyện bệnh-tật. Ở điểm này tôi vẫn e-ngại một sự kín-đáo tiêu-cực và thụ-động Thường thường dân miền quê hay rụt-rè e-lệ khi nói đến chuyện sức-khỏe hay bệnh-tật. Phải làm như hỏi cung lục vấn mới cậy họ rỉ răng cho biết tai-nạn đã xảy ra thế nào hay bệnh-tình diễn-biến ra sao. Thế mà tôi rất ngạc-nhiên khi bệnh-nhân, không đợi hỏi-han, đã kể-lể con cà con kê hết cả sự tình.

Nỗi khổ-đau, niềm thống-khổ bắt đầu từ tám năm trước. Hôm ấy cả gia-đình họp mặt trong trại: có bà mẹ chồng, ông anh chồng, người chị và em trai thiếu-phụ. Bốn người ngồi ăn quanh chiếc bàn kê cạnh gốc cây hồ-đào cổ-thụ. Mọi người nói chuyện ồn-ào vui-vẻ — trừ bà chủ gia-đình. Theo lệ thường, một mình bà trong bếp bận pha cà-phê. Bao giờ cũng vậy, thui-thủi một mình chẳng ai giúp đỡ ; người đàn-bà ấy cong lưng thổi-nấu dọn-dẹp từ sáng tới chiều. Thỉnh-thoảng mới có dịp vui-đùa giải-trí trong trại, thì lại chỉ được đóng vai chầu-rìa.

Vậy hôm ấy, bà luôn luôn bận-bịu bếp núc trong khi người khác vui chơi.. Lửa nhỏ, củi hết, bà ta lặng-lẽ ra chái nhà lấy thêm. Vừa bước được mấy nấc thang từ bếp ra sân, thiếu-phụ trượt chân mất thăng-bằng, cả mình ngã ra đằng sau, bàn-tọa đập mạnh vào những bực đá. Đứng dậy không được bà ta kêu cứu. Mãi một lúc sau, cả nhà chạy lại. Ông chồng đến sau cùng. Dửng-dưng trước sự đau-đớn rên-rỉ của vợ, ông phá ra cười.

— Nhà cháu hỏi sao cháu lại chơi trượt tô-bô-găng như thế, rồi bảo cháu nào còn son-trẻ gì, — nhưng thấy cháu không đứng dậy được, anh ấy cũng sợ, thôi không cười nữa. Đấy, thưa bác-sĩ, từ lúc ấy cháu không đi được nữa... đã tám năm trời rồi...

Thiếu-phụ ngừng lời, cố nén nức-nở. Tôi lặng-yên để bà ta bình-tĩnh lại. Câu-chuyện vừa nghe chẳng

giúp tôi tiến thêm một bước nào để giải-quyết vấn-đề cả. Ngã mà chẳng có thương-tích nào hết, chắc phải có nguyên-cớ gì khác chứ — nhưng nguyên-cớ nào ?

— Lúc ấy, bà có cho mời bác-sĩ đến không ?

— Thưa có ạ. Nhà cháu có sai thằng nhỏ phóng xe vào làng mời. Bác-sĩ đến, nhưng không tìm thấy gì cả ạ. Sau cùng ông bảo có lẽ cháu bị đau ở xương cụt, rồi thế nào nó cũng sưng-tấy lên, cần phải coi lại. Cháu phải nằm mất tám ngày, chườm chỗ đau bằng mỡ heo. Còn bác-sĩ thì có vẻ do-dự lắm. Thấy thế, mấy người nhà tỏ ra hối-hận, ngày nào cũng đến thăm cháu, lại còn cho kẹo bánh nữa,— chứ trước kia, họ chỉ đến chơi xuông thôi. Chắc bác-sĩ cũng biết, cháu chỉ được cái hay lam hay làm, hay tiếc công tiếc việc, chẳng ai để ý đến cháu. Bây giờ người ta tử-tế thì cháu lại què mất rồi, tử-tế cũng bằng thừa... thật khổ cho cháu phải nằm liệt suốt tám năm...

Lần này bệnh-nhân không cầm được nước mắt. Rõ-ràng sự tàn-tật cũng không làm bà buồn-phiền bằng cái không-khí thù-hằn ở quê nhà, khi hồi-tưởng lại bao nỗi nhục-nhằn đã cam chịu. Nguyên-do hai chân bị liệt chắc là ở đấy. Cái tai-nạn kia không thể nào làm đau-ốm lâu đến thế được, mặc dù người đàn-bà đáng thương ấy đã đau-nhức như chịu hành-hình : thật vậy một thương-tích nhỏ-nhoi ở xương cụt cũng có thể làm đau-đớn dữ-dội, vì nhất cử nhất động, các bắp-thịt mông đều kéo mạnh vào xương. Tôi nhớ lại giọng chua-chát khi thiếu-phụ nói đến chồng :« Nhà cháu phá lên cười, rồi bảo cháu già rồi mà còn... ». Nỗi oán-hờn vừa hé lộ còn có nguyên-nhân nào khác nữa không ?

— À, mà tôi quên hỏi bà, bà được mấy cháu ?

Bà ta lắc đầu :

— Cháu sợ nhất khi ai hỏi đến con cái... Cháu không thể có con được.

Bà ta quay mặt đi, như xấu-hổ vì lỗi vô-tự, vì đã không làm trọn thiên-chức của người đàn-bà, rồi nỗi thất-vọng chất-chồng bao tháng năm bỗng nổ bùng : thiếu-phụ nghẹn-ngào nức-nở.

— Nhà cháu gọi cháu là một quả hồ-đào rỗng... đồ vô tích-sự...

Thảm-trạng người đàn-bà này, giầu vật-chất nhưng khốn-khổ tinh-thần, đã rõ-ràng. Người chồng, chắc cũng cứng-rắn như bao nông-dân khác, muốn có một mống con trai để kế-tự, và người vợ đã không thể chửa đẻ gì được. Vợ mình chỉ là một « trái hồ-đào rỗng-tuếch » — cái danh-từ tàn-nhẫn ấy đã nói lên tất cả nỗi thất-vọng của người chồng đối với người vợ son-sẻ. Ông ta chắc đã tìm đủ cách để hành-hạ, dày-vò vợ ; người đàn-bà đáng thương đã phải đền-bù lại sự « yếu-kém » của mình bằng cách gia công lam làm như một tên khổ-sai, đến kiệt sức. Nhưng người ta không chấp-nhận toan-tính đền-bù ấy : không một hi-sinh nào làm người chồng nguôi-giận, cũng như ông đã quyết bắt vợ phải trả giá sự giận-dữ ấy.

Ngoài ra lại còn gia-đình. Ai cũng lo làm vừa lòng ông bác, ông anh họ hay anh rể giàu-sụ có của thừa-kế này, thành ra mọi người đều nghĩ cách làm tội làm tình người đàn-bà vô phương tự-vệ. Đối với những người chỉ sống vì nhu-cầu và thèm khát vật-chất, luật « mạnh được yếu thua » là nhất, họ chẳng còn một chút nhân-đạo sơ-đẳng nào. Kẻ yếu nhất trong bọn là con mồi để họ theo đuổi hành-hạ và hạ-thủ trong niềm-vui của loài thú dữ.

Chính để thoát khỏi cái không-khí hung-bạo cố-hữu này người đàn-bà khốn-khổ đã phải ẩn-náu trong bệnh-tật, nơi duy-nhất có thể tìm thấy một chút trắc-ẩn hão, lòng âu-yếm vờ. Nhưng ẩn-trốn rồi, bà ta phải chịu một sự thay-đổi, hay đúng hơn một biến-dạng của ý-chí, dần lần đến tình-trạng loạn thần-kinh. Tình-trạng này, người thầy-thuốc, biết rõ hay nghi-ngờ, đều phải hết sức điều-chỉnh lại. Người bệnh này lại thích vai trò mới của mình : được người ngoài ái ngại, nhưng người bệnh lại thoát được tình-trạng bán-nô-lệ đã bắt bà ta chịu những thói quen ghê-sợ hằng ngày, và trở nên trung-tâm của gia-đình. Đây là lần đầu kể từ khi về nhà chồng, bà có thể tự cho mình quan-trọng, thỏa-mãn cái ước muốn uy-quyền có ở ngay cả những kẻ bất-hạnh nhất trong chúng ta.

Vậy mà tình-trạng này cũng đang nguy-ngập. Hiển-nhiên là nếu khỏi, người đàn-bà này lại bị ném trả về quãng đời khốn-khổ khi xưa. Bởi lo-ngại nên cố bám lấy bệnh-tật như kẻ đắm tầu bám vào tấm ván để trôi-nổi giữa sóng biển khơi. Tóm lại, bà ta muốn ốm và muốn ốm mãi.

Ngay hôm sau tôi thấy án-chẩn của tôi đúng. Bệnh-nhân khăng-khăng không chịu giải-phẫu. Tôi cố giảng-giải : chỉ cần một cuộc giải-phẫu hết sức

vô hại – kéo dài hai gân gót chân — là bà ta có thể đi được ; nhưng thiếu-phụ cương-quyết không chịu, lại tỏ thái-độ gần như khiêu-khích. Từ tám năm nay, bà nói, có đến cả tá ông thầy chữa bằng đủ băm sáu chước, mà cũng chẳng ăn thua gì, huống-hồ bây giờ một ông thầy khác lại muốn đem chân bà ta ra thái vụn như anh hàng thịt hay sao ? Không, bà ta không bao giờ chịu để làm thế ? Tôi hiểu ngay, trong những trường-hợp này, nếu ta dồn con bệnh vào ngõ bí, họ sẽ phản-đối quyết-liệt và không bao giờ nhượng-bộ nữa.

Tôi bèn ngưng ngay câu chuyện và bỏ đi ra. Những ngày sau, trường-hợp người đàn-bà thích liệt chân hơn đời sống bình-thường bắt tôi luôn luôn nghĩ-ngợi. Chắc-chắn, nếu chỉ giải-phẫu không thôi thì không mong gì chữa khỏi được. Thật vậy, giải-phẫu rồi, mà muốn đi lại được như xưa, bệnh-nhân phải tự gắng-sức tập. Không bao giờ tôi có thể mong đợi bà ta sẽ gắng-sức hợp-tác. Chỉ còn một cách là làm sao để bệnh-nhân thành-thật ước muốn trở-lại thế-giới những người khỏe-mạnh. Đã tám năm nay, bà ta cứ tưởng ốm là hay; bây giờ tôi phải làm sao cho bệnh-nhân tin rằng khi bình-phục cũng không kém thích-thú, nếu không nói là còn hơn thế nữa.

Bắt đầu, tôi cho chuyển bệnh-nhân sang buồng khác có năm nữ bệnh-nhân khác. Tôi đã chọn những người thật là dễ-thương ; tôi còn cẩn-thận cho chuyển đi nơi khác một bà âu-sầu gắt-gỏng hay chỉ-trích đay-nghiến nên có thể phương-hại đến cách trị-liệu tâm-lý của tôi. Phương-pháp tôi sắp áp-dụng chẳng có chi tân-kỳ cả. Bất cứ một y-sĩ nào có chút kinh-nghiệm cũng biết rằng đời sống cộng-đồng, nghĩa là ở chung phòng với các bệnh-nhân khác, thường có ảnh-hưởng tốt đẹp cho một bệnh-nhân đã mất tinh-thần. Nhiều người lại còn xin nằm cùng buồng, ước muốn xuất tự một bản-năng hoàn-toàn lành-mạnh. Chỉ cần sống với những kẻ đồng cảnh-ngộ cũng đủ giúp ta lướt thắng mọi đau-khổ; bệnh-nhân hết có cảm-tưởng mình bị lẻ-loi, bỏ rơi không phương chống đỡ với lo-sợ, u-sầu và suy-tư khổ-hạnh. Bệnh-nhân dự vào một nhóm trong đó người này săn-sóc người kia, dần-dần phát-triển và thành-hình một tinh-thần tập thể. Một tinh-thần lúc nào cũng rộng-rãi đã nảy nở vì nể lẫn nhau, vì tận-tâm với nhau và cùng chân-thành giao-cảm : ai đã cảm thấy mình đau-khổ tất sẽ hiểu rõ nỗi khổ-đau của người khác hơn là kẻ có sức khỏe dồi-dào. Nhiều khi những bệnh-nhân cũ trở lại bệnh-viện, hàng tuần liên-tiếp, vào đúng giờ thăm bệnh, chỉ để nói chuyện với các bạn cùng phòng xưa, để nhớ lại mình đã khổ đau như họ. Phần đông, họ vô tình không biết, làm như thế, họ đã bị lôi-cuốn vì đã luyến-tiếc một tập-thể trong đó họ đã sống sung-sướng, vì trong thế-giới vất-vả của những người khỏe-mạnh, họ cảm thấy nhớ-nhung. Chính trên cái tinh-thần tập-thể ấy mà tôi mong đợi để làm nứt rạn cái vỏ cứng dần người đàn bà tự khoác vào mình.

Tôi còn đợi mấy ngày nữa mới gợi lại câu chuyện phải giải-phẫu cho thiếu-phụ nghe. Lần này tôi dùng một chiến-thuật khác. Dĩ-nhiên tôi không non nớt gì mà phụ-họa với bệnh-nhân rằng cuộc giải-phẫu này thật quá phiêu-lưu, như thế, tự tôi đã phản lại tôi. Tôi cố gắng thuyết-phục bệnh-nhân rằng, theo ý tôi, nếu bà ta hoàn-toàn bình-phục thật là một phép-lạ. Tôi nhấn mạnh nhiều lần hai chữ « phép lạ », mừng thầm khi thấy nét mặt bà tươi hẳn lên. Rõ ràng, ý-tưởng sẽ trở thành « một phép-lạ y-học » đã quyến-rũ bà.

Mấy bệnh-nhân kia chú ý theo rõi câu chuyện. Bỗng một bà đứng tuổi cất lời :

— Chết, sao em cứng đầu vậy ! Nếu ông thầy cứ muốn mổ cho em, em cũng nên chiều ông một tí !

Mọi người đều phá ra cười ; ngay cả người bệnh « cứng đầu » của tôi cũng hồn-nhiên cười. Bây giờ băng-tuyết đã tan : bệnh-nhân bắt đầu nhượng-bộ. Mười lăm phút sau, trước khi tôi ra khỏi phòng, bệnh-nhân đồng-ý chịu mổ, đồng ý không phải vì bị ép buộc, mà sốt-sắng vui-vẻ biểu đồng-tình với mấy người bạn cùng phòng.

Hai ngày sau, tôi « trịnh-trọng » bắt đầu cuộc giải-phẫu nhỏ — kéo dài gân gót—chân phải trước, rồi tuần sau tới chân trái. Sau khi đã nắn hai bàn chân về vị-trí cũ, tôi bó bột lại. Đợi ba bốn tuần cho gân-gót liền, tôi mới tháo băng. Ngay hôm sau, tôi bắt phải xoa bóp và tập đi lại cho các khớp xương cổ chân và đầu gối quen dần. Bây giờ mới là lúc quyết-định. Ai cũng nhận thấy nếu bệnh-nhân cứ khăng-khăng không muốn mình khỏi, cuộc giải-phẫu vừa rồi cũng chẳng ích gì. Tôi phải làm thế nào để bệnh-nhân hợp-tác với tôi ? Sau khi đã nêu ra và loại bỏ nhiều mưu-chước, hoặc vì cầu-kỳ quá, hoặc vì lộ-liễu quá, tôi quyết-định một phương pháp khả-dĩ hài-lòng : tinh-thần tập-thể trong phòng

này đã giúp tôi một lần, tại sao lại không áp-dụng lần nữa cho cùng một mục-đích ?

Một buổi sáng, nhân lúc hai cô y-tá vừa dẫn bà bệnh « của tôi » vào phòng tắm để xoa bóp chân trong nước nóng, tôi đến dàn-cảnh chương trình đã định sẵn với năm bệnh-nhân kia :

— Tôi cần các bà giúp tôi, hay đúng hơn các bà cùng đóng kịch với tôi. Các bà cũng biết bà X... vừa bị mổ vì tê liệt chứ ? Cuộc giải-phẫu đã thành-công, trên nguyên-tắc bà ấy phải đi lại được. Nhưng bà ấy cứ tin là không thể đi được. Bây giờ các bà phải giúp bà ấy tin-tưởng. Chiều mai, khi đi thăm bệnh, bất thần tôi sẽ bắt bà ta đứng dậy khỏi giường. Khi thấy bà ta đứng được các bà hãy lộ vẻ kinh ngạc hết sức, như không ngờ có thể như vậy được. Các bà nhớ cho, đây không phải chuyện đùa, mà chúng ta chữa bệnh. Muốn cho bà ấy khỏi, các bà phải tỏ vẻ thán-phục lòng can đảm và khuyến-khích bà ta. Rồi, mỗi bước đi, dù phải bám vào thành giường, các bà cứ vỗ tay cho tôi. Cần lắm đấy, — nếu các bà không giúp luôn luôn như vậy, không bao giờ người đàn-bà xấu số này lại có thể đi được. Tôi hoàn-toàn tin ở các bà đấy nhé !

Bà nào cũng sốt-sắng hứa hưởng-ứng, có vẻ hăm hở nhiệt-thành với công việc sẽ làm. Vững tâm, tôi rút lui ngay trước khi « nạn-nhân » về.

Chiều hôm sau, như thường lệ, tôi bước vào phòng, theo sau có cô y-tá, dĩ-nhiên cũng tùng đẳng với tôi. Năm bà « đồ-đệ » của tôi trông vẻ thản-nhiên hơn bao giờ hết ; phải thính lắm mới cảm thấy bầu không-khí căng thẳng đang bao trùm phòng bệnh. Đến cạnh giường bệnh và hất mạnh tấm chăn ra, tôi lạnh-lùng truyền lệnh :

— Bà ngồi dậy ! Để chân xuống đất đi.

Tôi nắm một cánh tay bệnh-nhân, ra hiệu cho cô y-tá nắm nốt cánh tay kia. Bao nhiêu con mắt đổ dồn như chờ đợi. Phút quyết-định đã tới.

— Bây giờ bà đứng dậy đi !

Không để tỏ dấu phản-kháng, tôi xốc nách và lôi mạnh bệnh-nhân đứng dậy. Bệnh-nhân chưa hiểu ất giáp gì. Tuy ngây người ra, ngơ ngác, và dơm-dớm nước mắt, — nhưng bà ta vẫn đứng. Thật-ra, trong khoảnh-khắc, bà vẫn tự hỏi có nên khuỵu xuống hay không. Tôi vừa lo-lắng vừa chăm chú theo dõi. Bệnh-nhân lảo-đảo, rồi đứng yên, trong khi năm bà bạn reo hò ầm-ĩ :

— Chị ấy đứng kìa ! Thật không ngờ nhỉ ? Phúc-đức quá ! Thôi khỏi rồi !

Tôi xuýt bật cười. Các diễn-viên như đã xuất thần đảm-nhiệm vai trò của mình. Nhất là bà gác-dan hai tai giơ lên trời như lên đồng, luôn miệng xuýt-xoa : « Phép lạ ! Đúng là phép lạ ! » Thực tình tôi muốn bà ta diễn-xuất kín-đáo hơn.

Bệnh-nhân hầu như chỉ để ý đến hai chữ « phép lạ » mà không nhận ra các diễn-viên đã đóng kịch quá lố. Và hai chữ « phép lạ » đã làm phép lạ thực sự. Dần dần vẻ âu-lo trên nét mặt dịu xuống, vẻ âu-lo của con thú đến bước đường cùng nhường chỗ cho bình-thản còn được chút hoài-nghi. Tôi cảm thấy sự thay đổi trong tâm hồn người đàn-bà và một chuyển-hướng của ý-chí từ lâu đã lạc vào ngõ cụt. Đôi mắt mở to. Nụ cười e-dè. Nét mặt hiền-hậu. Bệnh-nhân khẽ đưa chân về phía trước để đứng cho thoải-mái hơn. Chúng tôi đã thành công.

Từ giờ phút này, bệnh nhân lần-lần bình phục. Người đàn-bà này, trước kia đã chối-từ cuộc sống bình-thường, nay chăm-chỉ tập đi. Lúc đầu, đi chung quanh giường, sau từ giường này đến giường nọ, luôn luôn được năm bà bạn dìu-dắt và khuyến-khích. Mỗi bước đi là một tiến-bộ, theo sau là lời trầm-trồ thán-phục. Đáng thán phục lắm chứ, vì một người tê bại đã tám năm trời lại có thể phục-hồi nhanh chóng như vậy. Nếu trong tám năm qua, đã khăng-khăng nằm lì trên giường thì giờ đây bà ta lại cũng khăng-khăng giành lại sức khỏe. Chỉ tuần lễ sau, bà đã có thể chống nạng đi khắp phòng. Rồi tiến đến hành lang, và tuần lễ sau nữa, tôi ngạc-nhiên thấy bóng thiếu phụ lững thững trong vườn. Cuối tháng ấy, bệnh-nhân đã trở về nhà.

Bốn tuần sau, bà ta trở lại thăm tôi. Đến lượt tôi, tôi cũng xuýt thốt lên hai chữ « phép lạ ». Bà ấy khoe có thể đi dạo hàng giờ, không cần chống gậy, hơn nữa còn leo được cả ngọn đồi thông sau trại. Bà nói rất nhiều đến dư-luận lúc trở về : ông thị-trưởng đến chơi tận nhà xem bà đi, ông thầy thuốc săn-sóc bà xưa kia cũng phải bối-rối.

— Thưa đúng ạ, ông bác-sĩ cứ nói mãi thật

không ngờ. Ông khám lại hai chân cháu rồi lắc đầu và hỏi thế bác-sĩ trên tỉnh bó bột rồi còn làm gì nữa không ? Dạ, cháu cứ thú thật là bác-sĩ chẳng làm gì thêm cả.

Tôi chỉ mỉm cười :

— Tháng sau, có dịp bà lại đến thăm tôi nhé ! Mời cả ông nhà nữa.

Đúng hẹn, hai vợ chồng đến thăm tôi. Người chồng vạm-vỡ, dáng đi nặng-nề, thật rõ là con người cục-mịch miền núi. Ông ta lí nhí vài câu cảm ơn rồi im lặng để vợ nói... Khi tiễn hai vợ chồng về, tôi quay lại hỏi ông chồng :

— Bây giờ chắc ông hài lòng nhỉ ? Bà nhà khoẻ mạnh hoàn toàn rồi nhá !

Ông ta cúi đầu :

— Thưa bác-sĩ vâng, cháu cũng mừng, nhà cháu lại đi được như mọi người, có điều. . . nhà cháu vẫn như xưa.

Một lúc sau, tôi mới hiểu : ông ta ám chỉ vợ mình không bao giờ có thể có con. Tôi đề nghị :

— Nhân tiện hai ông bà ở đây, để tôi giới-thiệu đi khám cả xem.

Họ tỏ vẻ ngại-ngùng, nói vài câu cảm ơn rồi lên xe. Bẵng đi một đạo, tôi không được tin gì của họ nữa. Một hôm, tôi gặp bạn đồng-nghiệp phụ-trách khu sản-phụ-khoa trong hành - lang. Anh bảo tôi :

— Hôm qua hai vợ chồng người đàn-bà bị tê liệt đến tôi khám bệnh. Người vợ không sao cả. Lỗi tại người chồng. Ông ta bối-rối lắm, vì chắc không ngờ tới vì mình mà vợ đã không chửa đẻ được.

Tôi nghĩ-ngợi mãi khi nghe tin ấy. Không biết phản-ứng của người chồng ra sao, khi lòng kiêu-hãnh bị xúc phạm đến tột cùng. Còn người vợ, liệu người đàn-bà ấy có trả thù lại bao nhiêu nhục-nhã chồng chất tháng năm ? Hoàn-cảnh này thật đặc-biệt. Tôi định sẽ tìm hiểu kỹ hơn. Chủ-nhật sau, lái xe qua qua miền Rừng-Đen, đến tận thung-lũng sông Precht để thăm trang-trại của hai vợ chồng. Đỗ xe bên đường cái, tôi leo bộ lên căn nhà gỗ cũ kỹ, có nhiều cửa sổ, mái rộng mênh-mông nhọn hoắt.

Không thấy ai, tôi vòng ra phía sau nhà, đẩy cánh cửa gỗ nhỏ, bước vào vườn.

Hai vợ chồng đang ngồi trên ghế dài, dưới bóng rợp cây hồ-đào cổ-thụ. Người vợ đan áo, người chồng cặm-cụi đẽo gọt một khúc gỗ. Dưới chân họ, một đứa bé tóc vàng chơi đùa trong cỏ. Người vợ trông thấy tôi trước. Bà vụt đứng dậy, vui mừng thốt lên :

— A, bác-sĩ... quí hóa quá, bác-sĩ đến chơi !

Người chồng cũng đứng dậy, mỉm cười, lại bắt tay tôi.

— Kìa, nhà đi lấy chai rượu ; lấy cả bánh mì và dăm-bông nữa. Này, lấy cả hũ rượu anh-đào nữa nhá ! Quí-hóa... quí-hóa quá ! Kìa, mời bác-sĩ ngồi.

Người chồng lật-đật đi vào nhà. Tôi hỏi nhỏ người vợ :

— Thằng cu này là thế nào đây ?

— Thưa, cháu tên Henri, con bà chị cháu. Bố mẹ cháu bị tai-nạn xe hơi chết cả hai vợ chồng cách đây đúng mười lăm ngày... Kinh khủng quá, bác-sĩ ạ. Xe trượt bánh đâm nhào xuống vực. Được tin vợ chồng nhà cháu đến ngay, đem về nuôi mụn cháu nhỏ này. Bây giờ nó là con chúng cháu. Chắc bác-sĩ không tin cháu đâu, chứ nhà cháu cưng nó lắm. Chiều nào cũng làm đồ chơi cho cậu con giai. Nói thế chứ nhà cháu khéo tay lắm...

Tôi cúi xuống vuốt ve đứa nhỏ. Tóc nó mềm mại, miệng nó nhoẻn cười. Không cần khám nghiệm kỹ, chỉ cần nghe giọng nói cảm động của thiếu phụ tôi cũng biết bà ta đã hoàn-toàn bình phục thực sự. Đúng như ý-nghĩ của Paracelse, dưới mắt Thượng Đế, thiếu phụ đã tìm thấy nước Trời, một vũ-trụ trong đó tâm-hồn được nuôi-dưỡng bởi TÌNH YÊU.

10-1-1964

NGUYỄN-VĨNH-ĐỨC

NGHIÊM - SỸ - TUẤN

KENNETH WALKER

LỊCH SỬ Y-HỌC

bản việt văn của hà hợp nghiêm

L.T.S. : Vì khuôn-khổ tờ báo chật hẹp, trong Tình Thương số 1 chúng tôi chỉ trích đăng được một đoạn rất nhỏ về Y-học thời Tiền-sử theo sau lời giới-thiệu của dịch-giả Để cho ý-tưởng của tác-giả được liên-tục, chúng tôi xin đăng trọn kỳ Chương nhất trong số nầy, cùng với đoạn nhỏ đã đăng trong số trước. Xin quý-vị độc-giả niệm tình tha thứ

CHƯƠNG I

Y HỌC THỜI TIỀN SỬ

ĐỜI SỐNG là một cuộc phiêu-lưu nguy-hiểm, vì nó bắt ta phải thích-ứng liên-tục với một môi-trường luôn-luôn thay-đổi. Nhìn những khó-khăn cơ-thể ta phải chống-trả, ta không khỏi ngạc-nhiên thấy chẳng những đời sống đã trường-tồn trên trái đất mà còn tiến-hóa dưới nhiều hình-thức khác nhau. Nào là thay đổi bất-ngờ của những điều kiện thiên-nhiên như từ nóng sang lạnh, từ ẩm-ướt qua khô-ráo, từ trời quang mây tạnh tới bão táp phong ba; nào là phải luôn-luôn tìm kiếm thực-phẩm, nào là những cuộc tấn-công của các sinh-vật khác cạnh-tranh với ta; và còn biết bao nhiêu khổ nhọc khác. Tóm lại, từ triệu năm qua, con người đã gặp cả ngàn lẻ một sự rắc-rối bất-ngờ.

Ngay từ lúc xuất-hiện lần đầu trong đầm nước bùn lầy, con người đã phải chịu bệnh-tật, ghẻ lở. Một trong những thiên-ân quí-giá nhất của con người là tự chữa lấy mình được, tự làm khỏi các bệnh tật được, là có cái tài mà ta gọi là *năng-lực trị-liệu của tạo-vật* (vis medicatrix naturae). Loài vật cũng có một linh-tính thúc đẩy chúng đi tìm những dược-liệu khả dĩ giúp cho cái năng-lực trị-liệu kia : chó ốm nhai cỏ gà, cú mèo tắm bụi để trừ rận ; động-vật liếm các vết thương trên mình.

Y-nghệ của con người phát-sinh từ cái linh-tính sơ thủy ấy của loài-vật. Thế nên lịch-sử y-học bắt đầu cùng một lúc với lịch-sử các bệnh-tật, mà bệnh tật lại có từ khi đời sống bắt đầu nẩy-nở trên mặt địa cầu.

Một mẩu tối-cổ của bệnh-tật còn giữ được trong bảo-tàng-viện cơ-thể bệnh-lý, có lẽ là dấu vết một chứng-bệnh phát ra cách đây hàng triệu năm : mẩu đuôi một con khủng-long tìm thấy ở tiểu-bang Wyoming, Hoa Kỳ. Chú khủng-long này bị ung-thư xương, và nhờ mẩu xương, ta có thể viết lại quãng đời đau thương của con thằn-lằn khổng-lồ kia, đau-đớn vì cái đuôi mỗi ngày một thêm cứng nhắc. Con vật đáng-thương chắc phải khó nhọc lắm mới di chuyển đi kiếm mồi được, đến nỗi hao mòn dần mà thác.

Chuyện vật đã xong, giờ đến chuyện người. Cái mẩu cổ nhất về bệnh của con người đào thấy ở Java năm 1891, là xương đùi của một « ông tổ » chúng ta, người pithecanthropus erectus : đầu trên cái xương có một mụn bự : lại ung-thư xương !

Người pithecanthropus tiêu-diệt cách đây hàng triệu năm, và ta không biết chắc người ấy xuất-hiện vào lúc nào. Thế nên thời-đại của chiếc xương đùi trên kia cũng không xác-định được, trừ phi... nói rằng : thời ấy xa xưa lắm lắm...

Chứng-tích về bệnh-tật con người phần lớn đều ở các xương, vì lẽ giản dị rằng di-tích của tổ-tiên con người chỉ có thể là những khúc xương. Những xác ướp Ai-Cập còn giữ được nhiều dấu vết đặc thù của chứng cốt tiết viêm, cặn thống-phong trong các khớp xương, vết lao xương sống, và ngay cả một ruột thừa-viêm đã dính-kết xung-quanh. Người cổ Ai-cập hay mắc nhất hai chứng nướu-viêm độc và phong-thấp kinh-niên. Hai chứng này thường đi đôi với nhau ; có thể răng mục là nguyên-nhân của phong-thấp chăng ? Lại nữa, nướu-viêm độc và răng mục thường do thiếu ăn sinh ra ; như thế, dân Ai-cập có thể đã từng thiếu sinh-tố C.

Vậy vào thời nào ta nên bắt đầu lịch-sử Y-học, một lịch-sử bắt nguồn quá xa trong dĩ-vãng đến nỗi những bước đầu chìm mất trong bóng tối thời-gian? Ta hãy chọn làm khởi điểm một thời-đại xa ta chừng 17000 năm. Thời-đại này còn để lại tiểu-tượng tối-cổ của một vị phù-thủy kiêm lang y, vẽ trên vách hang Ba-Anh-Em ở Pyrénées : thân mặc da thú, tay chân tô đầy vằn, trên đầu buộc một cặp gạc hươu. Khởi điểm rất thú-vị cho việc nghiên cứu lịch-sử y-học, vì chính từ cái ông thầy lang phù-thủy kia mà có người thầy thuốc ngày nay.

Coi những dụng-cụ và khí-giới bằng đá lửa tìm thấy trong hang, chúng ta có thể kết-luận rất hữu-lý rằng những người này tất có đủ thông-minh để tìm ra phương thuốc trị các vết thương và bệnh tật của họ. Tuy ma thuật vẫn giữ một vai trò quan trọng, ta đừng vội lầm tưởng rằng ông thầy lang kia chỉ là một thầy phù-thủy xuông. Trong cuốn « Y-học, Ảo-thuật và Tôn-giáo », bác sĩ Rivers đã nhấn mạnh rằng, ngay thời bây giờ, các dân-tộc sơ-khai vẫn còn dùng những phương thuốc « mẹ truyền con nối » để trị các bệnh mà theo ý họ, chưa cần đến thầy mo của bộ-lạc. Như trường hợp thổ-dân ở Tân Ghi-nê ; ngoài những bùa phép cúng tế của thầy mo, người dân còn dùng nhiều bài thuốc rất giản dị như cao dán bằng trái thốt nốt, trích huyết chữa nhức đầu, dùng đỉa giác hết đau, tắm hơi khỏi phong-thấp... Ông thầy mo đeo sừng trên kia chắc sẽ bổ khuyết các nghi lễ cúng vái quỷ thần của mình bằng những nước thuốc, cao dán và hương dược tạp nhạp.

Điều chắc chắn nữa là người tiền-sử đã dám liều mổ đầu, mổ óc. Vô số sọ tiền sử bị khoan thủng được tìm thấy ở Pháp, Áo, Ba-lan, Nga, Đức và Tây-ban-nha. Phần nhiều nhà nhân-chủng-học cho rằng đục như thế là để đuổi ma quỉ đã gây ra chứng điên, chứng động kinh hay nhức đầu, ra khỏi đầu người bệnh. Chung-quanh lỗ khoan, không có một vết thương nào khác ; như thế đủ rõ rằng bị khoan không phải để nâng mảnh xương vỡ lên cho khỏi chạm vào não.

Một số khác lại cho rằng họ đã khoan như thế trong những lễ-nghi tôn-giáo. Sự phân-loại lỗ khoan đầu ra lỗ khoan nghi-lễ và lỗ khoan trị-liệu không giải-nghĩa thêm được gì về sự khác-biệt giữa hai lý-do kể trên. Bất-cứ ai nghiên-cứu lịch-sử y-học cổ-sơ cũng nhận thấy rằng ông thầy-thuốc trước hết là một thầy tư-tế. Những bổn-phận tôn-giáo và y-học của ông ta liên-hệ mật-thiết vui nhau đến nỗi không còn là riêng rẽ nữa.

oOo

NHỮNG YẾU-TỐ THIÊN-NHIÊN VÀ SIÊU-NHIÊN TRONG Y-HỌC

Độc-giả sẽ thấy trong lịch-sử Y-học, sự quan-trọng tương-đối của hai yếu-tố — tôn-giáo và nghệ-thuật trị-liệu — thay đổi tùy theo thời-đại, lúc thì yếu-tố này quan-trọng hơn, lúc thì yếu-tố kia. Trong nước Cổ Ai-cập, yếu-tố siêu-nhiên hết sức quan-trọng ; chính ông thầy tư-tế kiêm luôn nhiệm-vụ thầy thuốc, vốn chỉ là thứ-yếu. Trong những chỉ-cảo về y-học, thần-chú và yêu-thuật cũng nhiều ngang với thuốc men. Khi uống thuốc, con bệnh buộc phải đọc lời khẩn-cầu, đại khái : « Hỡi linh-dược, ta hoan-hỉ

chào mi ! Hỡi linh-dược, hãy trừ những bệnh hoạn trong tim và tay chân ta ! »

Về sau, vào thời Hippocrate, người ta mới nhận rằng thuốc quan-trọng hơn; lời phù-chú chỉ còn là vấn-đề cá-nhân, người bệnh có thể đọc hay không, tùy-ý.

Đến thời Trung-cổ, một lần nữa, yếu-tố siêu-nhiên lại được quan-trọng hóa dưới hình-thức những nghi-lễ khu tà tróc quỉ, và những thánh tích có thần-năng trị-liệu. Thế-kỷ XVII, bình-minh của nền Y-học khoa-học, ông thầy tư-tế tưởng như sẽ bị vĩnh-viễn loại-trừ ra khỏi y-khoa. Theo với thời-gian, các y-sĩ càng ngày càng có nhiều quan-niệm y-học « duy-vật » hơn. Nhưng sau cùng, ông thầy tư-tế xuất-hiện trở lại, lần này vai trò của ông hoàn-toàn trần-tục. Sau thất bại của những toan-tính cắt nghĩa đời sống vật-chất bằng cơ học, giải-thích bệnh-tật bằng từ-ngữ mô-tả các máy trục-trặc, người y-sĩ mới chú-ý đến phần tinh-thần của bệnh-nhân và hiểu rằng không thể lãng quên phần này được. Thế là một lớp tu-sĩ trần-tục mới, những nhà trị-liệu tinh-thần xuất-hiện để trị « tâm bệnh ». Các ma-thuật lại được dùng trong y-học dưới hình thức khoa phân-tâm và khoa dẫn-dụ.

Nhờ năng-lực hồi-phục phi-thường của cơ-thể và sự mềm-dẻo của tinh-thần, con người khi đau ốm thường phục-hồi hoàn-toàn sức khỏe, bất kể đến những thay đổi thăng trầm và ngay cả những cách trị-liệu đã chịu.

Giờ ta bắt đầu bước vào lịch-sử của Y-học, nghiên-cứu y-học trong những thời-đại đầu tiên. Các ý-kiến còn chưa đồng-nhất về việc định thời-điểm và địa-điểm cho cái ta gọi là « văn-minh ». Thôi thì chúng ta đành theo truyền-kỳ mà khởi đầu từ lúc con người, linh-cảm thấy tai biến sắp tới, rời bỏ lục-địa Atlantide trước khi lục-địa này chìm sâu dưới biển. Người ta di-cư sang bờ biển Phi-châu và miền tây Âu-châu, rồi tản-cư về phương Đông, xây dựng nên ba nền văn-minh lớn : Ai-Cập, Su-me và tiền Aryen của Ấn-độ để rồi trở thành những trung-tâm phát-huy văn-hóa quan-trọng vào bực nhất.

Y-HỌC CÁC XỨ SU-ME VÀ BA-BY-LON.

Càng nghiên-cứu văn-minh Su-me, ta càng thấy cái vĩ-đại và tầm quan-trọng của nó. Thành Ur, thủ đô Su-me, nằm trên bờ sông Euphrate, về phía đông vịnh Ba-tư, cách vịnh chừng trăm dặm. Nhờ công-cuộc tìm tòi khảo-cổ, chúng ta biết rằng người Su-me đã có một trình-độ cao về thủ-công cũng như về nghệ thuật. Đời sống cộng-đồng được tổ-chức rất chu-đáo Trên nhiều tấm bảng đất sét, những giòng chữ hình nêm cho ta biết rằng ở Ur có một y-sĩ-đoàn có lương-tâm nghề-nghiệp khá cao. Người ta đào được nhiều dao nhỏ bằng đồng, phải chăng đây là dao giải phẫu của các thủ-thuật-gia Su-me ? Người Su-me tiêu-diệt vào năm 2000 trước Công-nguyên. Hai nền văn-minh đến kế tiếp : người Assyrie ở bắc và người Ba-by-lon ở nam.

Chúng ta sở-dĩ hiểu rõ y-học Ba-by-lon hơn Y-học Su-me là nhờ một bộ luật được soạn-thảo và khắc trên một cột đá đen, theo lệnh của ông Hoàng rất thông minh Hammourabi (1948-1905 trước công nguyên) Ông này thấy cần phải lập pháp-qui cho nghề y-sĩ; nên đã ra nhiều sắc lệnh, trong đó có cả sắc-lệnh về thù-lao của thầy thuốc :

« *Trị bệnh, mổ nhọt hay chữa mắt cho một nhà quí-tộc, y-sĩ được thù-lao 10 đĩnh bạc, Nếu bệnh-nhân chỉ là một nô-lệ, người chủ phải trả 2 đĩnh bạc* ».

Cách điều-xử trên đây rất có lợi cho người thầy thuốc, nhưng ở một đoạn văn khác, ta sẽ thấy hành nghề y-sĩ ở Ba-by-lon không phải là không nguy-hiểm tí như :

« *Nếu y-sĩ mổ nhọt bằng dao đồng và làm chết bệnh nhân hay làm bệnh nhân hư một mắt, ông ta sẽ bị chặt hai tay* ».

Tuy nhiên hình-phạt này chỉ áp dụng khi bệnh nhân là người quí-tộc ; chứ nếu chỉ là một tên nô-lệ thì ông thầy ít may mắn kia phải thường một nô-lệ khác, hay phải trả nửa tiền mua nô-lệ mới nếu tên nô-lệ bệnh chỉ hỏng có một mắt.

Tóm lại, các đạo luật cho ta biết ở Ba-by-lon

đã có tổ chức y-sĩ đoàn hẳn-hòi, và y-sĩ thời ấy đã dám làm những cuộc giải phẫu nhỏ. Điều này không lạ, vì công cuộc khảo-cổ đã gặp nhiều nền văn-minh cổ hơn nhiều mà chẳng hề quá sơ khai như ta vẫn tưởng.

Nghệ-thuật thời thạch-khí rất đáng được chú-ý ; lạ hơn nữa là đồ gốm đời cổ thạch-khí lại có phần tinh-xảo hơn đồ gốm đời tân-thạch-khí. Nói cách khác, càng biết nhiều chi-tiết về người tiền-sử, ta càng thấy người tiền-sử khác xa cái hình-ảnh ước-lệ của một động-vật thô-bạo nửa người, nửa khỉ, tay cầm rìu đá, tàn-sát địch thù.

Y-học chắc đã được coi rất quan-trọng ở Ba-by-lon thời cổ. Sử-gia Hérodote kể rằng bất-cứ người Ba-by-lon trí-thức nào cũng để ý đến y-học. Cho nên có tục đặt bệnh-nhân nằm ngoài đường để cho người qua lại, hoặc đã có cùng chứng bệnh, hoặc có biết những ca tương-tự, có thể đoán bệnh và mách dùm cách chữa chạy. Không ai được quyền im-lặng đi qua không hỏi đến căn bệnh của người nằm giữa chợ.

Một dân-tộc tò-mò về y-học như thế, dĩ-nhiên không khi nào hài lòng với các thầy lang tài-tử chữa bệnh ở giữa chợ. Người y-sĩ chuyên nghiệp đã đến lúc phải xuất-hiện. Sau đó, nhiều ông tự chuyên môn, đến nỗi ở Ba-by-lon cũng như ở Ai-cập có rất nhiều thầy chuyên trị riêng từng thứ bệnh.

Y-HỌC ẤN-ĐỘ.

Những tài-liệu cổ nhất viết bằng phạn-văn có liên quan đến y-học là hai bộ Rig-Veda (1500 trước công nguyên) và Yajur Veda (700 trước công nguyên). Theo những tài-liệu này thì môn thủ-thuật giải-phẫu Ấn-độ đã khá tiến bộ, mặc dầu kiến-thức về cơ thể học rất ít ỏi. Ngày nay những nhà giải phẫu thẩm-mỹ còn nói đến phương pháp vá mũi bằng một miếng da trán của thủ thuật Ấn-độ. Phương-pháp này dùng để sửa những cái mũi quá tẹt và những cái mũi xấu số bị cắt bỏ của các bà thích « ăn nem » ! Một thủ-thuật-gia danh tiếng tên là Susruta đã mô-tả tỉ-mỉ hàng trăm dụng-cụ giải-phẫu được xử-dụng trong thời ông. Ngoài ra, người Ấn còn biết mổ tử-cung lấy con và mổ đường tiểu lấy sạn.

Bộ Rig-Veda, tuy cổ hơn, nhưng chỉ viết nhiều về triết lý và khoa-học. Bộ Yajur-Veda có mô tả hệ thống huyết-quản, tiến trước cả Harvey, người khám phá ra sự tuần-hoàn. Trong đó còn có nhiều nhận-xét xác-dáng, như dịch hạch sẽ phát sinh ở nơi nào có nhiều xác chuột ; sốt rét cơn do muỗi sinh ra ; các triệu-chứng lao gồm có ho dữ-dội, sốt và khái huyết. Hơn 700 dược-thảo và một số lớn thuốc dán, thuốc xông, thuốc bột còn ghi trong bộ sách vĩ-đại này.

Y-sĩ Ấn thời ấy không thuộc giai-cấp Bà-la-môn, tức là giai-cấp tu-sĩ, mà thuộc giai-cấp Vaisya. Theo luật, họ là người không thanh tịnh, không được hưởng các nghi lễ tống-táng. Tuy không là thành phần của kinh Veda, bộ kinh điển tôn-giáo của Ấn-độ, người ta cũng cho rằng bộ Yajur-Veda đã được thần-linh hay vị đại-sư nào đó đọc cho hai thủ-thuật gia Charaka và Susruta.

Y-HỌC AI-CẬP

Nền văn-minh cổ rực rỡ thứ ba là văn-minh Ai-cập. Các thầy tư-tế giữ quyền hành-nghề y-sĩ ; y-học liên-quan mật-thiết với thần học. Minh chứng nhận xét này là Ai-cập có rất nhiều thần và thánh bảo trợ Y-khoa.

Imhotep, Thần Trị-Liệu, là một trong những y-sĩ đầu tiên còn lưu-danh lại cho hậu-thế, Imhotep nghĩa là « người mang lại bình-an », thật không còn tên nào xứng đáng hơn cho một y-sĩ chân-chính. Sau khi chết, Imhotep được tôn-sùng như một vị thánh, rồi được thần-hóa luôn. Nhiều thế-kỷ sau, người Hi-lạp đồng-hóa Imhotep với Thần-Y của họ là Esculape. Điều không may là chúng ta ngày nay biết rất ít về những hoạt-động y-học của Imhotep mà lại biết khá nhiều về các các công trình kiến-trúc của ông. Chính Imhotep đã vẽ kiểu kim-tự-tháp Saqqarah. Nhiều tượng đồng tạc hình ông ta ngồi, chú mục vào một tờ chỉ-cảo trải trên đầu gối : chắc lại một đồ-án kiến-trúc.

Dù sao, Imhotep chắc vẫn phải là một y-sư cự-phách đồng-thời là một kiến-trúc-sư có thiên-tài ; có thế mới được dân Ai tôn-thờ như Thần Y-học trong bao thế-kỷ.

Trong buổi sơ thủy của văn-minh Ai-cập, thầy tư tế và thầy thuốc chỉ là một người. Mãi đến những triều-đại sau, y-học mới thoát khỏi phạm-vi tôn-giáo. Dân Ai-cập không coi bệnh tật và sự chết như những hiện-tượng tự nhiên, mà tin rằng một sức mạnh thù-nghịch làm họ đau ốm. Theo sử-gia Maspéro, sức mạnh ấy thuộc về thế-giới vô-hình, chỉ biểu hiện bằng những cuộc tấn-công độc-hại : có thể là một ông thần, một con quỉ hay hồn thiêng một kẻ quá vãng, đã nhập vào người bệnh, hoặc là thừa cơ vô ý, hoặc là hung dữ quá con bệnh không chống được. Khi đã làm chủ được cơ-thể con người, sức mạnh ma quái ấy bẻ xương mút tuỷ, uống máu nhai tim, gậm ruột, nhấm thịt, làm cho con người mòn-mỏi rồi chết, nếu không đuổi được nó trước khi mình bị tàn phá quá nhiều. Người trị bệnh vì thế phải làm hai việc quan-trọng. Trước hết phải tìm biết bản-tính và tên họ của con yêu, rồi phải tấn-công nó, trục-xuất nó, tiêu-diệt nó. Muốn thành công, cần phải cao tay ấn tức là phải biết niệm chú, chế bùa. Nhiên-hậu mới phục dược và ăn uống kiêng khem để trị các xáo trộn của cơ thể do quỉ mị gây ra. Thế nên, xem các tài liệu y-học Ai-cập, ta thấy trước tiên là các lời phù chú, các biểu-tượng và công-thức thần-thông để trị nhiều chứng bệnh khác nhau. Rồi mới đến các thứ thuốc : thuốc nước, thuốc súc miệng, thuốc sáp, thuốc bột, thuốc xông, thuốc để hậu-môn, thuốc cao, thuốc đồ. Các thầy tư-tế y-sĩ Ai-cập còn biết xử-dụng a-phiến, cỏ độc-cần, các loại muối đồng, cỏ hải-sơng và dầu thầu-dầu.

Nếu thủ-thuật giải-phẫu Ai-cập rất thô-sơ, thì trái lại, vệ-sinh cá-nhân và công-cộng đạt tới trình độ rất cao, vượt hẳn Âu-châu thời Trung cổ.

Y-học tiến-bộ lần lần ; những thầy tư-tế y-sĩ, ngoài bùa chú và nghi-lễ rườm-rà, đã biết cách khám bệnh-nhân để truy ra căn bệnh. Đoạn chỉ cảo dưới đây về phép án-chẩn các thứ bướu cho ta thấy rõ tiến-bộ đó :

« Một cục bướu trên cơ thể con người, nếu nó giống như da thuộc, nếu da trên cái bướu đó nhấp-nhấp ướt, nếu khi sờ, ta thấy nó chuyển động dưới tay trong khi tay ta đứng yên, thì đấy là một bướu thịt. Ta dùng lửa chữa nó.

« Một cục bướu trong cơ-thể con người, xâm lấn mạnh máu và cứng như đá, là một bướu mạch. Ta dùng dao cắt nó.

« Một cục bướu có mủ ở chân hay tay, nếu khi sờ ta thấy nó di-động mà lớp thịt bên dưới vẫn căng-thẳng, ấy là mủ đã gom lại. Lúc ấy ta dùng dao rạch nó ra ».

Một chỉ-cảo khác chép cách chữa các vết thương và trẹo xương. Đặc-biệt hơn nữa là trong đó có một cách chữa sái quai hàm rất giống với cách chữa của chúng ta ngày nay. Một tác-giả y-học dưới thời vua Ramsès đệ nhất đã biện-minh cho mình như sau trong bài tựa tác-phẩm của mình :

« Tôi xuất thân ở trường Y-khoa Héliopolis; các Tôn-sư ở đấy đã dạy tôi phương pháp của các Ngài. Tôi còn tốt-nghiệp Trường Phụ-khoa Sais; các Thánh Mẫu ở đấy đã truyền-thụ cho tôi kỹ-thuật của các Ngài. Tôi thuộc lòng các phù-chú do chính thần Osiris sáng-tác. Bao giờ tôi cũng được Thần Thoth hướng dẫn, Thần là người phát minh ra ngôn ngữ, là tác-giả nhiều bài thuốc rất công-hiệu, là người độc nhất qui-định danh tiếng cho những nhà phù-thủy và thầy thuốc học đạo của Ngài. Mỗi lời thần- chú đều rất hay cho bài thuốc, và mỗi bài thuốc đều xứng hợp với lời thần chú của nó».

Ta thấy ở đây có sự pha-trộn giữa hai yếu-tố của Y-học Ai-cập : phù chú và thuốc men. Có thể nói đây là những bước đầu của một nền Y-học vừa tinh-thần vừa hình-thái; phù-chú trị liệu tinh-thần, thuốc men trị-liệu thể-xác. Năm 525 trước Công nguyên, sau chiến thắng Ba-tư, một trường Y-khoa được lập ở Sais, miền Hạ Ai-cập. Trường này được sử gia Hê-rô-đốt hết sức tán-dương và được nhiều người đương thời chú-ý.

Y-HỌC TRUNG-HOA

Ông thầy thuốc đầu tiên trong lịch-sử Y-học Trung-hoa là vua Thần-Nông, sống vào khoảng 3000 năm trước Công-nguyên. Tuy chỉ là một y-sĩ tài-tử, vua Thần-Nông rất ham-mê tìm kiếm các y-lý mới, và thí-nghiệm ngay trên chính bản thân mình. Người ta cho rằng Thần-Nông đã tìm ra nhiều dược - thảo và độc dược. Tác-phẩm « Bản Thảo » đã được in lại nhiều lần, kể cả lần tái bản năm 1911 ở Ai-cập. Viết sách mà truyền được hơn bốn ngàn năm quả thật là hiếm có.

Một ông vua khác cũng rất thích y-học là vua Hoàng-đế (2650 trước Công-nguyên). Trong thiên Nội-kinh viết về sinh lý-học, ta thấy có đoạn này :

« Máu trong cơ thể đều do tim phân phát... Máu luôn luôn tuần hoàn trong cơ-thể không lúc nào ngưng ».

Thật khó mà biết rằng Hoàng-đế đã căn-cứ vào đâu để kết-luận chính-xác như thế, bởi lẽ vốn hiểu biết của nhân-loại thời ấy ít-ỏi lắm. Harvey đã phải xét nghiệm tỉ-mỉ hệ-thống mạch-quản mới khám phá ra sự tuần-hoàn huyết. Trong nước Tàu cổ, người ta hầu như không biết gì về cơ-thể học; vả lại việc mổ-sẻ tử-thi thường bị cấm ngặt. Với quyền-thế một ông vua, Hoàng-đế có thể đã tìm tòi nhiều trong lãnh-vực này chăng ?

Vị vương giả thứ ba ham thích và nghiên-cứu y-khoa là vua Càn-Long. Ông này lập hẳn một ủy-ban chuyên-môn để soạn bộ "Y-Học Bảo-Giám", bách-khoa y-học vĩ-đại, gồm 40 cuốn. Ta thấy ở đấy có những nguyên-tắc của Y-học Trung-hoa, rất nhiều phương pháp trị-liệu, có cả khoa đấm bóp và châm-cứu, cùng hai lý-thuyết lớn của Cổ Trung-hoa.

Thứ nhất là thuyết Ngũ-hành : thổ, hỏa, thủy, mộc, kim ; cơ-thể con người được coi như do năm hành đó cấu thành. Thuyết tứ-dịch của Tây-phương có lẽ do thuyết ngũ-hành này mà ra.

Thứ hai là thuyết Lưỡng-nghi : Âm và Dương. Âm, Dương là hai lực đối nhau, nhưng bổ-túc cho nhau mà sinh ra vạn-vật ; tỉ như : lực và phản-lực, trống và mái, nóng và lạnh, sống và chết, v.v... Mọi vật trong vũ-trụ — nhất là sức khỏe của người ta — đều coi như phụ-thuộc vào thế quân-bình của năm hành. Trên quan-điểm triết-học, ngày nay ta cũng quan-niệm rằng khỏe mạnh là do sự hòa-hợp giữa một số yếu-tố. Bệnh tật trái lại là một đổ-vỡ, một nghịch âm trong sự hòa-hợp đó.

Y-HỌC CỔ DO-THÁI.

Y-học cổ Do-Thái rất thô-sơ, trừ một số nguyên tắc rất hay về vệ-sinh do luật Moïse bắt áp dụng. Trong Cựu Ước, vai trò người thầy thuốc rất lu-mờ bởi bệnh tật được coi là một hình thức giận dữ của Thần-Linh. Vì thế con bệnh phải cầu đến các thầy tư-tế. Những vị này giảng rằng ai sống theo luật Moïse thì thể xác sẽ thanh sạch

« Ta sẽ không phạt con bằng những tai-ương Ta đã giáng xuống dân Ai-Cập, vì Ta là đấng Vĩnh-Cữu hằng che chở con » (Phát-trình ký, XV — 26).

Độc-giả để ý rằng những tai-ương nói trên đều là bệnh truyền-nhiễm cả. Dân Do-thái, sở-dĩ hơn dân-tộc khác, là nhờ biết đề-phòng bệnh truyền-nhiễm. Quyền hành rộng lớn trong tay, các thầy tư-tế Do-thái hành động với tư cách những nhà vệ-sinh học đầy-đủ tài-năng. Trong khi đó thì ở những thời-đại sau, người Hi-lạp hình như vẫn chẳng biết mô tê gì về bệnh truyền-nhiễm cả. Người Do-thái ngừa lây bệnh bằng đủ mọi cách. Kinh Lê-vít có định rõ ràng và chính xác thế nào là thực phẩm, vật-dụng tinh-khiết hay ô-uế, thế nào là vệ-sinh khi hành kinh và lúc mang thai, thế nào là tổ-chức ngừa lây bệnh. Thịt lợn có thể truyền ký-sinh-trùng như sán dẹp và sán kim ; vậy tốt nhất là đừng ăn thịt lợn. Trong mọi trường hợp về bệnh lậu, bệnh bạch đái, bệnh phong cùi, kinh sách đều nhấn mạnh đến việc phòng ngừa : nào là cho người bệnh ở riêng, nào là tẩy-uế đồ dùng của người bệnh... Phương sách tẩy-uế được triệt-để thi-hành, chẳng hạn như san bằng nhà con bệnh ở, hay ít ra là quét vôi lại hoàn-toàn. Những phương pháp phòng bệnh cùi chép trong Thánh-kinh được coi là hữu-hiệu đến nỗi người Âu phải bắt chước khi bệnh này lan tới Âu-châu. Phần góp của dân-tộc Do-Thái vào nền y-học như thế là chỉ có trông lãnh-vực vệ-sinh và y-học dự-phòng.

Sưu-tập những khẩu truyền dẫn giải luật Moïse tôn-giáo và dân-sự, kinh Talmud còn ghi lại nhiều kiến thức y-học chính xác hơn là những truyện bán truyền kỳ của Cựu-Ước. Điều khoản về thù lao cho y-sĩ mãi sau mới được thêm vào, khi vai-trò của người thầy thuốc đã khá quan trọng :

« Ngươi phải trả công thầy thuốc cho xứng đáng, vì Đấng Tối-cao đã tạo ra người ấy, vì mọi phương-dược thần-hiệu đều do Thượng-đế ban phát và nhà Vua tưởng-lệ. Tài năng sẽ nâng cao địa-vị người thầy thuốc và ông ta sẽ được các bậc quyền-quí ngợi khen » (Truyền đạo thư, 38, 1-5).

Lời nói trên, theo các nhà chú-giải có uy-tín, phát-biểu một ý-kiến mới được bổ khuyết về người y-sĩ. Ngoài ra, không có bằng chứng nào tỏ rằng người thầy thuốc Do-Thái đạt được địa-vị cao trước thời Trung cổ, và ngay cả trong thời ấy nữa, bởi vì luật cấm cầu cứu đến họ, là những người tà giáo. Tuy nhiên thời đó ai cũng hiểu rằng chỉ có họ mới đủ tài khám bệnh. Trong những năm dài u tối vì dốt nát và lười biếng tinh thần, chỉ còn người thầy thuốc Do-thái và Hy-lạp giữ được nghề của Hippocrate. Người ta tránh sự cấm đoán bằng cách đi nước đôi : giữa công chúng, người y sĩ Do thái bị dèm chê nhục mạ, trong bóng tối ông ta lại được thỉnh đi coi bệnh. Người thầy thuốc Do thái, chung số phận với toàn thể quốc gia Do thái, thấy mình vừa bị dèm chê vừa được trọng dụng, vừa bị ghét bỏ vừa được quí mến, vừa bị xỉ vả vừa được ngợi khen. Và cứ như thế cho đến khi Đại chiến Thế giới thứ hai bùng nổ.

Kỳ sau : **Y-học Cổ Hi-lạp.**

MỘT NĂM HỌC TẬP

Hết năm, người ta thường tính sổ, kiểm-thảo các công-cuộc thực-hiện trong năm, để soạn cho năm tới một chương-trình hoạt-động hoàn-hảo và có năng-suất cao hơn.

Chúng tôi cũng theo thông-lệ tính sổ một năm học tập Y-khoa. Nhưng trong việc tính sổ này có hai điểm cần nêu rõ.

Thứ nhất, mặc dầu chương-trình học kéo dài trong 6 năm — tức là có 6 lớp — ở đây chúng tôi không thể kiểm-điểm kết-quả học tập của từng năm học một. Bởi lẽ sáu năm ấy là một liên-tục, kết-quả của mỗi năm chỉ là những mốc đánh dấu con đường học tập của sinh-viên ; và như thế, không nói được gì nhiều với độc-giả. Thế nên ở đây chúng tôi chỉ đề-cập đến kết-quả cuối cùng, tức là của năm thứ VI — vì ngay khi ra trường, người sinh-viên y-khoa đã phải lãnh một vai trò xã-hội, do đó liên-quan nhiều đến độc-giả hơn — biểu-hiện bằng việc trình-bày và sự chấp-thuận các luận-án y-khoa.

Thứ hai, việc tính sổ của chúng tôi cũng không có tính-cách « điểm » luận-án. Các luận-án đã được Hội-đồng Giám-khảo « điểm » ngay khi đệ-trình ; như thế, việc « điểm » hiển-nhiên vượt khỏi xa phạm-vi của một nguyệt-san sinh-viên. Chúng tôi chỉ cố-gắng nhận ra, qua đề-tài các luận-án đã được chấp-thuận, chiều hướng của việc giáo-dục y-khoa tại Việt-nam trong năm vừa qua.

Trước khi liệt-kê đầy-đủ 69 luận-án đã đệ-trình và được chấp-thuận trong năm 1963, chúng tôi xin đặc-biệt cảm ơn anh Nguyễn Quốc-Khánh, năm thứ V y-khoa, đã giúp chúng tôi tài-liệu và nhiều ý-kiến trong việc phiên-dịch đầu đề các luận án.

Những luận-án Y-khoa đệ-trình và được chấp-thuận trong năm 1963

1.— **Phan-hữu-Hồng** — Những bướu độc thai-sinh của xoang tiết-niệu và sinh-thực ở trẻ con.

2.— **Nguyễn-thành-Long** — Góp phần nghiên-cứu những sự dẫn-thành-túi bẩm-sinh của ống chính dẫn mật ở trẻ con.

3.— **Lê-thiện-Diêu** — Những ký-sinh-trùng ở ruột trong giới quân-nhân.

4.— **Hồ-quang-Nguyên** — Vấn-đề vệ-sinh-hóa ở Việt-nam.

5.— **Dương-trọng-Thiều** — Góp phần nghiên-cứu trị-liệu bệnh phong-thấp cấp-tính của trẻ con bằng chất phényl-butazone.

6.— **Trần-quang-Thuận** — Góp phần nghiên-cứu chứng cơ-súc thuộc tủy-sống ở trẻ con.

7.— **Trần-duy-Tôn** — Góp phần nghiên-cứu trị-liệu bệnh sưng màng óc do vi-trùng lao ở trẻ con bằng cách tiêm vào tĩnh-mạch các thuốc trụ-sinh và A.C.T.H.

8.— **Nguyễn-quí-Thể** — Nhân một trường-hợp bệnh thử-độc. Những vấn-đề đặt ra bởi vết chuột cắn ở Việt-Nam.

9.— **Tô-dương-Hiệp** — Nghiên-cứu bệnh Hurler-Ellis: nhân 2 trường-hợp thấy trong một nhóm 4 anh em.

10.— **Vĩnh-Toàn** — Nhân một trường-hợp bệnh Brill-Symmers. Nghiên-cứu về bướu tận-hạch-võng có nang khổng-lồ.

11.— **Nguyễn-Luyến** — Vài trường-hợp bệnh vết-mèo-cào đã thấy ở Việt-nam.

12.— **Phạm-Cửu** — Những vấn-đề giáo-dục vệ-sinh trong chương-trình diệt-trừ sốt-rét ở Việt-nam.

13.— **Phùng-hữu-Chí** — Góp phần nghiên-cứu những nhọt bọc trong óc trong những bệnh-tim bẩm-sinh làm xanh-da.

14.— **Hồ-đình-Quế** — Góp phần nghiên-cứu sự tăng-trưởng của những học.sinh nhỏ vùng Huế.

15.— **Vũ-văn-Trát** — Nghiên-cứu bình-luận 11 trường hợp ung-thư tại-vị của cổ tử-cung ở khu Ung-thư Bệnh-viện Bình-dân.

16.— **Lâm-thu-Vân** — Góp phần nghiên-cứu những vết thương ở đầu não. Thống-kê dựa trên 79 trường-hợp ở khu Bệnh-lý Giải-phẫu A.

17.— **Trần-văn-Chương** — Cách chủng ngừa trong da chống những bệnh nhiễm gây ra do vi-trùng salmonella typhi và paratyphi.

18.— **Ngô-văn-Nhâm** — Góp phần nghiên-cứu những độc bướu đen ở mi mắt và tròng-trắng mắt

19.— **Dương-văn-Hải** — Những hạch đầu-họng phì ở trẻ con Việt-nam.

20.— **Vũ-Âu** — Góp phần nghiên-cứu ung-thư hạnh-nhân hạch ở Nam Việt-nam.

21.— **Tạ-thúc-Phù** — Góp phần nghiên-cứu về tử-số trong nhãn-khoa.

22.— **Vũ-văn-Uông** — Góp phần nghiên-cứu những tật xương-sống tách-đôi và tật xương-sọ tách-đôi nhân 22 trường hợp thấy ở khu Giải-phẫu A.

23.— **Bà Đinh-viết-Hằng** nhũ-danh **Hoàng-thị-Bội-Ngọc** — Góp phần nghiên-cứu cách khâu kết một-lớp của ống tiêu-hóa.

24.— **Đinh-viết-Hằng** — Góp phần nghiên-cứu mạch-lựu giữa cảnh động-mạch và xoang tĩnh-mạch ở đầu.

25.— **Ngô-đình-Thuần** — Phép định-bệnh bằng tổ-chức-học những nhiếp-hộ-tuyến lớn bằng phép sinh-xuyên-thích.

26.— **Phạm-Tiến** — Góp phần nghiên-cứu những bướu Schwann ở thanh-quản.

27.— **Lê-đình-Kỳ** — Góp phần nghiên-cứu ung-thư thứ-cấp của noãn-sào.

28.— **Tạ-a-Thanh** — Góp phần nghiên-cứu những tai nạn thần-kinh nhận thấy ở những người mắc bệnh tiểu-đường.

29.— **Bà Tăng Nhiếp nhũ danh Ngô-thị-Tâm** — Góp phần nghiên-cứu tập chứng Pancoast — Tobias, nhân 4 trường-hợp thấy ở Việt-nam.

30.— **Lê-quang-Hiền** — Vài trường - hợp bệnh Heine-Medin mà sừng trước của tủy-sống không bị hư.

31.— **Nguyễn-xuân-Trình** — Góp phần nghiên-cứu những vết-thương ở mũi trong bệnh phong cùi

32.— **Cao-văn-Lê** — Sự quan-trọng của khoa tinh thần bệnh-học đối với sức khỏe của đại-chúng ở Việt-nam.

33.— **Lê-đình-Bình** — Nhân một dịch bởi siêu-vi trùng Coxsackie B_2 năm 1962 ở Saigon

34.— **Huỳnh-thị-Hoa** — Góp phần nghiên-cứu bệnh Bourneville

35.— **Phạm-minh-Chánh** — Góp phần nghiên-cứu những bệnh đi tiêu-chẩy giống như bệnh-tả ở người lớn.

36.— **Nguyễn-khắc-Hải** — Nghiên-cứu nhân-loại-học, y-tế và xã-hội nơi người Jarai ở Pleiku

37.— **Vũ-hữu-Bao** — Những khám-nghiệm siêu-vi-trùng trong việc định-bệnh tủy-sống-viêm

38.— **Bà Nguyễn-minh-Ân** — Góp phần nghiên-cứu những bướu-nham nốt ruồi nhân 7 trường-hợp đã thấy ở khu Bi-phu

39.— **Nguyễn-thị-Kim-Thoa** — Góp phần nghiên-cứu về dịch-học những siêu-vi-trùng trong ruột ở Saigon

40.— **Phan-thị-Kim-Bội** — Thử-nghiệm trị-liệu-pháp bằng chất 2-3 bis déhydro-émétine

41.— **Nguyễn-thị-Mi** — Những biến-chứng thần-kinh của bịnh đau tim bẩm-sinh, nhân tập chứng nhận thấy trong một trường hợp 2 tâm-thất thông nhau

42.— **Lê-ngọc-Anh** — Góp phần nghiên-cứu trị-liệu-pháp hiện-thời của phế-mạng-viêm do vi-trùng lao ở trẻ con.

43.— **Trần-quý-Trung** — Góp phần nghiên-cứu việc lấy những hạch trong trị-liệu pháp của bệnh ung-thư cổ và mặt.

44.— **Phan-huy-Trường** — Danh-từ Cơ-thể học : Huyết-quản-học (*Nomina Anatomica Angiologica*)

45.— **Phạm-văn-Phú** — Góp phần nghiên - cứu những bướu-độc của xương hàm dưới ở Nam Việt-Nam.

46.— **Đào đức-Chiêu** — Góp phần nghiên-cứu những bướu-độc của xương-hàm trên.

47.— **Nguyễn-văn-Quý** — Tổ-chức xã-hội cứu-trợ những người mù ở Nam Việt-nam

48.— **Đào-văn-Phác** — Góp phần nghiên - cứu trị-liệu-pháp của bệnh sưng túi-nước mắt trì-tinh bằng chất alpha-chymotrypsine.

49.— **Bùi-mộng-Hùng** — Sự phân-chia động-mạch thận

50.— **Đinh-đại-Kha** — Góp phần nghiên-cứu về phép thay hàm giả sau khi cắt hết hay một phần.

51.— **Tô-phương-Nghĩa** — Góp phần nghiên-cứu những sự dập đứt ngoại-khoa ống dẫn-tiểu.

52.— **Hoàng-minh-Mậu** — Góp phần nghiên-cứu bệnh bạch-huyết tủy-sinh ở trẻ con.

53.— **Quách-đức-Bảo** — Góp phần nghiên-cứu bệnh hầu-viêm thể trì-tính bởi streptococcus và cách chữa bằng phép chủng.

54.— **Trần-văn-Kim** — Góp phần nghiên-cứu bệnh bướu xanh.

55.— **Phạm-văn-Dương-Lâm** — Ngộ độc thực-phẩm gây ra bởi thần-lần (rắn mối). Góp phần nghiên-cứu những bệnh-khuẩn Salmonella.

56.— **Lê-hữu-Lắm** — Góp phần nghiên-cứu vi-trùng học những trùng Escherichia coli trong bệnh sưng-bao-tử-ruột trẻ con.

57.— **Nguyễn-hữu-Liêm** — Vấn đề những trẻ thơ thiếu phát-triển về tinh-thần.

58.— **Nguyễn-Bửu** — Ống thông động tĩnh mạch trong tuyến giáp trạng.

59.— **Lương-thế-Toàn** — Góp phần nghiên cứu ung thư đại tràng.

60.— **Dương-thị Thanh-Liên** — Phép sinh xuyên-thích thận — Chú thích mở đầu của 53 trường hợp xuyên thích qua da.

61.— **Lưu-văn-Chương** — Góp phần nghiên cứu về những cục máu ngoài màng óc.

62.— **Bà Phạm-Tiễn nhũ danh Bùi-thị-Nhụ** — Góp phần nghiên cứu về thủ thuật Wertherin — 73 trường hợp giải phẫu.

63.— **Nguyễn-trọng-Nhân** — Góp phần nghiên cứu về sự xâm chiếm các hạch trong bệnh ung thư vú ở Nam Việt-Nam.

64.— **Bà Trương-kim-Thành nhũ danh Nguyễn-diệu-Quang** — Góp phần nghiên cứu những ngách lớn của thập nhị chỉ tràng.

65.— **Ngô-tôn-Quát** — Những trường hợp «môn» và bướu nham nhau đã thấy ở Bảo sanh viện Từ-Dũ từ 1949 đến 1959.

66.— **Nguyễn-duy-Cung** — Góp phần nghiên cứu ung thư hậu môn và trực tràng ở Nam Việt-Nam.

67.— **Nguyễn-quang-Vinh** — Góp phần nghiên cứu giác mạc viêm giữa kẽ.

68.— **Nguyễn-đức-Tuệ** — Góp phần nghiên cứu những bướu độc ở mặt trong má ở Nam Việt Nam

69.— **Phạm-văn-Gian** — Góp phần nghiên cứu những gẫy xương trên gò khớp của xương cánh tay trên trẻ con.

✶

Sau khi khảo sát các đề tài luận án và xem qua bảng phân loại — cố nhiên là độc đoán — độc giả hẳn cũng nhận thấy ngay *khuynh hướng bệnh nghiệm* của các sinh viên tốt nghiệp trong năm 1963. Phần lớn luận án đều khởi hứng từ những trường hợp bệnh lý đáng chú ý, tức là dựa trên sự gom góp một số quan sát bệnh nghiệm nội hay ngoại thương. Số này chiếm tới 61% các luận án

Phần còn lại viết về 4 loại đề-tài : trị-liệu pháp, vệ-sinh và y-học phòng ngừa, khoa-học y-khoa căn-bản và bệnh nghiệm, các đề-tài khác (nhân-loại học, y-học xã-hội...)

Tỉ-số các luận-án về vệ-sinh và y-học phòng ngừa khá cao, đạt tới 8, 8%. Nhưng về các khoa-học căn-bản và bệnh-nghiệm, sự thiếu-sót thật quá rõ-rệt : chỉ có 3 trong số 69 luận-án, tỉ-số 4,3%. Hơn nữa lại chỉ viết về có 2 bộ môn cơ-thể-học và vi-trùng-học ; còn các môn khác như sinh-lý-học, tổ-chức-học, vật-lý-học, hóa-học, cơ-thể bệnh-lý-học, ký-sinh-trùng-học... vẫn chưa có. Đáng để ý — tuy chưa phải là một công-trình khảo-cứu — có một luận-án về danh-từ cơ-thể-học. Và độc-giả cũng nên để ý đến 2 đề-tài về nhân-loại-học và y-học xã-hội, chứng tỏ một cố gắng toàn diện của y-học Việt-nam.

Trong số những luận-án bệnh-nghiệm — ngoại trừ phần kỹ-thuật ngoại-khoa — hai khuynh-hướng nội và ngoại-khoa có thể nói là cân-bằng : 31% cho nội-khoa và 36% cho ngoại-khoa. Trong phần nội-khoa, các bệnh nhiễm trùng vẫn được dùng làm đề-tài nhiều nhất ; điều này chứng tỏ sự phát-triển chưa đầy đủ của nền y-học phòng ngừa ở Việt-nam. Ung-thư-học chiếm một tỉ-số khá cao : 36% tổng-số các đề-tài nội và ngoại-khoa. Song-song với khoa ung-thư-học ngày nay vẫn là mục-tiêu của bao cuộc tìm kiếm về căn-nguyên cũng như về liệu-pháp, các ngoại-khoa « mới » như các tật nguyền bẩm-sinh (malformations congénitales), khoa học vết thương (traumatologie), tương-đối khá được chú-ý. Kỹ thuật giải-phẫu, án-chẩn và trị-liệu-pháp chiếm 15% tổng số các đề tài.

Nhận xét thứ ba là số luận-án — một phần do những sinh-viên năm thứ VII, thứ VIII hay hơn nữa, đệ-trình — hơi ít so với số sinh-viên trên nguyên-tắc phải ra trường, tức là năm thứ VI. Sĩ-số lớp người này trong niên khóa 1962-1963 là 103.

Tóm lại, chúng tôi nhận thấy các luận-án y-khoa năm 1963

1 — có khuynh-hướng bệnh-nghiệm nhiều hơn khuynh-hướng khảo-cứu, tìm tòi ;

2 — theo khá sát sự phát-triển của các khoa bệnh-lý « mới đang thịnh hành » ;

3 — không quân bình với con số lý thuyết của sinh-viên tốt-nghiệp trong năm.

Nhận xét thứ nhất có thể giải-thích bằng sự thiếu phát-triển các khoa-học y-khoa căn-bản và bệnh-nghiệm. Chúng tôi cũng nhấn mạnh đến sự phát-triển chưa đầy-đủ của khoa vệ-sinh và y-học phòng ngừa ở Việt-nam. Sự thiếu phát-triển này làm cho các luận-án kém phong-phú và ít đặc-sắc

BỘ MÔN	SỐ LƯỢNG
1.— NỘI-KHOA. (MÉDECINE)	**20**
trong đó : — Bệnh-nhiễm và ký-sinh-trùng. (M. infectieuses et parasitaires) . .	8
— Huyết học. (Hématologie)	3
2.— NGOẠI-KHOA (CHIRURGIE)	**33**
trong đó : — Ung-thư-học (Cancérologie)	14
— Tật-nguyền bẩm-sinh (Malformations congénitales)	3
— Khoa-học vết-thương (Traumatologie)	4
— Kỹ-thuật ngoại-khoa. (Technique chirurgicale)	6
3.— TRỊ-LIỆU PHÁP (THÉRAPEUTIQUE)	**5**
4.— VỆ-SINH VÀ Y HỌC PHÒNG NGỪA (HYGIÈNE et MÉDECINE PRÉVENTIVE) . .	**6**
5.— KHOA-HỌC CĂN-BẢN (SCIENCES DE BASE)	**3**
trong đó : — Cơ-thể-học (Anatomie)	2
— Vi-trùng-học (Bactériologie)	1
6.— ĐỀ-TÀI KHÁC (DIVERS)	**2**
— Nhân-loại học (Anthropologie)	1
— Y-học xã-hội (Médecine sociale)	1

của một nền y-học Việt-nam. Hơn nữa còn làm cho sinh-viên nhiều khi phải coi một trường-hợp bệnh-lý nào đó như một dịp may phải nắm lấy để có luận-án độ-trình. Làm như thế, sinh-viên đã vô-tình từ bỏ khuynh-hướng đặc-biệt của mình. Lắm khi còn tệ hơn là bỏ ngay cái sở-trường mà vác lấy cái sở-đoản, để đến nỗi phải bỏ dở công việc, đi tìm một đề-tài hợp với mình hơn.

Nhận xét thứ hai là một điều tự-nhiên trong sự tiến-hóa của y-học. Khoa-học các vết-thương (traumatologie) chẳng hạn, càng ngày càng trở nên quan-trọng, vì mỗi lúc nhân-loại có thêm một thứ máy mới, một phương-tiện chuyển-vận mới, thì lại sinh ra thêm biết bao kiểu vết-thương và gẫy xương mới. Tuy-nhiên muốn theo được thật sát những khoa « mới » này, các khoa-học y-khoa căn-bản và bệnh-nghiệm phải được phát-triển mạnh hơn. Trở lại thí-dụ khoa học vết-thương, y-học cần nghiên-

cứu về sinh-lý sự tăng-trưởng của xương, sự sinh-xương v.v...

Nhận xét thứ ba một mặt chứng tỏ công-phu nghiên-cứu của các sinh-viên nộp luận-án ; các anh đã mất hàng hai, ba năm mới xong luận-án để trình, nhất là mấy luận-án về các khoa-học căn-bản. Nhưng mặt khác nhận xét ấy cũng chứng tỏ sự thiếu đề-tài để sinh-viên nghiên-cứu.

Đáp-ứng được những đòi-hỏi nêu ra trên đây, cần một sự cố-gắng lâu-dài trong thời-gian. Bắt đầu là cải tổ chương-trình giáo-dục y-khoa, chúng ta đã có. Rồi đến việc xây-dựng và trang-bị các giảng-đường, phòng thí-nghiệm, bệnh-viện, thư-viện... chúng ta đang có. Các việc khác như đào-tạo nhân-viên giảng-huấn, cải-tổ cách giảng dậy và học tập, đẩy mạnh sự tiến-triển của các khoa-học căn-bản, nhất là các khoa sinh-vật-học, tổ-chức những « khóa học » hậu-đại-học... tất cả không phải một sớm một chiều mà có được.

Trong tương-lai gần đây, chúng tôi chỉ mong sao số đề-tài luận-án sẽ đầy-đủ hơn, tương-đương với số sinh-viên phải ra trường mỗi năm, để chúng ta sớm có đầy-đủ y-sĩ phục-vụ đại-chúng, nhiên-hậu rảnh tay hướng về các khoa-học chính-xác, các công-cuộc tìm-tòi nghiên-cứu, để xây-dựng một nền y-học thật sự của Việt-nam.

NGHIÊM-SỸ-TUẤN

CA DAO VỆ SINH

Bệnh Dịch Tả

Sau khi nhận được Tình Thương số 1, G. s. *Nguyễn-đình-Cát* và B.s. *Nguyễn-gia-Quýnh* đã ưu-ái gửi đến tòa soạn một bài ca-dao vệ-sinh về bịnh dịch-tả, với mục đích phổ biến các kiến thức y-học trong quảng đại quần chúng. Chúng tôi xin trân trọng đăng tải và chân thành cảm ơn hai tác giả (LTS)

Bệnh tả dễ phát mùa hè,
Lan tràn thành dịch khó bề cản lui.
Phần người bệnh, thử đem nuôi
Vi trùng dấu phẩy sinh-sôi nở nhiều.

Thời tiềm-phục chẳng bao nhiêu,
Trong vòng tuần-lễ ấy điều chẳng sai.
Tới khi trùng tả ra oai.
Bệnh-nhân bỗng thấy đi ngoài luôn luôn.
Mười lăm phút phân lại tuôn
Mầu trông xam-xám, hạt tròn trắng trong,
Coi như nước gạo chảy thông
Lại thêm nôn oẹ khó lòng nằm yên.
Thịt co rật, tức bụng trên,
Chân tay mỗi lúc một thêm lạnh dần
Da se đến nỗi tím bầm,
Mắt sâu hõm lại, môi thâm khác thường.
Trông người gầy róc đáng thương,
Bồ hôi toát lạnh trên khuôn mặt gầy.
Mạch nhanh, tim yếu nguy thay,
Ngực đau khó thở, nỗi này tính sao ?
Miệng khô khát, giọng phều-phào,
Bí đường tiểu-tiện, cồn-cào ruột-gan.

Bịnh tình xem thật nguy-nan,
Tử-thần chờ đón, tóc tang nhuộm màu.
Tả nào có dễ trị đâu,
Chúng ta cần phải trước sau đề-phòng.
Nước nên đem lọc cho trong,
Rau ngâm thuốc tím thì dùng mới ăn.
Mâm cơm che đậy lồng bàn,
Hai tay rửa sạch kỹ-càng hãy ăn.
Thuốc tiêm phòng sẵn hàng năm,
Đó là phương-pháp để ngăn vi-trùng.
Lại còn phép vệ-sinh chung,
Người đau nên để một phòng riêng ra.
Chất phóng-uế phải chôn xa,
Luộc sôi quần áo cùng là chiếu chăn.
Áo quan người chết cũng cần,
Rắc vôi bột kỹ, huyệt phần đào sâu.
Tang-gia dù có sang giàu,
Chẳng nên đình đám giết trâu mổ bò.
Nhặng, ruồi, làm bệnh lan to,
Dễ gây thành dịch về trò còn nguy.
Lại còn điều nữa nên ghi,
Tàn nhang, nước thải, bỏ đi chớ màng,
« Quan Ôn » cầu cúng, cỗ bàn,
Những điều mê-tín chẳng làm bệnh lui,
Hay gì cái cái tục thịt xôi
Thánh thần, ma quỷ chữa người khỏi đâu.
Dặn-dò gọi có mấy câu,
Khuyên nên nhớ kỹ để sau dạy người.
Dịch đâu có phải « tại trời »
Vệ-sinh đấy phép ai ơi giữ mình.

B.s. NGUYỄN ĐÌNH CÁT

B.s. NGUYỄN GIA QUÝNH

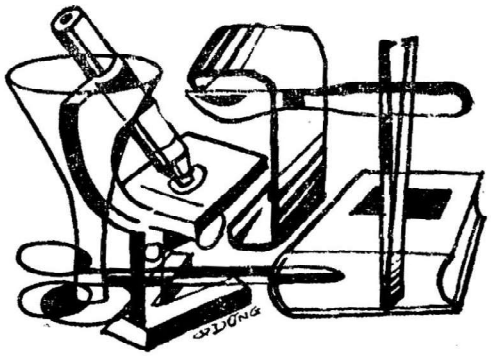

SINH HOẠT Y KHOA

TIẾP TÂN TÌNH-THƯƠNG.

Ngày 4-1-1963 Ban Chủ trương Nguyệt San Tình Thương đã tổ chức một cuộc tiếp tân tại Y khoa Đại học để giới thiệu Số Ra Mắt. Trong số các quan khách, người ta nhận thấy sự hiện diện của ông Tổng trưởng Bộ Y-tế Vương-Quang-Trường ; ông Khoa trưởng Đại học Sư phạm, đại diện ông Tổng trưởng Bộ Quốc-gia Giáo-dục ; ông Khoa trưởng Y khoa đại-học, Xử-lý Thường-vụ Viện Đại học Saigon và hầu hết các Giáo sư trường Y-khoa. Ngoài ra người ta còn thấy đại-diện các phân khoa, các trường trung học, các cư-xá sinh-viên và học-sinh.

Mở đầu cuộc tiếp tân, anh Đường thiện Đồng, Đại diện sinh viên Y khoa tỏ lời cảm ơn quan khách và giới thiệu ban chủ trương cùng ban biên tập. Sau đó các anh Phạm đình Vy, Chủ nhiệm, anh Nguyễn vĩnh Đức, Chủ bút lần lượt trình bầy lập trường và đường lối, cùng những nỗi khó khăn của nguyệt san ; sau cùng các anh chờ đợi sự dậy bảo của quý vị giáo sư và các đàn anh, hầu đi đến một nguyệt san hoàn mỹ.

Tiếp đến là phần Biếu Báo và tiếp xúc giữa sinh viên với quan khách. Các quan khách tỏ nhiều lời ngợi khen tinh thần cố gắng và kết quả tốt đẹp của sinh viên Y khoa và không quên hứa sẽ giúp đỡ nguyệt san Tình Thương về tinh thần cũng như về tài chính. Cuộc tiếp tân chấm dứt trong bầu không khí vui tươi vào lúc 18 giờ.

BAN VĂN NGHỆ Y KHOA THÀNH LẬP

Ban Văn Nghệ Y khoa gồm các ban Nhạc Ca Vũ Kịch đã được thành lập xong.

Ban Văn Nghệ sẽ ra mắt các sinh viên vào ngày 5-2-1964. Mời các bạn đến dự cho đông đảo.

TRẠM Y-TẾ CỦA SINH-VIÊN PHẬT-TỬ

Trạm Y-tế của sinh viên Phật-tử thiết lập tại chùa Dược sư ở quận Gò-Vấp tỉnh Gia-Định, do anh em sinh viên Y khoa đảm nhiệm dưới sự hướng dẫn của các giáo-sư Y-khoa. Trạm y tế này là thể hiện một dự-định đã được bàn đến trong một cuộc cắm trại ở Suối Lồ-ồ, Biên-hòa.

CÔNG TÁC NÔNG THÔN

Đoàn Thanh-Sinh-Công, Hiệp hội Sinh viên Thánh mẫu, Đoàn Thanh niên Thiện-Chí, các Tráng đoàn Hướng đạo đã tổ chức cùng với sự tham gia của nhiều sinh viên không đoàn thể một buổi công tác nông thôn tại Thủ-đức ngày Chủ-nhật 12-1-1964.

CHIA BUỒN

Được tin anh LÀM CẨM CHI Sinh-viên Y-khoa năm thứ 4 vừa từ trần đột ngột.

Nguyệt-san Tình-Thương xin thành thật phân ưu cùng tang quyến.

TÌM ĐỌC **VĂN-HỌC**

Số Đặc biệt Mùa Xuân

★ CÁC VẤN ĐỀ SINH VIÊN VÀ VĂN HÓA

★ CÁC SÁNG TÁC ĐẶC SẮC CỦA :

VŨ KHẮC KHOAN — VÕ PHIẾN — NGUYỄN ĐÌNH TOÀN — NHẬT TIẾN — HOÀNG VŨ — THẾ UYÊN — DƯƠNG KIỀN — LINH BẢO — BÙI NGỌC DUNG — LÊ VĨNH THỌ — THANH LÃNG — VƯƠNG THANH — HUY GIANG — NGUYỄN ĐÔNG NGẠC — NÔNG BẰNG GIANG MICHEL PICLIN...

● Một tuyển tập văn nghệ tô điểm Xuân Giáp Thìn mà các bạn Sinh viên và mọi người yêu văn nghệ không thể thiếu.

ĐÃ PHÁT HÀNH TOÀN QUỐC

GIỚI THIỆU

Chúng tôi đã nhận được

GIAI PHẨM

dược khoa

XUÂN GIÁP THÌN

Do các bạn Sinh Viên Dược Khoa gửi tặng

Xin ân cần giới thiệu với các bạn

SINH VIÊN và ĐẠI HỌC

TỔNG-HỘI SINH-VIÊN QUỐC-GIA SẼ ĐƯỢC THÀNH-LẬP CHĂNG ?

Tổng hội Sinh viên Quốc gia phải được xúc tiến để thành lập gấp rút, để có đủ tư cách pháp nhân tham gia hàng ngũ sinh viên quốc tế. Riêng chúng tôi cũng mong mỏi Tổng-Hội sớm thành và sẽ có một hay nhiều cơ quan ngôn luận chính thức, để cho Nguyệt-san Tình Thương do Sinh viên Y khoa chủ trương sẽ mang thêm nhiều mầu sắc Y-khoa.

SINH-VIÊN KIẾN-TRÚC VÀ LUẬT 5/63

Anh em sinh viên kiến trúc đã hội họp thảo thảo luận về sắc luật 5/63 ban hành ngày 30-12-63. Sau cùng các Sinh viên kiến trúc đã quyết định gửi kiến nghị lên Trung-tướng Chủ-tịch Hội-đồng Quân nhân Cách-mạng xin cho đình chỉ sự thi hành sắc luật 5/63 để tham khảo ý kiến các giới liên hệ.

Sau khi gửi kiến nghị, ban dẫn đạo sinh viên kiến trúc, dưới sự hướng dẫn của ông Giám-đốc trường đã được Thủ tướng tiếp kiến. Nhận thấy những lý lẽ sinh viên trình bầy là hợp lý, Thủ tướng đã hứa sẵn sàng sửa đổi sắc luật để đáp ứng đúng nguyện vọng của SVKT. Thủ tướng còn cho biết vấn đề đình chỉ một sắc luật vừa mới ban hành không thể có được.

Sinh viên các phân khoa khác có thái độ nào trước việc đó ? Chúng ta phải công nhận là sự liên lạc giữa các phân khoa hãy còn lỏng lẻo. Mặt khác chúng ta không được phép thờ ơ trước sự tranh đấu của các bạn, coi như một đòi hỏi quyền lợi riêng của một thiểu số. Trái lại chúng ta cần phải có một ý thức vững chắc, và phải tham gia mọi tranh đấu nếu xét ra mục tiêu của cuộc tranh đấu đó phù hợp với tinh thần và nhiệm vụ của đại học

CÁC TRƯỜNG TRUNG-HỌC PHÁP Ở VIỆT-NAM

Một số sinh-viên đưa đề nghị yêu cầu Chính phủ Việt-nam đơn phương đóng cửa các trường trung-học Pháp ở Việt-nam. Vấn đề đặt ra là chủ-quyền giáo dục của V.N phải được tôn trọng trên lãnh-thổ Việt-nam và một mặt khác đó là một hình thức của bất-công xã-hội. Đề nghị này còn đang được bàn cãi thì sinh-viên Việt-nam tất cả phải chống lại mưu-mô trung-lập-hóa Việt-nam của những chính khách Pháp còn luyến tiếc thực-dân chủ-nghĩa. Mong anh em sáng suốt không lầm mục tiêu tranh đấu, bởi các học-sinh và sinh-viên cựu học-sinh các trường trung-học Pháp cũng sát cánh với mọi sinh-viên khác chống lại mưu mô trung-lập ấy. Cuộc tranh đấu của chúng ta sẽ được những người đại-học Pháp ủng hộ trên chính đất Pháp, bởi mưu mô ấy đi ngược lại với lịch sử và vi phạm quyền tự quyết của mỗi dân-tộc. Chúng tôi kêu gọi các anh em sinh-viên ở 17 đại-học của Pháp hãy giúp chúng tôi chống lại thực-dân chủ-nghĩa, một hình thức của đàn áp, theo tinh thần của tuyên-ngôn Leysin mà chính anh em đã ký kết. Chúng tôi kêu gọi tất cả sinh-viên và người đại-học trên thế giới hãy tiếp tay với chúng tôi để làm tròn nhiệm vụ sinh-viên đối với dân tộc và đất nước.

ĐẠI-HỌC NỔI SEVEN SEAS CỦA MỸ GHÉ THĂM SAIGON.

Đại-học nổi của Mỹ ghé bến Saigon tháng 1 năm 1964 để tăng thêm sự thông cảm giữa sinh-viên Hoa-kỳ và sinh-viên Việt-nam. Vì thời-gian lưu trú quá ngắn, cuộc viếng thăm chỉ có một tiếng vang nhỏ đối với sinh-viên Việt-nam. Chúng tôi mạn phép đề nghị lần sau Đại-học nổi cố gắng thành lập một đội bóng tròn để đấu một trận giao hữu với đội bóng tròn của Sinh-viên Saigon : chắc chắn là cuộc tiếp xúc sẽ gây nhiều kỷ niệm.

hộp thư tình thương

TÒA SOẠN ĐÃ NHẬN ĐƯỢC :

Cuộc đời thành phố, dáng sầu, đoản ca buồn (YÊN-BẰNG). *Nỗi buồn y-học* (NG-T.TRÀ). *Thắc mắc* (V. CHÂU). *Xuân mộng, gió lộng* (YÊN-THẢO) *Cốc nương* (RIMIFON). *Rụt rè* (H.D.) *Tình thương* (VĂN-CAO) *Hồi hộp* (XÍU-ĐĂNG-QUANG) *Hoài xuân cảm, xuân viễn tượng, thiết tha, niềm tin mới* (VĨNH NGỌC) *Tình ca mùa xuân, mùa xuân hôm nay* (HOÀI SONG THU). *Vào đời, mùa xuân tuổi nhỏ* (HOÀI LINH GIANG). *Cô đơn* (THỤY CẦM). *Mưa tháng tám, vuốt tóc* (HOA Y LĂNG). *Không có anh đợi chờ* (VŨ TUẤN). *Lá thư cuối năm* (HOÀNG DUNG) *Chiều giảng đường, đường trăng* (L H H ANH VŨ) *Thiên thần, xuân tình thương* (P.G. CHÂU). *Thơ tiền cách mạng* (L.L). *Khi bệnh nhân chính là cô em gái* (THÁI AN). *Khoảng cách* (HÀ LI HẢI). *Nàng* (ĐẶNG ĐỨC NGHIỆM). *Chuyện mùa xuân* (TRANG CHÂU) *Tình tội lỗi* (NHÓM NỮ SINH TKNH) *Nụ cười 20* (ĐỖ NGHỀ). *Hoa lòng, ước mong, bức rèm nhà cô láng giềng, thần ái tình và ông lương y, về tây đô. nắng chiều* (PHẠM ĐỊNH CHÍ MAURICE). *Chiều bệnh viện, ly biệt* (T.N.T.) *Phiếm luận về nhót* (NG-VĂN VƯỢNG). *Thuế 5/7* (B.X. NHỰT). *Chuyện con rồng* (NG. QUỐC KHÁNH). *Xuân dân tộc, thức giấc, say, sao băng, giấc ngủ ngàn năm, chợt* (ĐỖ LANG) *Truyện cũ* (SONG VŨ). *Vào buồn* (Đ.M.H.). *Thầm thiết* (V.Đ.) *Một vì sao, đơn thoại, khúc hát vào xuân đêm công viên* (LINH DAN THANH). *Hoang dại* (PHƯƠNG TUẤN)

• Bạn VĨNH-LỘC : Đón đọc « Alphonse Laveran » trong số 3 nhé. Thân.

• Anh NGUYỄN-THANH-TÙNG VÀ MỘT NHÓM S.V. Y-KHOA NĂM THỨ I : Những thắc mắc của các anh về kỳ thi bệnh lý cuối năm thứ VI và kỳ thi cuối năm thứ I đã được kinh chuyển lên G.S. Khoa-trưởng. Sẽ có thông cáo trả lời những thắc mắc đó một ngày rất gần đây

• Bạn HỒ VIỆT KIM CHÂU (B.H. THANH QUAN SAIGON) : Đã chuyển giao « Buồn cô độc » đến bạn phụ trách. Cảm tạ.

• Bạn BẢO TRIẾT (CƯ XÁ LỮ GIA SAIGON) : Đã chuyển giao sáng tác của bạn và chị Nguyệt-Minh đến các anh phụ trách « Bàn tay ta nắm bàn tay » Thân.

• Bạn VŨ QUÂN (PARIS) : Đón đọc số 3 trong mục « Bàn tay ta nắm bàn tay »

• Bạn H. TRUNG VIỆT : Bài bạn sẽ đăng vào số 3.

• BẠN MUỐN HÀNG THÁNG « TÌNH-THƯƠNG » SẼ ĐẾN ĐỀU TAY BẠN.

• MỘT MÓN QUÀ ĐẦU NĂM TAO-NHÃ MỘT HỨNG THÚ BẤT NGỜ ; NGƯỜI NHẬN SẼ CẢM-ĐỘNG NHỚ MÃI — BẠN CHỈ VIỆC GHI TÊN NGƯỜI BẠN MUỐN TẶNG VÀO PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN DƯỚI ĐÂY

• BÁO SẼ HÀNG THÁNG ĐƯỢC GỬI ĐẾN TAY NGƯỜI NHẬN

Nguyệt-san **TÌNH THƯƠNG**

do Sinh-viên Y-khoa Chủ-trương

28, Trần Quí Cáp — SAIGON

PHIẾU MUA DÀI HẠN

Phương danh độc giả .....

Địa chỉ .....

Thời hạn mua (1) ..... bắt đầu từ tháng .....

Giá tiền (2) .....

Thể thức trả tiền : .....

ngày ..... tháng ..... năm 1964

ký tên

(1) Một năm hay 6 tháng

(2) Giá báo dài hạn : 1 năm 120đ

6 tháng 60đ

KÉMICÉTINE
SIROP

● SUSPENSION DE **CHLORAMPHÉNICOL STÉARATE** *(AMORPHE ET SANS SAVEUR)* DANS UN VÉHICULE SIRUPEUX AROMATISÉ

o o o o o

✳ *Pourquoi* le Sirop de **KÉMICÉTINE ?**

✳ *PARCE QUE LA FORME* **NON CRISTALLINE** *DES ESTERS DE CHLORAMPHÉNICOL, TEL QUE LE STÉARATE EMPLOYÉ POUR NOTRE SIROP, SE DISSOCIE BEAUCOUP PLUS FACILEMENT DANS L'INTESTIN EN PRODUISANT DES TAUX SANGUINS SUREMENT ACTIFS*

o o o o o

KÉMICÉTINE
SIROP

• réponse thérapeutique **prompte** *et* **certaine**

FLACONS DE 50 g.

CARLO ERBA MILANO


Antibiotique à large Spectre
B. d'Aertrycke, de Gaertner et du Hog cholera
B. dysentérique (Shiga)
B. de Flexner, de Boyd et de Sonne
Escherichia coli des gastro-entérites infantiles
Vibrion septique
B. perfringens
B. oedematiens
B. histolyticus
B. sporogenes
B. perfringens
B. pyocyanique
B. paratyphiques
B. d'Eberth
B. de Friedlaender
B. du charbon
Brucella
Mélitocoque
B. de Bang
B. de suis
B. coqueluchoux
B. de Pfeiffer
B. du chancre mou
Aerobacter aerogenes
B. botulique
Colibacille
Bacille tularémique
Staphylocoque
Streptocoque hémolytique
Entérocoque
Pneumocoque
Gonocoque
250 mg
CAPSULE
OTRAMYCINE SF
Vitaminée
OTRAMYCINE SF
Vitaminée
(CHLORTETRACYCLINE + COMPLEXE B)
H TRANG I
LABORATOIRES TRANG HAI
5. Ngô thời Nhiêm. Saigon
NGUYEN VAN TRANG PHARMACIEN

tình thương

NGUYỆT SAN TRANH - ĐẤU VĂN - HÓA XÃ - HỘI DO SINH - VIÊN Y - KHOA CHỦ - TRƯƠNG



niềm đau nỗi khổ

3-4

tháng ba và tháng tư 1964

NGUYỆT SAN
tình thương
ĐOÀN SINH VIÊN Y KHOA CHỦ TRƯƠNG

TÒA SOẠN : 28 TRẦN-QUÝ-CÁP SAIGON

Chủ - Nhiệm PHẠM-ĐÌNH-VY Chủ - Bút NGUYỄN-VĨNH-ĐỨC
Tổng - thư - ký TRẦN-XUÂN-DŨNG
Thư - ký : NGHIÊM-SỸ-TUẤN Quản-lý : PHẠM-NHƯ-BÁCH

BAN BIÊN TẬP : TRẦN ĐÔNG A — HOÀNG THIỆN-CĂN — TÔN THẤT-CHIỀU — LÊ QUANG DŨNG — NGHIÊM ĐẠO ĐẠI — VŨ THIỆN ĐẠM — NGUYỄN LONG HỢP — DƯƠNG HỒNG HUY — TRẦN MỘNG LÂM — PHẠM VĂN LƯƠNG — TRẦN XUÂN NINH — HỒ TẤN PHƯỚC — LÊ SỸ QUANG — NGÔ THẾ QUÍ — HÀ NGỌC THUẦN — TRƯƠNG THÌN — TÔ VĂN THÌNH — ĐỖ HỮU TƯỚC — ĐỖ THỊ VĂN — NGÔ THẾ-VINH — ĐẶNG VŨ VƯƠNG — và TOÀN THỂ SINH VIÊN Y KHOA

3-4
THÁNG 3-4-1964

TRONG SỐ NÀY

Trình bày	TÌNH THƯƠNG	1
Tình thương và chúng ta	G.S. PHẠM-BIỂU-TÂM	3
• NHỮNG VẤN-ĐỀ GIÁO-DỤC		
Căn-bản một cải-tổ giáo-dục	HÀ-NGỌC-THUẦN	4
Quan-điểm về giáo-dục II	G.S. NGÔ-GIA-HY	7
Những vấn-đề hiện tại của nền giáo-dục Việt-Nam	G.S. TRẦN-NGỌC-NINH	9
Vấn-đề đào-tạo cấp bộ chỉ huy	B.S. HOÀNG-VĂN-ĐỨC	13
• NIỀM ĐAU NỖI KHỔ		
Muối đỗ trong lòng...	NGUYỄN-VĨNH-ĐỨC	16
Con người trước đau đớn và bệnh-tật	ĐẶNG-VŨ-VƯƠNG	20
Công cuộc khắc phục đau-đớn	NGHIÊM-SỸ-TUẤN	23
Mang không nặng, đẻ không đau	PHẠM-NHƯ-BÁCH	26
Những người tiền-phong trong ngành tê-mê	HOÀNG-NHẤT-PHƯƠNG	28
• NHỮNG VẤN-ĐỀ SINH-VIÊN		
Sự góp phần của Sinh-viên vào guồng máy cách mạng nông thôn	PHẠM-ĐÌNH-VY	31
Một kinh-nghiệm đau-khổ : Genève 1954	TRẦN-ĐÔNG-A	32

• **BIÊN-KHẢO**

Alphonse Laveran — NGUYỄN-VĨNH-LỘC — 34

Vòng đai bức-xạ Van Allen — HỒ-TRUNG-VIỆT — 37

• **VĂN-NGHỆ**

Bông hồng đỏ, *truyện ngắn* — MARIE-NOEL—HOÀNG-VŨ dịch — 39

Bên ngoài bão khô, *tùy bút* — HẢI-TRANG — 49

Hoang dại, *truyện ngắn* — PHƯƠNG-TUẤN — 51

Những mẩu đối-thoại, *truyện ngắn* — HẰNG-HÀ-SA — 56

Thơ của B.S. TRẦN-VĂN-BẢNG — ĐỖ-LANG — PHAN-GIANG CHÂU — HOANG-DUNG — NINH - CHỮ — Y - SINH NGUYỄN-THANH-TRÀ — 61

• **CÁC MỤC THƯỜNG-XUYÊN**

Những lá thư gửi từ bệnh-viện — Đ.VY — 65

Bàn tay ta nắm bàn tay ĐỖ-QUÍ-BÁI. BẢO TRIẾT. VŨ-QUÂN — 63

Cái mặt — TRẦN HÀ NAM — 66

Sinh hoạt y-khoa — DƯƠNG HỒNG HUY

Sinh viên và Đại-học — PHẠM ĐÌNH VY — 83

• **TÁC PHẨM TRƯỜNG-THIÊN**

Nuôi Sẹo — TRIỀU SƠN — 68

Dưới mắt Thượng Đế — HANS KILLIAN — 72

Lịch-sử Y-học — KENNETH WALKER — 77

TIẾNG CA SẦU KHỔ

Khuôn mặt sầu-thảm và gợi-cảm của nữ ca-sĩ Eartha Kitt đang trình bày nhạc-điệu « blues », một khía-cạnh của nhạc jazz.

Tiếng ca não-nuột, buồn xé và khổ đau để cuối cùng phục-tòng số phận, chắc đã bắt nguồn và kết tinh từ những điệu hát thôn-dã của những người nô-lệ da đen thủa xa xưa.

xem trang 19

hình bìa : **LIZA** minh họa : **THIỆN CĂN. QUANG DŨNG. HÀ NGỘ. NGUYỄN QUỲNH** trình bày **TÔ TAM KIỆT**

trình bày



VỚI số ra mắt như một thử thách, số mùa xuân như một xác-định, hôm nay, chúng tôi bắt tay vào việc. Đề cập đến những vấn đề giáo dục, tìm hiểu sự đau khổ của con người là công việc đầu tiên chúng tôi chọn lựa.

Một trong những động lực đã thúc đẩy sự khai sinh của nguyệt san Tình Thương là truyền thống văn nghệ của người y khoa, điều đó chúng tôi đã từng xác nhận. Với những sáng tác văn nghệ chúng tôi muốn chứng tỏ rằng tâm hồn người y-khoa vẫn nguyên vẹn và còn nhiều rung động mặc dầu đời sống của họ bị bó buộc bên giường người bệnh.

Nơi người bệnh không phải chỉ có vi trùng, máu và mủ, mà còn có những nỗi băn khoăn, lo âu hay thắc mắc cũng như những niềm tin tưởng, nguyện ước hay hoài vọng. Những nỗi niềm ấy không xa lạ gì đối với người y khoa, những con người đang cố gắng, qua ngành chuyên môn của mình, tìm gặp Con Người, và đồng thời, vượt ngành chuyên môn của mình, để sống cuộc đời của Con Người thực sự.

NHƯNG, nếu ngôn ngữ là phương tiện phát biểu tư tưởng và tình cảm, thì báo chí là phương tiện truyền bá những phát biểu ấy. Những người cầm bút là những người có quyền ưu tiên được xã hội chú ý và lắng nghe, do đó họ phải nhận lãnh trách nhiệm của tất cả những người làm văn hóa. Người y khoa không thể giả ngơ giả điếc, gọt rũa một lời thơ, trong khi bên cạnh còn có những người « chờ một viên thuốc, một bát cơm, một manh áo...» hết lòng tin cậy nơi họ và đương trông chờ công việc của họ. Bởi vậy điều tối thiểu phải thực hiện ngay là một công cuộc phổ biến khoa học, đại chúng hóa khoa học và nhất là sự thích ứng khoa học, trong đó có y học, vào sinh hoạt xã hội Việt-Nam, vốn dĩ đã có tổ chức và một nhịp sống riêng biệt trước khi những người Tây phương mang nền văn minh của họ tới. Mang một viên thuốc đến cho người dân, chúng ta phải làm họ trút bỏ mọi hoài nghi và vững tin ở công hiệu. Bởi vậy mục tiêu thứ nhất của chúng tôi là sự « hướng dẫn » về y học.

Rời bỏ địa hạt chuyên môn trong đó chúng tôi đã xác định trách nhiệm đối với xã hội, chúng tôi muốn xác định trách nhiệm đối với văn hóa, có thể tạm định nghĩa như bổn phận phải phát huy và làm thêm phong phú nền văn hóa của dân tộc. Cái ngỡ ngàng của những người văn nghệ hiện nay là sự vắng bóng của một trào lưu tư tưởng. Người ta chỉ biết cố gắng dịch thuật để theo kịp đà tư tưởng Tây phương và để phản ứng lại người ta cố gắng sáng tác và chấp nhận một cách khoan dung, đến độ trở nên quá ư dễ dãi, mọi sáng tác văn nghệ. Bởi những người quan tâm đến giá trị của tác phẩm luôn luôn chú trọng tới phẩm hơn là lượng, cho nên văn nghệ Việt Nam đã bị thao túng bởi những kẻ sính văn sính thơ, chỉ biết đặt vè chơi chữ, mà ý tưởng rút cục cũng là góp nhặt, mô phỏng theo Tây phương.

Nói như thế nghĩa là chúng tôi từ bỏ « văn nghệ », cái thứ văn nghệ của những người cầm bút để thỏa mãn sở thích riêng, những người không quan tâm đến xã hội, sống tách rời khỏi xã hội, không có điều gì muốn nói với xã hội nhưng lại muốn được nêu cao tên tuổi. Sự từ bỏ đó có lẽ không quá nghiêm khắc đối với những người thật lòng yêu văn hóa Việt Nam và thực ra, hợp lý, nếu chúng ta nhìn vào thực tại với tất cả những điều kiện lịch sử mà chúng ta đương sống. Chúng tôi không muốn lạm dụng danh từ Cách mạng. Chúng tôi không muốn quá đề cao tinh thần đại học hay nhân bản. Chúng tôi chỉ xin nhấn mạnh đến tinh thần dân tộc mãnh liệt đang bùng cháy trong tâm hồn mọi người. Tinh thần ấy là một tinh thần tranh đấu. Tự ngàn xưa, dân tộc hằng tranh đấu cho sự trường tồn của nòi giống, đòi hỏi tự do, độc lập, xây dựng một quốc gia hùng mạnh và thịnh vượng, thiết tha với một nền

văn minh và văn hóa hoàn toàn và riêng biệt của Việt Nam,—tất cả những công việc ấy ngày nay vẫn chưa được hoàn thành trọn vẹn và đương bị đe dọa đổ vỡ hơn bao giờ hết.

Với lập trường tranh đấu ấy chúng tôi làm văn hóa, và đối với những người mà mỗi danh từ còn giữ được trọn vẹn giá trị và ý-nghĩa của nó, chúng tôi xin nhắc lại rằng chúng tôi làm văn hóa với tinh thần dân tộc, tinh thần nhân bản và tinh thần đại học.

Trên cương vị của những người sinh viên, nghĩa là những người còn đi học, chúng tôi chú ý trước hết đến những vấn đề giáo dục. Trong sự thu thập và thâu nhận kiến thức người sinh viên không thể thụ động như những ngày mười lăm, mười bảy tuổi. Trái lại sự học hỏi phải có tính cách tự động, và người ta đã định nghĩa sinh viên như những người chạy đuổi để tìm bắt sự thật. Người sinh viên, hơn nữa, có khả năng phê bình và nhận định những giá trị ; mỗi người tự đặt những giá trị phải theo đuổi và thực hiện để xác định nhân cách. Đó là những nguyên nhân cho phép người sinh viên có quyền và có bổn phận lên tiếng về những vấn đề giáo dục, liên quan thiết yếu trước nhất đến họ.

Trên cương vị của những người đại học nghĩa là những người hiện được ưu đãi và sắp sửa phục vụ xã hội, chúng tôi đề cập đến mọi vấn đề của xã hội, nhất là những vấn đề có tính cách xã hội. Ý thức phục-vụ xã hội cần phải được gây dựng ngay lúc này trong giới sinh viên, bởi nó xác định lại vai trò của những người tốt nghiệp đại học và những người trí thức trong xã hội. Người sinh viên không giàu có, không nhiều tài năng, nhưng với hai bàn tay, một thiện chí, họ hăng hái tham gia công tác xã hội : đấy là những hành động cụ thể thúc đẩy bởi lòng từ-bi, bác ái hay tinh thần tương trợ mà khía cạnh tiêu cực là tinh thần chống đối mọi bất công xã hội, vấn đề âu lo nhiều nhất của những người đại học.

Sau hết người sinh viên với tư cách là một thành phần của một đoàn thể trí thức trong xã hội phải luôn luôn theo dõi những vấnđề chính trị : giơ cao ngọn đuốc thiêng tinh thần đại học, họ là những người đi tiên phong trong việc xác định một thái độ. Sự bày tỏ lập trường của họ luôn luôn là một điều cần thiết. Nếu người ta hiểu chính trị theo ý-nghĩa tốt đẹp của nó, một người sinh viên yêu nước và thiết tha với chính trị nước nhà ít nhất phải tự đặt cho mình ba câu hỏi : làm thế nào cho nước yên ? làm thế nào cho nước giàu ? làm thế nào cho nước mạnh ?

Ba câu hỏi ấy đặt ra, chúng tôi đã đi quá tầm tay với, nếu không muốn nói là đi lạc đường theo ý nghĩ của những người quan-niệm rằng công việc của người sinh viên chỉ thu gọn vào mấy pho sách cổ, và người tốt nghiệp đại-học chỉ là người có bằng cấp đại-học.

Thực ra hiện-tượng báo-chí sinh-viên thật là mới mẻ và kinh-nghiệm báo chí sinh-viên chưa từng có cho nên người ta khó tưởng-tượng được rằng với hoạt động báo-chí người sinh-viên có thể học được rất nhiều, nếu quả thật học là để biết và sống. Công-việc dự-định thực-hiện có vẻ nặng-nề và khó-khăn ; nhưng một khác cần phải thú-nhận rằng người sinh-viên chưa kịp chuẩn-bị để đảm-đương những trách-nhiệm ; không ngờ một sớm một chiều lại có thể thành-tựu cái nguyện-vọng có một tờ báo sinh-viên để nói lên tiếng của sinh-viên.

Trong những bước đầu bỡ-ngỡ chúng tôi đã nhận được nhiều sự giúp đỡ và khích-lệ của những bậc đàn anh yêu mến tuổi trẻ, hết lòng dìu dắt nâng-đỡ. Riêng trong việc biên-tập bài vở chúng tôi đã nhận được những góp phần quý báu của các giáo-sư, bác sĩ. Nơi đây chúng tôi xin có lời chân-thành cảm tạ.

Chúng tôi cũng nhận được sự cộng-tác của nhiều bạn sinh-viên y-khoa. Sự cộng-tác đó là một điều cần-thiết và cũng là điều chúng tôi đòi hỏi, mong đợi nơi tất cả và mỗi bạn sinh-viên, bởi tờ báo sinh-viên phải là một diễn-đàn mà người ta có thể tìm thấy ở đấy mộtcuộc đối-thoại chứ không phải những lời độc-thoại, một bản hòa-tấu vĩ-đại và phong phú đầy âm-thanh,chứ không phải đơn-điệu của một chiếc lục-huyền-cầm tẻ ngắt.

Và xin mời các bạn lần giở những trang sau ; chúng ta bắt tay vào việc: những vấn-đề giáo-dục và sự đau khổ của con người...

TÌNH THƯƠNG

TÌNH THƯƠNG và CHÚNG TA

★ G.S. PHẠM BIỂU TÂM

Trong khóa hội-thảo họp các Khoa-trưởng Đại-học Y-khoa vùng Đông Nam Á tại Manille hồi cuối năm 1963, có một hôm bàn đến Sinh-viên Y-khoa. Trong nhiều điểm nêu ra, hội-nghị đã đề-cập đến những nguyên-nhân thúc-đục Sinh-viên lựa-chọn ngành Y-khoa. Sau khi nghe kể lần-lượt các lý-do khả-dĩ làm động-cơ cho sự lựa-chọn nghề áo trắng mà toàn là những lý-do thực-tế như chọn một nghề tự-do, nhắm một địa-vị xã-hội, vân vân..., đại-biểu Việt-Nam nhận thấy đã thiếu hẳn một điều gì nên giơ tay xin bổ-khuyết : « Thưa quí vị, ở Việt-Nam, sinh-viên chúng tôi còn lựa-chọn nghề đó vì lòng bác-ái vị-tha ». Một đồng-nghiệp ngoại-quốc vừa mỉm cười vừa hỏi lại : « Có chắc thế không ? » Tôi liền trả lời : « Thưa chắc chứ ; tôi không thể nói hẳn tỷ-lệ là bao nhiêu nhưng xin quả quyết là có thực như vậy ». Và sau hồi trao đổi ý-kiến điểm ấy đã được ghi nhận. Chiều tối hôm đó tan họp ra về, bách bộ trên đường đến khách sạn, tâm-trí tôi có phần nhẹ-nhàng vì cảm-nghĩ là đã không để mất một dịp tranh-đấu cho sinh-viên của mình.

Cho nên đến khi về lại Saigon và được tin tờ báo do Sinh-viên Y-khoa chủ-trương đã lấy tên là « Tình Thương » thì trong lòng không khỏi mừng thầm. Vì trong biết bao nhiêu danh-từ có thể dùng để đặt tên cho tờ báo của mình, anh em đã chọn hai chữ có thể chứng-minh lời nói của tôi ở hội-thảo-trường. Vì cái tên ấy phản-ảnh cho nhiều bằng-cớ khác mà trong bao nhiêu năm chung-đụng với anh em Sinh-viên tôi đã nhận thấy được không những trong đám người còn theo đuổi học-trình mà, hay hơn nữa, là trong những người đã tốt nghiệp xong đã ra bay nhảy ngoài đời. Hai chữ « Tình-thương » thật đã nói lên được một điều rất quan-trọng cho công-việc học cũng như công việc hành nghề của chúng ta.

Thực vậy, nếu tuổi đôi mươi biết thổn-thức trước một làn môi đẹp hay một khoé mắt xinh, rung-động khi tai nghe một bài thơ tuyệt-tác hay một bản nhạc du-dương, thì sao tránh khỏi được động-lòng trắc-ẩn trước những cảnh thương-tâm đang còn đầy rẫy xung-quanh mình. Mấy ai sắt-đá để khỏi đau xót ít nhiều trước bao cảnh hoạn-nạn, tang-tóc, ốm đau... Nhưng đau xót như khách qua đường là một chuyện, mà xót-xa đến nỗi khiến mình phải thắc-mắc, suy-nghĩ, hoạt-động lại là một chuyện khác. Do mối từ-tâm sẵn có mà hướng đi chọn một nghề — hay nói rộng ra, một lối sống — có thể xoa-dịu những nỗi đau-thương của nhân loại thì tức là đã vun-xới từ-tâm đó một ngày một thêm nẩy nở, một thêm sâu-đậm, cho nó thấm nhuần vào hành-động một cách tự-nhiên như chim bay hay cá lội, cho nó thành ra một sự tự-nhiên thông-thường.

Vì kể ra, đó cũng chỉ là một sự công-bình ở giữa đời với nhau. Có ai sức-khoẻ cho bằng một lực-sĩ vạm-vỡ, mà đến khi đau xuống cũng nhiệt độ lên 40, cũng liệt giường liệt chiếu, cũng mê man như ai. Có ai oai quyền cho bằng một vị đế-vương, tiền hô hậu ủng, sơn-hà xã-tắc trên vai mà đến khi lâm nạn, trở tay không kịp mặc dầu phương tiện cứu chữa đầy đủ ; rồi cũng đến kết-liễu cuộc đời như bao nạn-nhân khác. Người ta đã bình-đẳng trước bệnh hoạn và tử-thần như vậy thì thiết tưởng người lành-mạnh phải đem Tình-thương ấp-ủ cho kẻ ốm-đau cũng như người giàu san sẻ cho kẻ nghèo, người học-thức dìu-dắt kẻ kém học... Sức khoẻ không phải là cái gì quí nhất ở đời hay sao ?

Và đã là một sự công-bình cho mọi người lành-mạnh thì đối với chúng ta vừa là người lành-mạnh vừa là người học hay hành nghề chữa chạy cho người ốm đau, việc đem tình-thương mà bao-phủ lấy bệnh-nhân còn phải là một bổn-phận. Một bổn-phận không kém ích-lợi kém thú-vị như bổn-phận định bệnh cho đúng chẳng hạn. Chúng ta đều biết về phương diện bệnh lý, chỉ có một bệnh nhưng bao nhiêu trạng-thái bệnh-lý khác nhau ; Về tình thương cũng vậy ; lại càng nhiều trạng-thái hơn nữa. Tình thương bao la của chúng ta tha-hồ mà san sẻ. Một tình thương chân-thực, bộc-lộ hay kín đáo, mà không bao giờ giả tạo.

Nhưng dù chân thực, dù bao la, tình thương của chúng ta đối với bệnh nhân, nếu chỉ đặt trên tình-cảm thôi thì cũng chưa đủ. Chúng ta còn có thể tiến tới một bước nữa để làm sao cho cái tình thương đó có hiệu-quả. Nói một cách khác, ai thương xót một bệnh-nhân bằng gia-đình họ ; chúng ta có thể san-sẻ cái thương xót đó, nhưng đối với chúng ta, như thế vẫn còn thiếu. Chúng ta còn phải cố gắng hết sức để cho họ chóng lành mạnh ; phải làm sao cho « đúng thầy đúng thuốc ». Tức là kỹ-thuật chuyên-môn của chúng ta phải cố gắng làm sao cho đạt được tột mức hay ít ra cũng tới bực tối-đa chúng ta có thể đến được ; như vậy mới cứu chữa bệnh nhân được tận lực...

Làm sao để tránh hết sức được những trường hợp Thương hóa ra Tiếc nếu không phải là hối-hận. Vì nước mắt của chính mình cũng không xóa nhòa được một thiếu-sót hay một lỗi-lầm.

G.S. PHẠM-BIỂU-TÂM

NGUYỆT SAN tình thương
ĐỒ SINH VIÊN Y KHOA CHỦ TRƯƠNG

NHỮNG VẤN ĐỀ GIÁO DỤC

Căn Bản Một Cải Tổ Giáo Dục

HÀ NGỌC THUẦN

The voice of the student, the person most concerned with and conscious of the problems of the educational process, must be heard in the formation of policy concerning that process.

Declaration of Leysin

ĐỂ thực-hiện một cuộc cải-tổ giáo-dục thực sự, người ta theo một quá-trình tư-tưởng như sau: (1) nhận-định hiện-trạng của nền giáo-dục, về tinh thần, về chương trình và về các cơ-cấu tổ-chức; (2) nhận định chiều hướng mới của lịch-sử với những biến chuyển chính-trị, kinh-tế, văn-hóa và xã-hội; (3) quan-niệm một hệ-thống giáo-dục mới với một tinh-thần mới, thích ứng với chiều hướng của lịch-sử; (4) và sau cùng lại trở về nền giáo-dục hiện-tại để xét xem những cơ-cấu nào nên bãi-bỏ, những tổ-chức nào còn thiếu cần phải thiết-lập và những cơ-quan nào có thể duy-trì hay thay đổi trong chi-tiết: tất cả những nhận định đó đòi hỏi một thời-gian lâu dài để nghiên-cứu và sự góp phần của rất nhiều người thuộc nhiều giới khác nhau.

Tuy nhiên, trước khi bắt tay vào giai-đoạn thứ nhất nghĩa là đi vào nội-dung cuộc cải-tổ, người ta cần phải xét trước hết đến hình-thức. Trong những năm qua những người có trách-nhiệm đã thi-hành nhiều biện-pháp cải-tổ, nhưng chính những sự thay đổi liên tiếp ấy chứng tỏ người ta vẫn hài lòng với hiện-trạng giáo-dục ở Việt-Nam. Một tổ-chức giáo-dục không hoàn-bị không thể được chấp nhận bởi nước ta vốn trọng văn-học. Đất nước bé nhỏ, dân-chúng nghèo-nàn, chúng ta chỉ trông một sức mạnh tinh-thần, di-sản ông cha đã để lại từ bốn nghìn năm nay. Cũng bởi tâm-can nung-nấu những tình-cảm yêu nước và nguyện-vọng cứu nước như vậy nơi những người nắm được quyền hành, nên những cải tổ vội vã thường sơ-sót và không giải-quyết thấu đáo nhiều vấn-đề. Xét lại những vấn-đề hình thức chỉ là một điều tiên-quyết nhưng thật ra có thể nói là căn bản trên nguyên-tắc, nếu muốn giải quyết mọi vấn đề khác đến nơi đến chốn.

● Những sự thay đổi liên tiếp từ trước nhiều đến nỗi tưởng như tùy thuộc ở ý thích của một cá nhân có nhiều quyền hành. Giáo dục cũng như những lãnh vực khác của sinh-hoạt quốc-gia không thể là việc riêng của một người. Mỗi thay đổi thật ra phải có đầy đủ ý nghĩa và phải được giải thích; hơn nữa mỗi biện pháp mới, thay cho một biện pháp cũ, cần phải được nghiên-cứu kỹ-lưỡng để đến khi áp dụng có đầy đủ tính cách hợp-lý và hữu hiệu, dẫu rằng sự nghiên-cứu và quyết định ấy chỉ do nơi một cá nhân đơn phương hành động.

Những sự thay đổi về đường lối giáo-dục cũng không thể tùy thuộc nhân cách người có trách nhiệm. Công việc của một nước đòi hỏi người đảm nhiệm tinh thần khách quan trong khi hành động. Riêng trong phạm vi giáo dục, tinh thần khách quan càng cần-thiết hơn nữa, bởi mỗi quyết định ảnh-hưởng cả một thế-hệ thanh niên và do đó ảnh hưởng đến tương lai quốc gia và dân-tộc. Những lỗi-lầm trong phạm vi văn-hóa có ảnh-hưởng tai-hại và về sau và rất khó bề sửa-chữa. Hơn nữa nền giáo-dục Việt-Nam mới khai-sinh được hai mươi năm, sự xác-định tinh-thần giáo-dục hay sự soạn thảo chương-trình giáo-dục không thể chiều theo quan-niệm hay thị-hiếu của một người dù *hoàn toàn* đến đâu chăng nữa; những công-cuộc đó phải được thích-ứng với những mục-tiêu mà xã-hội đề ra và phù-hợp với tinh-thần của dân-tộc.

Sự cải-tổ đòi hỏi tự-do như một điều kiện nơi những người có trách-nhiệm. Những người đó phải được bảo đảm không chịu một áp lực nào bên ngoài, một sự hăm dọa bằng vũ-lực hay một sự mua chuộc bằng tiền bạc. Những áp-lực ấy có thể do một ngoại bang, một đoàn thể, một đảng phái hay một cá-nhân nhiều thế-lực gây ra. Một hình-thức đặc biệt của những áp lực bên ngoài là những vụ chấn động dư-luận (scandale) trong đó đoàn thể xã hội công-phẫn và do đó sự suy xét thiếu phần công minh. Trong trường-hợp này những kẻ có tội phải được xét-xử trước công-lý, một sự thay đổi chỉ có thể đề cập đến trên những bình diện khác không liên quan tới vụ chấn động dư-luận.

Để bảo đảm cho tất cả những điều-kiện đòi hỏi trên, sự cải-tổ phải có tính-cách khoa-học. Nó dựa trên những bảng thống kê, cho phép người ta nhìn thực trạng bằng những con số, phần trăm, tỉ lệ hay đồ biểu. Hơn nữa những hiện-tượng xã-hội, khác với những hiện-tượng vật-lý, thường xảy ra dưới hiệu-lực của nhiều nguyên nhân đồng thời tác dụng. Nhờ thống kê người ta có thể biện biệt được nguyên-nhân nào là chính đáng và quan trọng và có thể ước lượng được mực độ quan trọng của nguyên nhân ấy.— Một ngành khoa-học khác có thể làm nền tảng cho cuộc cải tổ là viễn tượng-luận (la perspective) cho phép người ta trù liệu bằng những con tính về xác-suất những kết quả thu hoạch được sau khi một kế-hoạch kinh-tế đã được thực hiện.

Đòi hỏi một cuộc cải tổ có tính cách khoa học có lẽ chỉ là một điều mơ tưởng. Thường thường những thay đổi trên thực tế đều hướng theo một chủ thuyết, hay căn cứ trên những nhận-định và kinh-nghiệm của một cá-nhân hay một nhóm người và được sự ủng hộ đông đảo của quần chúng. Thiếu những dữ-kiện khoa-học, người ta chỉ còn có thể thảo-luận. Bình-tĩnh nói và bình-tĩnh nghe, khoan dung, thông-cảm và cởi mở là những điều cần thiết cho những cuộc thảo-luận đó để đi đến một kết quả cụ-thể. Mọi vấn đề cần phải được nhìn thật rộng rãi và sâu sắc, bởi những người cố chấp hay câu nệ chính là những người trí óc thô thiển và hẹp hòi nhất.

● Những đức tính ấy được nhắc lại ở đây không phải là một việc thừa. Trong cuộc thảo luận để tìm một đường lối giáo dục và thực hiện một chương trình cải tổ có ba thành phần chính tham dự : thành phần xã-hội, thành phần giáo chức và thành phần sinh viên.

Mỗi công-dân trong xã-hội đều được quyền theo dõi, quyền đòi hỏi được thông báo tường tận và quyền tham gia ý kiến vào tất cả những thay đổi liên-quan đến vấn-đề giáo dục, bởi ai cũng có gia đình, có con em cho đi học. Một cuộc tranh chấp có từ lâu đời và đến nay vẫn chưa được giải quyết ổn thỏa ở khắp nơi trên thế giới là quyền dậy dỗ huấn-luyện trẻ em : không biết nên giao phó cho nhà nước, nhà thờ hay gia-đình công việc giáo dục. Trong tình-trạng hiện nay quốc-gia đảm-nhiệm sự giảng huấn và học vấn cho mọi trẻ em. Bởi vậy những phụ-huynh học sinh có quyền phát biểu ý kiến và đòi hỏi những tổ chức mà họ cho là thích hợp. Một mặt khác, các vị tu-sĩ là những nhà lãnh-đạo tinh thần và là những nhà đạo-đức luôn luôn phải được tham-khảo ý kiến. Ngoài ra còn có những cá-nhân nhiều thiện chí thường lưu ý đến một góc cạnh riêng biệt nào-đó của giáo-dục.

Thành phần xã hội thường thường chỉ có báo chí làm phương-tiện để phát-biểu ý-kiến ; đây chính là khía cạnh tốt đẹp của báo chí bởi thực chất của báo-chí vốn là một cơ quan văn hóa được phổ biến một cách rộng rãi trong xã-hội và ảnh hưởng mạnh mẽ tới toàn thể các tầng lớp dân chúng. Nếu tiếng nói của báo-chí quả thật trung-thực và chân thành người ta phải chú ý rất nhiều đến nó vì đấy là sự trình-bày ý-nguyện của toàn thể xã hội.

Tuy nhiên thành phần thứ hai những vị giáo chức mới thật là quan trọng. Họ là những người am hiểu những vấn-đề giáo-dục nhất. Với tư cách là những chuyên viên họ soạn thảo chương trình để rồi chính họ lại thực hiện. Giáo chức là những người đã trưởng thành trong học đường để sống trong xã hội, nhưng lại tự ý hy sinh một phần đời sống xã-hội, trở về học đường đảm nhiệm công việc giáo dục. Sự am hiểu thấu đáo những vấn đề của học đường, nơi sửa soạn cuộc sống xã hội, và sự hy-sinh cao quý của họ khiến cho ý kiến của họ luôn luôn phải được lắng nghe, và quyết định của họ là những quyết định tối hậu. Hình thức hoạt động của họ là một Hội Nghị Giáo Dục Toàn Quốc hay những khóa hội thảo, tu-nghiệp là những dịp để trao đổi ý kiến, quan điểm và kinh nghiệm sư phạm giữa các bạn đồng nghiệp.

Thành phần thứ ba, những người sinh viên là một thành phần biệt lập. Họ là những người liên-hệ đến nhiều nhất và ý thức được nhiều nhất những vấn đề của diễn tiến giáo dục. Mỗi một thay đổi nhỏ dều có ảnh hưởng đến họ, xáo trộn nếp sống của họ, bắt họ phải tìm cách thích ứng lại với những luật lệ mới. Bởi vậy chính họ là những người ý-thức được nhiều nhất tầm quan trọng của mỗi sự thay đổi. Sống trong phạm vi học đường họ có thể đạo đạt trực tiếp ý kiến của họ với các vị giáo sư và nhân viên giảng huấn. Những cuộc đàm thoại ấy rất lợi-ích ; người sinh-viên trình-bày được ý-kiến của mình và có khi được giúp ý kiến để nhận định một vấn đề, một sự thay đổi trên nhiều bình diện với một nhãn quan mới, đi vào những góc cạnh sâu sắc hơn. Những sự trao-đổi ý kiến có tính-cách thảo-luận bắt buộc người sinh viên phải tìm hiểu vấn đề kỹ càng, đem hết khả năng của tâm trí để trình bày

và lý-luận để thuyết-phục bạn đồng học của mình, mới có giá-trị nhiều. Mặc dầu những cuộc tranh luận gay go mất thì giờ và sức lực, nhiều khi chỉ một câu nói giản-dị hay một chi tiết nhỏ khiến ta phải suy nghĩ lại từ khởi-điểm lý luận và nhận thấy đâu là sự thật. Hình-thức thảo-luận của sinh-viên là nghị-luận-hội, hội-thảo và báo chí sinh-viên ; như vậy người sinh-viên có nhiều phương-tiện nhất để tỏ bầy ý kiến.

● Những điều-kiện tiên quyết trên phải được xác-định trước hết, và nói tóm lại những điều kiện ấy chỉ cốt để đảm bảo *tính cách song phương* của học-đường và giáo-dục. Học-đường thực ra chỉ là một thành phần của xã-hội. Nhưng nó là một thành phần biệt lập, được ưu đãi. Đó là nơi đào luyện những con người để sống trong xã-hội ; dù người ta có thể quan-niệm con người đó là những nhà chỉ huy, những nhà lãnh đạo, những nhà chuyên viên hay trí thức, hay những con người trưởng thành hiểu và biết, đời sống học đường chỉ là giai đoạn huấn luyện sửa soạn cho đời sống xã-hội. Không thể tự giam mình trong phạm-vi học-đường để tha hồ thay đổi chương-trình giảng huấn, trái lại phải luôn luôn thích ứng với nhu cầu và nguyện-vọng của xã-hội.

Giáo-dục, cũng như học đường, có tính-cách song phương. Có thầy dậy phải có trò học ; và thực ra những điều mà người học trò hấp-thụ được đáng kể hơn những điều mà thầy giáo đã giảng dậy. Thầy giáo như đã định-nghĩa ở trên, là những người hiểu đời sống xã-hội và đồng thời hiểu những người học trò của mình. Chương-trình giáo-dục do đó tùy nghi thay đổi sao cho hữu-hiệu theo nhận-định của thầy giáo. Nhưng tất cả những thay đổi ấy phải được người học trò thấu hiểu rõ ràng để sự thực-hiện có kết quả, nhất là khi sự thay đổi không nhằm vào chương-trình giảng-huấn có tính cách cụ thể, mà nhằm vào tinh-thần giáo-dục với những quan niệm trừu-tượng.

● Những đòi-hỏi ấy của xã-hội và sinh-viên đối với những nhà giáo-dục, những chuyên-viên và những người có trách-nhiệm, còn mãnh-liệt hơn nếu rời bỏ hình-thức người ta xét đến nội-dung cuộc cải-tổ. Xã-hội là thành-phần không chuyên môn, nhìn vào học chính và giáo-dục bằng một cái nhìn phiến-diện nên thường có những đòi hỏi cực đoan. Sinh-viên, những người trẻ tuổi và hăng hái lại có thể nhân-danh một chính nghĩa (une cause) nào đó để đòi hỏi một cách cuồng nhiệt. Người ta có thể đòi hỏi nhân-danh quyền lợi dân tộc, chủ quyền quốc gia. Người ta đòi hỏi vì công phẫn trước một tệ đoan hay một thực-trạng mà họ không thể chấp-thuận. Mặc dầu luôn luôn tôn-trọng những ý-kiến dựa trên những động cơ tình cảm ấy, người ta phải phải xét lại nội dung cuộc cải-tổ từ nơi khởi-điểm.

Nhận-định một cách bao quát về hiện-tình giáo-dục Việt-nam là một điều hết sức khó khăn. Không có những dữ kiện khoa học và khách quan, người ta chỉ có thể nhận định một cách chủ quan mà thôi. Chính nơi đây cần phải nhấn mạnh đến lòng khoan dung (tolérance) nhiều nhất. Sự khoan dung không phải chỉ là sự chấp nhận một cách dễ dãi ý-kiến đối-lập của người khác để đi đến một phương-sách hòa-giải. Sự khoan dung thực-sự là nhìn lại thực trạng theo quan-điểm của người đối lập để tìm ra một quan điểm mới, gần sự thực hơn.

Sự nhận định ấy dù chủ quan đến đâu chăng nữa cũng phải được giới hạn trong sự trình bầy một thực trạng mà không kèm thêm những phán-đoán về giá-trị, bởi những phán-đoán ấy thường đem lại những bất đồng ý kiến nhất. Ở phía sau những phán đoán ấy là cả một thế giới lý-tưởng riêng biệt cho mỗi cá-nhân, những phán đoán là sự so sánh một thực tại chung với một lý tưởng riêng, vì thế người ta không thể cùng quan điểm.

Trình bầy một thực trạng về hiện tình giáo dục Việt Nam vượt khỏi khuôn khổ của bài báo hôm nay và đòi hỏi sự cộng tác của nhiều người. Đó là đề tài thuyết trình cho một buổi hội thảo rộng lớn. Trước một đề tài rộng lớn như vậy nhiều thuyết trình viên sẽ nghiên cứu từng khía cạnh một của nền giáo dục : tiểu học, trung học, đại học và bình dân giáo dục ; giáo dục âm nhạc và mỹ-nghệ, giáo dục kỹ thuật....

Nếu sự quan niệm và trình bày toàn thể thực trạng quá khó khăn thì sự thảo-luận những vấn-đề giáo-dục riêng biệt lại có vẻ dễ dàng ; bất cứ một cá nhân nào cũng có những ý kiến riêng về một số vấn-đề thường lưu tâm đến. Chính điều đó lại gây phẫn-khích cho những người có trách nhiệm ; nếu chỉ nêu những vấn đề khó khăn, vô tình người ta quên mất những khía cạnh tốt đẹp đã thực hiện được và không đặt thành vấn-đề nữa vì đã tạm coi là hoàn hảo. Thái độ đó có thể gọi là một *bất công* đối với những người có thiện chí đã xây dựng từ nhiều năm nay.

Nhưng đấy không thể là một cớ để trốn tránh những vấn đề, thường gọi là những vấn đề của thời đại. Nếu trong xã hội hiện nay có nhiều điều bất công, thì ta không nên quên rằng đã có nhiều người tranh đấu và kết quả chỉ được như vậy. Nhưng còn bất công người ta còn phải tiếp tục tranh đấu. Điều nguy hiểm là ở sự *ngộ nhận* của những người không am hiểu, tưởng rằng những bất công cuối cùng phải dẹp đổ ấy là tất cả tình-trạng xã-hội. Thêm một lần nữa vai trò của sinh viên càng quan trọng bởi những vấn-đề của người sinh viên phải là những vấn-đề của tương lai và nhuốm nhiều mầu sắc lý-tưởng. Người sinh viên hoạt động cho một tương-lai sáng lạn mà họ ước nguyện, cho những lý-tưởng mà họ ấp ủ trong tâm hồn. Cùng nhìn về một phía với họ người ta phải tin tưởng ; nếu chỉ biết bi-quan khi nhìn tới những vấn-đề — từ lâu người ta không dám đụng chạm đến — được đem ra mổ xẻ, thái độ ấy có thể gọi là kỳ dị.

(*xem tiếp trang 12*)

II

• SÁCH... là rất cần; tuy vậy thứ biết qua sách vở, qua những ngày giờ cặm cụi trong giảng đường, hay phòng khảo cứu, có thể đưa con người sinh-viên tới bậc bác học, hay thông thái bách khoa, nhưng chưa chắc đã đem lại cho họ những nhận định tương đối xác đáng về nhu cầu và tương quan xã hội, từ cá nhân đến nhà, và nước rồi nhân loại, qua một vũ trụ quan không quá tiền hậu bất nhất với cuộc sống: Để tìm ra một lối đi hợp tình và hợp cảnh, để tạo nên một nếp sống hợp với trào lưu lịch sử cho mình và cho người, để xứng đáng địa vị lãnh đạo cần thiết. Nhưng... những may mắn của những mảnh bằng lớn chuyên môn luôn luôn dễ trở nên phương tiện lãnh đạo toàn diện hay chủ chốt, đó mới là cái rủi cho lịch sử, cho dân tộc, nhất là khi mà người chuyên môn trở nên người lãnh đạo toàn diện thiếu năng khiếu về toàn diện tới mức cần thiết nào, và chỉ là một cái kho chứa đồ cũ, mới, lủng củng, nghiêng ngả, đầy bất trắc tới ù ù cạc cạc. Như vậy cái biết toàn diện đây không đòi hỏi người lãnh đạo phải là nhà bách khoa, nhưng lại cũng không phải là nhà «chuyên môn chuyên môn» hoặc đã « trót » chuyên môn thì không bao giờ có thể toàn diện nữa.

Cái biết toàn diện đây càng không thể hiểu lầm là biết mỗi thứ một tí để nói dóc cho có vẻ thông kim bác cổ và uyên thâm mà thật ra chỉ là một thứ vẹt làm hại hơn là làm lợi cho dân tộc khi người ta lạm dụng nó. Thứ biết toàn diện để lãnh đạo toàn diện dân tộc trên bước đường « tân dân » đòi hỏi một năng khiếu đặc biệt nhậy cảm cho một nghệ thuật lãnh đạo hơn là một khoa học máy móc. Bởi vậy chúng ta cũng phải tiến tới lọc lõi cho đại học một số người có năng khiếu kể trên với một chương trình cần thiết cho họ (ngành đại học kinh bang, tế thế, cần được mở dựng ngay với một nền nếp thích hợp để sẽ trở nên truyền thống dân tộc.)

Ngần ấy thứ biết, kẻ muốn lãnh đạo dân tộc hãy tự chọn lấy thứ nào hợp với năng khiếu mình nhất, đức độ mình nhất. Bây giờ thì đó là vấn đề can đảm, tự xét, không tham quyền, tham tiền... Để ra mà mang theo toàn diện xứ sở tới một văn minh, hay lùi, hay dứng trong lãnh vực chuyên môn mà sống tới hết mình vì biết rằng cái toàn diện có tiến tới đẹp đẽ, mạnh mẽ cũng là một phần nào nhờ thiện chí, ý thức của vai trò chuyên môn trong lịch sử. Tuy vậy trong giai đoạn hiện tại nước nhà, một sự thực phũ phàng phải được nói lên: sống trong tháp ngà chuyên môn, kể cả chuyên môn tự do, là sống trong ao tù, nước đọng; rồi một ngày kia cơn bão bạo tàn, sẽ phá hủy tan tành tháp ngà, cùng tháp vàng, tháp bạc và chôn vùi luôn cả kẻ nấp trong đó. «Kẻ nào muốn giữ tất cả sẽ mất tất cả». Đó là một sự thật nghìn đời đang còn nói thống thiết với ta bằng xương máu của bao kiếp sinh linh. «Nhất nghệ tinh, nhất thân vinh» có lẽ đúng ở một quốc gia khác, ở một bề mặt nhỏ hẹp nào, ở một bề mặt trâng tráo nào, chứ đối với xã hội Việt trong những giai đoạn vừa qua và ngày nay,

• G.S. NGÔ GIA HY

nghệ tinh chưa chắc đã đem lại cho ta cái vinh, mà nhiều khi còn quàng vào cổ ta cái nhục: cái nhục của kẻ đem mảnh bằng, nghề tinh làm giấy « thông hành toàn diện » mà vênh vang một cách quan liêu, làm tay sai mù quáng, cho những chủ nghĩa để quốc mà sự vong bản được coi là sự giác ngộ... thấy xa. Cái biết ở đây là cái biết hẹp hòi trong khuôn khổ nghề nghiệp, và không phải cái biết của một nền « giáo giác » giậy con em thành « người », có can đảm hi sinh quyền lợi, địa vị để bảo vệ một lý tưởng, để khỏi bị lôi cuốn như con thiêu thân bởi những trào lưu tư tưởng ở ngoài đưa lại; để nay chạy theo Tầu xanh, mai chạy theo Tầu đỏ, nay hoan hô Pháp Đế Quốc, mai hòa nhịp với Pháp Dân chủ, kia liên minh với Pháp Trung lập.

Lý tưởng đó chúng ta tìm ở đâu cho thấy? Trước hết ở sự chiêm nghiệm ngay dọc lịch sử dân tộc và nhân loại qua lăng kính hưng hủy của vạn vật, rồi thành khẩn vô tư soi rọi vào cuộc sống bản thân ta, đồng bào chung quanh ta. Từ nơi bùn lầy heo hút, đưng lát đến nơi nước đọng sình thối kinh thành; từ cuộc sống « ngoại hóa » xa xỉ chạy đua và mệt mỏi, đến một chính phủ vải thô, tha thiết, từ một sắc thuế «chọn mắt» cho một loại xe tới một sắc thuế mỉm, miễn cho một loại xe khác, đến giả thuyết về một loại xe được phát không hoặc trả hạn, về những loại « bus » không phải mua giấy vé, cứ việc lên xuống cho đồng bào..., chống Cộng đi làm ăn học hành.

Từ một bờ kênh vắng buồn bát cơm cá, đến một nỗi sống chui rúc đói khát, quẫn bách bên bờ đường luôn kẹt nghẽn trăm xe... đều là những mảnh trường học, những giờ học đáng giá của người thấy nhiệm vụ của « đại học chi đạo minh đức, tại tân dân » và không bao giờ chí thiện để mà « chỉ ư ». Để luôn luôn người Đại Học phải gắng học và rút ra trong cảnh sống những đáp số khẩn thiết góp giúp chính quyền hôm nay và tự là chính quyền sớm mai, lúc tre già mà cỗi thì có măng mạnh mọc lên.

Lý tưởng ấy tìm ở đâu nữa? Ở sự chân thành phân tách những phù trầm, lịch sử Việt để nhận định những nguyên nhân thành bại của quốc gia, và khai thác đúng mức những khả năng tiềm lực dân tộc. Như vậy, bước ra khỏi ngưỡng cửa học đường người sinh viên đã có một lập trường rõ rệt, và đã tâm thành đấu tranh, tin tưởng tất thắng bất cứ ở trường hợp nào, ở địa vị nào: đấu tranh cho công bằng, mang yêu thương thể hiện công bằng; khai thác những đức tính của con người, làm chìm đi những thú tính căm hờn, thù ghét.

Nhiệm vụ cao cả, nhưng khẩn thiết để đào tạo những con người « biết » và « biết sống » đó, học đường có bổn phận thiêng liêng đảm nhận lấy. Khước từ là trốn trách nhiệm; ưu du với chán chường, là phi lý, bóc lột, ích kỷ; do dự hèn nhát; giữ nề nếp cũ là nô lệ. lạc hậu, hóa hủ, thoái hóa. Người sinh viên muốn lãnh đạo quốc gia, quốc gia trong nay và mai, phải can đảm đòi hỏi và chấp nhận một sự đổi đời trong học đường: học chữ phải đi đôi với học sống (để khỏi chết nhục). Học chuyên khoa, học xã hội học, học các lý thuyết chánh trị, — kể cả lý thuyết Cộng sản và nhất là lý thuyết Cộng sản, vì học đây không phải là chấp nhận mà để hiểu, biết... và chối bỏ; học các học thuyết tôn giáo, từ Kitô giáo, qua Hồi-giáo... tới Phật-giáo. Trong những môn kể trên, có những môn không cần ghi vào chương trình, nhưng phải đặt thành đề tài trong các cuộc hội thảo. Thế cũng chưa đủ, còn phải tập sống nữa, sống dản dị, sống tập đoàn sống bằng mọi công tác đoàn thể, văn hóa, xã hội, kỹ thuật... Để biết mình và biết người để mọi tài năng sớm nẩy nở; để kẻ biết sống với người và cho người, cũng như kẻ chỉ biết sống với mình và cho mình đã được đánh dấu từ khi cùng nhau còn chung sống nơi học đường. Trí dục, đức dục, thể dục chưa đủ, « giáo giác toàn diện nữa », « sống-dục » nữa; như vậy lớp người mới này mới biết đường mà xây đắp cho xứ sở một xã hội Việt đặt trên nền tảng: — dìu dắt — yêu thương — công bằng, chứ không phải trên: — diệt trừ — thù hằn — độc đoán.

NHỮNG VẤN ĐỀ HIỆN TẠI của NỀN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Nền giáodục của nước ta đang qua một cơn khủng hoảng lớn. Điều chắcchắn là chúng ta sẽ vượt qua được cơn khủnghoảng này và tồntại. Sự bềnvững của truyềnthống văn hóa trong nước và sứcsống của dântộc sẽ giúp chúng ta thoát khỏi những khókhăn của thờithế. Nhưng chúng ta cần nhậnđịnh rõ-ràng những vấnđề để tìm những giảipháp hợplý và tránh khỏi những lầmlẫn mà hậuquả có thể rất taihại trong tươnglai.

• G. S. TRẦN NGỌC NINH

TRONG mỗi vấnđề lớn, có những điều căn bản và có những phụđề, thường là do những lỗilầm và thiếusót trong quá khứ tạo ra.

Trong nền giáodục hiệntại của Việt-Nam, những lỗilầm của thời trước đã gây ra một tìnhtrạng hỗnđộn ghêgớm. Không phải chỉ có « vụ » nọ, « vụ » kia là những chuyện xấuxa bị lộ ra ngoài ánhsáng ; cái thựctrạng thường xuyên bên trong mới là đáng sợ và đáng buồn: Chínhsách giáodục của chúng ta không thích ứng với nhucầu trong nước ; chương-trình giáodục của chúng ta phảnảnh sự chiarẽ trong xãhội ; cơsở giáodục của chúng ta lạchậu và thiếuthốn ; các giáochức của chúng ta không được đảmbảo xứngđáng trong đời sống để có thể có tinhthần ; và họcsinh với sinhviên, tuổi xanh của dântộc, bị khinhrẻ, bị lợidụng, bịt mắt, bị bóp nghẹt.

Kếtquả là một tìnhtrạng bếtắc, ngưngđọng, và saucùng, trong những ngày thửthách gần đây, những tia lửa cuốicùng của lòng tin cũng bị dập tắt, ngay cả trong những lớp người trẻ tuổi còn đang cắp sách đến trường.

Tìnhtrạng bi thảm ấy còn cóthể cứuvãn được không? Cóthể phá tan được sự nghingờ đang tràn-ngập trong giới họcsinh-sinhviên không? Có cách nào đem lại cho dântộc môt chút hyvọng trong tươnglai hay không?

Bài này là để nhậnđịnh rõràng những vấnđề hiệntại trong đó nền giáo-dục của chúng ta đang bị salầy. Sau này, tôi mong sẽ có dịp để luậnbàn cả về những vấnđề căn bản và triếtlý của Giáodục nữa.

Sự nguyngập đã trầmtrọng,nhưng chưa phải là tuyệtvọng. Thực ra cólẽ chỉ cần vài sự cảicách và một chút sángsuốt của những người cầmquyền cũng đủ gỡ những đầu mối quantrọng của cuộc khủng-hoảng giáodục này. Sự bềnvững của truyềnthống văn hóa Việtnam và sức sống của dântộc chắcchắn sẽ nổi dậy lại được để giúp chúng ta thoát ra khỏi những khókhăn nhất thời này.

■

Một chút lịchsử cólẽ cóthể cho ta hiểu cái tình trạng phứctạp hiệntại một cách dễdàng hơn.

Trước cuộc đảochính Nhậtbản ngày 9-3-1945, hệ thống giáodục trong cả nước chỉ có 1 trường Đại học ở Hànội (chung cho cả khối Đông-Pháp), 2 trường Kỹthuật, 10 trường Trunghọc, và một số trường Tiểuhọc. Thêm vào đó, một vài trường tư sống vấtvưởng với sự đedọa đè nặng từ ngày Đông kinh Nghĩathục bị đóng cửa. Nền giáodục cổtruyền theo Nhogiáo, tiêubiểu bởi các ông đồ làng, gần như không còn nữa. Nền giáodục của người Pháp đặt ra chỉ để đàotạo những thầy thôngngôn, ông phánsự, mà bậc cao nhất là trihuyện và đốcphủsứ, tức là những người thừahành mà không phải là những người chỉhuy. Trong dânchúng thì tỷlệ những người không biết đọc biết viết lên tới 95 phần 100 theo những số thốngkê cao nhất và bịađặt của người Pháp.

Chínhphủ Trần Trọng Kim ra đời với chương trình giáodục của Hoàng Xuân Hãn. Chươngtrình này chỉ có trên giấy tờ, vì đời sống ngắnngủi của chínhphủ Trần Trọng Kim với thờithế loạnlạc

không cho phép tạo ra những cơcấu để thựchiện được toànthể chươngtrình, trừ có những lớp Thanhniên Chiếnđấu của Phan Anh.

Sau đó tới thời Việtminh cướp chínhquyền (với sự lưudụng Hoàng Xuân Hãn ở Bộ Giáodục), rồi tới thời người Pháp trở lại, lập Chínhphủ Bảo-Đại, với ông Phan Huy Quát làm Bộ Quốcgia Giáo dục. Thayđổi chươngtrình, màn thứ nhất. Thực ra vẫn còn chỉ là chươngtrình Hoàng Xuân Hãn với vài tiểutiết vụnvặt khác. Ngay khi đó, trong một bài bìnhluận dài đăng trên báo Dân Việt (Hànội) tôi đã vạch rõ những điểm nguy-hại của chươngtrình này mà tôi nghĩ là không hợplý, (vì không thuầnnhất trong vấnđề chuyểnngữ Đạihọc và TrungTiểuhọc), không thựctế (vì còn nặng về sự học từchương), và có tínhcách nhồi sọ, độcđoán. Nhưng cái nguyhại quan trọng nhất mà hồi ấy tôi chưa biết đến là sự thảo ra một chươngtrình mà không có một chính-sách và một kếhoạch để thựchiện.

Các Chínhphủ lần-lượt kếtiếp nhau. Bộtrưởng này dọn nhà đi để Bộtrưởng hay Tổngtrưởng khác tới ở. Việc sửa nhà và việc sửa chươngtrình là hai việc bao giờ cũng phải làm trước tiên theo đúng truyềnthống của nền giáodục kimthời của Việtnam. Mỗi một lần thayđổi chínhphủ, các thầy giáo lại một lần toát mồhôi để học cấptốc mấy bài vừa ghi trong chương trình mới; còn học trò thì hoangmang cho tới khi chép được mấy bài tủ «chắc-là-sẽ-ra» trong kỳ thi sắp tới.

Sự việntrợ lớnlao của Hoakỳ và các nước bạn đã giúp một phần nào cho sự mởmang và trangbị những cơsở giáodục Việtnam. Một vài trườngsở ở Saigon đã có một bề ngoài uytín không thuakém nước ngoài. Nhưng ở trong vẫn là một sự trống rỗng mênhmông: không nói gì đến sự thiếu một triếtlý giáodục, thiếu một địnhhướng cho thanhniên, thiếu những nghiêncứu cănbản để đi tìm những phươngpháp thích hợp với người Việt; thiếu cả đến sự thànhtâm, chí hợptác, óc dânchủ, sự thực thà, và sự tươngkính tươngái giữa thầy và trò. Những sự thiếu này hoàntoàn là do chúng ta, do sự từchức của những người lãnh đạo, sự thờ ơ của cha anh họcsinh, và nếp sống nôngcạn của một lớp người trẻ tuổi, trong một thếgiới lạclõng và phức tạp.

Điều thứ nhất là phải tạo lại lòng tin.

Lòng tin đã bị mất bởi nhiều lýdo chồngchất lên nhau:

1— thayđổi liêntiếp chươngtrình học không những gây sự hoangmang mà còn đem lại một kếtquả cụthể là một số lớn giáosư không thấutriệt được những phần mới trong chươngtrình và không giảng lại được cho họcsinh một cách minhbạch và chínhxác;

2— thicử liênmiên tạo ra một tâmtrạng cầu may và mất tự tin

3— không cươngquyết giữ được tinhthần độclập và tínhcách chínhtrực để đi đến chỗ cúi đầu trước những chỉthị lamphát của một chínhquyền bấtchánh, làm cho thanhniên nghingờ tinhthần và tưcách của đàn anh.

4— mịdân trong việc học, từ sự đặt ra những « chươngtrình giớihạn » đến sự đầuhàng áplực của một số họcsinh thiếu đạođức, gây nên tìnhtrạng «kiêusinh» và một sự khủnghoảng về uyquyền và sailệch tươngquan sư-đệ.

Lại còn không biết bao nhiêu sựkiện vụnvặt nữa: những vụ lộ đề thi liêntiếp, chínhsách nângđỡ những họcsinh con nhà quyềnthế, sự kỳthị côngtư, kỷluật lỏnglẻo của các trường, sự vụlợi của một số giáosư thiếu lươngtâm và sau cùng là sự tanvỡ trong cuộc tranhđấu chống kỳthị tôngiáo.

Lòng tintưởng bềnvững nhất cũng phải tiêutan. Sự kínhtrọng người thầy dậy cũng không còn nữa. Đó là căn bệnh chính của thếhệ này. Nền giáodục Việtnam, bắt đầu lunglay từ khi vănhóa cổtruyền bị bật rễ, đã gần như hoàntoàn phásản trong những năm gần đây vì thiếu một sự lãnhđạo chínhđáng, liêntục, thiếu sự độclập trong tinhthần và trong việc quảntrị, và thiếu sự thôngcảm thànhthực giữa thầy và trò.

Điều thứ hai là phải có một chínhsách toàndiện hợplý và hợp với tìnhtrạng của xãhội Việtnam

Tìnhtrạng nước ta là tìnhtrạng chậm tiến, nghĩa là không đủ người chuyênmôn để pháttriển kinhtế; tìnhtrạng loạnlạc, nghĩa là sự xâydựng phải đi cùng với việc táilập anninh; tìnhtrạng bấtcông trong xãhội, nghĩa là các cơhội không mở rộng cho tất cả mọi người tùy theo khả năng của mỗi người; tìnhtrạng chiarẽ, nghĩa là nhântâm lytán vì thiếu một ýthức xãhội.

Ở một nước chậm tiến, cần phải biết nghiêncứu những kếhoạch thựctiễn, biết thíchnghi phương pháp theo phươngtiện, và cươngquyết không bắt chước một cách nôlệ những lềlối của những nước giàumạnh. Trong thờibuổi loạnlạc, cần hiểu rằng

nếu không đem lại cho dân-chúng những cái lợi thựctế và một hyvọng vữngchắc ở tươnglai, thì có thể thắng trận mà vẫn mất nước. Sự côngbằng trong xãhội bắtđầu ở điểm «người học được học». Sự chiarẽ cũng sẽ không còn nữa, trong một xãhội động trong đó giáodục đã mở rộng cửa cho tất cả những người có khảnăng.

Một chínhsách giáodục hợp với tình trạng xãhội của quốcgia cũng đã là hợplý. Nhưng ngoài ra còn có những điều quantrọng vượt lên trên những điều kiện nhất thời nữa. Cần phải từ dưới lêu trên có một sự thuầnnhất. Cần phải mởmang cơsở và nhân lực songsong với nhau. Cần có một trậttự caiquản những hướng dịbiệt của họcvấn. Cần để chỗ cho những thầnđồng cũng như cho những kẻ kém năng lực bẩmsinh hay vì tậtbệnh. Cần giữ trungdung giữa những nhucầu của Quốcgia và những nguyện vọng chínhđáng của mỗi người. Cần tạo sự thăng bằng giữa sự hiểu và sự biết, và giữa trituệ với tinhthần. Và cần phải đặt những cơcấu độclập để luônluôn xét lại kếtquả và quyếtđịnh những thayđổi cầnthiết trong chươngtrình hay phương pháp giáodục.

Điều thứ ba là phải coi giáodục là trọngtâm của tinhthần và chếđộ dânchủ.

Platon cho rằng mọi côngviệc của người làm luật trong *Nước Cộnghòa (La Républiqne)* đều chỉ có một giátrị tươngđối tùythuộc ở cănbản giáodục của người côngdân. Aristote, trong cuốn *Chínhtrị Luận (La Politique)* cũng nói : « Không ai có thể phủnhận rằng mối lolắng chính của người làm luật là giáodục tuổi trẻ »

Gần ta hơn, triếtgia Dewey cũng viết : Mối tươngquan giữa dânchủ và giáodục có một tínhcách nghịchđảo, một tínhcách hỗtương, và sự tồntại cái này phải dựa vào cái kia. Dânchủ chính là một nguyêntắc giáodục, một phươngsách và một chính trị giáodục » (It is obvious that the relation between democracy and education is a reciprocal one, a mutual one, and vitally so. Democracy is itself an educational principle, an educationl measure and policy) *(Democracy and Education)*.

Dânchủ không phải là một chếđộ hay một tổ chức chínhquyền. Dânchủ là một nếp sống khókhăn và đòihỏi hơn hết vì mỗi người trong xãhội phải nhận những tráchnhiệm và nghĩavụ của một công dân sángsuốt, hoạtđộng và thamgia. Trong nếp sống dânchủ, giáodục là một điềukiện, một đảmbảo, là khởithủy cũng như là cứucánh. Và ngược lại, giáo dục cũng phải thấmnhuần tinhthần dânchủ.

Hơn thế nữa, chúng ta còn có bổnphận xây dựng dânchủ Việtnam, với những sắcthái riêng, hợp với dântộctính và nhận những giátrị tinhthần của Á-Đông. Và trong côngviệc này, tôi không thấy có gì quantrọng bằng giáodục để xâydựng nền dânchủ của chúngta một cách vữngvàng, thiếtthực, và như Sir Fred Clarke đã minhchứng trong cuốn *Giáodục và Biếnđổi xãhội (Education and Social Change)*, để giữ xãhội ổnđịnh trong một thờibuổi cáchmạng.

Nền giáodục của chúng ta hiện nay không có tínhcách dânchủ và cũng không sửasoạn dânchủ. Biquan hơn, ngườita còn có thể nói rằng nền giáodục hiệntại không sửasoạn gì hết. Nói riêng về vấnđề đem dânchủ vào giáodục và dùng giáodục để xâydựng dânchủ, chúng ta phải thayđổi cả những quanniệm cũ về đứa trẻ, bỏ những phươngpháp giáodục dựa vào uyquyền và độcđoán, đàoluyện đứctính đồng-thời mởmang trithức, và luônluôn để một cái cửa ngỏ nhìn về tươnglai.

Điều thứ bốn, là phải hiểu giáodục là một việc đầutư, chắcchắn và hợplý nhất trong các việc đầutư của một quốcgia.

Trong việc kinhdoanh này, nguyênliệu là người và hoalợi là họcvấn, là sự hiểubiết và thamgia của côngdân, là nhânlực để pháttriển kinhtế.

Sự tiếnbộ của một nước có thể đolường bằng trìnhđộ giáo-dục tốithiểu của toàn dân, bằng tỷsố những người chuyênmôn trong nước, và bằng phẩm chất và hiệuquả của nhânlực.

Trong các quốcgia tiêntiến, côngviệc giáodục chiếm suốt phần lớn của lợitức quốcgia. Nếu chỉ kể ngânsách liênbang thì 7 phần 100 ngânsách của Hoakỳ là dành cho giáodục ; nhưng nếu kể cả ngânsách các tiểubang hợp lại, thì 1 phần tư tổng số chitiêu của Mỹ quốc là về giáodục. Ở Nga-sô, giáodục hoàntoàn trong tay chínhphủ, vì thế chiếm tới 12, 13 phần trăm ngânsách quốcgia tổngquát ; và cũng như ở Hoa kỳ, nhiều tiểubang như Bêlô-Nga và Giêongy dành tới 68-69 phần trăm ngânsách cho giáodục và văn hóa.

Côngviệc giáodục phải được coi như là một việc đầutư, không những ở sự cầnthiết phải đặt vốn, mà còn ở cách quảntrị.

Quảntrị dĩnhiên không chỉ có nghĩa là phát lương. Quảntrị còn là mởmang hạtầng cơsở cho hợp với nhu-cầu, ở địaphương cũng như trên toànquốc. Quản trị là tìm phươngtiện để thực hiện các chươngtrình. Quảntrị là xét hiệu quả của một chínhsách hay một cơsở để thấy những khuyếtđiểm mà bổsung. Quảntrị còn là ướclượng những nhucầu tươnglai, là nghiêncứu các kế

hoạch, là điềuhòa các côngviệc và cơquan. Nói tóm lại, sự quảntrị là phần thiếtthực của một việc kinhdoanh hợp lý.

Khi nào côngviệc giáodục, ở cấp cao nhất cũng như ở mỗi cơsở, có được một sự quảntrị vữngchắc và tiếnbộ, khi ấy chúng ta mới cóthể tin được rằng nền giáodục của chúng ta đã trưởngthành.

■

Tươnglai của một nước được địnhđoạt ở trường học. Nhất là khi, như ở nước ta trong giaiđoạn này, đang có tìnhtrạng chiếntranh, và cần được dân hơn là được đất.

Nền giáodục hiện tại của Việtnam thực là rối ren và phứctạp. Những vấnđề có nhiều, và nhiều vấnđề nan giải. Bài này chỉ nêu ra vài điểm chính, những việc thiếtthực phải làm với tínhcách ưutiên, để chỉnhđốn lại nếp nhà hoang, nâng đỡ tinhthần của những người muốn phụngsự lýtưởng giáodục, và đem lại một chút tintưởng cho những thếhệ ngày mai.

Những phươngsách để giảiquyết, từ đườnglối đến tiểutiết, không ở trong phạmvi của bài báo nhỏ này. Tuy nhiên, tất cả chúng ta đều hiểu rằng giải pháp hay nhất và tiếnbộ nhất mà không huyđộng được sự thamgia sốtsắng và nỗlực chânthành của toàn thể dân chúng, thì cũng chỉ có giátrị của một đốnggiấy nằm chết trong những phòng lưutrữ hồsơ mà thôi.

G.S. TRẦN NGỌC NINH

căn bản một cải tổ giáo dục

(*tiếp theo trang 6*)

Trình bầy tất cả những vấn-đề hiện tại của giáo dục Việt-nam cũng vượt khỏi khuôn-khổ của bài báo. Tuy nhiên ta có thể thâu-tóm và phân-loại thành bốn đề mục : (1) những vấn-đề liên-quan mật-thiết đến chính-trị như chương-trình gửi sinh-viên du-học ngoại quốc, vấn-đề dùng tiếng Pháp làm chuyển-ngữ ở đại-học, vấn đề giảng dậy sinh-ngữ, vấn đề đào tạo nhân viên giảng huấn ở đại-học ; (2) những vấn đề liên-quan mật-thiết đến kinh-tế như sự đào-tạo các chuyên-viên kỹ-thuật, vấn đề hướng dẫn nghề-nghiệp cho các sinh-viên ; (3) những vấn-đề liên-quan mật-thiết đến xã hội như sự gây dựng một ý thức phục vụ cho giới sinh-viên, quan niệm vai trò và bổn phận những người tốt nghiệp đại-học ; và sau cùng (4) những vấn-đề liên-quan mật-thiết đến văn-hóa như vấn đề hướng dẫn sự giảng-huấn về kiến thức rộng hay chuyên-môn, vấn đề đào-tạo những người trí-thức lãnh-đạo...

Những vấn-đề giáo-dục, như vậy, không phải thuần túy là những vấn đề học-chính. Do đó người ta phải đi tìm một khung cảnh chính-trị, kinh-tế, xã-hội và văn-hóa cho những vấn-đề giáo-dục.

Lịch-sử tiếp-diễn không ngừng, những khung cảnh lịch-sử cũng thay đổi. Qua những thay đổi ấy người ta nhận-định một chiều hướng. Đối với mỗi người chúng ta sự nhận định ấy có phần dễ-dàng bởi tất cả dân-tộc đương tranh đấu cho một nước Việt-nam độc-lập, một nền văn hóa độc-lập với những sắc thái riêng biệt phản ảnh dân-tộc tính, giữ vững được nền nếp cổ truyền mà vẫn đồng hóa được những cái hay cái đẹp mới từ bên ngoài mang lại. Bởi vậy ngay từ lúc này người ta phải quan niệm một nền giáo-dục mới, thích-ứng với hoàn-cảnh hiện tại nhưng có đủ khả năng tiến tới lý-tưởng đã định. Công cuộc tổ-chức các cơ cấu và hệ thống giáo-dục tất-nhiên có thể mô phỏng nơi các quốc-gia tiền tiến bởi thực ra không có gì mới lạ dưới ánh mặt trời Nhưng tinh-thần giáo-dục nhất định phải có những đặc-tính riêng biệt của dân-tộc Việt-nam.

● Và như vậy chúng ta đã tới giai đoạn thứ tư, giai đoạn cải-tổ dích thực và tích cực. Sau khi đã ấn-định những tiêu chuẩn của một nền giáo dục mới, thích hợp hơn, người ta lại trở về với những cơ-cấu hiện tại, tìm những phương sách thích ứng những cơ cấu ấy vào nền giáo dục mới. Cách mạng không phải là phá hủy, cách mạng là thay thế.

Sự cải-tổ phải được ý-thức nơi mỗi người nhất là sinh viên, phải được sự ủng-hộ và góp phần của mọi người, phải có hiệu quả tới khắp các tầng lớp trong xã hội.

Nhưng cần thiết nhất là sự gây dựng một tinh-thần mới có thể làm then chốt cho một trào lưu tư-tưởng mới. Bắt tay vào công việc cải-tổ người ta phải chuẩn-bị tâm-tư để tiếp nhận tinh-thần mới đó.

HÀ NGỌC THUẦN

VẤN-ĐỀ ĐÀO-TẠO những CẤP BỘ CHỈ HUY

L.T.S. Vấn đề đào tạo cấp bộ chỉ huy quan hệ mật thiết đến mỗi người sinh-viên đại-học bởi trong giai-đoạn hiện tại công cuộc phát-triển quốc gia được trù liệu trên những kế-hoạch đã định sẵn; phần thực-hiện trong tương lai sẽ do những người sinh viên đảm-nhiệm.

● B.S. HOÀNG VĂN ĐỨC

I.— CHỈ-HUY VÀ ĐÀO TẠO CHỈ-HUY

HAI chữ «chỉ-huy», cho đến gần đây, vẫn bị hiểu nhầm là trái với tinh-thần dân-chủ. Rất nhiều người hoặc quên, hoặc không biết rằng «dân-chủ» chỉ là một thể-thức tổ-chức đời sống công-cộng, trong đó vấn-đề kỷ-luật. và vấn-đề chỉ-huy — để thực-hiện và bảo-vệ kỷ-luật — được quan-niệm ngược hẳn với kỷ-luật và chỉ-huy dưới một chế-độ độc-tài quân-chủ hay đảng-trị. Nói một cách rõ-rệt hơn; thì một xã-hội muốn được yên-ổn tất phải có kỷ-luật, nhưng kỷ-luật có thể do một người tự-ý đặt ra, và tự-ý lựa-chọn một số nhân-viên có trách-nhiệm duy-trì kỷ-luật ấy. Một đẳng khác, có thể có nhiều người xuất-thân từ nhiều hoàn-cảnh khác nhau, nhưng tiến-tới một địa-vị đồng-đều rồi thì cùng nhau bàn-luận, suy-tính để ấn-định, qua sự thỏa-thuận chung, một thứ kỷ-luật cố-nhiên là rộng-rãi hơn. Số người chịu trách-nhiệm duy-trì thứ kỷ-luật mới này cũng được lựa-chọn một cách đồng-đều và công-bằng hơn. Theo định-nghĩa dưới một chế-độ dân-chủ, thì họ là đại-diện của quần-chúng, họ duy-trì kỷ-luật để bảo-vệ quyền-lợi và đời sống của quần-chúng. Những người đó vẫn được gọi là «cấp chỉ-huy», nhưng họ có nhiều bổn-phận hơn nhiều quyền-lợi. Sự khác-biệt cụ-thể giữa dân-chủ với độc-tài, dưới khía-cạnh quân-sự, có thể thâu-tóm vào sự chấp-nhận trách-nhiệm hay hưởng-thụ quyền-lợi của cấp chỉ huy.

Chỉ-huy, không giản-dị như một số người lầm-tưởng, là đem khả năng của bản-thân xét những việc xảy ra, ấn-định biện-pháp ứng-phó, rồi ra lệnh cho người dưới quyền thi-hành. Những người lầm tưởng nhiệm-vụ chỉ-huy có thế thôi thì đương nhiên nếu được chỉ-huy, sẽ thất-bại. Bởi vì sự tiến-bộ của khoa tâm-lý-học một đẳng khác, đã vừa giúp đỡ, vừa bắt-buộc một cấp-bộ chỉ-huy phải *nắm vững được hiện-tại* và *tiên-liệu được tương-lai*.

Nắm vững hiện-tại là biết rõ những phương-tiện mình có dưới tay, biết rõ hoàn-cảnh vây quanh vị-trí của mình, và sau cùng, biết rõ tâm-lý những người chịu quyền chỉ-huy của mình. Đó có thể gọi là các *điều-kiện chiến-thuật*. Tiên-liệu tương-lai thuộc vào phạm-vi *chiến-lược*. Cấp chỉ-huy phải nhìn được xa hơn, biết rõ những phương-tiện mình hiện có, cùng những phương-tiện mình có thể có, thêm hoặc mất đi. Về tâm-lý nhân-sự của mình không đủ, mà còn phải biết rõ tâm-lý của đối-tượng chính, là quần-chúng, và tâm-lý của đối-phương, tức là địch thủ, nếu có.

Giữa bấy nhiêu điều phải biết rõ, *không có điều nào có dạy trong sách vở*. Uyển-chuyển và biến-động không ngừng, các yếu-tố cần phải được nắm vững trong tay một cấp-bộ chỉ-huy đòi-hỏi sự nhận-định, sự học-hỏi và sự bồi-bổ không-bao-giờ chấm dứt. Sự-kiện này làm cho công-việc đào-tạo cấp chỉ-huy bắt đầu *cần-thiết ngay ở trong học-đường*, và tiếp-tục cần-thiết khi những cấp chỉ-huy đó đã nhận-lĩnh nhiệm-vụ.

II.— CHỈ-HUY ĐỐI VỚI SINH-VIÊN VÀ QUÂN-Y-SĨ

Chỉ-huy một cách tài-giỏi là một việc rất khó. Việc đã khó lại càng có vẻ khó hơn, đối với các bạn sinh-viên, hôm nay là sinh-viên, mai đây là quân-y-sĩ. Bởi theo một quan-niệm được phổ-biến khá rộng-rãi, y-khoa là một bộ-môn hoạt-động cần

dùng đến đầu óc nhiều hơn đến chân tay. Đầu óc cần phải được tự-do mới tài-giỏi. Tự-do hiểu theo nghĩa đương-nhiên là không chịu theo một kỷ-luật nào ngoài kỷ-luật nghề-nghiệp, không chịu nhận một nhiệm-vụ nào ngoài nhiệm-vụ nghề-nghiệp Người sinh-viên Quân-y, đã có quan-niệm rõ-rệt như thế về nhiệm-vụ của *đời* mình rồi, sẽ không muốn nghe nói đến bất-cứ một nhiệm-vụ — có thể nói là sứ-mạng — nào khác. *Quan-niệm sai-lầm này* đưa đến nhiều hậu-quả tai-hại. Trước hết, nó làm cho người sinh-viên — về sau là sĩ-quan quân-y — không nhập-thân vào đơn-vị mình phục-vụ. Anh tự coi mình chỉ đeo cấp-hiệu để lĩnh lương và để sai-phái những người dưới quyền được một cách dễ-dàng. Đối với đơn-vị, sự tương-quan nhiệm-vụ là một bên chữa bệnh cho quân-nhân, một bên bảo-vệ cho y-sĩ.

Nhiều người cho rằng sở-dĩ một số lớn các bạn sinh-viên có quan-niệm như trên đây là vì, cũng như bất-cứ ai khác trên đời, họ là những người ích-kỷ. Sự thật tôi cho rằng nghĩ như thế là hiểu lầm các bạn đó. Bởi vì một quan-niệm rộng-rãi hơn không hề đem đến sự thiệt-thòi. Không nhận-lãnh nhiệm-vụ chỉ-huy, không ý-thức *sứ-mạng quân-y trong quân-đội và giữa quần-chúng*, các bạn đó không được gì hơn mà phải chịu nhận một sự thiệt-thòi quan-trọng : sự thiệt-thòi của những người chỉ đi bên lề cuộc sống, trong khi cuộc sống có-thể đem cho họ rất nhiều thỏa-mãn cả tinh-thần lẫn vật-chất.

Thật thế, bỏ ra ngoài tất cả những phương-pháp biện-luận mà các bạn có thể liệt vào loại tác-động tinh-thần, chiến-tranh tâm-lý, tôi muốn nói các bạn bằng lời nói và kinh-nghiệm bản-thân của một người bạn đồng-nghiệp và một chiến-hữu thành-thật. Tôi muốn nói với các bạn rằng nếu các bạn chịu hòa mình vào đời sống của đơn-vị, thì cấp-hiệu các bạn đeo trên vai không thể nào chỉ có cái ý nghĩa tầm-thường của sự có mặt một nhân-viên chuyên-nghiệp. Nếu các bạn chịu hòa mình vào đời sống của đơn-vị thì tôi xin cam-đoan với các bạn rằng trên đời này không có một bệnh-viện nào có thể đem lại cho các y-sĩ lành-nghề một sự biết ơn và những tấm lòng kính-mến như ở trong đơn vị. Nếu bạn lại chịu nhận trách-nhiệm — trách-nhiệm tinh-thần — của cấp-hiệu bạn đeo trên vai. và cư-xử cho xứng-đáng với cấp-hiệuấy tôi xin cam-đoan với các bạn rằng trên đời này sẽ không có một đơn-vị nào có sức mạnh chiến-đấu bằng đơn-vị của bạn. Chắc các bạn đã hiểu vì sao ? — Vì con người có thể hơn kém nhau về địa-vị về tài năng, có-thể hòa-hợp hay trái-ngược nhau về tính-nết, nhưng con người, cả nghìn triệu như một, hoàn toàn bình-đẳng trước sự đau-đớn và bệnh-tật, cho nên con người luôn-luôn biết-ơn, luôn-luôn muốn chứng-tỏ lòng biết-ơn của mình, chứng-tỏ mình xứng-đáng với người chữa cho mình khỏi đau-đớn bệnh-tật.

Nói một cách khác, đơn-vị là một bệnh-viện với những con bệnh trung-thành. Về nghề-nghiệp, thật khó cho một y-sĩ có-thể có hoàn-cảnh thuận-tiện hơn để theo dõi bệnh-nhân của mình. Khi đơn-vị đi dã-ngoại, bạn là một y-sĩ có quyền — hơn thế, có bổn-phận — thực-hiện mọi sáng-kiến nghề-nghiệp mà chỉ có một mình bạn được quan-sát kết-quả. Lúc đơn-vị ở tỉnh-tại, bạn là quý-khách, đồng-thời là ân-nhân của địa-phương ; là vị sĩ-quan được nổi đến một cách trọng-vọng nhất trong các gia-đình binh-sĩ. Bấy nhiêu điều tốt-đẹp nhất-định phải xảy ra đầy-đủ *nếu bạn chấp-nhận một điều-kiện độc-nhất* mà cũng là nhiệm-vụ trọng-đại hơn cảlà *nhiệm-vụ chỉ-huy*.

III. CHỈ-HUY VÀ TRÍ-THỨC.

Các bạn có-thể nói rằng các bạn chấp-nhận tính-cách cần-thiết của sự chỉ-huy, nhưng các bạn là những người *trí-thức*, các bạn dù muốn hay không muốn, cũng do phản-ứng tự-nhiên của tâm-hồn mà chán-ghét, mà chống lại tất-cả mọi sự cưỡng-bách, tất-cả mọi lời nói cũng như cử-chỉ hung-hãn, liều-lĩnh. Các bạn cho rằng một cấp-bộ chỉ-huy của quân-đội cần nhất là phải can-đảm, can-đảm cố-nhiên không phải là liều-lĩnh, nhưng can-đảm để biến thành liều-lĩnh. Hình-ảnh một người điên-cuồng, xông lên giữa cơn mưa đạn, kéo theo nhau những người sẵn-sàng chết và sẵn-sàng giết, hình-ảnh này phối-hợp với hình-ảnh chiến-trường sau chiến-cuộc, đầy những xác chết và những người bị-thương đẫm máu, là những thứ có-thể làm giá-lạnh bầu máu nóng nhất trong một con người trí-thức. Tôi hoàn-toàn đồng-ý với các bạn.

Tôi còn đi xa hơn nữa. Những hình-ảnh kinh-hoàng của chiến-trận không làm giảm mà làm tăng giá-trị của tư-thế của người trí-thức. Tôi không hề nói chấp-nhận nhiệm-vụ chỉ-huy bắt-buộc có ý-nghĩa là chỉ-huy tác-chiến. Đối với một đơn-vị thiện-chiến như đơn-vị nhảy-dù, trung-bình chỉ có 1 phần 10 thời-gian là dành cho chiến-trận. Thời-gian còn lại là thời-gian hành-quân, bồi-tập, bồi-dưỡng. Chính trong thời-gian này người quân-nhân mới thật «sống» cuộc đời của mình, «sống» cuộc sống chung của đơn-vị, trái hẳn với thời-gian tác-chiến con người «bị sống», tức bị lôi-cuốn trong một

phản-ứng bảo-tàng có nhiều phần thức-tỉnh của thú-tính nguyên-thủy.

Tôi còn muốn nói hơn nữa, đơn-vị không phải chỉ đòi-hỏi những cấp-bậc chỉ-huy đã đeo sẵn cấp-hiệu, đơn-vị đào-tạo và giúp cho cấp chỉ-huy tự-thể-hiện bản-thân. Trách-nhiệm, vượt ra khỏi phạm-vi cá-nhân, bắt-buộc cấp chỉ-huy phải tiên-liệu, bắt-buộc cấp chỉ-huy phải kiên-trì, phải cần-mẫn, liêm-khiết. Cả đến sự bình-tĩnh trước trận-địa cũng không phải là sự may-rủi, hay nhờ vào bẩm-tính trời sinh mà chính là kết-quả của nhiều công-phu nghiên-cứu tự rèn-luyện, đồng thời tự-tiên-đoán hoàn-cảnh. Cấp chỉ-huy đã không ngạc-nhiên trước một cuộc tấn-công của địch thì đương-nhiên hàng-ngũ không rối-loạn và mệnh-lệnh chỉ-huy được tôn-trọng vững-chắc ngay trong những giờ phút gian-nguy nhất.

Nhiệm-vụ chỉ-huy đào-tạo cán-bộ cho quân-đội. Hơn thế, *nhiệm-vụ chỉ-huy đào-tạo con người*. Khi ra khỏi quân-trường, các bạn sinh-viên sẽ trở thành những sĩ-quan, khi ra khỏi quân-đội, các bạn là những con người được tôi-luyện như những thanh bảo kiếm trong lò, các bạn sẽ giữ những nhiệm-vụ chỉ-huy trong xã-hội. Các bạn sẽ là nòng-cốt, là đầu-óc của cuộc sống trong tương-lai, đời sống có được chỉ-huy vững-mạnh và đúng-đắn đời sống mới có kỷ-luật, đời sống *có kỷ-luật* đời sống *mới có tự-do, tự-do chứ không phải rối-loạn*.

Vấn-đề chỉ-huy và đào-tạo chỉ-huy là một vấn-đề cấp-bách, một vấn-đề vô-cùng cần-thiết. Không phải riêng đối với một nước chậm-tiến như nước ta, mà cả đối với những nước có nền độc-lập và dân-chủ lâu-dài như nước Pháp. Người Pháp, sau một thời-kỳ buông-thả kỷ-luật, sau một thời-kỳ những người già hết tin-tưởng, phó mặc bọn thanh niên cho tha-hồ đùa-bỡn với đời sống rồi bị đời sống dằn-vặt, hành-hạ, người Pháp đã tỉnh-ngộ, đã đặt lại vấn-đề đào-tạo cấp-bộ chỉ-huy. Những người có trách-nhiệm như đại-tướng tổng-tham-mưu-trưởng Paul Ely, như giáo-sư André Aymard, khoa-trưởng Văn-Khoa Đại-học Paris, đã phải thốt lên những lời kêu gọi các sinh-viên *tự-chuẩn-bị* để tiếp-nhận lấy phần trách-nhiệm chỉ-huy của họ.

Ảnh-hưởng tai-hại của một thời-gian loạn-ly đã làm cho thanh-niên sớm phải ra đời và sớm bị lợi-dụng, tưởng rằng cuộc sống của con người trong xã-hội chỉ có một việc phải làm và đáng làm là tranh-giành quyền-lợi. Nhưng quyền-lợi trong một xã-hội loạn-ly không bền-vững, chính bởi giá-trị con người không được xác-định, và bởi nhiệm-vụ chỉ-huy không được đảm-bảo kỳ-cùng. Người thanh-niên sinh-viên Pháp đã hiểu được như vậy, nên sau thời-kỳ hỗn-loạn 1956-1958, họ đã chấp-nhận suy-tôn uy-quyền của tướng de Gaulle. Tướng de Gaulle phục-hồi được trật-tự, nhưng xã-hội Pháp có phục-hồi được hay không là nhờ thanh-niên Pháp, và sinh-viên Pháp trước hết.

Cuộc sống ở Việt-Nam không khác gì cuộc sống ở Pháp. Sự thiếu tin-tưởng và quan-niệm hưởng-thụ ích-kỷ của tuổi trẻ làm cho xã-hội ta bị lung-lay tận cội-rễ. Tôi muốn nói với các bạn rằng nếu xã-hội ta không được phục-hồi nền *trật-tự về tinh-thần* thì chính các bạn sẽ là những người bị thiệt-thòi nhiều nhất, bởi vì giá-trị của một y-sĩ, của một phần-tử trí-thức, chỉ có-thể phát-huy được trong một xã-hội có hoài-bão ở tương-lai.

Tôi muốn nói với các bạn rằng trong toàn thể xã-hội ta hiện nay giới sinh-viên được ưu-đãi nhất, và chính các bạn sinh-viên quân-y được ưu-đãi nhất trong giới sinh-viên. Các bạn, sau khi ra trường, sẽ được tiếp-nhận ngay những nhiệm-vụ chỉ-huy cao-quý nhất và được tôn-trọng nhất trong quân-đội. Các bạn chỉ cần phải *nhận trách-nhiệm*. Trí thông-minh, tinh-thần quả-cảm và truyền-thống nhân-ái của dân-tộc sẽ giúp các bạn tìm thấy con đường phải đi, giúp các bạn tìm thấy công-việc phải làm.

Nhận nhiệm-vụ để xứng-đáng với cuộc chiến-đấu cao-cả của dân-tộc, tôi tin chắc đa-số trong các bạn sẽ mạnh-dạn đứng vào vị-trí của mình trong tập-thể. Các bạn không phải hy-sinh bất-cứ một quyền-lợi nhỏ-nhoi nào. Các bạn chỉ cần phải nghiêm khắc với bản-thân, để dành một phần khả-năng trí-lực của các bạn cho tập-thể. Còn những bạn chối-từ thái-độ ấy — cũng may mà con số này hết sức ít ỏi — tôi tin rằng họ có bấu-víu bao nhiêu, thì xã-hội cũng vẫn dành những địa-vị xứng-đáng nhất, những quyền-lợi to-lớn hơn cả cho những đứa con có tâm-hồn trong-sạch hơn tâm-hồn họ.

B.S. HOÀNG VĂN ĐỨC

NGUYỆT SAN
Tình thương
ĐO SINH VIÊN Y KHOA CHỦ TRƯƠNG

niem đau nỗi khổ



MUỐI ĐỔ TRONG LÒNG

niềm đau, nỗi khổ và sự hiện hữu con người trong y học

Có những đêm thanh vắng, tiếng ngân nga kể mấy câu hát ru con nhịp-nhàng theo tiếng võng kẽo cọt. Thanh-âm êm-đềm,thật êm-đềm của tiếng võng đưa và tiếng hát miên-man, thật miên-man đã như hòa-nhịp, đã như kết đọng, quyến luyến lấy nhau. Người nghe lòng lắng xuống, xúc-cảm.

Đứa trẻ thơ đang say ngủ giấc lành trong lòng mẹ. Bà mẹ Việt-Nam duyên-dáng, trầm-mặc, ngả lưng trên chiếc võng đào đưa nhẹ, đang ấp-ủ đứa con trong những câu ru hời vừa ru con ngủ, vừa tả tâm-sự riêng mình. Người cha đi lính thú. Đời xưa, người cha đi lính thú

« ...có cây măng đắng, có cây ngó đồng,
xót-sa như muối đổ trong lòng... »

Lời ru buồn buồn, giọng ru lại buồn hơn. Nỗi thống-khổ nhục-nhằn chẳng riêng của anh lính-thú đời-xưa ngang lưng còn thắt đai vàng mà của cả kiếp người. Niềm đau nỗi khổ của kiếp người đã theo gót con người từ khi bầu khí-quyển lọt qua buồng phổi con người đầu tiên trong đêm tối nhân-loại. Ôi ! Khổ đau ! Mi có phải là bản chất thứ hai của con người không ? Hay mi là một huyền-thoại đã ám ảnh đã quyến rũ con người ? Không ! Mi chỉ là những cảm-giác ray-rứt, một cơn bão đến ào ào còn muốn rớt lại ; mi chỉ là một sự trả-giá rất đắt của những giác-quan quá tinh vi con người lần lần chắt chiu qua giòng tiến-hóa. Không ! Vì bản-chất con người không phải để chịu-đựng sự đau-khổ.

Những anh bạn của tôi, những người áo trắng đi xoa-dịu khổ đau. Các anh còn nhớ, tôi chắc các anh còn nhớ lần đầu tiên, khoác chiếc áo « blouse » trang, bước vào ngưỡng-cửa bệnh-viện. Không bao giờ, các anh quên được nét đau-đớn, vẻ khổ-thống của người bệnh đang rên-siết, đang than khóc, đang thét chửi, của người bệnh cô độc, câm nín, cố

bình thản đè-nén niềm đau thể-chất để đón nhận nỗi khổ tinh-thần. Những hình-ảnh đó còn ghi đậm, còn tiếp-diễn mãi ; hình-ảnh người bệnh trên giường sơn trắng, cả thân-hình vã mồ-hôi, hai hàm răng nghiến-chặt vào nhau quặn lên, hằn lên từng luống-sầu ; từng ánh mắt tìm niềm thương xoa-dịu, tìm bàn tay an-ủi. Người bệnh thốt vài câu :«Thưa bác sĩ... Tôi đau quá. Chết mất... không thể chịu được nữa... Bác-sĩ làm ơn làm phúc chích cho một mũi. » Những câu nói nhát gừng vì bệnh-nhân phải ngừng luôn cho đỡ đau. Nói qua hơi thở. Đó chỉ là hình-ảnh trong trăm ngàn hình-ảnh của những bệnh-nhân đang đau-đớn. Các anh đã xúc-động, xúc động thật tình—những cái nhìn qua lăng-kính đầu tiên bao giờ cũng chân thật nhất và trong nhất—các anh đã gọi người y-tá trực chích một mũi thuốc ; một ống thuốc nhỏ, nước trắng, có cái tên *sulfate d'atropine* hay *chlorhydrate de morphine*, hai ba phân khối, ít thôi, phải ít lắm, ít hơn cả những giọt nước mắt đã chảy trên gò má gồ xương người bệnh. Rồi bệnh nhân nét mặt dịu hẳn xuống. Êm ả, khoan-khoái, dễ chịu như ốc đảo xanh rờn, như giọt nước suối trong sa-mạc khô cháy. Rồi người bệnh thiếp đi ; giấc-ngủ êm-đềm, không cần tiếng ru hời nhịp-nhàng đưa theo tiếng võng. Các anh đã ngạc-nhiên. Ngạc-nhiên trước quyền lực con người y-học. Một viên thuốc đỏ, hai viên thuốc xanh. Ba ống thuốc nước để chích. Tim nhân-tạo, phổi nhân-tạo, thận nhân-tạo, còn gì nữa ? Một cuộc giải phẫu tinh-vi—cắt hạch-sao (stellectomie), chỗ dây thần kinh phình ra như ngôi sao nhiều cánh—với cả một lâu-đài máy-móc tối-tân. Nhưng máy-móc có đủ không ? Đến bao giờ con người tạo được « linh hồn nhân-tạo » ? Một ống thuốc chích có đủ không ? Hay để dịu đau chốc lát. Và cơn đau lại đến. Và, nỗi khổ xâm chiếm như vết dầu loang. Viễn-tượng bi-đát của niềm đau, nỗi khổ còn ám-ảnh tâm-trí người bệnh và ngay trong thâm-tâm các anh, những người y-sĩ tương-lai. Các anh ra về. Các anh còn nghĩ mãi. Chắc chắn ngày ngày khi bước giữa hai giẫy giường bệnh, chứng-kiến nhiều cảnh thương tâm mủi lòng, các anh thấy ở đầu kia, có thể ở đầu hành-lang kia, chỉ-hướng hiện-dần qua kinh-nghiệm, qua những tiếp-xúc giữa người bệnh và người y-học—giữa CON NGƯỜI và CON NGƯỜI. Bỗng nhiên các anh thấy bước vào « con đường có bóng, rừng mình bước qua rồi nghĩ rằng địa hạt tươi sáng của tuổi-trẻ thôi thế từ đây ở phía sau mình » (J. CONRAD). Các anh đã trưởng-thành. Các anh sẽ bảo tôi chỉ nói toàn những chữ là chữ. Nói thì dễ, nhưng điều quý và cần nhất là thực-hiện những điều mình nghĩ và ý-thức được. Nhưng thật-tình, nhiều khi danh-từ còn có đủ mãnh-lực và ý-nghĩa của nó. Thật tình chúng ta thấy cần phải đặt rõ sự HIỆN-HỮU của CON NGƯỜI trong y-học. Hay nói một cách khác thử đặt lại vấn đề nhân-bản trong y-học. Nhưng chính ngay nơi **người bệnh, người y-học và nhất là bệnh-viện**. Chúng ta muốn thực-hiện ngay. Chúng ta muốn trả lời ngay. Phải trả lời cấp-bách. Người bệnh không thể chờ, không muốn chờ, người bệnh đang đau đớn, người bệnh sắp chết. Chúng ta còn trẻ, chúng ta ước-vọng, chúng ta có quyền và có bổn-phận nhìn vào thực-tế. Hình ảnh nhỏ bé và dao-động của tâm-trí chúng ta chập-chờn : niềm đau, nỗi khổ, nét sầu, vẻ thảm và nhất là sự hiện-hữu của CON NGƯỜI trong y-học.

Anh Trình,

Chắc anh còn nhớ buổi trưa hôm đó, trong quán giải-khát ở phi-trường Tân-Sơn-Nhất, em tiễn anh đi nhận quân-vụ tại một bệnh-viện dã-chiến trên giải đất thân yêu chúng ta. Chúng ta bàn về niềm đau nỗi khổ con người. Chắc anh còn nhớ, em nói thật nhiều : Thái-tử Tất-Đạt-Đa, thấy người đời không ai khỏi được những nỗi khổ : « sinh, lão, bệnh, tử », đã rứt áo ra đi tìm đạo dưới gốc bồ-đề rợp bóng để năm ba-mươi-lăm tuổi chính giác thành Phật. Rồi năm trăm năm sau, ở Nazareth, một người tên Jésus đã ra đời trong máng cỏ, đêm lạnh. Và đã chết trên thánh giá năm ba-mươi ba tuổi để đón nhận vào mình tất cả nỗi khổ đau thế-nhân. Em nói thật nhiều, anh ngồi nghe và hút thuốc. Sự đau-khổ là những cái mốc ghi bao giai-đoạn biến-chuyển trọng-đại đã ảnh-hưởng cuộc sống con người. Từ khi lọt lòng mẹ trong tiếng khóc đầu-tiên, qua bao chịu-đựng mang nặng đẻ đau của người mẹ. Rồi khi khôn lớn, những bước đi đầu chập-chững vấp ngã đến tuổi trưởng-thành. Tuổi trưởng-thành, người con gái bước vào cuộc đời đàn-bà trong đau đớn khi trinh-nguyên nhường chỗ cho tình vợ-chồng. Tuổi trưởng-thành, người con trai gặt từng kinh-nghiệm chua cay đau sót khi luyện-tập binh-bị khắc khổ, khi bước ra trận-mạc...

Anh cứ để em nói, nhưng bỗng-nhiên anh mỉm cười rồi hỏi em : Thế còn niềm đau nỗi khổ người bệnh em nghĩ sao ? Chúng ta học trường thuốc, em nghĩ gì về con người khổ đau, bệnh-hoạn ? Có kẻ lại nói : Chúng ta sống *vì* và *trên* sự khổ đau người bệnh. Câu nói khôi-hài dĩ-nhiên nhưng anh chắc rất nhiều ẩn ý.

Em định trả lời. Nhưng câu chuyện đến đây phải bỏ dở. Máy bay sắp cất cánh. Anh cầm va-li bước ra sân bay không quên dặn em về suy-nghĩ và viết thư cho anh.

Anh Trình,

Em nhận định : niềm đau thể-chất và nỗi khổ tâm-hồn của người bệnh bao giờ cũng thống-thiết, khắc-khoải và phũ-phàng nhất. Người y-học phải có

bổn-phận an-ủi và hết lòng quan-tâm giúp đỡ họ. Khi người bệnh nói : « tôi đau » họ muốn được hiểu là « Tôi bị bệnh và tôi khổ ! » Đối với họ, thế-giới bên ngoài thu gọn vào hai câu : đau đớn và khổ não. Họ chỉ một thực-trạng : họ đang đau-khổ trong khi những người quanh họ đang mạnh-khỏe và vui sướng.

Nhưng con người phản ứng khác nhau trước đau đớn và khổ tâm : nỗi khổ của triết nhân, nét sầu của người nghệ sĩ khác hẳn với niềm đau của người bịnh, nỗi cay đắng của những con người bình thường sống một cuộc đời bình thường. Những vị triết gia khắc kỷ và những vị chân tu đã coi thường gạt bỏ sự đau khổ chỉ hướng tầm mắt về vẻ đẹp toàn thiện một con đường thẳng, thẳng tắp dài, vô tận, trong suốt và không vướng mùi tục lụy. Người nghệ sĩ nhất là những thi sĩ lãng mạn là những người khắc khoải đau khổ nhiều nhất. A. de Musset đã để con tim nức nở ca ngợi

« Những bài ca tuyệt vọng nhất là những bài ca đẹp nhất.

Những tiếng hát bất tuyệt nhất là những tiếng nức nở trong vắt »

và A. de Vigny «... Chỉ có im lặng là cao quý ! Còn tất cả là yếu đuối ! »

Chế-lan-Viên trước cảnh xuân buồn đã tâm sự :

« Với tôi tất cả đều vô nghĩa.

Tất cả không ngoài nghĩa khổ đau »

Còn bao nhiêu thi sĩ nữa, anh nhỉ : Hàn-Mặc-Tử, Xuân-Diệu... Những câu thơ nâng niu, chiều-chuộng niềm đau nỗi khổ, những câu thơ để các cô gái dậy thì đọc dưới đèn rồi nức nở trên gối.

Họ đã vô tình gieo vào tư tưởng mọi người quan niệm sai lầm coi đau đớn như một điều tốt lành, một món trang sức quý giá để nâng niu như những viên kim cương lóng lánh, và trên phương diện tinh thần đau đớn giúp những tâm hồn cao thượng khuất-phục thể xác.

Anh Trình,

Em không đồng ý với họ ! Những con người bình thường sống một cuộc đời bình thường khi vật vã trong đau đớn chỉ mong sao hết cơn đau sẽ không đồng ý với họ. Chỉ cần vào bịnh viện nhìn tận mắt những nét mặt ưu phiền sầu não, nghe những tiếng than khổ rên siết của những kẻ bị đau đớn thể xác dày vò. Chỉ có một thứ đau khổ con người có thể chịu đựng, đó là sự đau khổ của kẻ khác. (1) Bởi chính khi khắc phục với thể xác bắt nó tuân phục, con người thấy lòng mình bị xâu xé : đó là điều «đau khổ» nhất và cũng vì vậy con người bị hao mòn.

Chấp nhận sự đau khổ, coi đau đớn như một điều tốt đẹp để nâng niu, là tự vận lần lần và từ từ. Niềm khổ đau nào âm-ỉ, dù hiện ẩn sau những nét cứng dắn tâm hồn không bao giờ chịu nín hoàn toàn. Nó còn thủ thỉ còn dụ dỗ : con người cảm thấy cô độc và u uất hơn bao giờ hết. Im lặng chịu đựng không phải là phương thuốc chống lại đau đớn !

Không ! Anh ạ, anh sẽ nói với em những nhân vật khả ái và đáng phục trong tiểu thuyết của G. Duhamel : có những anh lính đã lê tấm thân tàn bị thương, máu me đầy người suốt đoạn đường dài mấy chục cây số, có anh lính đã hát để khỏi phải thét lên vì đau đớn. Anh sẽ nói đau đớn xác thịt khơi tỏ trực giác tâm linh (intuition spirituelle), điều hòa viễn ảnh triết lý của nhân sinh, tạo một bầu không khí thanh tịnh và an nhàn mà các người có sức khỏe dồi dào ít thấu triệt. Anh sẽ nói đau đớn xác thịt trong im lặng sẽ gây một tình trạng nội tỉnh (introspection) và tự xét mình vì người bệnh vô tư phóng tầm mắt về dĩ-vãng và tương lai vì nhờ những chuỗi ngày trầm tư mặc tưởng mà giác ngộ những tình thương tốt đẹp. Nhưng đó chỉ là những trường hợp ngoại lệ thoát hình từ những hoàn cảnh đặc biệt, trong khoảng không gian và thời gian oai hùng và ngoại lệ ! Vì đau đớn chỉ ám ảnh và dày vò vực thẳm tâm tư vô tận của người bệnh. Vì bản năng sinh tồn bị kích thích cực điểm, thính giác, thị giác, trí tưởng-tượng của người bệnh căng thẳng. Càng chú ý đến đau đớn của mình, người bệnh càng khổ tâm rối trí. Anh ạ, chân - thành và cảm-động là những lời tâm-sự của người đã phải chịu đựng và mong khuất-phục nỗi đau đớn gần như một cực-hình bám chặt lấy mình từ lâu :

« Tôi nhận rõ từng lớp sâu thẳm của da thịt ; Tôi thấy từng vùng đau đớn, từng vòng, từng cực, từng chùm đau-khổ. Anh có thấy những hình ảnh dao-động này không ? Những đường kỷ-hà lập-thể của nỗi khổ-thống này không ?... Khi chúng sắp đến, tôi cảm thấy một điều gì mơ hồ, phiền-tạp nơi tôi. Trong người tôi, từng nẻo... sương mù ; từng vùng hiện rõ. Lúc bấy giờ, tôi đem từ ký-ức một câu hỏi, một vấn-đề nào đó. Tôi cố rúc vào, đếm từng hạt cát... Và càng nhìn thấy chúng... Sự đau-đớn của tôi càng phóng-đại, càng bắt tôi phải nhận biết nó. Tôi lại nghĩ đến nó rồi ! Tôi chỉ chờ tiếng thét của tôi thôi !... Và khi vừa nghe tiếng tôi thét, đối-tượng, đối-tượng ghê-gớm, thu nhỏ dần, thu nhỏ hơn nữa và thoát khỏi nội-quan tôi ». (Une soirée avec M. Teste.)

Anh Trình,

Em suy-nghĩ mãi thái-độ người y-học trước niềm đau nỗi khổ của người bệnh. Đau đớn là sợi dây liên-lạc giữa người bệnh và y-sĩ. Chính trước đau-khổ người bệnh, vai trò người y-sĩ sẽ nổi bật nghĩa là có đem lại những điều bệnh-nhân mong ước nơi mình, những điều tự nghiêm-khắc với chính mình, những nguyên-lý bất-di bất-dịch từ đấy mình suy ra để làm căn nẩy cho mọi hành-vi và suy-tưởng.

---

(1) Il n'y a qu'une douleur qu'il soit facile de supporter, c'est la douleur des autres (R. LERICHE).



TIẾNG CA SẦU KHỔ

Điều tối cần, bổn-phận tiên quyết của người y-học là làm lắng-dịu những âu-lo sợ hãi của người bệnh. Người bệnh toàn diện = con người cá-thể (homme-individu) — trong mọi hoạt động tinh thần, trong mọi ý-nghĩ, từng nhịp con tim, từng mối âu lo, từng niềm hy-vọng, từng khát vọng vươn lên qua cuộc sống. Nhưng con người toàn-diện này qua những bài sinh-lý và bệnh-lý giảng dậy ở trường chỉ mờ mờ ảo-ảnh. Người sinh-viên y-khoa phải tự mình gặt từng kinh-nghiệm khi tiếp-xúc với người bệnh. Những bậc thầy tận-tụy chức-nghiệp đã nêu trước mắt chúng ta những tấm gương sáng lòng vị-tha và trắc-ẩn khi ân cần săn sóc và nhất là nhấn mạnh những khía-cạnh tinh-thần và tâm-lý người bệnh. Nhưng chưa đủ, chúng ta còn quá trẻ để thâu-tóm ý-nghĩa sâu-xa và thực-tiễn của nền y-học nhân bản. Nhưng chúng ta còn trẻ, chúng ta không có quyền không chuẩn bị tinh thần cũng như phong-thái của một người y-học hướng về nhân-bản. Em tự hỏi: Chúng ta có thể phụng-sự đắc-lực người bệnh không, một khi chưa chuẩn-bị, chưa ý-thức tinh-thần trách-nhiệm và đặt thể-xác, tâm hồn người bệnh trong những điều-kiện thuận-lợi nhất để khỏi bệnh ? Mà những điều-kiện thuận lợi nhất để khỏi-bệnh không phải một ống thuốc chích, ba viên thuốc uống mà còn thuộc phạm-vi tâm-trí và tinh-thần.

Em thấy, trước đau đớn người bệnh, người y học có bổn phận phải giữ một thái độ tâm-liệu (psychothérapeutique) : (a) Hãy nghe bệnh nhân kể lể sự tình, nói một cách khác, hãy gây một *cuộc đối thoại giữa người y-học và người lệnh*. Bởi khi thổ-lộ tâm-tình người bệnh như thấy dịu vợi bao tâm sự nung nấu. Hãy dành cho họ một khoảng thời gian mười lăm phút để họ thấy có thể tin cậy nơi mình. (b) Đừng để họ sống trong cảnh cô đơn rợn người bao vây họ trong không khí bệnh-viện. *Hãy tạo cho họ một cảm giác an-tâm, yên-ổn :* một nụ cười thật tình, một bàn tay vỗ-về sẽ ghi đậm mãi trong tâm-hưởng người bệnh. (c) *Hãy lựa lúc khuyên bảo và « hướng dẫn » họ giảng-giải những điều y học cần yếu họ có quyền được biết*. Một khi được biết vị trí của lá gan túi mật, ảnh-hưởng sinh lý của những chất kích-thích-tố, những điều giản yếu về dinh-dưỡng-học, bệnh-nhân hay gia-đình họ sẽ giúp chúng ta, sẽ « hợp-tác » với chúng ta khi định-bệnh, tìm căn nguyên và trị-liệu.

Điều cần nhất là làm sao những điều tâm-liệu trên sẽ trở thành một « tự-nhiên-thường-ngày ». Người bệnh cần được biết là có hai thứ khỏi-bệnh : nhân-tạo và tự-nhiên. (Alexis Carrel). Nền y-học nhân-bản không phải chỉ tạo cho bệnh nhân tình-trạng sức-khỏe-nhân-tạo (santé artificielle) hay một thứ sinh-lý chỉ-huy (physiologie dirigée). Người bệnh đau khổ là con người hiện-hữu trên vai còn mang nặng hành-trang quá-khứ, đôi mắt còn hướng về tương lai. Ý nghĩ *ngày mai* cũng quan-trọng như *hôm qua* và *hôm nay*, bởi « hôm nay chỉ có nghĩa nếu được lồng giữa hôm qua và ngày mai » (2)

Anh Trình,

Những điều em nói trên, không có tính cách một điều làm dáng. Là một sinh viên năm thứ năm, em có bổn phận phải nghĩ tới ; mong anh sẽ giúp em tìm hiểu rõ hơn phong thái của người y học. Y học là một nghệ thuật, người y học ngoài kỹ thuật còn phải là một người Nghệ-Sĩ. Hơn bao giờ hết, ý thức nhân bản trong y học cần phải đặt ra với người y học từ người y công, y tá đến sinh viên y khoa, như vậy sự hiện hữu của Con Người trong y học sẽ toàn vẹn và vấn đề nhân bản hóa bệnh viện đã được giải quyết ít nhất về phương diện tinh thần, anh nhỉ.

Em mong một người y sĩ lý tưởng sẽ có một tâm hồn người sinh viên y khoa năm thứ nhất và một kinh nghiệm một bậc thầy dầy công trong chức nghiệp. Người bệnh phải được lột xác khỏi thân phận đau khổ đầy bóng tối dĩ vãng và cô độc rợn người... Bởi « bệnh tật là một sản phẩm tự nhiên, một điều tâm linh, sống động, một hạt mầm gieo giống... » *(3)*

NGUYỄN VĨNH ĐỨC

(2) Aujourd'hui n'a de sens que s'il est entre hier et demain (C. JUNG)

(3) « ... Un produit naturel, quelque chose de spirituel, de vivant, une semence... » (PARACELSE)

J'aime la majesté des souffrances humaines
A. de VIGNY

tìm hiểu CON NGƯỜI trước ĐAU ĐỚN và BỆNH TẬT

ĐẶNG - VŨ - VƯƠNG

NÓI đến bệnh tật dù muốn hay không người y-sĩ bắt buộc phải liên tưởng tới thế giới của thống-khổ và sợ hãi. Bệnh tật có thể phát-hiện dưới nhiều hình-thức, nhưng vẫn là một trọng-tâm với những yếu-tố trên quy-tụ chung quanh quay cuồng chi phối người bệnh. Xét về phương diện y-học người ta không thể tách rời chứng bệnh với người bệnh. Ngay từ khi y-học còn quan-niệm bệnh tật như là một rối-loạn nơi thể-xác, mỗi khi đề cập đến chứng bệnh, người ta phải xét đến yếu-tố người bệnh, với những ý niệm mơ-hồ như tạng người (terrain) hay đời sống tâm-lý (psychisme). Với sự phát-triển của tâm-lý-học và tâm-lý bệnh-học, với những bước tiến dò-dẫm, chậm-chạp nhưng chắc-chắn của y-học về các bệnh tâm-thần (psychatrie) và với sự xuất-hiện làm chấn-động tư-tưởng thế-giới của phân-tâm-học, người ta đã xây-dựng một nền y-học tâm-thần tương-quan (médecine psychosomatique), theo đó bệnh-tật được coi như có hai thành phần : một về tâm-lý, một về thể xác, và sự chữa trị phải bao gồm hai phương-diện đó. Một người bệnh mắc chứng tăng-áp huyết (hypertension artérielle essentielle) cần phải được chữa-trị bằng thuốc men, nhưng cũng phải được chữa cái tự-ty mặc-cảm đi đôi với bệnh ấy.

Tuy nhiên tiến-bộ ấy chỉ là bước đầu. Thể-xác và tâm-lý chưa đủ đối với những người y-học đang đi tìm Con Người như một Toàn Thể. Bên trên đời sống tâm-lý còn có đời sống tinh-thần nữa : y-học không những muốn xét người bệnh như là một khách-thể bị giới-hạn trong thể-xác và sống thụ-động trong một hoàn-cảnh (corps-objet en situation) mà còn muốn xét đến người bệnh như là một chủ-thể sống với những tương-quan ngoại-giới và nhờ thể-xác làm phương-tiện vươn tới (corps-sujet en relation). Đấy là những ý-niệm đầu tiên mà nhiều tác giả trong đó có F. Chauchard, đã đặt làm nền-tảng cho một nền y-học về con người (médecine de la personne). Trường hợp một người bệnh mắc chứng lao phổi là một thí dụ. Hai lá phổi bị vi-trùng lao đục khoét, cơ-thể toàn-bộ bị tiêu-hao : đó là những biến đổi nơi thể xác. Về tâm-lý, người bệnh sau một thời gian chữa trị đã quen sống một đời sống ký-sinh rất khó trở về đời sống bình-thường với những hoạt-động hàng ngày ; y-sĩ phải giúp người bệnh vượt qua nhịp cầu khó khăn ấy. Nhưng quan-trọng hơn cả là trong đời sống bình-thường người đó chỉ có thể sống một cuộc đời tầm-thường ; mọi cố gắng bị cấm chỉ, vì sợ bệnh cũ bất-kỳ tái-phát. Về phương-diện tinh-thần, như vậy, người bệnh bị gạt bỏ khỏi thế-giới của những giá-trị, bởi Giá-Trị luôn luôn đòi-hỏi Cố-Gắng. Nếu nơi thể-xác và tâm-lý người bệnh hoàn-toàn thụ-động, thì về phương-diện tinh-thần người bệnh có thể có rất nhiều phản-ứng khác nhau đối với bản án khốc-hại đó. Những phản-ứng ấy tùy-thuộc nhiều điều-kiện, và sau đây là một vài khía cạnh của những phản-ứng ấy.

Bệnh tật, theo Canguilhem, bắt đầu có khi con người cảm thấy mình đương ở trong một tình-trạng khác với tình-trạng trước mà mình cho là bình-thường. Ý-niệm bệnh tật đối với mỗi cá nhân là một ý-niệm hoàn-toàn chủ-quan bởi con người đặt chính mình làm tiêu-chuẩn khi tự phán đoán mình có bệnh hay không có bệnh. Khi cảm thấy mình ở trong một tình-trạng bất-thường hay khác thường, con người bắt đầu sợ-hãi. Sợ-hãi giữ một vai trò quan-trọng, có thể nói là then chốt vì chính yếu-tố tâm-lý này gây nên mọi xáo trộn nơi người bệnh : cái sợ hãi của những người thủy-thủ

của Kha-luân-bố chèo thuyền về hướng tây và tin-tưởng rằng quả đất hình vuông, không biết con thuyền sẽ rơi vào đâu khi mặt nước đại dương đột nhiên chấm dứt.Cái sợ hãi của những người ở bên bờ sự sống, kề bên vực thẳm của cái chết. Và người bệnh phải tìm một điểm tựa để bấu víu, để bám vào sự sống.Nói cách khác bệnh tật làm rối loạn một cân-bằng vốn vẫn có giữa người bệnh với đoàn-thể; người bệnh phải



định lại vị-trí để xác-nhận những liên-hệ với đoàn-thể : từ một sợ-hãi phi-lý (peur, angoisse). Người bệnh biến thành một sự âu lo (anxiété) và sau cùng đặt cho sự âu-lo một chủ-đích và biến thành một mối quan-tâm (souci, préoccupation) hữu-lý. Trường hợp cụ-thể là một người sinh-viên bị lao khắc-khoải vì việc học hành lỡ dở hay một người con gái bị tai-nạn lưu-thông băn-khoăn với thái-độ sẽ có của người chồng sắp cưới.

■

Thái-độ thứ nhất là *chối từ bệnh-tật*, người bệnh tự dẫn-dụ rằng cảm-giác thấy mình khác thường là sai lầm, và cố gắng chứng tỏ mình vẫn bình thường bằng cách tiếp tục công việc hàng ngày. Thái-độ này chỉ có thể thấy khi sự đau đớn thoáng qua không mãnh-liệt, bởi vậy người ta tưởng như đó là một điều phi-lý. Thật ra thái độ này thường thấy nhất, và có nhiều nguyên nhân sâu xa về tâm-lý. Trước hết, nó là cực đoan đối lập với những trường hợp « bệnh tưởng ». Nếu có những người bình thường tự cho mình là có bệnh, đang chịu đau đớn để được một sự nuông chiều, săn sóc, thì cũng có những người bắt đầu nhuốm bệnh lại tự ngăn cấm không được sa ngã vào một trạng-thái yếu đuối của tâm-hồn như vậy. Thái-độ ấy có thể thấy nơi những người mà nhịp sống bận-rộn không cho phép họ ngưng nghỉ, như trường hợp một nhà kinh-doanh không thể vì nhức đầu mà để công việc chậm-trễ một ngày một buổi — sự thất bại lúc nào cũng có thể đến với họ. Thái-độ ham sống, ham hoạt-động ấy nhiều khi còn có một ý-nghĩa cao-cả : một bà mẹ đã quá mệt nhọc nhưng vẫn cố gắng săn sóc cho con cái; một thầy giáo gắng gượng đến trường dậy học để học trò đầy đủ bài vở mặc dầu ông cần phải nghỉ-ngơi; một y-sĩ cố-gắng chống lại bệnh nhọc để chữa bệnh nặng cho bệnh-nhân vì ông không có ai thay thế; một chiến-sĩ bị thương vẫn tiếp tục chiến đấu, quả quyết là không việc gì khi bạn đồng đội thăm hỏi. Thái-độ ham sống ấy có thể thấy một cách ngây-thơ và đáng yêu nơi những đứa trẻ con vì mắc bệnh mà bị cấm không được rỡn chơi đùa nghịch. Sự từ chối có thể thấy nơi những người mắc bệnh tinh-thần : người điên không biết là mình điên. Sự từ chối sau cùng có thể thấy khi người bệnh bị đe dọa bởi một chứng nan-y hay bị xã-hội vì thành-kiến mà vẫn ruồng bỏ, ghê tởm : trường hợp bệnh ung thư, bệnh lao, bệnh cùi...

Sự từ chối bệnh tật là một phản-ứng tự nhiên của con người và đôi khi lại biểu lộ một tinh-thần dũng-cảm. Trong thực-tế, sự từ chối ấy giảm bớt một phần nào những người bệnh tưởng làm mất nhiều thì giờ của nhà y-sĩ còn phải chữa trị những căn bệnh trầm trọng hơn. Nhưng cái lợi không bằng cái hại, bởi chính vì sự từ chối ấy mà để đến khi bệnh nặng người bệnh mới nghĩ đến việc điều-trị trong khi đó việc điều-trị có kết quả nhiều hay không là tùy ở sự chẩn bệnh càng sớm càng tốt.

■

Bệnh tật chỉ có thể nghi ngờ lúc khởi đầu. Không sớm thì muộn bệnh cũng trầm-trọng, gây nên đau đớn khó chịu làm cho người bệnh không thể tiếp tục cuộc sống hàng ngày mà họ cho là bình thường nữa. Lúc ấy người bệnh phải *chấp-nhận*.

Sự chấp-nhận có thể thể-hiện dưới hình thức của một thái-độ hoàn toàn chịu đựng. Có thể nói là người bệnh đã bị hoàn toàn nhiễm - độc vì cái đau đớn của họ; tất cả con người của họ là sự đau đớn và họ tìm cách truyền cảm sự đau đớn đó. Họ đòi hỏi sự thương hại, sự chia xẻ. Họ nhìn cuộc đời qua lăng kính bệnh tật của họ. Cái cười, dù là một cái cười tự nhiên và vô-tư nhất, cũng bị coi như là một sự chế riễu đối với người tàng tật, như là một sự tàn nhẫn đối với người đang đau khổ. Đối với người bệnh, cả nhân-loại đều phải u buồn, thương xót : họ tin tưởng như vậy, và họ đòi hỏi như vậy, một cách rất thành-thực.

Sự đòi hỏi đó nhiều khi quá đáng. Thực ra con người chỉ có thể đáng thương nếu họ đau khổ đến một mức nào đó; quá đau khổ

biến thành một sự ghê tởm, đòi hỏi quá đáng sự thương xót làm cho người ta khinh bỉ (1). Bởi thế từ thượng cổ những triết gia thuộc phái khắc kỷ đã chủ trương con người phải chịu đau khổ một cách trầm lặng (le calme stoique). Tuy-nhiên đấy chỉ là hai cực-đoan ít thấy trong thực-tế. Thường-thường người bệnh chỉ đòi hỏi một sự săn sóc, một tình âu-yếm, một sự triu mến.. riêng cá-nhân người bệnh đối với bệnh tật của họ, họ chống lại : đó là khía cạnh thứ hai của thái-độ chấp-nhận.

Sự chống đối thể hiện nơi việc điều-trị. Thời xưa người ta cầu Quan Ôn để ngừa bệnh dịch tả ; đến khi dịch phát hiện từ vua cho đến dân phải ăn chay nằm mộng, khấn vái cầu đảo, làm những việc phúc đức. Cho đến thời nay cứ sốt nóng là dùng thuốc trụ-sinh, nhức đầu một viên Aspirine là khỏi. Theo quan niệm này bệnh tật chỉ là một trạng thái không bình thường, không đáng thích và phải tìm cách qua khỏi để tiếp tục cuộc sống. Quan niệm này có vẻ bình thường nhất và hợp với y-học nhất. Dù tin ở thần thánh hay thuốc men, có bệnh thì phải chữa, đã chữa thì phải khỏi.

Nhưng bệnh tật không phải lúc nào cũng khỏi, bệnh tật nhiều khi mang đến cái chết phũ-phàng nữa : đấy cũng lại là một kinh-nghiệm sống. Cho nên con người chấp-nhận với một niềm phẫn khích trước cái tàn-nhẫn và phi-lý của luật tạo-hóa. Bởi vậy bệnh tật ngoài hiệu lực gây ra những phản-ứng tâm-lý thông - thường còn là một hoàn cảnh đặc-biệt cho đời sống tinh-thần và tâm-lý.

Người ta đã coi bệnh-tật như một thử - thách. Quan văn Trường ngồi đánh cờ uống rượu cho Hoa Đà nạo xương, Hạ - Hầu-Đôn bị tên trúng mắt đã nhổ con ngươi ra nuốt chửng và tiếp-tục chiến-đấu : phải có những trường-hợp đau-đớn mới có dịp cho những người anh-hùng tỏ rõ dũng - cảm hơn người Trong tập Essais của triết gia Pháp Montaigne, người ta còn thấy ý-chí của ông muốn sống, muốn hành-động đúng với tư - tưởng triết-lý của mình trong hoàn-cảnh đặc-biệt khi ông bị kết thạch trong bàng - quang. Chống chọi với đau đớn ông muốn giữ một tâm-hồn sáng suốt để chịu đựng, không chịu khuất phục (2). Quan-niệm đó cũng thấy ở Nietzsche, tìm trong bệnh tật và đau đớn một lối đi đến một sự thâm-trầm sâu-sắc hơn. Nietzsche chống lại sự thương hại, cho rằng sự thương-hại làm hèn yếu con người : triết-lý của ông là một triết-lý siêu-nhân.

Như vậy đối với những người có một lý tưởng về một cuộc đời mà họ cho là đáng sống, bệnh tật và đau đớn là một dịp để họ tự khảo sát và có thể tự xác định mình đã sống đúng với lý tưởng ấy. Ngược lại, có những tâm-hồn yếu-đuối trước cái đau-đớn phũ-phàng và tàn-nhẫn đành chịu khuất phục : con người thực sự chỉ là một cây sậy yếu-đuối, như Pascal đã nói. Nhưng cây sậy đó lại còn biết nghĩ nữa, cho nên con người lại nhận định được vị trí của mình trong vạn-vật và vũ-trụ : ở giữa cái vô cùng lớn và vô cùng nhỏ... Từ đó con người đi về những ý-hướng tôn giáo : thập nhị nhân duyên của nhà Phật, đời sống hằng cứu của chúa Ky-tô. Trở về tôn-giáo họ mới nhận thấy những lỗi-lầm của mình; một người bạn mình vẫn khinh lỉ nay mới biết là đáng quý nhất, những người lăng-tử chợt thấy gia-đình là êm-ấm ..

■

Chính nhờ những ý - hướng tôn-giáo, triết-lý vào đạo đức xác-định bổn-phận của con người đối với đồng loại mà người bệnh xác-định lại những tương quan của mình với đoàn-thể. Cô-đơn trong căn phòng nhỏ, dày vò bởi sự đau đớn và sợ-hãi họ chỉ còn chịu đựng thái độ của những người chung quanh đối với họ. Vì thế mà có vấn đề y-sĩ đối với người bệnh, sinh-viên đối với người bệnh.

Chính vì cuộc sống bị đe dọa mà người bệnh tra hỏi về cuộc sống và định lại những tương-quan với một đoàn-thể. Tương-quan giữa con người với con người thực sự tìm thấy trong đau-đớn và bệnh-tật. Phía sau sự đau-khổ không những có những xáo trộn trong tâm-lý mà có cả một đời sống tinh-thần đương hoạt-động. Y-học chỉ nghiên-cứu bệnh-tật nhưng người y-học không thể nhìn người bệnh đơn-giản như chỉ có máu và mủ. Lòng nhân-ái thực sự chỉ được thể-hiện trong một thái độ tôn-trọng giá-trị con người và trong sự giúp đỡ tha nhân thực hiện những giá - trị của họ.

ĐẶNG-VŨ-VƯƠNG

---

(1) Un malheur trop grand met un être humain au - dessous de la pitié : dégoût, horreur et mépris (Simone Weil).

(2) Qu'aux efforts de la colique elle (la philosophie) maintient l'âme capable de se reconnaitre, de suivre son train accoutumé, combattant la douleur et la soutenant, non se prosternant honteusement à ses pieds, ennue et échauffée du combat, non abattue et renversée, capable d'entretien et d'autre occupation, jusques à certaine mesure.

(Montaigne)

công-cuộc khắc-phục đau-đớn của con người



■ NGHIÊM SỸ TUẤN

BỆNH TẬT là một điều tốt hay xấu? Chắc chắn là một điều xấu, ai cũng nghĩ như vậy. Nhưng những nhà ngụy-biện của nước cổ Hy-lạp, đã đoán biết trước câu trả lời của mỗi người, đáp lại: «Không, không xấu đối với những nhà y-sĩ!». Qua lời nói ấy người ta có thể hiểu rằng những nhà y-sĩ sống nhờ vào những người bệnh, chỉ mong người đời mắc thật nhiều bệnh để có dịp hành nghề kiếm tiền sinh sống. Suốt một đời Socrate đã chống lại lối suy-tưởng bằng nghịch-lý ấy. Y-sĩ cũng chỉ là người, sớm muộn cũng phải mắc bệnh: bởi vậy bệnh tật quả thực là một điều xấu đối với con người, điều đó không ai có thể chối cãi được nữa.

«Đau đớn là một điều tốt hay xấu?» Ngay trong định nghĩa sự đau đớn đã có câu trả lời. Thật vậy, cho đến nay, trong phạm-vi tâm-lý-học cũng như sinh lý học, người ta không đưa ra được một định-nghĩa khoa-học về sự đau-đớn. Đau-đớn là một trình-trạng khó chịu mà người ta muốn chấm dứt. Người bệnh thường thường đến phòng mạch y-sĩ cũng vì đau-đớn và muốn được chữa khỏi ngay tức khắc.

Tuy nhiên từ lúc khám bệnh cho đến lúc uống thuốc chữa bệnh không phải ngắn-ngủi chỉ có năm phút biên toa. Người bệnh nào cũng muốn kể lể, mô-tả cái đau của mình, đau lên đau xuống, đau ngắn đau dài... Lâu dần người y-sĩ có kinh nghiệm, nghe kể bệnh xong đã đoán đúng căn-bệnh đến chín phần mười. Sự đau đớn biến thành một triệu-chứng quý báu để chẩn bệnh. Bổn-phận của người y-sĩ, ngày nay, khi gặp người bệnh lần thứ nhất là tìm hiểu cái đau-đớn của người bệnh. Nhiều khi nhà y-sĩ còn đòi hỏi bệnh-nhân làm một số động tác gây đau đớn để chẩn bệnh.

Ở ngay khởi điểm, như vậy, hình như đã có một sự bất đồng quan-điểm giữa y-sĩ và người bệnh về sự đau đớn. Đối với người y-sĩ, đau đớn là một lợi khí vì nó là một triệu-chứng thông-thường nhất của bệnh tật.

Giá-trị của lợi khí ấy, thật ra, rất tương-đối. Trong việc chẩn bệnh nhà y-sĩ còn có nhiều phương-sách khác: nghe tim, gõ ngực, chiếu điện, thử nước tiểu, thử đàm... Trái lại, kéo dài quá hay quá dữ dội, đau đớn làm thể-xác hao mòn, tinh-thần mệt mỏi vì lo-âu sợ-hãi; đau đớn trở nên một chướng ngại lớn cho việc điều-trị, một thứ *bệnh cấp-cứu* mà người thầy thuốc phải tìm đủ mọi cách để chế ngự tức khắc.

Cuộc chiến-đấu chống đau đớn, cùng với lịch sử bệnh tật, bắt đầu ngay từ những thời thượng cổ. Sau những phương-pháp thô-sơ do bản-năng và kinh-nghiệm, như đấm bóp, đắp lạnh, đắp nóng... con người lần lần tìm ra những thuốc trấn đau hiệu nghiệm hơn. Người cổ sơ chắc đã nhiều lần ngẫm nghĩ khi thấy voi «đau bụng» chạy đi ăn đất sét, để chúng ta ngày nay uống kaolin, bismuth. Và có phải ngẫu-nhiên con người đã uống chung với sư-tử trong những hồ nước đầy cây kí-ninh rừa nát để khỏi phải khổ-sở vì nóng, lạnh và mồ hôi? Nhờ những khám phá ấy, y-học ngày càng có thêm phương-tiện chống đau. Rồi với tiến-triển của các khoa-học y-khoa như cơ-thể học, sinh-lý học, vi-trùng học... khoa thủ thuật cũng được hưởng vào công-cuộc khắc phục đau-đớn. Tiến thêm một bước, con người mong sẽ phòng ngừa được đau đớn. Dự-tính này mới chỉ được phần nào thể hiện trong khoa đánh thuốc mê, một ngành phụ của khoa giải-phẫu. Ước-vọng của con người là sẽ có ngày diệt hết mọi đau-đớn bằng cách ngăn chặn, không để bệnh-tật tới được những giai-đoạn «bất trị» mà

đau-đớn lúc ấy, dày vò thể-xác, trở thành mối kinh-hoàng khủng-khiếp của con người.

Dưới mắt nhà sinh-lý-học, đau-đớn thể-xác là một giác-quan đặc-biệt, có những « đường dây riêng » trong hệ thần-kinh. Nơi người đau, đau-đớn là một trạng-thái tri-thức rất khó chịu, làm ta mệt nhọc, bắt ta rên-rỉ kêu la. Nó là một thực-trạng hoàn-toàn chủ-quan, chỉ người đau mới biết đau và chưa có cách gì đo-lường được (1). Tất cả những từ-ngữ người đau dùng tả cái đau của mình, chẳng hạn : đau như xé, như cưa, như lửa đốt, như kìm kẹp, chỉ là những hình ảnh tưởng-tượng, vì thực ra người đau ấy chắc có khi nào bị xé, bị cưa, bị đốt, bị kẹp đâu. Và đến khi quá đau thì người đau chỉ còn có mấy ý-tưởng là : đau, đau và đau. Như thế đau-đớn phụ-thuộc nhiều yếu-tố chủ-quan : sức chịu đựng, trạng-thái tâm-thần, ký-ức, ý-chí... Thêm vào đó còn có rất nhiều yếu-tố của môi-trường người đau đang sống : phong-tục, khí-hậu, đồ ăn... khiến cho việc phân-tích đau-đớn rất khó-khăn hay không thể được.

Trong y-học cách chữa bệnh hay nhất vẫn là cách chữa tận gốc. Vì thế, trước đau đớn, y-học phải gắng tìm ra khởi-nguyên của nó, và theo Leriche, một thủ - thuật-gia của đau đớn, thì chỉ có vị thế của đau-đớn là giúp ta làm sáng tỏ được điểm này. Leriche phân biệt hai loại đau-đớn thể-xác. Nếu cảm giác đau hình như cố-định tại một chỗ, không lan rộng ra chỗ khác, không bị ảnh-hưởng của những kích-thích ngoại-lai từ ngoài chỗ đau ; ấy là cái đau của những dây thần-kinh não-tủy. Đối lại có thứ đau lan-man, không có giới hạn rõ-rệt trên thân-thể, hay lan rộng, dễ chịu ảnh-hưởng của các kích-thích ngoại lai, kèm theo nhiều hiện - tượng sinh - lý khó chịu khác, làm cho thể xác hao-mòn, tinh-thần căng thẳng vì lo sợ ; ấy là đau-đớn của hệ giao-cảm. Nhờ sự phân-biệt này, Leriche đã chứng-tỏ được sự hiện hữu của cảm-giác đặc-thù nơi một số tổ chức xưa kia coi như vô tri giác (xương, mạch máu...) Những yếu-tố thể-dịch như lượng calcium, lượng các kích-thích-tố thượng thận, kích - thích-tố sinh - dục... trong máu, cũng đóng vai trò quan trọng trong sự phát-sinh ra đau-đớn. Tóm lại, đau-đớn thể-xác là một hiện-tượng sinh-lý cực-kỳ phức-tạp, trong đó góp phần nhiều yếu tố khác nhau, khiến cho đau-đớn thể-hiện dưới nhiều hình-thức khác nhau (ngứa cũng là một loại đau-đớn). Công-cuộc khắc - phục đau-đớn vì thế gặp nhiều khó-khăn.

Hai thứ dược-thảo đầu-tiên làm dịu đau ghi trong lịch sử y-học là cây ngải-sâm (mandragore) và cây gai Ấn-độ (haschich). Người Ai-cập cổ tin rằng cây ngải-sâm là quà tặng nhân-gian của Thần Mặt trời ; và người La-mã đã sớm biết sắc cỏ này với rượu nho uống cho bớt đau trong khi mổ xẻ. Mãi đến thời Trung-cổ, cỏ ngải-sâm vẫn còn được dùng làm thuốc an-thần. Cây gai Ấn-độ hay haschich, mặc dầu chỉ xuất hiện trong kho thuốc từ cuối thế-kỷ XIX, đã được các dân Tiểu-Á, Ba-tư, Ai-cập rất ưa dùng từ nhiều trăm năm trước công nguyên, vì tính-chất làm say lơ-mơ và cho những ảo-giác rất thú-vị.

Nha-phiến, thuốc trị đau thần hiệu trong phần lớn trường-hợp đau ghê-gớm, dưới nhiều hình-thức chế-hóa khác nhau, cũng có một lịch-sử rất dài. Biết thưởng-thức nha-phiến đầu-tiên hẳn là người Trung-hoa. Trong thang ma-phế của Hoa-Đà đời Tam Quốc dùng làm thuốc mê, chắc có cả nha-phiến lẫn haschich. Bên trời tây, Hippocrate dùng nha-phiến trong các chứng đau tử-cung và đau ruột ; Galien, dè-dặt hơn, rất ít dùng, lại cấm cho trẻ con uống. Thời cực-thịnh của nha - phiến trong y-học vào khoảng thế-kỷ XVI với Sylvius de la Boë, đồ-đệ của Paracelse và được biệt-hiệu là «bác-sĩ nha-phiến» (doctor opiatus). Nha-phiến có tác-dụng làm teo các tua dây thần kinh, do đó cản-trở sự dẫn-truyền các cảm-giác đau-đớn. Nhưng chỉ sau những thí-nghiệm của Magendie và của Claude Bernard, giới y-sĩ mới để ý đến hậu-quả tai-hại của sự lạm-dụng nha-phiến trong việc trị đau. Tuy thế « y-sĩ nào lại không dùng nha-phiến để trị-liệu ? Vì không những nó làm hết đau mà còn nâng cao tinh-thần người đau, làm cho cái chết trong những trường-hợp thiên-định, hóa ra êm-dịu, nhẹ-nhàng ». (Hufeland)

Trái lại, lịch-sử những thứ « thuốc cảm » loại aspirine — kiệt-phẩm của nhân-loại (2) — chỉ bắt đầu từ hạ-bán thế-kỷ XIX. Công-dụng đầu-tiên của acide salicylique lại là sát-khuẩn cho những người mắc bệnh đậu mùa. Và khi đã nghiên-cứu kỹ-càng rồi đem acide này chữa chứng phong-thấp khớp cấp-tính vào năm 1877, Germain de Sée đã gây ra nhiều cuộc bàn cãi sôi-nổi, trong đó có cả Bouillaud, người đầu tiên mô-tả bệnh phong-thấp khớp. Sau những cuộc tranh luận ấy và nhiều cuộc khảo-sát chứng-tỏ rằng acide salicylique làm giảm hoạt-động quá đáng của tế-bào trong các chứng viêm, acide salicylique mới được công-nhận làm môn thuốc chính-thức của chứng phong-thấp. Chúng ta cũng nên để ý rằng tất cả các thứ thuốc « giải

(1) *Một phương-pháp đo-lường đau-đớn đang được thí-nghiệm : điện-bì động-ký (électro-dermatographie).*

(2) *chef-d'oeuvre humain (R. Leriche)*

cảm, thối nhiệt » đều có ít nhiều tác-dụng chỉ-thống, nhưng thường-thường tác-dụng này chỉ có khi dùng những liều khá mạnh.

Bên cạnh hai loại « lớn » kể trên, còn nhiều thứ trị đau loại « nhỏ », dùng trong vài trường-hợp riêng. Một giọt aconitine đặt trên lưỡi, làm tê-liệt các đầu dây thần-kinh ba chẽ trong chứng nhức của thần-kinh này ; một chút colchique làm dứt cơn đau bệnh « gút » tức thì, trong khi các thuốc khác điều vô-hiệu.

Bệnh đau thần-kinh phù-thũng vì thiếu sinh-tố B1, chỉ hết đau khi được trị bằng sinh-tố B1 ; cũng thế, đau-đớn trong bệnh hoại-huyết, chỉ hết với sinh-tố C. Mới hơn cả, có lẽ là những kích-thích-tố, dùng trị đau của ung-thư vú hay ung-thư nhiếp-hộ-tuyến. Và nói cho cùng thì mọi thứ thuốc đều có tác dụng chỉ thống cả, vì đau-đớn dù sao cũng chỉ là một triệu-chứng của bệnh-tật.

Thế nên nỗ-lực của nhân-loại trong công-cuộc chống-đau phải tiến vào chiều sâu, tìm đến căn-để của đau-đớn. Từ những phương-pháp và thuốc men chỉ có thể làm dịu đau trong khi chờ-đợi hay tiến-hành song-song một trị-liệu tận gốc, con người đã sớm biết rằng chỉ có trị tận căn-nguyên chứng bệnh làm đau mới là phương-cách hữu-hiệu nhất để khắc-phục đau-đớn.

■

Tuy-nhiên, trong tình-trạng hiện-tại của sự-vật, có những bệnh, tỉ-dụ : ung-thư, diễn-tiến một cách âm-thầm, và đến khi ấu-chẩn được định rõ thì quá muộn rồi : bệnh đã vào giai-đoạn « bất-trị ». Đau-đớn lúc ấy là tất cả, người bệnh là hiện thân của đau-đớn, chỉ biết có đau-đớn, không cần để ý đến sự tàn-phá trong cơ-thể, đang đưa dần mình về cõi chết. Vì hiệu-quả có hạn, những thuốc chỉ thống cho người đau ảo-tưởng một êm-dịu thoáng qua, để sau đó lại nổi lên những cơn đau mãnh liệt gấp bội. Con người đành tạm quên căn bệnh, đi tìm một cách trị đau hữu-hiệu hơn. Chính trong những hoàn-cảnh tuyệt-vọng ấy mà *khoa thủ-thuật chống đau-đớn* ra đời. Tên gọi tuy mới, nhưng việc làm thì đã cũ. Y-học thế-kỷ XVII đã biết cắt dây thần-kinh ba-chẽ để chữa chứng nhức thần-kinh ở mặt. Nhưng phải đợi đến khi có thể giải-phẫu được trong những điều-kiện hoàn-hảo về kỹ-thuật, về khử-trùng... khoa thủ-thuật chống đau-đớn mới chính-thức khai-sinh. Từ đấy, các nhà thủ-thuật không ngừng kiện-toàn hay đặt thêm kỹ-thuật. Trong số đông-đảo các nhà thủ-thuật này, phải kể đến : Weir Mitchell đầu tiên tả chứng đau-đớt ; Harvey Cushing nghiên-cứu chứng nhức thần-kinh ; Abbe, người thứ nhất cắt các dây sau tủy-sống ; Ruggi có sáng-kiến cắt hệ giao-cảm ; von Oppel nêu rõ vai trò các tuyến nội-tiết trong sự phát-sinh đau-đớn ; Leriche nới rộng tầm hoạt-động của thủ-thuật chống-đau ra ngoài khu-vực hai hệ thần-kinh não-tủy và giao-cảm.

Một cách đại-cương, nguyên-tắc của thủ-thuật chống đau là làm gián-đoạn luồng thần-kinh dẫn cảm-giác đau-đớn về trung-khu thần-kinh. Yếu-tố nhận-thức đau-đớn của cơ-thể bị loại-trừ ; người đau hết đau vì *không biết đau nữa*. Áp-dụng nguyên-tắc này, nhà thủ-thuật sẽ cắt, tùy theo trường-hợp, hoặc dây thần-kinh não-tủy (radicotomie), hoặc tủy sống (myélotomie, cordotomie), hoặc ngay tại não-bộ (thalamotomie, lobotomie) hoặc các hạch và các dây của hệ giao-cảm (stellectomie, sympathectomie).

Vì áp-dụng ngay trên hệ thần-kinh, những cuộc giải-phẫu này không phải là không nguy-hiểm. Làm mất đau-đớn, lưỡi dao giải-phẫu có thể cho thêm tê-bại, cho tim đập nhanh, cho trán đổ mồ hôi, cho chân tay lạnh ngắt ; khốc hại hơn nữa là làm thay đổi tính-tình người đau, những khi động-chạm đến thị-kỹ-não hay vỏ não. Điều này hiển-nhiên, vì đau-đớn là hiện tượng chủ quan trong đó thể hiện phần nào cá tính con người. Diệt được đau mà phương-hại đến cả tính tức là diệt luôn giá-trị của người đau. Bởi thế, ngoài những trường hợp thủ thuật có giá trị không thể chối cãi, như trong chứng nhức thần kinh, chứng đau đớt, đau mạch máu v.v. lưỡi dao giải phẫu chỉ rạch vào chất xám, chất trắng sau khi nhà thủ thuật đã đắn đo cân nhắc kỹ-càng. Còn khi một căn bệnh đã hoàn toàn biến thành đau đớn, lưỡi dao thường chỉ được xử dụng để làm êm dịu những giây phút cuối cùng của đời người đau.

■

Đau là khổ. Và trên cái Hạnh-phúc trần-gian ngắn-ngủi nhưng chính-đáng của con người, đau-đớn thể-xác vẫn là một vết xám bẩn cần phải tẩy sạch. Nếu « vui quá hóa buồn » là một trạng-thái tâm-lý hợp-lý, thì trái lại không ai muốn được đau-đớn, dù trong chốc lát, vì đã lâu không bị đau-đớn, e đời tẻ-nhạt. Tạm gác một bên những ý-niệm tôn-giáo, thần-bí, khắc kỷ, hoặc lấy đau-đớn để hi-sinh đền tội, hoặc cho rằng đau-đớn để giao-tiếp với thần-linh, hoặc khinh bỉ coi thường đau-đớn cho tâm-hồn thêm cao-cả, và gạt bỏ ý muốn tìm lạc-thú trong đau-đớn của những kẻ suy-biến thác-loạn, y-học lúc nào và ở đâu cũng quan-niệm rằng « đau-đớn là một tai-ương của con người, làm giảm giá-trị con người và làm con người bệnh-hoạn thêm lên » (1). Do đó, y-học luôn-luôn tìm mọi cách để hoàn-tất công-cuộc khắc-phục đau-đớn thể-xác, khởi từ những giây phút đầu tiên của đời sống nhân-loại trên mặt trái đất. Và nếu thuở xưa, làm hết đau-đớn được coi như một việc « thiêng-liêng », thì ngày nay, làm hết đau-đớn lại chính là bổn phận thiêng-liêng tối-thiểu của người y-học.

NGHIÊM-SỸ-TUẤN

(1) La douleur est toujours un cadeau sinistre qui diminue l'homme, qui le rend plus malade qu'il ne serait sans elle (R. Leriche).

MANG KHÔNG NẶNG ĐẺ KHÔNG ĐAU

PHẠM NHƯ BÁCH

CON sẽ phải sanh đẻ trong sự đau đớn. Đó là lời phán của Chúa với Eve khi biết nàng đã ăn trái cấm. Kể từ đó con cháu nàng Eve chịu đựng một cực-hình mỗi khi khai hoa nở nhụy. Niềm đau đó đối với người Việt-nam được thể hiện qua câu tục-ngữ : « Đàn bà đi biền mồ côi một mình ». Thật vậy đó là lúc nguy-hiểm, lúc đau đớn nhất, lúc mà Tử-thần rình rập và có thể xuất hiện bất thần. Các bà mẹ tương lai do đó mà hay lo sợ. Từ cái lo sợ phát sinh ra sự căng thẳng thần-kinh, và do sự căng thẳng thần-kinh sản-phụ thấy đau đớn hơn. Đau đớn lại làm tăng thêm niềm lo sợ. Cứ như thế cái vòng luẩn quẩn ám ảnh mỗi người đàn bà suốt trong thời-gian sanh nở.

Cho đến bây giờ, kỷ-niệm duy-nhất của kẻ viết bài này sau những ngày tập-sự tại các bảo-sanh-viện không phải là chuỗi ngày thơ-mộng ngồi tán dóc với các bạn mà chính là cái cảm giác ghê-sợ của ngày đầu tiên tới phòng sanh. Tôi đã từng chứng-kiến những sự đau-khổ tại các bệnh-viện, sự đau đớn của bệnh nhân trong các phòng giải-phẫu, nhưng chưa bao giờ tôi được thấy niềm chua xót, một sự đau đớn kinh khủng đột nhiên đến và tràn ngập tâm-hồn tôi ở phòng sanh vào ngày thực-tập đầu tiên.

Trước mắt tôi người đàn bà quằn quại vì đau đớn, cái đau như xé người, cái đau được thể hiện bằng những tiếng rú thê thiết. Nước mắt chan hòa, mồ hôi nhễ nhại, tay bà nắm chặt lấy tay người nữ-hộ-sinh cầu xin một mũi thuốc làm dịu. Tôi còn biết nói gì hơn là khuyên bà nên bớt lo sợ và hãy thở cho đều để bớt mệt. Tôi chợt nghĩ đến lời phán của Chúa : « Tu enfanteras dans la douleur. »

Có thể như thế được mãi sao ? Con người đang cố-gắng chinh-phục thiên-nhiên để tìm hạnh-phúc. Trong địa-hạt y-học, con người cũng cố-gắng tìm cách xoa dịu sự đau-đớn của bệnh-tật. Về sản-khoa, nhiều nhà bác - học đang cố giải - thích nguyên-nhân của sự đau đẻ để tìm ra một phương-pháp đẻ không đau.

■

Thành thật mà nói thì hiện nay không có phương-pháp đẻ không đau mà chỉ có phương-pháp đẻ bớt đau. Cái cảm-giác đau đớn do hai nguyên nhân chính.

1) Nguyên nhân tâm-lý : (cause psychique).

Nguyên nhân này phụ thuộc vào độ cảm xúc của sản phụ (le degré de la sensibilité de le parturiente). Ở những người nhậy cảm, sự đau đớn lại được thể hiện rõ rệt hơn. Cho nên từ thời thượng-cổ, con người đã biết chế-ngự tình-cảm để giảm bớt sự đau đớn. Để dẫn chứng, chúng tôi chỉ xin nhắc tới một Marc-Aurèle và phái khắc-kỷ, một Socrate bình-thản uống thuốc-độc, một Quan-Vân-Trường điềm nhiên ngồi đánh cờ để Hoa-Đà nạo xương tay.

Trong địa-hạt sản-khoa, người ta nhận thấy khi sản-phụ gần thân-nhân thì tinh-thần trở nên căng thẳng và do đó sự đau đớn lại càng tăng. Nhưng nếu có một vị bác-sĩ sản-khoa nhã nhặn, vui vẻ ở bên cạnh, sự đau đớn ấy bớt đi nhiều. Tại sao vậy ? Có lẽ chính ông bác-sĩ kia là niềm tin của sản-phụ, là người mang

lại bình-an cho tâm hồn, khi người bác-sĩ đã thu được lòng tin của sản-phụ và khi sản phụ lâm-bồn, chỉ sự hiện-diện của « người áo trắng » cũng đủ xoa dịu rất nhiều sự đau đớn.

2) Nguyên nhân cơ-lý (causes mécaniques).

Chúng ta có thể kể :

— Sự co rút của bắp thịt dạ con (contractions utérines)

— Sự ép của những sợi dây thần-kinh trong dạ con (compression des filets intramuraux)

— Sự căng dãn của dây chằng dạ con (étirement des ligaments utérins).

Vì có hai nguyên-nhân chính nên có hai phương pháp làm dịu sự đau đớn :

— Phương-pháp tâm-lý phòng ngừa (méthode psycho-prophylactique).

— Phương-pháp sanh đẻ chỉ-huy (méthode d'accouchement dirigé) bằng thuốc.

Phương-pháp tâm-lý phòng ngừa mà chúng tôi trình-bầy một cách đơn-giản sau đây có mục đích chữa nguyên nhân tâm-lý và hoàn toàn dựa vào lý-thuyết của Pavlov về phản-xạ có điều-kiện. Phương-pháp này gồm 6 bài học, được áp-dụng, bắt đầu từ tuần-lễ thứ ba mươi trong thời kỳ thai-nghén.

Ở bài học đầu tiên, sản-phụ được giải-thích rằng sự đau đẻ là một quan-niệm sai lầm. Sự chờ đợi, sự lo sự đau đớn mới là nguyên nhân chính. Sản-phụ cũng được biết rằng sự sanh-đẻ từ lâu được coi như là một hiện-tượng thụ-động (phénomène passif) khiến cho người đàn bà phải cam chịu với số-mạng thì ngày nay sự sanh đẻ được coi là một hiện-tượng chủ-động (phénomène actif). Một khi đã làm chủ được mình, sản-phụ hết sợ, thần-kinh hệ bớt căng, thớ thịt bớt co rút, và cổ dạ con nở mau, sự sanh đẻ được điều hòa.

Trong bài học thứ hai, sản-phụ được giảng-dậy một cách sơ sài về giải-phẫu và sinh-lý cơ thể và những sự đặc biệt của nó khi có thai.

Bài học thứ ba và thứ tư có mục đích nghiên-cứu phần đầu của lúc sanh đẻ :

— Những triệu-chứng báo-hiệu.
— Sự đặc-biệt của sự gò tử cung.
— Sự dãn nở cổ tử cung.
— Sự hợp-thành nước ối.

Bài học này cũng dậy phép hô-hấp cho bớt mệt cùng cách làm cho bắp thịt được nghỉ ngơi (relaxation musculaire).

Bài học thứ năm nghiên-cứu phần thứ nhì của lúc sanh và những phương-pháp rặn cho mạnh, cho dài hơi.

Bài học thứ sáu là một bài ôn tập tổng-quát ; sản-phụ được dẫn đi thăm nhà bảo-sanh và được coi phim về sự sanh đẻ để biết những công việc sẽ phải làm.



Ngoài phương-pháp tâm-lý phòng ngừa trên, người ta còn dùng phương pháp sanh đẻ chỉ-huy bằng vài thứ thuốc.

— Thuốc dục đẻ (ocytociques).
— Thuốc trấn-kinh (sédatifs).
— Thuốc dãn-kinh (antispasmodiques).

Tâm-lý trị-liệu pháp và hóa-học trị-liệu pháp kể trên vẫn chưa được coi là hoàn hảo nếu các bà mẹ tương-lai không được thăm thai đều đặn (consultation prénatale), và không được sanh tại một nơi yên-tĩnh với những nhân viên hòa nhã lấy được lòng tin của sản-phụ.

■

Tuy không đạt được kết quả như ý-nghĩa của danh-từ « đẻ không đau », nhưng phương pháp kể trên ít ra cũng có ích-lợi phần nào cho các bà mẹ tương lai, là những người có vinh-dự đầu tiên nghe tiếng khóc của đứa con được nuôi bằng máu của mình. Ích lợi thiết thực như vậy nên ngay cả Tòa thánh cũng không ngăn cản sự đẻ không đau. Tờ Osservatore Romano số tháng 9 năm 1951 viết : Lời Chúa phán với Eve không ngăn cấm sản phụ dùng phương pháp đẻ không đau cũng như lời chúa với Adam « Con phải đổ mồ-hôi để kiếm ăn » không ngăn cấm loài người dùng máy-móc để thay nhân-lực.

Để kết thúc chúng tôi nghĩ rằng loài người có quyền hy-vọng sự đau đớn khi sanh nở ngày càng bớt dần và những thế hệ sau sẽ tiếp nhận được sự đẻ không đau theo đúng nghĩa của nó.

PHẠM-NHƯ-BÁCH



NHỮNG NGƯỜI ÁO TRẮNG TIỀN PHONG TRONG NGÀNH TÊ-MÊ

LỊCH-SỬ khoa giải-phẫu thực sự bắt đầu với sự phát-minh thuốc tê-mê vào năm 1846, nhờ đó các bệnh nhân được giải phẫu mà không rên siết, đau đớn như trước nữa. Trong sự phát minh này, trớ trêu thay, những kẻ muốn làm giảm bớt những nỗi đớn đau của đồng loại, thì chính họ lại được nếm nhiều vị đắng cay nhất. Dưới đây là một vài mẩu chuyện liên-hệ tới công-việc phát minh kể trên trong đó những người áo trắng đã sống những giây phút trộn lẫn nỗi niềm đau xót, khổ-nhục với tình thương bao la vô tận.

TỪ MỘT CUỘC THÍ-NGHIỆM THẤT-BẠI...

Hôm ấy là một ngày cuối tháng giêng 1845. Giáo-sư Warren, sau buổi thuyết trình thường lệ tại Tổng-Y-Viện Massachusetts, bỗng chỉ tay vào một thanh-niên khoảng ba-mươi tuổi, giới-thiệu :

— Một đồng nghiệp của chúng ta nói rằng đã khám phá ra một thứ thuốc có thể làm bệnh-nhân mất hẳn đau trong khi bị giải-phẫu. Nếu quý vị thích thú, xin ở lại để nghe.

Cách giáo-sư Warren giới-thiệu người thanh niên làm cho cả giảng đường có cảm nghĩ ông muốn nói ngầm thêm rằng : « Tất nhiên, đó là một chuyện điên rồ, nhưng chúng ta cũng cần có dịp cười cho thỏa thuê chứ ».

Mọi người không còn xa lạ gì với thuyết của Warren vẫn chủ trương là « con dao và sự đau đi đôi với nhau » bởi vậy ai cũng nóng ruột được xem một trò cười.

Giáo-sư Warren nhìn khắp giảng đường rồi nói tiếp :

— Bạn Wells là nha-sĩ ở Hartford, Connecticut. Bạn Wells sẵn-sàng để chứng tỏ rằng bất cứ cuộc mổ xẻ nào về răng miệng đều không đau đớn gì cả. Quý vị nào đau răng miệng, có thể lên thử nghiệm.

Tới lượt người thanh-niên nói ấp úng vài lời về cuộc phát minh của mình. Chàng đã khám phá ra một cách tình cờ là hơi protoxyde d'azote vẫn thường gọi là « khí phì cười » có tính chất làm bệnh nhân không thấy đau đớn nữa.

Khi chàng mời cử-tọa lên thử nghiệm thì một người to lớn, mặt đỏ gay bước lên và chỉ cho Wells cái răng đau muốn nhổ. Wells lấy các dụng cụ ra bầy trên bàn rồi lấy một túi cao su để trước miệng người to lớn và mở cái vòi bằng gỗ và nói : « Hít vào, hít nữa đi, hít thật mạnh. » Mọi người chăm chú quan sát, cái đầu người to lớn bỗng ngoẹo về phía sau, miệng lắp-bắp, mắt lờ-đờ rồi cả người không nhúc nhích. Tức thì Wells banh miệng bệnh nhân ra và đưa cái kìm nhổ răng vào.

Cả giảng-đường hồi-hộp chờ đợi.

• HOÀNG-NHẤT-PHƯƠNG

Wells vừa lôi chiếc răng bê bết máu ra thì bệnh-nhân bỗng hét lên, tiếp theo là những tiếng rên khừ khừ.

Từ các hàng ghế tiếng ồn ào nổi lên, có cả tiếng la « Lang băm ! Lang vườn ! » càng ngày càng nhiều hơn. Wells cứng đơ người, mặt lộ vẻ hết sức kinh ngạc trong khi giáo sư Warren giơ tay bảo mọi người im lặng rồi xây lưng đi ra. Tức thì tiếng la hét, chỉ trích lại nổi lên trong khi Wells thu vội dụng-cụ nhét vào cái túi vải, gằm mặt xuống và hấp tấp bước ra.

TRỞ VỀ MỘT CUỘC KHÁM PHÁ TÌNH CỜ...

Cuộc phát minh của Wells thực ra mới thai-nghén được có 5 tuần lễ trước đó, khởi từ một đoạn quảng-cáo đăng trong báo « Tin tức Hartford » như sau :

«... Tại nhà hát lớn, thứ ba 10-12 hôm nay, sẽ có một cuộc đại trình-diễn những hiện-tượng gây ra bởi chất protoxyde d'azote tức «hơi phì cười.» Một trăm sáu mươi lít sẽ dành cho quý vị khán-giả muốn thí-nghiệm... Chất hơi nầy sẽ làm cho ngươi ngửi bỗng thích hát, thích nhảy, thích cười, thích nói, thích đánh lộn và làm nhiều trò ngộ nghĩnh khác nữa...»

Trong đám khán-giả đêm ấy có Wells và vợ là Lizza. Wells cũng là khán-giả đầu tiên tình-nguyện lên ngửi hơi, mặc dầu bị vợ ngăn cản. Sau khi tỉnh táo, Wells trở về ngồi xem những người khác đua nhau lên ngửi trong đám người lên sau nầy có Samuel Cooley vì mất thăng-bằng nên bị ngã, ống chân dập lên thành ghế thành một tiếng rắc, Wells tưởng gẫy chân như vậy, Cooley sẽ tỉnh và ôm lấy chân mà rên nhưng thật là lạ lùng : Cooley như không cảm thấy đau đớn gì cả, anh vẫn khoa chân múa tay, cười hát và la hét...

Khi Cooley về chỗ ngồi, anh vẫn không hay biết gì cả tới khi Wells bước lại, kéo ống quần ông lên và khi nhìn vết thương đang chảy máu anh mới hay là bị té.

Chính do cuộc dự-kiến trên mà Wells tình-cờ phát-minh ra tính chất làm mất cảm-giác đau của hơi phì-cười. Cả đêm ấy Wells bàn luận với người phụ-tá là Riggs về việc thử đem áp dụng cho bệnh nhân, tuy nhiên hai người còn thắc-mắc vì chưa biết phải dùng một lượng chừng nào và có gây ra nguy-hiểm gì chăng. Cuối cùng, Wells tự thí-nghiệm cho mình trước nhất, nhân chàng có một cái răng khôn mới mọc, với sự hiện diện của Cooley, của Colton, giám đốc gánh xiếc, còn Riggs sẽ nhổ chiếc răng khôn cho Wells.

Sau khi ngửi thật mạnh, mặt Wells bỗng tái nhợt đi, mắt dại ra rồi nhắm chặt lại, đầu ngoẹo về phía sau.

Riggs hơi do-dự một lát và tính tìm cách làm Wells tỉnh dậy, nhưng sau nghĩ tới sự tha-thiết của Wells với công cuộc phát minh, chàng bèn tiến hành công việc. Chiếc răng được nhổ ra và thật là kỳ lạ, Wells không rên lên một tiếng nào mà vẫn thở đều-đều và một lát sau thì tỉnh dậy.

Từ buổi thí-nghiệm thành-công đó, Wells say-sưa với công-cuộc phát-minh của mình. Chàng quên hẳn vợ con, suốt ngày cắm cúi trong phòng răng và tìm cách tự thí-nghiệm đủ cách, khi hít nóng, hít lạnh, lúc hít nhiều, hít ít rồi mới đem áp dụng cho bệnh-nhân.

Tên tuổi Horace Wells vang dậy khắp Hartford, nhưng chàng muốn thật nhiều người biết tới sự phát minh ấy cho nên mới có cuộc trình diễn kể trên ở Tổng-Y-Viện Massachusetts.

TỚI MỘT CUỘC THÀNH CÔNG, MỞ ĐẦU CHO LỊCH SỬ NGÀNH TÊ-MÊ

Ngày lịch sử ấy là 16-10-1846. Cũng vẫn khung cảnh quen thuộc của giảng đường Tổng-Y-Viện Massachusetts, cũng vẫn giáo-sư Warren sau khi trình bày trường hợp một bệnh-nhân phải cắt bỏ một bướu bằng cách nạo hàm, lạnh lùng nói tiếp :

— Trong cuộc giải phẫu này, chúng ta sẽ được dịp thí nghiệm một chất hơi do đồng nghiệp Morton chế ra và có tính chất làm bệnh-nhân mất hẳn sự đau đớn.

Mọi người nhìn về phía Morton. Chàng vào khoảng ba-mươi tuổi, tay cầm cái bình thủy-tinh lớn như đầu đứa bé, có hai cái ống.

Chàng tiến về phía bệnh-nhân, giơ cái bình trước mũi và bảo :

— Ông có sợ không ?

— Không.

— Vậy ông hít đi, hít thật mạnh vào, hít nữa, nữa...

Mọi người sực nhớ tới Wells, việc giờ đây lại xảy ra giống hệt vậy. Mọi người cũng có cảm tưởng là sắp được một trận cười nữa. Tuy nhiên Morton rất bình-tĩnh, chàng còn có vẻ hiu-hiu tự đắc là khác nữa. Vì vậy mọi người lại càng mong chàng bị thất bại hơn.

Bỗng đầu bệnh nhân ngoẹo về phía sau, mắt nhắm lại. Morton thản nhiên nói với Warren :

— Thưa giáo-sư có thể bắt đầu.

Không trả lời, Warren lấy dao khía rạch thứ nhất. Bệnh nhân không nhúc nhích, Warren khía rạch thứ hai, thứ ba càng ngày càng sâu hơn. Không một tiếng rên la. Bệnh-nhân ngủ ngon lành cho tới khi Warren hoàn tất. Cả giảng-đường im lặng từ phút đầu tới phút chót. Warren xúc-động tái mặt lại, mắt ông sáng lên, nụ cười mỉa-mai biến mất trên môi, tay ông vẫn cầm dao run lên, rồi cuối cùng ông không nén được sự cảm-động, sự sung-sướng và oà lên khóc.

Cuộc trình diễn của Morton đã thành công, song chất hơi xử dụng không phải là protoxyde d'azote mà là éther sulfurique.

Thế là sự đau-đớn, một chướng ngại cho sự phát-triển ngành giải-phẫu, đã bị đánh lui. Một kỷ-nguyên mới của ngành giải-phẫu mở ra từ đó.

Tại Âu-châu, giáo-sư Liston tại University College Hospital, London, là người đầu tiên dùng éther trong một cuộc giải-phẫu cưa chân

ngày 21-12-1846. Tại Paris là giáo-sư Joseph François Magendie. Sau đó hầu hết các nước đều bắt chước dùng éther trong các cuộc giải-phẫu.

Nhưng người dùng éther để giúp sản-phụ sinh không đau lần đầu tiên là James Young Simpson, giáo-sư ở Edimbourg. Đó là ngày 19-1-1847.

TỪ PROTOXYDE D'AZOTE VÀ ÉTHER TỚI CHLOROFORME

Khoảng chín tháng sau, ngày 4-11-1847, Simpson và các cộng sự viên của ông, George Keith, Matthews Duncan khám phá ra tính chất tê-mê của chloroforme. Dưới đây là lời tường thuật của họ :

— Trong một năm, chúng tôi đã thử tất cả mọi chất khí và hơi và thường không có kết quả gì, trái lại chúng tôi còn bị ngộ độc luôn luôn là khác. Các bạn xa gần giới thiệu không biết bao nhiêu là hóa chất. Giáo-sư Gregory bảo chúng tôi dùng thử cả hydrogène carburé. Một bạn khác là James Miller cũng đưa nhiều chất lại cho chúng tôi thí nghiệm và hàng ngày ông ta đều tới xem chúng tôi chết hay hấp hối chưa. Chúng tôi cũng nghe nói chất chloroforme được chế-tạo vào khoảng năm 1831 bởi Samuel Guthrie và chúng tôi cũng thử chế tạo bằng chlorure de potasse với rượu. Nhưng chúng tôi cũng chẳng tin-tưởng gì lắm nên bỏ quên trên bàn luôn mấy tuần-lễ không dùng gì cả cho tới một hôm (4-11-1847) chúng tôi sực nhớ tới và lấy ra thử nghiệm, mỗi người rót một muỗng vào một cái ly rồi vừa nhìn nhau vừa ngửi. Bổng dưng Duncan cất tiếng hát và mọi người vui nhộn hẳn lên. Rồi Duncan, tiếp theo là cả mấy người thí nghiệm đều ngã lăn ra, mắt nhìn trừng-trừng lên trần nhà và ngáy khò-khò, Một lát sau, chúng tôi tỉnh dậy và khám phá ra tính chất tê-mê của chloroforme còn mạnh hơn cả éther.

Từ hôm đó, chúng tôi tiếp tục công việc thí-nghiệm và hễ người người nào ngủ sau thì lấy kim chích người ngủ trước vào những nơi thật nhậy cảm, có đêm thức suốt sáng cho tới khi bình bay hết hơi mới thôi. Sau đó chúng tôi dùng chloroforme thay cho éther để thí-nghiệm sinh không đau, đứa bé sinh ra là con gái và chúng tôi đặt tên nó là Anesthésie... »

NHỮNG NGƯỜI ÁO TRẮNG CỦA SỨ XANH

Buổi chiều 21-1-1848 một thanh-niên ăn mặc lếch-thếch bước thất-thểu trên đại lộ Broadway, New York xen lẫn đám đông. Bổng dưng có tiếng một người đàn bà kêu thất thanh « Cảnh-binh ! Bắt lấy nó ! Bắt lấy nó ! »

Người thanh-niên thản nhiên để cảnh-binh bắt, không kháng cự, không chạy trốn, nhìn mọi người vây quanh ngơ ngác như rơi từ trên trời xuống rồi lại ngó trừng trừng bàn tay hãy còn nắm một cái bình thủy-tinh. Người đàn bà kêu lúc nãy, vừa lấy khăn tay lau cổ vừa phân vua :

— Nó tạt acit vào cổ tôi. Các ông các bà hãy trông. Cái bình nó còn giữ đấy.

Tại sở cảnh sát người ta mới khám phá ra người tạt acit chính là Horace Wells. Từ khi bị thất bại vì thiếu may mắn và kinh nghiệm, Wells bỏ hành nghề, bỏ vợ con và mới tới đây ít lâu. Ngày hôm ấy chính là ngày sinh nhật của Wells vừa đúng 33 tuổi.

Wells một mực khai tại sở cảnh sát là chính mình đã khám phá ra tính chất tê-mê của protoxyde d'azote còn Morton chỉ là học trò đã bắt chước ông thôi. Hỏi vì cớ sao tạt acit vào người đi đường thì Wells như không hề hay biết gì cả. Wells khai thêm rằng từ 4 năm nay, ông liên-tiếp thí-nghiệm để tìm ra chất tê-mê công-hiệu hơn nữa và ông cũng xử-dụng rất nhiều các các loại acit. Wells hít cả chất chloroforme nhiều lần tới ngất đi mới thôi.

Khi tin Wells tạt acit đăng trên báo, ngày hôm sau ba người đàn bà khác tìm tới sở cảnh-sát khai là họ cũng là nạn-nhân như vậy.

Wells bị giam tại sở cảnh-sát để điều tra thêm cho tới một hôm ông xin được phép về nhà lấy một vài thứ cần dùng. Sáng hôm sau khi người gác khám mở cửa phòng Wells thì Wells đã tự-tử, một chiếc mũ úp chụp lên mặt phủ một chiếc khăn tay dùng để thấm chloroforme, dưới chân giường có một bình trống, tay Wells còn nắm chặt một con dao cạo. Động-mạch đùi bị mở toang ra, giường và thân thể Wells ngập máu.

Bên cạnh, người ta tìm thấy một tờ giấy có mấy chữ đại-ý như sau :

« Tôi đã tự tìm thấy phương-tiện tự-tử khi được phép về thăm căn phòng của tôi. Tôi cảm thấy tôi bị mất trí. Tôi không thể tiếp-tục sống mà không giữ được sáng-suốt. Xin Thượng-đế tha-thứ cho hành-động này. Tôi không thể nói gì hơn nữa. Vĩnh-biệt ».

Sau đó ít lâu, Hiệp-hội Y-Khoa ở Paris mới chính thức công bố Horace Wells là người đã khám phá ra thuốc tê-mê protoxyde d'azote và các hóa-chất khác và có sáng-kiến áp-dụng trong các cuộc giải-phẫu có kết-quả rất tốt đẹp. Công nghiệp của Wells thế là được xác nhận.

Sau khi Wells chết, cuộc tranh-chấp danh-dự để đòi xác-nhận sự khám phá ra các thuốc tê-mê lại bùng nổ mãnh-liệt giữa Morton với Jackson là người đã cùng cộng-tác với Morton trước kia.

Kết quả chưa ngã ngũ ra sao thì cả hai cùng chung số phận với Wells, bị mất trí vì tác dụng của các thuốc tê-mê mà họ đã thí-nghiệm. Cả hai đều bị đưa vào nhà thương điên và chết một cách bi thảm như Wells. Đó là số-phận của ba người thầy thuốc đã đi tiên phong trong công cuộc tìm kiếm phương pháp làm tiệt giảm sự đau đớn của con người. Tuy-nhiên họ đã trở thành những người áo trắng của sứ xanh.

HOÀNG NHẤT PHƯƠNG

sự góp phần của sinh-viên *vào guồng máy cách mạng ở thôn quê có thiết thực không ?*

PHẠM ĐÌNH VY

XUYÊN qua lập trường được bày tỏ ở cuộc biểu tình tuần hành sáng ngày 1-2-64, trong tập san Vỡ Đất và gần đây nhất trong buổi phát thanh tân niên của tiếng nói Sinh viên ; Sinh viên chúng ta đã rõ ràng trả lời rồi. Rằng sự góp phần của Sinh viên rất là thiết thực, nhất là ở giai đoạn này của nước nhà. Động lực chính thúc giục Sinh-viên phát biểu một cách thiết tha vấn đề trên là do ở ý nghĩ rằng sẽ không có những buổi bình minh sáng sủa nữa nếu nông thôn đang hấp hối như đã có từ 9 năm qua. Chế độ trước đã rất bất lực với vấn đề Nông thôn mà 90% chiến thắng đều phải tìm ở đó. Ngày nay những kẻ thất nhân tâm đã đền tội, nhưng xã thôn vẫn chưa dự phần vào việc chống Cộng sản. Sinh viên đã ý thức một cách thực tế tầm quan trọng của khối người đông đảo của đồng ruộng trong cuộc chiến tranh du kích nên đã thỉnh cầu chính phủ đưa vấn đề nông-thôn lên hàng quốc sách và đã gởi những đoàn người về công tác ở các vùng hẻo lánh.

Công việc đó chỉ có tính cách tạm bợ, Sinh viên chúng ta muốn được góp phần thiết thực vào guồng máy cách mạng ở thôn quê. Nếu được chấp thuận, những áp bức của cường quyền, những vu khống đè hèn cùng những cảnh tra tấn bắt người sẽ không còn tái diễn nữa. Quân đội giờ đây chỉ lo bình định, an ninh và sinh viên sẽ kiến thiết và tổ chức. Lúc đó sinh viên phải nắm giữ những chức vụ then chốt để hiệu năng làm việc được gia tăng. Có nhận trách nhiệm, mới lo chu toàn công việc. Tại sao lại để Sinh viên và tại sao Sinh viên lại mong muốn những chuyện xa trường học như vậy ?

Lòng ham muốn chỉ vì không muốn thấy mảnh đất cuối cùng này bị nhuộm đỏ và lý do tại sao lại đòi hỏi như thế, thì chẳng có gì dài dòng, Sinh-viên tự cảm thấy lời nói của mình không mị-dân, hành-động của mình không thất nhân-tâm, ý nghĩa của mình không xấu-xa, tuổi mình còn trẻ và hơn nữa chọn Thôn quê để thử-thách, Sinh-viên đã thiết tha đến dường nào vận-mạng của nước nhà lúc nguy khốn. Nói thật-thà ra, Sinh-viên chúng ta muốn cải tạo lại xã hội mà chúng ta đã thấy có từ 20 năm nay. Với ý nghĩa hợp lý, chúng ta đi ngay đến Nông thôn nơi có thể nói là chưa hề biết gì về sự công bình của Luật pháp.

Nông thôn được vững chắc, đất nước sẽ phú cường và chiến thắng. Có lẽ lúc đó Sinh-viên chúng ta mới khỏi bận-tâm mà chỉ lo chuyên cần học hỏi.

Mọi công việc mới đều đem đến những khó khăn hướng hồ ta công tác cải tạo Thôn quê, nhưng Sinh-viên chúng ta sẽ không chán-nản nếu những người cầm quyền biết đặt quyền lợi Tổ quốc lên trên hết.

Sinh-viên chúng ta sẽ có những tháng hè năm nay tại thôn quê.

Khi Sinh-viên đã bắt bay vào việc, một vấn đề tế nhị sẽ được đặt ra ; họ phải có những đặc quyền để đền bù mà chúng tôi sẽ bàn đến trong số tới.

Đó cũng là yếu tố lôi-kéo sự tham gia đông đảo của Sinh-viên.

PHẠM-ĐÌNH-VY

MỘT KINH NGHIỆM ĐAU KHỔ

hay nguyên nhân xa của một Genève 1954

TRẦN-ĐÔNG-A

NGƯỜI TA đang xôn xao về một nguồn tin chưa được những người có thẩm quyền xác nhận : tấn công ra Bắc. Chúng tôi nghĩ rằng : nên lắm. Nhưng trước hết, với một nhận định muốn thành công, dù trên phương diện nào, phải kiện toàn chúng ta trước đã. Chúng tôi mạn phép được trở lại với những lời tuyên bố chính thức cách đây 1 tuần lễ, không phải để bi quan mà chỉ mong giải quyết thỏa đáng một vấn đề hiện vẫn còn như một cái ụ cản đường tiến của chúng ta : thực trạng chính trị và vấn đề sinh viên, dù rằng một tổng hội sinh viên đang thành hình với lối bầu liên danh.

***

Theo tin AFP được đài VOA nhắc lại mới đây thì hai thượng nghị-sĩ Mỹ : Các Ông Mike Mansfield và E.L. BARLETE đã tuyên bố : « cần phải khuyến khích De Gaulle tiến hành cuộc thăm dò ngoại-giao để giải quyết vấn đề Đông-nam-Á » và đề-nghị của De Gaulle nhằm trung-lập hóa hai miền Nam, Bắc được cứu xét với nhiều thiện-cảm. Đó cũng là lời tuyên bố gần đây của Tổng Thống Mỹ Johnson.

Như vậy là thuyết của De Gaulle, dù trước đây bị Hoa kỳ và chúng ta chính thức đã đảo vẫn được xem xét lại.

Trước tấm gương vĩ-đại của một Ai-lao khốn khổ vì trung-lập và yếu, thái độ của chúng ta ra sao ?

Đứng trên lập trường dân tộc mà xét, lời tuyên bố nước đôi của tổng thống Johnson, nhất là lời nói huych tẹt của ông Mike Mansfield — lãnh tụ khối đa số, khối đang cầm quyền, tại thượng nghị viện Mỹ, mà cũng là người đã sang Việt-nam — dù dưới tư cách nào cũng như một lưỡi dao đâm vào sau lưng chúng ta, những con người đang lo dựng lại một quốc gia thối nát trên lập trường « chống cộng, chống trung lập » (1). Vô hình chung, lời tuyên bố đó, dù là những trái ballon thăm dò dư luận, đã như một liều thuốc bổ tốt có khả năng tác động làm lên tinh thần những kẻ thù của chúng ta.

Nhưng khách quan mà nói, do đâu có những lời tuyên bố tưởng như mâu thuẫn khi Hoa-kỳ đã và đang đổ khá nhiều của cải và sinh mạng vào cuộc đấu tranh của chúng ta ?

Cố gắng xét với tham vọng nghiêm khắc với chính mình để tìm ra một lối thoát thiết thực, chúng tôi nghĩ rằng : họ đã *dựa vào thực trạng của chúng ta.*

Tạm bỏ ra ngoài yếu tố quân sự do tình hình chiến sự khẩn trương ở nhiều nơi bởi sự lúng túng của chính quyền Nguyễn-ngọc-Thơ vì theo thiển ý chiến sự dù khẩn trương cũng chưa bằng năm 1960 và chưa phải là yếu tố quyết định của một thái độ chủ bại (thắng bại lẽ thường của nhà quân sự) đối với những người mang nhiều hiệp-sĩ-tính như người Hoa kỳ.

Trái lại, yếu tố quyết định *chính là tình hình chính trị, nhân sự của chúng ta* mà *đối tượng* chúng tôi chọn là các *đảng phái chính trị và sinh viên.*

Về chính trị chúng tôi không chối cãi là chúng ta đang có một chính phủ với khá nhiều biện pháp cách mạng.

Nhưng thế chưa đủ khi một không khí đảng tranh hỗn độn đang manh nha phát triển.

Người ta nghe nói nhiều đến những mưu toan đảo chánh của phái này hay thái độ thờ ơ, chờ thời, bất hợp tác của phái khác. Đó không phải là những tin đồn vô căn cứ vì chính kẻ viết bài này đã được hân hạnh nghe thấy từ cửa miệng một số lãnh tụ, có ông, xin tạm dấu tên đã không ngần ngại tuyên bố : Chỉ có đảng của ông mới giải quyết nổi tình hình hiện nay, dĩ nhiên là kèm thêm một câu đả kích đảng có người cầm quyền. Và do đó những cuộc tiếp xúc, vận động với ngoại quốc xảy ra và kết quả là lời tuyên bố ở trên.

Trở về với sinh-viên, những con người chưa có nhiều quyền lợi để đeo đuổi, đã gây được ít nhiều thiện cảm và niềm tin nơi quần chúng do cuộc đấu tranh chống đàn áp trước đây, chúng tôi thấy gì ?

Trước hết là thái-độ thờ ơ đến lạnh lùng của một số khá đông sinh-viên chúng ta với vấn đề thống nhất thành một tổng hội khả dĩ có thể có được một lực lượng với một chương trình hoạt động

(1) Tuyên ngôn của chính phủ : Đặt Cộng-Sản, Trung lập ra ngoài vòng pháp luật.

thực tế,ngoài giờ học,giữa lúc đất nước đang ở thế dầu sôi lửa bỏng này. Thái độ được minh chứng bởi những cuộc bầu đại diện tại các phân khoa. Điển hình là chính tại Y khoa đại học :

— Năm thứ sáu : không có đại diện vì không có ai đến bầu dù đã được kêu từ trước.

— Các lớp khác : một số đông sinh-viên đã bỏ về không tham dự khi cuộc bầu cử bắt đầu, dầu là ngay sau giờ học. Kết quả là năm thứ năm với sĩ số một trăm rưỡi mà có anh đắc cử với số phiếu chưa vượt quá con số 20. (1)

Hậu quả tất nhiên là những người đại diện không phản ảnh trung thực tính chất đại diện của mình nên Đại hội Đại diện Sinh-viên Saigon đi đến chỗ bế tắc, chia rẽ lung tung vì những lý do không quan trọng lắm :

— Chúng ta chia rẽ vì số phiếu đại diện, thực tình mà nói bởi nó ích lợi cho chức chủ-tịch tổng hội ! (2)

Chúng ta chia rẽ nhau vì một cuộc tiếp đón thiếu nồng hậu bởi chỉ có 2, 3 người đại-diện mà không có thiếu nữ choàng hoa chăng ? (3)

Thái độ của chúng ta làm mọi người thất vọng và được coi như thái độ của một làng kia khi kẻ cướp đã vào làng mà trai tráng còn cãi nhau xem nên đánh cướp bằng gậy gộc hay dáo mác.

Hậu quả tất nhiên của sự chia rẽ chính trị nói chung và sinh-viên nói riêng là những gì ? Là những cuộc biểu tình lẻ tẻ, vô tổ chức, không kiểm soát, được đưa ra bấu xấu trước mắt mọi người.

Dăm chục người với mấy biểu ngữ : biểu tình, vài trăm cậu bé con lộn xộn, không hàng lối, vừa đi vừa cãi nhau : cũng biểu tình. (4) Kết quả là chúng trở thành những trò giải trí không hơn không kém cho các bà đi chợ có chuyện về nói !

Do đó không những *chúng không gây được một tác động tâm lý nội tại hay ngoại lai nào mà trái lại là khác.* (5)

Thái độ, cũng như những hành động đó nhắc chúng tôi đến tình hình chính trị của năm 1945 : cũng những cuộc đảng tranh, bất đồng ý kiến giữa những lãnh tụ chính trị. Cũng những cuộc biểu tình không kiểm soát nổi của người tổ chức. Tiêu biểu hơn cả là cuộc biểu tình của tổng hội công chức trước nhà Hát lớn Hà-nội mà Cộng sản đã lợi dụng, tạo thành một lợi khí dựt chính quyền tưởng nắm chắc trong tay những người quốc gia đang chia rẽ dầu đã họp thành một mặt trận. (6)

Kết quả đau thương là hiệp-định bẩn thỉu Genève 54 với cuộc chiến tranh hao mòn đang tiếp diễn trên miền Nam này.

* * *

Từ nhận xét thực trạng, từ một kinh nghiệm lịch sử đau thương, chúng tôi thấy vấn đề không có gì nan giải khi chúng ta ý thức được một cách rõ ràng nhiệm vụ và cái thế của chúng ta.

Đối với những chính trị gia và đảng phái, chúng tôi dù ý thức được tính cách hậu sinh của mình, vẫn mạn phép lên tiếng :

Các ông, dù dưới mầu sắc đảng phái chính trị nào, cũng chỉ là những người Việt-nam trên mảnh đất nguy nan này. Các ông có được một chút ít danh tiếng hay được một số người ủng hộ, đó là vì người ta nghĩ rằng : *Các ông làm việc cho Quốc-gia Việt-nam.*Đánh rơi mất lập trường đó, để lộ bộ mặt tham quyền, sôi thịt, cá biệt, các vị chỉ gây ra sự coi thường của quần chúng và khi đó, dầu quyền bính trong tay quý vị cũng chẳng làm được gì, quý vị sẽ là những kẻ bị đào thải trước nhất. Kinh nghiệm ngô-đình-diệm còn sờ sờ ra đó và khi ấy có than rằng : « Bạc như dân » thì cũng đã quá muộn.

Đối với sinh viên chúng ta, cũng vậy, vấn đề thật là giản-dị khi chúng ta ý thức được tinh thần của chữ sinh viên, chữ Đại-học, những chữ tưởng tầm thường nhưng tự chúng đã mang một thái độ một trách nhiệm.

« Người Đại-học. Ý thức tinh thần của mình bằng cách tạo cho mình tính tích cực, lòng hòa đồng, tinh thần tiền phong. Mục đích của Đại-học là học để phụng sự » (7).

Ý thức được như vậy người sinh viên không còn thờ ơ, tự mãn hay giới hạn đời mắt mình vào quyển sách, những bóng hồng.

Ý thức được tính cách phổ quát của người Đại-học, người sinh viên Đại diện không còn đem tất cả cái cá nhân với đầy đủ tính xấu : quan liêu, bè phái, tham quyền vào « con người sinh viên đại diện. » Như vậy người chủ tịch tổng hội không còn mang nhãn hiệu Luật-khoa, Kiến-trúc, Sư phạm hay Y-khoa mà chỉ còn là người đại-diện sinh viên thuần túy với đầy đủ tinh thần và trách nhiệm của một người Đại-học.

Do đó sự tranh chấp về số phiếu làm bế tắc Tổng hội không còn phải đặt ra như một vấn đề tiên quyết và dĩ nhiên cạnh người chủ tịch, để phản ảnh đầy đủ tính cách phổ quát, mỗi phân khoa có một đại diện của mình.

Để kết luận chúng tôi mạn phép mượn câu nói của cổ nhân « Quốc gia hưng vong, thất phu hữu trách » làm căn bản với quyền hi vọng rằng câu nói « Lịch sử chỉ là một sự kiện tải tạo » sẽ được mọi người chúng ta chứng minh ngược lại hay ít ra không đúng với tình thế chúng ta hiện nay.

TRẦN-ĐÔNG-A
28264

---

(1) Mỗi cử tri có quyền bầu 3 người, tức là có 3 phiếu một lúc.

(2) Luật-khoa rút hẳn khi thất cử chức chủ tịch (sinh-viên với tổng hội tình thương ?)

(3) Tiếp đón sinh-viên Huế. Tin ngày nay số tân niên.

(4) Biểu tình có xô xát của mấy đảng phái ủng hộ lãnh tụ nọ, lãnh tụ kia trước tòa đô chính.

(5) Cuộc biểu tình lộn xộn không biết do ai tổ chức vào các trường Pháp với lời phê bình hỗn xược của ký giả Pháp Lebons.

(6) Mặt trận Đại việt quốc gia liên minh. (Dương châu : vĩ tuyến 17)

(7) «Ý thức tinh thần Đại học» Tình-thương số 1.

LTS.— Hàng tháng, trong mục «Những người áo trắng» chúng tôi sẽ giới thiệu một người y-học. Có thể là một y-sĩ suốt đời tận-tụy khảo-cứu, có thể là một tấm gương sáng để chúng ta noi theo, nhưng cũng có thể là một người y-sĩ rất bình-dị rất tầm thường nhưng cuộc đời đã trọn vẹn theo chức-nghiệp.

Alphonse Laveran

NGÀY 18 tháng 5 năm 1922 một hung-tín từ Ba-Lê được loan đi : « Charles Louis - Alphonse - Laveran đã từ trần sau hai tháng lâm trọng bệnh ». Thế là một trong những ngôi sao chói lọi nhất trên vòm trời y-học nói riêng và khoa-học nói chung không còn nữa. Cho đến ngày nay khi nhắc đến tên ông, tất cả mọi người trong và ngoài y-giới đều không lấy gì làm xa lạ.

Tới khi gần nhắm mắt, Laveran vẫn còn tha thiết ngày đêm trong phòng thí-nghiệm để khảo-cứu những chứng bệnh nhiệt-đới (maladies tropicales). Phòng thí-nghiệm này được thiết lập ngay trong viện Pasteur ở Ba Lê 1907 nhờ món tiền của giải Nobel y-học tưởng thưởng ông vì công khám phá ra huyết-trùng bệnh sốt rét (hématozoaire). Ông khuất đi nhưng để lại cho nhân loại những thành tích khám-phá vĩ-đại về y-học và sinh-vật-học. Xét qua tiểu sử ông người ta thấy rằng gia-đình và truyền-thống đã ảnh-hưởng không nhỏ tới thời thơ-ấu của ông và hun-đúc ông thành người và nhất là thành một nhà bác học.



Thật vậy, sinh trưởng trong một gia-đình cha và ông nội đều là y-sĩ, Laveran đã tiêm-nhiễm ngay từ buổi đầu những lý-thuyết về y-khoa. Không thể chối cãi được rằng hoàn-cảnh thuận-tiện đã giúp thiên-tài của ông dễ-dàng nảy-nở và dẫn dắt ông khá nhiều trong việc khảo-cứu những điều được coi như bí-ẩn của nền y-học thời bấy giờ. Ra đời tại Ba Lê ngày 18 tháng 6 năm 1845, cậu bé Laveran theo gia đình sang sinh sống tại Algérie và lưu lại đó tới năm 1856. Laveran đã lưu lại mãi mãi trong tâm trí mình những kỷ-niệm thích thú về thành phố Blidah xinh-xắn, xung quanh có đồi và vườn cam bao bọc. Ở đó có thể nói Laveran đã sống những năm trường đẹp nhất của thời thơ-ấu với song-thân. Trở về Ba Lê, Laveran liên tiếp tòng-học tại các trường trung-học Sainte Barbe và Louis le Grand. Sau khi đậu tú-tài toàn phần ông quyết định theo đuổi y-nghiệp như cha và ông mình. Ông ghi tên theo học tại Trường Quân Y Strasbourg ; trong bốn năm đã thụ-huấn những danh-sư

Sédillot, Hirtz, Tourdes v.v... Năm 1866 Laveran thi đậu nội-trú các bệnh-viện và chỉ năm sau ông trình luôn luận-án tiến-sĩ Y-khoa với đề-tài « Régénération des nerfs ». Sau khi tu-nghiệp tại Ecole Val-de-Grâce, Ông được bổ làm phụ-tá y-sĩ trưởng Quân-y-viện Saint-Martin mà ngày nay đổi thành bệnh-viện Villemin. Năm 1870 mở đầu chiến tranh Pháp—Phổ, sau khi đã tích-cực phục-vụ thương và bệnh-binh trên các chiến-trường miền Đông nước Pháp, ông được triệu về Metz và được giao cho nhiệm-vụ tổ-chức lại Quân-y-viện Chambière. Thành phố này chẳng bao lâu bị địch quân vây hãm, các bệnh-viện tràn ngập bệnh-nhân và thương binh. Phần lớn các vết thương do chiến tranh gây ra gây nên chứng hoại-thư (gangrène gazeuse) và bại-huyết (septicémie). Quân lính nếu mắc bệnh thương-hàn đều không hi-vọng gì thoát chết vì thể xác họ đã quá suy nhược vì lao lực và thiếu thốn. Thuốc men, lương thực trở nên những nhu-cầu cấp-bách cho bệnh-viện và Laveran đã đau lòng chứng kiến cảnh tượng cho bệnh-nhân ăn thịt ngựa. Cuối tháng 10 năm 1870 Ông sa lệ khi nhìn tận mắt những giây phút hấp hối của thành-phố Metz khi rơi vào tay quân Phổ. Ngày 7 thánh 11 cùng năm đó Laveran được thuyên chuyển về quân-y-viện Saint-Martin ở Lille và tới năm 1874 sau cuộc khảo-hạch ở Val de Grâce ông được vinh-hạnh trao tặng tước-vị giáo-sư thạc-sĩ về dịch-học (épidémiologie) của quân-đội tức là tước-vị trước kia của cha mình. Lúc đó ông mới 29 tuổi. Trong thời-gian đó những sinh-viên quân-y tại đại-học y-khoa Ba-Lê đã được thụ-giáo Laveran những môn học như bệnh-lý học nội-thương và cơ-thể bệnh-lý (anatomie pathologique). Rất nhiều sinh-viên nhờ ông mới có được các đề-tài luận-án và các hồ-sơ bệnh-lý giá-trị. Nhiều sinh-viên sau khi tốt-nghiệp vẫn còn giữ được những kỷ-niệm sâu đậm về kỷ-luật khi làm việc và về lương-tâm chức-nghiệp của ông,

Kể từ khi phục-vụ ngành quân-y, đời sống Laveran hầu như không tách rời ra khỏi mục đích khảo-cứu y-học ; nó là cả một công-trình miệt-mài khảo-cứu và tìm tòi chân-lý, công-trình đó kéo dài quá nửa thế-kỷ và chỉ chấm dứt khi ông trút hơi thở cuối cùng. Những hoạt-động khác đối với ông chỉ là phụ-thuộc và thu hẹp tới mực độ cần thiết tối thiểu.

Sự-nghiệp của Laveran gồm đủ mọi mặt ; Ông để lại cho hậu thế vô số tác phẩm hồi ký, tường trình bàn đến đủ mọi ngành của y-học, trong đó mới mẻ và độc đáo hơn hết là ngành khảo-cứu nguyên sinh động-vật sinh bệnh (Protozoaires pathogènes) do ông sáng lập ra. Năm 1875 ông cho xuất bản cuốn Traité des Maladies et Epidémies des Armées được viết theo những tài liệu về dịch học của phụ thân ông. Ba năm sau, được chuyển sang quân-y-viện Bône ở Algérie, ông chuyên khảo cứu về máu và ngũ-tạng những bệnh nhân mắc bệnh sốt rét. Ông bắt đầu nghi tính cách ký sinh-trùng của những hình thể bị lầm tưởng là những bạch huyết cầu có chất mélanine. Năm 1879 được đổi đến nhậm chức y-sĩ trưởng bệnh-viện Biskra một lần nữa ông cho xuất-bản cuốn Nouveaux éléments de Pathologie et de Clinique Médicales mà chỉ đến năm 1894 đã được tái-bản đến lần thứ tư. Việc khảo cứu bệnh sốt rét của ông bị ngưng trệ đến năm 1880 sau khi được đổi tới bệnh viện Constantine. Qua kính hiển-vi ông nhìn thấy trong máu một binh-sĩ những cầu-thể di-động có lông mà xung quanh đó hồng-huyết-cầu chuyển-động nhanh lắm. Không nghi ngờ gì về tính-chất ký-sinh-trùng của những cầu-thể này Laveran bèn xếp chúng vào loại huyết-trùng.

Trong cuốn Traité du paludisme, Laveran đã kể lại câu chuyện về sự khám phá ra huyết-trùng bệnh sốt rét như sau :

« Năm 1878 tôi đang phục-vụ cho bệnh-viện Bône ở Algérie ; một số lớn bệnh-nhân của tôi mắc bệnh sốt rét. Tôi có dịp khám nghiệm tử-thi nhiều bệnh-nhân bỏ mình sau khi bị cơn « accès pernicieux. » Tôi không khỏi ngạc nhiên khi tìm thấy những hạt nhỏ sắc đen ở gan và mạch máu trên não-bộ. Sau đó tôi lại tìm thấy trong máu bệnh-nhân những hồng-huyết cầu đen lốm đốm, những cầu-thể to nhỏ không đều chuyển-động như những con amibe và những hình thể lưỡi liềm có chất sắc (pigment). Tôi nảy ra một giả-thuyết cho rằng đó là những ký-sinh trùng. Hai năm sau ở quân-y-viện Constantine, trong những điều-kiện thuận-tiện (giữa cơn sốt của bệnh-nhân và trước khi họ uống Quinine) lúc nào tôi cũng tìm thấy huyết-trùng trong máu người bệnh ; kể từ đó tôi vững tin rằng đó là ký-sinh-trùng gây bệnh sốt rét ».

« Nhưng còn một nghi-vấn quan-trọng cần được giải-đáp là loại huyết-trùng kia sinh sống ra sao ở

ngoài cơ-thể con người và chúng lọt vào đó bằng cách nào. Sau khi đã tìm tòi một cách vô-vọng ký-sinh-trùng nầy trong không khí và trong nước, và nhất là cấy nó mà không có kết quả, tôi chợt nhận thấy rằng những người bị sốt rét hầu hết đều bị muỗi Anophèle đốt. Một giả-thuyết nảy ra trong óc tôi ; có lẽ loại huyết trùng kia sống ở trạng-thái ký-sinh trong loài muỗi. Năm 1894, trong một bản tường trình trước Hội-Nghị Y-Tế Quốc-Tế ở Budapset về nguyên-nhân bệnh sốt rét tôi có nói : « Ở những miền bệnh sốt rét trở nên kinh-niên, không thể chối cãi được rằng loài muỗi giữ một vai trò quan-trọng trong việc truyền bệnh này ».

« Năm 1897 Ronald Ross một y-sĩ Anh phục vụ trong quân-đội Ấn công-nhận giả-thuyết trên đây của tôi là đúng đã làm sáng tỏ vấn-đề bằng cách tìm thấy trong thành dạ dày muỗi Anophèle được nuôi sống máu bằng bệnh-nhân những hình-thể mang sắc-tố.

Từ năm 1900 đến 1903 Laveran tích cực làm việc để làm sáng tỏ sự liên-hệ giữa loài muỗi Anophèle và bệnh sốt rét. Ông đã đi đến một khám phá quan-trọng là chỉ vài ngày sau khi hút máu bệnh-nhân những tuyến nước rãi của muỗi Anophèle đã chứa đầy huyết-trùng. Những thí-nghiệm liên-tiếp được làm ở loài chim khiến ông thấy rõ những giai-đoạn khác nhau của sự biến đổi huyết-trùng trong cơ-thể muỗi Anophèle. Sau nhiều lần đi thăm những vùng có bệnh sốt rét kinh-niên để khảo-sát kỹ-lưỡng tận nơi các giống Anophèle khác nhau Laveran đã đi đến kết-luận sau đây (đăng trong tạp-chí Anophèles et Paludisme số tháng 4 năm 1903) :

« Căn-cứ vào những kết-quả thâu lượm được thuyết cho rằng bệnh sốt rét được truyền đi qua sự trung-gian của muỗi Anophèle có thể đứng vững. Về phần tôi, tôi có thể đoan quyết rằng những bằng cớ giúp thuyết này trở thành sự thực thật là chân xác và có giá-trị một cách khoa-học »

Người ta kể lại rằng trong khoảng thời gian chưa khám phá ra vai trò của muỗi Anophèle, Laveran suốt ngày trực-tiếp săn-sóc các bệnh-nhân để theo dõi sự biến-chuyển bệnh-trạng của họ để hy-vọng dọi một vài tia sáng vào cái bí-ẩn kia mà ông tha thiết muốn biết. Suốt ngày ông chỉ quanh quẩn giữa giường bệnh-nhân và phòng thí-nghiệm để quan sát và tìm kiếm. Công lao đó, tài năng đó và nhất là lương-tâm nghề-nghiệp được đời tưởng thưởng xứng đáng. Năm 1889 nhân danh Hàn-Lâm-Viện Khoa-học, Giáo-sư Bouchard long trọng trao tặng ông giải thưởng Bréant. Một năm sau ông được bầu làm hội-viên thực-thụ của Hội Sinh-Vật-Học và đến năm 1893 hội-viện của Hàn-Lâm-Viện Y-Học và Hội Dịch-Học ở Luân Đôn đã long trọng giành cho ông huy-chương Jenner (1902).

Cuối năm 1896 mới ngoài 50 tuổi vì muốn dành hết thì giờ để khảo cứu nên ông đã đệ đơn xin về hưu. Sự từ chức quá sớm của Ông đã để lại một niềm luyến tiếc lớn lao cho những quân y-sĩ trẻ tuổi vì lúc nào họ cũng giữ một niềm tôn kính ông như một bậc danh-sư. Ông lui về làm việc tại Viện Pasteur ở Ba Lê để chuyên khảo-cứu về ngành Nguyên Sinh Động-Vật sinh bệnh như giống Toxoplasmes, Piroplasmes, Herpetomonas v.v.. Đáng kể nhất ông đã khám phá ra con Trypanosome giống ký sinh-trùng gây ra bệnh ngủ (Maladie du sommeil) trình-bày tường tận trong tác-phẩm nhan-đề Trypanosomes et Trypanosomiases.

Sau khi nhận giải thưởng Mạc-Tư-Khoa của Hội-Nghị Y-Tế Quốc-Tế lần thứ XV họp tại Lisbonne, Laveran leo lên tột đỉnh của đài danh-vọng khi được Viện Carolin ở Stockholm năm 1907 trao tặng giải Nobel sinh-lý-học và y-học. Ông đã giành 100.000 phật-lăng của giải thưởng này để thiết lập phòng thí-nghiệm khảo-cứu những Bệnh Nhiệt-Đới ở phố Falguière. Tại đó trong mấy năm cuối cùng của đời ông, Laveran vẫn hoàn-thành chức-vụ của mình với sự cần-mẫn và hăng-hái đáng thán phục Trong thế-chiến thứ nhất ông đã trở lại phục-vụ ngành quân-y mặc dầu tuổi đã cao, để bảo-vệ sức-khoẻ và tính mạng cho binh sĩ.

Năm 1920 khi chủ-tọa lễ kỷ-niệm bách-niên ngày thành-lập Viện Pasteur người ta nhận thấy tình trạnh sức khoẻ của ông suy-giảm một cách đáng ngại nhưng không vì thế mà ông thôi không đến phòng thí nghiệm. Ông chỉ ngưng làm việc khi đã lâm trọng bệnh trí óc ông cũng chỉ thôi hoạt-động khi ông trút hơi thở cuối cùng. Không những ông là một nhà bác-học đem lại vinh-dự lớn lao cho xứ sở ông mà ông còn là một ân-nhân của toàn-thể nhân-loại.

Ngày nay mỗi khi đi qua Quân-Y-viện Constantine người ta còn thấy trên bức tường ở phòng thí-nghiệm một tấm bảng đồng có ghi những hàng chữ sau đây :

A. ALPHONSE LAVERAN
Membre de l'Académie de Médecine 1893
Membre de l'Institut 1901
Prix Nobel de Médecine 1907
qui, dans cet hôpital a découvert
l'hématozoaire du paludisme en 1880

HOMMAGE RESPECTUEUX DES
MÉDECINS MILITAIRES
DE CONSTANTINE

NGUYỄN-VĨNH-LỘC
(theo tài-liệu của MARIE PHISALIX)

VÒNG ĐAI BỨC XẠ VAN ALLEN

• HỒ TRUNG VIỆT

NHỮNG buổi đẹp trời hay những đêm trăng sáng, nhìn lên không trung, hẳn có lúc thế-nhân cũng quên bớt những cảnh thơ mộng quanh mình ; vẻ lãng mạn của những đám mây trôi bơ vơ, vô định ; vẻ đẹp lộng-lẫy của Hằng Nga giữa một trời đầy sao lấp lánh—để cảm thấy mình nhỏ bé trước vũ-trụ bao la, vô nghĩa trong không gian vô-tận. Nếu thế nhân là thi sĩ, thế nhân sẽ cảm thấy mình cô độc, lẻ loi trong cuộc độc-hành truyền kiếp, trên con đường muôn triệu dặm, con đường chạy quanh mặt trời ; thi nhân tưởng chừng như mình đang đứng chơi vơi trên một con tàu già nua đơn độc, con tàu địa cầu, chỉ có gió đưa mây tiễn. Nếu thế nhân là một nhà chính trị của trần gian này; thế nhân sẽ cảm thấy địa cầu trơ trọi quá, trống trải quá. Những công trình kiến trúc nhân tạo dù vĩ đại như Vạn Lý Trường Thành, to tát như kim tự tháp Ai Cập cũng không đủ để che khuất những xấu xa của hành tinh mình đang sống. Chính trị gia cảm thấy xấu hổ với Thái Dương thần-nữ, suốt ngày soi mói những thủ đoạn thầm kín, sâu hiểm của chính trường; thẹn thùng trước chị hằng, chú cuội, nhìn suốt cả đêm trường bí mật, đầy rẫy mưu mô của thế gian này. Nhưng nếu thế-nhân là nhà khoa-học, thế nhân sẽ không cảm thấy mình bé nhỏ, vô nghĩa trước thiên nhiên vì trí lực của thế nhân có thể bao trùm cả vũ-trụ ; công nghiệp của thế nhân có thể khắc phục nổi không gian. Thế nhân không hề cảm thấy lẻ loi trên địa cầu, vì bạn của thế nhân là cả đông đảo nhân loại nhiệt thành chứ không phải hững hờ, vô tình như mây, gió. Thế nhân cũng không cảm thấy xấu hổ trước tạo hóa vì công trình của thế nhân là khoa-học phục vụ nhân loại, vô tư và vô vụ lợi. Hơn nữa, nhà khoa học không cảm thấy địa cầu quá trơ trọi lẻ loi vì trong chuyến đi muôn thuở, hành tinh nầy vẫn có những bạn đường chung thủy luôn luôn che chở, đùm bọc lấy địa cầu đó là những vòng đai bức xạ Van Allen, chiếc áo khoác vô hình vĩ đại của địa cầu, dãy hàng rào kết hợp bởi những bức xạ tuyến nguy hiểm, ngăn cách thế nhân với vũ trụ bên ngoài. Từ lâu, trong vòng những phép tính, những giả thuyết, khoa học gia Van Allen đã ức đoán sự hiện hữu của những vòng đai bức xạ này, nhưng hình thái, vị trí, cấu tạo, của những vòng đai đó chỉ được xác nhận nhờ những khám phá không gian qua các vệ tinh nhân tạo. Chiếc áo khoác vô hình vĩ-đại này của địa cầu do đâu mà có ; quả đất đã mang chiếc áo này như thế nào để làm dáng với vũ trụ, và ảnh hưởng của chiếc áo không lồ đó đối với nhân sinh như thế nào ; đó là những điều nhân loại đã và đang khám phá trước khi liều lĩnh dấn thân vào con đường mạo hiểm vượt không gian.

Nếu thế nhân gọi mặt trời là Thái Dương Thần Nữ, mặt trăng là chị Hằng Nga, kim tinh là thần Vệ Nữ thì thế nhân đã quên không tìm cho hành tinh của mình một mỹ hiệu của phái đẹp. Cái tên « Địa Cầu » thật đã không làm cho quả đất vừa lòng tí nào vì thực ra giá trị của hai chữ đó không vượt quá ý nghĩ của một danh từ hình học. Thế nên thỉnh thoảng quả đất lại nổi nóng — phun ra lửa — vùng

vẳng gây động đất — để tỏ lòng giận dỗi thế nhân. Vì thực sự quả đất đẹp ; thế nhân đã công nhận điều đó tự ngàn xưa, từ lúc con người đã biết chiêm ngưỡng những danh lam thắng cảnh, đã làm thơ, văn để mãi-mê ca tụng. Đối với vũ trụ, quả đất cũng ý thức được vẻ đẹp của mình, vì quả đất là hành tinh có mang sự sống vì quả đất có bầu không khí trong lành và nhất là duyên dáng trong chiếc áo choàng Van Allen. Chiếc áo này đã được tạo hóa dệt từ khi quả đất mới thành hình. Những đường chỉ lúc sơ khai thật là thưa thớt, đó là những địa lực tuyến, những đường sức của địa từ trường, nối hai địa cực và vòng lên ở xích đạo. Công việc thêu dệt chiếc áo vẫn tiếp tục từ lúc « lập địa » cho đến bây giờ, và mãi mãi sau này. Từ mặt trời nóng cháy, từ vũ trụ vô biên, tạo hóa gửi đến địa cầu những quang tuyến, những vũ trụ tuyến để dệt nên chiếc áo Van Allen. Thật vậy, đến gần địa cầu, những quang tuyến và những vũ trụ tuyến chịu ảnh hưởng của địa từ trường và hướng theo những đường sức của địa từ trường. Chỉ những phân tử có năng lực mạnh hay những phân tử có hướng trực giao với địa từ trường mới thoát khỏi ảnh hưởng của địa từ trường để hướng thẳng đến mặt đất. Xem như thế, địa từ trường tựa như một chiếc khung đón nhận vô số những vũ trụ tuyến sơ cấp ; và chính sự qui tụ của những hạt vũ trụ trên những lực tuyến của địa từ trường đã tạo thành 2 vòng đai bức xạ Van Allen. Hai vòng đai nầy có đồng tâm và dày ra ở hạ xích đạo.

— Chiếc áo Van Allen đã được tạo hóa mầu nhiệm may đúng kiểu với thân hình tròn trịa và quay tít của địa cầu. Đó là một chiếc áo thật rộng, xòe ra ở mặt phẳng xích đạo và thắt lại ở hai địa cực.

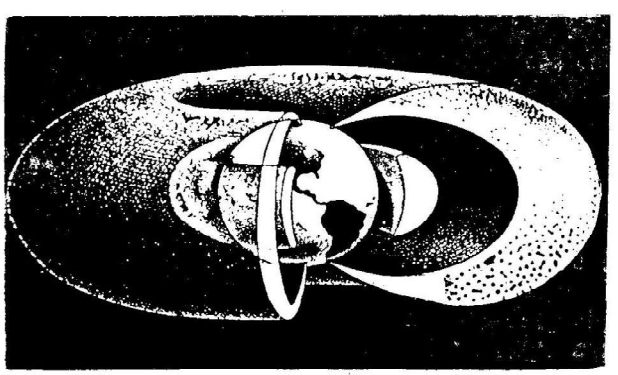

Theo những dữ kiện ghi nhận được nhờ các vệ tinh nhân tạo Explorer III, IV và Pionier I thì chiếc áo khoác ngoài nầy ở cách địa cầu từ 13.00 đến 21.000 cây số và được dệt bằng những bức xạ vũ trụ hướng theo những lực tuyến của địa-từ-trường. Ở hai địa cực, địa-từ-trường đâm thẳng xuống đất, những bức xạ tuyến vũ trụ cũng hướng theo xuống địa cầu ; và tạo nên hình một chiếc phễu cắm thẳng xuống bầu địa khí quyển. Ở đây xảy ra những vụ va chạm giữa những hạt vũ trụ và những phân tử khí quyển. Những vụ xô xát này làm phát quang huy và tạo nên hiện tượng «rạng đông trong vùng Bắc Cực» (aurores boréales). Xem như thế vòng đai Allen ngoài tạo nên chiếc áo thật đẹp cho địa cầu ; một chiếc áo có cổ viền bằng hào quang sáng chói, làm bớt đi vẻ mặt lạnh lùng của vùng Bắc Cực và tăng phần duyên dáng cho địa cầu.

— Vòng đai Van Allen trông tựa như chiếc thắt lưng của địa cầu, một chiếc thắt lưng vĩ đại, bao quanh vùng địa xích đạo và cách địa cầu từ 2000 đến 6000 cây số. Chiếc thắt lưng này do nữ Thần Thái Dương thân tặng cho địa cầu, thật vậy vòng đai này được dệt bằng những quang tử đến từ mặt trời nóng cháy.

Nếu thời trang của các bà, các cô ở hạ giới luôn luôn thay đổi, thì trang sức của nàng địa cầu cũng không phải là bất biến. Thế nhưng khác với người hạ giới «có mới nới cũ», đua đòi trong cách ăn diện, thì địa cầu luôn luôn giữ lấy chiếc áo muôn đời của mình và hãnh diện về chiếc áo đó trước vũ trụ. Những thay đổi của chiếc áo Van Allen nếu có, chỉ là do những dao động nhất thời gây nên bởi những trận bão địa từ (orages magnétiques), những vụ nổ trên mặt trời, làm thay đổi vị trí và độ dày mỏng, thưa mau của chiếc áo.

Con người, từ lâu vẫn sống an phận dưới tà áo của địa cầu, vẫn chưa dám mạo hiểm vượt qua hai đai phóng xạ Van Allen. Nhưng với tham vọng chinh phục vũ trụ, với giấc mộng viễn du liên hành tinh và với những tiến bộ nhanh chóng về kỹ thuật con người nhất định sẽ khắc phục được mọi khó khăn để băng qua hai vòng đai nguy hiểm đó, để tiến vào không gian vô tận, đặt chân lên những hành tinh xa lạ hoang vu.

HỒ-TRUNG-VIỆT

KỲ SAU : *Ảnh hưởng của vũ trụ tuyến trên con người.*



bông hồng đỏ

nguyên tác của : MARIE NOEL
bản dịch của : HOÀNG VŨ

« . . . Chị Hoa, chị xích lại gần đây với em, chị... Hôm nay, em có câu chuyện muốn nói với chị. Em chưa kể cho một ai nghe câu chuyện ấy hết, bởi vì em chắc không có ai hiểu chị ạ... Nhưng chị, em tin là chị sẽ hiểu. Em không muốn đi mà lại không nói cho ai nghe... Em sẽ nói cho chị... »

Em bé bệnh-nhân đặt hai bàn tay xanh và gầy lên trên tấm chăn vãi. Đầu em ngả trên gối, khuôn mặt héo-hon, và cặp mắt mệt-mỏi của em làm cho ta nghĩ đến cánh hoa « pensée » ép khô trong một quyển sách kinh.

« ... Câu chuyện này nếu chị muốn kể lại cho mọi người nghe, xin tùy-ý chị. Song chị sẽ nói cho họ biết đây là một câu chuyện có thật chị nhé... »

Hồi đó em mười sáu tuổi, và đang học trung-học. Các bạn em gọi em là Mến, như chị biết. Em có một người bạn rất thân tên là Trang. Cũng không phải là em tìm chọn Trang làm bạn thân đâu chị ạ. Trang đến với em như là được xếp-đặt sẵn từ trước, khi Trang mới gần mười-hai tuổi, và em mười-một. Ba Trang và ba em là bạn đồng-nghiệp — Cả hai đều làm việc cho Chính-phủ trong Bộ Tài-chính — nhưng ba Trang ở tỉnh xa nên Trang ở nội-trú, và mỗi chủ-nhật là em lại đón Trang về nhà em.

Em yêu Trang. Không biết em có yêu Trang không ?... Em cũng không biết. Lúc bấy-giờ em không biết yêu. Em như ở trên rừng, man-dã đến nỗi em không dám ra khỏi chính em để đi đến với người khác... Em sợ tất-cả các bạn em. Song sự thực thì họ có để-ý gì đến em đâu.

Khi em đến trường, ăn mặc lôi-thôi lếch-thếch, đi-đứng cứng nhắc như que củi, tay cắp một cái cặp đầy ụ những sách vở, thì không có một ai gọi em từ đằng xa mà cũng chả có ai thèm nhìn em đang đi đến.

Em thấy chỗ này chỗ kia các bạn tụm-năm túm-ba họp nhau lại nói chuyện vui như pháo ran. Họ tụm-họp mà không có em. Em cũng lại gần họ nhập-bọn, em cũng có thử góp chuyện với họ, nhưng những lời nói của em lại càng làm em trống-trải hơn nữa, vì họ không thích nghe em. Em không biết nói chị ạ, em nói vụng lắm.

Nhưng, ở cuối sân trường, trong khu nội-trú, Trang đã thấy em, thế là Trang chạy ngay lại với em, quàng tay em và xách cặp cho em. Thế là em lại vui ngay, lại thấy trong người ấm-áp lại.

Trang! ở trong Trang, em cảm thấy dễ-chịu như ở nhà, em nói với Trang những câu nói thường, như một con chim không biết sợ là gì, nhẹ-nhàng và liến-thoắng. Trang thực là tốt chị ạ, để mà chơi với em là một đứa chả ai thèm chơi với. Trang là bạn thân nhất của em! Trang không xinh hơn em đâu. Em không tin là Trang xinh hơn em... Nhưng Trang thông-minh hơn em nhiều. Trang bao-giờ cũng đứng đầu lớp, và cuối năm bao-giờ cũng được phần thưởng nhất. Cái gì đối với Trang cũng là dễ cả — mà đối với em cái gì sao cũng khó thế. Trang nói gì, làm gì cũng hay và đẹp, chữ Trang viết cũng đẹp, em chưa trông thấy ai viết chữ đẹp như Trang. Em thích nhìn những bài của Trang làm, nhìn mà không đọc. Nhưng đến lớp là các thầy giáo, bà giáo đều đọc bài của Trang cho tất-cả nghe, và khen không ngớt lời. Thỉnh-thoảng, họa-hoằn lắm, mới thấy các vị chê nhẹ một câu :

« Chị không đi sâu vào hẳn vấn-đề », ngoài ra, toàn những lời khen cả. Chúng-em thán-phục Trang, coi Trang không khác gì một tác-giả trong sách học.

Còn em, thì em thứ-nhì về Quốc-văn, thứ-nhì về Sử-ký, một-đôi-khi về địa-dư, nhưng bao-giờ cũng gần bét về vẽ, mặc-dù em cố-gắng hết-sức và khi vẽ thì cứ tẩy lia tẩy lịa.

...Không ! Trang không xinh hơn em. Thực ra, thì em chắc em cũng không xấu hơn ai, nhưng trong mắt em và trên miệng em có một sự yên-lặng nó làm cho bộ mặt của em không cởi-mở, còn Trang thì lúc nào cũng vui-vẻ tươi-cười với tất-cả mọi người, như thế Trang là kho-tàng quý-báu của bất-cứ ai. Và em lấy thế làm buồn và *đau-khổ* lắm. Em nghĩ rằng vì Trang là bạn thân của em, mà em chỉ có một mình Trang thì không ai được lấy Trang-của-em. Nhưng, không lúc nào là người-ta không lấy Trang-của-em đi.

Trừ khi ở nhà, những ngày ra trường. Những ngày ấy là em cố dấn các bạn thường vẫn đến thăm em những ngày khác. Em không cần bọn chúng lắm. Khi tụi nó đến thì em cũng nói chuyện, cũng chơi giải-gianh, cũng chơi đàn với tụi nó. Nhưng khi tụi nó về, thì em còn thích hơn là phải họp mặt với chúng.

Còn Trang, Trang là nguồn vui riêng của em. Vì Trang, em trang-hoàng phòng của em... Phòng em đầy hoa ! Những hoa kèm theo có những câu thơ, câu đố để Trang đọc và đoán khi Trang đến : hoa leo, «Tôi chết nơi tôi ràng-buộc» ; hoa myosotis, « Xin đừng quên tôi ». Em mang những sách mới ra khoe với Trang, mở những trang hay cho Trang đọc. Trang cũng mang đến cho em kho-tàng riêng của Trang : « Mến này, Trang mới khám-phá ra mấy câu thơ này của Musset... đọc muốn khóc lên được !... Mến nghe đây này...»

Bà nội em chợt đi ngang qua, ngoái lại nói : « Hai cháu tôi đẹp đôi quá ! »

Hồi đó, em thực sung-sướng, chị Hoa ạ, hoàn-toàn sung-sướng. Nhưng thôi, để em kể nhanh lên cho chị nghe vì câu chuyện còn dài.

Năm ấy vào tháng một, nhân buổi lễ hàng năm, chúng-em học-sinh lớp năm, diễn vở kịch « Kẻ Ghét Đời ».

Đáng-lẽ em đóng một vai như các bạn em, vì em đọc có giọng nhất lớp, nhưng vì em yếu tim cho nên ba em không cho phép em tập-dượt thêm ngoài giờ học, sợ em mệt. Thế là đối với em không có chuyện đóng kịch nữa. Trang đóng vai Philinte. Mặt Trang dễ-thương, dáng-điệu mềm-mại, tính ưa chiều chuộng mọi người, Trang giữ vai Philinte thật là hợp. Còn em, nếu có đóng, chắc là em sẽ đóng vai Alceste, anh chàng ghét-đời luôn-luôn chít khăn xanh, nhưng buổi tối hôm ấy em không là cái gì cả, em chỉ là Mến, em ngồi nhìn các bạn diễn trò và vỗ tay tán thưởng họ trong bóng tối.

Đến màn cuối, màn vừa hạ là em đã chạy đến nhập-bọn với họ ở ngoài hành-lang để xem họ cởi bộ đồ hóa-trang với dáng-điệu các bà lớn, với cử-chỉ của các Quận-công Hầu-tước và ngôn-ngữ ở trong phòng khách tiếp-tân và ở Triều-đình. Rõ ràng là họ còn chưa tỉnh giấc mơ trong kịch. Với những ngọn tóc uốn quăn rắc phấn, trong bọn không còn ai là Trang, là Liên, là Mỹ hết mà chỉ còn những « Célimène. . . Alceste. . . Eliante ». Em cảm thấy em không còn phải là người thuộc thế-hệ của họ nữa, họ đã thuộc về thế-kỷ khác, thế-giới khác, còn em thì em vẫn mang cái tên thường-ngày của em, với mái tóc cũn-cỡn của em.

Chúng em tất-cả đều xuống dưới phòng ăn cơm tối, bữa cơm những ngày hội. Các học-sinh ngoại-trú được nhà trường mời ăn trong những ngày trọng-thể như ngày hôm nay.

Đoàn diễn-viên ngồi riêng ra một bàn. Trong bàn ấy không có chỗ cho em, và em cũng không tìm được chỗ nào ở một bàn khác. Sau-cùng em thấy còn một chỗ trống ở bàn « lớp tư », em ngồi vào đấy có một nửa người và bắt đầu ăn, bàng-hoàng như một người du-khách ngồi ăn ở quầy hàng ngoài ga xe lửa và ăn-vội ăn-vàng giữa đám người không-quen-biết cũng đang tấp-nập ăn-uống.

Trang ở xa, không thấy em. Em chỉ trông thấy có Trang, không nói một lời, lòng buồn khôn tả.

Thế rồi đến buổi khiêu-vũ ở ngoài sân trường. Em tự-bảo ra ngoài sân em sẽ gặp lại Trang.

Song em không tìm thấy Trang.

Trang đang mải nhảy với Célimène khi em bước chân vào trong sân với một người bạn tình-cờ trông mặt cũng không vui cho lắm.

Trang bây-giờ đã là một ngôi sao sân-khấu, và người ta thi nhau đến tranh-giành Trang-Philinte,

cũng như người-ta tranh-giành Alceste, Oronte và tất-cả các ngôi sao khác. Em cố thử lại gần Trang, và ra hiệu cho Trang. Có-lẽ trong khi hoang-mang, em đã không đủ mạnh-dạn. Sự thực thì hôm ấy Trang còn nhiều việc khác để làm hơn là nhìn về phía em. Trong không-khí náo-nhiệt tưng-bừng của ngày hội, em đã hoàn-toàn biến đi mất trong mắt Trang.

Em như bị đâm thẳng vào tim, tận đáy sâu của đời em... Chắc khi người-ta bị giết bất-thình-lình kêu thất-thanh thì cũng chỉ bị đâm đến như thế thôi. Trang bạn thân của em !... Trang không còn là bạn thân của em nữa. Không-bao-giờ Trang là bạn thân của em cả.

Trang chỉ có vẻ là bạn thân của em thôi, vì Trang có cử-chỉ dễ thương và Trang biết nói với em những câu nghe êm-ái. Thế mà em lại cứ cho những câu ấy là thật... là sự thật !... Tất-cả chỉ là vẻ đẹp bề ngoài. Nhưng đến tối hôm ấy thì em đã có đủ bằng-chứng rồi. Trang !.. bạn thân của em, trời ơi ! Trang.

Nhảy... Em cũng thích nhảy lắm ! Nhưng em không thể nhảy được nữa. Em đi tìm một chiếc ghế ở trong góc và em ngồi đấy ngay như khúc gỗ với chiếc áo len màu xanh nước biển quá xẫm của em. Chị có để-ý không, chị Hoa ? Khi người ta khổ-sở quá, chiếc áo đang mặc bỗng thành ra xấu hẳn đi. Chiếc áo của em là một chiếc áo đẹp nhất, mà Me em đã thuê một người thợ khéo nhất may, với những nép xếp nhỏ-tăm có viền nhung nổi. Nhưng dưới ánh đèn thì em trông nó thấy đen ngòm : không khác một áo tang.

Em cứ ngồi đó, trong lòng trống rỗng ; như một người vừa bị đánh bất-tỉnh mà chưa có ai nâng dậy. Thỉnh-thoảng một người bạn đến mời em nhảy. Em nhảy bàng-hoàng như cái máy...



Trang không-bao-giờ thoáng trông thấy em cả. À có ! khi em sắp ra về vì có người nhà đến đón đang đợi em ở phòng người gác cổng, Trang mời em nhảy một bài chót. Em từ-chối không nhảy. Em đau-đớn khó chịu quá rồi. Viện cớ « nhức đầu »...

Em chỉ muốn ra ngay ngoài đường, chạy biến về nhà, để nằm lên giường của em mà đau-khổ một mình,để tìm lại em trong sự đau-đớn hoang-đường làm em mù-quáng và để nhặt-nhạnh bên trong em những mảnh còn lại của kho-tàng đã tan-vỡ của em.

Và em đã trải qua một đêm đau-đớn nhất, đen-tối nhất và dài nhất trong đời em : một đêm canh xác một người chết, trong khi không biết chắc là người chết ấy có chết hay không, và cứ cố tìm một cách vô-vọng trong các bóng rung-động trên mặt người chết ấy, một dấu-hiệu của sự sống.

Em cố tìm Trang trong em.Những cử-chỉ và lời nói của tình-bạn của chúng-em trở lại lần-lượt trong trí em, để làm chứng phản lại Trang hay để bênh-vực Trang. « Chủ-nhật trước, Trang yêu mình khi Trang cho mình bông hoa ấy... Nhưng ngày hôm qua ?... Nhưng ngày hôm kia ?...» Thế là em không còn trông thấy gì hết nữa.Thỉnh-thoảng em lại thốt lên một tiếng rên ngầm để cho Ba Me em ở phòng bên không nghe thấy. Ba Me em thường hay dậy luôn ban đêm khi em ốm để cho em uống thuốc. Đối với các bệnh-nhân thì còn có thuốc mà uống. Đối với một người bạn mình coi là thân mà sự thực không thân với mình thì làm gì có thuốc gì mà chữa.

Ngày hôm sau đi học, chúng-em xếp hàng lên lớp, không-khí tưng-bừng của ngày hội hãy còn quyện trong lời nói, bột ngân-nhũ hãy còn ông-ánh trên những mái tóc mà người-ta cố tình chải dối, nhưng câu của Molière vẫn còn thốt ra ở cửa miệng, những tên kiêu-kỳ của các nhân-vật «Oronte đang làm gì đấy ?... Thế nào, Hầu-tước có đến không ?... » Trang - Philinte cũng vừa đến, tay khoác tay Célimène. Trang ra hiệu cho em một cái nhỏ xíu. Trang vẫn chưa nhận lại ra em.

Một buổi sáng Trang nhận lại ra em : « Bé Mến ơi ». . . vân-vân. Trang biết nói những lời tử-tế mà em muốn tin là thực. Nhưng thực ra Trang là thế nào ? là bạn thân của em ? hay là không phải bạn thân của em ? Em cũng không biết chắc-chắn được nữa. Em tiến lại Trang một cách ngập-ngừng như một người đi trên một bãi đồng lầy, và bỗng nhiên thấy đất rắn dưới chân mình.

Chị Hoa ơi, tại sao, sự thực về con người lại ẩn-dấu xâu-xa ở trong thế hở chị ? Ước gì có-thể mở họ ra mà nhìn vào trong tim của họ, để trông thấy rõ tình-yêu của họ mà không phải nói gì cả chị nhỉ ! Những lời nói từ trong đó thoát ra dễ thành đẹp lắm chị ạ, nó lừa-dối chị một cách thật vô-tình, thế rồi chị tin chúng — như em đã tin chúng — để đến một ngày kia, nhân một buổi dạ-

hội, nó vỡ toang ra như một bong-bóng xà-phòng và để lại dưới đất một giọt nước mắt lớn.

Một buổi sáng, sự thứ-tự trước sau ở trong lớp bị đảo-lộn em không nhớ là do một bài thuyết-trình nào có chiếu kèm phim-ảnh. Chúng-em rời chỗ, sô ghế vẫn mang dấu thứ-tự thường-lệ A.B.C. Trang theo vần T, em theo vần M.

Bà giáo bảo chúng-em : « Các chị muốn ngồi đâu thì ngồi ».

Em ra hiệu cho Trang. Em để dành cho Trang chiếc ghế bên cạnh em. Nhưng Trang lại đến ngồi cạnh Bạch-Liên, mỉm cười với Liên và em trông thấy Liên cười lại với Trang.

Thế là em thấy tim em bắt-đầu nhảy mạnh—tim em đập nhanh quá từ ít lâu nay — và em trông thấy rõ..., rõ quá... Ta không thể tin những lời nói được — họ chú-ý đến những lời họ nói nhiều quá — nhưng các cử-chỉ đâu thời-giờ để mà nói dối. Cử-chỉ của Trang đã lật mặt trái của Trang. Rõ-ràng là Trang không để-ý gì đến em. Em trông thấy rõ quá..., rõ hết sức... ! Bà giáo trông thấy em và nói :

«Mến, con làm sao thế ? Con có đau đâu không? Con ra ngoài một tí cho thoáng-khí dễ-chịu đi ».

Em đứng dậy đi ra ngoài. Biết đi đâu bây-giờ ? Đi ra nhà thuốc để được ngửi hơi nước dưỡng-khí và mùi tanh-tuya i-ốt hay uống nước tía-tô sắc và nước hoa cam ? Nhưng em có ốm đâu, em có bệnh gì đâu... Ngoài sự phiền-muộn điên-cuồng mà em không thể chịu nổi nữa.

Em tìm một lớp nào bỏ trống để trốn vào trong ấy, song lớp nào cũng đang học cả. Sau mỗi cánh cửa, em nghe thấy vang-vang tiếng bà giáo đang giảng bài.

Sau-cùng em mới chui được vào một căn phòng học vạn-vật, giữa những dụng-cụ để học vật-lý và hai bộ xương người. Chúng nhìn em như ngạo-nghễ chế-giễu em còn phải lặn-lội trong sự phiền-muộn trần-ai trong khi chúng đã được giải-thoát rồi.

Em gục đầu xuống một cái bàn. Em không khóc, nhưng em bóp nghẹt hết-sức nỗi đau-khổ của em vào trong chiếc khăn quàng.

« Mến yêu !

— Trang ! »

Bà giáo cho người đi tìm em. Bà phải Trang đi, phải rồi Trang ! Bởi vì Trang vẫn chính-thức là bạn thân của em mà !

« Mến có sao không Mến ?

Trang muốn cầm lấy tay em. . .

Nhưng bên trong em như có một cuộn sóng nổi lên rầm-rầm và đầy bọt, làm em nhớ lại những hình ảnh hỗn-độn của buổi dạ-hội, của bữa cơm trơ-trọi, của buổi khiêu-vũ lẻ-loi, em nhớ Trang bỏ rơi em chiều hôm đó, rồi ngày hôm sau cho đến hôm nay, nỗi đau-khổ của em càng thấm-thía hơn càng dâng cao hơn và ghê-gớm tưởng chừng như không có bờ đê nào ngăn-chặn được.

Trang lấy tay quàng qua cổ em :

« Mến, Trang yêu Mến mà.

— Con Điêu-Thuyền ! »

Tiếng em bắn ra lạnh như một tiếng đạn nổ. Trang lùi lại phía sau.

« Trang có điều đâu. .

— Nói điều thì có bao-giờ biết, cô chỉ không nói thật thôi.

— Nói thật ? . . .

Trang chưng-hửng, ngạc-nhiên và khổ-sở hết-sức làm cho cơn giận của em bỗng-nhiên đổi thành một cảm-giác yêu-thương Trang rào-rạt.

« Trang tha-lỗi cho Mến. Thôi không có gì đâu Trang ạ. Mến dễ-chịu rồi. Chúng-mình về lớp với nhau đi ».

Chúng-em không-bao-giờ nhắc lại câu chuyện ấy nữa. Ngày tháng trôi đi. Mọi sự lại gần như cũ ; Trang, những nụ cười, những lời nói có duyên của Trang. . . gần như trước. . . Chỉ thiếu có sự tin-tưởng của em vào Trang, cùng vào nụ cười và lời nói của Trang.

Với người bạn lạ-lùng của Trang là em, Trang bây-giờ thận-trọng về đủ mọi phương-diện : Trang chờ-đợi lúc em đến trường để Trang chạy vội ngay lại với em, Trang chăm-chút em từng-li từng-tí. Như thể là Trang sợ không đủ là bạn thân của em và muốn cho em — và cho chính mình Trang — những bằng-cớ rõ-ràng là Trang thân với em. Song cũng chả ích gì chị ạ.

Bởi vì, phải không chị, những bạn thân với nhau thực ra đâu cần phải tỏ rõ cho nhau biết như vậy ? Họ thân nhau, họ yêu nhau, có thế thôi. Có ai lại nghi-ngờ mặt trời chiếu sáng đâu. Song những người mà mình không tin chắc thì họ lại cứ phải tìm cách làm yên lòng mình và làm yên chính họ Để cho nhau thấy những bằng-cớ của tình-bạn của họ, họ đem cộng cho nhau tất-cả những dấu-hiệu của tình-bạn và cứ thêm mãi những dấu-hiệu ấy vào.

« Không ! mình có không chú-ý đến bạn mình đâu ! đâu có !. . . Lúc nào mình cũng ân-cần. . . Mình hay đem quà cho bạn mình luôn. . . Mình mới đan cho bạn mình một cái khăn quàng đẹp. . . ngày hôm qua, mình phải bỏ bài của mình để giúp bạn mình dịch một bài tiếng Anh. . . Mình làm tất-cả mọi sự gì mình có-thể làm. . . tất-cả sự gì bạn mình muốn và hơn thế nữa. Thế là mình yêu bạn mình chứ gì ».

Nhưng thưa chị, bài tính có đúng và bắt-buộc mọi người phải công-nhận đến đâu cũng vẫn sai. Sai vì thiếu một sự hết sức nhỏ, song hết sức cần, là cái sự bí-ẩn của trái tim, không tên, mà cũng không mang số và không ai có-thể bắt-ép phải kê vào trong số tổng-cộng các vật cho khác được.

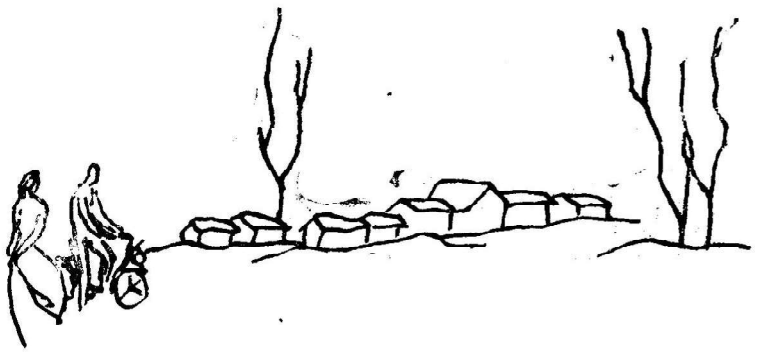

Và người đọc bản tính cộng có cố hết sức tìm cho ra đủ số của mình thì cũng không thể nhầm được. Vì tất cả đều thiếu.

Em biết rõ, chị Hoa ạ, tất-cả những gì Trang cho em, em biết rõ-ràng Trang đối với em tốt hơn hết tất-cả mọi người khác. Em luôn-luôn cảm-ơn trong thâm-tâm em... Trang, người bạn hiền, người bạn yêu của em... Song em cứ thấy mình đau-khổ, về một bản tính trừ đau-đớn, nó lấy đi mỗi phút mỗi lúc một nhiều hơn, điều mà em cần trên hết mọi sự.

Khi trở lại trường học, sau lễ Phục-Sinh, chúng-em trông thấy xuất-hiện một bộ mặt mới : Loan, cô Loan, cô Giám-thị Nội-trú mới vừa ở Bắc vào Nam.

Cô ta còn trẻ, dáng người hơi cứng, nghiêm-trang đến tận trong đáy mắt, giọng nói ngắn-ngắn, cặp mắt nhìn nghiêm-nghị. Tất-cả chúng-em ai cũng phải tránh cô ấy.

Tất-cả, trừ Trang.

Ngay khi Loan mới đến, là Trang yêu-mến Loan ngay, và thích Loan hơn tất-cả mọi người khác. Trang vốn đã sẵn là bà con trong họ với Loan. Hai người suýt-soát bằng tuổi nhau. Đến cuối năm thi đỗ xong, Trang lại sẽ cũng là giám-thị như Loan.

Bây-giờ thì ngày nào cũng như ngày nào, khi đến trường học buổi chiều, là em cũng trông thấy từ đằng xa cô Loan ngồi trước cửa phòng học và Trang bên cạnh cô ta.

Ngay khi trông thấy em, là Trang vội đứng ngay dậy và chạy lại với em. Nhưng có ai đến họp bạn với em đâu ? Không một ai... gần không một ai, chỉ một phần nhỏ xíu của Trang, và một phần nhỉnh hơn một chút các bạn khác của em. Trang và em gần như không còn gì nhiều đẹp đẽ và bí-mật để kể cho nhau nghe từ khi Trang thích nói chuyện với Loan hơn, thích đọc những sách của Loan, thích đưa cho Loan xem quyển vở Trang ghi-chép những tư-tưởng hay... Em không còn biết làm gì với những kho-tàng mà em cất đi dành cho Trang nữa. Em không còn gì để cho Trang hết.

Có-lẽ Trang cũng yêu em ? Cũng... thế nào là cũng ?... Cũng là thêm vào, thêm một chút thừa. Em là thế nào mà bằng lòng với cũng được ? Cảm thấy mình bị thiệt thòi, em thôi không nói gì nữa. Từ ngày Trang thốt lên tiếng thất-thanh thì em không còn chịu-đựng nổi vẻ mặt ngạc-nhiên ngỡ-ngàng và đau-khổ của Trang, nhưng ở bên trong tâm-hồn em có một ngọn nước âm-ỉ, cay-đắng còn hơn nước mắt, sẵn-sàng trào ra nhân bất-cứ một dịp nào.

Chỉ một tiếng cũng là đủ. Trong lớp học, em thấy nó ở bất-cứ trang bài giảng nào. Hoặc là khi phải định-nghĩa thế nào là lòng chân-thật, thế nào là sự thật, là giả-dối, là trang-nguỵ, là vờ-vĩnh hoặc là khi phải phân-biệt người đang yêu với cái đáng-yêu, người ngay-thẳng với người khôn-khéo, cái thực với cái giả, tất-cả đối với em đều có-thể là duyên-cớ để em nguyền-rủa những sự dối-trá trong tâm-tình.

Sự tình-cờ làm, trong kỳ tam-cá-nguyệt ấy, chúng-em phải học «Kẻ Ghét Đời» (1) mà tư-tưởng ám-ảnh em từ tháng một vừa qua.

« Tôi muốn người ta đừng lẩn tôi và để nói thẳng cho ông nghe ! Tôi chán-ngán nhân-tình thế-thái lắm rồi » (2).

Em lấy roi quất vào Philinte những ngọn đòn ác-độc, em không để cho hắn ta còn có một cử-chỉ nào là một cử-chỉ ngay-thẳng hết. Nhưng, Philinte chỉ là Philinte. Và chính Trang mới thật là người nhận hết tất-cả các lời ăn tiếng nói cay-nghiệt của em, và một-đôi-khi em thấy Trang thay-đổi hẳn vẻ mặt. Em đã làm thương-tổn Trang nhiều. Bà giáo phải nói với em :

« Mến, em đừng nói quá !

Có gì là tuyệt-đối đâu, em phải biết-điều một chút mới được. Tại sao trong tình-bạn lại không có sự chia-sẻ được ? ở đời tất-cả đều là chia-sẻ. Ai không biết chia-sẻ sẽ mất hết ».

Nếu thực như thế, thì đúng là em sinh ra để mất hết ! ..

Một hôm em đem đến lớp một bản văn kinh-khủng để chứng-minh cho quan-điểm của em làm cho cả lớp và đến chính bà giáo đều phải sửng-sốt ngạc-nhiên : bản văn của Napoléon mà em đã lục-lọi tìm ra được trong cuốn « Ký-ức tại hoang-đảo Sainte-Hélène ».

« Bertrand bỏ tôi, tôi bấu-víu vào chú như con tôi, bởi vì tôi tin rằng chú chỉ yêu-quý một mình tôi thôi. Vì nếu chú yêu-quý một người khác ngoài tôi ra, thì tức là chú không yêu tôi. Tôi không tin rằng bản-chất chúng-ta lại cứ bắt chúng-ta yêu mà lại phải đem chia-sẻ. Trong các tình-yêu, bao-giờ cũng có một thứ mạnh-mẽ hơn hết. Tôi muốn

---

(1) « Le Misanthrope » (2) J'aime qu'on me distingue et pour vous parler net, L'ami du genre humain n'est pas du tout mon fait ».

người tôi yêu và được hân-hạnh tôi đặt lòng tin-cậy của tôi, phải yêu tôi hơn tất-cả mọi người và mọi sự khác. Tôi không muốn có sự chia-xẻ ».

Napoléon !

Trang, từ thuở nhỏ, vẫn tôn-sùng Napoléon : khi mới lên mười, còn ở nhà với cha mẹ, Trang thường hay đi ngủ sớm mỗi tối để có-thể nghĩ tới Napoléon ở trong giường. Tại Fontainebleau, nhân buổi đi chơi của toàn trường, Trang đã khóc và nhặt một hòn sỏi nhỏ trong sân « Vĩnh-biệt ». Trang chép lại vào quyển vở to các bài ca-ngợi Napoléon.

« Bao-giờ cũng Napoléon, Napoléon ở mọi chốn, mọi nơi !...»

Thế mà bây-giờ em lại đem Napoléon đến giữa Trang và em, để bênh-vực em chống lại Trang.

Em nhìn Trang. Em thấy hai mí mắt của Trang chớp-chớp, Trang hình như muốn trả-lời em, nhưng buồn-bã, Trang lại không nói gì.

Em đáng-ghét quá, chị Hoa ơi, chị đừng bênh em ! Em thực đáng ghét !

Đến đây là câu chuyện thực của em bắt-đầu. Tất-cả những điều em vừa nói với chị chỉ là để chị trông thấy rõ em xấu đến mực nào. Nếu em không xấu, thì đã không có phép-lạ hiện ra chị ạ. Phép-lạ đến với em vào dịp lễ *Pentecôte*. Trước ngày lễ năm ấy mặt trời thực xán-lạn huy-hoàng, tiết-trời thực nóng, bầu trời thực xanh, có những áng mây dữ-tợn lầm-lũi muốn dâng lên.

Chúng-em ngồi trong sân trường, quây tròn lấy bà giáo, để dự một trong những buổi học nhẹ-nhàng và vui-thích giáp-hè. Trang đến sau những người khác. Trang có xanh không, em cũng không biết nữa, nhưng em cảm thấy chắc-chắn có một sự nguy-hiểm đang lởn-vởn quanh Trang. Em nói với Trang :

« Trang ốm đấy, Trang ạ.

— Không ! Trang chỉ nhức đầu một tí thôi. »

Em nhấn lại :

« Trang ốm thực, ốm hơn là Trang có vẻ đấy. »

Trang cười vào mũi em, nói :

« Mến điên đấy à ! »

Sáng hôm ấy hai mắt Trang khác hẳn mọi khi, chưa bao-giờ em trông thấy mắt Trang như thế, cặp mắt không cười, rất rộng, rất xâu rất tư-lự.

Đến trưa, em gặp Trang lại, trước khi khởi-hành ? Tất-cả khu nội-trú đều nhộn-nhịp. Hòm rương chồng-chất trong nhà người gác cổng. Tiếng sấm, không xa, rền gầm.

Em đã từ-biệt Trang và đi ra phía cổng qua hành-lang bên ngoại-trú — không bao-giờ em quên được nơi ấy và giờ phút ấy — Trang đến đón chặn em ở trong hành-lang.

« Mến, trước khi đi, Trang có điều muốn nói với Mến.

Trang muốn nói với Mến sự thật. »

Sự thật.. người em run lên.. cơn giông tiến gần lại chúng-em. Tiếng sấm gầm vang, ở ngay cạnh.

« Mến, thật ra Trang yêu Mến lắm. Thế là nhiều lắm, Mến ạ. Song còn điều này nữa. Nếu Trang yêu một người khác hơn Mến, thì Trang cũng không biết làm thế nào khác. Chiều nay Trang muốn giảng cho Mến hiểu... Bị coi là nói dối, nói điêu, dù Mến có không nói ra chăng nữa, Trang cũng không chịu nổi. Trang không nói dối, Mến ạ ; Mến không công-bình đối với Trang. Trang chỉ cố thu-xếp mọi sự để không làm Mến buồn quá, thế thôi. Nhưng thu xếp hay dàn-xếp mọi sự, với Mến, thì không bao giờ được. Mến trông rõ quá, Mến trách Trang làm Trang rất buồn. Như vậy, thà nhận tất-cả với Mến còn hơn : Trang không yêu Mến như ý Mến muốn, Trang không yêu Mến trên hết mọi sự. Đấy, tất-cả sự thật là thế.»

Sự thật !

Một luồng gió lớn phũ-phàng và trong-sạch tẩy-rửa tâm-hồn em. Cánh cửa sổ tàn-nhẫn, mở toang vào trong căn phòng ô-uế. Em bỗng cảm thấy trong người nhẹ như được giải-thoát, lồng phổi như cất đi được một gánh nặng ép-chĩu, đến nỗi em không nghĩ được ngay đến sự vừa rứt-rời khỏi em.

« Mến cám-ơn Trang. Trang thực tốt và thực can-đảm. Mến cám-ơn Trang với tất-cả tâm-hồn Mến ».

Trang ! Lần đầu-tiên, em trông thấy Trang đến tận tâm-can của Trang, như từ trước đến bây-giờ chưa-bao-giờ em trông thấy như thế. Em hiểu-biết Trang, không phải Trang bạn thân của em, nhưng hơn thế, Trang rõ thật là Trang !

Tiếng sét bùng nổ. Chúng-em phải vội-vã ra về.

« Vĩnh-biệt Trang nhé. Chúc Trang nghỉ hè cho vui !. . . »

Rồi em lại trở bước lại :

« Trang giữ-gìn sức khỏe, Trang ốm đấy. »

Mưa bắt đầu rơi. Em không về nhà ngay. Nhà em ở xa. Em đến thẳng nhà thờ để xưng tội, sửa-soạn rước lễ Pentecôte. Em đến nơi thì vừa-vặn mưa đổ xuống như trút. Tiếng sấm gầm, dữ-dội, dưới những vòm trần cong của nhà thờ. Trước tòa giải-tội nhiều người đang chờ-đợi.

Em đặt chiếc cặp xuống trước mặt và lắng mình, em khảo-xét lương-tâm em để tìm cho ra những tội-lỗi của em. Trước hết, những tội thường, cứ tự-nhiên cũng nhớ ra được, với tên và số-lượng của chúng. Nhưng, ở trong một nỗi-niềm hoang-mang rộng-lớn, tội nào là tội ác-độc nhất mà em đang thấy mình mặc-cảm ? Em đã làm Trang đau-khổ, Trang mà em yêu-dấu ! Em làm thế nào để mà định-nghĩa cái tội ấy được để lên án nó trong lát

nữa ? Em cố thử nhìn nó, song em không làm sao tìm cho nó có một tên tội-lỗi nào.

Em hỏi lần-lượt đến bảy tội trong sách bổn.

Em không thể gán cho tội của em là kiêu-ngạo, là xa-hoa, là lười-biếng được. Cũng không phải là giận-dữ. Trừ một lần — đã xa lắm rồi — em đau-khổ mà không tức-giận.

Hay là biển-lận ? Có-lẽ là biển-lận. Phải chăng em đã có ý muốn giữ dịt lấy một mình trái tim Trang làm của riêng, không nhường cho ai một phần nào ? Nhưng một trái tim — một linh hồn — không phải là một thứ « sở-hữu » tồi-tàn « của thế-gian », cấm không được ham-thích nhiều quá, mà có-lẽ là một ơn-huệ trời cho. Như thế, phải chăng tội của em là tội biển-lận ?. . .

Hay là đố-kỵ ? Hay là em ghen ?

Ghen với Loan ? Loan ! em không có ý làm hại Loan. May ra thì một-đôi-khi em mới thoáng nghĩ đến Loan. Nhưng hại thay, Loan lại là người kia. Loan đứng chặn ở đó, để cho Loan đi khuất mắt, em có-thể cho hết máu-huyết của em, nhưng Loan lại ở lại đó. Tại sao Loan lại từ miền Bắc xa-xôi đến để lấy bạn thân của em đi ? Loan không có lỗi gì. Không, em không hờn-oán gì Loan cả.

Nhưng em đau-đớn quá, em quá điên-cuồng vì sự đau-đớn không tốt của em ; và có-lẽ vì quá đau-đớn nên em lầm-lỗi « lỗi-lầm rất to-lớn của em ». Chị Hoa ! em không còn trông thấy gì nữa ! nhưng em sẽ hỏi Linh-Mục và cha sẽ cho em biết em đã phạm trọng-tội nào.

Em tự-kết-mình vào tội gần như là « ghen, quá ghen và đau-khổ quá-đáng vì ghen. . . tuy không có ý-định làm hại ai. Quá đau-khổ, phải chăng là một tội, thưa cha ? . . .

Tiếng sét, đánh sẹt, cắt ngang lời nói của em. Sau đó, một sự yên-lặng ngắn. Rồi cha lên tiếng :

« Vậy, rồi sao nữa, con ? »

Em rời khỏi tòa giải-tội với cái tội không-tên của em, được tha-thứ lẫn trong những tội khác, nhưng không được nhận-thực, không được chữa-khỏi.

« Đi đi con, cha đã nói với em ; để chuộc tội, con hãy đọc kinh *Veni, Creator.* »

« Xin Thánh-Linh, hãy đến cùng con... » Thánh-Linh, một Chúa Trời cao-cả quá đối với em, một Chúa quá Thánh-thiện...một Chúa để cho các Thánh và các Giáo-Hoàng, xa-vời quá — Chúa vô-hình — đối với con bé nhỏ đang cầu-nguyện. Nhưng chiều hôm ấy, em hoang-mang, tâm-hồn mê-lạc quá-đỗi nên em kêu-gọi hết-sức Thánh-Linh đến trợ-cứu em :

« Chúa là nguồn an-ủi... xin Chúa soi-sáng cho con... xin Chúa sửa-đổi kẻ thù đi cho con... »

Câu-chuyện xong, em lặng-im. Bên ngoài, mưa mau quá, đập rồn-rập vào các cửa kính làm em không thể ra về được.

Em ngồi nguyên, yên-lặng. Em nghĩ tới Trang. Thế là, ở trong em, như có ai nói về Trang với em như nhập làm một với em :

« Mến yêu Trang. Mến đã làm thương-tổn Trang. Như thế không tốt. Khi người-ta yêu thì người-ta không làm thương-tổn người mình yêu.

— Mến đau-đớn quá, Mến không biết...

— Mến tìm hạnh-phúc của Mến ở Trang. Nhưng còn hạnh-phúc của Trang, hạnh-phúc của Trang ở đâu ! Nếu hạnh-phúc của Trang ở trong một người khác không phải là Mến, một người khác tốt hơn Mến, thì Trang có không được có quyền đi theo trái tim Trang, vì Mến, không ? Mến hãy nhớ lời kinh-bổn : « Yêu » có nghĩa là mang lại cho người mình yêu tất-cả những điều tốt-lành y như cho chính mình vậy ».

— Nhưng, những điều tốt-lành, Trang đều có tất-cả rồi. Các bạn Trang cũng có tất-cả. Còn Mến, Mến không có một ai. Mến chỉ có một mình Trang— Mến không thể nào rời Trang ra được. Mến cần có Trang ! Mến cần Trang !

— Mến cần có Trang, nhưng Trang cần người khác. Trang cần một người không phải là Mến.

— Lạy Chúa, xin Chúa thương-xót lấy con. Xin Chúa hãy thay-đổi tim Trang.

— Mến hãy thay-đổi lòng Mến đi.

— Mến không thể thay-đổi lòng Mến được. Mến yêu Trang.

— Mến hãy yêu Trang hơn nữa. Mến yêu Trang, nhưng yêu một tình-yêu không công-bình, muốn giữ lấy tất cả cho Mến, muốn được tất-cả, mà không nhường một tí gì cho ai. Mến yêu Trang, nhưng yêu bằng một tình-yêu tàn-nhẫn. Mến hãy nhìn Trang, nhìn Trang của Mến, nhìn Trang khốn-khổ của Mến hiền-hậu như thế. Trang trước kia tươi-cười sung-sướng như thế, mà bây giờ, Mến làm cho Trang buồn-thảm như vậy. Mến là người bạn không tốt !»

Em oà lên khóc. Trang ! Trang yêu-dấu của em !...

Trang đau-khổ vì em.. Một đợt sóng yêu-thương ân-hận rào-rạt làm chìm-ngập tất-cả.

— « Mến khóc đi. Mến sẽ khóc nhiều. Cũng không sao ! Chỉ nguyên có một điều là cần-thiết : là Trang cần được sung-sướng.

— Bây giờ làm sao, làm sao, thưa Chúa ?

— Yêu, yêu rất khó. Yêu không phải là hạnh phúc. Yêu không phải là một sự trao-đổi để mỗi người dành-đật lấy phần của mình. Yêu, là cho đi tất-cả, tất-cả những gì mình có ! và là mất đi tất-cả những gì mình đã cho.

— Trời ! Làm thế nào mà con chịu thế được ?

— Mến hãy nhận lấy con đường đi ngày hôm-nay.Con đường sẽ dẫn-dắt Mến.Mến hãy yêu mà đừng sợ đau-khổ vì yêu. Tình-yêu mạnh hơn đau-khổ... »

Cơn mưa đã dứt. Em ngẩng đầu nhìn lên. Em vừa nhận được ơn Trên về ngày lễ *Pentecôte*. Em

vừa nhận được từ Đấng Thánh-Linh bài học thương yêu đầu-tiên của em.

Ngoài trời và trong lòng em, một sự êm-ả vô-bờ.

* *

Trong những ngày sau, em sửa-soạn những lời em sẽ nói với Trang, để tặng cho Trang sự hy-sinh của em khi nhập trường lại, ngày thứ-tư lễ *Pentecôte*. Và có-lẽ em sẽ nói thêm nhiều câu nữa khi tim em hồi-hộp đập nhanh. Em sẽ nói rất giản-dị, rất ngắn : « Trang đã cho Mến biết sự thật. Mến không cần biết gì hơn thêm nữa. Trang đừng băn-khoăn về Mến nữa nhé. Trang cứ yêu Mến được đến đâu hay đến đấy. Nếu Trang yêu Mến ít hơn, thì là ít. Về sự ít-oi ấy, Mến xin cám-ơn Trang »

Em nhắc thầm mấy câu trên và đồng-thời cầu-nguyện khi em đến trường, ngày thứ-tư mùa hè đẹp trời ấy ! Nhưng Trang không có đấy !

« Trang không trở lại trường ! » Hương-Bé nói lớn vào tai em. Bà đốc đi ngang qua vừa lúc dưới hành-lang. Bà đứng lại gần em :

« Mến, Trang đau nặng lắm, Trang bị lên sởi nặng. Có-lẽ vì Trang lo học thi nhiều quá hay Trang có điều gì phiền-muộn. Trang mê-sảng nhiều. Bác-sĩ sợ biến-chứng vào óc ».

Một tia sáng bén-nhọn, kinh-khủng sét ngang em :

« Mình giết Trang rồi !...»

Thế là vô-ích, sự hy-sinh của em. Vô-ích, sự ân-hận của em. Điều xấu thâm-xâu em đã làm, bây-giờ em không còn gỡ lại được nữa. Vì trễ quá rồi ! Thế là Trang sắp chết rồi.

Khi ấy, để đẹp cơn thịnh-nộ của Trời đã trừng-phạt em qua Trang, để Chúa chứng-kiến sự khước-bỏ của tim em, em muốn dâng Chúa một dấu-hiệu, một dấu hiệu thật, một dấu-hiệu thiêng-liêng, một trong những dấu-hiệu ràng-buộc người-ta cho đến chết như chiếc nhẫn vàng của cô dâu ngày cưới.

Và em đi hái bông Hồng Đỏ.

Em trông thấy lại trong ký-ức em màn trời xanh của buổi trưa hè năm ấy, một màu xanh mênh-mang nóng-hổi, huy-hoàng. Khi em đến trường, trong ánh nắng của sân chơi, các bạn em cũng vừa đến, ai nấy tay đều cầm một bó hoa — nào là cẩm-chướng, nào là hồng mẫu-đơn, hoa lan — đem tặng cho các bà giáo mà họ yêu-quí nhất.

Từ trước đến giờ, em chưa-bao-giờ mang hoa tặng ai hết. Ngày hôm ấy, em cầm bông Hồng của em trong tay, một bông Hồng đỏ thắm nặng chĩu, với một nụ con xinh ở cạnh.

Nghiêm-trọng, em đi ngang qua sân trường, với bông Hồng của em. Cô Loan, đứng trước cửa phòng học, đang đợi chuông vào học điểm giờ. Em đưa bông Hồng cho cô ta :

« Thưa cô, xin biếu cô.

— Ồ ! chị Mến, chị tử-tế quá ! »

Tử-tế ! còn hơn là tử-tế nhiều ! Loan không biết em là gì hết. Loan không biết món quà em biếu Loan, Trang của em.

« Đây, xin biếu cô Trang của tôi. Tôi không còn gì nữa hết ».

Em nói thế nhưng không thốt lên một lời nào. Em không nói để Loan nghe, em nói ở bên trong em với Đấng Cao-Cả của ngày lễ *Pentecôte*, là người đã ghi-nhận dấu-hiệu của em.

Giây-phút ấy là giây phút thiêng-liêng — như một lời ước-nguyện nhưng bỗng-nhiên tim em nứt-rạn ra như sắp tan-vỡ, làm em muốn ôm mặt khóc òa. Em bỏ mặc Loan với bông Hồng, vội chạy trốn...

Tất-cả mọi sự, thế là xong.

Khi Trang trở lại trường, khỏi bệnh, vào cuối tháng sáu, em không giảng-giải gì cho Trang nghe, cũng không nói với Trang về Bông Hồng. Thế rồi, tất-cả mọi sự lại như trước, sự gặp-gỡ của chúng em dưới hành-lang, cử-chỉ duyên-dáng, những lời nói đáng-yêu của Trang và những lời nói của em cố hết-sức cho có vẻ tốt-hiền.

Trang không còn sợ em nữa. Trang đã cho em biết sự thật, và em đã được sự gì em cần được. Tất cả đều rõ-ràng, tất cả đều giản-dị, em được mãn-nguyện, tất cả đều bình-thản.

Trang hãy còn xanh lắm, người hãy còn mảnh dẻ, và Loan chăm-chút Trang hết-sức. Cơn bệnh của Trang đã ràng-buộc hai người bằng một sợi giây mỗi ngày mỗi thân mật hơn. Họ đối với nhau có những cử-chỉ như kim châm vào tim em, song Trang không còn bận tâm đến điều ấy nữa. Nếu trong những ngày ấy, có người đem mở ngực em ra, thì có lẽ họ sẽ thấy được tim em bị những mũi tên xuyên nát như hình-ảnh thánh Sébastien trong các nhà thờ.

Hơn thế, bây giờ Trang không ngần-ngại đem chuyện của Loan ra nói với em. Dần-dần em trở thành người bạn nhỏ để cho Trang kể-lể tâm-tình. Trang nói cho em nghe hết tất cả những sự vui-buồn của họ, nhưng một-đôi khi, cảm thấy Trang quá yêu-thương người ấy, một tiếng kêu lớn thầm-lặng nghẹn-ngào trong miệng em. Em vội mỉm cười để cho tiếng kêu ấy không thoát ra ngoài được. Có gì đâu chị Hoa ! chẳng qua chỉ là một nụ cười mong manh khốn-khổ nở đấy mà héo ngay đấy, run-rẩy ở góc miệng em như sắp khóc... nhưng khóc không được.

Thế rồi, vì tình-thế bắt-buộc, em cứ tiếp-tục cười mà không biết và nụ cười cũng quen ở lại với em, che-phủ hết sự buồn phiền này đến sự buồn-phiền khác của đời em... Không ! không ! chị Hoa ạ, không phải là em thánh-thiện gì, không !

không ! không bao giờ em lại chừa, thôi không đau khổ nữa. Nhưng đau-khổ đâu có cấm mỉm cười.

Sau hè, vào tháng mười, Trang được bổ-nhiệm làm giám-học. Phòng Trang, trong khu nội-trú, ở cạnh phòng của Loan. Em thường đến thăm Trang. Bây giờ trong gia-đình em, em chỉ còn là một cô gái kén chồng vô-vọng. Em đem hoa, tranh-ảnh, một đôi khi một bình hoa nhũn-nhặn để tô-điểm cho căn phòng quá trơ-trọi ấy. Trang, rất tử-tế, mời em :

« Thứ-tư, Trang không mắc bận gì, Mến đến uống trà với Trang và Loan. »

Với Loan. Em cũng đến y hẹn.

« Loan, đưa cho Trang mượn cái thìa... Loan, Loan để đường ở đâu rồi ?... »

Trang và Loan sống chung với nhau mật-thiết như hai chị em. Họ thật sung-sướng. Em thì không.

Tại sao hai người ấy lại hòa-hợp với nhau đến thế, còn em tại sao em lại chỉ là cái người thứ ba thừa-thãi, không được đếm-sỉa tới ? Em cũng muốn hiểu tại sao lại thế.

Đúng ra thì Loan cũng tốt, cũng dễ chịu chứ không như người ta tưởng. Với bộ mặt sáng-sủa mặc-dầu có những chấm tàn nhang, cử-chỉ Loan đàng-hoàng, giọng nói mạch-lạc không để mất đi một tiếng nào. Loan biết nhiều thứ lắm. Nhưng còn có gì thêm nữa chứ ?...

Hơn ai hết, em biết em không có chút duyên-dáng nào. Nhưng Loan có duyên-dáng gì không ? Em không thấy. A ! Tại sao thế, Trang, tại sao thế ? Nhưng ai mà biết được đường tâm-tình đi qua những đâu ?

Một hôm, em thấy Trang khóc sướt-mướt. Loan sẽ trở về Bắc ngày mai, vì được bổ-nhiệm làm cô giáo tại X...

Tội-nghiệp Trang quá !

Em cố an-ủi Trang :

« Rồi Trang sẽ lại ở gần Loan. Dễ lắm mà. Trang chỉ việc nộp đơn cùng xin một chỗ ở trường Loan giạy.

— Được thế nào được. Loan bây-giờ là cô giáo rồi. Trang chỉ là giám-học, còn chưa được là giám-học thực-thụ nữa, mới coi nội-trú. Giám-học nội-trú thì có bao-giờ được ra ngoài địa-hạt của Học-viện.

— Trước sau gì rồi thì Trang cũng phải ra ngoài Học-Viện, chứ đâu có ở đây mãi được. Rồi thì Trang cũng sẽ là cô giáo. Trang có quen biết ai có-thể giúp-đỡ Trang được không ? ».

Thế là em bỗng khám-phá ra các đường lối thông-thường của thế-gian này.

Trang vững bụng lại :

« Ông nói Trang có quen một ông Dân-biểu.

— Thế còn đợi gì nữa ? Trang xin đổi đi. Viết thư ngay cho Ông Trang đi. Nhờ ông Dân-biểu ấy đi. »

Trang làm như lời em bảo !

Còn em, trong đầu-óc cô-đơn của em, em cố tìm cho Trang một con đường giúp Trang qua mọi trở-ngại để đưa Trang đến gần Loan.

Biết làm sao bây-giờ ?

Trong gia-đình em không có ai làm trong ngành giáo-huấn, trừ một người anh họ xa, năm-thì mười-họa mới đến thăm ba me em. Cũng vừa lúc ấy thì anh ta đến. Em dò-hỏi anh ta. May quá, đúng trong khu Học-Viện của Loan, anh ta có một người bạn đồng-nghiệp làm Chủ-sự biết và chỉ-dẫn cho Trang đường-lối phải theo.

Tất-cả mọi sự đều tùy-thuộc Ông Viện-Trưởng Y... Ông Viện-Trưởng ấy là rể một bác-học danh-tiếng. Nếu nhờ được nhà bác-học ấy giúp thì chắc-chắn là sẽ được.

Nhưng ai là người có-thể đi nhờ nhà bác-học ấy được. Em không thấy có ai.

Chị hỏi tên Ông ta là gì, chị Hoa ?... Xin chị đừng tò-mò. Tên ông ta, em sẽ không cho chị biết đâu, cũng như em sẽ không cho chị biết tên các nhân-vật khác trong chuyện. Họ tiếng-tăm lớn quá, em không dám để họ lẫn như bất-cứ ai vào trong câu chuyện nhỏ-bé tầm-thường của nữ-sinh.

Như vậy là nhà bác-học ấy..., là một người mà bà nội em rất ghét. Bà nội em có đọc trong một tờ báo của nhà chung xuất-bản thấy nói ông ta về hùa với những kẻ ngoại-đạo ăn thịt ngày Thứ-Sáu Thảnh... Ông ta còn xa gia-đình em hơn là ông Vua Tàu !

Bà em, một hôm chợt nhớ lại :

« Trước kia, ông ta thân với bác P... hàng-xóm nhà mình lắm.

Nhưng bác P... gái bây-giờ đã lớn tuổi. Một bà lớn xa-lạ sống giữa Đô-Thành.

Một buổi sáng tháng năm, em đến gõ cửa nhà bà ta. Em không hiểu làm sao mà em lại trở nên táo-bạo đến thế, vì khi ở nhà thờ thì ở em sợ hãi không dám đi ngang qua Minh-Thánh sợ nhỡ gặp Cha thì không biết ăn nói làm sao, hay khi đi qua trước cửa nhà những người lạ là em chỉ muốn ba chân bốn cẳng chạy vụt đi cho mau, mà bây giờ em lại dám gõ cửa một nhà kinh-khủng nhất trong một khu sang-trọng nhất.

Em tự giới-thiệu bằng một tấm thiếp của ba em, trong đó ba em tự cho phép nhắc lại những giây liên-lạc cũ bằng những lời lẽ trân-trọng, để giới thiệu với bà chủ nhà quý-phái một con bé nhỏ đi chạy chọt là em. Sự thực thì ba em cũng ngạc-nhiên về sự cầu cạnh của em.

Bà P... quả thực là một bà lớn, rất có duyên và rất đẹp. Khi em vào, thì bà ta đang nói chuyện

với một bà khác cũng đã lớn tuổi, mái tóc hoa râm, đầu chít khăn nhung đen, trông cũng có vẻ hiền-hậu như bà.

Hai bà nội. Họ đang đem chuyện các cháu của họ ra kể cho nhau nghe. Một sự êm-ả, một không-khí thanh-nhàn ấm-áp xâm-nhập vào em đột-ngột khi em đến gần họ. Em bắt đầu trình bày lý-do sự của em một cách ngập-ngừng. Thực là lạ, khi đi xin một chân giảy học ở X... thì em lúng-ba lúng búng không nói được cho gẫy-gọn với Ông Chủ-Sự ngồi sau bàn giấy, nhưng đến khi phải giải-bày cho bà mệnh-phụ này nghe về trường-hợp của Trang và Loan, thì em lại lưu-loát thao-thao bất-tuyệt... Lẽ dĩ-nhiên là em không đả-động một tí gì đến em. Em đang làm một việc chống lại chính em. Nhưng em cũng không nghĩ tới nữa.

« Trời ! thực tiếc quá ! bà P... phải kêu lên, tại sao cháu không đến sớm hơn ! bà vừa mới ra là bà M... đấy. Phải chi cháu có dịp nói thẳng với bà ấy!»

Bà vợ nhà bác-học! nhạc-mẫu ông Viện-Trưởng!

Thực em may-mắn có một không hai rơi vào đúng tổ con chuồn-chuồn !

« Được, cháu cứ để bác thu-xếp cho, bà P... nói với em. Ngay ngày mai, bác sẽ nói với bà M... bác sẽ hết sức giúp cháu. Bác cũng muốn làm vui lòng ba cháu, ba cháu có bao giờ nhờ bác giúp việc gì đâu ! »

Các đức-tính của gia-đình đến cứu-viện em và nâng-đỡ em hết sức.

Ba em thấy sự tiếp đãi ân-cần của bà P... đối với em là một sự tự-nhiên, nhưng ba em khuyên em đừng lạc-quan quá. Một nhà bác-học và một ông con rể xá gì đến ý-muốn của một đứa con gái như chúng em ?

Vài tuần sau, khi em đến trường, chính bà Đốc báo tin cho em biết :

« Trang được bổ đi X... chị ấy thực là may. »

Trang sướng đến nhớn người thêm.

« Ông Trang đã cám ơn ông Dân-biểu. »

Em vui-thích trông thấy Trang sung-sướng. Em cũng buồn nữa, vì thấy Trang đã quay hẳn về tương-lai, ra đi tìm hạnh-phúc không đoái-hoài đến những gì Trang bỏ lại phía sau. Trang đã quên em cũng như Trang đã quên em ngày dạ-hội.

« Mến sẽ đến thăm Trang nhé !

— Chắc-chắn rồi ! »

Chúng em nói với nhau toàn những lời là lời...

Nhưng khi Trang đã đi khuất, khi em không gì để làm nữa, khi chuyến tàu đưa Trang đã xa hẳn, và em trở lại con đường mênh-mang trống-rỗng, thì em nhận ra điều em đã làm và em biết em sẽ mãi-mãi cô-độc—em muốn nói là sẽ không bao giờ em còn có Trang ở bên em nữa.

Không có Trang. Nhưng trong nỗi đau-đớn của em, một sự êm-ả từ trên trời tỏa xuống ôm-ấp lấy em, sự êm-ả mùa lễ Thánh-Linh giáng-lâm. Và em nói :

« Yêu, phải chăng là thế ?

— Yêu đúng là thế ! » sự êm-ả trả-lời em.

***

Đấy, câu chuyện chỉ có bấy nhiêu, chị Hoa ạ. Em không còn gì để nói thêm nữa hết.

Về sau, Trang và em, chúng em chỉ còn là những người tẻ-chán như tất cả mọi người khác.

Trang theo đuổi nghề giảy học gần không rời Loan ra đến một bước. Trang chết trẻ trong một tỉnh Trang ghé ngang qua. Loan lúc ấy ở xa. Em cũng vậy. Em hay tin Trang đau bệnh, em đi tàu đến nơi thì vừa lúc.

«Mến đến đây làm gì ? » Trang hỏi em. Có lẽ Trang hy-vọng gặp một bộ mặt khác.

Khi ấy, lần đầu tiên, em là người bạn thân độc nhất của Trang. Em ở liền cạnh Trang cho đến khi Trang chết, cho đến phút chót, em đã ru Trang... cho đến phút chót... Em mệt quá ! chị Hoa...

Kiệt sức, Mến im bặt. Đầu Mến ngả xuống gối. Phải, Mến mệt hết sức rồi. Mồ-hôi vã ướt trán Mến, lấm-tấm như những giọt sương sa. Mến thu mình cho thật bé lại, kiệt quệ, như chiếc đèn dầu đã cháy đến giọt cuối cùng.

Mến nói thêm trong một hơi thở nhẹ :

« Chị có bao giờ yêu chưa, chị Hoa ? Chắc là có chứ nhỉ ! Nhưng em muốn nói : Yêu một tình yêu đang-dở ?... Điều em muốn nói với chị ngày hôm nay... để chị sẽ nhắc lại... là khi chị quá đau khổ vì yêu, khi mối tình của chị u-uất bên trong chị không có ngõ thoát... thì chị hãy nhớ, chị Hoa... rằng Thánh Quan-Thầy của những người đang yêu, chính là Đấng Thánh-Linh Mùa Lễ *Pentecôte*. Chị hãy kêu gọi. Đấng Thánh-Linh sẽ đến cứu-trợ chị và dẫn-dắt chị. »

MARIE NOEL

HOÀNG-VŨ dịch

Quiconque souffre cherche à communiquer sa souffrance — soit en maltraitant, soit en provoquant la pitié — afin de la diminuer, et il la diminue vraiment ainsi.

SIMONE WEIL

BÊN NGOÀI BÃO KHỔ

• hải-trang

ĐƯỜNG Saigon hôm nay loang loang dàm ánh nắng, dầu bầu trời mây phủ còn kia, sao anh vẫn thu mình vất vưởng ngồi đó.Ngũ quan mịt mù cách biệt, thế giới bên ngoài, một điều không tưởng. Đằng sau anh những quả đời còn xanh đang thay nhau rụng xuống.

Qua tay anh những đêm dài bay đi trong tiếng đàn nhịp trống, điệu luân-vũ quay cuồng hay điệu Twist dậm dật trong cánh tay những đóa hoa đang rã rượi, mỏi nhừ vì cố đuổi kịp thời trang.

Nhìn anh, bên tháp-ngà mây hồng che bốn phía, tôi tưởng mình đang ở thời thái-bình thịnh-trị. Hình ảnh cụ già tiên phong đạo cốt, rượu thẩm đôi vò, sách vở ngâm nga, dắt tiểu đồng ngao du sơn thủy.

Tôi cố gắng vượt chồng ngại vật, chập chờn làm nhức mỏi những con người nhiều thiện chí nhất — mọc tua tủa quanh anh, bước vào thế giới của anh, tôi thấy gì ?

Anh và tôi, những đứa trẻ sinh ra, ông cha xích xiềng đeo đầy chân, đầy cổ. Những tấm thân gầy cong queo chữ S hai mắt hũng sâu, ruộng đồng úng thủy. Của cải công lao đội nặng trên lưng, vượt đại dương ra đi xây bầu trời đầy âm thanh, hương thơm cho những con người cho ra đời những triết thuyết anh đang ngụp lặn.

Đàm tuổi trời mang trên đôi vai gầy thiếu ăn thiếu mặc, cặp mắt chim non ngơ ngác đứng nhìn những thân hình cong queo chữ S mà đầu đang teo đi, chân lại phình ra, thi nhau ngã xuống. Xích xiềng vẫn trên tay và gông cùm còn đeo trên cổ.



Mía mai không anh, mảnh đất này sống về nông nghiệp, ruộng lúa trồng đay, thóc gạo làm than tàu chạy. Miền này thừa thãi đổ đi, miền kia, những con người thi nhau đi vào lòng đất. Giun dế, cỏ hoang chê thân gầy thiếu đồ bồ dưỡng.

Anh thấy chăng, những tháng ngày chúng mình ba lô trên vai, đem bàn chân bé nhỏ, dải giếp Bình-trị-Thiên kẽo kẹt ngược xuôi khắp nẻo đường khu III, khu IV. Mong muốn đem đôi bàn tay nhỏ nhắn phá gông xiềng bố mẹ đang đeo.

Hình ảnh những người lính Lê-Dương, sứ giả văn minh khai hóa trải đầy những cánh đồng lúa chín, bên ruộng muối, trước cổng chùa, sau ngôi thánh đường. Tất cả : Những người con gái tuổi đời mơn mởn, không hơn tuổi chúng mình hồi đó bao nhiêu, nằm nghiêng vành nón, chết lõa thể bên bờ ruộng, chân co, chân duỗi, mình mẩy không vết đạn. Văn minh dã thú nén chặt trên hình hài bé nhỏ, người con gái thay đất nước chịu cơn mưa sa, bão táp, linh hồn đi về đâu ?

Ôi những triết thuyết cao xa như núi cao, biển rộng và ôi những sự thực !

Những đôi giày đinh mòn vẹt theo bờ sông xuống biển vừa ra đi với nhiều luyến tiếc và hứa hẹn vẫn còn thỉnh thoảng trở lại. Những đôi giày, lại những đôi giây vải đã thay thế vội vàng.

Anh nhỉ, xích xiềng đổi mới và lần này mang màu đỏ thắm thêm chiếc búa nèn lên, Anh cùng tôi, trải những tháng ngày đinh tai nhức óc, mắt mờ đi : những bộ mặt một-nghìn-năm vĩ đại, nói cười ngây ngô bên những quán chợ Rừng Thông, Cầu Bố, Phố Nhồi hay Hòa bình Chợ Đại.

Những con người chữ S, đâu lưng nhau trên một chiến tuyến bây giờ đang hân hoan chôn sống nhau giữa những ngày tưng bừng đại hội.

Anh nhớ chưa, đêm đông rét mướt men theo bờ sông Đáy, nhìn dòng nước mênh mang sóng cả, ngọn đèn đồn quét qua, quét lại. Trong sứ mạng vượt cộng về tề. Chả nghĩa lý gì một hành động trốn chạy, anh đã do dự, nhưng anh nhỉ :

Đôi bờ sông Dịch, người Kinh Kha biết về đâu (*).

Giữa tiếng gió vi vu, sóng nước, rét cóng phủ đầy thân thể anh nghe chăng tiếng thằng Hùng vọp bẻ như từ thế giới bên kia vọng lại. Rồi ánh đèn quét xuống, tiếng quát giật giọng, tiếng súng thì thầm, chúng nó — ba thằng, theo dòng sông tan biến vào biển cả hư vô như có lần thằng Hùng đã nói :

« Giữa xã-hội hôm nay, tao mang mặc cảm như hạt muối trong khối nước mênh mang nhiều bất trắc của Thái-bình-Dương » không phải một mà ba hạt muối mang tên Hùng, Hải, Ngọc theo nhau vào bể cả !

Anh và tôi, hành trang chĩu nặng ưu tư, giá rét. Nhập Tề. Tình hình có sáng sủa gì, nhưng vẫn mong dựng lại với bàn tay khối óc.

Qua vùng Cộng chiếm, những tưởng đưa người thân thuộc ra đi nhưng bấy lâu ngày bao đổi dời như biển dâu, dâu biển. Nhà cửa tan hoang, còn gì chăng ? Dăm vũng nước khét lẹt mùi bom đạn, thịt cháy. Và chúng mình : bơ vơ giữa chợ đời Trắng-Đen, Vàng, Đỏ đang cấu xé bán thịt nhau từ đồng bằng, rừng núi, trung châu ra bờ biển.

Anh nhớ chăng, những tháng ngày bơ vơ, lang thang ảm đạm bên lề phố phường đầy ngựa xe xuôi ngược của ngàn năm văn vật. Chả giải quyết được gì và chúng ta hậm hực vào đây.

Tôi biết anh đau khổ đã nhiều, hy vọng cạn dần trong lớp vỏ tạo thành bởi cặn bã của Sartre, Camus : phi lý và nôn mửa, nhìn cuộc đời từ bầu trời trong khi con người sống trên mặt đất. Nhưng :

Anh ơi, gông cùm còn đó, chúng đã tôi rèn lại, chúng đã vượt vĩ tuyến, vượt biên giới, tìm anh, tìm tôi, tìm những nông dân, phú ông, cả người làm chính trị. Từ thôn quê, bò qua thị trấn, vượt đại dương và lần này cả hai thứ gông cùm cộng lại.

Xá gì thân xác chúng ta, nhưng mẹ cha già nua còn đó, những người yêu bé nhỏ, cặp mắt nai rừng, mái tóc mây bay ngang vai và thân hình liễu rủ mong manh.

Cần cổ già nua, gầy guộc của cha già, hay trắng ngần long lanh màu trinh bạch người yêu, sinh ra đâu để mang xiềng xích mãi. Thân hình liễu rủ chưa phải lúc giun đất chán chê.

Anh thấy nhục chăng, khi giáo lý nhà Phật cao siêu là thế, mà để lật đổ một bạo quyền, những tu gia phải nhập thế. Và anh say tiếng nhạc hôm nay là nhờ máu đào những con người coi đời là sống gửi, chẳng ham mê, không còn lạc thú.

Anh nhớ chăng câu nói ngày nào, đất nước sụt sùi thống khổ :

« Thật là khốn nạn, khi đoàn người đang vất vưởng lê mình trên sa mạc mênh mông cát trắng, hừng hực ánh nắng thiêu đốt, lại có kẻ đứng tắm trước những con mắt lồi ra vì thân thể khô queo, ráo nước ! »

Ngoài lâu đài bằng cát của anh là mênh mông bão táp. Anh ngạc nhiên thấy nước xóa nhòa quyển triết luận anh đang đọc, anh bực dọc thấy cát làm lấm bẩn bộ đạ phục hợp thời trang anh đang mặc giữa muôn ngàn ánh đèn, âm thanh và đóa hoa biết nói.

Bão biển đó anh ạ, hồng thủy đang lên, lâu đài anh đang sụp đổ. Anh hãy bước ra.

HẢI - TRANG

(trong MƯA BAY)

(*) Phạm-dật-Đức

PHƯƠNG - TUẤN

HOANG DẠI



Nàng đi tìm mùa xuân nhưng không thấy, nhưng chỉ thấy nắng hanh trên những hoang-tàn và đổ nát...

CON ĐẠI LỘ chạy quanh ven biển mất hút sau rặng núi xa. Những ngọn dừa xanh gió đánh bạc đầu ngoảnh mặt về thành phố. Những đọt phi lao quằn quại, quằn quại từng cơn. Bước chân Minh bước nhanh nhanh. Mỗi lần trở lại Nha-Trang hắn vẫn có thói quen đi thăm những con đường phố ngày xưa. Lắng nghe đâu đây âm vang những ngày trẻ dại. Con đường trước mặt dài ra, dài ra mãi. Mênh mông, vắng lặng ! Hai năm về trước, cũng giờ phút này, một mùa nghỉ lễ hắn đã thong thả đếm bước với Hương. Hai hàng vai song song. Mộng đời lên như mùa nước và trăng sao sáng tỏ. Dạo đó con người hắn đã khá già dặn với sóng gió tình yêu. Hương không phải là mối tình đầu của hắn. Lỡ sinh làm kiếp con người tình cảm, nào ai trách hắn được ! Mỗi lần nhận thêm của đời một ít kinh-nghiệm, vầng trán của hắn lại thêm một đường nhăn. Tâm tình hắn lại thêm một ít hẳn học. Thời gian và cuộc đời thi nhau tàn phá tuổi thanh xuân của hắn. Nhìn những ngọn phi lao, đã có lần hắn bảo với Hương : « Anh muốn đời em, đời anh phải luôn hướng về nắng gió, dù chỉ là nắng hanh gió bấc...» Hát lên bài ca « chuyện chúng mình » hắn đã xây quá nhiều mộng đời với Hương. Hương nghiêng vai bảo nhỏ với hắn : «Em không hiểu được tâm tình của em lúc này. Chưa bao giờ em yêu, nếu em chưa hiểu được tình yêu».Hôm nay nắng sáng, gió hanh. Em cảm thấy hạnh-phúc. Hạnh phúc với anh !

Em không hiểu hạnh-phúc từ đâu đến và rồi đi về đâu. Em cảm nghĩ hạnh-phúc là những âm thanh loảng-xoảng chúng ta nghe được, khi sau một tiệc vui ta quẳng chiếc ly pha-lê vào tường. Phải tự tay ta đập vỡ chiếc ly để đón nhận một cảm giác mới lạ, trước ngày tự nó tan biến vì một sự bất cẩn. Có phải giờ đây anh là hiện thân của hạnh-phúc ? hay

hạnh-phúc là chính em ? Em có ý-tưởng ngộ-nghĩnh sẽ chết vào lúc này, để cảm thấy mình có quyền uy ngang hàng với Thượng-Đế : tự tạo cho mình một hạnh-phúc vẹn toàn ». Mình không ngờ những lời nói thông minh kia xuất phát từ miệng một cô gái mười tám tuổi.

Mình quen Hương không phải do một sự tình cờ. Hương là em gái một người bạn thân của hắn. Những vụ nghỉ hè trước không bao giờ hắn quên đến thăm Hương với tư cách một người anh. Dạo đó Hương còn bé tí teo, hay đòi quà và làm nũng. Cách đây hai năm hắn trở lại thăm Hương vào một ngày nghỉ lễ. Hắn thấy Hương lớn lên, đẹp ra, quyến rũ, ngây ngất. Chưa bao giờ hắn thấy lòng xao xuyến đến thế. Có phải Hương chính là nàng tiên hắn hằng mong nhớ ? Và cái ngày gặp Hương có phải là kết quả của một chuỗi ngày chờ trông ? Nàng đang bước vào Tuổi Tình Yêu. Cơ thể đầy men say và nhựa sống. Nha-Trang bé nhỏ, cuộc sống đây hiền hòa. Tâm tình của Hương cũng giống quê hương nàng, chất phác, dễ yêu. Nàng là con gái của đất miền Trung, quê hương của đồng khô, cát trắng. Nhắm mắt lại Minh vẫn còn hình dung được người con gái miệng nhỏ, mắt hiền, tóc xõa bờ vai.

Sống giữa Nha Trang hắn lại nhớ về Nha Trang. Nha Trang của hắn những ngày xa xưa, với những cánh buồm trắng buồn nhẹ trôi xuôi. Ngoài kia cũng những chòm xanh, chòm xanh của hàng dừa nho nhỏ phủ ánh vàng xuống lòng cát ướt. Xa rồi, những ngày nắng ấm, chờ mong. Ơ ! nhớ ơi, người con gái miền thùy dương ! Sao hắn mơ trở lại để viết tiếp bài thơ thương nhớ.

Hắn yêu Hương ! Hương cũng đáp lại những ân tình của hắn. Đối với hắn, tình yêu phải chịu nhiều thử thách, và thời gian là thử thách vô cùng to lớn. Hắn bảo với Hương : « Đừng bao giờ tìm ở anh một con người lý tưởng, em sẽ thất vọng. Hãy đón nhận anh với những gì anh đã có và những gì anh không hề có. Cũng đừng bao giờ tìm ở anh mối tình đầu. Đó là một điều vô lý ở tuổi anh. Chỉ có một điều anh biết chắc là nếu em muốn, tình của anh sẽ cuối cùng và vĩnh viễn. Anh trọng em. Anh xem em như một cứu cánh chứ không phải một phương tiện. » Tự tưởng và thái độ của Hương về cuộc đời chưa rõ rệt. Lần đầu tiên nàng bước vào thế giới tình yêu. Cuộc đời lên hương, dậy sóng. Nàng biết trước nàng, Minh đã thương nhiều người. Nàng cho đó là điều dĩ nhiên không quan hệ. Nàng cần yêu và được yêu. Thế là đủ lắm rồi. Tâm tình nàng vẫn thế. Ít bao giờ nàng chịu nghĩ xa hơn về cuộc đời, ngày mai. Nàng đón nhận yêu thương như một món quà đầu tay, lòng bình thản. Trong Hương đã bắt đầu một sự trưởng thành, nhưng một sự trưởng thành chưa đậm, chưa sâu. Nàng vẫn còn mang nặng trong lòng những đường nét, tâm tư của một đứa trẻ.

Xong mùa nghỉ, Minh trở về Saigon. Hương vẫn ở lại Nha-Trang. Những lá thơ tiếp nối những lá thơ, gắn bó hai tâm hồn non trẻ. Minh cố tìm hiểu những cảm tình của hắn về Hương. Trong lúc Hương vẫn xem hắn như một người yêu không hơn không kém, hắn lại xem Hương như một người để xây dựng. Hắn là người mệt mỏi sau nhiều lần va chạm với cuộc đời. Hắn không còn ở cái tuổi mười tám của một cậu học sinh, xem yêu đương như một chuyện trò đùa, hay yêu đương cũng giống như học-hành hoặc giải-trí. Hắn đã đi qua giai-đoạn đó. Vĩnh viễn xa rồi thời gian vô-tư ấy ! Trước ngày gặp Hương, hắn đã tự bảo : « Người bạn đường mai sau, phải là người không cần đẹp lắm, nhưng có một bề ngoài khả ái. Điều cần thiết là phải yêu-thương hắn thật sự hết lòng. Tâm hồn nàng phải bình-dị, giống như một bãi cỏ xanh non, dịu cả mắt, cả lòng. Sau những giờ vất vả giữa cuộc đời hắn sẽ về tìm lại thanh thản và yên vui. Xin ai đừng gió bão và nắng hạn đất khô ! Biết rồi hắn có thành công không ? Ngày gặp Hương hắn biết mình phạm một lỗi lầm rất lớn. Lỗi lầm đa số con trai thời đại hắn vấp phải : xét đoán tâm tư người con gái qua sắc đẹp và bề ngoài của họ. Hắn mất cái nhìn khách quan về cuộc đời và gán cho Hương những đức tính nàng không có.

Tình yêu hắn gởi cho Hương là một cảm tình trầm lặng, không nóng bỏng như ngày hắn mới « tập yêu » ! Không hiểu sao hắn lại đặt rất nhiều hy vọng vào Hương. Năm đó Hương hỏng thi. Hắn bảo với nàng thi đỗ hay hỏng đối với hắn không quan hệ.

Hắn không đánh giá tình yêu bằng bằng cấp. Dạo đó hắn biết Hương yêu hắn thật tình, không đắn đo, vụ lợi. Chính vì thế mà hắn vô cùng ngạc nhiên ngày trở lại Nha-Trang để nhận của Hương một sự chửi rủa vô cùng thậm tệ : « Em không xứng đáng với tình yêu của anh vì anh muốn thế. Hãy đi tìm một người khác hơn em. » Nàng không nói lý do vì sao nàng rời hắn, Hương đã thương người khác chăng ? Điều đó hắn quyết rằng không. Mình chỉ biết nàng rất kiêu-hãnh. Chắc phải có chuyện gì đây. Hắn đã mơ mùa hè năm đó về sống những giờ mộng và thơ với Hương bên bờ Đại-dương. Sự thật hoàn toàn khác hẳn. Con người hắn đã từng gan lì vì những trận đá đau. Thêm một lần thất bại cũng chẳng sao. Hắn mỉm một nụ cười chua chát, xem chuyện hắn với Hương như những nốt nhạc buồn, để viết vào nhựt ký. Thế thôi ! Cũng gọi là xong một mối tình.

Hè năm đó nắng sáng chói chang trên bãi biển Nha Trang. Ở đây cuộc đời bình thản, con người sống vô tư quá, ít nhất cũng là bề ngoài. Hơn một lần Minh gặp Hương trên bãi cát trắng. Nhưng gặp nhau chỉ là để ngoảnh mặt đi.

Trong ánh mắt Hương vẫn lộ vẻ hằn học. Minh không buồn vì chuyện Hương xa hắn, hắn chỉ hậm hực vì Hương tỏ ra khinh hắn đến độ. Hắn tìm lãng quên trong học hành. Nàng còn con trẻ quá. Hắn tự nguyện không yêu-đương nữa. Đợi đến ngày ra trường sẽ diễn lại vở kịch của trăm ngàn người con trai khác : lập gia đình và chẳng cần phải yêu thương trước bao nhiêu. Hắn muốn tâm hồn yên ổn để làm việc và suy tư. Tất cả chỉ là những tháng năm dài và buồn nẫu. Hắn làm việc và ăn ngủ như một cái máy. Những mộng tưởng ngày còn trẻ dại tan biến hết. Hắn không còn tin nhiều ở ngày mai. Tâm trạng hắn là tâm trạng của phần lớn thanh niên trí thức tuổi hắn.

Nhưng rồi gông cùm và xiềng xích của tình yêu không tha hắn. Hương tìm gặp lại Minh. Nàng biện bạch sự xa cách : « Tất cả chỉ là một sự hiểu lầm. Có một lần người ta bảo với em rằng em không xứng với tình của anh. Người nói những lời nói đó chính là em gái anh. Không cần tìm hiểu em cho đó là một sự nhục mạ của chính anh. Sau này em mới biết anh không bao giờ có tư tưởng đó. »

Tha thứ và dễ dãi vẫn là đặc tính của Minh. Và một lần nữa hắn trở lại con đường xưa cũ. Hắn đã thấy một ít đổi thay trong tâm hồn Hương. Trót yêu và mù quáng hắn bước luôn quãng đường còn lại. Hương từ bỏ Nha Trang. Vào Saigon nàng ghi tên học ở một trường tư. Minh không bằng lòng nhưng cũng đành chiều ý. Vứt bỏ Nha Trang bé nhỏ, hiền hòa Hương đã gởi lại luôn bộ mặt ngây thơ và bé nhỏ của nàng. Với cuộc đời, ai cấm nàng lớn lên ? Saigon đã kiến tạo cho nàng một vẻ già dặn, và những gì nàng đã hãnh diện gọi là « kinh nghiệm » về cuộc đời.

Phong trào « đợt sống mới » đang lên mạnh ở thủ đô. Những jazz, những twist đưa đẩy dễ dàng người thanh niên vào cảnh dâm loạn. Saigon đang tràn ngập dưới làn sóng văn-minh-loại-rác-rưởi-Âu Mỹ. Người con gái miền Trung thấy mình bắt đầu lạc lõng giữa những hoa lệ và một cuộc sống hào nhoáng bề ngoài. Chiếc áo dài duyên dáng ngày xưa Minh yêu mến đã gây cho nàng nhiều cảm giác bực dọc và phiền toái. Thế là xong ! Những chiếc áo màu tím, màu hồng bị nàng vứt vào một góc tủ. Lần đầu tiên Hương đến thăm hắn trong bộ « jupe serrée », hắn thấy nàng có vẻ hay hay. Hắn tự bảo : « Đó chỉ là bề ngoài, điều quan-trọng chính là tâm hồn Hương » Minh không câu nệ trong việc trang sức của Hương. Điều hắn băn-khoăn là thấy một số bạn gái hiện nay tự cho mình là lớp người « tiền-phong » của thời đại mới đã tự tạo cho họ một lối sống riêng biệt. Một lối sống xa cách hẳn quê-hương và những nữ học-sinh, sinh-viên Việt-nam. Họ kiêu hãnh vì lối sống đúng « chủ nghĩa Sartre » ! Minh cố tìm trong những người con gái ấy, những suy tư tin yêu ở ngày mai cùng bản chất của người đàn bà đông-phương. Nhưng dưới cái bề ngoài giả tạo kia hắn chỉ thấy Hoang-tàn và Đổ-nát. Hắn lo sợ trong Hương đã có một sự thay đổi toàn diện. Nàng không còn chịu được nề nếp sống và tác-phong của phần lớn bạn học nàng mà nàng cho rằng giả-dối. Tại sao ta lại không sống theo ý thích của ta ? Con người sinh ra để tìm về hạnh-phúc. Mỗi chúng ta quan niệm hạnh-phúc một cách khác nhau. Tại sao lại gò bó bản-thể ta vào một lề lối mà ta không thích thú ? Tại sao lại tự giam ta vào một ngục tù tư tưởng mà thiên hạ cho rằng đạo đức ? Thế rồi, người ta bắt đầu gặp Hương ở các nơi hội hè, phòng trà ca-nhạc cùng các nơi nhảy nhót. Không ít thì nhiều Minh cũng đã chia xẻ cuộc sống khá phóng khoáng của Hương. Bao nhiêu dự định của hắn về sự nghiệp và cuộc đời trước ngày gặp Hương đều tan theo mây gió. Minh nhắm mắt bước theo Hương trong khi hắn cần thì giờ cho những chuyện quan trọng khác. Tuổi trẻ qua mau như một giấc mơ. Tương lai chính là hiện tại. Hắn biết vậy nhưng vẫn tự an ủi : « Lỡ rồi, đi nốt vậy! »

Có một đạo, Minh đoán biết, không những Hương chỉ giao-du thân mật với hắn mà với rất nhiều bạn trai khác. Hắn cho chuyện đó không đàng hoàng nhất là với Hương. Trong hắn đã bắt đầu có những phản ứng. Có ai yêu mà không muốn người mình yêu thuộc về mình? Nhưng trước mặt Hương lần đó hắn chỉ ôn-tồn, nhỏ nhẹ : « Anh muốn cuộc sống của anh cũng như của em phải quân-bình. Sau những giờ-học và làm việc lẽ dĩ nhiên phải có giải-trí và vui chơi, kể cả giao-thiệp với bạn bè. Những chuyện đó anh không hề cấm em. Riêng anh cũng cho là cần thiết. Nhưng đã có lần anh

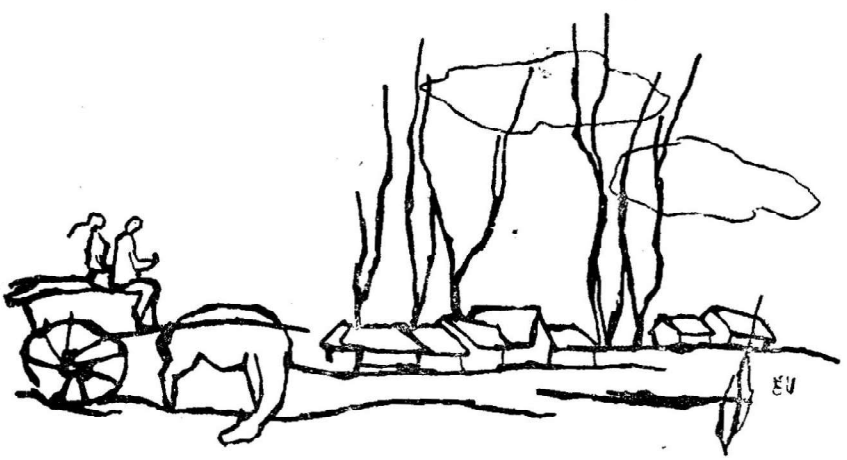

biết em đi nhảy nhót với bạn trai. Anh khuyên em nên dè-dặt trước cuộc sống. Đừng bao giờ xem vui chơi như cứu cánh của người thanh-niên. Vì rồi em sẽ xem cuộc đời dễ-dãi như một xuất ciné thường trực.» Hương bĩu môi bảo với Minh. « Từ lâu anh đã biết em sợ những người đạo-đức-giả... như anh ngày hôm nay. Cũng may anh thuộc thành phần đó. Nếu anh thuộc hạng đạo-đức thật thì tụi mình xa nhau từ lâu rồi. Lúc nào gặp anh cũng được nghe những bài học đạo-đức. Em chán lắm rồi. Lúc nào anh cũng bảo với em phải học hành, làm việc, bàn chuyện tương-lai xa vời. Sao anh không nhìn ngay vào thực-tế ngày hôm nay của chúng ta ? Biết có còn những giờ phút này mãi không ? Em chỉ lấy «sống» làm tác phong duy nhất. Em chỉ muốn hiện-hữu em được tự-do, mặc dù tự-do là vô nghĩa, vì chính hiện hữu của em cũng đã là vô nghĩa. Tự do do em tạo ra, theo bầm tính của em, không theo một ý-niệm nào khác về luân-lý, xã-hội hoặc tôn-giáo » Minh cười nhẹ : « Em đừng vội nóng với anh. Nếu bảo có người nào hiểu em nhiều nhất thì đó chính là anh. Anh biết người lý-tưởng của em không phải là anh nữa rồi. Điều đó không quan-hệ. Cũng đừng bao giờ dạy anh về triết-lý của Sartre. Em chưa hiểu được Sartre mà chỉ thu nhận một khía cạnh nhỏ bé của tư tưởng Sartre. Sau đệ nhị thế chiến, triết lý hiện sinh của Sartre đã trở thành vô triết-lý. Điều đáng buồn là có một số thanh niên hiện nay đi thờ chủ-nghĩa hiện-sinh trong lúc tự nó không còn là một chủ nghĩa. Một vài người mang danh là « trí-thức » đã dịch lầm triết-lý trên, xem hiện-sinh như là « sống cho hiện tại. » Em đã hiểu lầm một học thuyết mà nguyên-thủy là một khía cạnh của Thực-thể-học và một biến-thể của Hiện-tượng-học. Em đã đi lượm mót vài mảnh vụn của phe thần-tượng đã sụp đổ của Tây-phương. Em đã quên rằng, Sartre chỉ muốn đưa ra một lý-tưởng triết-lý để tìm một lối thoát cho thế hệ thanh niên 1920-40 khỏi khuôn-khổ ngoan cố của xã-hội trưởng giả Pháp thời ấy. Không ngờ lớp con gái như em vội vã chụp lấy những cặn-bã hiện-sinh đổ nát kia, xem như tín điều thần thánh để xây đắp thành-trì lý tưởng. Anh biết em đang ở ngã ba đường, lớn lên trong thời khói lửa. Bạn bè em kẻ sống thác-loạn, kẻ hoài-nghi, kẻ buồn ủy-mị. Con người lạc lõng đi tìm một lẽ sống. Em đang bước chân vào đời, nhựa sống mọng làn môi. Tuổi em là tuổi của những cảm-tình chân thật sẵn-sàng cho tất, dù chẳng nhận được chi. Em lớn lên với một niềm tin, nhưng một niềm tin sai lạc. Em không tin ở ngày mai. Em chỉ tin ở một hiện-tại chốc lát, khởi-điểm của tất cả bực dọc, phiền-muộn và chán-nản về cuộc đời. Em nhìn đời với cặp mắt của một tài-tử loại « dolce vita. » Anh thấy anh có bổn phận bắt em dừng lại nơi đây. Đừng xem cuộc đời như một trò đùa. Sẽ có ngày em khóc vì những đổ vỡ ngày hôm qua. Nói cho anh nghe đi, em đã tìm thấy hạnh phúc thật sự của đời em chưa ? »

Hương nuôi ý-tưởng sẽ có một ngày thoát ly gia-đình, thoát-ly những thành-kiến, những lễ-nghi gò-bó chật hẹp. Nàng đã hấp thụ trọn vẹn « đợt sống mới » thời-đại. Phần lớn thì giờ nàng dẫn bọn tình-nhân đi « bát phố » hoặc nhảy nhót. Trong số tụi bạn của nàng, Minh biết có một người mang danh « giáo-sư » được nàng mến nhất. Nàng đã thật sự bước chân vào xã-hội phố-phường Tự-Do, Lê-Lợi những chiều thứ bảy, chúa-nhật. Cảm tình của Hương với Minh phai dần ; ngược lại, Minh vẫn tin với lòng thành thật yêu mến hắn sẽ cảm-hóa được nàng. Nhưng hắn bắt đầu bực dọc. Những lần đến nhà Hương, hắn đều gặp một số « cây si » của nàng ở đấy. Họ gặp nhau để giết thì giờ vào những chuyện bông đùa, nhảm nhí và cợt nhả. Không chịu được cảnh đó, Minh đã bảo thẳng với Hương: « Nếu em muốn anh tiếp tục yêu em thì lần sau không có quyền tiếp bọn đó nữa. Anh không quan-niệm được rằng những người mà em gọi là « giáo-sư » lại có những hành-động vô-liêm-sỉ. Họ không có quyền đến nhà em. Anh không vơ đũa cả nắm mà chỉ phản-đối thái-độ của một số ít những con người đã bôi nhọ danh-dự nghề-nghiệp họ. Anh không tưởng-tượng được người em gọi là thầy em lại có quyền rủ em đi nhảy nhót. » Hương không vừa, đáp lại : « Em yêu anh, nhưng em cũng có quyền giao-thiệp với các bạn trai. Không ai cấm anh yêu em, sao anh lại cấm kẻ khác yêu em ? Anh chỉ trích họ, nhưng anh quên rằng họ cũng tuổi trẻ như anh. Tình yêu đâu giới-hạn, địa-vị, tuổi tác cũng nghề nghiệp ? Em giao thiệp chứ đã hư hỏng đâu ? Tại sao anh lại bắt em đóng khung vào một cuộc sống giả tạo ? Có thể em có rất nhiều tánh xấu, nhưng ít nhất em cũng thành thực với chính em ! Còn anh? Em không cần dư luận. Em không cần lời chỉ trích của anh. » Minh bảo với Hương :« Giờ đây anh hiểu em quá nhiều rồi. Em quan-niệm tình yêu không duy-nhất, không vĩnh-viễn. Đối với em, chỉ có tình yêu của những chiều thứ bảy ! Không ít thì nhiều tình yêu của em đối với anh chỉ là một tình yêu «secours» tạm bợ. Có anh hay mất anh, cuộc sống của em cũng chẳng có gì đổi thay. Anh thấy mình biến thành một dụng-cụ thừa thãi trong cuộc sống tình-cảm của em. Anh biết em vẫn còn một ít lý trí để nhận định rằng tụi bạn trai của em không mấy tốt, tụi hắn chỉ lợi dụng tình-tình dễ-dãi của em. Biết thế nhưng em vẫn đi vào con đường chết như loài thiêu thân. Rồi có ngày em sẽ khám phá ra rằng thứ tình-ái lăng-nhăng kia

không làm tâm-hồn em ấm lại. Em thật không xứng với tình của anh. Tình yêu mà ngày anh hứa, «nếu em muốn» sẽ là vĩnh-viễn và cuối cùng. Tụi mình xa nhau nhiều quá qua lối sống và tư-tưởng. Trước sau gì cũng đi đến đổ vỡ. Nhưng dù sao trong anh vẫn còn rất nhiều cảm-tình với em. Anh sẽ mãi xem em như người em gái độ nào ở Nha-Trang?

Thế là họ xa nhau! Cuộc đời không dung-túng hai tâm-hồn hoàn-toàn trái ngược. Hè năm đó Minh nghe tin Hương đi nghỉ nắng ở Vũng-Tàu với tụi bạn trai của nàng. Hắn đón nhận tin đó như một sự việc không thể không xảy ra. Ngày sinh-nhật của Hương, hắn gửi cho Hương bức thư cuối cùng.

«...Mặc dù đã có lần tức giận, em nói với anh, em không thể xem anh như người yêu của em và em cũng không thể sắp anh vào hàng bè bạn. Đó là quyền của em. Riêng anh, anh đã nghĩ em suy đoán rất sai lầm về con người anh. Nếu bảo trong những người yêu em có người nào thương em nhiều nhất thì đó là anh. Tụi mình không gặp nhau trên đường đời. Đó là định-mệnh. Anh vẫn giữ mãi hình ảnh trong lành và thơ dại của em ngày xưa. Đối với anh nó vẫn đẹp nhất, đáng yêu nhất giữa cuộc sống xô bồ này. Con người của em ngày hôm nay anh gởi trả lại cho đời. Anh chúc em thêm tuổi, thêm hiểu cuộc sống chung quanh em, không phải hiểu một cách dễ dãi như ngày hôm qua. Anh muốn em nhìn cuộc đời bằng cặp mắt tin yêu hơn, trang trọng hơn. Ngày hôm nay trời nắng sáng và trong. Từng tia nắng chảy qua khe cửa, rung rinh trong căn phòng nhỏ. Sao anh thấy đời đáng yêu lạ! Tình yêu giữa gái và trai quan trọng nhưng nó không có quyền chiếm trọn tâm tư chúng ta. Tụi mình còn không biết bao nhiêu chuyện phải làm trước ngày buông tay nhắm mắt. Em có quyền vui chơi tuổi trẻ em, nhưng đừng bao giờ để cho kẻ khác lợi dụng em. Anh mong rằng, ngày hết giận, em sẽ trở lại với anh, không phải như một người yêu nhưng như một cô em gái hiền và ngoan. Con đường em đi ngày hôm nay và con đường em sẽ đi ngày mai, em sẽ hiểu trên đời khó tìm một người bạn chân thành. Em sẽ bỏ những tư-tưởng xưa cũ của em đã qua rồi và không có chi làm em níu kéo thời-gian. Em đừng lo! Nếu em muốn, em sẽ tìm lại được hình bóng thật của em, của người con gái Việtnam thuần túy, dịu hiền và dễ thương mến. Đừng hiểu lầm ý-tưởng của anh. Anh không bao giờ khuyên em đi ngược lại thời-gian để thoái-hóa và bị cuộc đời sa-thải. Mỗi chúng ta đều có quyền và bắt buộc phải tiến-bộ. Từng lớp thanh-niên chúng ta sẽ phải trả lời trước quần chúng và lịch-sử. Em hãy đi tìm những điều hay và vứt bỏ không luyến-tiếc những rác-rưởi. Anh hiểu tâm-lý của những người con trai. Họ có thể tìm một «cô gái đợt sống mới» để khuây-khỏa nỗi buồn chốc lát ngày tháng, nhưng chắc-chắn họ sẽ không có can-đảm gắn-bó cuộc đời họ với những người con gái đó. Trong lúc anh viết cho em, anh biết anh hết có dịp làm buồn và chọc giận em nữa rồi. Thật là vô-duyên vì nhớ thương chi là để nhớ thương. Vì thương về đâu? Nhớ về đâu? Anh chỉ muốn nắng mùa xuân vĩnh viễn trở về. Có bao giờ em muốn sống lại những chiều hè xưa cũ? Phải chăng đó là tâm lý chung của loài người, sống giữa mùa mưa lại mơ về nắng hạ? Sao anh mơ quả đất bé lại. Anh sẽ về thăm em như dạo nào, nhìn lại cặp mắt sáng của em. Mộng và Thực anh không còn phân biệt nổi! Dạo ni em còn nhớ đến Nha Trang bé nhỏ của em không? Riêng anh, Nha Trang vẫn giữ rất nhiều cảm tình và kỷ niệm. Mỗi lần nhớ đến Nha Trang, anh không quên nhớ đến em, đến những rặng dừa xanh, những cồn cát trắng. Những hàng phi lao thành phố vẫn còn đó, vươn lên, vươn lên mãi. Còn Hương của anh ngày xưa, nào đâu bóng dáng?»

o°o

Hương chết! Thế là hết. Lần đầu tiên trong đời người con trai Minh gục mặt xuống bàn khóc nức nở. Hắn không hiểu vì sao hắn đã khóc. Một cảm xúc mạnh hay tiếc thương? Một người bạn gái đã cho hắn biết Hương tử nạn trên đường ở Vũng Tàu về. Thật là ngu xuẩn và vô-lý! Mất hắn hoa lên. Hắn thấy những nghĩa-địa trắng xóa, những con ngựa bận đồ tang đang kéo linh cữu. Như có ai đâm hắn đau nhói ở tim. Những tia máu đỏ vọt lên, tung tóe, ướt cả sàn nhà. Trong lúc mê hoảng hắn vẫn thấy mình không thể lãnh-đạm trước cái chết của Hương. Dù sao cũng đã có lần Hương đi qua đời hắn. Giữa cái tuổi mười chín, hai mươi nàng còn trẻ dại quá. Hắn liên-tưởng đến lời nói của Hương ngày xưa: «Em muốn chết giữa lúc thấy mình hạnh-phúc..» để khỏi sợ cuộc đời. Biết đâu nàng đã không thực-hiện được mộng-ước, dù dưới mắt Minh đó chỉ là hạnh-phúc giả tạo. Cuộc đời nàng ngắn ngủi như một giấc mơ dại. Người con gái đó đã vĩnh viễn ra đi bỏ lại con đường nhỏ, hàng dừa xanh, ngôi trường cũ. Minh không còn nhớ đó là ngày thứ mấy, thứ ba hay thứ tư. Nhưng mà ích chi? Thế là xong! hắn sẽ chẳng còn có dịp bâng-khuâng nhiều về nàng. Đời hắn sẽ còn những chiều mưa ướt phố ướt phường nhưng chắc hắn sẽ chẳng tự hỏi: «mưa nhiều quá, biết Hương có đến thăm mình?» Hắn thấy lòng se lại. Bao nhiêu oán hờn tan biến hết. Nhớ Hương ray rứt. Hắn thấy thương Hương nhiều hơn yêu mến một người em gái. Cuộc đời man dại đã cướp mất của hắn một bóng hình và không có chi thay thế người bạn cũ. Tất cả chỉ là xa vắng, mênh mông và hoang tàn...

o°o

Bóng chiều đổ xuống lên mau. Minh dừng bước bên một gốc dừa xanh dáng suy-tư. Năm nay sóng biển Nha-Trang lớn quá. Từng đợt sóng cuồn cuộn, trời lên sập xuống, bọt trắng xóa văng tung tóe. Bãi biển vắng ngắt. Trời hôm nay buồn lạ! Từng áng mây đen vần-vũ che lấp những tia sáng còn sót lại. Hai ngày nữa Minh lại về Sai-gon. Cuộc đời như một bánh xe lăn, quay mãi. Hắn thấy mình như bị một sợi dây vô hình ràng buộc vào cuộc sống không lối thoát. hắn chạnh nhớ đến Hương. Nàng đã yên nghỉ giữa một lòng đất xa lạ. Hắn mỉm cười bâng quơ nghĩ đến đã có lần cãi Hương về thuyết hiện-sinh, về lý-tưởng con người, về những con số không rồng-tuếch. Hắn thấy những hàng dừa cao lên, cao lên mãi, vươn những cánh tay đe dọa, như muốn nuốt chửng con người bé nhỏ là hắn. Bỗng dưng hắn thấy lòng cô đơn, cô đơn như chưa bao giờ thế! Một ngày kia, dù sẽ lạc lõng ở phương nào, chắc hắn vẫn còn nhớ đến Nha-Trang, «miền quê hương cát trắng».

Yêu Hương dâng ngập khóe mắt, cô đọng trong tim. Và khi nào hắn sẽ không còn ở trên trần thế, linh-hồn hắn sẽ quay về lại nơi đây. Để rồi đêm đêm trong lòng đất quê nhà, hắn sẽ bay trên rặng dừa xanh, trên đồi cát ướt, hắn sẽ nghe sóng trùng khơi Thái-Bình-Dương, hắn sẽ nhìn những ánh sao lung-linh rơi ngập bầu trời, hắn sẽ nhớ đến Hương, đến tất cả những người thân yêu. Như một vì sao lưu đày, hắn mơ ngày về với vũ-trụ tự-do. Hắn đi, đi mãi con đường dài, mong sẽ tìm thấy bên kia đường một tia nắng sáng.

PHƯƠNG-TUẤN

những mẩu đối-thoại

HẰNG HÀ SA

CƯỜNG ngẩng đầu lên đột ngột :

— Chương, tao xin lỗi mày, tao vốn không có mấy thiện-cảm với cái thế giới của mày.

Chương không ngần ngại trả lời:

— Mày cứ nói tiếp, tao không sợ sự thực bao giờ.

— Ừ, tao cũng hiểu mày gần với bọn tao đôi chút tao mới nói, chứ còn đối với một số bạn bè của mày, mặt cứ vênh váo phè phỡn tao chẳng thèm nói làm gì. Tao lập lại với mày là tao vốn không có mấy thiện cảm với cái thế giới của mày. Cúi đầu vào đống sách (Cường kéo dài chữ cúi đầu ra thật dài), rồi khi ra đời cúi đầu vào đống tiền.

Chương mỉm cười trước khi có một thái độ, thứ mỉm cười tỏ vẻ khoan hồng của kẻ cảm thấy sự chỉ trích dù quá đáng vẫn mang một phần nào sự thực. Chương không cải chính, lại còn hỏi thêm một câu thật chua chát:

— Tại sao mày không nói thêm đến mảnh bằng đem đổi mấy cái gia tài kếch sù, hay đến chuyện đi cuỗm người yêu của kẻ khác cho luôn thể. Tao không giận đâu, tao chỉ tiếc là mày nói điều đó với một giọng điệu hằn học. May mà là tao chứ thằng khác thì đã bảo là mày lại ghen với một số người mà mày thường bảo là « được xã-hội ưu-đãi ».

Cường vẫn ngán lối nói chuyện tế nhị của Chương, tuy nhiên Cường vẫn tiếp-tục hằn-học. Cường hít một hơi thuốc thật dài, phà khói vào mặt Chương rồi mới thủng thỉnh nói :

— Tao không thích nói như thiên hạ là một số người đã làm hoen ố tính cách cao cả truyền thống của nền y-học nhà mày; nhưng tao phải nói là mấy ông bác-sĩ đã núp sau tấm bình phong cao cả đó để tự thỏa mãn về mầu tình thương nhân-loại, thương đồng bào của mình ; mà chính ra những con người chỉ quen với sự sung túc và trưởng giả đó đã không bao giờ đi sát với quần chúng. Đó là tao chưa kể đến lối xem bệnh nhân như là những con vật hay là những phiến đá. Có lúc tao nghĩ có một số người lúc lâm bệnh nặng thích một bài thơ thương tiếc hơn là một mũi thuốc hay một dường dao của bọn mày.

Cường nói say sưa, gần như quên rằng Chương là đối-tượng của những chỉ trích nặng nề đó. Tuy nhiên, Chương vẫn thản-nhiên, luôn luôn mỉm cười, dường như anh có ý định mà chưa vội nói hay chưa thích bàn cãi với Cường lúc này. Chương thong thả đứng dậy, lấy chiếc sơ mi trắng mặc vào và nói :

— Tao cảm thấy thích thú khi nghe mày chỉ trích kịch liệt cái xã-hội trong đó có tao. Tao cũng thích nói với mày một vài ý-nghĩ để cùng bàn cho vui nhưng bây giờ tao cần đến bệnh-viện có chút việc. Khi khác gặp nhau. À, mà mày chưa thấy cuộc sống sinh-viên bọn tao khổ như thế nào cả nhỉ! Theo mày thì bọn tao không đi sát với quần chúng để đứng với lương-tâm chức-nghiệp, còn mày thì chỉ mới nghe nói về bọn tao mà thôi chứ chưa rõ bọn tao có một đời sống thế nào đã vội chỉ trích. Để lúc nào tao giới-thiệu cho mày xem.

Cường cười xòa ; bao nhiêu tức giận đi đâu mất. Chương lúc nào cũng bình tĩnh và rộng lượng. Chính nhờ điểm đó mà tuy Cường có một thế giới sống riêng biệt vẫn thỉnh thoảng đến kéo Chương đi uống cà phê, bàn chuyện phiếm, bàn ngay cả những ý định của Cường về một vài khía cạnh của nền văn nghệ nước nhà. Càng gần Chương, Cường càng muốn tìm hiểu Chương, anh chàng ít nói nhưng có một lối khai thác sách vở đủ mọi mặt thật chu đáo, và một lối nói chuyện nửa khúc mắc nửa hóm hỉnh thật quyến rũ. Bởi thế, có lần Cường đã hỏi Chương với tất cả ngạc nhiên :

— Sao tao thấy mày ít khi bàn đến nghề-nghiệp của mày với mọi người lắm. Chả bù ngồi với mấy thằng bạn mầy tao nghe toàn chuyện mổ xẻ, «garde» đêm, garde nhà xác...

Chương trả lời không dấn do :

— Mày nghĩ một ngày 24 tiếng đồng đồ tao sống cho từng ấy thứ đến gần 12 giờ. Mày cũng nên cho tao những lúc nghỉ ngơi để mà nghĩ ngợi đôi chút chứ.

Rồi thôi. Rồi Chương đã khéo léo lái câu chuyện sang những đề tài khác. Cũng có lần, một số bạn gái của Cường, nghe giới thiệu Chương là sinh-viên y-khoa, đã vội vã hỏi nào là mổ xác chết có thấy rùng rợn không anh, nào là garde đêm ở bệnh-viện có sợ ma không anh, nào là người ta đồn mấy ông y-khoa nghịch ngợm và bê-bối lắm phải không... những lúc như thế, các cô chỉ tiu nghỉu thất vọng vì Chương chỉ điềm nhiên nói một câu :

— Lâu dần cũng quen đi chứ. Lúc đầu ai mà chẳng lấy làm lạ. Các cô chưa kịp hỏi gì thêm, thì Chương đã bàn đến thời sự một cuốn truyện vừa xuất bản, hay đề nghị cùng đi xem một buổi triển lãm hội họa trong tuần...

Cho nên lần này, thấy Chương đã khôn khéo ngừng ở điểm cuối để Cường không thoải mái, Cường đã dặn trước.

— Mày vẫn giữ bí mật nhà nghề cho đến bao giờ nữa. Tao hứa là sẽ cho mày một chầu thật say rồi tao mời Bao Công lại lấy khẩu cung cho mày biết tay. Thôi, tao về đây, không mày lại bảo là vì tao mà mày lỡ hết việc lớn.

oOo

Bắp chân cô gái mang một vết thương nhỏ không có gì nguy hiểm. Tuân vừa cho thuốc tê quanh vết thương vừa nói thật nhỏ đủ để Chương nghe :

— Người đẹp có nước da trắng quá phải không mày ?

Chương cười đồng lõa. Nét mặt người con gái, tuy còn hoảng hốt vì tai nạn vừa qua, đã bắt đầu lộ vẻ lo lắng cho tương-lai của bắp chân:

— Thưa bác-sĩ, liệu có can gì không ạ.



Chương hiểu ngay ý-định câu hỏi và chàng đùa ngay :

— Ồ, cô đừng lo gì cả. Ông bạn tôi đây nổi tiếng là khéo tay. Độ vài hôm sau lành ngay, chẳng có sẹo, sau này cô tha hồ mặc «jupe».

Người con gái đỏ mặt e-thẹn vì Chương đã đoán đúng ý-nghĩ của mình.

Tuân sắp làm xong phận-sự. Một mũi huyết thanh ngừa uốn ván SAT nữa là hết. Chương nghĩ thế, và chàng cầm một cuốn báo nghiền ngẫm chuyện một cô gái du học viết chuyện về Tokyo.

Thế nhưng, Tuân sau mũi kim cuối cùng, bắt đầu gợi chuyện :

— Cô đi xe làm sao mà đến nỗi thế này. À, người ta có làm enquête đến không ?

— Dạ, thưa bác-sĩ tôi đi ngang trước cửa bệnh-viện thì một chiếc mobylette ở trong nhà người ta dâm phải. Tôi chẳng có lỗi gì cả, nhưng nghĩ chẳng muốn rắc rối, tôi để cho người ta đi mất rồi.

Tuân hơi ngượng về cách xưng hô. Vả lại Tuân đang bị cô mắt người con gái thu hút và giọng nói quyến rũ. Tuân mơ hồ nhận thấy đây không phải là một việc làm thường lệ mà anh thường gặp trong mấy năm tập sự. Nên Tuân cải chính :

— Cô đừng gọi thế. Tôi xin tự giới thiệu tôi là một sinh viên «garde» ở đây hôm nay. Những điều gì không nguy hiểm các bác-sĩ thường trực vẫn giao cho chúng tôi giải-quyết lấy. (Tuân định nói nhiều nữa mà chẳng biết nói gì thêm) Thôi, xong rồi đây cô, chừng 2 hôm cô trở lại thay băng.

Người con gái liếc mắt lên ngực Tuân. Trên cái blouse trắng tinh có một giòng chữ thêu P.V.TUÂN và 5 ngôi sao mầu đỏ ở bên dưới.

Tuân đưa người con gái ra tận cổng bệnh viện. Một cử chỉ lạ làm Chương nhìn theo bạn mỉm cười. Chàng hiểu rõ Tuân hơn ai hết ; bởi vì Chương và Tuân thân nhau khá lâu ; thân vì cùng lớp cũng có nhưng hơn thế nữa vì hai đứa đã có những chiều cùng đón gió, những đêm cùng ngắm trăng, cùng tâm sự và cùng có những dự định về cuộc đời. Người ta ngạc nhiên không hiểu vì sao Chương và Tuân lại có thể là bạn thân. Tuân thực thà và nông nổi, trong lúc Chương kín đáo và dè dặt. Ngoài nếp sống y khoa luôn luôn bận rộn, Tuân thường ít quen ai, trong khi ở mọi nơi, mọi từng lớp đều có mặt Chương, Chương giao thiệp rộng rãi và anh mang nhiều bộ mặt mới lạ tùy từng hoàn cảnh, bởi thế Tuân vẫn cho Chương là sành đời hơn mình, bất cứ quyết định gì quan trọng, Tuân đều hỏi ý-kiến của Chương. Tuân càng bồng-bột «bấp chấp» bao nhiêu thì Chương điềm đạm, và sâu sắc bấy nhiêu ; Được một điều là bên cạnh cái thành thực của Tuân, Chương luôn luôn tế nhị nên hai đứa chẳng lúc nào giận nhau lâu và tình bạn vẫn được bền bỉ.

Tuân trở lại sau 10 phút. Chương nở một nụ cười ranh mãnh hỏi :

— Xong chưa ?

Tuân không trả lời. Chàng bắt đầu thấy mình phiêu lưu trên đôi mắt huyền ảo của Hương, người con gái mới gặp.

oOo

Hương nghiêng đầu nhìn Tuân cười ranh mãnh. Tuân hỏi :

— Hương cười gì đấy ?

— Hương cười chung các anh đấy. Hễ cứ mê gái là mặt dại hẳn ra, bỏ hết cả việc lớn.

— Úi chà, cô này ăn nói bạo nhỉ. Nhưng thôi đang vui anh tha cho hết cả. Mà sao bỗng nhiên Hương lại nói thế ?

— Thì đích xác đi chứ coi gì nữa. Cứ ngắm người ta mãi không chịu ăn. Hỏi thực anh, ngắm gì nơi Hương mà thừ người ra thế ?

Tuân giật mình nhớ lại từ lúc thức ăn dọn ra, Tuân chưa cầm đũa vì mải mê ngắm đôi mắt Hương, mái tóc lòa xòa của Hương. Chợt Tuân nhớ đến Nguyên-Sa vì chàng nguyện làm « một học sinh không thuộc bài vì mải mê gọi tên người yêu từ sáng đến chiều từ đêm đến sáng. » Và chàng đùa một chút để che dấu nỗi ngượng-nghịu của mình:

— Thì thôi ăn đây, mời người đẹp bắt đầu đi cho, đừng vẹo cái đầu mãi mà anh phát điên lên bây giờ.

Tuân hay đưa Hương đến đây ăn, một cái quán hơi vắng, đủ trang nhã cho những cặp tình nhân, có nhạc nhè nhẹ, ánh sáng cũng vừa đủ để cho nét mặt người con gái mơ hồ hơn lên. Hai người bắt đầu ăn, đối thoại bớt dần bởi vì đều có những ý nghĩ phân tán.

Bao nhiêu lần cùng đi chơi, Tuân càng ngày càng thấy mình không thể nào tách khỏi đôi mắt « muôn đời sầu muộn » của Hương và hầu hết thì giờ rồi, đôi lúc cả thì giờ bận nữa, Tuân đều dành cho Hương. Tuân đâm ra trẻ con và quên hẳn thế giới bên ngoài ; chàng lo từng cử chỉ, săn sóc từng thức dùng lặt vặt cho Hương, bỏ công đưa Hương đi đi về về... nghĩa là Tuân chỉ có 2 nơi : y-khoa cho sự nghiệp mai sau và Hương. Chỉ tội nghiệp cho Tuân là Hương đã đến với Tuân bằng sự tính toán ; vui với Tuân bằng khắc khoải ; đôi lúc Tuân bắt gặp những thoáng buồn trên nét mặt Hương Tuân cũng chỉ cho đấy là những điều cần có để cho người con gái thêm đẹp ; Tuân có ngờ đâu đó là những thoáng nghĩ về Cường, ray rứt về Cường. Hương có cảm-tưởng phản bội Cường là phản bội luôn cả tấm tình yêu trong trắng, không dằn đo mà Hương đã dành cho Cường ngay từ phút đầu, vào một buổi chiều cuối năm êm ả. Có lúc nghĩ lại, Hương chẳng hối-hận đã yêu Cường dù Cường không đủ hay chưa muốn bảo đảm tương lai cho Hương. Sinh trưởng trong một gia-đình nề nếp nhưng không mấy nghiêm khắc, Hương có một tâm-tình phóng khoáng, một lối sống cởi mở hơi chút lãng-mạn. Cường lại có đủ yếu tố là a thỏa mãn những cá-tính đó. Một nét vẻ phóng khoáng, những câu văn (và những bức thư tình nữa) đượm tình, nhẹ như mái tóc của người con gái đẹp vào một buổi chiều lộng gió, một cuộc sống đầy phiêu lưu và đổi thay, tất cả điều đó thêm vào những cách tỏ tình kinh-nghiệm của Cường đã làm Hương ngay từ phút đầu đã ngây-ngất trước cái nhìn kín đáo của Cường. Thế mà giờ đây mới hai tháng nay, Hương đã bỏ hết những gì thiêng-liêng để đi sát với thực-tế : thực tế là Hương cần có một tấm chồng xứng đáng, cho Hương, cho gia-đình Tuân đến với Hương với đầy đủ điều-kiện. Sự thành thực gần như ngây ngô của Tuân làm Hương yên tâm. Đó là chưa nói đến sự dị đoan của Hương là « ông thầy tướng bảo với mẹ là cô Út (tức Hương) thế nào cũng có một đức ông chồng xứng đáng ». Hương nhớ lại lời mẹ và mỉm cười.

Trong lúc đó, Hương đột nhiên ngửng đầu lên và suýt kêu lên nho nhỏ :

— A, cái anh gì...

Ý Hương định nói « cái anh gì ở với anh trong phòng mồ hôm nọ », nhưng chưa kịp nói hết thì Tuân đã nhìn theo chiếc mắt của Hương và ngạc nhiên kêu :

— Chương ! vào đây mà lại lơ tớ đi thế. Qua đây một chốc chơi nào ! (Tuân và Chương vẫn mày tao, nhưng trước mặt người lạ thì cậu cậu tớ tớ ra vẻ lịch sự lắm).

Chương rời bàn ngồi, sau khi đã bắt tay Tuân, Chương xây về phía Hương lịch sự :

— Chào cô. Cô còn nhớ tôi ?

— Úi chà, làm sao mà quên cái anh hôm đó đã nghịch Hương cả thẹn đến chín cả mặt đi được.

Và Hương cười, dễ dàng tự nhiên. Con mắt có đuôi. Chương nghĩ thầm : « Thế này thì trách gì thằng Tuân không chết mệt đi được ». Thoáng thấy Chương yên lặng, Tuân đã vội phân-trần một cách kín đáo :

— À, cậu ngồi. Tớ định cho cậu hay về chuyện mồ hôm trước nhưng bao nhiêu lần định nói lại thôi...

Chương hiểu ngay ý bạn sợ anh trách Tuân về vụ không cho anh biết gì về Hương nên vội nói cho Tuân yên lòng :

— Không can gì, cậu cứ việc làm một mình cũng được. Và chàng thối thác, không muốn làm rộn Hương và Tuân :

— Thôi để khi khác, bây giờ tớ phải quay lại bàn cũ kẻo tụi bạn mắng cho (Day qua Hương) : Xin lỗi Hương, (và đùa thêm trước khi đi) sao, bắp chân Hương có cái sẹo nào không ?

Hương bối rối cúi mặt, sau khi đã ném về Tuân một nụ cười biết ơn.

■

Cường đạp thắng thật mạnh, không cần khóa xe Cường hấp tấp chạy vào bệnh viện, người gác cổng quen mặt.

— Thưa Ông tìm Ông Chương ?

— Vâng, Ông bảo hộ Chương có Cường hỏi thăm.

Cường tần ngần nhìn tấm bảng « Danh sách nạn nhân trong vụ ném lựu đạn tại... » Cường lẩn thẩn mong có tên mình trong đó hay ít ra cũng có tên người con gái đã phản-bội mình, và chàng chắc lưỡi : « Thà thế này còn hơn, » bao nhiêu lần chàng ghi trên trang giấy những bế tắc của đời mình, rồi loay hoay với những mẩu tình-cảm vụn-vặt, và cuối cùng vẫn tay trắng.

— Đi đâu đấy, ông bạn ?

Cường giật mình. Chương hiện ra sau lưng Cường đột ngột. Giọng nói ấm cúng của Chương trấn an Cường khá nhiều. Cường mời :

— Đi chơi với tao giờ.

— Mày không biết là tao trực bây giờ à ? Mà có chuyện gì cần không ?

— Cóc có chuyện gì cần cả. Mày

bỏ trực, bỏ thầy, bỏ bà, bỏ bệnh nhân đi theo 1 bữa có được không?

Chương thấy nét mặt Cường vừa buồn vừa giận dữ. Chàng đảo mắt quanh phòng và mừng rỡ kêu :

— Chị Thanh, xem chừng phòng «consultation» hộ một chút được không ?

Thanh vốn mến Chương, vui vẻ nhận lời ngay :

— Vâng, anh có việc gì cần lắm không ?

Chương nói dối :

— Ồ, cần lắm chị ạ. Không có đâu dám phiền chị.

Chương bỏ cái b'ouse ra. Cường thấy Chương chẳng có vẻ một sinh viên y khoa tí nào cả. Tóc rối, mắt sâu, tâm hồn đa cảm, phóng túng.

Ngồi trên xe của Cường, Chương mới bảo :

— Nào bây giờ cho « bỉ nhân » đi đâu đây ?

— Xa lộ, Tân sơn Nhứt, Cầu chữ Y, Bến Tàu, vân vân, và vân vân. Chỗ nào yên lặng nhất là có tao, ồn ào nhất cũng có tao.

Chương thích chí cười to :

— Ông bạn lại thất tình rồi phải không ?

— Cũng đại loại như thế. À mày biết Hương không nhỉ ? Nữ sinh Trưng-Vương đấy.

Cường rồ ga. Chương phải hét to :

— Có phải đệ nhất C không, cô nàng có mái tóc không bao giờ chải thì tao biết.

— Ủa mày biết ư ? Thế thì vào đây tao hỏi chuyện.

Cường ngừng xe trước một tiệm ăn rẻ tiền, lụp xụp nhưng được cái ít khách vào giờ này. Chưa ngồi, Cường đã nói :

— Nào, mày không uống tao cũng bắt uống. Mấy cái quán nhỏ này mới có dế ngon và đồ nhắm hay đáo để.

— Thôi tao van mày để tao còn về làm việc chứ. Buồn dễ mà uống rượu thì mặc xác mày ; tao xài cà-phê thôi.

Chương có tật ghiền cà-phê. Chương đã trả lời với chị Mi (chị Chương) mỗi lúc chị rầy : « cấm gì thì Chương chịu, chứ càphê là nguồn cảm hứng, là người yêu thì Chương từ bỏ sao dành ». Mỗi lần thế chị Mi chỉ biết cười và tuyên bố : « Thằng em bất trị ».

— Chương, mày biết Hương thật ư ?

— Vậy có đúng là cô bé tóc xõa ngang vai luôn luôn rối bời như đời mày và đôi mắt buồn muôn thuở trái ngược với lối phóng solex bạt mạng không ?

— Chắc là đúng đấy, Cường nói tiếp chán chường, mà có sai tao cũng cóc cần. Bây giờ hắn bỏ tao rồi ; hôm qua tao với em cãi nhau kịch liệt ; tao không ngờ gần nửa đời người mà tao còn không thực-tế bằng Hương.

— Nhưng mày có yêu thực cô Hương không !

Cường có vẻ trốn tránh :

— Tao hiểu mày hỏi câu đó có ý chỉ trích. Nhưng mày thử hỏi bao nhiêu tranh tao vẽ, bao nhiêu bài tao viết gần đây đều do Hương gợi cảm hứng, làm sao bây giờ tao không khổ tâm cho được.

— Tao muốn biết mày yêu Hương thực hay mày chỉ đã đóng một vai trò với Hương trong mấy tháng qua, với tao bây giờ và mãi mãi mày dánh lừa tình cảm của mày trong suốt cuộc đời của những kẻ dùng tình yêu làm nguồn sáng tác ?

Chương muốn nói thêm : « Nếu vậy thì mày có thể yêu một lúc hằng trăm cô khác nhau để viết, để đau khổ », nhưng trông vẻ mặt thiểu não của Cường, Chương không muốn tàn nhẫn :

— Nhiều lần đi chơi với tao, Cường nói, mày muốn hiểu tao ra sao thì hiểu ; nhưng tao không chịu nổi sự giả dối ở đời này. Đến lúc sắp lấy chồng, em mới nói với tao là em yêu tao ghê lắm, nhưng em buộc lòng phải lấy một thằng giàu hơn tao, sắp có địa vị hơn tao. Thực-tế và thối tha đến thế đấy. Xã hội đã tạo cho tao nhiều mặc cảm và do đó tạo ra những thằng bê tha như tao. Mày có nhận thấy thế không ?

Chương nhấp một ngụm nước. Chàng bắt đầu nghĩ đến sự hằn học của Cường và quên mất Cường cần mình an ủi.

— Đã bao nhiêu lần tao nghe mày đổ lỗi cho kẻ khác, cho xã-hội; sao tao không thấy mày tự phân tích lấy mình, hay là mang một ý-niệm cải tạo một phần nào xã-hội mà trong đó mày là một thành phần. Mày chỉ hằn học, mà hằn học ích gì ? Bây giờ tao phải về, tao không thể bỏ phận sự nhiều và lâu hơn nữa. Với lại tao cũng không nói gì hơn nữa với một kẻ đang thất tình. Những lúc như lúc này, tao biết không chia xẻ gì với mày được, mày đang không thấy gì ngoài cái vũ-trụ u tối của mày, xã-hội muôn mặt đang thu gọn vào khía cạnh tầm thường nhưng muôn thuở là một cô gái sang ngang để lại cho một hay nhiều chàng trai những bộ mặt trông thì thiểu não lắm nhưng rồi mọi sự cũng qua đi và mày lại tiếp tục tìm những khuôn mặt mới.

Cường công nhận là Chương nói đúng, nhưng lúc này Cường muốn chửi vào mặt Chương cho hả giận, để trả thù Hương, để trả thù thằng nào cướp mất Hương.

Cường đưa Chương trở lại bệnh viện. Giữa đường hai đứa không nói với nhau một lời nào. Lúc xe ngừng trước cổng Chương mới sực nhớ ra :

— À, tao quên mất. Hương sắp lấy ai mày nhỉ ?

Cường buông thõng :

— Nghe đâu một thằng sinh viên lớp mày, tên Tuân thì phải, con nhà giầu, có xe hơi. Mày biết thế đủ rồi.

Cường rồ máy chạy ngay, không kịp để ý đến Chương vừa mới vỗ đùi một cái thật mạnh và thầm nói : « Ủa, thế này thì Tuân tệ thật ». Và Chương lững thững bước vào bệnh-viện, ngồi vào ghế chỗ khám bệnh ngoài, quên cả cám ơn chị Thanh, bóp trán nghĩ ngợi.

■

Sau đêm trực ở Bệnh-viện, một vì làm việc thì ít mà vì suy nghĩ vẩn vơ thì nhiều, trưa hôm sau Chương đánh một giấc đến bốn giờ chiều. Chàng nằm yên, nhìn lên trần nhà. Mấy con thằn lằn đang kiếm mồi, ở trong góc có hai con đang tán-tỉnh

nhau , chàng nghĩ đến hai chữ « faire amour » của Sagan thường dùng. Mọi sự xảy đến những tháng gần đây làm Chương xa Tuân hơn và chán ngán cái thế giới của Cường. Với tay lấy cái thiệp mời của Tuân, đọc mấy chữ « Nhân dịp lễ đính hôn của...» bắt Chương nghĩ đến nét mặt rạng rỡ của Tuân ban sáng :

— Mày đừng trách tao. Tao không bàn với mày trước vì tao biết thế nào mày cũng cản trở và cho tao là vội vã, linh cảm mà.

Lần đầu tiên Chương buộc lòng giả dối với Tuân, điều mà Chương không bao giờ nghĩ đến :

— Tại sao tao cản trở mày và cản trở làm gì mới được chứ. Mỗi đứa có một quyết định và một hướng đi. Tao chỉ mong những dự định của tụi mình mày vẫn tiếp tục.

Nói thế nhưng Chương không hy vọng gì ở Tuân nữa. Những sự đổi khác ở Tuân và mấy tháng nay làm Chương không những thất-vọng về Tuân mà còn lo sợ cho chính mình ; lo sợ mình sẽ một ngày nào đó không nhìn xa hơn nữa và dừng lại ở mức đường dự định, những vụn vặt cá nhân sẽ là những điều trọng đại cho cuộc sống của một thằng trai sắp mang một sự nghiệp nặng nề thì thực sự đến với Chương là một đe dọa lớn lao cho những dự-định của chàng. Chương lo sợ một ngày kia Chương sẽ như Tuân bây giờ, nhìn cuộc đời không xa hơn tầm tay của người yêu, xây mộng đẹp không cao hơn chiếc nhà lầu, tìm sự huy-hoàng không đẹp hơn chiếc xe hơi lộng lẫy, viết những câu văn không hay hơn những bức thư tình ấu-trĩ. Chàng nghĩ đến những câu nói của Cường và cảm thấy cần đứng về một thái-cực để ghét cay những bộ mặt vênh-váo phè phỡn, suốt đời cặm cụi nghĩ về cá nhân mình đến trơ trẽn.

Bực mình Chương nghiêng người, với tay mở radio, phần giới thiệu thiên tài sáng tác Mozart, những bản nhạc của Mozart mà chàng đã nghe ở nhà Cường một đêm nào mưa gió. Nghĩ đến Cường, Chương cũng chẳng có một sự thoải mái nào hơn. Chương không hiểu mình khó tính với bạn bè hay với cái xã-hội mình đang sống. Trong lúc Tuân thỏa-thuê với sự sở-hữu hóa Hương về mình thì Cường vẫn chiều chiều lang thang đi tìm những kỷ-niệm cũ. Chương chẳng thương hại Cường bao nhiêu, vì anh đã biết Cường nhiều quá ; trong một lúc anh chàng « văn-nghệ-sĩ » đó (tiếng Chương vẫn dùng mỗi lúc muốn chọc tức Cường) có thể đóng một vở kịch khổ đau với hàng chục cô gái, và cô nào cũng ngỡ mình đang là thần tượng của Cường. Bởi vậy Hương cũng chỉ là một con số ghi thêm vào sổ tay yêu đương của Cường. Chàng chỉ bực mình là ngòi bút của Cường vì đó mà không tiến thêm gì được nữa ; Cường đã loanh quanh mãi với càphê, với thuốc lá ; tạo cảm hứng bằng nét mặt bự phấn của mấy cô ca sĩ hay là giọng nói thơ ngây của mấy cô nữ sinh. Cường chỉ nghe tiếng nhạc dồn dập mỗi đêm mà quên mất tiếng súng mỗi đêm đì đạch vọng về ; tìm những lộng lẫy giả tạo mà quên mất những vũng bùn, những ánh đèn vàng vọt trong những túp lều xơ-xác. Những cảm-hứng trong phút chốc đó của Cường đã đẻ ra những sáng-tác tai hại cho cả một lớp tuổi trẻ đang tò mò muốn biết bên trong cuộc yêu đương có điều gì mới lạ, bên trong sự bê tha có điều gì đáng được tha thứ.

Chương bâng-khuâng xét lại lòng mình và luôn luôn chỉ là những lo sợ, những khắc-khoải , sợ cái lối khép mình lại như Tuân, sợ những lừa dối tình cảm tai hại như Cường. Chương chỉ mong sự thực cứ trắng trợn đập vào mắt anh, in vào trí anh thật mạnh để anh luôn luôn thức tỉnh, không bị những hào nhoáng giả tạo che kín, để anh không bao giờ tự thỏa mãn với chính mình, «không vênh váo phè phỡn».

Bức ảnh Mona Lisa mỉm cười. Chương nhìn lại và bỗng nhiên chàng thấy mình thoải mái nghĩ đến những tuyệt đối vẫn hiện-hữu mà chẳng ai tìm ra. Chương vùng dậy đi rửa mặt. Đồng hồ chỉ 6 giờ chiều.

■

Vào một buổi chiều cuối năm, gần một tháng sau lễ đính hôn của Tuân, Chương đang đi một mình trên vỉa hè Lê-Lợi tìm mua một cuốn sách cũ của Koestler thì gặp Hương cũng đang tìm mua một thứ gì.

— Ồ, anh Chương.

— Hương ! Sao đi một mình ? Anh Tuân đâu rồi ?

— Dạ anh ấy đang bận. Gặp anh đây thật tiện, cho em nói một câu chuyện có được không ?

Tự nhiên, Hương xưng « em » ngọt ngào quá. Chương nghĩ có lẽ Hương có chuyện gì bí mật.

— Vâng, Hương cứ nói. Tôi hiện không bận gì cả.

— Dạ, có một hôm lâu lắm rồi tình cờ anh Cường có nói đến tên anh và tỏ ra biết anh nhiều lắm. Trong lúc đó, anh Tuân vẫn nhắc nhở đến anh hoài, luôn miệng khen anh tế-nhị. Cho nên, em biết chắc là anh Cường đã nói tất cả với anh về em. Em chẳng mong gì hơn là nếu anh hiểu nỗi khổ tâm và hoàn cảnh của em thì xin anh đừng nói gì với anh Tuân về chuyện em cả. Cường vẫn là một dĩ vãng đẹp của em ; nhưng chắc anh không nỡ nào không cho em sung sướng bên cạnh Tuân.

Chương nghe xong, ồ lên một tiếng thật lớn rồi nói :

— Tưởng chuyện gì quan trọng, chuyện ấy Hương đừng lo. Hương có lỗi gì trong sự quyết định ấy đâu, một quyết định mà không chóng thì muộn một người con gái cũng có. Về phần tôi, ngay từ lúc đầu tôi đã bảo là bắp chân của Hương không mang vết sẹo nào cả.

Hương trố mắt nhìn Chương, nhưng Chương vẫn thản nhiên tiếp tục :

—Chỉ có một vết sẹo trong khoảng suy tư của riêng tôi mà thôi. Vả lại tôi cũng chẳng nói cho anh Tuân hay điều gì nữa. Tôi bắt đầu và luôn luôn đối thoại với chính mình để thấy được sự thực.

Hương lí nhí cám ơn và cúi đầu chào Chương quay đi, mà vẫn ngạc nhiên không hiểu Chương muốn nói gì.

HẢNGHÀSA 5164.



tái sinh

Chợt có tiếng giày khua trên lối nhỏ,
Đôi nhân tình dìu nhau trong bóng đêm.
(Người con gái dáng chừng như bỡ ngỡ).
Đôi tình nhân làm Anh nhớ đến Em.

• **Đỗ Lang**

■

chợt

Nếu một mai giữa trăng sao vời-vợi
Anh ngủ ngàn năm thề-xác đơn-côi
Em hãy đến bên anh môi kề môi
Truyền sinh-khí trái tim anh ủ-rũ
Hồn năm xưa tìm về thân-xác cũ
Mắt sáng ngời tim yêu bừng nhịp-thở
Sống nốt bên em tình xưa dang-dở
Để hồn anh khỏi hận đáy mồ sâu

• **Phan-giang-Châu**

kiếp người

Oh ! Seigneur, j'ai vécu puissant et solitaire
Laissez-moi m'endormir du sommeil de la terre.
Alfred de Vigny

Một tay ôm Thượng đế
Một tay nắn địa cầu
Bàn chân lười bén rễ
Trở mình nghe chớm đau

Luân hồi dài vô tận
Dẫn đến cõi vô cùng
Biết đâu là giới hạn
Thôi — về con số không

Quỳ đây xin đón nhận
Hoài nghi làm thánh kinh
Với hai bàn tay trắng
Biết gì hơn làm thinh

Từ trên không vọng xuống
Ban cho mình niềm tin
Vội đi tìm lẽ sống
Đêm nay còn trăng lên ?

• **Hoàng Dung**

■

tuổi sầu

thân này bọt bể vật vờ
hay hơi sương đọng qua bờ mi khô
tay gầy những ngón bơ vơ
trán hoang gọn nét suy tư mấy trời
hồn dừng đón nhạc thiên khơi
buồn lên môi ấy khua vời đêm đi
thả trôi sóng tóc niên thì
mộ sâu lấp kín nghĩa gì tình yêu

• **ninh chữ**
(trích tuổi đời)

nỗi buồn y-học

• Y-sinh Nguyễn-thanh-Trà

Em là một Bịnh-Nhân
Anh, sinh-viên Trường-Thuốc
Nhờ khổ-đau, lo lắng
Anh mới được gần Em !
Mấy ngày nay em cho anh lòng Tin-Tưởng
nên ở phòng Cơ-thể-bịnh-lý
Anh gởi theo Đời hai đứa chúng mình !
Chờ-đợi giùm nhau
nên nào nức như cuộc cờ đen đỏ !
Nhưng em ơi
hôm nay Đất Trời cùng vỡ-lở !
Tại sao em mắc bịnh ung-thư ?
Loại ung-thư Trần gian hiện giờ không thể chữa !
Anh biết nói làm sao
khi em nhìn anh má còn hường hơn hôm đầu gặp gỡ ?
vì khiêm-nhường em tìm cách bỡ-ngỡ
tay mân mê tà áo, mắt nghiêng nghiêng liếc xuống đất nền
tay vẫn vô-tình vén chân quần diễm-ảo
để anh nhìn gót ngọc nước ngà lên !
Em ơi !
Còn chi nữa mà em làm duyên dáng !
Còn chi nữa mà Ngày-Mai còn để em gối mộng nằm mơ ?
Bao Đợi-Chờ của em nay đứng lại đợi-chờ...
Đời từ nay chỉ là của anh, của những người may mắn
Của Saigon ác-nghiệt không muốn Đời Em theo !
Anh nghẹn ngào...
nghẹn ngào ít vì biết em sẽ chết
mà nghẹn ngào nhiều vì thấy em đang chết trước mắt anh !
Em vẫn yêu bịnh-viện với tất cả chân thành
như người con tin Mẹ nhiều Hạnh-phúc ?
Anh trở thành chánh-án và tử-tù trong giây phút
nên chợt thấy mình tuyên-bố xóa đời em !
Phương-tiện cuối cùng để bắt em lìa thế-tục
kinh-khủng hơn cầm dao cứa cổ
dã-man hơn ghế điện nướng người ta
là nguyên vẹn một đau thương tột độ
của anh đây ! Ôi thịt ngọc da ngà !
vì em sẽ đau đớn vô cùng
mà anh thì chẳng nỡ
cầu tháng ngày cho mãi dài ra !...
Em ơi !
làm sao mà giữ lại xao-xuyến cửu-trùng cho mắt biếc ?
đôi gò má ngon lành mà em làm đỏ-trắng du dương ?
chiếc mũi mà Thinh không lạy chầu đường diễm-tuyệt ?
ngự trên làn mội chín mộng mười phương ?
Làm sao giữ Dịu-Hiền Đoan-Trang ấy
cho da hường trinh bạch
sắp tang thương hơn một bãi chiến-trường ?
Chân thon đẹp và ngực mùa sinh-lực dậy
mai mốt làm sao ngăn thịt-xương, dòi bọ
biến em thành một gớm ghê kinh-khủng
làm lạc Hồn người đã nguyền cùng em
là mãi mãi sẽ yêu-thương ?
Em ơi ! Anh cương quyết không đầu hàng Thần chết
Thần chết là hiện-thân bất lực của loài người !
Nếu sống vào thời mà y-học đã tận cùng mức tiến
em chết đi, Anh đâu đành oán hận Ngày-mai !...
Xương thịt em Trời sanh ra không để mà kiến-thiết
Chúng đang phản bội em !
Máu đang chở tế-bào đi bóp nhàu não-tủy
Phổi rồi đông đặc lại, gan cứng như gỗ đá, tim nhầy-nhụa, rã-rời
Lại còn lừa em khi em đà kiệt quệ
Sống thêm giờ cho chúng nó nghỉ ngơi !
Em ơi !
lúc em vĩnh-biệt cuộc đời cho vừa lòng Mệnh-số
xin hiểu rằng :
anh chỉ thua Xương-thịt của em thôi !

vượt cạn

Âm-thầm khăn gói lên Từ-Dũ.
Cắn răng bụm mặt dám chào ai ?
Nhìn người sung-sướng lòng cha mẹ.
Bóp nghẹt sao cho tiếng thở dài ?

Con cũng như cha ruồng rẫy má ?
Đang tâm thúc dọc đạp ngang hoài ?
Hay con hờn phận không tên họ ?
Người ấy đi rồi biết mượn ai ?

Hẳn rõ tương-lai chữu tủi sầu :
Chào đời do dự chẳng ra mau.
Vô tình Bé ác hơn cha Bé.
Đâu biết lòng ai nặng khổ đau ?

O oe Bé khóc không người bế.
Nàng cũng nằm run chẳng chiếu chăn.
Nhìn con nước mắt tràn thay sữa :
Con ngươi có loé chút ăn năn ?

Lệ hồng giọt giọt đẫm sàn hoa.
Dăm người sản phụ vẻ bâng quơ.
Lướt qua như sợ lòng lây xấu.
Sao bỗng dưng tôi thấy mắt mờ ?

Nàng cúi nhìn con nác nghẹn lời.
Đứa con tím ngắt lặng từng hơi.
Biết chăng cánh bướm say ân-ái.
Đã mấy hoa tươi rã cánh đời ?

ĐỖ-QUÝ-BÁI

«NẾU BIẾT CÓ NGÀY EM SẼ YÊU TÔI»

Nếu biết có-ngày Em sẽ yêu-tôi,
Thà rằng tôi không yêu nữa !
Nhưng tình-yêu sao kỳ-ảo, diệu-huyền ?

Ai có thể muốn : đừng-mưa, đừng-gió !
Kéo đám mây-đen, trôi dạt một góc trời...
Nhặt đám nắng vàng gom-lại, hy-vọng đợi mùa-đông
Ai có-thể không cười, không-khóc trong cuộc-đời...

Dù đau-đớn cùng-cực,
Hay mộng đang dệt lên-khơi...
Những lúc hồn đang rạo-rực si-cuồng

Ai có-thể không yêu nữa !
Lúc tình-yêu còn giăng-mắc, đan-kín cả một trái-tim...
Chỉ trừ-khi, tôi còn khối-óc, chưa thấm nét-hình Em
Trong mùa-hoa sim-tím...

Nếu biết có-ngày Em sẽ yêu-tôi,
Thà rằng tôi không yêu nữa !
Và cố ra đi... những-lâu-rồi...

Để Em sẽ-quên mấy ngày-đầu ấy !
Và đừng chớp-chớp hàng-mi...
Và đừng gởi-gấm tình-yêu qua sóng-mắt !
Để Em sẽ đi thanh-thản trên-đường
Đầy nhung-y lụa-gấm !
Không tiếc nhớ vấn-vương...
Để Em sẽ về ngõ-sáng chan-hòa
Ánh đèn-đêm hiền-dịu :
(Soi xác-pháo đêm-đông...)
Cho con-tàu đi không cần dừng-lại,
Dù chỉ-một ga bé-nhỏ bên-đường...

Trời ơi !
Tôi đã « khóc » nhiều lắm !
Mà sao-vẫn không kéo lại nổi thời-gian...

Để ước-mong thấy ngày-Em-chưa-yêu-tôi,
Cho lòng Em đừng đau-đớn
Cho hồn Em được thảnh-thơi...
Và trả-lại cho Em
Thời-tươi-trẻ nhất-đời...

Bảo-Triết

NGÂN HÀNG MÁU

Tình huynh-đệ trong bình máu thắm,
Trái huyết-cầu ủ ấp yêu thương.
Trong bịnh-viện, chốn sa-trường,
Ngân-hàng-máu nêu cao gương xả-kỷ.

Người sản-phụ làm băng (1) rên rỉ,
Mạng thương-binh sợi chỉ mong manh.
Chơi vơi lá rũ trên cành,
Thoi thóp mảnh hồn chênh vênh vực thẳm.

Tiếp ngay máu hồng tươi son đậm,
Giọt theo giọt vào tận tim gan.
Màn đen tử-khí xé tan,
Đem nhựa sống cho muôn ngàn sinh-mạng.

Tay tế-độ không phân thù bạn,
Mối tương-lân chẳng quản sang hèn,
Màu da trắng, đỏ, vàng, đen,
Bề trong máu chảy ruột mềm như nhau.
Đức độ-sinh (2) nghĩa nặng ơn sâu,
Cơn hoạn-nạn em đau anh sót.
Máu anh, châu gieo thánh thót,
Đáy tim em giỏ những giọt ân-tình.
Anh là ai ? nào biết tính danh,
Trong im lặng hy sinh chia xẻ.

BÁC-ÁI, TỪ-BI, HUYNH-ĐỆ
Những danh-từ cao đẹp nhẹ như ru,
Êm đềm như khúc nhạc mùa thu,
Sáng lạn như mặt hồ buổi sớm...
Tình nhân-loại, tình đầm ấm,
Của những bình máu thắm gửi Ngân-Hàng.

B.S. Trần-Văn-Bảng

(1) Băng huyết
(2) Độ-sinh với đức cao dầy (Kiều)

CONSTANTINOPLE

LỜI TÒA SOẠN. — Vũ Quân hiện ở Paris: theo ngành khoa học. Chưa hề viết văn in bán, nhưng hồi còn ở Trung học rất hoạt động trong nghiệp « báo bỏ » học sinh. Nhận được TÌNH THƯƠNG do một bạn gửi máy bay sang tặng, hứng cũ lại nổi. Bèn gửi về một bài.

Vào dịp nghỉ lớn, Vũ hay ngao-du sơn-thủy rồi ghi lại những cảm-hứng chợt đến để lúc nhàn cư thưởng-thức một mình. Trong những cuộc viễn-hành như vậy, đã có một hôm Vũ dừng chân ở Constantinople...

« Đi cho biết đó biết đây
« Ở nhà với mẹ biết ngày nào khôn »

Hè thủa ấy ngao du với một đoàn mắt xanh da trắng, giữa muôn đợt sóng cùng với ánh dương. Cây nào rợp lối đi ? Hoa nào xinh trước ngõ ? Biển nào nước biếc xanh ? Xứ nào tươi ánh nắng ? Ngàn lẻ một đêm câu truyện cũ. Ba mươi thế kỷ những mơ màng. Cái thuở văn minh xưa đã tắt, ngày nay di tích cột trơ kèo. Chỉ thấy trời vẫn biếc mây trắng cứ bay hoài, biển vẫn nhấp nhô muôn sóng và hải đảo vẫn đầm mình phơi nắng vi vút gió ngàn khơi. Nào đâu thủa thịnh thời hải hạm Agamemnon xâm chiếm thành Troie, nào đâu người đẹp Hélène, nào đâu mưu thần Ulysse. Thủy quái nay không còn nữa, tìm đâu ngư nữ vui ca dưới ánh trăng vàng...

Constantinople, một cổ thành xinh đẹp ven biển Bosphore nối liền hai lục địa Á Âu, đã là một trung tâm văn hóa với các vì vương hồi giáo lừng lẫy một thời của triều đại Ottoman. Sau này Mustapha Kémal, vị cha già của dân tộc Thổ, đã đổi tên lại là Istanbul, đồng thời cũng dời đô về Ankara nội địa Á Châu. Lịch sử Istanbul ly kỳ từ thuở mới lập thành cho tới bao chuyện hưng vong.

Ngày xưa có một chàng Hy-Lạp, tính thích giang hồ, lòng những mong lập một Thành đô ở chốn xa xôi. Chàng khấn thần xin quẻ, được dạy rằng : « Người hãy ra đi, cho tới khi nào thấy một giống người mù, thì người khả dừng lại xây thành lập ải, để lừng danh muôn thuở và lộng lẫy một phương » Chàng Hy-Lạp ra đi mà lòng buồn rười rượi. Cái giống người mù mới khó kiếm làm sao ! Chàng đi mãi mà phương trời mờ mịt ; chỉ thấy toàn người tốt mắt tinh ngươi. Cho tới một ngày chân chồn gối mỏi, chàng ngừng thuyền trên vịnh Bosphore, nhìn ngắm trời mây hết Âu sang Á, chàng mới giật mình chợt hiểu lời sấm dậy của thần nhân. Phía Á châu quả có một giống người mù, họ đã xây thành lập ải mà chẳng rành địa lý thiên văn. Ai lại xây thành ở Châu Á; khi đất Âu trời dành sẵn một hải-cảng Thiên-nhiên. Chàng Hy-lạp bèn lập Thành-đô, để mãi mãi về sau, Constantinople vẫn vang vang như tiếng gọi của thiên-đàng, với những đền đài tráng lệ và thánh đường hồi giáo nguy nga. Nào « mosquée bleue » với tường trần men sứ ông ánh xanh lơ, nào nhà thờ thành Sophie với vòm cong lớn nhất thế gian này ; để mỗi khi bầy chiên cao tiếng hát, nhạc vọng điệp trùng tám chín âm giai. Nào thánh đường « Soleiman le Magnifique » với bốn tháp chuông hồi-giáo cao vút ngự-trị trên đỉnh đồi cây cỏ biếc xanh, ngôi đền đã được ví như con sư tử nằm nghỉ ngơi chốn cao sang, có thừa sức lực mà không thèm xử dụng, khác chi đại đế Soleiman thủa thịnh thời của triều đại Ottoman. Đền đài cung điện của các vì vương vẫn còn nguyên đó, đủ cả châu báu ngọc vàng lóng lánh muôn ánh kim cương. Du khách đã có lần tự hỏi, ta tỉnh hay mơ, ngay cả đến khi mơ cũng chưa từng thấy nào cơ man là châu báu chói lọi muôn màu rực rỡ như đây. Nào bể tắm lộ thiên với đền vua phủ chúa, mỗi khi ngài ngự ngắm trăng rằm, giữa vườn thượng uyển hoa nở ngát hương, với trăm nghìn cung tần mỹ nữ nõn nà ; thì trên lầu cao chúa thưởng ngọc vàng, ném tung muôn ánh kim cương trên làn nước biếc và người đẹp đua nhau bơi lội, khác chi đoàn ngư nữ giữa cảnh sóng vờn muôn đợt xôn xao...

(Trích hồi ký)
VŨ - QUÂN

NHỮNG LÁ THƯ GỬI TỪ BỆNH-VIỆN

Bịnh viện Bình Dân tháng 3-64

Thanh,

Hôm nay Anh đưa Thanh đi viếng cái thế giới của bọn Sinh viên Y khoa tụi Anh nhé ! Anh không dám nói trước với Thanh điều gì cả vì thế giới của bọn Anh khô-khan lắm. Nhưng ở đây cái thinh-sắc vẫn có linh hồn ; lũ người tụi Anh vẫn biết yêu thương, vẫn thấy lòng mình lâng-lâng nếu một sớm nọ phải đi lạc giữa những hàng cây trụi lá, phải mon-men theo bờ hồ không gợn sóng của thành Avray dịu hiền, hay nếu một chiều kia phải thấy nắng vàng ủ-rũ thoi thóp... Thế giới của bọn Anh cũng có lịch-sử như trăm ngàn câu chuyện khác. Nó bắt nguồn từ khi con người thấy đớn-đau và cần có Tình-thương để xoa dịu. Cũng vì thế cái triết-lý của con người áo trắng là đem Tình-thương đến hết thảy mọi người không phân biệt tôn giáo và giai cấp. Thật là đơn-giản phải không Thanh ! Chính lẽ đó, tụi Anh rất dễ thông-cảm nhau. Chỉ một ánh mắt, một nụ cười, một phiên gác chung là bọn Anh đã thành tri-kỷ, rồi thủ-thỉ cho nhau nghe chuyện tâm tình.

Tuy là một thế giới không có biên cương nhưng tụi Anh đã lấy bệnh viện này làm Kinh đô, có lẽ vì số Sinh viên đông nhất và hơn nữa ở đây có những vị Thánh sống đang trị-vì. Các Người thật xứng-đáng với cái danh hiệu trang trọng ấy. Cả một đời người sau này của Anh, Anh chỉ mong bắt chước được một trong muôn ngàn đức tính của các « ông thầy » của Anh ngày hôm nay. Thanh phải nghiêng mình chào các vị ấy và rồi sẽ đi thăm viếng.

Con người Sinh viên Y khoa vui vẻ lắm phải không Thanh ! Họ đang cười đón chào Thanh đó ! Thanh có thấy họ mang trên áo trắng một hàng sao đỏ không ! Không phải là sao trời mọc trên ngực họ đâu ? Mỗi vì sao đánh dấu một niên học, một năm trường khó nhọc, một niềm vui bất tận...Khi sao mọc sáu ngôi, ánh mắt của họ sẽ sáng rực, rồi nhòa đi vì giây phút giã từ những người bạn, những người bệnh đã đến.

Thanh nhìn ở trên hàng sao là thấy tận của họ phải không ? Nhớ kỹ đi, để rồi vài năm sau sẽ thấy họ trên mặt báo ở danh sách « B.S thường trực ».

Anh đưa Thanh đi thăm khu giải phẫu nhé. Phải lên lầu và phải có áo choàng trắng, mặt nạ và mũ đội, đó là chưa kể phải bị thấy cảnh giải phẫu ghê-rợn nữa. Để lúc khác, giờ Thanh hãy lần lượt đến xem khu Nha khoa, khu Ung thư, khu Tiết Niệu, khu Tai Mũi Họng, khu Răng Miệng, khu Ngoài Da. Thanh có thấy bất cứ bệnh gì con người cũng có thể vướng phải. Người này mắc bệnh, người kia không—chỉ vì số-mạng cả.

Một sự làm việc nhịp nhàng từ người học năm thứ nhất đến năm cuối cùng đang xảy ra ở giường bệnh, ở phòng kia, Thanh có nhìn thấy không ?

Hành lang bên kia, sao có đông sinh viên như thế kia, họ im lặng, sắp thành hàng ! Thanh, đó là giờ họ đi theo ông thầy thăm bệnh và học hỏi đó.

Họ chỉ được về nhà khi các bệnh nhân đã được giảng-giải xong.

Sinh hoạt ở nhà thương của tụi Anh là thế đó, và cứ mỗi ngày lại tiếp diễn. Sự mới lạ chỉ do các trạng thái bệnh-hoạn khác nhau của người bệnh đem đến mà thôi.

Chắc Thanh sẽ lấy làm lạ khi thấy bọn Anh vẫn hăng say làm việc. Bọn Anh luôn luôn có phần thưởng ở mỗi người bệnh. Sự cảm ơn khi bệnh đã lành của người ốm thật sâu đậm và chan hòa.

Thôi nhé, thế giới bọn Anh chỉ có chừng đấy thôi !

Anh,

(Trong tập Những lá thư Bệnh viện)



CÁI MẶT

MẶT ở phía trước của đầu. Đó là bộ phận lủng củng nhất trong con người. Nó chứa hai con mắt, hai cái tai, hai lỗ mũi có lông và một cái mồm có răng.

Mặt ở khắp mọi nơi trên địa cầu, đô thành cũng như rừng rú. Hễ đã là súc vật là có mặt : chó, người, trâu, bò, ngựa, khỉ v. v...

Có thứ mặt nóng, có thứ mặt lạnh, có thứ mặt sù sì. Nóng như mặt trời, lạnh như mặt trăng, sù sì như mặt đất. Những người có bản lãnh cao, thường có một bộ mặt lạnh như tiền. Thái-tử nước Yên, đã phải vất vả vò cùng mới tìm được một người có thứ mặt này — Kinh Kha — để đi hành thích vua Tần.

Một người đàn bà, « mặt tựa đồi phấn, môi tựa thoa son », là một người đàn bà đẹp. Mà đẹp thật, nếu tự nhiên được như vậy. Nhưng, nhiều cô đã cố tạo cho mình những vẻ đó, nên đã đồi quá nhiều phấn trên mặt, thành lớp dầy, đến nỗi rằng nếu cắm thẳng một cá tăm xỉa răng vào mặt, cái tăm đó vẫn không rơi sau khi buông tay ra ; hoặc nếu đem nạo lớp phấn trên mặt ra, đem hòa với nước, thì cũng đủ để quét kín những bức tường của một chẩn-y-viện ở đô thành. Vì thế, nên những bộ mặt đó được gọi là mặt dầy (dầy phấn ấy mà !). Mặt dầy còn có nghĩa là phì nộn, to như chiếc bánh dầy đời vua Hùng-Vương thứ sáu.

Chẳng qua, cũng chỉ vì muốn làm đẹp mà thành ra thế. Nghĩ lại, không cứ các cô mới hay làm đẹp, chính các cậu trai cũng làm đẹp ra phết ! Thật vậy. những kẻ xấu trai, mặt như mặt khỉ, lúc nào cũng lo lắng cho sự ế vợ của mình. Bởi thế, chúng rất làm dáng, bằng chứng là mỗi lần đi cắt tóc, chúng đều bắt ông thợ phải cạo mặt cho chúng. Hiện-tượng « mặt trơ trán bóng » sẽ xảy ra, nếu người thợ hớt tóc cạo kỹ quá.

Nhưng, mặt dù đẹp hay xấu, dù sù sì hay nhẵn thín, vẫn là cái chỗ mà người ta thích xem nhất Bởi thế, ngày xưa, trước khi lấy vợ cho con, bố mẹ thường dắt cậu cả đi xem mặt nàng dâu tương lai. Hiện-tượng này ngày nay không còn. Số là các cô thời nay, ngày nào chẳng vác mặt đi xi-nê hoặc đi lượn phố cứ rành rành ra đó, nên các cậu trai chẳng cần gì phải đi theo bố mẹ đến nhà để xem một cái mặt đã biết quá rõ ràng, đã thuộc cả vi-trí của từng nốt ruồi giả nữa.

Trong văn chương, mặt cũng được người ta đề cập đến luôn. Có những cái mặt chắc chắn không đẹp, nhưng vẫn nổi tiếng, thí dụ như bộ mặt lờn lợt màu da của Tú Bà. Lại có một bộ mặt, dù nhăn nhó, cũng vẫn đẹp, có khi lại đẹp hơn nữa, đó là bộ mặt của Tây Thi trong cơn đau bụng.

Khi yêu sách một điều gì mà không được người ta làm thỏa mãn, mặt thường sưng lên. Trường hợp này xảy ra nhiều nhất khi các bà vợ, đòi chồng sắm ô-tô để lái đi đánh bạc, mà không đạt được ý nguyện. Những lúc đó, ông chồng, sau khi chạy tiền méo mặt không ra, mặt mũi hốc hác, thường chỉ muốn lấy chân tát thẳng vào bộ mặt thớt của bà vợ. Thật ra, chuyện này chỉ xảy ra trong các giới mà người ta gọi là thượng-lưu, quý phái, trí-thức thôi. Chứ trong những gia đình mà người vợ « quanh năm buôn bán ở mom sông, nuôi được năm con với một chồng » thì chẳng bao giờ lộn xộn như thế cả.



Nếu hiện-tượng «mặt sưng» thường thấy ở đàn bà thì hiện-tượng «vênh mặt» lại thấy ở đàn ông. Nhiều kẻ, có chút chức tước, hoặc gần người quyền thế, hay biểu-lộ sự tự mãn bằng cách vênh mặt. Án-Tử, tướng nước Tề, một hôm đi việc quan, có tên đánh xe theo hầu. Vợ tên đánh xe nhìn qua khe cửa thấy chồng mặt vênh, dương dương tự đắc. Trong bụng rất buồn. Lúc chồng về, nàng xin từ bỏ nhà ra đi. Chồng hỏi, nàng đáp : « Án-Tử người gầy thấp bé nhỏ, làm đến Tướng nước Tề, danh tiếng lừng lẫy khắp thiên hạ, thế mà thiếp xem ông vẫn có ý khiêm nhường, như chửa bằng ai. Chớ như chàng, cao lớn đẫy đà, chỉ mới làm được một tên đánh xe tầm thường hèn hạ thế mà thiếp xem chàng đã ra dáng lấy làm vinh hạnh, tưởng không ai bằng nữa. Nên thiếp xin bỏ chàng, thiếp đi ». Thời nay, ở nước ta những ông có tác-phong của tên đánh xe thì nhiều mà những bà vợ như vợ tên đánh xe chắc chả có bao nhiêu ! Thật đúng như tác giả Cổ Học Tinh-Hoa đã nói vậy !

Vì Tạo-Hóa phải tạo ra nhiều vật quá nên nhiều khi có những sự lầm lẫn. Có khi ông Trời đem mặt của súc vật mà cắm vào thân người. Bởi thế mới có những giống đầu trâu mặt ngựa. Đôi khi, còn đem cả kim loại mà đúc mặt người và do đó sinh ra những giống người mặt sắt đen sì. Tuy nhiên, có khi cắm mặt súc vật vào con người lại hóa ra tốt vô cùng. Đó là lúc ông trời đem « mặt rồng » cắm vào một người. Nếu là ngày xưa, kẻ có « mặt rồng » này, sẽ làm vua và sẽ có vô số mỹ nữ mặt hoa da phấn hầu hạ.

Vì là một phần của thân thể nên mặt cũng có một kích thước. Nói một cách khác, có cái mặt to có cái mặt nhỏ. Kẻ có mặt nhỏ thì tức là chưa có, hoặc không có mặt to. Mặt to dịch sang chữ nho là đại-diện. Những người mặt to thường họp nhau thành bọn, thành đảng. Ai ở trong đảng mặt to được hưởng nhiều quyền lợi, được đi ăn những bữa tiệc, được bắt tay thiên-hạ, được người ta chụp ảnh đăng trên báo, đôi khi có kèm theo một lời khen tặng có tính cách một câu chửi khéo. Chính vì hay được đi ăn tiệc như vậy nên trong đảng mặt to đã có lần xảy ra những cuộc lủng củng nội-bộ. Tục truyền rằng, năm Mão, họ triệu tập đại-hội-đồng, tranh luận với nhau xem ai đáng được đi ăn và xỉ vả đảng viên nào đã vô lấy « các » (carte) mời ăn, mà không hỏi anh em, đã đi ăn vội vã, đã phỗng tay trên công lao huyết hãn của anh em.

Đại-diện còn có nghĩa là thay mặt. Thay mặt đi ăn chẳng hạn. Thật sướng ! Nhưng đôi khi cũng thật khổ. Đó là trường hợp của con mèo. Thí dụ Nhà không có chó, ông chủ bắt chú mèo phải đại-diện cho chó để ăn một bữa tiệc của chó do thằng con ông chủ sôi bụng bầy ra. Bộ mặt mèo lúc đó chắc sẽ buồn thảm lắm.

Nhưng dù to hay nhỏ, có những cái mặt mà mới thoạt trông thấy, mọi người, bất kể đàn ông hay đàn bà, đều muốn đem đít ngồi lên trên. Để tránh sự hiểu lầm, ta cần minh xác ngay đó là những cái mặt ghế.

Lại có những cái mặt, trông rất êm ái dịu dàng, thế mà không ai dám đem mũi đến mà ngửi (có thể người ta ngửi trộm mà kẻ hèn này không bắt gặp chàng ?!). Đó là cái mặt yên của những chiếc xe Vélo Solex.

Trần-Hà-Nam



nuôi sẹo

TRIỀU - SƠN



CHƯƠNG II

NUÔI SẸO đến làm mồ làng Ngò từ năm nào, ít người biết và nhớ rõ. Chỉ còn một số người biết rằng gã đến làng « từ hồi còn mồ-ma ông lý Thinh ». Những trai trẻ trong làng, ngoài phố cũng như những người mới đến đây, xưa nay vẫn thấy đình Ngò, chùa Ngò, con đường sắt, cây đa Mâm-Xôi, Nuôi Sẹo, văn-miếu hàng huyện, cái cầu sắt ở đầu phố v.v... Nuôi Sẹo từ lâu đã thuộc vào phong-cảnh làng Ngò, phố huyện.

Đối với mọi người ở đây, Nuôi Sẹo là một sự đã rồi.

Tuy vậy, không phải là người ta không biết đến Nuôi Sẹo. Trái lại, khi cần hỏi đến mặt gã, dáng đi, công-việc, cách-thức sinh-sống, bạn-bè của gã, ai cũng có một vài câu để góp chuyện. Nhất là những người mới đến đây lần đầu, không ai tránh được cái tật tò-mò muốn nhìn mặt, muốn biết mặt Nuôi Sẹo. Về điểm này, mấy người lái lợn ở Hà-Nội tới mua lợn, các cô gái ở xa đến buôn gạo, buôn mạ, cũng như mấy người nghèo đói ở vùng Thái-Bình đến xin ở mướn, làm tá-điền cho cụ tuần Đan, hay ông giáo Dậu mới đổi ở tỉnh về. Thành ra người mới cũng như người cũ không thèm chú ý đến Nuôi Sẹo, coi gã thuộc vào phong cảnh phố, làng, thì họ đã nhập-tâm từ dáng đi, quần áo, nét mặt, cách sinh sống của Nuôi Sẹo.

Người ta biết nhất là cái sẹo ở trên mặt gã.

Hỏi người trong làng, ngoài phố tên thần-hoàng làng Ngò là gì, ở chùa Ngò có bao nhiêu ông bụt, cái cầu sắt ở đầu phố dài độ bao nhiêu thước thì người ta có thể không biết chứ hỏi đến cái mặt Nuôi Sẹo và cái Sẹo ở trên mặt này thì già trẻ, lớn, bé ai cũng biết hết.

Trên mặt Nuôi Sẹo, cái Sẹo nằm sóng-soài vắt ngang bên má tay phải, chạy dài suốt từ mang tai cho đến mép. Ông giáo Dậu ở trường huyện, trong buổi dạy về địa-dư đã ví Biển-Hồ ở Cao-Miên như một cái Sẹo trên mặt Nuôi-Sẹo ; học trò cười ồ. Và, trong bài địa-dư ấy, chúng nhớ kỹ nhất là cái Sẹo.

Cái Sẹo chia má tay phải Nuôi Sẹo ra làm hai khu-vực rõ rệt : khu trên có cái gò má nhô ra như một trái đồi, khu dưới có cái xương hàm nổi lên như một bờ ruộng. Đứng giữa hai khu vực ấy, cái Sẹo ra vẻ một chướng-ngại-vật làm cho phong-cảnh

gập-ghềnh má bên này khác hẳn phong-cảnh bằng-phẳng vô-vị má bên kia. Bên cạnh cái Sẹo là đôi môi thêu-lều tưởng chừng như bao nhiêu thịt ở mặt rút về tập-trung để mà rung-rinh ở nơi đấy, một vùng phì-nhiêu nhất của mặt; đôi môi này lại lộn ngược lại ra điều như bất cần đời mà chìa cái mặt trái đo-đỏ, tim-tím của nó ra, nên để hở-hếch hai hàm răng bừa, cải mả, đứng chen chúc nhau một cách rất vô-chính-phủ, trên hai cái nền lợi thiếu chỗ cho răng đứng thẳng hàng.

Cái Sẹo hình thoi, trường gấp độ bốn lần khoát. Thường-thường, nó mầu nâu xẫm, nổi lên trên nền mặt mầu da lươn. Mùa hè nó đỏ ửng, bóng-nhoáng như đa tủ chè; mùa đông, nó xám-xịt như mào gà chết rét. Thực ra, nó thay đổi hình sắc luôn-luôn. Có lúc đang tươi màu gạch non, nó xuống màu máu cá, qua màu cánh gián lại ngả sáng màu mai cua. Có lúc nó xỉu xuống ra chiều ủ-rũ, có lúc rẫn căng nhẩy lên giần-giật, có lúc chun ngắn lại, có lúc vươn thẳng ra. Có khi nó hiên-ngang như một chiến-lũy biên thùy, có khi lại rầu-rầu buồn thỉu như mới bị thất-tình. Thậm chí, có khi nó mất cả cái hình thoi cố-hữu của nó.

Còn về lai-lịch cái Sẹo, những người tò-mò nhất của làng, phố cũng không được biết rõ. Có người nói : Nuôi Sẹo ngày xưa đánh nhau với một anh hàng phở; anh này nhân cơn tức vì chuyện vợ đánh ghen, trong lúc đang thái bánh phở, cầm luôn con dao mới sáng loáng chém vào mặt Nuôi Sẹo. Người khác chủ-trương : Nuôi Sẹo trèo cây sung ngã, bị cái cọc tre một thước ba-mươi phân đâm thẳng vào mặt. Cũng có người lôi đến cả một dã-sử oai-hùng vai chính là Nuôi Sẹo : một đêm gã đi đánh cướp, bị tên cướp dùng chiên đánh vào mặt, vết thương sau được nắm lá thuốc dấu của một anh thuốc ê rịt khỏi.

Đó là những giả-thuyết thông-hành nhất. Nhưng có một số người đã bài-bác : dao phở chém không thể để lại di-tích dài rộng chiếm một phần tư cái má ; cướp đâm làm gì có đòn nào lại khéo tạo ra được một cái sẹo hình thoi gọn-ghẽ thế : còn cọc đâm thì không sao có thể để lại cái kỷ-niệm trường gấp bốn lần khoát như thế này. Chung-qui, giả-thuyết chỉ là thuyết-giả. Và, những người thận-trọng lời nói đều cho rằng bí-mật vẹn-toàn bí-mật; các giả-thuyết chỉ có giá-trị những chuyện đồn nhảm chung quanh một nhân-vật nổi tiếng mà thôi.

Có người đã mang chuyện này ra hỏi thẳng Nuôi Sẹo, gã chỉ cười nhạt, lảng đi. Gã cho rằng gã đã là Nuôi Sẹo thì dĩ-nhiên phải có cái Sẹo ở mặt, vì lẽ nếu chẳng có cái Sẹo thì sao gã còn là Nuôi Sẹo được. Gã đã có cái Sẹo thì tất nhiên tên gã là Nuôi Sẹo, mà tên đã là Nuôi Sẹo thì tất-nhiên phải có cái Sẹo. Rõ như ban ngày thế mà người ta cứ phải tìm-kiếm, hỏi-han mãi. Lẩn-thẩn quá, Nuôi Sẹo nghĩ.

Chức-dịch trong làng có bất-cứ việc gì cần báo cho người làng biết, là Nuôi Sẹo phải cầm mõ đi rao : mời các cụ đi họp việc làng; gọi tráng-đinh đi phu sửa đường, đắp đê; gọi dân làng đóng thuế vào vụ thuế; mời mọi người ra đình nghe quan hiểu-dụ... Những lúc này, Nuôi Sẹo một tay cầm mõ gốc tre đực, một tay cầm cái dùi tre. Đến đầu xóm nào, gã cốc-cốc ba hồi thì chó trong xóm đổ ồn hết ra đường để sủa; trẻ con, người lớn nghe thấy tiếng mõ lẫn tiếng chó sủa chạy xô ra cổng nghe-ngóng. « Ki... ki... ki... ki... kính mơ.. mơ.. mời... » Gã rao lắp bắp, lưu lưỡi. Người làng nghe quen, hiểu ngay gã muốn nói gì. Trẻ con chỉ chỏ cười và nhại gã « ki .. ki .. » Khi Nuôi Sẹo cầm mõ thất-thểu đi xóm khác thì vài con chó con gâu-gâu sủa vòng theo, chúng đã chạy về báo cho cha, anh biết.

Nuôi Sẹo bận việc nhất vào những lúc làng có việc đình đám, hội hè : gã phải quét dọn ngoài đình, hầu-hạ các ông đàn anh, gánh phần làng theo tuần tráng đem đi biếu. Bù vào chỗ đó, hầu-hạ xong, gã được chễm-chệ — cầm như cụ tiền-chỉ — một mình một mâm ở góc đình mà không ai tranh-giành gì với gã.

Trong những ngày đám làng hay khi tư-gia trong làng, ngoài phố có việc hiếu, hỷ, Nuôi Sẹo đặc-biệt hoạt-động trong việc giết lợn, trâu, bò.

Người ta không biết gã bắt đầu chọc tiết lợn tự bao giờ nhưng ai cũng phải nhận là gã chọc tiết thạo. « Nó giết lợn như người ta cắt cổ con gà », ông trương Nghê thường khen Nuôi Sẹo. Con vật nằm trên chõng tre, chìa cổ trên cái chậu sành chỉ kêu được nửa tiếng « éc » khi lưỡi dao bầu của Nuôi Sẹo tiến vào cổ nó, làm toé xuống chậu một suối máu ngầu bọt. Trâu bò để thịt, Nuôi Sẹo chỉ cầm búa nhọn quai một cái vào gáy, tức thì con vật quệnh-quạng rồi lăn đùng ra. Ai cũng nhận đó là cả một nghệ-thuật tinh-vi, phải bao nhiêu năm kinh-nghiệm mới có được. Lão Hai Thuôn chuyên nghiệp giết lợn, trâu, bò để bán chợ, cũng phải chịu là Nuôi Sẹo thành-thạo.

Ngoài việc giết lợn, trâu, bò, người làng còn thường nhờ Nuôi Sẹo mổ chó giúp. Thỉnh-thoảng người ta lại thấy gã đi trên đường làng, kéo theo sau một con chó vừa lết bốn chân, vừa sủa oang-oang, và gậm cái dóng tre ở đầu xích, trong lúc chó quanh đó sủa rầm rĩ. Nuôi Sẹo đập chết con chó, mổ, làm lòng, thui cho đến lúc miệng nó nhăn cả hai hàm răng nhọn-hoắt, da nó vàng đều mầu mật mía, bắt đầu nứt-nẻ để hở thịt trắng, gã mới thôi. Tất cả các công việc này, gã làm nhanh, gọn-ghẽ, như người đàn bà ngồi dệt trên khung cửi.

Nuôi Sẹo còn giúp việc chôn người, cải mả. Gia đình nào trong làng, ngoài phố có người chết, đều phải gọi Nuôi Sẹo để gã mang cuốc, mai, thuổng, đi đào cho cái huyệt. Đến khi áo quan đã được đặt vào huyệt rồi, người đi đưa đám vứt vài hòn đất lên, còn công-việc lấp huyệt, đắp mồ cũng lại là việc của Nuôi Sẹo. Những nhà nghèo có người chết không thuê được đòn làng hay đòn hội-thiện ngoài phố, phải nhờ gã để gã gọi thêm người đem áo quan đi chôn. Trẻ con nhà nghèo chết, Nuôi Sẹo chỉ việc vác cái áo quan nhỏ trên vai, chân đi dậm thuổng mà người nhà đứa trẻ chết phải im khóc để chạy, hay chạy đến quên khóc mới theo kịp gã. Còn nhà nghèo hơn nữa, không có tiền mua áo quan, phải bó chiếu : xác lớn thì Nuôi Sẹo và một người nữa cùng vác, xác nhỏ thì Nuôi Sẹo vác một mình hay cặp nách, đem đi vùi quấy-quá ngoài đồng. Ở tha-ma làng, có khi trẻ chăn trâu để trâu quấy-phá, rúi mạnh vào các mả mới làm trơ xác chết lên, người ta vẫn phải gọi Nuôi Sẹo ra chôn lại.

Người trong làng, ngoài phố còn đồn câu chuyện sau đây : Năm ôn-dịch, « loạn âm » đã lâu, người ta chết như ngã rạ, xác chết chôn không kịp. Chùa làng Ngò có ba sư ông đều bị « quan ôn bắt lính đem đi ». Sư cụ giấu hai xác chết trong buồng, gọi Nuôi Sẹo đến chôn xác thứ ba nằm ở nhà tổ. Nuôi Sẹo vác xác này đi chôn giữa bao nhiêu mả mới. Quay về chùa, gã thấy một xác chết và sư cụ đứng bên nói : « Mày chôn thế nào không cẩn-thận để nó bò về đây chết lại. Phải chôn đền tao đi. » Nuôi Sẹo mang xác này đi chôn. Gã quay về chùa lại thấy một xác chết và sư cụ bấy giờ nổi sân-si, nghiến răng ken-két : « Mày chôn bậy-bạ thế nào để nó lại về chết ở đây nữa. Bá ngọ mày chôn đền lại mau lên không có mày chết bây giờ. » Nuôi Sẹo lại hùng-hục vác xác này đi chôn. Chôn xong, khi trở về, thấy một bóng đen lù-lù ở đầu một ruộng khoai, gã lầm-bầm cầu kinh : «Mẹ mẹmẹmẹ mẹ mày lạ lạ lại về, cò cò cò còn ngồ ngồi ỉa ở đây.. đây ». Gã liền vác cuốc đập trúng đầu : bóng đen kêu thét lên, lăn quay ra. Nuôi Sẹo mang xác này đi chôn, miệng lầm-bầm chửi : « Mẹ mẹ mẹ mày khôôôn quá. Tha thay quần áo mơơơi về. Tư tư tưởng ông khô khô khôôông biết. » Nuôi Sẹo trở lại chùa lần này rất hài lòng thấy lão sư ông chết không trở về chết lại ở chùa nữa. Gã lĩnh tiền công bước ra thì trống điểm làng vừa điểm tàn canh, gà đã gáy ran khắp cả.

Thường thường người làng, phố vào vụ xuân đầu năm, hay cải mả cho ông bà, cha mẹ chôn đã được từ ba năm trở lên. Lúc ấy, người ta cần đến Nuôi Sẹo vì trong nghề này, gã cũng có biệt tài. Nhiều vụ cải mả khó khăn trong đồng ngập, Nuôi Sẹo phải lội xuống nước, mò từng cái xương một, đề lên mô đất cao, xương đầu ra xương đầu, xương sườn ra xương sườn, xương bả vai ra xương bả vai... Gã chắp tất cả các xương vào cho được hình người, nhìn thấy đủ, gã mới chịu nhặt tất cả bỏ vào tiểu sành.

Nuôi Sẹo thích việc chôn người, cải mả lắm vì không những gã được tiền công, được ăn uống no, say, đem phần về, lại còn được « ngoại tài ». Số là mỗi đám ma, thế nào gã cũng cầy-nhầy, vò đầu, vò tai, xin được cái áo, cái quần rách hay mèng nhất cũng được đôi guốc cũ. Lão ba Đen, quen thân với Nuôi Sẹo, gọi các thứ này là « quà của người chết ». Nhiều vụ cải mả nhà giầu, Nuôi Sẹo vớ được, trong đám xương, khuyên vàng, xà-tích, ống vòi bạc đem về cho Ba Đen cầm đi bán. Ngoài ra trong lúc cải mả, thường-thường gã bắt được ở dưới huyệt những con cá trê béo vàng. Gã xâu lại, xách về để nấu với dưa chua.

Những hôm phiên chợ huyện, Nuôi Sẹo bận việc ở ngoài chợ.

Ngày xưa, khi chợ này chỉ lèo-tèo có vài cái quán gianh thì các chức-dịch trong làng cho Nuôi Sẹo được tự-do xin một xu, một trinh hay nắm gạo, mớ khoai của những người bán hàng, để trả công cho gã phải quét chợ sau khi chợ tan và cũng để đền công Nuôi Sẹo hầu-hạ làng không lương. Nhưng từ ngày cụ tuần Đan về làm tiên-chỉ làng, cụ lớn hô-hào quyên tiền để xây hai quán ngói, rồi bầy-đặt ra những vé xanh đỏ để cho tuần đem dán vào các chõng hàng, các gánh hàng ngoài chợ mà lấy tiền bỏ vào quỹ làng, thì Nuôi Sẹo cũng mất cái khoản ngoại-tài này. Tuy vậy, ngày phiên chợ, gã vẫn quanh-quẩn ở chợ đi lang-thang từ quán nọ sang quán kia xem có ai sai vặt thì làm, rồi xin cái đậu cháy, đầu mía, củ khoai lang, miếng bánh đúc. Đến chiều khi chợ tan, gã vẫn phải cầm cái chổi dài tha-thẩn quét chợ như đã bao nhiêu năm về trước.

(còn nữa)

DƯỚI MẮT THƯỢNG-ĐẾ

● HANS KILLIAN

(HINTER UNS STEHT NUR DER HERRGOTT)

● Bản dịch của NGUYỄN-VĨNH-ĐỨC
NGHIÊM-SỸ-TUẤN

THIÊN ĐƯỜNG ĐÃ MẤT

Cách đây mấy năm, trong một tác-phẩm có minh-họa với tựa đề Khuôn Mặt Khổ Đau (Facies Dolorosa), tôi đã cố ghi qua ống kính những sự thay-đổi đau-đớn trên nét mặt. Buổi nay, tôi chọn trong đám người bị đầy-đọa trong đau khổ này, hình ảnh hai đứa trẻ mà những thay đổi trên nét mặt đã hằn tận đáy tâm-hồn. Bệnh-hoạn trong trường-hợp thứ nhất chỉ là nguyên-nhân gián-tiếp của những sự cằn-cỗi khốc-liệt và thảm-thiết.

Còn trường-hợp thứ hai tôi xin để độc-giả suy-nghĩ và kết-luận. Tuy-nhiên, chính trường-hợp sau này — mặc dầu về phương-diện thuần-túy y-học chỉ là một giai-đoạn, nhưng khắc sâu vào tâm-khảm tôi, — đã chỉ rõ thật tàn-nhẫn những giới-hạn của quyền-lực y-học.

CÔ BÉ tên Johanna, vừa đúng mười lăm tuổi. Thật là một thảm-cảnh khi Johanna được đưa tới bệnh-viện. Thoạt tiên, chuông điện-thoại reo vang. Ở đầu dây, tiếng nói của một cảnh-sát viên run run vì cảm-động. Ông ta vừa chứng-kiến tai-nạn : một chiếc xe khổng-lồ chất đầy hàng ủi nhào cô bé xuống đất và cán lên bụng ; cô bé kêu thất thanh, rồi ông tài, luống-cuống cho xe « de » thế là chiếc xe lại cán lên nạn nhân một lần nữa.

— Nó không kêu nữa... mà cũng không động-đậy gì cả... nhưng còn thoi-thóp...

Vừa đặt ống nói xuống tôi lại nhận được điện thoại của viên y-sĩ cứu-cấp ở ngay nơi xảy ra tai-nạn :

— Xe cứu thương đến nhanh lắm nhưng tôi không chắc đứa bé còn sống khi được chở tới anh.

Tôi báo ngay cho phòng giải-phẫu, rồi chạy đến liền, nhân tiện gọi luôn hai người phụ-tá. Mấy cô y-tá đã sửa-soạn xong bàn mổ. Chúng tôi cởi áo « blouse », buộc « tablier » cao-su, rồi bắt đầu rửa tay. Không để mất thì-giờ, tôi dặn-dò trước anh bạn đồng-nghiệp phụ-trách sang máu cho nạn-nhân :

— Anh cho phân-loại máu ngay. Chắc đứa bé mất nhiều máu lắm : anh cho truyền máu liền. Anh cứ lo phận-sự của anh : gọi một cô y-tá giúp anh một thể. Khi đứa bé tới là bắt tay vào việc.

Năm phút sau, người gác cổng bệnh-viện điện-thoại lên cho biết xe cứu thương đã về. Rồi tiếng chân bước nặng-nề của những bác y-công khiêng băng-ca, tiếng nói của cô y-tá trưởng :

— Đây, đây .. Nhẹ nhẹ thôi ! Các bác đặt xuống đây được rồi !

Khi đẩy cánh cửa bước ra, tôi đã thấy hai bà sơ đang quì gối cầu kinh cạnh nạn-nhân. Đứa bé đã chết rồi sao ? Nhưng mà không, — nó còn thở. Một cô y-tá cởi quần áo nạn-nhân ra. Hơi bối-rối, tôi cúi xuống quan-sát. Thoạt nhìn, đứa bé không đến nỗi bị thương nặng lắm : một vài vết sây-sát và sưng bầm trên bụng, chỗ bánh xe đè lên. Nhưng mặt xám ngoét cắt không còn hột máu, đôi mắt đen, đồng-tử mở rộng, đảo như mất thần. Trong trạng-thái bất-tỉnh gần như hôn-mê, cô bé chỉ thở rất nhẹ. Anh phụ-tá chép miệng : « Hỏng !» Tôi chỉ lắc đầu. Tôi cảm tưởng như Thần Chết đã lướt tay trên khuôn mặt khả ái này. Bắt mạch ở tay không thấy gì, chỉ còn động mạch cổ là đập rất yếu và nhanh. Có điều lạ, nạn nhân không bị gẫy xương : xương sườn, xương chậu và xương sống còn nguyên vẹn. Mới mười lăm tuổi, xương còn dẻo, nên đã uốn dưới sức nặng mà không gẫy Nhưng chắc chắn nạn nhân đã xuất huyết trong bụng rất nhiều. Lá lách chắc đã nứt vỡ. Các bộ phận khác hay một trong những động mạch lớn trong bụng cũng có thể bị rách. Hiển nhiên, chúng tôi phải mổ bụng ra xem.

Cô bé được đặt nằm trên bàn mổ. Bình dưỡng-khí đã mở sẵn. Ngay lúc ấy, anh nội trú mở cửa bước vào.

— Xin phép giáo-sư. Người cha em nhỏ đang ở ngoài hành-lang, cứ đòi vào. Ông ta nói đứa bé đã chết rồi mà còn giấu ông. Mặc dầu đã cố khuyên giải, ông ta chạy tìm điện-thoại cho vợ hay. Ông ta hét thật to : «Con Johanna đang hấp hối. Anh chắc nó đã chết luôn rồi. Đem giấy tờ bảo-hiểm lại cho anh ngay... »

Đang bận trông coi sửa-soạn giải-phẫu, tôi nghe câu được câu chăng. Anh bạn trẻ phụ-trách truyền máu loay-hoay mãi không cho kim tiêm vào tĩnh-mạch tay được ; có thể các mạch đã xẹp lại vì mất nhiều máu quá. Tôi bảo anh :

— Thôi, rạch da mà tìm cho dễ !

Anh nội-trú vẫn đợi tôi trả lời. Hơi mất bình-tĩnh, tôi quay lại :

— Ra bảo ông ta im đi. Làm gì mà ầm-ĩ vậy ! Đứa bé còn sống, người ta đang sắp mổ cho nó đây.

Hai phút sau, bình máu bắt đầu chảy. Cô y-tá xếp những tấm « champ » (1) phủ kín người nạn-nhân, chỉ để hở vùng giải-phẫu ở bụng. Tôi đeo găng cao-su và cầm dao giải-phẫu. Đặt dao phía trên rốn, tôi rạch một đường thẳng ở giữa bụng, suốt qua da tới lớp sợi của mô liên-kết. Dưới lớp màng bụng còn nguyên vẹn ánh lên một chất nước đo đỏ : chắc máu đã chảy đầy bụng.

Thật vậy, vừa rạch màng bụng ra, tôi thấy một vũng máu ngập các bộ-phận. Hai người người phụ-tá đặt ngay đồ để phanh thật rộng đường mổ ra.

Ngờ ngay lá lách bị nứt, tôi thọc tay trong vũng máu rồi lần lên phía trái. Ngay chỗ lá lách, thường nằm dưới hoành-cách-mô, tôi chỉ thấy những cục xốp-như-hải-miên. Lá lách đã hoàn-toàn bể nát. Tôi lôi một cục ra để xem xét : không còn nghi ngờ gì nữa, đúng là một mảnh lá lách.

— Đưa máy hút đây ! Nhanh lên !

Tay phải tôi nắm đầu ống hút cho vào bụng trong khi tay trái đẩy dạ dầy và ruột về bên phải. Như thế tôi hy-vọng sẽ thấy đáy vũng máu, vị trí thông thường của các mạch lá lách. Nhưng hút hoài mà máu ở đâu cứ chảy ra. Tuy thế trong khoảnh-khắc một giây đồng-hồ, tôi cũng thoáng thấy máu đỏ tươi vọt ra từ một động mạch, theo với nhịp tim. Cầm chiếc kẹp dài đợi sẵn ở tay cô y-tá, tôi kẹp được động mạch lá lách trước khi nó lại chìm mất dưới lớp máu phun như thác. Giờ đây, nguy hiểm nặng-nề nhất đã tránh khỏi ; tôi chỉ còn phải tìm xem máu có chảy ở đâu ra nữa không. Tôi tiếp-tục hút, gỡ các cục máu đông, nhưng máu đen ở tĩnh-mạch vẫn cứ ri-rỉ.

Hiển-nhiên là còn một bộ phận khác nữa bị rách. Tôi nghĩ ngay đến gan, một bộ-phận cũng dễ bị va chạm làm nứt như lá lách. Tôi lần tay xem mặt trên lá gan. Ngón tay tôi đụng ngay một vết nứt khổng-lồ, kéo dài từ đỉnh lá gan đến tận túi mật, gần như cắt lá gan ra làm đôi.

Tai nạn thật thảm khốc : mọi hy vọng cứu sống hầu như tiêu tan. Làm sao đứa trẻ đáng thương này sống sót nổi với hai vết thương ghê-gớm như vậy ? Dù sao tôi không có quyền bỏ cuộc,

(1) Miếng vải đã khử trùng dùng trong phòng mổ phủ lên người bệnh nhân chỉ để chừa chỗ mổ.

tôi phải cố khâu lại lá gan đã nứt từ trên xuống dưới này lại.

Một lần nữa, linh tính cô y tá cực kỳ mẫn nhuệ. Không đợi bảo, cô đưa cho tôi một cái kẹp kim-khâu kẹp sẵn một cái kim tròn nhẵn. Đúng là thứ kim phải dùng trong trường hợp này, chứ những kim sắc ba cạnh chỉ làm rách thêm những mô mềm.

Cho đến hôm nay tôi vẫn còn nhớ những phút hồi hộp này. Tay trái bọc lá gan để kéo nó xuống, tôi khâu bằng tay phải. Người phụ-tá nhẹ-nhàng buộc mối chỉ ruột mèo. Khâu xong, tôi lại bắt đầu rút máu, đồng thời lấy hết những mảnh lá rách ra. Tôi cố nén một tiếng thở dài nhẹ nhõm : máu đã ngưng chảy, nạn nhân thôi còn lo mất máu nữa. Ít ra trong lúc ấy, nguy hiểm đã vượt qua.

Trong mấy phút chót, tôi không cần mất nhiều thì-giờ xem sóc tình-trạng chung cho cô bé. Toán truyền-máu hoạt-động rất hữu-hiệu ; áp-huyết lên, máu tuần-hoàn rất khả-quan. Anh bạn trẻ phụ-trách truyền máu có thể mỉm cười tán-đồng. Chuyên-viên đánh thuốc mê cũng tỏ ra rất xứng-đáng, chỉ cho mê rất nhẹ, cốt để gìn-giữ cho cơ-thể rất suy-yếu của cô bé. Toán phụ-tá này làm tôi rất hãnh-diện.

Sau khi đã xem tỉ-mỉ dạ-dày và ruột non, tôi lần-lượt khâu màng-bụng, lớp cơ bụng rồi tới da. Tuy cuộc giải-phẫu cực-kỳ nặng, tình-trạng chung của cô bé cũng chẳng đến nỗi nào. Mặt vẫn còn xanh mét, nhưng đôi môi đã thoáng chút ánh hồng, như hứa-hẹn buổi bình-minh một cuộc đời mới. Có điều cô bé thở còn yếu quá. Tôi cho chích một mũi thuốc trợ sức. Kết-quả thấy ngay: hô-hấp và tuần-hoàn mỗi phút mỗi khả-quan.

Thế mà chúng tôi vẫn chưa dám cho cô bé xuống bàn mổ. Mãi một giờ sau — sáu-mươi phút chờ-đợi lo âu, chúng tôi mới chắc là sự kích-ngất mổ đã qua : nhịp thở đều-đặn, đồng-tử thâu nhỏ lại như thường, và hai má hồng lên một chút. Bấy giờ chúng tôi mới yên tâm trao bệnh-nhân cho các cô y-tá.

Tôi ra ngoài hành-lang, theo sau là hai anh phụ tá. Chúng tôi mở rộng cửa sổ, tự thưởng một lồng ngực đầy khí xuân trong-trẻo lòng lâng lâng yên tĩnh. Hai anh phụ-tá hút thuốc. Anh thứ nhì — vốn có tâm-hồn thi-sĩ, thi-hứng dạt-dào — nói một mình giữa hai làn khói thuốc :

— Em bé đáng thương này nằm trên băng-ca, — làm tôi tưởng đến một đóa bạch-đầu-ông đang úa...

Nghe tiếng chân vội-vã trong hành-lang, tôi quay đầu lại. Anh nội-trú khi nãy đi vào, bước gần như chạy. Anh vừa gấp với người cha cô bé.

— Ông ta cứ quyết rằng con ông đã chết ngay tại chỗ. Hắn đòi cho bằng được giấy chứng-tử để lãnh tiền bảo-hiểm, hình như lên tới 20 ngàn mã-khắc. Bà vợ cũng mang biên lai đến rồi, ông chồng cứ đi vào mắt bắt tôi xem...

Tôi khẽ gắt :

— Để tôi liệu với ông này !

— Họ đợi giáo-sư ở phòng khách lớn.

— Được, để họ đợi.

Tôi thấy hai vợ chồng đang ngồi trên ghế. Thấy tôi, cả hai bật dậy. Người chồng, nhỏ thó, mảnh-khảnh, da mặt nhăn-nheo như một quả ô-mai, mắt cận-thị hấp-háy sau cặp kính gọng mạ kền, nhìn tôi vừa giận-dữ vừa nham-hiểm. Người vợ, cao hơn chồng một đầu, cúi đầu vẻ nhân-nhó.

— Chính tôi vừa mổ cho con gái ông bà xong. Ông bà muốn nói chuyện với tôi ?

Người chồng không để tôi dứt lời :

— Thưa bác-sĩ, đúng thế, — con tôi đã chết rồi, phải không ? Xin bác-sĩ đừng nói quanh, vô-ích ; chúng tôi đã sẵn-sàng chờ đợi... Sẵn-sàng chịu đựng... bác sĩ cứ nói... chứ xe đè như thế thì...

Tôi ngắt lời :

— Không dâu. Con gái ông bà còn sống. Tôi còn có thể nói với ông bà rằng chúng tôi mong sẽ cứu sống được hẳn.

Người vợ ấp úng :

— Thưa bác sĩ, thế thì, thần diệu quá... tuyệt quá rồi còn gì ? Nhưng chúng tôi biết là không thể như thế được. Bác sĩ cứ nói thật với chúng tôi.

— Tôi xin nhắc lại là con bà sống. Đáng lẽ ông bà phải vui lên mới phải chứ, sao lại còn nghi ngờ gì ?

Người chồng công nhận :

— Thưa bác-sĩ, chắc chắn là chúng tôi vui mừng. Nhưng...

Ông ta rành-mạch nhìn tôi rồi tiếp :

— Bác sĩ chắc cũng hiểu là tôi muốn chính tôi thấy nó sống...

— Bây giờ chưa phải lúc.

Thế là ông ta lồng lên :

—Tôi muốn thấy mặt con tôi,ngay bây giờ ! Tôi muốn mắt tôi thấy rõ nó sống hay nó chết ! Tôi có quyền, — tôi là cha nó. Nếu ông phản đối, tôi sẽ đi báo cảnh sát.

Tôi phải cố gắng lắm mới giữ được bình tĩnh; tôi nói :

— Chỉ khi nào tôi cho phép, ông mới được gặp mặt con gái ông. Dĩ-nhiên không phải hôm nay, cũng không phải ngày mai hay ngày kia. Với tư-cách một người thầy thuốc, tôi có trách-nhiệm về sinh-mạng bệnh-nhân. Và khi chúng tôi đang cố sức cứu con gái ông, không ai được vào thăm nó cả. Còn ông muốn báo ai thì báo.

Tôi bỏ đi, không muốn nghe lời phản-đối của ông ta.

Đêm ấy, Johanna tỉnh lại dần dần. Trong đôi mắt bất-định mở lớn, hiện rõ vẻ ngạc-nhiên kỳ-lạ của những trẻ em hồi-tỉnh sau một cuộc đánh thuốc mê lâu dài. Một ánh mắt như nhìn lên từ vực thẳm hãi-hùng, một vẻ mặt còn rung động nét kinh-nghiệm khủng-khiếp của nỗi đau-đớn đầu tiên. Khi bệnh lâu khỏi, vẻ linh-động ấy lắng xuống, chuyển lần một vẻ u-uất hoàn-toàn, khiến nét mặt non trẻ trở nên cằn-cỗi đến não lòng. Ngồi ở đầu giường cô bé, tôi tự hứa hết sức tránh cho em sự thay đổi kia. Nhưng định mệnh đã không để tôi giữ lời...

Nhờ được nghỉ-ngơi tĩnh-dưỡng hoàn-toàn và được truyền một chai máu với một chai huyết-tương và dung-dịch đường, cô bé phục-hồi mau lạ thường. Được bốn ngày, chúng tôi đã có thể coi như xong việc. Bấy giờ tôi mới cho cha mẹ em vào thăm. Cô y-tá được tôi giao cho nhiệm-vụ săn-sóc bệnh-nhân mấy bữa sau có thuật lại cho tôi buổi viếng thăm đáng nhớ này.

— Mày đấy hả, Johanna ? — lời người cha — Bây giờ mày thấy thế nào ? Đau nặng phải không ? Tao thấy rồ quá mà.

Cô y-tá cải-chính :

— Đâu có, Johnna khá mạnh rồi đấy ; chứ hôm chở đến đây thì ai tưởng được rằng...

Bà mẹ xen lời :

— Tôi chẳng tưởng tiếc gì hết. Mặt mũi rũ ra như lá héo thế kia ! Khổ thân con tôi, người ta có cho con ăn đủ không ? Con gầy quá. Ở đây chắc thuốc men họ cũng keo-kiệt từng ống từng viên đấy, con nhỉ ?

Cô bé nói nho-nhỏ :

— Con có được chích thuốc mà.

Người cha kêu lên :

— Chích hả ? Tao phản-đối cái thủ-đoạn ám-muội này. Nào, người ta chích gì cho mày ?

— Con đâu có biết, cô bé nói nhỏ rồi nước mắt chợt tuôn trào.

Cô y-tá vội giải-thích :

— Thuốc trợ-tim đấy thôi. Em đang cần mà.

Người cha đã hùng-hổ khiêu-khích :

— Tôi không muốn chích cho con gái tôi. Tôi cấm hẳn.

— Thế thì xin ông nói với y-sĩ trưởng. Chúng tôi chỉ biết theo huấn-lệnh của bác-sĩ.

Vừa nói cô y-tá làm như vô tình để tay lên nút chuông điện. Một phút sau, cửa mở, nhường chỗ cho bà y-tá trưởng-lão, một bà đã đứng tuổi có đủ kinh-nghiệm đối phó với những người khách quấy rầy. Bà ta chỉ liếc qua cô bé còn đang nức-nở, rồi dõng-dạc :

— Mời ông bà ra ngay cho !

Hai vợ chồng ríu-ríu ra ngay, chẳng kịp giã-từ con gái.

Chiều hôm ấy, Johanna lại sốt. Khi viên y-sĩ trực định chích thuốc trợ-tim, cô bé khóc, nói như van xin :

— Đừng, xin bác-sĩ đừng chích. Cha cháu đã cấm !

Thấy cô bé cứ khăng-khăng không chịu đưa tay cho chích, lại sợ rằng nài ép quá sẽ làm cô bé mất tinh-thần viên y-sĩ phải báo cho tôi. Tôi đến, nói, giọng hiền-từ :

— Thế nào, Johanna, làm sao thế...tôi biết em lắm mà. Cha mẹ em, cứ để tôi nói cho. Nào đưa tay đây, tôi chích cho tim nó khỏe lên một tí.

Cô bé nhìn tôi như sợ sệt, do-dự một giây rồi bằng lòng cho chích.

Cả nhà thương đều biết chuyện ông bố tham tiền, đang tâm hất hủi con gái mình. Thế là một hiện-tượng lạ-lùng xảy ra : các bà sơ y tá, những người đã hy sinh lạc thú làm mẹ, tất cả đều lại nâng-niu cô bé, tận tâm săn sóc, đến có thể nói rằng không một tình mẫu tử nào hơn được. Các bà chiều cô bé đủ mọi điều, cho cô cơm mạn kẹo bánh : hễ rảnh một tí là chạy đến kể chuyện hay đọc sách cho nghe. Hơn thế nữa, khi cha mẹ cô tới thăm, các bà xây quanh bệnh nhân một thành lũy bằng mũ vải trắng, bằng tình thương và uy-quyền khiến cho người cha không sao có thể nóng giận mà nói năng khả-ố được nữa.

Nhờ bầu không khí tràn ngập thương yêu, cô bé phục hồi rất mau. Năm tuần sau khi mổ, cô bé đã trở về nhà được. Thỉnh-thoảng cô trở lại, mang cho các cô y tá và tôi, vài bông hoa hái ở mấy khu rừng kế cận. Trong dáng bộ, trong nụ cười, chẳng

còn dấu vết của sự sợ-hãi vì tai-nạn hay của những nỗi đau-khổ dài dặc.

Chừng sáu tháng sau, cô bé cùng người cha chính-thức trở lại thăm nhà thương. Ông này đã khởi tố đòi hãng bảo-hiểm, người chủ xe và tài xế bồi thường về thiệt hại vật chất lẫn tinh-thần. Tòa xử trước khi phán quyết, nhờ tôi khám lại cho cô bé thật kỹ-lưỡng nhất là tình trạng lá gan.Chúng tôi khám trong hơn hai giờ, thật cẩn thận, thật tỉ-mỉ, nhưng không sao tìm được một dấu vết nhỏ, dĩ-nhiên ngoại trừ vết sẹo mổ. Tình-trạng sức khỏe phù hợp với kết-quả cuộc khám-nghiệm : Johanna hoàn toàn mạnh, đôi má rám nắng hồng, nụ cười hồn nhiên trông thật xinh. Trong chứng thư, tôi chỉ ghi một hệ-số tàn-tật 15 phần trăm. Tôi không thể ghi hơn lên : gan vẫn tốt như thường, không có một vết đinh nào cả ở màng bụng ; còn như là lách bị cắt thì chẳng có chi là khó chịu.

Nhưng người cha không đồng ý như vậy. Thấy tôi tỏ vẻ vui mừng vì cô bé đã hoàn-toàn bình phục, ông ta xuýt nữa nổi cơn tam-bành. Ông nói sùi cả bọt mép :

—Bác-sĩ không thấy nó khập khiễng à ? Cả đời nó sẽ khập-khiễng. Một đồ bỏ, người ta đã làm con gái tôi thành đồ vô-dụng thảm thương. Tròng thảm hại chưa !

Rồi ông ghé vào tai con :

— Sao con chưa nói với bác-sĩ... nói đi... con còn đau bụng lắm mà... Đau thế nào thì nói đi... Nói đi, ngốc ơi là ngốc !

Quá sợ-hãi, cô bé chỉ còn biết lắc đầu.

Tôi bình-tĩnh bảo :

— Em cứ nói thật đi, Johanna. Có thật em còn đau bụng không ?

Vẻ bối rối hiện rõ trong ánh mắt hốt-hoảng. Người cha tàn-nhẫn nắm chặt cánh tay cô bé :

— Nói đi, nói với bác-sĩ mày còn đau bụng đi ! Đau ở đâu thì nói đi, con.

Rơm rớm nước mắt, cô bé nuốt nước bọt rồi quay lại nhìn tôi nói lí-nhí :

— Dạ thưa, không ạ, không phải thế ạ. Cháu không còn đau đớn gì cả.

Tôi suýt buột miệng khen lòng can-đảm của cô bé. Trước mắt tôi vẻ hồn nhiên trên khuôn mặt tươi trẻ kia đang thay đổi. Tôi đã tự hứa sẽ không để dáng ngây thơ kia sẽ mất hẳn. Như một áng mây đen, sự cằn-cỗi đau đớn hiện dần trên nét mặt thanh tú của cô bé đã sớm biết sự đau khổ và lòng độc ác.

Đấy mới chính là vết thương nặng và sâu đậm cô bé sẽ mang suốt đời. Thế mà người cha vô-lương kia đã muốn dùng vết thương ấy để lãnh mấy chục ngàn bảo-hiểm.

Chuyện thứ hai xảy ra ngày 10-5-1940. Nếu tôi còn nhớ đúng ngày đúng tháng cũng chỉ vì ngày đó là ngày phi cơ khởi đầu những cuộc oanh-tạc xuống thành phố Freiburg. Mãi về sau chúng tôi biết chính máy-bay Đức theo lệnh của chính-phủ Đức đã dội những loạt bom lầm ở Đức-quốc xuống thành phố Đức cỗ-kính này.

Sáng hôm đó tiết giữa hạ thật oi bức. Mặt trời dọi nắng như thét ra lửa. Trên những ngọn núi miền Rừng Đen mây thành chồng-chất từng lớp.Sau khi đã làm hết việc buổi sáng ở nhà thương, tôi trở về nhà gần khu ngoại-ô. Trong khi chờ bữa cơm trưa, tôi cố ngồi làm việc nhưng không hăng hái cho lắm : oi-bức quá nỗi ! Bỗng nhiên tôi ngừng đầu nhìn lên trời. Át cả những tiếng động trong vườn và ngoài phố, tiếng động cơ rầm rầm chuyển động xuất phát từ phía đông. Cầm chiếc ống nhòm tôi có từ đệ nhất thế-chiến, tôi đi xuống quan sát chân trời. Tôi không lo ngại một chút nào cả. Sáng nay đài phát thanh đã loan báo địch tấn công mạnh ở Bỉ-quốc và Hòa-Lan; Tôi cho rằng không lực Anh Pháp đang tập trung về các khu-vực mặt-trận này. Vả lại, địch có lợi gì mà oanh-tạc thành-phố đại-học hiền lành này ?

Mấy phút sau, tôi thoáng thấy giữa một đám mây ba chiếc phi cơ. Nhưng lại bay mất hút ngay. Không có tiếng súng cao-xạ — vậy, không có phi cơ nào khác ngoại phi cơ của Đức.

An tâm, tôi trở về phòng làm việc. Nhưng vừa ngồi vào bàn thì mấy tiếng nổ ầm ầm làm rung chuyển nhà cửa. Mười giây im lặng, thứ im lặng nhà mồ, tiếp ngay là một tràng tiếng nổ, gần hơn và dữ-dội hơn. Sau này chúng tôi tuy còn phải chịu những cuộc oanh tạc khủng khiếp gấp bội, nhưng vẫn còn nhớ kỹ-niệm buổi oanh-tạc đầu tiên này : có thể nói như một ông khổng lồ bằng thép tiến về phía chúng tôi với những bước nặng chình chịch làm rung chuyển mặt đất.

Tôi chạy bổ xuống cầu thang gác, nhảy vội lên xe hơi. Trong đầu chỉ có một ý nghĩ : phải đến ngay bệnh viện, phải đến thật nhanh ! Chưa bao giờ tôi lại lái xe nhanh như thế ! Thành phố như một ổ kiến bị chiếc gậy kẻ bộ hành hất đổ nóc tổ. Thiên hạ kẻ khoa tay múa chân, kẻ gọi nhau ơi ới, người chạy xuôi ngược. Rồi xe cứu-hỏa lao vùn vụt, rồi xe cứu thương còi hú liên-hồi : máy bay

vừa ném ba dãy bom xuống phi trường, xuống trại lính và gần cầu xe lửa.

Loạt bom thứ ba rơi vào một sân vận-động tạo một cảnh-tượng tàn sát thảm khốc.

Tôi đến bệnh viện là các nạn nhân đầu tiên cũng vừa được chở tới. Chúng tôi liền tổ-chức ngay một toán cứu-cấp. Người đệ nhất phụ tá của tôi, đứng ở phòng nhận-bệnh phụ trách lựa bệnh ; những trường hợp nhẹ cho đưa đến khu cứu-thương còn những trường hợp nặng cho đưa lên lầu nhất, tập trung ở hành lang và mấy phòng gần khu giải-phẫu. Các y-sĩ ngoại khoa chia ra từng toán có những đồng nghiệp nội-trú phụ-tá trong việc cứu-cấp các tình-trạng kích ngất vì xuất huyết.

Khu giải-phẫu đã chật ních ! Hơn một trăm băng-ca xếp hàng dọc theo hành lang, thế mà chưa hết, các nạn nhân chở đến tới tấp. Chiến-tranh ! Một chuỗi thảm-họa vô-ích. Một đám nạn-nhân vô tội...

Vừa bước ra khỏi phòng giải phẫu để chỉ-định những trường hợp nào khẩn cấp nhất, tôi bắt gặp trên một chiếc băng-ca vừa lam vội, một em gái nhỏ dễ thương độ bốn tuổi mặt cắt không còn hột máu; đôi mắt ngơ-ngác hiền dịu như con nai vàng. Đứng bên là một ông lão tóc đã bạc nhiều nhưng còn tráng kiện.

Tôi quay lại hỏi :

— Em bé này bị thương ở đâu ?

— Hơi bom đã quạt mất cả cánh tay phải ; Thưa, lão đã băng vội... Tôi nhận thấy ông lão ấp úng nói chẳng ra lời chắc vì cảm-xúc. Lật tấm vải « tăng » phủ trên người đứa nhỏ, tôi thấy quả thật cách tay phải đã bị đứt chỉ cách mấy phân là tới xương bả vai. Tuy vết thương thật rách xơ va lởm chởm nhưng không còn chảy máu nữa vì được băng bó lại. Nhưng... tôi xuýt giật bắn người... cánh tay đứt lìa còn đặt cạnh mình đứa trẻ, cánh tay mềm-mại, bụ bẫm và trang muốt, với bàn tay xinh xắn.

Bối rối, tôi lấy lại bình-tĩnh :

— Làm sao lại có thể nhặt được cánh tay bị đứt lìa này... Ai nhặt đây ?

Ông lão cúi đầu chậm mắt kể lể sự tình. Thật không thể tin được ! Lúc mấy quả bom rơi trên sân vận-động, chứng chục đứa trẻ đang chạy nhảy. Có đứa bị chết ngay, mấy đứa khác chỉ bị thương thôi. Đứa bé chạy đi trú bom ở bên kia đường dưới cửa tò vò lối đi vào tầu ngựa.

Trong lúc khiếp sợ, bé chưa biết mình đã bị đứt lìa cánh tay ; vì kịch ngất đã làm tê-dại các dây thần kinh nên bé không thấy nhức nhối, đau đớn gì cả. Mãi sau thấy đau, bé mới chạy lại sân vận-động để tìm cánh tay đã mất. Chỉ sau khi tìm được cánh tay rồi, bé mới gục xuống, bất tỉnh. Khi ông lão đến, bé còn ôm chặt cánh tay vào ngực.

Tôi kinh ngạc :

— Nhưng... ông biết... ông cũng thừa biết là tôi không thể khâu lại cánh tay này cho nó được ! Tại sao ông lại còn đem theo làm gì ?

Ông lão gạt nước mắt.

— Vâng ! thưa bác-sĩ lão cũng biết vậy. Nhưng vứt bỏ cánh tay của nó lão cầm lòng làm sao được! Em bé xinh đẹp như thế kìa...

Tôi đã căn cỗi cứng rắn nhiều trong khi tiếp xúc hàng ngày với khổ đau của con người, nhưng bỗng nhiên tôi thấy cổ họng se thắt lại. Tôi cho khiêng đứa trẻ vào phòng giải-phẫu, truyền máu cho bé ngay rồi săn sóc vết thương. Sau khi đã cột động mạch chính nuôi dưỡng cánh tay và xem xét lại tình trạng các mạch huyết nhỏ, tôi quyết định không khâu kín vết thương vì da thịt rách nát và đầy đất cát bẩn.

Dần dần, bé thoát từ trạng thái hôn-mê để chìm dần vào giấc ngủ trầm lặng.

Sáng hôm sau, người tôi đến thăm bệnh trước nhất là bé. Trước cửa phòng, tôi gặp Sơ Ursula, một nữ tu nhà tập còn trẻ, vài sợi tóc vàng còn lọt ra ngoài khăn trùm đầu. Tôi hỏi ngay giọng lo ngại:

– Thế nào « ma sơ », bé ra sao ?

— Dạ... Thưa bác sĩ cũng khá. Đêm vừa rồi bé cũng không quấy lắm hay yêu lắm... Tôi có cảm-tưởng tai qua nạn khỏi rồi.

Dù là tin mừng, nhưng giọng người nữ tu như mệt mỏi khi nói, mắt nhìn chỗ khác như cố tránh ánh mắt tôi.

— « Ma sơ » giấu tôi điều gì ? Chắc vừa có chuyện gì, phải không « ma sơ » ?

— Dạ thưa bác sĩ. Không ! Không có gì cả. Em bé chỉ đang chờ bác-sĩ đến để khâu lại cánh tay cho em. Búp-bê ta còn khâu cánh tay rách lại huống chi...

Người nữ tu không thể nói hết lời. Úp mặt trong đôi bàn tay nàng bỏ đi. Khi thấy đôi vai rung rung, tôi chợt hiểu nàng đang khóc.

NGUYỄN-VĨNH-ĐỨC
NGHIÊM-SỸ-TUẤN

KENNETH WALKER

LỊCH SỬ Y-HỌC

bản việt văn của hà hợp nghiêm

CHƯƠNG II

Y HỌC HY-LẠP

(600 — 372 trước Công-nguyên)

TẤT cả những sở-hữu của nhân-loại hiện nay hoặc là sẵn có trong thiên-nhiên, hoặc là thừa-hưởng của những người cổ Hy-lạp : một đôi khi người ta đã dám quả-quyết như vậy. Riêng trong địa-hạt y-khoa, điều đó chắc-chắn là một sự thật. Tạo-vật có một năng-lực trị-liệu rất lớn, và Hippocrate đã dậy lại hậu-thế làm thế nào để trợ-giúp, làm thế nào để tránh đừng cản-trở tác-dụng của thiên-nhiên. Tuy nhiên nếu giá-trị của y-học cổ Hy-lạp được nhận-định đúng tầm quan-trọng, thì người ta thường hay lãng quên sự bền vững lâu dài của nó. Thật vậy, nền văn-minh Hy-lạp đã trải suốt một thời-đại tám trăm năm, từ thế-kỷ thứ VI trước cho đến hết thế-kỷ thứ II sau Công-nguyên. Y-học Âu-châu hiện-đại mà khởi-điểm có thể coi như trùng với thời-kỳ Phục-Hưng, tính cho đến bây giờ cũng chưa lâu được bằng một nửa.

Thói thường nước lã khó mà vã nên hồ, cho nên y-học Hy-lạp cũng phải tham-cứu từ rất nhiều nguồn-gốc cổ xưa hơn : văn-minh Ai-cập, văn-minh Ba-tỷ-luân và có lẽ cả văn-minh Ấn-độ nữa. Thêm vào đấy người Hy-lạp còn học hỏi được vô-số kiến-thức nơi một dân-tộc định-cư ở đảo Crète : người Minoen, một dân-tộc rất tiến-bộ thời tiền sử. Ngày nay người ta đã nhận ra rằng nền văn-minh của người Minoen, cũng như biết bao nền văn-minh cổ khác, có rất nhiều cái tinh-tế, không đến nỗi quá thô-sơ như những nhà khảo-cổ đã lầm tưởng vào thời-kỳ sơ-khởi của bộ-môn khoa-học ấy. Người Minoen là những người đi tiền-phong trong lãnh-vực vệ-sinh công-cộng. Họ có cả một hệ-thống mương cống, có cách thức phân-phối nước ngọt, thiết-lập nhiều nhà tắm, ấn-định lề-lối phế-thải rác rưởi : những công-trình phát-quật khảo-cổ chứng tỏ người Minoen tiến-bộ rất nhiều, so ngay với tình-trạng Âu-châu vào những thế-kỷ thứ XV và thứ XVI. Vào khoảng năm 1.000 trước Công-nguyên, trong khi xâm chiếm những thành trì của dân Minoen ở Đông-Âu (mà thành Troie là một trong những cứ-điểm cuối cùng) người Hy-lạp chắc-chắn đã học hỏi được nhiều ở ngay nơi dân-tộc mà họ chinh-phục.

Lúc khởi-thủy, người Hy-lạp tràn xuống từ phương Bắc theo hai lộ-trình. Một đường là những người Dorien đi qua đảo Crète tới phân-tán ở quần-đảo Cos và bán đảo Cnide kế bên ; đường kia là những người Ionien tới định-cư ở miền tây đất Tiểu-Á. Hệ-thống y-khoa, do những người Hy-lạp viễn-chinh kiến-tạo, thành hình ở đất Tiểu-Á và dần dần lan tràn ra khắp các đất-đai Hy-lạp khác. Để gặt hái những thành-quả của một nền y-học ngoại lai, những người Hy-lạp định-cư ở thuộc-địa Tiểu-Á đã được địa lợi, vì nguồn-gốc của nền y-học ấy ở ngay bên lề những nền văn-minh vĩ-đại, phát-sinh ở châu-thổ sông Tigre và sông Euphrate. Tương tự như vậy, người Hy-lạp đã duy-trì được

một sự tiếp-xúc thường-xuyên với nền văn-minh Ai-cập, lúc ấy, ở bên bờ sông Nil, đã phát triển đến cực-độ. Nói một cách tổng-quát, người Hy-lạp đã chiến-thắng, nhưng rồi lại quay lại học hỏi — và thực sự đã học được rất nhiều — nơi những kẻ chiến-bại.

Ở những hòn đảo rải-rác trong hải-phận Hy-lạp, nhất là ở đảo Délos, người ta phân-loại khoa-học của những nước thua trận rồi đúc-kết thành một toàn-thể. Theo một truyền-thuyết đã có tự lâu đời, Delos chính là quê-hương của Apollon ; ngay khi còn thơ ấu, Apollon đã từ Delos qua Delphes giết chết con mãng-xà, vì nó mà dân chúng không thể an-cư lạc-nghiệp được. Delphes tự đấy trở thành một nơi trị bệnh bằng sấm-ngôn rất nổi tiếng. Có lẽ những lời sấm ở Delphes liên-quan nhiều đến sức khỏe và việc trị bệnh : giả-thuyết ấy xem ra rất đáng chú ý. Theo truyện thần-thoại, Apollon truyền nghề cứu-nhân độ-thế cho Nhân-mã Chiron, vừa đạo-đức lại vừa tài giỏi. Chiron truyền lại cho các môn-đệ Jason, Achille và Esculape. Sau đây chúng ta chỉ nói đến Esculape, bởi Esculape đã trở nên thần y-học của người Hy-lạp, đúng như Imhotep đối với dân Ai-cập. Esculape là một nhà trị bệnh kỳ-diệu, khéo đưa người ốm thoát nanh vuốt của tử-thần, lại còn làm nhiều phép lạ như phục-sinh người chết, làm cho Diêm-vương — Vị Chúa-tể của địa-ngục — phải khiếu-nại với Jupiter rằng « cái kiểu chữa bệnh ấy cản trở sự cung-cấp âm-hồn cho cõi âm-ty ». Jupiter, nhận thấy rằng Diêm-vương than phiền như vậy cũng là hợp lý, bèn sai thiên-lôi đánh chết Esculape.

Người ta đã dựng nhiều đền để thờ-phụng thần Esculape, và người ta dẫn các bệnh nhân tới các đền ấy để chữa-trị. Hiện nay ở Epidaure, người ta còn thấy nhiều di-tích của một đền thờ Esculape vĩ-đại đã một thời danh-tiếng khắp thế-giới. Người ta dùng những phương-pháp trị-liệu giản-dị, chẳng hạn như ăn uống kiêng khem, tắm hơi nóng, tập thể-dục, các cách đấm bóp ; phương-pháp trị-liệu chính là tâm-lý liệu-pháp. Khi mới tới đền, bắt đầu bệnh-nhân phải dâng đồ cúng-tế cho thần. Sau đó bệnh-nhân phải tắm tẩy trần. Rồi người ta mới đặt bệnh-nhân nằm nơi cửa lớn, thoáng khí. Bệnh-nhân nằm ngủ ở đấy suốt đêm ; thỉnh thoảng Esculape hiện về trong mơ và chữa khỏi bệnh. Nếu không có may-mắn ấy, người bệnh sẽ được các thầy tư-tế, môn-đệ của Thần ở chốn dương gian, săn-sóc cho mình. Trong truyện Ploutos của Aristophane, người ta tìm thấy một đoạn văn rất gợi ý mô-tả trường-hợp một bệnh-nhân qua một đêm nằm ở đền thờ Esculape :

Đèn nến đã tắt hết,
và thầy tư-tế khuyến dụ chúng tôi đi ngủ,
và dặn dò chúng tôi phải giữ im-lặng
nếu chúng tôi có nghe thấy tiếng động.
Thế là chúng tôi tất cả đều nằm yên không cử động
Riêng tôi không tài nào ngủ được ;
tôi bận nghe tiếng nồi
nấu cháo sôi xùng-xục
đặt gần một lão bà, ngay sau đầu bà cụ.
Tôi nao-nức muốn trườn mình về phía đó.
Nhưng vừa ngẩng đầu lên
tôi bắt gặp thầy tư tế đang vơ-vét đồ lễ trên bàn thờ
nào là bánh mứt, nào là hoa quả ;
rồi thầy làm một vòng quanh các bàn thờ
làm phép cho mấy cái bánh còn lại
bằng cách nhét cả vào một cái túi...

(Aristophane : Ploutos)

Aristophane không cho biết rõ nhân-vật của ông đau bệnh gì, nhưng cứ xem anh ta chú-ý đến thức ăn như vậy đủ biết mặc dầu bệnh-tật anh vẫn háu ăn lắm. Ở Hy-lạp thường hay có bệnh sưng mắt, một toa thuốc rất thông-dụng là lấy đinh-hương trộn với tỏi và rau mùi, thêm một ít dấm thanh và một ít rượu nho đã chua đắp vào mắt. Aristophane tiếp tục câu chuyện, cho đến khi có một người khỏi bệnh sưng mắt :

Rồi thần thổi một tiếng còi
và hai con rắn lớn từ nơi bàn thờ bổ ra...
Chúng lướt nhẹ-nhàng dưới tấm vải đỏ tía
tôi chắc là chúng liếm mi mắt người bệnh
và trong một khoảng khắc, thưa nữ Chủ-nhân,
bà chưa kịp rót đầy mười ly rượu
Ploutos đã đứng dậy : mắt nó đã sáng.
Vui sướng quá tôi vỗ tay, đánh thức ông chủ dậy ;
thần biến mất liền tức khắc
trở về bàn thờ cùng với hai con rắn.

(Aristophane : Ploutos)

Dù chữa trị bằng tâm-lý hay bằng thuốc thang, người ta đã khảo-cứu tìm-tòi nhiều trong những đền thờ Esculape ; người ta ghi chép các trường-hợp đã cứu chữa và kết quả thu lượm. Các thầy trợ-tá phân phát thuốc thông-thường, mổ ung-nhọt và làm những cuộc giải-phẫu nhỏ. Như Aristophane đã mô tả ở trên, những con rắn không có nọc độc giữ một vai trò quan-trọng trong phần nghi-lễ ; chúng liếm những vết thương hay mắt của người bệnh. Ở gần những đền thờ Esculape người ta thường thấy những căn nhà nhỏ trong có một cái hố sâu tròn, đậy kín. Rất có thể những hố sâu ấy là nơi nuôi rắn thần vậy.

Nếu thần Y-học không đến làm phép lạ, bệnh-nhân kéo dài thời-gian lưu-trú ở đền, lại tắm hay theo những cách trị-liệu bằng hơi nóng do các thầy tư-tế chỉ dẫn. Bên ngoài đền có những trò giải-trí cho các thân-nhân và bè-bạn đang chờ đợi. Nhà hát lớn ở

Epidaure chứa được hai mươi ngàn khán giả là một trong những giải-trí-trường vĩ-đại nhất thuộc loại này. Chữa trị như thế chắc cũng có nhiều người khỏi bệnh, bằng cớ là những đền thờ này tồn-tại rất lâu, từ năm 700 trước Công-nguyên cho đến một thời kỳ gần đây thuộc kỷ-nguyên Thiên-chúa. Ngày nay ở miền nam châu Âu vẫn còn những tàn-tích của lễ nghi cổ xưa.

« Trong những nhà thờ ở Palerme, Naples, Sardaigne và Styrie, những tập-quán vẫn còn sót lại. Ở đảo thiêng Ténos, gần Délos, hàng năm hai lần tổ-chức đại lễ tôn-giáo. Nhân dịp này nhiều người bệnh vào ngủ trong nhà thờ, mong chờ phép lạ chữa khỏi bệnh. Ở Chypre, Rhodes, ở nhiều nhà thờ nhỏ thuộc miền quê trên lục-địa Hy-lạp và Tiểu-Á, người ta cũng chữa bệnh bằng tâm-lý tương-tự như vậy, nhưng ít thông-dụng hơn ».

Những đền thờ Esculape thường được xây-dựng ở những nơi ngày nay dùng làm địa-điểm chữa bệnh bằng khí-hậu. Nằm trên sườn đồi gần một ngọn suối nước trong, hay ẩn trong một thung-lũng khuất gió gần bờ-biển, nhiều đền đã nổi tiếng nhờ những khoáng-tuyền ở gần đấy, hoặc suối nước lạnh, hoặc suối nước nóng. Những bệnh-nhân muốn xin vào chữa trị được phân-loại cẩn-thận :

« Những bệnh-nhân dơ-bẩn và ô-uế không được vào đền thờ ; đàn-bà có thai và những bệnh-nhân nguy-kịch phải đem đi xa : trong chốn linh-thiêng không được để xác-chết. Sự ăn-ở và săn-sóc người bệnh do quản trọ phụ-cận. Những người muốn xin vào đền chữa trị phải tắy trần thật tỉ-mỉ phải tắm biển, tắm sông hay tắm suối, phải nhịn ăn trong một hạn kỳ đã định, cấm uống rượu và có một vài thứ thực phẩm phải tuyệt đối kiêng-khem. Người ta cũng không cho bệnh-nhân vào đền nếu họ chưa được sửa soạn chu đáo — nghĩa là xức dầu và xông thuốc cho thân-thể thật trong sạch. Sự sửa soạn lâu dài mệt nhọc này một phần nhằm vào tiết-thực, một phần có vẻ dẫn-dụ, lại được tiếp-nối bằng những cuộc tế-lễ nghiêm trang, những buổi cầu-nguyện, những buổi cúng-dàng các đồ tế-lễ ; tính-cách tượng-trưng của tất cả những nghi-thức ấy kích-thích rất nhiều trí tưởng-tượng.»

(Max Neuberger : Lịch-sử Y-học)

Nói cách khác, những đền thờ Esculape hòa-hợp năng-lực trị-liệu của nước suối Vichy và phép lạ Lộ-Đức.

Theo lệ thường những bệnh nhân đã được chữa khỏi phải dâng đồ cúng-tế. Người ta khắc vào bia đá để tường-thuật phép lạ trị bệnh, cũng giống như ngày nay ở Lộ-Đức những trường-hợp khỏi bệnh đều được ghi vào sổ sách cẩn-thận. Ở Epidaure người ta tìm thấy những tấm bảng đá trên có khắc những lời tường-thuật như sau :

« Một cậu trai nhỏ bị câm xin vào đền để cầu nói lại được. Sau khi đã dâng đồ cúng-tế và đã làm xong những nghi-thức kính-lễ, thầy tư-tế giữ việc coi sóc nhang đèn quay lại hỏi người cha : — Nếu cậu được như ý-nguyện, người có hứa sẽ trả đủ tiền chữa bệnh trong vòng năm nay không ?

Ngay khi đó chính cậu bé lên tiếng trả lời chấp thuận. Người cha kinh hãi bắt con nói lại. Cậu bé nhắc lại lời vừa nói, vì cậu đã khỏi bệnh ».

« Enippe từ năm lên sáu tuổi có một cái mũi lao nằm trong má. Trong giấc ngủ, thần lấy mũi lao ra và đặt vào lòng bàn tay Enippe. Sáng ra Enippe rời khỏi đền, lành-mạnh hẳn, trong tay còn cầm mũi lao ấy ».

« Hermodite ở thành Lamosakos toàn thân tê-liệt. Trong giấc ngủ, thần chữa bệnh và dặn phải mang vào đền phiến đá to nhất mà y trông thấy khi ra khỏi cửa đền. Hermodite mang phiến đá tới, và nay để ở ngay cửa vào đền. »

Trong sự chữa trị ở đền, người ta quan-tâm nhiều đến việc đoán mộng. Những người Hy-lạp lúc ban đầu đã thừa-hưởng từ dân Ba-tỷ-luân, vốn là những bậc thầy về khoa giải-đoán mộng-mị. Các thầy tư-tế gán cho giấc mơ một tầm quan-trọng như các môn-đệ của K. Jung ngày nay : những giấc mơ có thể soi sáng cái vô-thức và tiềm-thức của tâm-hồn. Những người hành-hương tới đền thờ Esculape phải kể lại cho các thầy tư-tế những giấc mơ để nhờ họ giải-đoán. Nói một cách khác thì cách chữa trị ở đền đã pha một chút phân-tâm-học và rất nhiều nghệ-thuật dẫn-dụ. Sự quan-tâm đến mộng mị tồn tại khá lâu ở Hy-lạp đến nỗi chính Aristote cũng phải nhắc nhở đến :

« Nhiều ông thầy thuốc, ngay cả những người đứng-đắn nhất cũng đoan chắc với chúng ta rằng cần phải sáng-suốt lưu-tâm đến mộng-mị, rằng quan-điểm của họ là hợp-lý, ngay cả đối với những triết-gia không hành nghề y sĩ.

(Aristote, Parva Naturalia, De divinatione per somnum).

Y-HỌC TIỀN-HIPPOCRATE HAY Y-HỌC THỜI HOMÈRE.

Trong lịch-sử nhân-loại có những bậc vĩ-nhân mà ảnh-hưởng đối với thời-đại lớn-lao đến nỗi danh-tánh của họ được dùng làm mốc cho thời-đại ấy để phân-biệt với thời-đại sau. Chẳng hạn người ta nói đến một thời-đại Périclès, một thời-đại Homère ; nếu phải nghiên-cứu vật-lý-học chúng ta sẽ chia lịch-sử thành hai kỷ-nguyên trước và sau Newton. Y-học Hy-lạp có thể chia thành hai thời-đại rõ

ràng : tiền và hậu Hippocrate. Trước hết ta hãy xét đến thời-đại tiền Hippocrate ; phần nhiều những điều ta biết được về thời-đại này do nơi thi-phẩm của Homère mà có.

Homère là nhà thi-sĩ của trận chiến-đấnh thành Troie, và trong thi-phẩm Iliade, ông đã để lại những kiến-thức y-học mà hầu hết liên-quan đến khoa giải-phẫu dã-chiến. Homère tường-thuật công-việc của các y-sĩ của quân-đội trong trận chiến đánh thành Troie, cũng tẻ nhạt như những bản phúc-trình y-khoa trong hai trận thế-chiến vừa rồi, nghĩa là quanh đi quẩn lại chỉ có từng ấy thương-tích bệnh-tật. Đọc mãi người ta cũng phải mệt-mỏi phát chán về những bản liệt-kê các thương-tích và những đoạn mô-tả, lặp lại có tới hàng trăm lần, những cố gắng của các nhà y-sĩ lo săn-sóc chữa trị ; đại-khái như « Agamemnon ra lệnh cho sứ-giả hỏa tốc đi triệu Machaôn, con của Esculape, nhà y-sĩ đáng kính, để săn-sóc vết thương cho Ménélas vừa bị trúng một mũi tên, trong vinh-dự và trong sự than-tiếc của toàn-thể đồng-đội... Người anh-hùng, lẫm liệt như một vị thần, tới nhổ mũi tên và trong lúc giải-phẫu, bẻ gẫy và uốn cong ngạnh tên lại... và khi ông thấy vết thương mà mũi tên đã đâm vào, nhà y-sĩ ghé miệng hút hết máu tươi rồi đắp thuốc dấu vào cho dịu cơn đau, đúng theo cách thức mà Chiron đã dậy cho phụ-thân ông ».

Với tất-cả sự tỉ-mỉ của nòi giống Nhật-nhĩ-man, D.H. Froelich đã lập một danh-sách những vết thương đã kể đến trong tập thơ Iliade của Homère. Tất cả có 147 vết thương, 106 trong số đó do lao phóng ; số tử thương là 80 phần trăm. Ai cũng đoán trước được là những vết thương do tên bắn nhẹ hơn nhiều. Số tử thương không phân biệt do lao phóng hay bị trúng tên là 67 phần trăm. Thương-tích chẳng có gì kỳ-lạ nhiều mà số người chết lại quá lớn, cho nên, mặc dù Homère là một bậc thi-bá kỳ tài, những bản tường-trình y-khoa trong trận chiến đánh thành Troie không thể không buồn-tẻ. Điều làm người ta ngạc-nhiên là Homère có những kiến thức sâu rộng về cơ-thể-học, và Froelich đã đưa ra một giả-thuyết là có thể tác-giả tập thơ Iliade — mà ngày nay hầu như người ta không biết gì về thân-thế — là một thủ-thuật-gia chiến-trận thuộc vào hạng cự-phách. Giả-thuyết ấy không quá đáng, bởi có người còn cho tác-giả thi-tập Iliade phải là một bậc nữ-lưu nữa kia !

Dân-chúng Hy-Lạp có một trình-độ văn-hóa khá cao và ít dị-đoan hơn người Ba-tỷ-luân, nhưng các nhà y-sĩ thời tiền Hippocrate lại tin-tưởng vào nghi-lễ và ma-thuật hơn là tính-cách hữu-hiệu của thuốc thang. Riêng về chuyện này thì phải nhận là họ có lý, bởi họ vẫn tin rằng bệnh-tật sinh ra là do ảnh hưởng ma-quỷ độc-địa, hay là hình-phạt của trời đất. Do đó người bệnh phải ăn năn sám-hối, cúng dâng đồ tế-lễ cho thần-linh nguôi giận ; còn thầy thuốc phải rành cách chạy chữa bằng những nghi-thức tẩy trần. Cũng nên ghi nhớ rằng vào thời ấy người thầy thuốc không có học-vấn cao xa gì mấy, mà chỉ hành nghề tầm-thường như những nhà thủ-công-nghệ. Không ai đòi hỏi họ chức-tước hay bằng-cấp. Mới vào nghề họ phải tập sự, thường thường là con lại tập sự nơi cha, cũng là thầy thuốc, thế là cha truyền con nối giữ lấy nghề-nghiệp cho gia-đình dòng họ. Sau thời-gian tập-sự, nhà y-sĩ trẻ tuổi bỏ đi xứ khác lập nghiệp, tùy-nghi lựa chọn. Khi mới đến thầy chữa miễn-phí cho dân-chúng trong tỉnh ; đến lúc nổi tiếng mát tay, thầy mới bắt đầu lấy thù-lao.

Tuy thuộc vào thành phần thủ-công-nghiệp và không có học-thức nhiều, giới y-sĩ cũng được kính-trọng lắm. Nếu triết-gia Platon đòi trục-xuất hết y-sĩ ra khỏi Cộng-Hòa của ông, thì ông lại chấp-nhận họ trong Yến-Hội, với một tinh-thần đẳng-phái rất chật hẹp ! Không những dân-chúng kính-trọng y-sĩ của họ mà còn tranh-dành những ông thầy tài giỏi. Có khi tỉnh này trả cho tỉnh khác một số tiền để đưa ông thầy về địa-phương mình hành nghề, cũng như ngày nay tỉnh này mua của tỉnh kia một cầu-thủ hay vậy. Nếu người y-sĩ phục-vụ đắc-lực dân-chúng trong tỉnh, người ta sẽ suy-tôn khen thưởng, cũng như ngày nay dân-chúng chiêm-ngưỡng một cầu-thủ hay một ngôi sao màn bạc. Chẳng hạn dân-chúng ở Brykounti đặt điều-luật rằng vì công-lao phục-vụ, Ménocrite được trao tặng một cái miện bằng vàng, và từ nay mỗi dịp hội-hè lại được một chỗ ngồi danh dự. Hơn nữa, điều-luật này còn được tuyên đọc trước công-chúng mỗi kỳ đại-hội Thể-thao và được khắc vào trụ đền Poséidon. Người bệnh bất kỳ nặng nhẹ ai cũng có quyền ghi khắc vào bảng đá tài năng của người thầy thuốc đã chữa mình khỏi bệnh để lưu-truyền cho hậu-thế. Đây là một trong những bảng đá ấy, lâu từ thế-kỷ thứ I trước Công-nguyên :

« Nếu người trần tục dù trí-khôn để nhận ra một bậc đáng trọng-vọng, thì bậc ấy chính là người, Argéon, người có kiến-thức kỳ-diệu. Người đã tra cứu sách vở, học hỏi kinh-nghiệm tiền-nhân, lấy rượu nho ngọt mà chữa khỏi bệnh phong-thấp. Người sáng hơn muôn ngàn vì sao trong vũ-trụ ».

Nhà thơ Hygnéon cho rằng dân thành Athènes coi trọng nghề y-sĩ lắm nên cấm đàn-bà và nô-lệ không được hành nghề ấy. Có lẽ do lệnh cấm ấy, nhiều vị phu-nhân ở thành Athènes đã từ trần vì không có cách trị-liệu những chứng bệnh thuộc phụ-khoa, và các bà cũng không muốn để người khác phái khám xét bệnh-tật. Một giai-thoại khác kể rằng có một bà tên gọi Agnodicée, rất chi là đảm-đương, đầy phẫn-nộ trước sự bất-công ấy, cải-dạng nam nhi, cố

học sản-khoa xem có gì bí-mật. Về sau bị đồng-nghiệp tố-cáo là không đứng-đắn với các nữ thân-chủ, bà ta bèn trút bỏ lốt nam-nhi cho mọi người biết mình là đàn-bà : thế là không những tội được tha mà cả cái điều luật cấm-đoán vô-lý không cho đàn-bà hành nghề y-sĩ kia cũng được bãi bỏ luôn. Câu chuyện này, tuy vậy, chắc chỉ là bịa đặt, và có thể đã được thêu-dệt ra để nới rộng thêm một chút tự-do cho nữ-giới ở thành Athènes.

NHỮNG Y-SĨ TRIẾT-GIA CỔ HY-LẠP

Khoảng giữa hai thời-đại tiền và hậu-Hippocrate có nhiều triết-gia lưu-tâm nghiên-cứu y-học và sau lại hành nghề y-sĩ nữa. Đại khái có thể kể mấy tên chính là Pythagore, Alcméon và Empédoce. Người ta không biết gì nhiều về thân-thế Pythagore (580—498 trước Công-nguyên). Pythagore sinh ở đảo Salmos sống nhiều năm ở Crotone thuộc miền Nam Ý-Đại-lợi Hồi thiếu-thời ông du-lịch nhiều nơi. Chủ-thuyết triết-lý mà ông giảng-dạy có lẽ bắt nguồn từ Ấn-độ. Pythagore khảo cứu về lý-thuyết cơ-bản các số, cho nên ông được suy-tôn là Tổ-sư của Số-học. Ông mở trường dậy học, sáng lập một môn-phái nhưng giảng dậy bằng cách truyền khẩu nên ngày nay không còn bút-tích và vì thế người ta không biết nhiều chi-tiết về ngôi trường đó. Chỉ có điều chắc-chắn là tư-tưởng của ông ảnh-hưởng rất lớn đến y-học thời ấy.

Nhờ có người môn-đệ nhiệt thành của Pythagore là Alcméon ở thành Crotone (năm 500 trước Công-nguyên) mà nay ta còn biết ít nhiều về y-học của phái ấy.

Tuy nhiên khó mà biện-biệt được những điều Pythagore truyền lại cho môn-đồ với những điều chính Alcméon sau này khám-phá ra được. Chắc chắn là Alcméon đã giải-phẫu thi-thể nhiều loài động-vật; ông phân-biệt động-mạch với tĩnh-mạch nhưng ông cũng nhầm như mọi người thời đó khi cho rằng trong động-mạch có đầy không-khí. Ông đã quan-niệm não-bộ như là trung-khu của tri-giác, và mô-tả sức khỏe như là một hòa-điệu và bệnh-tật như là một nhiễu-loạn.

Empédode (504 - 443 trước Công-nguyên) cũng thuộc môn phái Pythagore. Có lẽ Empédoce đã trừ được một bệnh dịch ở tỉnh ông bằng cách tát cạn hồ ao và xông thuốc trong nhà. Chính ông đã đề ra lý-thuyết tứ-dịch về cơ-thể con người. Tuy nhiên có nhiều chuyện hoang-đường về ông quá nên khó phân biệt chuyện thật đã xảy ra với những điều tưởng-tượng. Người ta còn cho rằng Empédoce đã làm nhiều phép lạ, và cuối cùng gieo mình vào miệng núi lửa Etna tự-tử, hy-vọng sẽ được phong thần.

THỜI-ĐẠI HOÀNG-KIM CỦA HY-LẠP

Chưa bao giờ, trong lịch-sử nhân-loại, lại có quá nhiều nhân-tài xuất-hiện trong khoảng một thời-gian ngắn, ở một nơi bé nhỏ, như là ở Hy-Lạp vào thế-kỷ thứ V trước Công-nguyên. Thời-đại hoàng-kim của Hy-lạp là thời-đại của Périclès, nhà chính-khách vĩ-đại mà tên tuổi đã đánh dấu thời-kỳ huy-hoàng nhất của Hy-Lạp. Đó còn là thời-đại của Sophocle, Euripide, Aristophane, Socrate, Platon, Hérodote, Thucydide và Hippocrate. Mặc dầu Hippocrate là Tôn-sư của Y-học, ngày nay người ta biết rất ít về thân-thế của ông.

Sinh-trưởng trong một gia-đình y-sĩ, ông cũng tập sự và nối nghiệp phụ thân theo như lệ thường thời đó. Sau đó ông học y-nghệ ở Athènes và du-lịch nhiều tỉnh như Thrace, Thessalie và Macédoine để mở rộng kiến-thức, — cũng lại đúng như lệ thường thời đó. Hội-viên nghiệp-đoàn y-sỹ ở Asclépiade, ông đã một hồi giúp việc trong một đền thờ Esculape ; ngày nay phế-tích đền ấy vẫn còn trên một ngọn đồi rất đẹp ở đảo Cos. Nhiều nhà khảo-cứu không tin chuyện này, vì sau khi Hippocrate chết, tục thờ-kính Esculape mới lan-tràn đến đảo Cos. Thực ra, khó tin được là Hippocrate đã làm việc trong đền thờ Esculape, vì quan-niệm y-học của ông được đặt dưới những góc-cạnh khác hẳn với quan-niệm của những thầy tư-tế. Một nguyên-tắc căn-bản trong sự giảng dậy của ông là y-học phải tách rời khỏi thần-học và triết-học.

Điều không còn ai nghi-ngờ là Hippocrate đã sinh sống và hành nghề nhiều năm ở đảo Cos. Ngày nay người ta chỉ cho du-khách xem một cây dương ngô đồng, cành lá xum-xuê, và nói rằng khi xưa ông Tổ Y-học đã giảng dậy môn-sinh dưới bóng cây đó. Thực ra giống cây này khó sống lâu được đến 2.500 năm, nhưng người ta thích diễn-tả lại quang cảnh Hippocrate giảng dậy bệnh-lý ở ngoài trời, dưới bóng cây mát — cây dương ngô đồng nay còn thấy chắc là cây cháu cây chắt của cây dương ngô đồng xưa. Dù không biết nhiều về thân-thế vị Y-tổ, người ta vẫn thừa hưởng toàn bộ tác-phẩm của ông, và đó mới là điều quan-trọng. Pho sách ấy gồm hơn trăm quyển, của nhiều tác-giả biên-soạn, để nhiều ngày tháng khác nhau. Những ý-kiến nêu ra có khi mâu thuẫn, nhưng đều suy-diễn từ quan-niệm mới mẻ mà Hippocrate đã mang lại cho y-học. Trong những tác-phẩm này, ta gặp những quan-điểm khác hẳn sách vở Cổ-nhân. Khi xưa thầy phù thủy chữa trị dò-dẫm loanh-quanh, thầy tư-tế lẩn-lộn lẽ trời lẽ đất ; nay là một sự hiểu-biết, không bịp-bợm mà cũng không sợ-hãi vu-vơ. Người ta không còn tìm thấy những đoạn tả nghi-thức tế-lễ hay những lời khấn vái cầu nguyện, mà chỉ thấy sự thiết-yếu phải giữ vững một trình-độ cao về đạo-đức chức-nghiệp, phải thật chính-xác trong việc quan-sát và mô-tả triệu-chứng bệnh-tật. Đó là một điều quan-trọng trong y-học, bởi Hippocrate quả-quyết rằng bệnh-tật do các nguyên-nhân tự-nhiên chứ không phải siêu-nhiên. Như thế Hippocrate đã chấm

dứt thời ngự-trị của phù-thủy và ma-thuật; bây giờ là thời của y-sĩ thực-hành. Hippocrate thành-công không những trong việc hướng-dẫn y-học vào một con đường mới, mà còn cả trong việc thiết-lập những nguyên-tắc căn-bản y-học vẫn thiếu từ xưa. Vì thế phân-biệt hai thời-kỳ tiền và hậu Hippocrate trong lịch-sử y-học Hy-lạp là một điều hợp lý.

Thật là đáng tiếc khi ta biết rất ít chi-tiết về thân-thế của Hippocrate, người đã giải-phóng y-học khỏi dị-đoan và biến thành một nghệ-thuật căn-cứ trên kinh-nghiệm — phải lần mò, qua nhiều lầm-lẫn mới học và biết nghề được. Ta chỉ biết chắc là Hippocrate, cũng như những triết-gia thời ấy, đi du-lịch nhiều, và đã hành nghề ở Athènes và ở đảo Cos. Theo bút tích của chính Hippocrate, ta có thể kết luận rằng ông tin-tưởng nhiều ở những cách bồi-bổ sức-khỏe toàn-diện hơn là những thuốc tán, thuốc hoàn. Ông hay dùng thuốc cao, đôi khi trích huyết nhưng không để máu chảy nhiều, và đặc-biệt chú-ý đến sự kiêng khem. Cần-thiết lắm ông mới cho người bệnh uống thuốc tẩy hay thuốc lợi tiểu, và bao giờ cũng dùng cách quãng. Như các y-sĩ ngày nay thường khuyên tắm suối, Hippocrate khuyên thân-chủ của ông tắm để chữa bệnh. Khi bệnh-nhân đã tạm bình-phục ông khuyên họ đi « đổi gió ». Ông có nhiều ý-kiến thích-đáng về tiết-thực : ông tính phân-lượng thực-phẩm tùy theo công-việc phải làm của người bệnh, vì ông biết có thể con người như một động cơ cần đủ số nhiên-liệu. Ông viết : « công-việc làm tương-ứng với sự đốt cháy bên trong cơ-thể, còn như đồ ăn thức uống là để điền vào chỗ mất ». Không giống các môn phái khác chỉ suy-luận và phát biểu lý-thuyết suông, Hippocrate và môn-phái của ông có làm thí-nghiệm hẳn-hòi về bệnh-lý-học. Có một phương-pháp gần giống như « bữa ăn thử » ngày nay : Người ta cho người bệnh ăn nhiều thứ khác nhau, rồi tìm cách làm người bệnh nôn ra để theo dõi sự tiến-triển của việc tiêu-hóa.

Những thí-nghiệm này xem ra có vẻ tiến-bộ lắm, nhưng những khái-niệm về cơ-thể-học của môn-phái Hippocrate thiếu sót rất nhiều. Các môn-sinh biết rằng huyết-quản thông với tim nhưng họ không phân-biệt động-mạch với tĩnh-mạch. Lạ hơn nữa là họ lầm lẫn dây thần-kinh với dây gân và dây chằng, và cho là thuộc về hệ cơ tất cả. Thật ngạc-nhiên khi thấy người Hy-lạp ít chú-ý đến hệ cơ vì ngay hồi văn-minh Minoen, liền ngay trước văn-minh Hy-lạp, người ta đã nặn tượng có nổi hình những bắp thịt rõ-ràng; ngay cả những cơ nhỏ ở cánh tay trước và những tĩnh-mạch nổi cũng trình bày rất chính-xác.

Trong sưu-tập sách-vở của Hippocrate, phản-ảnh được tinh-thần của môn phái và gia-tăng giá-trị cao-quý của những chủ-đích, duy có lời tuyên-thệ mà người sinh-viên phải đọc khi mới bước chân vào học tập-sự. Mặc dù đã quá nhiều người biết và thường được nhắc lại nhiều lần, nhưng đã nói đến Hippocrate và phải nói đến lời thề ấy :

« Trước Apollon thần Chữa-bệnh, trước Esculape, trước Hygie và Panacée, trước các đấng thần-thánh, tất cả chứng-giám cho tôi, tôi thề đem hết sức-lực và khả-năng để làm trọn lời hứa, và lời nguyện sau đây :

Tôi sẽ tôn-kính các vị sư-phụ như là tôn-kính các đấng sinh-thành, tôi sẽ chia sẻ những sở-hữu của tôi và nếu cần trợ-giúp các người ; tôi sẽ đối-xử với con cái của các người như anh em, nếu họ muốn học nghề y-khoa tôi sẽ dạy cho họ không tồn phí, không giấu-diếm. Tôi sẽ góp phần giáo-huấn con cái của tôi, của các vị sư-phụ của các bạn đồng-môn khi họ đã tuyên thệ đúng với y-pháp.

Tôi sẽ hướng-dẫn sự tiết-thực của bệnh nhân sao cho có lợi cho sức khỏe của họ, theo khả-năng và óc suy-xét của tôi ; và tôi sẽ tránh mọi điều xấu-xa hay bất-công.

Tôi không đưa cho ai độc-dược, dù họ có nài-nỉ chăng nữa, và cũng không xúi-giục ai làm như vậy ; tôi sẽ không đưa cho một phụ-nhân nào những thuốc làm tuy thai.

Tôi sẽ hành-nghề suốt đời trong-sạch và không tội-lỗi.

Tôi sẽ không bao giờ giải-phẫu bàng-quang lấy sạn, tôi sẽ để cho những người chuyên-môn làm việc đó.

Vào nhà ai tôi cũng chỉ lo cho sự lợi-ích của người bệnh, tôi sẽ tự ngăn giữ không cố ý làm điều gì xấu-xa phương-hại đến phong-tục, nhất là quyến-rũ đàn bà trẻ con, người thường hay kẻ nô-lệ cũng vậy.

Những điều tai nghe mắt thấy, trong lúc cũng như ngoài khi hành nghề, nếu không cần được phổ-biến, tôi sẽ giữ kín không nói ; trong trường-hợp ấy tôi sẽ coi sự kín đáo như là một bổn-phận.

Nếu tôi không giả-dối, giữ trọn được lời thề này, tôi sẽ được sung-sướng với nghề nghiệp của tôi và được mọi người kính-trọng ; nếu tôi lỗi thề hay vi-phạm, tôi sẽ chịu một số-phận ngược lại. »

(còn tiếp)

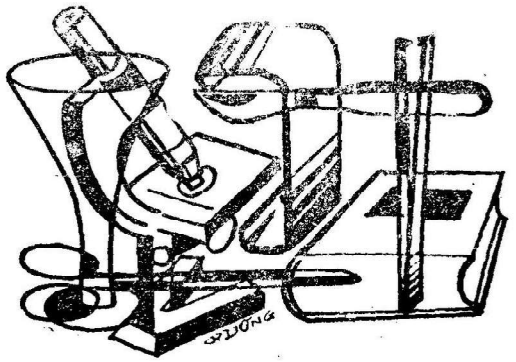

SINH HOẠT Y KHOA

DẠ HỘI TẤT NIÊN

Dạ hội tất niên y kkoa tổ chức ngày 23 tháng Chạp. Số người tham dự rất đông đảo. Phần trình diễn văn nghệ hoàn toàn do anh em sinh viên đảm nhận. Lần đầu tiên trình diễn sân khấu anh em sinh viên đã hết sức cố gắng. Bầu không khí dạ hội vui tươi; đêm văn nghệ tất niên có thể coi là một thành công.

THỂ THAO Y-KHOA

Đội bóng tròn y khoa xuất quân vào thượng tuần tháng Giêng đã thắng đội bóng tròn Dược khoa với tỉ số 2 — 0 Có lẽ nhiều cầu thủ của Y-khoa sẽ được tuyển lựa để đi Huế trong một trận đấu giao hữu giữa sinh viên Huế và Saigon.

CÂY MÙA XUÂN CHO CÁC TRẺ EM Ở BỆNH-VIỆN

Trong lúc mọi người chờ đợi xuân về, dự dạ-hội tất niên và tìm đọc giai phẩm sinh viên, nhiều em nhi đồng nằm trong bệnh viện chờ đợi một một món quà mừng tuổi. Ban Xã-hội trường Y-khoa đã tổ chức một Cây Mùa Xuân, với sự đóng góp của toàn thể anh chị em và sự trợ giúp của các Giáo sư,để an ủi những em ít may mắn đó. Cây Mùa Xuân cho trẻ em Bệnh viện cũng là một thành công của Sinh-viên Y-Khoa.

CHIẾN DỊCH TRỪ TẢ

Sinh-viên y-khoa tham-dự rất đông đảo chiến dịch tiêm ngừa bệnh dịch tả cho toàn thể dân chúng Đô thành Saigon. Tinh thần rất hăng hái, bầu không khí hoạt động vui tươi. Anh Nguyễn văn Tích đã ghi lại được nhiều nét dí-dỏm và cảm-động trong những buổi công tác ấy và đã gửi về cho tòa-soạn. Vì tiếc bài gửi đến chậm nên chúng tôi không thể đăng tải bài báo đó. Một mặt khác, khi bệnh dịch trở nên trầm-trọng, anh em sinh viên y-khoa năm V và VI đã chia phiên để thường trực tại bệnh viện Chợ Quán. Tinh thần phục vụ của tất cả anh em đã được Bộ Y-Tế tán thưởng và khen ngợi, và đồng thời cũng cám ơn về những thành quả đã thực hiện được.

TIN TỨC HỌC TẬP

Một kỳ thi tuyển nội trú được mở vào tháng 3-1964 cho Sinh viên năm thứ V và VI cùng với một kỳ thi bệnh lý cho các sinh viên đã học hết chương trình 6 năm học tập.

Hai khoa đệ trình luận án được mở vào ngày 6-1-1964 và 3-2-1964. Như vậy là có thêm 14 vị Bác-sĩ nữa.

Những kỳ thi cuối niên học 63-64 sẽ được tổ chức vào tháng 5-1964.

DƯƠNG HỒNG HUY

SINH VIÊN và ĐẠI HỌC

CÁC GIAI PHẨM MÙA XUÂN CỦA SINH VIÊN

Phong-trào Sinh Viên làm báo đã lan rộng sau ngày Cách mạng thành công. Một số phân khoa đã cho ra những giai phẩm Mùa Xuân của trường mình như Vỡ Đất của Luật Khoa, Nhận thức của Sinh viên Huế, Dược khoa của trường Dược, Văn khoa của Đại học Văn khoa, Khoa học của Đại học Khoa học, Tình thương số 2 của Y khoa v.v... Các giai phẩm này đã đem đến cho độc giả Sinh viên và người ngoài một sự ngạc nhiên lớn về cách trình bày hình thức cũng như nội dung. Sinh viên đã nói lên được sự có mặt của họ trong giờ phút này của Đất Nước.

SINH VIÊN VÀ THỂ-DỤC THỂ-THAO

Ngoài báo chí, văn nghệ (Dạ hội tất niên) và học tập, Sinh viên còn phải đào luyện thân thể. Phong trào thể thao Sinh viên dường như không hoạt động mặc dầu đầu tháng này một Đại hội Thể thao Sinh viên toàn quốc được khai mạc ở Huế, nhưng đó chỉ là một việc làm có tính cách phô trương. Muốn thể-thao Sinh viên sống mạnh phải có một cơ sở hẳn hòi: nào một sân vận động, một hồ tắm, một phòng tập nhu đạo, một phòng tập thể dục và dụng cụ, đó là chưa kể những huấn luyện viên.

SINH VIÊN VÀ CHÍNH QUYỀN

Trong cuộc biểu tình tuần hành sáng ngày 4-2-64, Sinh viên đã yêu cầu chính quyền cách mạng đem việc bình định Nông thôn lên hàng quốc sách và tỏ bày lòng mong muốn của sinh viên được tham gia một cách tích cực vào guồng máy cách mạng nhất là ở Nông thôn. Để chứng minh việc đòi hỏi đó, những đoàn Sinh viên thiện chí đã về công tác ở Phước-Tuy, Biên-Hòa và các miền phụ cận khác trong những ngày nghỉ cuối tuần.

ĐẠI HỘI SINH VIÊN SAIGON GIẢI TÁN

Vì không thực hiện được sự đại đoàn kết Sinh viên, nên tối ngày 31-1-64, Đại hội đại diện Sinh viên Saigon đã tự động giải tán. Trong một thông cáo trao cho báo chí, Sinh viên kiến trúc Nguyễn-hữu-Thái nhân danh chủ tịch Đại hội vừa giải tán, có nói việc làm trên đã chứng thực được lòng mong muốn của đại hội trông thấy một sự đại đoàn kết mạnh mẽ của Sinh viên. Trong thời gian chuyển tiếp cho đến ngày lập Tổng hội, một tổ chức được gọi Hội đồng Chủ tịch Sinh viên Saigon sẽ quản trị các vấn đề thuộc Sinh viên. Việc thành lập tổng hội sẽ được xúc tiến vào tháng 3.

SINH VIÊN HUẾ

Một phái đoàn 20 Sinh viên Huế đã vào Saigon sáng ngày 10-2-64 để thăm viếng thủ đô trong hai ngày. Các Sinh viên Huế đã lần lượt đi thăm Đại hội Sinh viên Saigon và ông Tổng Trưởng giáo dục. Trước khi trở lại cố đô, Sinh viên Huế đã được Thủ-Tướng Chánh phủ tiếp chuyện. Cũng xin nhắc là sĩ số Sinh viên Huế trong niên khóa 63-64 là 3 165 Sinh viên (2588 nam và 577 nữ). Họ cũng vừa được cấp 100 học bổng Đại-học.

SINH VIÊN THẾ-GIỚI

— Sau cuộc chính biến, trong chính phủ của ông Léon M'Ba xứ Gabon có hai ghế Tổng Trưởng dành cho Sinh viên.

— Các Đại học đường Jackson và Campbell của tiểu bang Mississippi lại chứng kiến cảnh máu đổ vì màu da và Đại-học. Có 3 sinh viên da đen bị thương. Trong khi đó sinh viên da đen Harold Franklin lại thong thả bước vào lớp học của Đại Học Auburn ở Alabama. Hoan hô Alabama đã giác ngộ.

— Nghị hội sinh viên Quốc Tế đã họp tại Kuala Lampur từ 3-2 đến 24-4-64. Phái đoàn sinh viên Việt-Nam đã được mời dự với tính-cách quan sát viên và đã do 3 sinh viên đại diện, đó là các anh Đường Thiện Đồng (Y-khoa) Lê hữu Bội (QGHC) và Vĩnh Kha (Sinh viên Huế).

TUẦN BÁO SINH VIÊN

Tuần báo Sinh viên, cơ quan ngôn luận chính thức của Sinh viên Saigon đã ra số đầu vào ngày 6-3-64. Nguyệt San Tình thương xin chân thành giới thiệu với Sinh viên và hân hoan chúc mừng đồng nghiệp. Giá bán 3đ.

BẦU CỬ TỔNG HỘI

Trước lúc lên khuôn trang chót, Tình Thương nhận được tin là ngày bầu cử Tổng hội được ấn định vào 12-3-64. Có tất cả ba liên danh ra ứng cử.

Liên danh I: Đường thiện Đồng (Y khoa) làm chủ tịch.

Liên danh II: Lê hữu Bội (QGHC) làm chủ tịch.

Liên danh III: Tô lai Chánh (Luật khoa) làm chủ tịch.

Không khí vận động rất buồn tẻ. Đó là một việc đáng buồn nhất là trong lúc này. Ba Sinh viên trên đều là những bộ mặt rất quen thuộc trong giới Sinh viên, nhưng họ không phải là những lãnh tụ Sinh viên tài giỏi, điều mà đồng bào mong muốn, do đó Sự Đại đoàn kết Sinh viên phải đặt ra một lần nữa.

PHẠM-ĐÌNH-VY

Hộp thư

— **G.S Phạm biểu Tâm, Ngô gia Hy, Trần ngọc Ninh, B.S. Hoàng văn Đức, Hoàng nhất Phương Trần văn Bảng** : Đa tạ tấm thịnh-tình ưu-ái quí vị đã dành cho TÌNH THƯƠNG.

— **Cô Trâm (trong nhóm nữ sinh T.K.N.H)** đã nhận được thơ và đã chuyển giao đến « Cây mùa xuân chiến sĩ ». Ước mong nhận được sáng tác văn nghệ cho mục « bàn tay nắm lấy bàn tay »

— **Bạn Y Dịch** : Mong sáng tác. Cứ gửi đến tòa soạn. Thân.

— **Bạn Nguyễn văn Tích** : Đã nhận được bài. Đọc sinh hoạt y khoa nhé. Thông cảm.

— **Bạn Thụy Cầm** : Đã nhận được bài. Cám ơn.

— **Bạn Bồ Giang** : Đã nhận được bài. Mong bạn gửi cho những sáng tác mới chưa đăng. Đa tạ. Mong tin.

— **Bạn Dư Quang** : Đã nhận được bài

— **Bạn Minh Lương** : « Bức tâm thư » đã về, những hơi trễ. Đón đọc trong những số tới.

— **Bạn Yên Thảo** : « Thầm Lặng » đợi nhé.

— **Cô Lê Mai-Hương (Gia Long)** : Thành thật cám ơn về những cảm tình cô đã dành cho Tình-Thương

— **Các độc giả dài hạn** : Vì lý do kỹ thuật ngoài ý muốn của tòa soạn báo đã đến tay quý vị hơi trễ hoặc bị thất lạc. Xin quý vị niệm tình tha thứ. Quý vị nào chưa nhận được số 2, xin cho tòa soạn biết ngay, chúng tôi sẽ gửi tới. Cảm tạ.

— **Bạn Lê Minh Nguyệt** : (Cư xá Trần Quốc Toản) Đa tạ. Xin bạn cứ gửi 120đ. 1 năm báo (kể từ số 1) đến cho anh quản lý tại báo quán 28 Trần Quý Cáp.

— **Bạn Maurice P.Đ. Chí** : Đã nhận được 3 bài thơ của bạn. Đang xem. Thành thật đa tạ. Chúc sáng tác dồi dào.

— **Bạn Phượng Chi** (Dược khoa) Đã nhận 4 bài thơ của bạn. Xin đa tạ bạn. Chúc bạn thành công cuối năm.



CATINAT HOTEL

Home away from home atmosphere.
Located right in the shopping centre
New improvement : CAT Cafeteria

SWIMMING POOL

Bar - Restaurant - Cafeteria
120 air-conditioned rooms, all with bath and private télephone

UNIQUE IN SAIGON WITH A BUILT-IN SWIMMING-POOL !

Ideally located in the business center of Saigon downtown, next door to the Saigon Chamber of Commerce, CATINAT HOTEL offers you a wide choice of accommodations, single or double rooms and De Luxe suites, all spacious and air-conditioned with private bath and telephone. From the flowery terraces on the 10th and 11th floors you can enjoy a picturesque view of the surroundings.

CÔNG-TY BẢO-HIỂM
TÁI BẢO-HIỂM VIỆT-NAM

SOCIÉTÉ VIETNAMIENNE
D'ASSURANCES ET DE REASSURANCES

- VAR -

Công-Ty Hỗn-Hợp thành lập giữa
VIỆT-NAM THƯƠNG-TÍN
và các
Hãng BẢO-HIỂM QUỐC-TẾ

Bảo-hiểm và tái bảo-hiểm mọi rủi-ro :

— HỎA-HOẠN
— TAI-NẠN
— XE HƠI
— CHUYÊN-CHỞ
— TRÁCH-NHIỆM DÂN-SỰ
— THÂN GHE, TÀU
— TRỘM CẮP v.v...

Bảo-phí hạ — Bồi thường nhanh-chóng

QUANG VIỄN LUNA

81 NGUYỄN-HUỆ SAIGON

✳

☆ PHÒNG THỬ MẮT TỐI TÂN
☆ CÁC LOẠI KÍNH DANH-TIẾNG CỦA ÂU MỸ

— Việc làm chu-đáo
— Bảo đảm hợp nhãn
— Giá rất phải chăng

DO MỘT NHÓM CHUYÊN-VIÊN TRÔNG COI

— OPTICIEN DIPLOMÉ D'ETAT
— OPTOMÉTRISTE DIPLOMÉ d'E.S.O et d'I.C.O A PARIS

GIÁ ĐẶC-BIỆT VỚI ANH EM SINH-VIÊN HỌC-SINH